

Viện Đại-Học Saigon
TRƯỜNG ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA

PHẬT-GIÁO và CHÁNH-TRỊ
tại
VIỆT-NAM NGÀY NAY

QUYỂN I

Luận-Án Tiến-Sĩ Luật-Khoa
(Ban Công-Pháp)

do

HOÀNG - XUÂN - HÀO

Đệ-Trình tại Trường Đại-Học Luật-Khoa Saigon

1972

TRƯỜNG ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA SÀI-GÒN

*không tán thành, cũng không phản đối
những ý-kiến trong Luận-án này. Những
ý-kiến đó do tác-giả hoàn-toàn chịu
trách-nhiệm.*

3 A П 9 J Á M - K H Á O

CHÁNH CHỦ KHẢO

G. S. Vũ-quốc-Thông, Thạc Sĩ Công Pháp đại tuyển

Giáo-sư thực-thụ trường Đại-Học Luật-Khoa Sài Gòn,
nguyên Viện-Trưởng Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh,
Bộ Trưởng Bộ Xã Hội (1955-56), Đền Bào Quốc Hội Lập Hiến (1956)

PHỤ KHẢO :

G. S. Tôn Thất Thiện,
Tiến Sĩ Chính Trị Học,
G. S. Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn

G. S. Tạ Văn Tài
Tiến Sĩ Chính Trị Học,
G. S. Học Viện Quốc Gia Hành Chánh,
G. S. Đại Học Vạn Hạnh

THÀNH KÍNH TRI ÂN

Giáo-sư VŨ-QUỐC-THÔNG

Giáo-sư thực-thụ Trường Đại-Học Luật-Khoa Sài Gòn
nguyên Viện-Trưởng Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh,
Bộ Trưởng Bộ Xúc Hội, Dân biểu Quốc Hội lập Hiến,

Người đã vui lòng bảo-trợ luận-án
trong một hoàn-cảnh đặc biệt và đã tận tình
hướng-dẫn, giúp-đỡ tôi trong việc thực-hiện
công cuộc khảo cứu này.

KÍNH DÂNG HƯƠNG HỒN

Giáo-sư NGUYỄN-VĂN-BÔNG,
Thạc Sĩ Công Pháp,

Người đã bảo-trợ Luận-án, hướng-dẫn, tích-cực
khuyến-khích tôi hoàn thành công việc khảo-cứu
này, và đã mở đường cho tôi vào ngành giảng-
huấn, nhưng đã vĩnh-viễn ra đi trước khi Luận-
án được đề xuất.

THÀNH KÍNH TRI ÂN

- * Giáo-sư Khoa-Trường
- * quý vị Giáo-sư
Trường Đại-Học Luật-Khoa Sài Gòn,
- * quý vị Giáo-sư
Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh,

đã khuyến-khích và đưu dắt tôi trên đường học-vấn.

CHÂN THÀNH CẢM ƠN

- * Quý vị lãnh-đạo các đoàn-thể tôn-giáo, chánh-trị, nghề-nghiệp,
- * Quý vị ở trong hay ngoài chánh quyền-có liên-hệ tới vấn-đề Phật-Giáo,

đã dành cho tôi những cuộc tham-khảo ý-kiến vô cùng bổ ích.

- * Quý ân nhân

đã giúp đỡ tôi theo đuổi được việc học trong những giai-đoạn khó khăn.

- * Quý thân hữu

đã cung-cấp các phương-tiện vật-chất để ấn loát luận-án này.

- * Quý thân hữu

đã khuyến-kích, giúp đỡ tôi hoàn-thành luận-án này.

Kính dâng

S O N G T H Â N

Riêng tặng

NHỮNG NGƯỜI THÂN YÊU

MỤC - LỤC

D Ẫ N N H Ậ P

I - Đặt vấn-đề "Phật-Giáo và Chánh-trị" trong khung-cảnh "Tương-quan giữa Tôn-Giáo và Chánh-Trị"	1
II - Lược-sử tương-quan giữa Phật-Giáo và Chánh-Trị tại Việt-Nam	3
III - Giới-thiệu đề-tài Luận án và đặt ra các vấn-đề mà Luận án phải giải-quyết	7
IV - Phương-pháp nghiên-cứu	10
V - Giới-thiệu bố-cục Luận-án	12

Phần thứ Nhất

NHỮNG THÀNH TỐ CỦA THỂ LỰC PHẬT-GIÁO

A - Khái-niệm đại cương về đoàn-thể áp lực	14
B - Tính-cách chính-dáng của việc hội-nhập Giáo-Hội vào loại các đoàn-thể áp lực	15

Thiên I

UY-TÍN XÃ-HỘI CỦA PHẬT-GIÁO

<u>CHƯƠNG I</u> - THỜI-CƠ CỦA PHẬT-GIÁO	18
TIẾT I. Hoàn-cảnh chánh-trị	19
Đoạn I - Hoàn-cảnh chánh-trị quốc nội	19
Đoạn II - Hoàn-cảnh chánh-trị quốc tế	24
TIẾT II. Hoàn-cảnh tôn-giáo	42
Đoạn I - Hoàn-cảnh Phật-Giáo Việt-Nam dưới thời Đệ Nhất Cộng-Hòa	43
Đoạn II - Ảnh-hưởng của phong-trào Phục-hưng Phật- Giáo tại Á-Châu đối với Phật-Giáo V.N.	63

II

CHƯƠNG II - GIÁ-TRỊ TINH-THẦN CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM 78

TIẾT I. Những giá-trị cổ-truyền 78

Đoạn I - Vai-trò Phật-Giáo trong giòng lịch-sử VN..... 79

Đoạn II - Dân-tộc-tính của Phật-Giáo Việt-Nam 81

Đoạn III - Tinh-thần khoan dung của Phật-Giáo V.N..... 86

TIẾT II. Những giá-trị phục-hưng của
Phật-Giáo Việt-Nam 90

Đoạn I - Diễn-trình phục-hưng của Phật-Giáo V.N. ... 91

Đoạn II - Nhận xét về ảnh-hưởng chánh-trị của
phong-trào Phục-hưng Phật-Giáo Việt-Nam. ... 96

KẾT-LUẬN THIÊN I 98

Thiên II

CƠ-CẤU NỘI BỘ

CỦA GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT

CHƯƠNG I - SỨ-MẠNG CỦA GIÁO-HỘI P.G.V.N.T.N. 100

TIẾT I. Sứ-mạng tôn-giáo 101

Đoạn I - Sứ-mạng cấp-bách 101

Đoạn II - Sứ-mạng trường-cửu 104

TIẾT II. Sứ-mạng chánh-trị 114

Đoạn I - Bảo-vệ Dân-tộc và Đạo-Pháp 115

Đoạn II - Đóng vai-trò lực-lượng thứ ba để kiến-
tạo Hòa-bình Dân-tộc 121

CHƯƠNG II - TỔ-CHỨC VÀ ĐIỀU-HÀNH G.H.P.G.V.N.T.N. 143

TIẾT I. Tổ-chức và điều-hành G.H.P.G.V.N.T.N. 143

Đoạn I - Tình-trạng và tổ-chức của Phật-Giáo
Việt-Nam trước ngày thành-lập Giáo-Hội
P.G.V.N.T.N. 143

Đoạn II - Tổ-chức và điều-hành G.H.P.G.V.N.T.N. 146

TIẾT II. Nhận-xét về tổ-chức và điều-hành
Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. 160

Đoạn I - Nhận xét về Hiến-Chương thứ nhất 161

Đoạn II - Nhận xét về hai Hiến-Chương sau 165

CHƯƠNG III - VẤN-ĐỀ NHÂN-SỰ VÀ TÀI-NGUYÊN VẬT-CHẤT
CỦA G.H.P.G.V.N.T.N. 168

III

TIẾT I. Tăng-sĩ Phật-Giáo	168
Đoạn I - Các Tăng-sĩ lãnh-đạo quan-trọng về phương-diện chánh-trị	169
Đoạn II - Những Tăng-sĩ lãnh-đạo quan-trọng về phương-diện tôn-giáo thuần-túy và văn-hóa	207
Đoạn III - Giới Tăng-sĩ thừa-hành	211
TIẾT II. Phật-tử thế-tục	214
Đoạn I - Vai-trò của cư-sĩ	215
Đoạn II - Phật-tử thương	219
Đoạn III - Tổ-chức Tuyên-úy Phật-Giáo trong Quân- lực Việt-Nam Cộng-Hòa	227
TIẾT III. Tài-nguyên vật-chất của Giáo-Hội P.G.V.N.T.N.	231
Đoạn I - Các phương-tiện tài-chánh của Giáo-Hội P.G.V.N.T.N.	231
Đoạn II - Các cơ-sở phụng-tự	234
Đoạn III - Các cơ-sở giáo-dục và xã-hội của Giáo- Hội P.G.V.N.T.N.	237
KẾT-LUẬN THIÊN II	245
KẾT-LUẬN PHẦN I	247

Phần thứ Hai

SỰ THAM-GIA CHÁNH-TRỊ CỦA PHẬT-GIÁO

Thiên I

KỸ-THUẬT THAM-GIA CHÁNH-TRỊ CỦA PHẬT-GIÁO

<u>CHƯƠNG I</u> - NHỮNG KỸ-THUẬT HÀNH-ĐỘNG ÔN-HÒA	253
TIẾT I. Tiếp-xúc và thương-thuyết	253
Đoạn I - Hệ-thống liên-lạc	253
Đoạn II - Thương-thuyết và lý-luận	257
TIẾT II. Thông-tin và tuyên-truyền	261
Đoạn I - Kỹ-thuật vận-dộng công-luận của Phật-Giáo	261
Đoạn II - Nội-dung công-luận đối với Phật-Giáo	277

IV

TIẾT III. Can-thiệp trong các cuộc tuyển-cử.....	283
Đoạn I - Can-thiệp trong cuộc bầu-cử Hội-đồng Đô-thành, Tỉnh và Thị-xã ngày 30.5.1965.....	284
Đoạn II - Thái-độ chánh-trị của Phật-Giáo tranh-đấu đối với cuộc bầu-cử Quốc-Hội Lập-Hiến 11.9.1966.....	286
Đoạn III - Thái-độ của Phật-Giáo đối với các cuộc bầu-cử năm 1967.....	294
Đoạn IV - Thái-độ của Phật-Giáo tranh-đấu đối với các cuộc bầu-cử năm 1970.....	298
Đoạn V - Thái-độ của P.G trong các cuộc bầu-cử 1971 (25 trang bổ túc)	
<u>CHƯƠNG II - NHỮNG KỸ-THUẬT HÀNH-ĐỘNG MẠNH</u>	324
TIẾT I. Thị-uy và hãm-dọa.....	324
Đoạn I - Phân-tích lý-thuyết.....	324
Đoạn II - Việc áp-dụng kỹ-thuật thị-uy và hãm-dọa.....	325
TIẾT II. Hành-động trực-tiếp.....	330
Đoạn I - Phân-tích lý-thuyết.....	330
Đoạn II - Bài khóa, định công và bài thị.....	330
Đoạn III - Tuyệt thực.....	332
Đoạn IV - Đem bàn thờ xuống đường.....	333
Đoạn V - Tự thiêu.....	334
TIẾT III. Công-khai nổi dậy chống lại quyền-lực quốc-gia.....	339
Đoạn I - Công khai hô hào đả đảo chánh-phủ.....	339
Đoạn II - Xứ-dụng võ-lực chống lại quyền-lực quốc-gia.....	340
Đoạn III - Giải-thích sự thành bại của các cuộc nổi dậy chống lại quyền-lực quốc-gia.....	341
TIẾT IV. Nhận xét về chủ-trương tranh-đấu bất bạo-động của Phật-Giáo Việt-Nam.....	344
Đoạn I - Trình-bày thuyết bất bạo-động của Phật-Giáo.....	345
Đoạn II - Việc thực-hành phương-pháp tranh đấu bất bạo-động của Phật-Giáo Việt-Nam.....	350
Đoạn III - Thuyết bất bạo-động trong thế-giới chánh-trị hiện đại.....	352
<u>KẾT-LUẬN THIÊN I</u>	354

Thiên II

TƯƠNG-QUAN GIỮA PHẬT-GIÁO
VÀ CÁC LỰC-LƯỢNG CHÍNH-TRỊ

<u>CHƯƠNG I</u> - PHẬT-GIÁO VÀ CÁC CHÍNH-QUYỀN VIỆT-NAM CỘNG-HÒA	356
TIẾT I. Phật-Giáo và chính-quyền Đệ Nhất Cộng-Hòa	356
Đoạn I - Lập-trường chiến-lược của chính-quyền	357
Đoạn II - Những chiến-thuật đối phó của chính-quyền	357
TIẾT II. Phật-Giáo và các Chính-phủ chuyển- tiếp từ năm 1963 tới năm 1967	363
Đoạn I - Ba Chính-phủ có thái-độ mềm dẻo đối với những yêu-sách của Phật-Giáo	363
Đoạn II - Hai Chính-phủ có thái-độ cương-quyết đối với Phật-Giáo	365
TIẾT III. Phật-Giáo và Chính-quyền Đệ Nhị C.H.372	
Đoạn I - Các biện-pháp cứng-dẫn	372
Đoạn II - Các biện-pháp mềm dẻo	374
<u>CHƯƠNG II</u> - PHẬT-GIÁO VÀ CÁC LỰC-LƯỢNG CHÍNH-TRỊ NGOÀI CHÍNH-QUYỀN	377
TIẾT I. Phật-Giáo và các tôn-giáo khác	377
Đoạn I - Phật-Giáo với Cao-Dài và Hòa-Hảo	377
Đoạn II - Phật-Giáo và Công-Giáo	378
TIẾT II. Phật-Giáo và chính đảng	384
Đoạn I - Tình-trạng tương-quan giữa Giáo-Hội và chính đảng	385
Đoạn II - Tương-quan giữa G.H.P.G.V.N.T.N. với các lực-lượng chính-trị	386
TIẾT III. Phật-Giáo và các lực-lượng chính-trị bên ngoài	402
Đoạn I - Phật-Giáo và Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam	404
Đoạn II - Phật-Giáo và Chính-phủ Hoa-kỳ	411
KẾT-LUẬN THIÊN II	424

VI

KẾT-LUẬN PHẦN II	425
NHẬN XÉT TỔNG KẾT HAI PHẦN LUẬN ÁN	426

Phần thứ Ba

**GIẢI-PHÁP ĐỀ-NGHỊ CHO VẤN-ĐỀ PHẬT-GIÁO
TẠI VIỆT-NAM**

Thiên I

**XÁC-ĐỊNH VỊ-TRÍ CỦA PHẬT-GIÁO
TRONG ĐỜI SỐNG QUỐC-GIA**

CHƯƠNG I - QUAN-NIỆM CĂN-BẢN VỀ TƯƠNG-QUAN GIỮA TÔN-GIÁO VÀ CHÁNH-TRỊ	436
TIẾT I. Lược-sử diễn-trình tương-quan giữa Quốc-Gia và Giáo-Hội	436
TIẾT II. Vai-trò tôn-giáo trong sanh-hoạt chánh-trị	442
Đoạn I - Những lý-do tổng quát biện-minh cho tầm quan trọng của tôn-giáo trong sanh-hoạt chánh-trị	443
Đoạn II - Vai-trò tôn-giáo tại các nước chậm tiến	446
TIẾT III. Sự phù-hợp của quan-niệm quốc-gia thế-tục với tinh-thần dân-tộc Việt- Nam và tinh-thần Phật-Giáo Việt-Nam	451
Đoạn I - Quan-niệm quốc-gia thế-tục phù-hợp với tinh-thần truyền-thống của dân-tộc Việt-Nam	452
Đoạn II - Quan-niệm quốc-gia thế-tục phù-hợp với tinh-thần truyền-thống của Phật-Giáo Việt-Nam	455
Đoạn III - Quan-niệm quốc-gia thế-tục phản-ảnh rõ rệt trong luật thực tại Việt-Nam	458
CHƯƠNG II - XÁC-ĐỊNH VỊ-TRÍ CỦA PHẬT-GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG QUỐC-GIA	460

VII

TIẾT I. Vai-trò chủ-yếu tôn-giáo của Giáo-hội Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia	462
Đoạn I - Xác-định phạm-vi hoạt-động của Giáo-Hội Phật-Giáo	462
Phân đoạn I. Phạm-vi quyền-hạn của Giáo-Hội	463
Phân đoạn II. Nhiệm-vụ của Tăng-sĩ Phật-Giáo	478
Đoạn II - Phân-biệt dân-tộc với Đạo-Pháp	492
TIẾT II. Ảnh-hưởng chánh-trị của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia	503
Đoạn I - Xác-định ảnh-hưởng chánh-trị của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia	503
Đoạn II - Hình-thức biểu-lộ ảnh-hưởng chánh-trị : Giáo-Hội là một đoàn-thể áp lực	505
Đoạn III - Ảnh-hưởng chánh-trị của Giáo-Hội Phật-Giáo trong mối tương-quan với chánh-dang	506
KẾT-LUẬN THIÊN I	511

Thiên II

VAI-TRÒ CỦA QUỐC-GIA TRONG LÃNH-VỰC TÔN-GIÁO

<u>CHƯƠNG I. XÁC-ĐỊNH QUAN-NIỆM CĂN-BẢN TIẾN-BỘ VỀ TỰ-DO TÔN-GIÁO</u>	513
TIẾT I. Xác-định nội dung quyền tự-do tôn-giáo	513
Đoạn I - Phạm-vi của quyền tự-do tôn-giáo	514
Đoạn II - Những giới-hạn của quyền tự-do tôn-giáo	518
TIẾT II. Đề-nghị một quan-niệm phân lập giữa Giáo-Hội và Quốc-Gia	526
Đoạn I - Nội dung của nguyên-tắc phân lập giữa Quốc-gia và Giáo-Hội	526
Đoạn II - Hai quan-niệm phân lập khác nhau	529
Đoạn III - Đề-nghị một quan-niệm phân lập quốc-gia và Giáo-Hội cho Việt-Nam Cộng-Hòa	543
<u>CHƯƠNG II. QUY-ĐỊNH VÀ BẢO-VỆ TỰ-DO TÔN-GIÁO</u>	549

VIII

TIẾT I. Thăm quyền quy-định tự-do tôn-giáo.....	549
Đoạn I - Những nguyên-tắc chỉ hướng của một chế-độ phụng-tự.....	550
Đoạn II - Đề-nghị một chế-độ pháp-lý duy-nhứt cho mọi Giáo-Hội.....	556
TIẾT II. Việc bảo-vệ quyền tự-do tôn-giáo.....	569
Đoạn I - Nhiệm-vụ của Hành-Pháp.....	570
Đoạn II - Nhiệm-vụ của cơ-quan Tư-Pháp.....	578
KẾT-LUẬN THIÊN II.....	584
KẾT-LUẬN PHẦN III.....	585

T Ồ Ờ Ợ K Ế T L U Ã N

I - VIỄN ẢNH TƯƠNG-LAI CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM.....	587
A - Nhận-định chung kết về phong-trào Phật-Giáo.....	587
1) Phật-Giáo và cuộc Cách-Mạng bị bỏ lỡ.....	587
2) Thành công của Phật-Giáo.....	589
B - Viễn ảnh tương-lai của Phật-Giáo Việt-Nam.....	590
II - VIỄN ẢNH TƯƠNG-LAI CỦA CUỘC SANH-HOẠT CHÁNH- TRỊ TẠI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA.....	603
A - Nhu-cầu cách-mạng.....	604
B - Đường lối cách-mạng.....	606
C - Vai-trò lãnh-đạo cách-mạng.....	610
D - Phật-Giáo và cuộc cách-mạng tương lai.....	618

H Ế T

PHỤ LỤC

I	- Sắc-luật số 158-SL/CT ngày 14.5.1964 công-nhận G.H.P.G.V.N.T.N. cùng bản Hiến-Chương 4.1.1964	P. 1
II	- Sắc-luật số 005/66 ngày 26.2.1966 công-nhận Hiến-Chương ngày 14.12.1965 của Giáo-Hội P.G.V.N.T.N.	P.14
III	- Sắc-luật số 23/67 ngày 18.7.1967 chuẩn-y bản Hiến-Chương ngày 14.3.1967 của Giáo-Hội P.G.V.N.T.N.	P.27
IV	- Danh-sách các Hội Phật-Giáo	P.43-47

THƯ TỊCH

A	- Sách	T. 1
B	- Ấn-phẩm của các cơ-quan Công và Tư trong nước và ngoài nước	T.11
C	- Tạp chí	T.14
D	- Nhật báo	T.16
E	- Báo chí lưu hành bất hợp-pháp	T.16

DANH-SÁCH CÁC NHÂN-VẬT

ĐƯỢC THAM-KHẢO Ý-KIẾN	Y ₁ -Y ₂
-----------------------------	--------------------------------

DẪN - NHẬP

Từ năm 1963 Phật-Giáo đã thực sự trở thành lực lượng quan-trọng trên chánh-trường Việt-Nam Cộng-Hòa. Hiện tượng này có tính-cách mới mẻ trong lịch-sử hiện đại và gây nên những chủ-trương trái ngược về vai-trò của tôn-giáo trong đời sống quốc-gia. Vì vậy, thiết tưởng việc phân-tách một cách khoa-học hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo có thể góp phần rất nhỏ vào công-cuộc phát-triển chánh-trị. Việc phân-tách ấy được đặt trong khung-cảnh "tương-quan giữa tôn-giáo và chánh-trị" để tìm ra một phương-pháp khảo-cứu thích ứng ngõ hầu nêu lên một bố-cục hợp lý của Luận án.

I - ĐẶT VẤN-ĐỀ "PHẬT-GIÁO VÀ CHÁNH-TRỊ" TRONG KHUNG-CẢNH "TƯƠNG-QUAN GIỮA TÔN-GIÁO VÀ CHÁNH-TRỊ"

Dẫu có nhiều ý-kiến mâu-thuẫn về hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo Việt-Nam, người ta vẫn phải đồng ý với nhau rằng tương-quan giữa tôn-giáo và chánh-trị là một thực-tại phổ-quát đã xuất-hiện cùng lúc với sự thành-lập xã-hội loài người, vì tôn-giáo vốn là một yếu-tố hội nhập tập-thể ấy (1), trong khi chánh-trị lại là quyền-bính quản-trị nó (2). Hơn nữa, mặc dầu vận-dụng những phương-tiện nhiều khi khác nhau để đạt hai cứu cánh riêng biệt,

(1) Wach, Joachim : Sociologie de la Religion, trang 5 và 11. Payot, Paris 1955.

Cũng xem Aegerter, Emmanuel : Les grandes religions, collection "Que sais-je ?" trang 8 và kế tiếp, P.U.F. Paris, 1954.

(2) Nhất-Hạnh, Thích : Đạo Phật đi vào cuộc đời, trang 168 và kế tiếp, Lá Bối, Saigon, 1962.

tôn-giáo và chánh-trị đều nhằm cùng một đối-tượng. là con người toàn-diện bao gồm những sinh-hoạt vật-chất, tinh-thần và thiêng liêng. Mọi tương-quan ấy thể-hiện trên cả bình-diện định-chế lẫn bình-diện sanh-hoạt chánh-trị.

A - Trên bình-diện định-chế - Vào thời sơ khai của nhân loại tương-quan Giáo-Chánh mật-thiết quá đến nỗi Giáo-quyền và Chánh-quyền đã hoàn-toàn đồng nhất (3). Rồi các quốc-gia dần dần được thiết-lập với quồng máy cai-trị càng ngày càng phức-tạp đã sẵn-sàng dung nạp nhiều tín-ngưỡng khác nhau. Sự gia-tăng nhiệm-vụ Nhà Nước cùng với sự cộng tồn nhiều tôn-giáo xuất thế khiến quốc-vương không thể đồng thời đóng vai giáo-chủ được nữa : Thần-quyền và Thế-quyền phải phân lập (4). Tuy nhiên, trên đường hoàn-tất cuộc phân công vĩ-đại ấy, tương-tranh mãnh liệt đã liên tiếp bùng nổ hàng mấy thế-kỷ liên giữa Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã và các quốc-gia Âu-Châu để rồi kết-thúc bằng sự toàn thắng của lý-tưởng quốc-gia thế tục. Mặc dầu tại Đông-Nam-Á tôn-giáo chưa từng là địch-thủ đáng sợ của quốc gia, lý-tưởng trên đây vẫn được coi là chiến thắng vĩ-đại của cả nhân-loại vì nó đã mở đầu một kỷ-nguyên tiến-bộ cực mạnh về khoa-học, luật-pháp, luân-lý và triết-học (5).

B - Trên bình-diện sinh-hoạt chánh-trị - Nếu trên bình-diện định-chế, diễn trình tương-quan Giáo-chánh đưa tới sự thiết-lập thế quân-bình giữa Giáo-Hội và quốc-gia thì trong thực-tại chánh-trị, tôn-giáo vẫn giữ địa-vị đáng kể vì nó tiếp-tục ảnh-hưởng bằng cách này hay cách khác vào sự vận-chuyển của quồng máy xã-hội dân-sự. Đặc-biệt đối với các quốc-gia trẻ trung tại Á-Phi và Nam-Mỹ, nạn bất ổn chánh-trị, phân hóa và chiến-tranh đã khiến tôn-giáo có một tầm quan-trọng đặc-biệt vì nó trở thành liều thuốc an-thần của quần-chúng trong cơn đau bẽ; đồng thời nó còn là một yếu-tố phân-ly hay hội nhập quốc-gia.

(3) Wach, Joachim : sách đã dẫn, trang 248-250.

(4) Hauriou, André : Droit constitutionnel et institutions politiques, trang 113-115, Editions Montchrétien, Paris 1968.
Cũng xem : Wach, Joachim : sách đã dẫn, trang 253.

(5) Bông, Nguyễn-văn : Luật Hiến-pháp và chính-trị học, trang 38, Sài-gòn, 1967.

II - LƯỢC-SỬ TƯƠNG-QUAN GIỮA PHẬT-GIÁO VÀ CHÁNH-TRỊ TAI VIỆT-NAM

Việt-Nam, Cộng-Hòa trong những năm gần đây cũng bị tôn-giáo ảnh-hưởng sâu rộng tới sinh-hoạt chánh-trị. Đặc biệt nhất là Phật-giáo từ năm 1963 tới nay đã nổi bật hẳn trên chánh-trường, vì sau năm trăm năm bị suy vi, biên-kỳ ấy là lần đầu tiên Phật-giáo Việt-Nam đã thực hiện được một cuộc vận-động lịch-sử vĩ-đại khiến tiếng tăm vang dội khắp năm Châu.

Thật vậy, năm trăm năm trở về trước Phật-giáo nước ta đã có một dĩ-vãng vô cùng oanh-liệt. Du nhập Việt Nam từ thế-kỷ thứ hai sau Tây-lịch qua hai ngã Trung-Hoa và Ấn-Độ, Phật-giáo ngay trong buổi ban đầu đã góp phần đắc lực vào việc xây-dựng một quốc-gia Việt-Nam tự chủ. Các danh Tăng là những bậc tri-thức đầu tiên trong nước đã hỗ trợ đắc-lực các Triều Đinh (968-980), Lê (980-1009), Lý (1010-1225), Trần (1225-1400) thâu hồi độc-lập, thống-nhất giang-san và phục-hưng xứ-sở. Nói chung, Phật-giáo rất được ưu đãi dưới các triều đại tự chủ đầu tiên của nước ta. Năm 968 Pháp-sứ Ngô-châu-Lưu được vua Đinh-tiên Hoàng mời làm cố-vấn về cả nội trị lẫn ngoại-giao và được ban chức Tăng Thông, hiệu là Khuông-Việt Thiên Sư (nghĩa là vị Sư giúp sửa sang nước Việt). Ngài còn được tiếp tục trọng dụng dưới triều tiên Lê: sách Thiên Uyển Tập Anh có chép sau khi Lê-Hoàng lên ngôi "phàm việc quân quốc đều hỏi Sư hết".

Buổi hưng thịnh ban đầu trên đây của Phật-giáo đã mở đường cho giai đoạn phát-triển mạnh nhất suốt 400 năm dưới hai triều Lý, Trần. Thiên-Sư Vạn Hạnh đã có công lớn trong việc thiết lập triều Lý, vì chính Ngài đã can-thiệp để Lý-Công-Uân, con nuôi Sư Khánh-Vân, lên ngôi hoàng-đế. Các vị vua triều này đã hết lòng nâng đỡ Phật-giáo và dành cho Tăng-sĩ nhiều quyền lợi. Niềm ưu ái ấy được tiếp tục phát triển dưới đời Lý. Hầu hết các vị vua của cả hai Triều đều là Phật-tử thuần thành, và trong việc trị quốc họ thường nhờ cậy tới tài học uyên bác của một số danh tăng.

Trong bầu không khí mô đạo ấy tư-tưởng tư-bi của Đức Phật đã thâm nhuần trong cả chánh sách quốc-gia

lần nếp sống quần chúng. Vua Lý-thái-Tôn đã hai lần ban hành chi' Du miễn thuế cho dân (năm 1031 và năm 1036). Vua Lý-thánh-Tôn (1054-1072) vô cùng thương xót những kẻ chịu cảnh bần hàn hay tù đầy khổ sở, và đã cho thi-hành nhiều biện-pháp nhân đạo đối với họ. Còn trong dân gian, lòng bao dung, quan niệm thiện ác và nghiệp báo của Đạo Phật lại rất được phổ cập. Chính lòng thương dân của các bậc minh quân cũng như lối sống hiền hòa của quần chúng đã chứng minh ảnh hưởng đạo Phật đối với cuộc sinh-hoạt chánh-trị và khiến nhiều người cho rằng Phật-giáo đại-diện lương tâm dân tộc.

Tuy nhiên, trong suốt thời gian cực thịnh gần 400 năm (từ đầu thế-kỷ thứ 11 đến giữa thế-kỷ' thứ 15) dưới hai triều Lý, Trần, mặc dầu được chánh quyền tích-cực bảo trợ và nhân dân hết lòng ngưỡng mộ, Phật-giáo cũng không hề lợi dụng ưu thế của mình để giành địa-vị độc tôn. Ngược lại, Phật Giáo rất khoan dung đối với các tôn-giáo khác, và chính các Thiên Sư đã cộng tác với chánh quyền để đặt cơ sở đầu tiên cho Khổng Giáo. Thập vậy, thời Phật-Giáo cực thịnh lại chính là thời bắt đầu thiết lập nên Khổng-giáo ở nước ta. Vua Lý-thánh-Tông lập Văn Miếu, đức tượng thờ Chu-Công, Khổng-Tử và 72 vị Hiền. Vua Lý-nhân-Tôn mở khóa thi Tam trường, một khoa thi đầu tiên ở Việt-Nam, vào năm 1075 để chọn người Nho học bổ làm quan. Năm sau, nhà Vua còn lập trường Quốc-Tử-Giám để đào tạo nhân tài cho đất nước.

Không những khoan dung đối với Khổng-Giáo, Phật Giáo thời cực thịnh còn khoan dung đối với cả Lão-Giáo, vì chính hai triều Lý, Trần đã đặt khoa thi Tam Giáo (Khổng, Phật, và Lão-Giáo). Điều này chứng tỏ rằng cả ba tôn-giáo - chứ không riêng Phật-Giáo - đều được tôn trọng, và người ta gọi đó là thời đại "Tam Giáo Đồng Tôn". Đặc biệt là chính các Thiên Sư và các vị vua mộ đạo Phật nhất, như Cao Tông Viên-Chiếu và vua Trần-Thái-Tôn, lại có tinh-thần điều hòa tam giáo một cách tích cực nhất.

Hơn nữa, cũng chính giữa thời Phật-Giáo cực thịnh các nhà lãnh đạo chánh-trị và tôn-giáo đã đồng ý chấp nhận phương thức "Phật, Thánh phân công hợp-tác", theo đó đạo Phật lo việc tâm linh, còn đạo Khổng (tức Thánh) có trách-nhiệm điều hành guồng máy chánh-trị và hành-chánh quốc-gia.

Tất cả những dữ kiện lịch-sử trên đây chứng tỏ rằng ngay trong thời cực thịnh Phật-Giáo Việt-Nam cũng không hề không chế chánh trường và, do đó, đã không có một ảnh hưởng chánh-trị quá quan trọng như Phật-Giáo tại các nước Miên-Điên, Tích-Lan, Thái-Lan, Ai-Lao, Cao-Mên, v.v... Như vậy Phật-Giáo đã không lợi dụng chánh-trị để xây dựng và củng cố một hệ thống quyền hành. Trái lại, các vị vua đã ưu đãi Phật-Giáo chỉ vì quyền lợi của quốc gia, trong thời kỳ dựng Nước đầu tiên, vì hai lý-do chính yếu :

Trước hết Phật-Giáo mang lại cho Nhà Vua sự hậu-thuần lớn lao của khối tín-đồ đông đảo nhất. Thật vậy, từ khi Bắc thuộc cho tới thời tự chủ đầu tiên, trong ba tôn-giáo - Khổng, Phật, Lão - chỉ có Phật-Giáo là quy tụ được nhiều tín-đồ nhất, vì nó đi sâu vào quần chúng hơn hai tôn-giáo kia. Trong những thế-kỷ đầu tiên của Tây-lịch Khổng-Giáo và Lão-Giáo đã được truyền sang Giao-Chi, nhưng chỉ được giới-hạn trong giới quan-lại và trí-thức, vì dân ta hồi đó còn sơ khai chưa lãnh hội được hai nền triết-lý ấy. Trái lại, Phật-Giáo, với thích-nghi-tính, với tinh-thần từ bi hi-xá, với những câu chuyện hoang đường về các vị Bồ Tát, được truyền-bá bởi những nhà truyền giáo biết bám sát quần chúng, đã thu hút được đại đa số nhân dân.

Thứ đến, Phật-Giáo cung-hiến cho Nhà Vua những cán-bộ giới dang và dễ tin cậy nhất trong giai-đoạn vừa thu hồi được nền độc-lập. Trong thời kỳ ấy vua thường là những người võ biên, ít học, trong khi những cán-bộ cũ lại là những nhà Nho học đã cộng-tác với đế-quốc xâm lược và, do đó, bị nghi ngờ về lòng trung-kiên. Sự loại trừ lớp người này khỏi guồng máy lãnh-đạo đã tạo nên một khoảng trống mà chỉ có giới Tăng-Sĩ mới điền khuyết nổi. Thật vậy, nhờ trình-độ học-văn uyên bác nơi cửa Thiền yên tĩnh để đọc kinh sách, Tăng-Sĩ tự nhiên trở thành giai cấp trí-thức duy nhất trong nước ngoài giới Nho gia. Hơn nữa, nhờ ở thái-độ bất hợp tác với ngoại bang trong thời ngoại thuộc, họ càng được ngưỡng mộ hơn vì tinh-thần quốc-gia. Vì vậy nhà Vua phải nhờ họ ra giúp nước trong thời-kỳ đầu tiên của nền tự chủ.

Nhưng, theo nhận xét của Paul Mus, nhiệm-vụ

lịch-sử của Phật-Giáo tại Việt-Nam trước hết là nhiệm-vụ của "một tôn-giáo thay thế" (religion-relai) (5b), nó chỉ nổi bật lên trong những thời kỳ khủng hoảng và chuyển-tiếp. Như vậy, khi đã dành được độc lập, vì người Việt muốn có một cái gì khác hẳn kẻ thù xâm lược vừa bị đánh đuổi, nên Phật-Giáo đã có đầy đủ tư cách để thay thế Khổng-Giáo bị coi như một dụng cụ thông tri của ngoại bang. Nhưng một khi đã vượt qua thời-kỳ chuyển tiếp, người ta lại thấy chánh quyền quay về với Khổng-Giáo và, do đó, Phật-Giáo bắt đầu mất ảnh-hưởng từ thế-kỷ 15.

Từ đời Hậu Lê (1428-1528) Phật-Giáo không những không được ưu đãi như trước kia nữa, mà còn bị đối xử một cách khắt khe (5c). Rồi cảnh đất nước phân ly dưới thời Trịnh-Nguyễn (1528-1802) khiến Phật-Giáo càng dễ suy-vĩ vì nhân tâm ly tán và đạo đức buông lỏng. Dưới triều Nguyễn, tuy được các vị Vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức bảo trợ, Phật-Giáo cũng vẫn không thoát khỏi tình trạng sa sút, nhất là từ khi người Pháp đô hộ nước ta cho tới khi có phong trào chấn hưng vào những năm 1930, Phật-Giáo đã bị thoái hóa trầm trọng và chẳng đóng được một vai-trò đáng kể nào trong sự nghiệp giải-phóng dân tộc, mặc dầu một thiểu số Tăng-Si đã lao mình vào cuộc kháng Pháp.

Như vậy trong suốt gần 500 năm (từ hậu bán thế kỷ 15 đến tiền bán thế-kỷ 20) Phật-Giáo đã bị lu mờ hoàn toàn trên chánh trường. Tình-trạng bi đát này có nhiều nguyên do.

Về phương diện chánh-trị, trước hết, một khi ý-thức-hệ Khổng-Giáo được chọn làm khuôn vàng thước ngọc để tổ-chức xã-hội, Phật-Giáo đương nhiên bị gạt khỏi trung-tâm quyền lực. Nho-gia, với một triết-lý hiều động và một ý chí thực hiện mộng kinh bang tế thế, sau khi đã tạo được thế đứng tại triều đình, bèn tìm cách triết hạ uy-tín

(5b) Do Jean Chesneaux trích dẫn trong cuốn "Le Vietnam : Études de politique et d'histoire", trang 66, và Nguyễn-hữu-Chính trích dẫn lại trong "Les croyances religieuses et la vie politique au Viet-Nam" trang 176, Luận án Tiến-sĩ Chính-trị Học, Đại Học Paris 1970.

(5c) Xem trang 80 Luận án này.

Tăng-sĩ dễ dễ bề không chế toàn diện quồng máy chánh-trị và hành-chánh.

Rồi từ khi người Pháp đổ hộ Việt-Nam, một mặt nguyên-tắc thế tục - mà họ đã du nhập từ chính quốc vào đây - không cho họ bảo trợ bất cứ một tôn-giáo nào ; mặt khác trong thực tế họ đã ưu đãi Thiên-Chúa-Giáo hơn các tôn-giáo cổ truyền của ta vì những liên hệ giữa cuộc xâm chiếm Việt-Nam với việc truyền đạo của các Giáo-sĩ Tây Phương.

Hơn nữa, cả những nhà cai-trị Không-Giáo lẫn người Pháp ở những thời-kỳ khác nhau đã e ngại rằng cảnh chùa biệt lập, kín đáo với những vị Sư trí-thức có uy-tín đối với quần chúng có thể dễ trở thành những nơi phát khởi những âm mưu chánh-trị nguy hại cho cuộc trị an.

Về phương-diện kinh-tế, các Nho Thần cho rằng việc chùa chiếm thủ đắc nhiều ruộng đất dưới thời Phật-Giáo cực thịnh đã đưa tới sự phi phạm tài nguyên quốc-gia, vì các vị Sư một mặt đã không trực tiếp canh tác và sống trên sức lao-động của tầng lớp tin-đồ nông-dân nghèo đông đảo ; mặt khác họ lại dùng hoa-lợi ấy vào những việc không có tính cách sản-xuất. Do đó, dưới mắt giới cầm quyền, định chế trù phú này cần phải được triệt hạ (5d). Thực ra, với quan niệm coi rẻ những giá-trị vật chất, các Thiền sư cũng chẳng mấy tha thiết tới tài-sản này. Vì vậy họ đã không để ý đến việc tạo một thế-lực kinh-tế ngõ hầu ảnh hưởng tới chánh-trị.

Về phương-diện tôn-giáo, chính quan niệm cổ truyền của những nhà lãnh-đạo Phật-Giáo đã khiến tôn-giáo này không tạo được một ảnh-hưởng chánh-trị đáng kể. Thật vậy, Phật-Giáo cổ truyền Việt-Nam không hề biết tới ý niệm giáo quyền siêu việt với một Giáo-Hội có uy quyền bao trùm toàn thể cộng đồng tôn-giáo. Do đó Phật-Giáo đã hoàn toàn phi tổ-chức, không có cơ-cấu hành-chánh hay pháp đình riêng biệt như Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã. Mỗi ngôi chùa là một đơn-vị tự-trị, biệt lập đối với các ngôi chùa khác và với

(5d) Nguyễn-hữu-Chính : Sách đã dẫn, trang 180-182.

các quyền lực bên ngoài.

Hơn nữa, việc tu-niệm hờn toàn có tính-cách cá-nhân, và chủ trương chân chính, một khi đã "Xuất gia đầu Phật", thường giữ thái-độ "Xuất thế vô cầu". Những gương tham chánh, những hành-vi phản kháng bạo quyền hay việc tham-gia công cuộc cứu quốc của giới Tăng-Sĩ chỉ là việc làm của một số cá-nhân xuất sắc đặc biệt, chứ không phải của toàn khối Phật-Giáo.

Tóm lại, tình trạng phi tổ-chức và quan-niệm xuất thế trôi yếu nơi Tăng-Sĩ đã khiến Phật-Giáo cổ truyền Việt-Nam cả trong thời cực thịnh lẫn trong buổi suy vi không thể trở thành một đoàn-thể áp lực đứng với ý nghĩa hiện đại của danh-tử để hành xử một quyền-hành thực-tế đối diện với uy quyền quốc-gia và ảnh-hưởng tích cực tới sanh-hoạt chánh-trị. Ngược lại, sự phát-triển của đạo Phật đã tùy thuộc vào sự nâng đỡ của chánh quyền.

Tuy nhiên, tình-trạng trên đây đã bắt đầu xoay chiều từ những năm 1930, khi Phật-Giáo Việt-Nam bắt tay vào công cuộc phục hưng. Phong-trào phục hưng Phật-Giáo tại các nước Á-Châu cùng với phong-trào giải-phóng dân-tộc và sự hùng cường của Nhật-Bản khiến các Phật-tử tri thức Việt-Nam có cảm hứng dân thân vào công cuộc cải cách tôn-giáo. Các Hội Phật-Giáo, Phật-Học, các Phật Học-Viện đã lần lượt được thành-lập khắp ba miền (Bắc, Trung, Nam). Các đoàn Thanh, Thiếu Niên Phật-tử đã ra đời từ năm 1940 và hăng hái hoạt-động trong các lãnh-vực văn-hóa xã-hội. Tất cả những tổ-chức trên đây đã khiến nhà cầm quyền Pháp phải quan tâm và nâng đỡ đề đề bề kiểm soát. Sau khi cuộc giải phóng dân tộc thành công vào năm 1945, phong trào Phật-Giáo cứu quốc được thành hình, nhưng hoạt động dưới sự chi-phối của Cộng-Sản. Rồi tiếng súng chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ ngày 19.12.1946 khiến cộng đồng Phật-Giáo bị chia rẽ thành hai khu Quốc-gia và Cộng-Sản. Trong vùng Cộng-Sản Phật-Giáo chẳng còn cơ-hội hoàng đường Đạo Pháp, và trở thành một công cụ chánh-trị của Nhà Nước. Trong vùng Quốc-gia, phong-trào chấn hưng Phật-Giáo lại được tiếp tục vào năm 1948 và đến năm 1951 Tổng Hội Phật Giáo Việt-Nam ra đời nhằm kết hợp các hội Phật-học và các hội Tăng-Già khắp ba miền vào một tổ-chức duy-nhất để chuẩn-bị cho sự-nghiệp thống-nhất Phật-Giáo. Tổng Hội trở thành một đoàn-thể áp lực thực sự có cơ sở và hoạt-

động trên toàn quốc, quy tụ trên một triệu Phật-tử được hưởng-dẫn bởi Cũ-sĩ và Tăng-sĩ có ý-thức chánh-trị và tôn-giáo cao độ. Ngay từ năm 1956 trong bài "Tu-tướng-hệ Phật-Giáo" đăng trên nguyệt-san Phật-Giáo Việt-Nam số 2 (19.5 Bình Thân, trang 39-40), Thượng-Tọa Trí-Quang đã biểu lộ ý-thức rõ rệt về các vấn-đề sau đây :

- Phải kết hợp Phật-tử và kết hợp Tiểu-Thừa với Đại-Thừa : "Lúc này, ở khắp mọi nơi, vấn-đề cần-thiết là phải liên hợp Phật-Giáo-đồ lại...

"..... Nếu Phật-Giáo có cung-cấp được gì cho nhân loại thì sự cung cấp ấy không phải chỉ nằm ở một trong hai bộ-phần Đại-Thừa và Tiểu-Thừa mà thôi. Nhu cầu của nhân loại, bây giờ cũng như ở mai hậu, phải là do toàn bộ Phật-Giáo cung cấp vậy..... Chiếu theo vấn-đề nhu-cầu, chúng ta phải nỗ lực làm một cuộc điều chỉnh... nếu những nhược điểm thực sự của hai nếp sống Đại Thừa và Tiểu Thừa mà không được hủy bỏ qua những điều-chỉnh cần-thiết, thì quả đó là chúng ta thật muốn tử-tận trong những điều-kiện sinh tồn vậy."

- Phải triết-đề khai-thác Dân-tộc-tính của Phật Giáo Việt-Nam : "Hiện giờ, ở tất cả mọi xứ Phật-Giáo Đạo Phật đã trở thành Đạo của Dân-tộc, dấu biến hóa dưới bất cứ hình thái nào. Phật-Giáo Việt-Nam, như hiện giờ, chính là biểu hiện dân-tộc tính đầy đủ của Phật-Giáo ở đây.....

"..... Chiếu theo vấn-đề Dân-Tộc, yếu-tố sinh tồn của Phật-Giáo, chúng ta phải khai thác mạnh mẽ yếu-tố DÂN-TỘC-TÍNH....."

- Phải liên-hệ chặt chẽ Dân-Tộc với Phật-Giáo và Phật-Giáo phải phụng-sử cả Dân-Tộc lẫn nhân loại :

"Những người trách-nhiệm với Phật-Giáo Việt-Nam nên suy nghĩ điều này : Nếu tước bỏ Dân-Tộc-tính thì làm sao Phật-Giáo còn được với dân-tộc ? Nếu không thỏa mãn nhu-cầu của nhân-loại tương đối khá hơn, Phật-Giáo làm sao sinh tồn ? Sinh tồn sao được và có nghĩa gì khi nó vô ích đối với loài người....."

Tất cả những tư-tưởng này đã được thể hiện trong các cuộc vận-động của Phật-Giáo từ năm 1963 trở đi.

Thượng-Toạ Thích-Minh-Châu, sau khi đi dự Đại Hội Phật-Giáo Thế-Giới tại Népal về, đã tường trình trên Nguyệt-San Phật-Giáo Việt-Nam số 7, năm 1957, cho Phật-tử hay rằng phong-trào Phật-Giáo lên rất mạnh ở khắp nơi, từ A-Châu sang Âu, Mỹ; và riêng tại các nước A-Châu Phật-Giáo rất được trọng vọng. Nhìn thấy công-đồng Phật-Giáo tại các nước ngoài đều dần dần nổi bật trên chính-trường trong khi chính mình vẫn chưa có được một quy-chế khả-quan, giới Tăng-si tri-thức Việt-Nam hiện-đại y-thức sâu xa niềm tử nhục. Do đó, những trường-hợp kỳ thi Phật-Giáo xảy ra tại Trung-Phân từ năm 1960 trở đi càng làm tăng thêm niềm bất-mãn của họ. Nỗi buồn bức ấy có cơ hội bùng nổ dữ dội vào mùa Phật-đản thứ 2507 (năm 1963) tại Huế và biến thành một phong-trào đấu tranh thần thánh trên toàn quốc khiến cả một chế-độ độc-tài xây-dựng vững vàng trong 9 năm trời đã bị sụp đổ.

Nguyên vào ngày 6.5.1963, trước lễ Phật-đản 2507 hai ngày, một công-điện của Phủ Tổng-Thống ra lệnh cho tất cả các cơ-sở phụng-tự thuộc mọi tôn-giáo và các tư-gia trên toàn quốc chỉ được treo cờ quốc-giamã thôi, nhưng ở phía trong những nơi ấy việc treo cờ hay ảnh được tùy nghi.

Tại Huế, cũng như mọi năm, cờ Phật-Giáo đã được treo lên từ trước khi phổ-biến công-điện để chuẩn-bị đại lễ. Do đó, thi-hành thượng lệnh, nhà chức trách địa phương đã cho hạ cờ Phật-Giáo. Hành-động này gây cảm phẫn trong hàng ngũ Phật-tử Huế: họ tổ-chức biểu-tình lớn vào ngày lễ Phật-đản 8.5.1963 để phản-đối kịch-liệt chính quyền bằng những lời lẽ gay gắt chưa từng có dưới chế-độ đương thời. Buổi tối hôm đó, theo thông-lệ, Phật-tử kéo dài dài Phật-thanh Huế để nghe truyền thanh lại cuộc lễ ban sáng. Những

chương-trình này bị chính-quyền hủy-bỏ vào phút chót vì cuốn băng nhựa có ghi cả những lời lẽ công-kích chánh phủ. Sự hủy bỏ đột ngột ấy khiến Phật-tử càng bức tức và la ó dữ dội. Công-lực được cử đến can-thiệp tức thời. Hai tiếng nổ lớn đã phát ra trong lúc nhà chức-trách thi-hành phận sự khiến cho một số Phật-tử bị thương vong.

Chính vụ hạ cờ và cuộc đổ máu vừa kể đã là lý-do chính đáng để Phật-giáo phát-động cuộc tranh-đấu từ cố đô Huế. Ngày 10.5.1963, dưới sự lãnh-đạo của thượng-tọa Trí-Quang, Phật-tử Thừa-Thiên đã tụ-hợp tại chùa Từ-Dâm để bàn định kế-hoạch và công-lý bản tuyên-ngôn 5 nguyện-vọng của Phật-giáo-đồ. Văn-kiến lịch-sử chính-thức đầu-tiên này của phong-trào tranh-đấu đã có tác-dụng dần dần kết-hợp Phật-tử toàn quốc thành một khối lớn mạnh, và sau đó, ngày 25.5.1963, cuộc tranh-đấu đã từ bình-diện địa-phương vượt lên bình-diện quốc-t gia với lời tuyên-ngôn chung long-trọng của mười một (11) tập-đoàn, Giáo-phái, Phật-giáo họp tại chùa Xá-lợi, Sài-gòn, xác-nhận sự quyết tâm ủng-hộ toàn diện 5 nguyện-vọng của Phật-tử miền Trung và thề coàn-kết đến cùng trong cuộc tranh-thủ bất bạo và hợp-pháp để thực-hiện những nguyện-vọng ấy.

Tiếp theo đó là cả một loạt những tuyên-ngôn, hiệu-triêu, tâm thư đầy vẻ bi-hùng-tráng, của các lãnh-tụ Phật-giáo khiến chánh-quyền khá bối rối. Sự bối rối càng gia-tăng mau lẹ với cuộc tuyệt thực tập-thể đầu tiên của tăng-ni Phật-tử diễn ra hồi 14 giờ 30 ngày 30.5.1963 tại Sài-gòn và nhất là với vụ tự thiêu đầu tiên ngày 11.6 năm 1963 của Hòa-thượng Quảng-Đức. Sự hy-sinh này làm xúc động mạnh-mẽ lương-tâm nhân loại, tạo được một công-luận quốc-tế và quốc-nội vô cùng thuận-lợi cho cuộc đấu-tranh. Trước khí thế đang lên của Phật-giáo, chánh-quyền cố-gắng hòa-giải bằng đường lối thương-thuyết để đi tới một thông cáo chung lúc 1 giờ 30 sáng ngày 16.6.1963 nhằm giải-quyết ổn-thỏa 5 nguyện-vọng do Tổng Hội Phật-giáo Việt-Nam đưa ra. Nhưng rồi bản thông-cáo chung đã không được tôn trọng, và hai bên đổ lỗi cho nhau vi-phạm thỏa-ước. Do đó, cuộc đấu-tranh lại tiếp diễn với hàng loạt những cuộc biểu-tình, tuyệt thực và tự thiêu khiến sinh-mệnh của chế-độ bị đe dọa nghiêm trọng. Để đối phó với tình-hình vô cùng

đen tối ấy, đêm 20.8.1963, chính quyền ban-hành lên h
giới-nghiêm trên toàn quốc, lục soát chùa chiền, bắt giữ
Tăng, Ni và Phật-tử tham-dự cuộc vận-động. Quyết không
chùn bước, Phật-Giáo tiếp tục đấu tranh và nhận được sự
liên-minh, hỗ trợ đắc lực của các lực-lượng chính-trị
quốc nội và quốc-tê, cả bạn lẫn thù của chế-độ Đệ-nhất
Cộng-Hòa. Tình thế chín mùi này là cơ-hội thuận lợi nhất
cho việc thực hiện âm mưu đảo chánh : ngày 1.11.1963 các
Tướng-lãnh đã đứng lên lật đổ chế-độ Đệ-nhất Cộng-Hòa (6)
Phật-Giáo được công-luận nhìn nhận là có công đầu lớn
lao trong biến-cổ lịch-sử vừa kể. Vì vậy sau ngày chánh
biến, uy-tin Phật-Giáo Việt-Nam nổi lên cao vút hơn bất
cứ một lực lượng nào khác ngoài quân-đội.

Nhìn diễn trình phục-hưng vừa tóm lược trên
đây, người ta có thể suy luận rằng thực ra vụ hạ cơ Phật
Giáo và tai nạn đẫm máu tại Huế chỉ là một nguyên-nhân
trực tiếp, tức thời của cuộc đấu tranh 1963. Ngoài ra,
còn có những nguyên-nhân chánh-trị và tôn-giáo sâu xa và
quan trọng hơn. Thật vậy, hoàn cảnh chánh-trị quốc nội
và quốc-tê - một chế-độ độc tài không có lối thoát cho
các lực lượng chánh-trị đối lập bị đàn áp, và khủng hoảng
trầm trọng trong bang giao Việt-Mỹ - đã là thời cơ thuận
lợi nhất cho sự nổi dậy của Phật-Giáo. Cuộc vận-động này
được thúc đẩy mạnh mẽ bởi những động-cơ có tính-cách vừa
chánh-trị vừa tôn-giáo. Ngoài môi bất mãn vì những trũng
hợp kỳ-thị Phật-Giáo và vai trò yếu kém của mình so với
Tăng-sĩ nước ngoài, chính ý-tưởng hiện-đại-hóa Đạo Phật
theo chiều hướng nhập thế và lý-tưởng phục-vu Dân-Tộc
trong Ánh Sáng Đạo-Pháp, hay đem "Đạo Phật đi vào cuộc
đời" đã thúc đẩy những tăng-sĩ Việt-Nam có ý-thức chánh
trị trở nên quan tâm hơn tới quyền hành chánh-trị để dùng
nó làm phương-tiên xác nhận địa-vị quan-trọng của một
tôn-giáo đa số đang đô hồi sinh trong đời sống quốc-gia.

(6) Quốc-Tuê : Công-cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo Việt-Nam, tr. 41 và kế
tiếp, tác-giả xuất-bản, Sài-gòn pl 2508 (1964).

Từ sự suy-luân này, xét cho cùng cuộc tranh đấu của Phật-Giáo chỉ là một hiện-tượng xã-hội tất nhiên phải xảy ra. Nếu không có vụ hạ cờ năm 1963 thì rồi cũng có những sự kiện khác được chọn làm lý-do tranh đấu. Một khi đã có tổ-chức, đã có lý-tưởng, đã có niềm tin mãnh liệt, đã có nhân sự và ý-chí hành-động, nhất định giới Tăng-sĩ có ý-thức chánh-trị phải tìm cơ-hội để nói lên nguyện-vọng của mình. Do đó, chính những hoạt-động từ những năm 1930 của phong-trào phục-hưng đã chuẩn-bị cho cuộc vận-động 1963. Tổng Hội Phật-Giáo Việt-Nam - được thành-lập năm 1951 - đã là lực-lượng nòng cốt và chỉ-đạo của cuộc tranh đấu 1963. Tổng Hội đã cùng với năm Tập-Đoàn Phật-Giáo khác lập Ủy-ban Liên phái bảo-vệ Phật-Giáo để đòi hỏi chánh-quyền phải thỏa-mãn những nguyện-vọng của Phật-Giáo đồ. Chính Ủy-Ban này đã là tiền thân của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, một tổ-chức hợp nhất Nam và Bắc Tổng lần đầu tiên xuất hiện trong lịch-sử 2508 năm của Phật-Giáo thế-giới và 1800 năm của Phật-Giáo Việt-Nam. Cơ cấu thống-nhất này đã được thiết lập quá mau lẹ trong vòng vừa vặn hai tháng sau ngày đảo chánh 1.11.1963 (Bản Hiến-chương Giáo-Hội Phật-Giáo Việt Nam Thống-Nhất được biểu-quyết ngày 4.1.1964). Giới quan sát chánh-trị cho rằng nền thống-nhất được thành hình trong thời-gian kỷ-lục này nhằm tạo sức mạnh cho Phật-Giáo ngõ hầu dễ dàng ảnh hưởng tới chánh-trị. Vì dựa trên nhu-cầu chánh-trị, nên Giáo-Hội đã bị rạn nứt ngay sau khi thành lập, rồi bị thực sự phân hóa thành hai phe Ấn-Quang và Quốc-Tự vào năm 1967. Ấn-Quang hiện vẫn tiếp-tục tìm mọi cách ảnh hưởng tích cực vào đời sống chánh-trị, trong khi Quốc-Tự và các tập-đoàn Phật-Giáo biệt lập quan tâm một cách chính yếu tới những hoạt động thuần túy tôn-giáo, văn-hóa và xã-hội. Nói chung, hiện nay Tăng, Thích-đồ thuộc mọi phe phái đều có ý chí tạo cho Phật-Giáo một địa-vị quan-trọng trong đời sống quốc-gia. Những sự khác biệt nằm trong đường lối tiến tới mục-tiêu ; có 2 khuynh-hướng rõ rệt : một bên muốn dùng phương-tiện chánh-trị, một bên muốn dùng các phương-tiện văn-hóa xã-hội để tạo ảnh-hưởng.

Như vậy trong suốt giòng lịch-sử 18 thế-kỷ của Phật-Giáo Việt-Nam, năm 1963 đánh dấu một chuyên minh vĩ

đại, vì từ đó nên tôn Phật-Giáo do các Tăng-sĩ cấp-tiến đại diện đã từ bỏ địa-vị cố truyền có tính-cách xuất thế tội yếu để trở thành một đoàn-thể áp lực mạnh mẽ, một lực-lượng chánh-trị rất quan trọng và đã tham-gia chánh trị dưới nhiều hình-thức khác nhau.

Năm 1964 chủ Tăng phát-động cuộc đấu tranh mới chống "âm mưu kỳ-thị Phật-Giáo" và đòi hủy-bỏ Hiến-Chương Vũng-Tầu của Tướng Nguyễn-Khánh. Năm 1965, chủ Tăng vận động lật-đổ chánh-phủ Trần-văn-Hùng và hô-hào "bảo-vệ chủ quyền quốc-gia". Năm 1966, chính Phật-Giáo là đoàn-thể đầu tiên có sáng-kiến đòi hỏi nhà cầm quyền đương thời phải thành-lập một chánh-phủ dân-sử và một Quốc-Hội Lập-Hiến. Nhưng rồi cũng chính Phật-Giáo lại tẩy chay ngay việc bầu-cử Quốc-Hội Lập-Hiến, đấu-tranh quyết-liệt với chánh quyền quân-nhân của các Tướng Nguyễn-văn-Thiệu và Nguyễn-Cao-Kỳ, phủ-nhân Hiến-Pháp 1.4.1967 cũng kết quả các cuộc bầu-cử Tổng-Thống và Thượng Nghị-Viên năm 1967. Song song với việc chống đối các chánh quyền Việt Nam Cộng-Hòa, tình cảm bài Mỹ của Phật-Giáo tranh-đấu đã công khai bộc lộ từ năm 1965, tiếp tục trong những năm 1966, 67, 68 và 1969, để rồi lắng dịu dần dần từ đầu năm 1970.

Thái-độ hòa-hoàn ấy đối với Hoa-kỳ được tiếp nối vào hạ bán niên 1970 bằng một chuyển hướng quan trọng trong chiến thuật đối phó với chánh-quyền Việt-Nam Cộng Hòa: thay vì phủ-nhận, phe Phật-Giáo tranh-đấu đã chấp nhận khung cảnh pháp-lý của chế-độ hiện hữu để tham-gia tích-cực vào cuộc bầu-cử bán phần Thượng Nghị-Viên ngày 30.8.1970, và họ đã thâu đạt được thắng lợi về vang. Hiện nay Phật-Giáo có 10 nghị-sĩ tại Thượng Nghị-Viên và một số đại-dien dân cử khác tại tất cả các cấp bậc trong tổ-chức chánh-trị và hành-chánh quốc-gia. Tăng-sĩ và Cư-sĩ Phật-Giáo hiện nay vẫn nỗ lực tiếp tục cuộc vận động chánh trị nhân danh Hòa-bình, Dân-chủ, Tự-do và Công-bằng xã-hội. Hoạt-động của họ đã và đang gây được tiếng vang ở cả trong lẫn ngoài nước.

Đối chiếu những hoạt-động chánh-trị trên đây với mọi hoạt-động trước năm 1963, ta thấy chỉ từ khi thực sự trở thành đoàn-thể áp lực mạnh mẽ, tức là từ 1963, Phật-Giáo mới có đủ khả-năng ảnh-hưởng tích cực tới sanh-hoạt chánh-trị và gây nên những hành-động hỗ-tương ngoạn-mục giữa các lực-lượng chánh-trị. Hiện nay, mặc dầu vẫn là một tôn-giáo đa số và giới Tăng-sĩ không ngớt biểu lộ ý muốn xác nhận địa-vị đa số ấy trong đời sống quốc-gia, Phật-Giáo lại là thành-phần thiểu số trong quòng máy chánh-trị và các chánh khách thuộc phe Ấn-Quang đứng ở thế đối lập với chánh-quyền.

III - GIỚI-THIỆU ĐỀ-TÀI LUẬN-ÁN VÀ ĐẶT RA CÁC VẤN-ĐỀ MÀ LUẬN-ÁN PHẢI GIẢI-QUYẾT

A - Giới-thiệu đề-tài luận-án và lợi ích của đề tài

Hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo Việt-Nam quả thực đã và đang ảnh-hướng tới đời sống quốc-gia và những tương-quan giữa các lực-lượng xã-hội. Vì vậy vấn-đề "Phật-Giáo và Chánh-Trị tại Việt-Nam ngày nay" đã thu hút được sự chú ý của mọi giới và đáng được chọn làm đề-tài nghiên cứu. Phân-tích vấn-đề này, ta nhận thấy nó có ba lợi ích quan trọng :

1) Tính-cách mới mẽ của đề-tài : Hiện tượng Phật-Giáo can-thiệp vào chánh-trị đã đập đổ cả một thành kiến lâu đời đối với các vị Sư. Thật vậy, ngày nay hiển-nhiên chư Tăng không còn bị coi là những người hủ lậu, yếm thế, "trốn việc quan đi ở chùa" như xưa nữa. Trái lại, chư Tăng xuất hiện từ năm 1963 như những chiến-sĩ đứng-cảm của Nhân-Quyền, những lý-thuyết-gia chánh-trị xuất sắc, và những cán-bộ hành-động mẫn cán.

2) Tính-cách thiết-thực của đề-tài : Đề-tài này hoàn-toàn có tính-cách thiết-thực vì các hoạt-động chánh

trị của Phật-Giáo không nhiều thì ít đều ảnh-hưởng tới mọi lãnh-vực sanh-hoạt quốc-gia và, do đó, liên-hệ tới cuộc sống của mọi công-dân.

3) Tâm quan-trọng của đề-tài : Cuộc vận-động năm 1963 của Phật-Giáo đã có những hậu quả cực kỳ quan-trọng : một chế-độ độc-tài củng-cố vững chắc suốt chín năm bị sụp đổ ; tiếp theo nó là một chuỗi dài những khủng hoảng trầm trọng về chánh-trị, kinh-tế, quân-sự và xã-hội. Hơn nữa, sự nhập cuộc ngoạn-mục của Phật-Giáo đã lôi cuốn được các lực-lượng chánh-trị cả trong lẫn ngoài cộng-đồng quốc-gia hỗ-tương hành-động khá sôi nổi : chánh-quyền, các đoàn-thể tôn-giáo, chánh đảng, mặt-trận Dân-tộc Giải-Phóng Miền Nam và Hoa-Kỳ.

Từ năm đó tới nay tranh chấp giữa chánh quyền và Phật-Giáo liên miên xảy ra dưới những hình thức khác nhau. Phật-Giáo cho rằng chánh quyền có âm mưu chèn ép, kỳ thị, chia rẽ, triệt hạ họ. Ngược lại, chánh quyền tố cáo một số tăng-sĩ hoạt-động chánh-trị dưới chiêu-bãi tôn-giáo và gây xáo trộn cho đời sống quốc-gia. Tình-trạng này cho thấy ở Việt-Nam, cũng như ở các nước ngoài, nhất là các nước chậm tiến trong đó tôn-giáo có ảnh-hưởng chánh-trị quan trọng, khi một tôn-giáo đã trở thành đoàn-thể áp lực thực sự và muốn chiếm một địa-vị ưu đãi trong quốc-gia thì thế nào cũng gây nên tranh chấp liên miên giữa Giáo-quyền và Thế-quyền. Như vậy vấn-đề Phật-Giáo và chánh-trị không những đã được đặt ra với một tầm quan trọng đặc biệt trong năm 1963 và liên tục từ đó đến nay, mà nó sẽ còn phải được đặt ra về sau này nữa. Do đó giải-pháp cho mọi mâu-thuẫn giữa hai quyền-lực trở nên cần-thiết cả trong hiện tại lẫn trong tương-lai. Nói cách khác, giải-pháp này luôn luôn giữ được tính-cách thời-sự của nó.

Ba lợi ích nêu trên chỉ có thể nhận thấy rõ rệt nếu luận-án giải-quyết được một số các vấn-đề dưới đây, tức là đưa ra được một giải-pháp đề-nghị cho toàn bộ vấn-đề Phật-Giáo và Chánh-trị tại Việt-Nam ngày nay.

B - Đặt các vấn-đề mà luân án phải giải-quyết

Nếu chư Tăng thường không nhìn nhận đã hoạt-động chánh-trị và tin rằng mọi hành vi tranh đấu đều nhằm "Bảo-vệ Đạo-Pháp và Dân-Tộc", phải chăng đã có sự mâu thuẫn giữa lý-thuyết và hành-động? Nói cách khác, trong thực tế chư Tăng có hoạt động chánh-trị hay không? Có làm-lộn giữa tôn-giáo và chánh-trị không, khi đồng-hóa Đạo-Pháp với Dân-Tộc?

Nếu chư Tăng quả thực có hoạt động chánh trị và nếu hoạt-động đó lợi bất cập hại cho cả tôn-giáo lẫn quốc gia, người ta phải làm thế nào chấm-dứt sự làm lộn giữa Đạo và Đời ngõ hầu tạo một tương-quan tốt đẹp giữa hai bên? Nếu chư Tăng cho rằng phải tranh-đấu để bảo vệ tôn giáo, thì người ta phải tìm giải-pháp nào hữu hiệu nhất để bảo-vệ tự-do tôn-giáo? Nếu tương-tranh nội bộ Phật Giáo có nguyên-nhân chánh-trị, thì phải có cách nào loại trừ được nguyên-nhân phân-hóa ấy?

Đó là những câu hỏi trên chót mà lời giải-đáp chỉ có thể được tìm thấy sau khi đã phân-tách một cách khoa-học các hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo.

C - Giới-hạn đề-tài

Hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo Việt-Nam được nghiên-cứu trong một khuôn-khổ chịu ba giới-hạn:

1) Giới-hạn về đối-tượng nghiên-cứu : Phật-Giáo thuộc đề-tài này chỉ gồm các giáo-phái, hội đoàn Bắc tông và Nam tông (hay Đại-thừa và Tiểu-thừa) đã gia-nhập Giáo hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-nhất. Giới-hạn này đặt ra ngoài phạm-vi nghiên-cứu những giáo-phái cũng thực-hành một số lời dạy của Đức Phật nhưng không nằm trong hai Tông phái chính vừa kể. Đó là Cao-đài, Hòa-hảo, Phật-Giáo Bửu Sơn Kỳ-Hương, và Phật-hội Pháp Hoa (Phật-hội sau chót này được thành-lập do nghị-định số 778-BNU/KS ngày 11.6.1965 của Bộ Nội-Uu, và không theo tiểu-thừa hay đại-thừa, nhưng theo Nhất thừa), v... v...

2) Giới-hạn về không-gian : Đề-tài này chỉ khảo sát Phật-Giáo tại Việt-Nam Cộng-Hòa. Phật-Giáo tại Bắc-Việt không được nghiên-cứu vì hai lý-do. Trước hết, hiện nay tại miền Nam không có đủ tài-liệu liên-hệ của miền Bắc. Hơn nữa, tôn-giáo không thể tạo được ảnh-hưởng quan-trọng trong hệ-thống chánh-trị Cộng-sản vì lý-thuyết Mác-xít cho rằng tôn-giáo là thuốc phiện ru ngủ nhân-dân và, do đó, cần phải bị đánh đổ.

3) Giới-hạn về thời-gian : Đề-tài này chỉ phân tích hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo từ tháng 5 năm 1963 tới đầu năm 1971. Tuy nhiên, vì tôn-giáo có sinh hoạt trần gian, sống trong thời-gian và không-gian rộng lớn, nên ta phải khởi nguồn quá khứ để soi sáng tình-trạng hiện tại (7). Hơn nữa, tôn-giáo sinh-hoạt trong một xã-hội bao quát, nên nó không thể bị đặt trong một tình-trạng cô lập khi nghiên-cứu (8). Vì vậy, ta phải có nhãn quan địa-dư rộng rãi khi phân-tích hiện-tượng chánh-trị trong Phật-Giáo. Đó là hai điểm bổ cứu có tính-cách khoa-học của việc giới hạn phạm-vi của đề-tài. Bàn đến tính-cách khoa-học, tức là đề-cập đến phương-pháp nghiên-cứu.

(7) Bras, Gabriel Le : Problèmes de la sociologie des religions, lục đăng trong *Traité de Sociologie*, publié sous la direction de Georges Gurvitch, Tome II, trng 93, P.U.F. 1960.

(8) Bras, Gabriel Le : *Sách tã dẫn*, trang 92.

IV - PHƯƠNG-PHÁP NGHIÊN-CỨU

A - Trình-bày phương-pháp nghiên-cứu

Có nhiều phương-pháp nghiên-cứu. Trên bình-diện xã-hội-học, người ta có thể căn-cứ vào lịch-sử để mô-tả những tương-quan giữa tôn-giáo và chính quyền trên đường phát-triển song hành. Vì phương-pháp này dễ bị tràn ngập bởi những sự-kiện, nên nhiều tác-giả đã phân-tích theo quan-điểm hiện-tượng-học những nguyên-tắc chi-phối mối tương-quan. Tuy nhiên, phương-pháp thứ hai cũng có khuyết điểm là làm cho người ta có thể lăm-lộn sự mô-tả với những khẳng-định có tính-cách quy chuẩn. Rút kinh-nghiệm trên, Giáo-sư Joachim Wach đã theo phương-pháp trung-dụng bằng cách sử-dụng những yếu-tố quý nhất của hai phương pháp vừa kể để đem những kết-quả có giá-trị vào phương-pháp đặc biệt xã-hội-học (9).

Trên bình-diện chính-trị-học, các giáo hội ngày nay được xếp vào loại những đoàn-thể áp-lực (10). Ngay khi đề-cấp tới những đoàn-thể xã-hội, chính-trị-học bước vào một trong những lãnh-vực ưu-dãi của xã-hội-học. Vì vậy ta sẽ nghiên-cứu Phật-Giáo Việt-Nam như một đoàn-thể áp-lực, đồng thời khai-thác những thành quả hữu dụng của khoa xã-hội-học tôn-giáo để phối-hợp với phương-pháp chính-trị-học, một phương-pháp căn-bản của cuộc nghiên-cứu (11). Đây là một phương-pháp "động", theo đó chính-trị được quan-niệm như một diễn-trình những tác-động hỗ-tương của các lực-lượng xã-hội. Nó bao gồm việc khảo-sát thực-nghiệm, phân-tích lịch-sử và suy-luận triết-học. Thật vậy, khảo-sát thực-nghiệm chỉ có giá-trị khoa-học nếu những sự-kiện được hệ-thống-hóa trên căn-bản lý-thuyết. Nhưng lý-thuyết, luôn luôn phải tiếp-xúc với thực-tế, lại được hình-thành do sự phân-tích liên-tục lịch-sử và nhân

(9) Wach, Joachim : sách đã dẫn, trang 7 và kế tiếp.

(10) Meynaud, Jean : Nouvelles études sur les groupes de pression en France, trang 30-35, Librairie Armand Colin, 1962.

(11) Duverger, Maurice : Méthodes de la Science politique, P.U.F. 1959. Cũng xem : Almond, G.A. and Powell, G.B. : Comparative politics, Little and Brown, New-York, 1966.

quan toàn-diện về đời sống con người do triết-học công-hiến. Về điểm sau chót này, kẻ viết luận án không có khả năng hay tham vọng phân-tích toàn bộ triết-lý cao-siêu và bao la của nhà Phật chứa đựng trong thiên kinh vạn quyển man mác như trùng dương, mà chỉ có đề-cấp tới một vài khía cạnh có liên-hệ trực-tiếp tới đề-tài, vì hoạt-động chánh-trị của Tăng-sĩ đã đưa tới cuộc tranh luận về quan-diểm của đạo Phật đối với các vấn-đề chánh-trị.

B - Những trở-ngại trong việc nghiên-cứu

Việc áp-dụng những phương-pháp khoa-học nêu trên vào công cuộc nghiên-cứu hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo Việt-Nam đã gặp nhiều trở ngại :

- Trước hết, tài-liệu khách-quan và có tinh-thần khoa-học về các hoạt-động của Phật-Giáo trong thập-niên 1960 thật vô cùng thiếu sót. Thật vậy, từ năm 1963 người ta đã viết rất nhiều về Phật-Giáo, nhưng hầu hết những tài-liệu ấy đều thiếu tính-cách khoa-học vì người viết đã bị chi-phối bởi những đam mê chánh-trị, những thiên kiến hay những xúc động nhất thời. Hơn nữa, công-luận đã được ghi nhận trên báo chí Việt-Nam và ngoại quốc nhiều khi lại thiếu xác thực. Khuyết điểm ấy một phần là do các phe phái đối nghịch đôi khi cố tình ngụy tạo ra những tài liệu, những nguồn tin man-trá cốt làm sao gây được một dư-luận thuận lợi cho lập-trường của mình ; một phần khác là do chính sự sai lạc của công-luận trong tình-trạng hiện tại của nước nhà vừa phân-hóa vừa bất ổn.

- Thứ đến, việc nghiên-cứu càng trở nên nan-giải hơn vì thái-độ dè dặt của các nhà lãnh-dạo Phật giáo. Thật vậy, gặp gỡ được chư Tăng nòng cốt của phong-trào tranh-đấu là điều vô cùng khó-khăn. Ngay khi đã kiếm đủ cách để diện kiến được chư Tăng rồi, kẻ đi phỏng-vấn cũng không thể tìm hiểu rõ ràng và đầy-ủi được sự thực vì nhiều lý-do. Trước hết, người được phỏng-vấn thường tỏ ra rất thận trọng và đôi khi có thể nghi-ngờ mục-đích của cuộc phỏng vấn. Do đó chư Tăng không nói hết mọi khía cạnh thực của vấn-đề, nhất là những khía-cạnh xét ra bất lợi cho chính nghĩa Phật-giáo. Thái-độ đa nghi và dè dặt ấy phát-sinh

một phần do những mưu chước chánh-trị của các phe phái thường-xuyên rình-rập Phật-Giáo ; một phần khác do tình-trạng phân-hóa nội bộ của chính Phật-Giáo khiến mỗi bên đối nghịch đều muốn bảo mật thực-lực của mình. Bên nào cũng trình-bày vấn-đề được phỏng-vấn một cách rất thuận-lý, cũng muốn giành lấy lẽ phải, cũng tự cho rằng mình mạnh và cố tạo cho lãnh-tự của mình một hào quang huyền-thoại. Trong hoàn-cảnh ấy khó tìm ra được những con số thống-kê chính xác về tình-hình thực sự của Phật-Giáo.

Vì vậy, một mặt kẻ nghiên-cứu phải luôn luôn thán-trọng trong việc sưu-tầm và phân-tích các sự-kiện. Mặt khác, vì là chứng nhân của thời-cuộc, kẻ nghiên-cứu đã liên tục theo dõi, quan-sát mọi biến-cố liên-hệ gần xa tới Phật-Giáo từ năm 1963 tới nay, rồi suy tư kỹ-lưỡng và phối hợp những dữ-kiện ấy với các tài-liệu khả dụng ngõ hầu đi tới sự phân-tích và giải-thích một cách hoàn-toàn khách-quan hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo. Để tăng-cường tính-cách khả tín của nó, sự giải-thích còn được kiểm-chứng bằng cách so-sánh giữa hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo Việt-Nam với hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo tại các nước ngoài.

V - GIỚI-THIỆU BỐ-CỤC LUẬN ÁN

Quan-niệm Phật-Giáo là một đoàn-thể áp lực, người nghiên-cứu trước hết phải tìm hiểu thực-lực của đoàn-thể ấy, vì cũng như mọi đoàn-thể khác, Phật-Giáo tạo được địa vị đáng kể trên chính-trường là nhờ ở chính thế-lực của mình. Thế-lực ấy được cấu-tạo bởi những yếu-tố gì và đã biến-chuyển ra sao ? Trả lời câu hỏi này là đối-tượng phân-thứ nhất của Luận án.

Thế-lực vừa kể được các nhà chánh-trị-học gọi là tích-sản chính-trị mà đoàn-thể đem xử-dụng để tạo áp-lực lên công-quyền ngõ hầu lái các quyết-định của nhà cầm quyền theo một chiều hướng thuận-tiến cho việc thực-hiện mục-đích của đoàn-thể. Như vậy câu hỏi thứ hai cần được đặt ra là Phật-Giáo Việt-Nam đã xử-dụng thế-lực của mình

ra sao ? tức là đã hành-dộng thế nào để ảnh-hưởng tới đời sống quốc-gia ? Nói một cách khác, Phật-Giáo đã áp-dụng các kỹ-thuật hành-dộng gì để tham-gia chánh-trị, và sự tham-gia ấy đã ảnh-hưởng ra sao đến mối tương-quan giữa các lực-lượng xã-hội ? Các câu hỏi này sẽ được giải đáp trong Phần thứ hai của luận án.

Sự phân-tích khoa-học trong hai phần nêu trên giúp ta đi tới một nhận-định vô tư về hậu-quả việc tham-gia chánh-trị của Phật-Giáo. Nếu một mặt sự tham-gia ấy đã gây nên mối xung-khắc giữa Giáo-hội và Nhà Nước, nhưng nếu mặt khác hành-vi chánh-trị của chư Tăng lại có đủ lý-do biện-minh, thì vấn-đề quan-trọng cần được đặt ra là phải tìm cách nào để bình-thường-hóa mối tương-quan giữa Phật-Giáo và Quốc-Gia ? Vì vậy trong Phần thứ ba và cũng là phần chót của luận-án, kẻ cầm bút cố đưa ra một giải-pháp đề-nghị nhằm giải đáp tất cả những câu hỏi then chốt đã được nêu lên khi giới-thiệu đề-tài luận án. Thiết tưởng việc cố-gắng tìm kiếm một giải-pháp cho vấn-đề Phật-Giáo tại Việt-Nam có thể nói lên mục-tiêu thiết-thực của luận án, vì nó nhằm góp phần vào việc tìm kiếm phương thức tái lập thế quân-bình giữa Quốc-Gia với Giáo-hội ; và chỉ có thế quân-bình ấy mới đảm bảo được sự điều-hòa sanh-hoạt của hai xã-hội dân-sự và tôn-giáo.

Tóm lại, được trình-bày như vậy, luận án "Phật Giáo và Chánh-trị tại Việt-Nam ngày nay" gồm có 3 phần :

- Phần I - Những thành tố của thế-lực Phật-Giáo
- Phần II - Sự tham-gia chánh-trị của Phật-Giáo
- Phần III - Giải-pháp đề-nghị cho vấn-đề Phật-Giáo tại Việt-Nam

Phân Tích Nhất

**NHỮNG THÀNH TỔ CỦA
THẾ-LỰC PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM**

Vì không nhằm nghiên-cứu lý-thuyết về bản-chất pháp-
lý và chánh-trị của các đoàn-thể áp lực, mà chỉ
dùng đoàn-thể ấy làm mô-thức khảo-sát hoạt-dộng chánh-trị
của Phật-giáo, nên trước khi phân tách những thành tố của
thế-lực Phật-giáo ta chỉ cần trình-bày một khái niệm rất
đại cương về đoàn-thể áp lực và lý-do hội nhập Giáo-Hội
vào loại đoàn-thể này.

A - KHÁI-NIỆM ĐẠI-CƯƠNG VỀ ĐOÀN-THỂ ÁP-LỰC

Nói một cách tổng quát, "đoàn-thể áp lực" là danh
từ dùng để chỉ các hiệp-hội, nghiệp-đoàn và hội xã. Nhằm bảo
vệ quyền-lợi chung của đoàn-viên, những đoàn-thể ấy cố gắng
ảnh-hưởng tới hành-dộng của công quyền và hướng-dẫn công-
luận bằng mọi phương-tiện hoặc trực-tiếp hoặc gián-tiếp (12).
Như vậy, đoàn-thể áp lực là đoàn-thể tư-lợi, dùng phương-
tiện can-thiệp với chánh quyền một cách thường xuyên hay
không thường xuyên để đòi được thỏa-mãn những nguyện-vọng,
được chấp-nhận những yêu-sách, hay để khẳng định những ý-
kiến và, nếu cần, chống lại sự tấn công của Nhà Nước.

Về phương-diện kỹ-thuật, đoàn-thể áp lực không
phải là một tổ-chức chánh-trị, vì nó đứng ngoài chánh quyền
và chánh đảng. Khác với chánh đảng, nó không đưa ứng-viên
ra tranh-cử, không tham-dự trực-tiếp vào chánh quyền và
không nhằm mục-tiêu chiếm chánh quyền.

Tuy nhiên, can-thiệp vào diễn-trình cấu-tạo quyết
định của chánh quyền tức là đoàn-thể tư lợi đã tham gia vào
sự quản-trị công việc chung và, do đó, mọi hành-dộng can-

(12) Mathieu, A. : Les "Pressure groups" aux Etats-Unis, revue française
de science politique, N. 3, 1952, P. 430.

Về đoàn-thể áp lực, xin xem : Meynaud, Jean : sách đã dẫn, I ; Les
groupes de pression en France, Armand Colin, 1958. Trong hai tác-phẩm
này J. Meynaud có liệt kê một thư tịch về đoàn-thể áp lực.

Cũng xem : Almond, Gabriel A., and Powell Jr, G. Bingham : Comparative
politics, pp. 73-127, Little, Brown and Co, 1966.

thiệp không nhiều thì ít đều nhuộm màu sắc chánh-trị. Thật vậy, sự quan-trị công việc chung gồm có việc ấn-định và trình-bày vấn-đề phải giải-quyết, thảo-luận các biện-pháp khả hành và thi-hành giải-pháp đã được chọn lựa. Trong suốt diễn trình này hầu như không một giai-đoạn nào thoát khỏi sự can-thiệp của đoàn-thể áp lực. Tuy đứng ngoài tổ-chức hiến-pháp và hành-chánh, nhưng các đoàn-thể vẫn gây áp lực hầu như liên-tục đối với guồng máy công quyền, hoặc kiểm- chế hoặc thúc-đẩy guồng máy ấy (13). Do đó, tuy không phải là những tổ-chức chánh-trị, nhưng đoàn-thể áp lực vẫn là những lực-lượng chánh-trị mà hành-vi can-thiệp có ảnh-hưởng đến nhiều lãnh-vực sanh-hoạt của quốc-gia.

B - TÍNH-CÁCH CHÍNH-ĐÁNG CỦA VIỆC HỘI NHẬP GIÁO-HỘI VÀO LOẠI CÁC ĐOÀN-THỂ ÁP-LỰC

Vì màu sắc chánh-trị của mọi hành-động tập-thể đối với chánh quyền và vì sự tạp bác của vô số những đoàn-thể áp lực, nên người ta đã tranh-luận rất nhiều về tính-cách chánh đáng của việc hội nhập Giáo-Hội vào đoàn-thể áp lực, sau những đoàn-thể doanh-thương, lao-động hay cựu chiến-binh. Sự hội nhập này được biện minh bởi những nhận xét thực tiễn. Thật vậy, bất cứ một cuộc nghiên-cứu đúng- đắn nào về những vụ can-thiệp với chánh quyền đều không thể bỏ qua những vận-động do động-cơ tôn-giáo thúc-đẩy, vì ở bất cứ thời nào, giáo-quyền và chánh-quyền cũng có những tương-quan. Ít ra tương-quan đó cũng có dính líu tới các điều-kiện hành-xử nhiệm-vụ : một mặt, trừ phi cấm hành đạo, những chánh-phủ, kể cả Cộng-sản, thường gặp vấn-đề tôn giáo trong những hoàn-cảnh khác nhau. Mặt khác, những lãnh tụ tôn-giáo cũng không thể thản-nhiên trước những hành-động nào của chánh-quyền đụng-chạm tới giáo-điều hay luân-lý tôn giáo (thí dụ : vấn-đề ly-dị hay kiểm-soát sinh đẻ đối với Công-Giáo). Trong hai viễn ảnh đó, Giáo-Hội đòi hỏi tín-đồ hỗ-trợ cho mình để can-thiệp với chánh quyền, nhất là bằng việc xử-dụng một cách chính đáng khí giới bầu-cử. Như vậy chánh-kiến bị ảnh-hưởng bởi đức-tin.

(13) Meynaud, Jean : sách đã dẫn I, trang 3 và kế tiếp ; sách đã dẫn II, trang 11 và kế tiếp.

Hơn nữa, dầu rằng lập-trường do các Giáo-Hội bày tỏ về những vấn-đề quốc-gia hay quốc-tế trọng đại đã phát-xuất từ một quan tâm đạo-đức, chứ không từ một ý-chí đấu-tranh có tính-cách ý-thức-hệ, những lập-trường ấy vẫn có liên-hệ với chánh-trị mà nhà lãnh-đạo tôn-giáo không thể không biết tới. Lập-trường vừa kể có hậu quả gì đối với tín đồ ? chúng nào nó có thể động-viên được tín-đồ để đoạt thắng lợi trong việc can-thiệp với chánh quyền ? Đó chính là một trong những điều-kiện và giới-hạn của ảnh-hưởng Giáo-Hội đối với chánh quyền.

Về phương-diện chánh-trị, hoạt-động của Giáo-Hội được hiểu như là một sự-kiện bao gồm hai khía-cạnh : sự can thiệp tích-cực - trực-tiếp hay gián-tiếp - của giáo-quyền trong địa-hạt này, và ảnh-hưởng của việc hành đạo đối với thái-độ của công-dân (đặc biệt về vấn-đề bầu-cử). Theo giáo sư Jean Meynaud chỉ có khía-cạnh đầu tiên mới trực-tiếp thuộc phạm-vi nghiên-cứu về đoàn-thể áp lực. Điều ấy có nghĩa là yếu-tố tôn-giáo trong chánh-trị vượt quá khuôn-khố nghiên-cứu chuyên biệt này (14).

Tóm lại, việc hội-nhập Giáo-Hội vào đoàn-thể áp lực được coi là chánh đáng. Tuy nhiên, Giáo-Hội có những nhiệm-vụ riêng biệt phải do chính Giáo-Hội đích thân thực-hiện. Cơ-quan công quyền, nhiều nhất, chỉ có thể làm dễ-dàng (hay gây trở ngại) công việc của Giáo-Hội. Do đó việc gây áp-lực đối với chánh quyền chỉ là một phần hoạt-động của tôn-giáo. Hơn nữa, tại các nước tiến tiến ngày nay Giáo Hội chỉ có thể lựa chọn bước vào đời sống chánh-trị qua những cá-nhân trung-gian, bằng cách sử-dụng những dịch-vụ của một "đoàn-thể bảo-vệ" hay của một chánh đảng coi sứ-mạng bảo-vệ quyền-lợi tôn-giáo là một nhiệm-vụ chuyên độc hay là một trong những trách-nhiệm. Chính dưới khía-cạnh can-thiệp gián-tiếp ấy mà Giáo-Hội thường được nghiên-cứu như một đoàn-thể áp-lực. Khi đó Giáo-Hội được coi là trung-tâm thúc-đẩy hay phối-trí. Trái lại, trong những nước mới độc-lập, các đoàn-thể áp-lực, kể cả Giáo-Hội, thường trực-

(14) Meynaud, Jean : sách đã dẫn I, tr. 30-35 ; sách đã dẫn II, tr. 85-89

tiếp can-thiệp vào chánh-trường, vì cơ-cấu chánh đảng quá yếu ớt. Việt-Nam Cộng-Hòa cũng không thoát khỏi tình-trạng này : từ năm 1963 tới nay Phật-Giáo thường dùng thế-lực của mình để ảnh-hưởng trực-tiếp tới cuộc sinh-hoạt chính-trị. Thế-lực ấy có một tầm quan-trọng đặc biệt vì nó là tích sản chính-trị nhờ đó các đoàn thể tham-gia vào sự quản-trị công việc chung. Các nhà chính-trị-học thường phân-tích thế-lực của một đoàn-thể thành hai yếu-tố là : uy-tín xã-hội và cơ cấu nội bộ. Hai yếu-tố ấy được dùng làm đối tượng nghiên-cứu của hai Thiên dưới đây :

- Thiên I - Uy-tín xã-hội của Phật-Giáo.
- Thiên II - Cơ-cấu nội bộ của Phật-Giáo.

o^o
o_o

Thiên 1

UY-TÍN XÃ-HỘI CỦA PHẬT-GIÁO

Uy-tín xã-hội là địa-vị và danh tiếng của một đoàn thể đối với công-chúng và chánh-quyền. Nếu đoàn-thể có uy-tín cao, mục-tiêu của đoàn-thể sẽ được xã-hội chấp-nhận một cách dễ-dàng và, do đó, người lãnh-dạo đoàn-thể dễ có cơ-hội xâm-nhập vào các trung-tâm quyết-định. Các nhà chánh-trị học cho rằng uy-tín xã-hội là yếu-tố quan-trọng để xác-định sức mạnh của một tập-thể. Trong khi đó kỹ-thuật hành-dộng của tập-thể thường được coi là có ảnh-hưởng tới uy-tín, chứ không phải là một thành-tố của uy-tín (15). Uy-tín xã-hội của Phật-Giáo Việt-Nam được tạo nên bởi thời-cơ thuận lợi và giá-trị tinh-thần khả kính của đạo-Phật. Hai thành-tố ấy được phân tích trong hai Chương :

- Chương I - Thời cơ của Phật-Giáo Việt-Nam.
- Chương II - Giá-trị tinh-thần của Phật-Giáo Việt-Nam.

CHƯƠNG I

THỜI-CƠ CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Phân tích tình-hình chánh-trị nước ta hồi tháng 5 năm 1963, ai cũng nhận thấy rằng hoàn cảnh chánh-trị và hoàn cảnh tôn-giáo đã thúc đẩy Phật-Giáo đứng lên tranh-đấu và qui-tụ đông đảo quần chúng cùng các lực-lượng chánh-trị vốn bất mãn với chánh quyền đương thời : Tiết I - Hoàn-cảnh chánh-trị ; Tiết II - Hoàn-cảnh tôn-giáo.

(15) Meynaud, Jean : sách đã dẫn I, tr. 220 ; sách đã dẫn II, tr. 164.

TIẾT I
HOÀN-CẢNH CHÁNH-TRỊ

Chánh-sách độc-tài của nền Đệ Nhất Cộng-Hòa đã từ khước mọi hình-thức đối lập khiến các lực-lượng chánh-trị độc-lập với chánh quyền càng ngày càng công phần. Nhưng trước khi vụ Phật-giáo bùng nổ, người ta không có một cơ-hội nào để phản-kháng chánh quyền một cách có hiệu quả và, do đó, mọi khuynh hướng chống đối chế-độ đã không có lối thoát. Chính cuộc tranh-dấu của Phật-Giáo được coi là lối thoát quý-báu cho mọi phe-phái và cá-nhân bất mãn. Do đó Phật-Giáo đã kết-hợp được một lực-lượng nhân-dân rộng lớn. Thêm vào đó sự suy-sụp tiêm tiến trong mối bang-giao Việt-Mỹ đã mặc nhiên khuyến-khích Phật-Giáo yên tâm hành-động. Hoàn-cảnh chánh-trị quốc nội và quốc-tế này sẽ được xét trong hai Đoạn.

ĐOẠN I - HOÀN-CẢNH CHÁNH-TRỊ QUỐC NỘI

Muốn hiểu tại sao chánh-sách độc-tài đã đem lại thời-cơ thuận lợi cho Phật-Giáo, ta phải phân-tích nguyên-nhân và hậu quả của chế-độ độc-tài.

A - NGUYÊN-NHÂN CỦA CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI

Khung-cảnh pháp-lý và thực-tại chánh-trị Việt-Nam từ năm 1954 tới năm 1963 là những điều-kiện thuận lợi cho việc thiết-lập một chế-độ độc-tài cá-nhân.

I. Khung-cảnh pháp-lý - Trên bình-diện pháp-lý, ngay từ khi chấp chánh, Thủ-Tướng Ngô-dình-Diệm đã được Quốc-trưởng Bảo-Đại ủy-thác toàn quyền dân-sự và quân-sự để đối-phó với một tình-thế bi-đát. Rồi, thể-thức trưng-cầu dân ý ngày 23.10.1955 với kết-quả 5.722.000 phiếu suy-tôn Ông Ngô-dình-Diệm làm Quốc-Trưởng chống 63.000 phiếu ủng-hộ Ông Bảo-Đại, và Hiến-ước tạm thời ngày 26.10.1955 đặt nền móng cho chế-độ tương-lai đồng thời dành toàn-quyền cho Quốc-Trưởng, đã chớm nở một khung-cảnh pháp-lý của chế-độ quyền uy. Một năm sau, Hiến-pháp Đệ Nhất Cộng-Hòa ra đời đã ngang-nhiên dành ngôi vị Tổng-Thống cho Ông Ngô-dình-Diệm,

mặc dầu tình-hình an-ninh hồi đó có thể cho phép tổ-chức một cuộc bầu-cử trên toàn quốc. Hiến-pháp đã dành cho Tổng-Thống nhiều quyền-hành rộng lớn : lãnh-đạo quốc-dân, hạn-chế các tự-do cộng-cộng, ký sắc-luật giữa hai khóa họp thường lệ của Quốc-Hội, bổ-nhiệm các sứ-thần và công-chức cao cấp không cần hỏi ý-kiến cơ-quan Lập-Pháp, ký sắc-lệnh tuyên-bố tình-trạng báo-động, giới nghiêm v.v...

Trên bình-diện luật hiến-pháp và chánh-trị học đối chiếu, ta thấy Tổng-Thống Việt-Nam có nhiều quyền-hành hơn cả Tổng-Thống Hoa-kỳ vì nhiều lẽ. Trước hết, khác với cơ-cấu liên-bang của Mỹ, cơ-cấu quốc-gia đơn lập của ta đương-nhiên đưa tới việc tập-trung quyền-hành vào trong tay vị nguyên-thủ Hành-Pháp (16). Thứ đến, một sự tập-trung quyền-hành quá mức và xâm nhập sâu xa vào lãnh-vực lập-pháp như vậy đã trở thành phương-tiên hữu hiệu để thủ-tiêu đối-lập. Sau hết, khác với chế-độ lưỡng đảng tại Mỹ, sự tập-trung quyền-hành vào tay Tổng-Thống tại Việt-Nam đã giúp chánh quyền tạo một chế-độ độc đảng và những tổ-chức chánh-trị tương-tự.

Do đó chế-độ dân-chủ toàn diện của Hiến-pháp 26.10.1956 trong thực-tế đã biến thành một chế-độ độc-tài cá-nhân được biện-minh bởi thực tại chánh-trị.

2. Thực-tại chánh-trị - Thực-tại chánh-trị bao hàm hoàn-cảnh chánh-trị Việt-Nam và quan-niệm chánh-trị của Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm.

a) Hoàn-cảnh chánh-trị - Thừa-kế của đế-quốc Pháp bại trận, chánh-phủ miền Nam Việt-Nam năm 1954 coi như khó có thể đứng vững nổi vì những khó khăn nội bộ trên khắp mọi địa-hạt. Riêng về phương-diện chánh-trị, chủ-nghĩa Quốc-Gia đã bị khai-thác từ lâu bởi Cộng-sản vì sự yếu kém của các đảng-phái Quốc-Gia. Thêm vào đó, các chánh đảng tại miền Nam đã thiếu một chủ-thuyết thống-nhất và cách-mạng.

(16) Bông, Nguyễn-văn : sách đã dẫn, tr. 358-359.

Cũng xem : Shaplen, Robert : The lost revolution, tr. 128 và kết tiếp, Harper and Row, Publishers, New-York, 1965.

Hơn nữa, các giáo-phái xung hùng xung bá trong mỗi vùng riêng biệt khiến sự thuận-nhất quốc-gia trở nên khó-khăn. Sau hết, vào thời đó Ông Ngô-dình-Diệm cũng chưa được coi là một lãnh-tu siêu Việt có thể gây cảm hứng cho lòng chung-thủy quốc-gia. Bởi vậy việc củng-cố, kiểm-soát guồng máy quân-đội và cảnh-sát trở thành mối bận tâm nhất của chánh-phủ trong việc xây-dựng một quốc-gia sống còn được (17).

Mặc dầu các cơ-cấu dân-chủ đã được thiết-lập, những phần-tử Cộng-sản vẫn hoạt-động được ; sức phá-hoại của họ càng ngày càng đe dọa nền an-ninh quốc-gia. Cuộc chiến-tranh phá-hoại đã được họ thực-sự phát-động từ cuối năm 1960 với sự thành-lập Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam mà nòng-cốt là đảng Nhân-Dân Cách-Mạng, tức là đảng Cộng-Sản Nam-Bộ trá hình, mệnh danh là Trung-Uương Cục miền Nam của đảng Lao-Động Bắc-Việt. Đảng Nhân-Dân Cách-Mạng chính-thức ra đời vào năm 1962 để lãnh-đạo phong-trào phá-hoại miền Nam Việt-Nam. Đối phó với biến-cố nghiêm trọng do Cộng-Sản gây ra từ năm 1960, chính quyền Việt-Nam Cộng-Hòa, do sắc-lệnh số 209-TTP ngày 15.10.1961, đã ban-hành tình-trạng khẩn-trương trên toàn lãnh-thổ. Sau đó Quốc-Hội đã biểu-quyết mai-lệ các đạo-luật ủy quyền cho Tổng-Thống ban-hành các biện-pháp văn-hội trật-tự, tái lập an-ninh cùng những biện-pháp thích-nghi về tài-chánh. Do đó việc hạn-chế những tự-do công-cộng là hệ-luận tất nhiên của tình-trạng đặc biệt vừa kể ; "bảo-toàn sinh-mệnh quốc-gia" được coi là lý-do biện-minh cho các biện-pháp độc-tài.

Cùng với hoàn-cảnh chính-trị, quan-niệm chánh-trị của Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm cũng là yếu-tố quyết-định của việc hình-thành một chế-độ độc-tài cá-nhân trong thực-tế.

b) Quan-niệm chính-trị của Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm - Theo Honey, một chuyên-viên người Anh về các vấn-đề Việt-Nam, Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm đã đặt mục-tiêu chống

(17) Kahin, George Mc Turnan, Editor : Governments and politics of South East Asia, tr. 399 và kế tiếp, Cornell University Press, 2nd edition, 1964.

Cộng ưu tiên hơn việc xây-dựng dân-chủ thực sự (18). Nắm giữ và xử-dụng quyền-hành hợp pháp rất rộng lớn trong hoàn cảnh khó khăn mà ít quốc-gia gặp phải, ông tự cho mình có một sứ-mạng thiêng-liêng, ông không tin-tưởng ai ngoài gia-đình ông và một số thuộc-hạ thân-tín. Nhân-lãnh trách-nhiệm một mình, ông quan-niệm rằng tự-tự-do dân-chủ là mục-tiêu tối hậu, nhưng những quyền tự-do dân-chủ "lỗi-thời" chỉ cống-hiến Cộng-sản cơ-hội phá-hoại.

Chính vì vậy mà chế-độ Đệ Nhất Cộng-Hòa càng ngày càng đi sâu vào con đường độc-tài. Nhà cầm quyền đã hủy-bỏ những cuộc bầu-cử Xã Ấp khi tình-hình còn tương-đối an-ninh, thủ-tiêu mọi mầm-mống chống đối, kiểm-duyet báo-chí, hạn-chế những quyền tự-do, kiểm-soát nghiệp-đoàn, thao-túng Quốc Hội và tạo một thể chống Cộng có tính-cách tôn-giáo hơn là dân-chủ. Triết-lý chánh-trị Nhân-vị, bắt nguồn từ tư-tưởng Thiên-Chúa Giáo, dung-hợp với Nho-giáo và Quốc-Gia chủ-nghĩa, đã được dùng làm khí-giới tư-tưởng chống lại Cộng-sản chủ-nghĩa. Tuy nhiên, ngay hồi đó triết-lý Nhân-vị một mặt đã bị hàng Tăng-sĩ lãnh-đạo Tổng Hội Phật-Giáo Việt-Nam công-kích một cách kín-đáo trên một tập-chí của Tổng Hội (19) ; và mặt khác nó cũng không đủ sức thu hút giới trí-thức thị dân cũng như quảng-dại quần-chúng.

B - HẬU QUẢ CỦA CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI

Với quan-niệm tự tôn của lãnh-tự và đường-lối độc tài, chế-độ đã gây những hậu quả nghiêm trọng mà sự nổi dậy của Phật-giáo-dồ được người ta coi như một giọt nước làm tràn "ly nước bất mãn" đã đầy rồi (20) :

- Chế-độ càng ngày càng xa lìa nhân-dân. Bị bưng-bít sự thực, vì nguyên-thủ quốc-gia không nhìn thấy được sự thất

(18) Honey, P.J. : Democracy and the Republic of Vietnam, lục đăng trong Politics in Southern Asia, edited by Saul Rose, trang 200-217, Mac Millan Co LTD, New-York, St Martin's press, 1963.

(19) Nhất-Hạnh, Thích : Hoa Sen trong biển lửa, tr. 17-19, Hội Phật-tử Việt-kieu hai-ngoại xuất bản năm 1966.

(20) Bain, Chester : Việt-Nam, The roots of conflict, Prentice-Hall, Inc., New Jersey, 1967. Bản dịch của Nguyễn-Quang, tr. 152, Saigon 1968.

nhân tâm của chế-độ. Nguồn bất mãn phát-sinh trước hết từ những nhà trí-thức và những chiến-sĩ quốc-gia thuộc các đảng-phái đối-lập, vì họ không tán-đồng với chính-sách dùng người theo tiêu-chuẩn thân-tín cá-nhân hơn là khả-năng phục vụ, và lẽ-lối quản-trị quốc-gia không dân-chủ. Rồi vì bị đối-phương tuyên-truyền và lợi-dụng, nông-dân càng ngày càng mất tin-tưởng vào chế-độ một khi họ bị trở thành nạn-nhân của cuộc chiến-tranh.

- Các đoàn-thể chánh-trị, nghề-nghiệp và tôn-giáo vì chống-đối chế-độ hoặc công-khai hoặc ngấm-ngấm nên đã bị đàn-áp dưới nhiều hình-thức. Tuy nhiên, mọi vụ chống-đối trước ngày Phật-Giáo nổi-dậy đều bị dập tắt (21).

Sức đè nén càng ép mạnh thì bất mãn càng dâng cao để đi tới chỗ bùng nổ lớn khi cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo bước vào giai-đoạn gay-go nhất. Vì vậy cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo, một hiện-tượng "tức nước vỡ bờ", là thời-cơ thuận lợi nhất cho cả Phật-Giáo lẫn các lực-lượng đối-lập khác và, do đó, tạo cho các Tăng-sĩ lãnh-đạo một hào quang uy-tín đặc biệt. Phật-giáo được hưởng hai điều lợi :

Lợi điểm thứ nhất là trong một tình-trạng bế tắc, Phật-Giáo tranh-đấu hiện ra như một niềm hy-vọng cuối cùng cho tất cả mọi phe phái. Vì vậy phong-trào tranh-đấu do chư Tăng lãnh-đạo đương nhiên có khả-năng kết hợp được nhiều tầng lớp nhân-dân dưới cờ tôn-giáo.

Lợi điểm thứ nhì là chánh quyền khó tìm được lý-do chánh-đáng để đàn-áp cuộc đấu-tranh tôn-giáo khi công-luận chỉ nhìn thấy những sự-kiện thương tâm qua 8 cái chết bị thảm vì vụ hạ cờ Phật-Giáo tại Huế và vụ tự thiêu "vì Đạo-Pháp" đầu tiên tại giữa Thủ-Đô Saigon. Dựa vào hậu thuẫn

(21) Năm 1955, Mặt-Trận Thống-Nhất toàn lực quốc-gia gồm các giáo-phái Cao-dại, Hòa-hảo và Bình-Xuyên gửi tới hậu thư yêu-cầu Thủ-Tướng Ngô-đình-Diệm cai-tổ nội-các. Năm 1960, Nhóm Tự-do Tiến-bộ (Nhóm Caravelle) công-bố một tuyên-cáo đòi cải-cách kinh-tế và chính-trị. Ngày 11.11.1960, có cuộc đảo chánh hut của quân-đội. Ngày 27.2.1962, có vụ oanh-kích Dinh Độc-Lập. (Xem Bain, Chester A. : sách đã dẫn, tr. 148-152).

nhân-dân rộng lớn, Phật-Giáo đưa cuộc tranh-đấu tôn-giáo đi sâu vào địa-hạt chánh-trị, và tình-cảm tôn-giáo vốn vô cùng mãnh liệt đã được sử-dụng một cách rất hữu hiệu.

Theo sự phân-tích của Schlesinger, một sử-gia Huê-kỳ, thì cuộc tranh-đấu ấy, ngoài nguyên-do tôn-giáo, còn có những nguyên-do xã-hội và chánh-trị. Vẫn theo tác-giả này, đó là một cuộc nổi dậy chống lại cơ-cấu đẳng-cấp của xã-hội Việt-Nam cổ-truyền, chống lại thể-hệ già nua của những người quốc-gia Việt-Nam thuộc giai-cấp thượng-lưu, Công-giáo, và nói tiếng Pháp, để ủng-hộ thể-hệ quốc-gia trẻ-trung mà phần lớn xuất thân từ giai-cấp trung-lưu và hạ-lưu, chống Tây-phương, cực-doan và mãn cảm : chính những thanh-niên phần-nộ kết-hợp lại với nhau để hạ bệ các quan-lại (22).

Thiết tưởng nhận-dịnh trên đây cũng hơi quá đáng vì thái-độ của Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm có phần thiên vị dân di-cư Công-giáo và đặt tin-tưởng vào lòng chung thủy của tín-hữu Ki-Tô hơn là tín-đồ các tôn-giáo khác đã khiến nhiều người có ý-thức bất mãn từ lâu.

Niềm bất mãn không những được biểu-lộ trong nhiều tầng lớp nhân-dân quốc nội, mà còn cả trong chánh-giới và công-luận Hoa-kỳ, một đồng-minh quan-trọng nhứt của Việt-Nam Cộng-Hòa. Do đó hoàn-cảnh chánh-trị quốc-tế cũng là thời-cơ thuận lợi cho cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo.

ĐOẠN II - HOÀN-CẢNH CHÁNH-TRỊ QUỐC-TẾ

Hoàn-cảnh chánh-trị quốc-tế được xét ở đây là tình-trạng bang-giao Việt-Mỹ và dư-luận báo-chí Hoa-kỳ đối với chánh-phủ Ngô-dình-Diệm.

Do những điều-kiện địa-dư và lịch-sử đặc biệt, nước ta đã trở thành địa-điểm tranh-chấp về ý-thức-hệ của hai khối Đông-Tây. Trong khi Bắc-Việt thuộc hệ-thống Cộng-sản, Nam Việt-Nam chọn đứng trong hàng-ngũ thế-giới Tự-Do và được Hoa-kỳ viện-trợ cả về kinh-tế lẫn quân-sự để xây-dựng dân-chủ, phát-triển quốc-gia và chiến thắng Cộng-sản

(22) Schlesinger, Jr. : A Thousand days, tr. 900, Fawcett publications, Inc. Greenwich, Conn., 1967.

xâm lăng (23). Vì tầm quan-trọng đặc biệt của Hoa-kỳ đối với chánh tình Việt-Nam, khi thấy vụ Phật-Giáo xảy ra giữa lúc mối bang-giao Việt-Mỹ đang căng thẳng, người ta đã đặt ra câu hỏi là phải chăng thái-độ của cường quốc này tạo điều-kiện thuận-tiện cho sự nổi dậy của Phật-tử? Muốn trả lời một cách khách-quan câu hỏi này, ta có thể xét diễn trình cuộc khủng hoảng bang-giao Việt-Mỹ để tìm ra một phần nào mối liên-hệ giữa chánh-sách của người Mỹ và cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo bằng cách căn-cứ vào tài-liệu hiện có, vì ta chưa đủ thời-gian và những dữ-kiện xác-thực để nhận-định toàn bộ vấn-đề lịch-sử hệ-trong này.

A - DIỄN-TRÌNH CUỘC KHỦNG HOẢNG BANG-GIAO VIỆT-MỸ

Mặc dầu tích-cực ủng-hộ Miền Nam Việt-Nam, Hoa-kỳ từ năm 1961 đã có những bất đồng sâu xa với chánh quyền Ngô đình-Diệm về các quan-niệm xây-dựng dân-chủ và chỉ-dạo chiến tranh (24). Thêm vào đó, ký-giả Mỹ lại tố-cáo rằng Tòa Đại-sứ của họ tại Sài-gòn đã a-tòng với một chế-độ độc-tài để gây khó-khăn cho việc hành nghề của họ và che-dậy thực trạng đen tối của Nam Việt-Nam (25). Trước áp-lực ngày càng mạnh mẽ của công-luận quốc nội, giới hữu trách Hoa-kỳ càng phải dùng nhiều biện-pháp cứng-rắn để thúc đẩy chánh quyền Việt-Nam nghe theo đường lối của họ. Về phía Việt-Nam, cường-độ chiến-tranh càng gia-tăng, chánh quyền Đệ Nhất Cộng-Hòa lại càng cần tới ngoại viện nhiều hơn. Nhu-cầu khẩn-thiết này tạo cho Hoa-kỳ một cơ-hội tốt để đòi hỏi Tổng-Thống Ngô đình Diệm ngay từ năm 1961 phải dành nhiều quyền-hành quân-sự cho giới quân-nhân, không nên chánh-trị-hóa quân-đội hay đặt quá nhiều hệ-thống mật-vụ khác nhau. Rồi khi chiến-cuộc trở nên ác-liệt hơn, Hoa-kỳ ngó ý-định can-thiệp trực-tiếp bằng quân sự. Đợi lại, chánh quyền Việt-Nam đã không thỏa-mãn những yêu-sách vừa kể trong khi vẫn cần thụ-hưởng đầy đủ ngoại viện.

(23) Fishel, Wesley R. : The 11th hour in Vietnam, Asian Survey, Feb. 1965, Vol. V, N. 2, tr. 106.

(24) Shaplen, Robert : sách đã dẫn, tr. 147 và kế tiếp.

(25) Mecklin, John : Mission in torment : An intimate account of the U.S. role in Vietnam, tr. 129 và kế tiếp, Double Day, 1965.

Trước ngày vụ Phật-Giáo bùng nổ, mối mâu-thuẫn Việt-Mỹ đã gia-tăng rồi mà vẫn chưa được giải-quyết một cách êm đẹp. Trước những khó khăn cả về ngoại-giao lẫn nội trị, chánh-phủ Ngô-dình-Diệm lại muốn nuôi hy-vọng dần dần thoát khỏi cảnh lệ-thuộc chắt chẽ vào ngoại viện bằng cách đề ra quốc-sách Ấp Chiến-lược. Quốc-sách này dựa trên một công-thức triết-lý căn-bản : "Tam túc + Tam giác = Tam nhân", nhằm giải-quyết chiến-tranh, phát-triển kinh-tế và thực-hiện một cuộc cách-mạng xã-hội toàn diện (25b).

Nhưng đường-lối độc-lập ấy và những khuyết điểm trong việc thi-hành quốc-sách ấy càng khiến Hoa-kỳ bất mãn hơn. Do đó, mối bang-giao trở nên căng-thẳng hơn.

Tuy nhiên, cho tới khi vụ Phật-Giáo bùng nổ, sự giao-hảo Việt-Mỹ vẫn chưa tan-vỡ. Nó trở nên căng-thẳng hơn kể từ khi vụ Phật-Giáo bùng nổ và đã rạn nứt một cách không hàn gắn nối kể từ khi cuộc tranh-dấu của Phật-tử bị thắng tay đàn áp vào cuối tháng 8/1963. Thật vậy, chánh quyền Việt-Nam vẫn nhất quyết không tuân-hành những khuyến-cáo của Hoa-kỳ, phản-đối việc can-thiệp trực-tiếp bằng võ lực trong cuộc chiến-tranh chống Cộng, và nửa kín nửa hở tỏ ý-định bắt tay với một cường quốc khác để bắt chẹt Hoa-kỳ. Trước thái-độ ương-ngạnh ấy, người Mỹ đã bày tỏ thái-độ bất thân thiện với chánh-phủ Ngô-dình-Diệm và dành nhiều cảm-tình cho phe Phật-Giáo tranh đấu. Như vậy thái-độ của Mỹ đã giúp ích gì cho cuộc tranh-dấu của Phật-tử ?

(25b) Tam Túc + Tam Giác = Tam nhân là một công-thức triết-lý căn-bản của quốc-sách Ấp Chiến-lược do Ô. Ngô-dình-Nhu sáng tạo và được giải-thích như sau :

- Tam Túc là tự-túc về 3 phương-diện : tư-tướng, tổ-chức và kỹ-thuật ;
- Tam Giác là cảnh-giác về 3 phương-diện : sức-khỏe, đạo-đức tác-phong và trí-tuệ.
- Tam túc phối-hợp với Tam giác thành Tam-Nhân, Tam Nhân là một con người có đủ 3 chiều : chiều sâu có trách nhiệm đối với bản thân, chiều rộng có trách-nhiệm đối với xã-hội, và chiều cao có trách-nhiệm đối với Đấng Tối Cao. Đó là một con người toàn diện của chủ-nghĩa Nhân-vị sinh-hoạt trong khung-cảnh cộng-đồng và đồng tiến.

B - LIÊN-HỆ GIỮA KHỦNG HOẢNG BANG-GIAO VIỆT-MỸ
VÀ VỤ PHẬT-GIÁO

Tại Hoa-kỳ cũng như tại Việt-Nam, người ta đã đưa ra những nhận-định trái ngược về vai-trò của Hoa-kỳ trong vụ Phật-Giáo 1963.

1. Nhận-định của người Mỹ - Những người Mỹ ở mỗi cương-vị khác nhau đã có hai nhận-định trái ngược về vai-trò của chánh-phủ họ trong vụ Phật-Giáo Việt-Nam. Nếu những nhân vật cao-cấp trong chánh quyền cải-chính nguồn tin cho rằng họ đóng vai chủ-mưu trong cuộc nổi dậy của Phật-Giáo và vụ đảo-chánh ngày 1.11.1963, thì ngay trong nước họ cũng có một số người cho rằng "phe bõ câu" Hoa-kỳ đã khéo dùng vụ Phật-Giáo làm phương-tiện thực-hiện ý-định lật-đổ chế-độ Ngô-đình-Diệm để tiến tới việc trung-lập-hóa Việt-Nam sau khi đã thành công trong việc trung-lập-hóa Lào-quốc từ năm 1961 (26).

a) Nhận-định của những nhân-vật trong chánh-quyền Mỹ - Giới nữu quyền Mỹ qua-quyết rằng họ không hề đóng vai-trò chủ-mưu trong vụ Phật-Giáo vì :

- John Mecklin, viên-chức giao-tế của Tòa Đại-sứ Mỹ tại Sài-gòn từ năm 1962 tới 1964, tiết-lộ rằng phái-bộ Hoa-kỳ ở đây bị chỉ-trích là không tiên-đoán được cuộc bùng nổ của Phật-Giáo (27). Trước khi xảy ra biến-cố này, trong phái-bộ Mỹ chỉ có một hay hai chuyên-viên nghiên-cứu về đạo Phật ; đôi khi họ diễn-thuyết trước một số thỉnh-giả rất hạn chế về những đề-tài không liên-can gì đến hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo, như : sự khác-biệt giữa Đại-thừa và Tiểu-thừa, hay tính-cách quan-trọng của Bát Chánh-Đạo dẫn tới Nát Bàn. Tuy có một số bạn tốt trong giới Tăng-sĩ cao cấp tại Sài-gòn và Huế, những chuyên-viên kể trên cũng không kém ngạc nhiên hơn những người Mỹ khác khi các Phật-tử Việt-Nam bước vào chánh-trường một cách ngoạn-mục.

- Văn theo John Mecklin, trong giai-đoạn đầu-

(26) Bouscaren, Anthony T. : Diem of Vietnam, tr. 87, Duquesne University Press, Pittsburgh, Penna., 1965.

(27) Mecklin, John : sách đã dẫn, tr. 158.

tranh gay-go Phật-tử Việt-Nam cũng không biết Hoa-kỳ đã kình
đáo gây áp-lực với chánh-phủ Ngô-đình-Diệm để bênh-vực họ
(28). Sự ủng-hộ ấy, theo Hoa-kỳ, chỉ là phản-ứng tất nhiên
trước những hành-vi mà họ cho là tàn-nhân đối với Phật-Giáo
và có hậu-quả làm tiêu ma mọi nỗ-lực thu-phục nhân-tâm để
chiến-thắng Cộng-Sản. Từ đó người ta suy-luận rằng các viên-
chức Mỹ và giới lãnh-đạo cuộc tranh-đấu đã không cộng-tác
với nhau để phác-họa những hành-động phối-hợp chống chánh-
quyền Ngô-đình-Diệm.

- John Mecklin cho rằng vụ Phật-Giáo chỉ là
một tia lửa lóe lên một cách bất ngờ khiến người Mỹ cũng như
mọi người khác đều ngạc - nhiên. Tuy nhiên, người Mỹ đã mau
lẹ nhìn-nhận mức độ trầm-trọng của cuộc khủng-hoảng, và sau
đó đã can-thiệp từ từ để giúp Việt-Nam ổn-định tình-hình (29).
Nhưng vì chánh-quyền Việt-Nam đã nuốt lời hứa nghe theo đường
lối giải-quyết của họ và lại đàn áp mạnh hơn phong-trào tranh
đấu, nên Hoa-kỳ buộc lòng phải áp-dụng các biện-pháp cứng rắn
hơn đối với chế-độ Đệ-Nhứt Cộng-Hòa, John Mecklin viết :

"Trong khi khai chiến chống Phật-Giáo, chế-
độ Diệm không những thách-đố Hoa-kỳ và bội hứa với Đại-sứ
Nolting mà còn không thực-hiện bất cứ một nỗ-lực nào để cứu
vớt thế-diện của Hoa-kỳ. Ở Á-Châu điều đó có lẽ là một sự
nhục mạ nghiêm trọng. Chúng ta đã phải đương-đầu với một
trạng huống chưa hề xảy ra trong lịch-sử ngoại-giao Hoa-kỳ
(30)."

- Cho rằng bị "dồn vào chân tường" nên phải
hành-động mạnh, giới hữu quyền Mỹ phủ nhận luôn dư-luận tố-
cáo họ đã tham-dự vào việc hình-thành cuộc đảo-chánh 1.1.63.
Đại-sứ Cabot Lodge đã tuyên-bố với phóng-viên báo New-York
Times ngày 30.6.1964 như sau :

"Hoa-kỳ đã không can-dự vào việc lật-đổ chế-
độ Diệm. Hoa-kỳ cố-gắng thay-đổi - thực-hiện một cuộc thay-
đổi theo cách cư-xử của chế-độ Diệm. Hoa-kỳ cố thực-hiện
một cuộc thay-đổi về nhân-sự của chế-độ Diệm. Chúng tôi cố

(28) Mecklin, John : sách đã dẫn, trang 158

(29) Mecklin, John : sách đã dẫn, trang 169

(30) Mecklin, John : sách đã dẫn, trang 181 và kế tiếp

thực-hiện cuộc thay-đổi bằng phương-tiện chánh-trị hoàn-toàn hợp-pháp... Việc lật-đổ chế-độ Diệm hoàn-toàn là một công-việc của người Việt-Nam. Chúng tôi không bao giờ tham-dự vào việc hoạch-định. Chúng tôi không bao giờ đưa ra một khuyến-cáo nào hết. Chúng tôi đã không liên-hệ gì với việc đó. Chúng tôi đã quá câu-nệ trong việc vạch ra đường lối ấy (31)."

b) Nhận-định của một khuynh-hướng công-luận Hoa-kỳ - Trái với sự phủ-nhận vừa nêu trên của giới hữu quyền, một khuynh-hướng công-luận Hoa-kỳ có thiện-cảm với chế-độ Ngô-đình-Diệm căn-cứ vào một số dữ-kiện sau đây để cho rằng người Mỹ đã dùng vụ Phật-Giáo làm phương-tiện lật-đổ chế-độ này ngõ hầu thực-hiện âm mưu trung-lập-hóa Việt-Nam :

- Ngay từ trước khi có vụ khủng hoảng Phật-Giáo trong chính giới Mỹ, người ta đã bàn đến việc lật-đổ chế-độ Ngô-đình-Diệm. Thật vậy, sau khi trung-lập-hóa Lào-Quốc vào những năm 1961-1962, từ đầu năm 1963 chánh-quyền Mỹ đã bị chia rẽ thành hai phe đối với vấn-đề Việt-Nam : một bên chủ-trương duy-trì, một bên chủ-trương lật-đổ Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm. Giáo-sư Bouscaren gọi phe thứ nhứt là "điều hâu" và phe thứ hai là "bồ câu" vì một phe chủ-trương phải chiến thắng Cộng-Sản trong khi phe kia ủng-hộ một chánh-sách trung-lập. Phe điều hâu gồm nhiều nhân-vật quan-trọng : ở Việt-Nam có John Richardson, Trưởng phòng Tình-báo, Đại-Tướng Paul Harkins và Đại-sứ Frederick Nolting ; ở Hoa-kỳ có Mc Namara, Bộ-Trưởng Quốc-Phòng, John Mc Cone, Giám-đốc Trung-ương Tình-báo, v.v. Phe bồ câu được cầm đầu bởi Roger Hilsman, Thứ-Trưởng Ngoại-giao đặc-trách Viễn-Đông sự-vụ, và Averill Harriman, một chuyên-viên lỗi-lạc về các vấn-đề Liên-sô nhưng không thông thạo về các vấn-đề Đông-Nam-Á, gồm một số nhân-vật thuộc Tòa Bạch Ốc, Bộ Ngoại-giao Hoa-kỳ ; và William Trueheart, Phó Đại-sứ Hoa-kỳ tại Việt-Nam. Phe này chủ-trương giải-kết với chánh-phủ Ngô-đình-Diệm trong khi tìm kiếm một "lực-lượng thứ ba" nào đó. Chủ-trương này chẳng qua chỉ là sự nối tiếp chánh-sách trung-lập-hóa Lào-Quốc năm 1961 do chính hai nhân-vật nêu trên của Bộ Ngoại-Giao hoạch-định và đã thắng những nhân-vật điều hâu (32).

(31) Mecklin, John : sách đã dẫn, tr. 277-279

(32) Bouscaren, Anthony T. : sách đã dẫn, trang 87 và kế tiếp.

Sẵn có ác cảm với chế-độ Ngô-đình-Diệm, báo-giới Mỹ, đặc-biệt là những ký-giả khuynh tả như David Halberstam và Stanley Karnow, v.v... đã tích-cực hỗ-trợ chủ-trương kể tròn bằng cách tạo nên một luồng công-luận rất thuận-lợi cho cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo.

Hoa-kỳ đã hoạch-định việc lật-đổ chế-độ Ngô-đình-Diệm trước ngày cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo bị thắng tay đàn áp. Theo báo Washington World ngày 14.10.1963, một trong những nhân-vật then-chốt thuộc phe Roger Hilsmanchông Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm là Paul M. Kattenburg, Trưởng nhóm "hành-động về Việt-Nam" của Bộ Ngoại-Giao Hoa-kỳ. Năm 1955 viên-chức này đã chủ-mưu hạ bệ Thủ-Tướng Ngô-đình-Diệm. Vào tháng 7 năm 1963, ông rời khỏi Trường sinh-ngữ ngoại-giao để giữ chức-vụ vừa kể và chính ông đã thúc-đẩy việc duyệt lại toàn bộ những hoạt-động của Mỹ tại Việt-Nam và hoạch-định việc lật-đổ chế-độ Ngô-đình-Diệm. Ông cho rằng giá chiến-thắng Cộng-Sản bằng quân-sự đắt hơn những quyền-lợi sinh-tử của Hoa-kỳ có thể biện-minh được (33).

- Trong nỗ-lực ngăn chặn ảnh-hưởng của phe Hilsman, Ông John Mc Cormick, Chủ-tịch Hạ Nghị-viện Hoa-kỳ và dân-biểu Edna Kelly đã khuyến-cáo Tổng-Thống của họ đừng trở thành một bộ-phần trong âm-mưu lật-đổ chánh-phủ Ngô-đình-Diệm. Người ta còn nhớ vào hồi 1955 chính hai chánh khách này đã ngăn chặn được mưu-toan đảo chánh tại Việt-Nam (34).

- Từ ngày cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo bị thắng tay đàn áp (20.8.1963) Hoa-kỳ đã có một loạt những hành-động quyết-liệt chống chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa. Đại-sứ Nolting bị thay thế. Khi đến Việt-Nam, Đại-sứ Cabot Lodge gặp các lãnh-tụ Phật-Giáo trước khi yết-kiến Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm và đã dành cho Thượng-Toạ Trí-Quang quyền tị-nạn chánh-trị (35). Ngày 24.8.1963, ông nhận được mật-điện của Bộ Ngoại-Giao Hoa-kỳ gợi ra những đường lối hành-động trong đó có việc ủng-hộ một cuộc đảo chánh nhằm lật-đổ Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm. Mật-điện này không được thông-tri cho John Mc Cone và

(33) Bouscaren, Anthony T. : sách đã dẫn, trang 115-116

(34) Bouscaren, Anthony T. : sách đã dẫn, trang 114

(35) Bouscaren, Anthony T. : sách đã dẫn, trang 105 và trang 111, cũng xem Mecklin, John : sách đã dẫn, trang 190.

Mc Namara vì quan-điểm của Ngũ-giác-dài là : đánh Cộng-Sản chứ không phải đánh gia-đình họ Ngô (36). Đêm 24 rạng ngày 25.8.1963 một bản tuyên-ngôn của Bộ Ngoại-Giao Hoa-kỳ được đài TiếngNói Hoa-Kỳ truyền đi khắp nơi và được giải-thích như là một lối xúi-dục binh-sĩ Việt-Nam nằm lì tại mặt-trận để cự tuyệt sự lãnh-đạo của Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm và gia-đình ông (37). Vào khoảng trung tuần tháng 10.1963, Hoa-kỳ đình-chỉ việc đài-thọ chi-phí cho 2.000 binh-sĩ lực-lượng đặc-biệt của Việt-Nam, ngưng cấp cho Việt-Nam 12 triệu Mỹkim hàng tháng để nhập-cảng thực-phẩm và biến-chế-phẩm theo chương trình viện-trợ Thương-mại-hóa (38). Đồng thời, Tổng-Thống Kennedy còn tuyên-bố rằng việc chiến-thắng Cộng-sản có thể đòi hỏi "những thay-đổi về chánh-sách và có lẽ cả về nhân-sự nữa" trong chánh-phủ Ngô-đình-Diệm (39).

Tất cả những hành-vi và lời nói nêu trên đã là một khích-lệ quý giá cho cuộc nổi dậy của Phật-Giáo và góp phần đặc-lực vào việc thành-công của cuộc đảo-chánh 1.11.1963. Nếu những dữ-kiện chứng tỏ Đại-sứ Henry Cabot Lodge biết trước cuộc đảo-chánh mà không ngăn-cản, John Mecklin cho rằng :

"Nói Hoa-kỳ không can-dự vào vụ đảo-chánh cũng như là tuyên-bố vô tội cho người gác đêm của một Ngân-hàng khi y bảo kẻ trộm quen biết rằng y sắp sửa đi ra ngoài uống rượu (40)."

Như vậy, vẫn theo khuynh-hướng công-luận nêu trên, vụ Phật-Giáo năm 1963 đã cống-hiến cho tất cả những người Mỹ chống chánh-phủ Ngô-đình-Diệm một cơ-hội hiếm có mà họ hằng mong đợi. Tuy không tìm được bằng-cớ xác-thực chứng-tỏ Hoa-kỳ đã tạo ra vụ Phật-Giáo, khuynh-hướng này tin rằng tất cả những người vừa kể đã dùng vụ khủng-hoảng tôn-giáo để gây áp lực mạnh-mẽ với cả hai chánh-quyền Việt-Mỹ. Cuối cùng họ đã toàn thắng phe điều hâu, vì Nolting và Richardson, những viên-chức Mỹ tại Việt-Nam ủng-hộ Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm,

(36) Bouscaren, Anthony T. : sách đã dẫn, trang 112, 113

(37) Bouscaren, Anthony T. : sách đã dẫn, trang 114

(38) Bouscaren, Anthony T. : sách đã dẫn, trang 116

(39) Bouscaren, Anthony T. : sách đã dẫn, trang 117

(40) Mecklin, John : sách đã dẫn, trang 278.

đã bị triệu-hồi về nước để được thay thế bằng những nhân-vật khác thích-hợp với đường lối mới của Tổng-Thống Kennedy ; và chế-độ Đệ Nhất Cộng-Hòa Việt-Nam đã cáo chung.

Trong trạng huống ấy, khuynh-hướng công-luận kể trên cho rằng Tổng-Thống Hoa-kỳ đã bị phe bô-câu thuyết-phục để chấp-nhận một chính-sách trung-lập tại Đông-Dương. Từ đó người ta suy-diễn ra rằng vụ ám-sát Kennedy đã phá-bỏ được chánh-sách ấy, vì sau biến-cố này giới quân-nhân lãnh-đạo tân chế-độ Việt-Nam bị lật-đổ với lý-do "có âm-mưu trung-lập", Đại-sứ Lodge bị thay thế, xung-khắc giữa Công-giáo và Phật-giáo tại Việt-Nam bộc-phát vì lý-do chánh-trị, quân-lực Mỹ ồ-ạt đổ vào Việt-Nam, và rồi chính Phật-Giáo là lực-lượng đầu tiên phản-đối sự can-thiệp trực-tiếp bằng quân-sự của Hoa-kỳ.

Trên đây, ta vừa trình-bày hai nhận-định trái-ngược của người Mỹ về vai-trò của chánh-phủ họ trong vụ Phật-Giáo. Còn nhận-định của người Việt-Nam ra sao ?

2. Nhận-định của người Việt-Nam - Tại Việt-Nam cũng có hai nhận-định trái-ngược tương-tự như tại Hoa-kỳ.

a) Nhận-định thứ nhất - Hoa-kỳ đóng vai chủ mưu trong vụ Phật-Giáo. Cùng chia-sẻ nhận-định này có chánh-quyền Đệ Nhất Cộng-Hòa và những người cho rằng vụ sát hại Phật-tử tại đài phát-thanh Huế đêm 8.5.1963 là do Hoa-kỳ gây ra.

* Chánh-quyền Đệ-Nhất Cộng-Hòa đã gián-tiếp tố-cáo Hoa-kỳ chủ-mưu gây ra vụ Phật-Giáo để lật-đổ những nhà lãnh-đạo Việt-Nam muốn bảo-vệ chủ-quyền và nền độc-lập của mình. Trong cuộc tiếp-kiến phái-đoàn điều-tra Liên-Hiệp-Quốc, Ông Ngô-dình-Nhu đã đề-cập đến sự bất đồng Việt-Mỹ về chủ-thuyết, và, theo ông, sự hiện-diện của người Mỹ ở đây là động-lực phát-sinh những tranh-chấp. Qua câu nói sau đây ta thấy ông muốn ám chỉ rằng Hoa-kỳ đã xúi-dục Phật-tử nổi lên chống chánh-phủ :

"Cuộc âm mưu thành hình được là do những kẻ ngoại-quốc xúi-dục và nhất là báo chí Mỹ đã đưa dư-luận

quốc-tế lên chống chánh-phủ Việt-Nam (41)."

Vẫn theo Ông Ngô-dình-Nhu, trong tất cả các tổ-chức đều có công-tác ngầm ngấm do bàn tay Đông và Tây điều-khiển. Cho đến cả trong cơ-quan hành-chánh và quân-đội cũng có sự len lỏi của chủ-nghĩa ngoại lai. Đó là một nhu-cầu lịch-sử do hoàn-cảnh chánh-trị dựa trên địa-lý đặc-biệt của Việt-Nam gây nên.

Quan-điểm kể trên càng được nhận thấy rõ rệt hơn qua lời tuyên-bố của ông trong cuộc phỏng-vấn dành cho ký-giả Toronto Globe ngày 18.9.1963 :

"Bây giờ tôi phải nói cho Ông biết rằng tôi không cho mật-vụ, không cho lực-lượng cảnh-sát đặc-biệt đàn áp bất cứ ai. Đó chỉ là sự cấu tạo hoàn-toàn của những kẻ tổ-chức một âm mưu quốc-tế chống lại Việt-Nam. Những kẻ âm mưu đó đã theo dõi tôi bởi vì chúng biết rằng tôi bảo-vệ hữu hiệu danh-dự Việt-Nam chống lại mọi áp-lực, Cộng-sản hay không Cộng-sản (42)."

Trong cuộc phỏng-vấn dành cho ký-giả Robert Udick thuộc hãng Thông-tấn U.P.I. ngày 26.6.1963, Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm cũng đã gián-tiếp đả-kích sự can-thiệp của Hoa-kỳ vào nội bộ Việt-Nam Cộng-Hòa như sau :

"Hai yếu-tố theo chốt mà mọi người phải quan tâm tới trong mối bang giao giữa Việt-Nam với các nước khác, đặc-biệt là với Hoa-kỳ đang cam-kết ủng-hộ Việt-Nam, là sự tôn-trọng trong tinh-thần cũng như trong ngôn-từ nền độc-lập của quốc-gia trẻ trung này, và sự thấu hiểu cuộc chiến-tranh khuynh-đảo của Cộng-sản, một cuộc chiến-tranh toàn diện được thể-hiện trên khắp mọi chiến tuyến chính-trị, kinh-tế, xã-hội, văn-hóa, ngoại-giao và quân-sự (43)."

(41) Violation des droits de l'homme au Vietnam du Sud, Rapport de la Mission d'enquête des Nations Unies au Vietnam du Sud, trang 42 và kế tiếp.

(42) và (43) Press interviews with President Ngô-dình-Diệm and Political counselor Ngô-dình-Nhu, Tài-liệu của chánh-phủ Đệ Nhất Cộng-Hòa.

Nhận-dịnh nêu trên của các nhà lãnh-đạo Đệ Nhất Cộng-Hòa đã được một khuynh-hướng công-luận Việt-Nam tán-đồng.

* Khuynh-hướng công-luận cho rằng Hoa-kỳ đóng vai chủ mưu trong vụ Phật-Giáo 1963. Theo khuynh-hướng này, nhiều dữ-kiện và tài-liệu được khám-phá từ ngày Tòa-án Cách-Mạng xử vụ Đặng-Sĩ (trong những ngày 2, 3, 4, 5 và 6 tháng 6 năm 1964) tới nay cho phép người ta có nhiều lý-do để nghi-ngờ rằng người Mỹ đã gây ra vụ nổ tại đài phát-thanh Huế đêm 8.5.1963 để tạo lý-do trực-tiếp cho cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo vì vụ nổ ấy làm 8 người chết và 15 người bị thương mà hầu hết đều là Phật-tử - chỉ có 2 tín-đồ Công-giáo - đã gây niềm công-phẫn lớn lao trong cộng-đồng Phật-giáo và, do đó, châm ngòi cho cuộc nổi dậy.

Nghiên-cứu kỹ hồ-sơ vụ án Thiếu-Tá Đặng-Sỹ, Tiểu-khu Trưởng Thừa-Thiên, người có trách-nhiệm văn-hồi trật-tự tại đài phát-thanh Huế đêm 8.5.1963 và bị buộc tội sát-hại Phật-tử, người ta không tìm được một bằng-cớ rõ-rệt nào chứng-tỏ hoặc nhà cầm quyền Việt-Nam Cộng-Hòa hoặc Việt-Cộng là thủ-phạm vụ giết người vì :

- Tin-tức tình-báo cho biết Việt-Cộng đã không nhúng tay vào vụ nổ kể trên.

- Các lực-lượng quân-sự Việt-Nam Cộng-Hòa cũng như Việt-Cộng đều không có loại vũ-khí được sử-dụng trong vụ nổ ấy.

Theo cáo-trạng của Chương-ly Tòa-án Cách-mạng, thì Bác-sĩ giám-định y-khoa và các chuyên-viên dạn-được đều nhìn nhận rằng những nạn-nhân bị thương vong do sức ép của một chất nổ, vì trên mình các nạn-nhân không có một mảnh vụn nào của tạc đạn gây thương-tích. Người ta không thể định danh đích xác được chất nổ đó là chất nổ gì. Thật vậy, mọi giả-thuyết về các loại lựu-đạn và chất nổ đều bị bác bỏ, duy chỉ có giả-thuyết về lựu-đạn MK 3 được tòa đặc-biệt lưu-ý. Nhưng chính giả-thuyết duy nhất này cũng bị loại bỏ nốt vì trái với ý-kiến của đại đội 512 kho đạn được tiên tuyền ngày 11.4.1964 và phiếu trình số 16-LĐ/YTQC ngày 6.4.1964 của hội đồng chuyên-viên dạn-được cho rằng lựu-đạn MK 3 trong vòng hai thước có thể giết người do sức ép, tất cả các tài-liệu

và nhân chứng trước tòa đều quả-quyết rằng MK 3 không có tác-dụng giết người :

- Theo sách Grenades and pyrotechnics do Bộ Quốc-Phòng Mỹ ấn-hành, lựu đạn MK 3 chỉ có công-dụng gây tiếng nổ lớn để khủng-bố tinh-thần và không có khả-năng giết người.

- Chính nhân chứng Đặng-Phong, nguyên Cảnh-sát Trưởng Thị-xã Huế, theo lời thách-đố của vị chưởng-ly đã tuyên-bố sẵn-sàng cho lựu đạn MK 3 nổ tại chân để chứng-minh nó không giết người.

quân trên thị trấn Huế - Các nhân chứng Nguyễn-Phu, Thiếu-Tá, nguyên Tiểu-khu Thừa-Thiên ; Trần-văn-Phán, Chuẩn Úy ; Nguyễn-văn-Thành, hiến-binh ; Nguyễn-văn-Quang, Trung-sĩ, đều xác nhận đã thấy hay đã bị lựu đạn MK 3 nổ ở bên chân mà không gây thiệt mạng.

- Một nhân chứng khác, Trung-Tá Nguyễn-Huỳnh, thuộc Nha An-ninh Quân-đội, xác nhận rằng khi ra Huế điều-tra nội vụ Ông đã thu-thập nhiều tài-liệu, nhân xét, nhưng Ông không thể biết đích xác là chất nổ gì, không thể nói chắc chắn là lựu đạn vì các dấu vết còn lại trên tường và trên nền xi-măng cũng như trên mình nạn-nhân không giúp tìm ra mảnh giấy, mảnh kim-khí của vỏ lựu đạn (MK 3 có vỏ bằng giấy bồi).

Hà Nội - Một sĩ-quan an-ninh quân-đội, nguyên Tỉnh-Trưởng Thừa-Thiên và hiện nay giữ chức-vụ cao cấp trong ngành cảnh-sát đặc-biệt đã viết trên một nhật-báo một bài nhan đề "Vụ Thiếu-Tá Đặng-Sỹ có liên quan đến hoạt-động của một tổ-chức gián-điệp ngoại-quốc ?" Tác-giả quả-quyết "lựu đạn MK 3 là loại lựu đạn khủng-bố tinh-thần, không có khả-năng sát hại ; ném ra khi tấn công mà quân xung phong có thể vừa tung lựu đạn vừa tràn lên không cần được che chở. Các chuyên-gia quân-sự Mỹ, Việt và tất cả các quốc-gia trên thế-giới, Cộng-sản hay Tự-do, Phật-tử hay tông-đồ Công-giáo, sẽ không phải-đối nhận xét này". Ông kết-luận rằng hai quả nổ ở đài phát-thanh Huế đêm 8.5.1963 là một loại vũ-khí gián-điệp mà quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa, Bảo-an Đoàn, Dân-vệ Đoàn không hề được trang-bị.

Như vậy chất nổ gì đã sát hại Phật-tử và bàn tay nào đã gây hai tiếng nổ giết người mà không để lại một di-tích gì ? Trong một thời-gian dài tính-cách bí-mật vẫn hoàn-toàn bao trùm chất nổ cũng như người đặt chất nổ. Mãi tới hồi gần đây mới có một số dữ-kiện khiến người ta đặt ra giả-thuyết là Hoa-kỳ đã chủ mưu đặt chất nổ :

- Trên nhật-báo Hòa-Bình trong các số 394 và 395 ngày 31.3 và 1.4.1970, Lương-Khai-Minh và Cao-Vi-Hoàng trong thiên bút ký "Làm cách nào để giết một Tổng-Thống" có nêu danh-tánh một người Mỹ mà các tác-giả coi là thủ-phạm vụ nổ tại đài phát-thanh Huế.

- Không tin-tưởng vào tính-cách xác thực của tài-liệu trên, chúng tôi đã tìm gặp Thiếu-Tá Đặng-Sỹ để tìm hiểu sự thực. Ông cho biết chính một thân nhân của ông là sĩ-quan (mà ông tạm dấu tên) phục-vụ tại Tiểu-đoàn III Trung đoàn III Sư-đoàn I, năm 1966 đã tình cờ tìm ra được thủ-phạm vụ nổ đêm 8.5.1963 tại đài phát-thanh Huế. Đó là Đại-Úy Scott, cố-vấn của Tiểu-đoàn vừa kể trên. Theo sự tường thuật của Đặng-Sỹ cũng như của hai tác-giả nêu trên, thì vào tháng 5 năm 1963 Scott là nhân-viên Trung-ương Tình-báo Mỹ ở Đà-Nẵng vừa trở ra Huế một ngày trước khi xảy ra vụ nổ tại đài phát-thanh Huế. Chính Scott thú-nhận đã phụ-trách vụ đặt chất nổ. Đó là một loại chất nổ đặc biệt của Trung-ương Tình-báo Mỹ mà cả Việt-Nam Cộng-Hòa lẫn Việt-Cộng đều không có. Thế-tích của nó không lớn hơn bao quẹt và nó có riêng một bộ-phận cần giờ nổ.

- Trả lời sự hoài nghi của chúng tôi về sự khám phá trên, Thiếu-Tá Đặng-Sỹ quả-quyết rằng ông hoàn-toàn tin-tưởng đó là sự thực 100%. Ông đã công-khai tuyên-bố trước tòa rằng người ta đã cưỡng ép ông tố-cáo đức Tổng Giám-Mục Ngô-dình-Thục đã ra lệnh cho ông đàn áp Phật-tử, Ông còn được hứa hẹn nếu khai như vậy sẽ được tha và được thăng cấp Trung-Tá. Trong cuộc tiếp xúc với chúng tôi, ông cho biết những người mua chuộc và gây áp-lực đối với ông chính là Tướng Đỗ-Mậu và Tướng Nguyễn-Chánh-Thí.

• Cá-nhân Đặng-Sỹ, giới Công-giáo Việt-Nam và giới công-giáo Hoa-kỳ đều cực-lực chỉ-trích điều mà họ

gọi là tính-cách mơ-hồ và giả-tạo của vụ án Đặng-Sỹ. Trong bản kiến- nghị đề ngày 12.6.1964 gửi Thủ-Tướng Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, sau khi chứng-minh tính-cách mơ-hồ, giả-tạo, sai lầm và bất công của bản án Đặng-Sỹ, trên 300 linh-mục đại-diện một số khá lớn Công-giáo-dân trên toàn quốc đã không xin Chánh-phủ khoan hồng, mà chỉ trình-bày thỉnh-nguyện nguyên văn như sau :

"Như vậy, việc lên án Thiếu-Tá Đặng-Sỹ là một hành-dộng vi luật về mọi phương-diện mà Tòa-án Cách-Mạng đã cố tình vi-phạm.

"Cùng với toàn thể đồng bào Công-giáo, chúng tôi phản đối và tố-cáo vụ kết-án bất công Thiếu-Tá Đặng-Sỹ trước dư-luận trong nước và quốc-tế.

"Chúng tôi không thể nào chấp-thuận bản án này được, vì đó là :

- " - Một vết nhơ trong lịch-sử tư-pháp nước nhà,
- " - Một sự khinh thường công-lý và nhân-quyền của mỗi một con người,
- " - Một cửa mở rộng để loại ra khỏi vòng chiến những chiến-sĩ quốc-gia chân-chính,
- " - Một đường mở sẵn đưa đày Tổ-quốc vào tay Cộng-sản.

"Chúng tôi thành khẩn thỉnh cầu Trung-Tướng Thủ-Tướng lấy quyền tối cao của một vị lãnh-đạo dân-tộc cho xét lại vụ án bất công này và làm sáng tỏ công-lý."

Vì bản kiến- nghị trên đã được đưa ra giữa bầu không khí sôi sùng vì tranh-chấp giữa Công-giáo và Phật-giáo, nên người ta cho rằng trong tình-thế ấy và đang ở thế yếu, giới lãnh-đạo Công-giáo có lẽ phải tin rằng sự tố-cáo của họ là đúng mới dám có phản ứng mạnh như vậy. Thêm vào đó, giới Công-giáo Hoa-kỳ suốt từ ngày có bản án Đặng-Sỹ tới khi y-can được trả tự-do, đã liên-tục lập những phong-trào, hiệp-hội nhằm vận-động đòi xử lại vụ án, phục chức và

phục hồi danh-dự cho Thiếu-Tá Đặng-Sỹ (44).

- Ngoài ra, Đặng-Sỹ còn cho biết từ trước ngày xảy ra vụ Phật-giáo, viên Tổng Lãnh-sự Mỹ tại Huế tên là Helble, nói rất giỏi tiếng Việt, vẫn thường lui tới chùa Từ Đàm và có giao-thiệp với Thượng-Tọa Trí-Quang. Nhà sư này đã được Tòa Đại-sứ Hoa-kỳ cho hưởng quyền tự-nạn trong thời-kỳ tranh-đấu năm 1963 mặc dầu có lời yêu-cầu trao trả của Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa.

- Vị Đại-biểu Chánh-phủ tại Trung-Nguyên Trung-Phần cho biết hồi đó Helble có đến gặp ông và nói : "Có phải Ông Đại-Biểu cử người bảo-vệ an-ninh cho tôi không ? Tôi không cần được bảo-vệ an-ninh". Viên-chức Mỹ này vẫn liên-lạc với giới tranh-đấu và gởi ra ngoài những tin-tức Phật-giáo tranh-đấu tại Huế cần được phổ-biến.

- Trả lời cuộc phỏng-vấn của chúng tôi ngày 7.1.1971, Thượng-Tọa Tâm-Châu, bằng một vẻ kín-đáo và dè-dặt, cũng không bác-bỏ giả-thuyết về vai-trò chủ mưu của tình-báo Mỹ.

Khuynh-hướng công-luận trên đây đã bị phủ-nhận bởi một nhận-định trái ngược.

b) Nhận-định thứ hai - Sở dĩ người ta có thể nói rằng Hoa-kỳ không can-dự gì vào âm mưu nổi dậy của Phật-giáo vì :

- Không ai có thể tìm được một bằng cứ xác-thực nào chứng-tỏ Hoa-kỳ đã dựng nên vụ Phật-Giáo.

- Cuộc tranh-đấu của Phật-giáo chẳng phải là một biến-cố bất ngờ vì nó đã bắt nguồn từ những kỳ thị,

(44) Xem "A Petition for the retrial, release, and restoration to honor and rank of Major Matthew Dang-Sy, army of the Republic of South Viet-Nam, and a plea for the release of all persons illegally arrested and unjustly imprisoned by the past and present governments, composed and circulated by Ann M. Westrick (Mrs. Raymond Westrick Jr.)", 3050 Mc Kinley Ed. St. Clair, Michigan 48079, USA, January, 1966.

bất công mà Phật-giáo-đồ nhiều tỉnh thuộc Trung-phần đã phải chịu đựng trong nhiều năm dưới thời Đệ Nhất Cộng-Hòa. Những sự-khiến đau lòng ấy đối với Phật-giáo đã được các Tăng sĩ lãnh-đạo Tổng Hội Phật-giáo Việt-Nam thu-thập và lập thành một hồ-sơ đệ-trình Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm từ trước ngày xảy ra biến-cố nhân lễ Phật-đản 2507. Nhưng những thỉnh nguyện của chư Tăng đã không được cứu-xét và, do đó, Phật-giáo đồ càng bất mãn. Sự bất mãn ấy càng gia-tăng với những vụ kỳ-thị liên tiếp và sự-khiến kỳ-thị nặng nề nhất là vụ hạ cơ Phật-giáo tại Huế năm 1963. Bất mãn lên tới tột-độ thì phải bùng nổ, cũng như một ly nước đầy quá thì phải tràn ra ngoài - không cần có sự chủ mưu của Hoa-kỳ.

- Căn-cứ vào sự kiện sau đây người ta suy-luận rằng chưa chắc Thiếu-Tá Đặng-Sỹ đã không can tội giết hại các Phật-tử tại đài phát-thanh Huế ; và giả-thuyết về vai-trò của tình-báo Mỹ chỉ là một cách để gỡ tội cho một số nhân-vật hành-chánh và tôn-giáo thời ấy. Một nhân-vật xin được dấu tên cho biết ông đã chứng-kiến việc Thiếu-Tá Đặng-Sỹ diện trình Tổng Giám-Mục Ngô-đình-Thục để xin chỉ-thị ngay trong lúc Phật-tử biểu-tình tại đài-phát-thanh Huế. Nhân-chúng này cho biết hôm đó giữa một bữa tiệc tại nhà ông Cố-vấn Ngô-đình-Cẩn, Thiếu-Tá Đặng-Sỹ hốt hải tới báo-cáo có vụ biểu-tình. Tổng Giám-Mục Ngô-đình-Thục nói với vị sĩ-quan này : "Ra báo chúng nó giải-tán ngay đi ! Nếu không thì chết lết".

Căn-cứ vào lời nói này - mà tính-cách xác-thực cho tới nay chưa được kiểm chứng - người ta cho rằng Thiếu-Tá Đặng-Sỹ hoặc vì quá hăng-hái với nhiệm-vụ hoặc vì hiểu lời nói trên như một lệnh đàn áp, nên có lẽ ông đã sử dụng khí-giới giết người để giải-tán đám đông. Hơn nữa, như đã trình bày trong đoạn trên, hai tờ trình chuyên-môn về đạn dược trong hồ-sơ vụ án Đặng-Sỹ đều cho rằng lựu đạn MK3 - đã được sử-dụng trong việc tái lập trật-tự tại đài Phát-thanh Huế - có tác-dụng giết người. Như vậy Trung-ương Tình-báo Mỹ không can-dự gì vào tai nạn đẫm máu.

- Tất cả các bằng chứng người lại được đưa ra trước tòa để biện-minh cho sự vô tội của Đặng-Sỹ đều là những bằng chứng tiêu-cực. Về phương-diện pháp-lý, những bằng chứng tiêu-cực không có giá-trị.

- Người ta tự hỏi phải chăng giới Công-giáo cố-gắng can-thiệp vào vụ án Đặng-Sỹ để bảo-vệ uy-tín của Tổng Giám-Mục Ngô-dình-Thục ? Sự thắc mắc càng gia-tăng khi Đặng-Sỹ được đa số các nhà lãnh-đạo tinh-thần Công-giáo bênh-vực mạnh mẽ hơn ông Ngô-dình-Cẩn.

Phủ nhận vai-trò chủ mưu của Hoa-kỳ trong vụ Phật-giáo, khuynh-hướng công-luận nêu trên cho rằng sự ủng-hộ của Hoa-kỳ đối với cuộc tranh-đấu của Phật-tử chỉ là hậu quả của một chánh-sách độc-tài, kỳ-thị tôn-giáo mà các nhà lãnh-đạo Đệ Nhất Cộng-Hòa đã chủ-trương.

Trước hai loại nhận-định tương phản trên đây thiết tưởng kẻ viết luận án có bốn-phần cố-gắng trình-bày một cách vô tư những nhận-định riêng tư của mình.

3. Nhận-định riêng của tác-giả luận án - Cả hai nhận-định trái ngược nêu trên đều thiếu tính-cách khoa-học và, do đó, chỉ có giá-trị như hai giả-thuyết chưa được kiểm chứng, vì mỗi nhận-định đều được xây dựng trên ít nhiều thiên kiến và một số xác tín do truyền-thống hay lập-trường chánh-trị tạo ra. Theo thiên ý kẻ viết luận án này, giữa vụ Phật-giáo năm 1963 và cuộc khủng-hoảng bang-giao Việt-Mỹ đã có những liên-hệ rõ-rệt sau đây :

- Khủng-hoảng bang-giao Việt-Mỹ và ác-cảm của công-luận Hoa-kỳ đối với chế-độ Ngô-dình-Diệm là thời-cơ rất thuận lợi cho cuộc nổi dậy của Phật-giáo ở Việt-Nam. Cuộc đấu-tranh bùng nổ đúng lúc tình-trạng bang-giao giữa hai chánh-phủ căng-thẳng đến nỗi trong chính giới cũng như trong công-luận Hoa-kỳ người ta đã thảo-luận tới việc thay đổi giới lãnh-đạo Việt-Nam, nhất là việc đẩy ông Ngô-dình-Nhu ra ngoài chính quyền. Ý-định này càng mạnh mẽ khi chính-phủ Ngô-dình-Diệm đưa ra chánh-sách "Tam túc, Tam giác" để hy-vọng thoát khỏi sự lệ-thuộc quá chặt-chẽ vào ngoại viện và nhất là khi Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm nửa kín nửa hở dọa tống khứ ảnh-hưởng của Mỹ ra khỏi Việt-Nam bằng cách hợp-tác với một cường-quốc khác. Đòn chánh-trị ấy nhằm bắt chẹt người Mỹ, buộc họ phải chấp nhận đường lối của Việt-Nam Cộng-Hòa. Nhưng trong thực-tế nó không đưa lại kết-quả mong muốn và Hoa-kỳ càng bất mãn hơn đối với chế-độ Đệ-Nhất Cộng-Hòa.

- Khi vụ Phật-giáo bùng nổ rồi, chánh-quyền Việt-Nam vẫn tiếp-tục theo đường-lối riêng của mình và quyết-liệt phản-đối sự can-thiệp thô-bạo của Hoa-kỳ. Thái-độ ấy khiến người Mỹ càng có nhiều lý-do mạnh mẽ để nhìn-nhận và ủng-hộ chính-nghĩa Phật-giáo. Nhất là vì mọi chiến lược, chiến-thuật đối phó với họ cũng như đối với Phật-giáo đều do Ông Ngô-dình-Nhu hoạch-định, người Mỹ càng tỏ rõ ý muốn tống-khử vợ chồng Ông Ngô-dình-Nhu ra nước ngoài.

Trong khi ấy giới lãnh-đạo phong-trào đấu tranh của Phật-giáo đã biết khai-thác một cách rất khéo-léo mối mâu thuẫn Việt-Mỹ cũng như thiện-cảm của công-luận Mỹ đối với họ ngõ hầu đạt được sự hỗ-trợ quốc-tế đặc-lực và đẩy mạnh cuộc bang giao Việt-Mỹ đang hồi suy sụp tới chỗ đổ vỡ tan tành.

Về phía Hoa-kỳ, họ cũng hy-vọng rằng vụ Phật-giáo mang lại cho họ hai điều lợi lớn là : thanh-toán được một ung nhọt mâu-thuẫn trầm trọng giữa hai chính-phủ, và động-viên được đa số nhân-dân là Phật-tử vào công cuộc chống Cộng.

Những tài-liệu xác-thực gần đây minh-chứng hùng-hồn rằng chính Hoa-kỳ đã chủ mưu lật đổ Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm. Thật vậy, trước hết, một tài-liệu mật về chiến-tranh Việt-Nam của Ngũ-giác-dài Mỹ "tiết-lộ rằng Tổng-Thống Kennedy đã biết và chấp thuận các kế-hoạch đảo-chánh bằng quân-sự lật đổ Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm (45)".

Thứ hai, trong một cuộc họp báo bất ngờ tại Hoa-thịnh-đốn ngày 16.9.1971, Tổng-Thống Nixon đã nói rằng :

"Chúng ta đi vào Việt-Nam bằng cách lật đổ Ông Diệm

(45) "The Pentagon's secret study of the Vietnam war disclosed that President Kennedy knew and approved of plans for the military Coup d'etat that overthrew President Ngô-dình-Diệm". (Trích trong cuốn The Pentagon's papers : the secret history of the Vietnam war, complete and unabridged series as published by the New-York Times, based on investigative reporting by Neil Sheehan, written by : Neil Sheehan, Hedrick Smith, E. W. Kenworthy and Fox Butterfield, with key documents and 64 pages of photographs, pp. 158-233, Bantam Books, Inc., New-York, July 1971, 2nd printing).

nhưng không thể ra khỏi Việt-Nam bằng cách lật đổ Ông Thiệu (46)."

o^o
o

Những hoàn-cảnh chánh-trị quốc nội và quốc-tế vừa phân-tích trên đây chỉ là những hoàn-cảnh khách-quan thuận lợi giúp Phật-giáo tạo được uy-tín, kết-hợp được nhiều thành-phần xã-hội tham-gia cuộc tranh-đấu dưới cờ tôn-giáo, và thu-hút được mối quan-tâm cùng thiện-cảm của các lực-lượng bên ngoài có liên-hệ tới chánh-trường Việt-Nam.

Tuy nhiên, đó chưa phải là yếu-tố quyết-định của cuộc tranh-đấu. Yếu-tố sau này có tính-cách chủ-quan và là nguyên-động-lực thúc mọi thành-phần Phật-giáo đoàn-kết thành một khối bất khả phân để "cứu nguy Đạo-pháp và Dân-tộc". Yếu-tố chủ-quan đó chánh là hoàn-cảnh tôn-giáo.

TIẾT II

HOÀN CẢNH TÔN-GIÁO

Nguyên-động-lực của cuộc tranh-đấu Phật-giáo chính là hoàn-cảnh tôn-giáo vì nó có ảnh-hưởng trực-tiếp tới bản thân giới Tăng-sĩ và cộng-đồng Phật-Giáo. Chính giới này đã minh-định lý-do tranh-đấu là chánh-sách kỳ-thị tôn-giáo. Thêm vào lý-do ấy, vai-trò Phật-Giáo phục-hưng trong sanh-hoạt chánh-trị tại các nước Á-Châu cũng là nguồn cảm hứng cho họ trong việc đòi hỏi chánh-quyền xác-nhận địa vị đích thực của tôn-giáo họ trong đời sống quốc-gia :

Đoạn I - Hoàn-cảnh Phật-Giáo Việt-Nam dưới thời Đế Nhất Cộng-Hòa.

Đoạn II - Ảnh-hưởng của phong-trào phục-hưng Phật-Giáo tại Á-Châu đối với Phật-Giáo Việt-Nam.

(46) Chính-Luận, 18.9.1971.

ĐOẠN I - HOÀN-CẢNH PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM
DƯỚI THỜI ĐỆ-NHẤT CÔNG-HÒA

"Có kỳ-thi tôn-giáo hay không dưới thời Đệ-Nhất Công-Hòa ?" Đó là vấn-đề đối-thoại gay-go giữa chánh-quyền và Phật-Giáo. Vấn-đề này vô cùng quan-trọng vì nó biện-minh mạnh mẽ nhất cho cả cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo lẫn sự can thiệp từ bên ngoài. Nhưng cho rằng mình là nạn-nhân của việc kỳ-thi tôn-giáo, tại sao mãi đến năm thứ chín của chế-độ Đệ Nhất Công-Hòa các Tăng-sĩ mới mạnh dạn đứng lên đòi hỏi bình-đẳng ? Đặt câu hỏi này, người ta muốn gợi ý rằng đến năm 1963 mới có một sự-kiện đặc-biệt trở thành nguyên-nhân tức thời và trực-tiếp của cuộc nổi dậy : đó chính là vụ-xung đột giữa chánh-quyền và Phật-Giáo tại Huế về thể-lệ treo giáo kỳ trong dịp lễ Phật-đản 2507. Vì tầm quan-trọng của biến-cố này, nên trong Đoạn I ta sẽ xét tổng quát vấn-đề kỳ-thi tôn-giáo và đặc-biệt là cuộc xung-đột về việc treo cờ.

PHẦN ĐOẠN I - VẤN-ĐỀ KỲ-THI TÔN-GIÁO

Vấn-đề Phật-Giáo tại Việt-Nam đã được 16 quốc-gia hội-viên Liên-Hiệp Quốc xin ghi vào nghị-trình khóa họp thứ 18 của Đại Hội-đồng tổ-chức quốc-tế này, và nó đã trở thành điểm 77 của nghị-trình mệnh danh là "sự vi-phạm nhân-quyền tại miền Nam Việt-Nam". Thế theo lời mời của chánh-phủ Việt-Nam, Đại Hội-đồng Liên-Hiệp Quốc đã cử một phái-đoàn sang Việt-Nam để xem xét tại chỗ về sự đối xử của chánh-phủ xứ này đối với Phật-Giáo. Theo kết-quả cuộc điều-tra của phái-đoàn (47), có hai lập-trường trái ngược : Phật-giáo đồ đã dẫn chúng

(47) Tương cũng nên ghi nhận rằng việc chánh-phủ Việt-Nam mời một phái-đoàn Liên-Hiệp Quốc sang điều-tra vụ Phật-Giáo có thể được coi là một chiến-thuật chánh-trị nhằm chứng-minh sự hiện hữu của tự-do tôn-giáo tại đây. Vì có sự sắp đặt trước của chánh-quyền, nên cuộc điều-tra không phản ảnh đầy đủ được thực-trạng. Dầu sao, phúc-trình của Liên-Hiệp Quốc hiện nay cũng là một tài-liệu quốc-tế chính-thức tương-đối vô-tư hơn tài-liệu của những phe phái khác nhau.

Xem : Violation des droits de l'homme au Sud Vietnam, Rapport de la Mission d'enquête des Nations Unies au Vietnam du Sud, Dix-huitième session, point 77 de l'ordre du jour, distribution générale A/5630, 7 déc. 1963, original : Anglais, Français, Espagnol.

những điều khoản khác nghiệt của dụ số 10 và những trường-hợp thực-tế để chứng-minh có kỳ-thị tôn-giáo mà họ là nạn-nhân (48). Trái lại, chính-quyền đã đưa những lý lẽ và bằng-chứng để phủ-nhận lời tố-cáo của Phật-giáo. Khuôn khổ chặt-hẹp của Luận án không cho phép ta trình-bày cuộc tranh-luận này, ta chỉ căn-cứ vào bản phúc-trình chính-thức của Liên-hiệp Quốc, thực-tại-pháp và những sự-kiện thực-tế để nhận-xét một cách khách-quan xem Phật-Giáo có thực-sự bị kỳ-thị không? Quan-niệm như vậy, ta sẽ xét vấn-đề này về cả hai phương-diện : pháp-lý và thực-tại chánh-trị.

A - VỀ PHƯƠNG-DIỆN PHÁP-LÝ

Ta sẽ xét toàn khối luật-pháp để xem có kỳ-thị tôn-giáo hay không?

1. Trên bình-diện Hiến-pháp - Người ta không tìm thấy một điều khoản nào tiêu-biểu cho chánh-sách kỳ-thị tôn-giáo. Thật vậy, quốc-gia thế tục và tinh-thần chống Cộng có tính-cách tôn-giáo là hai trong số các đặc-điểm của Hiến-pháp 26.10.1956. Hiến-pháp đã xác-nhận tự-do tư-tưởng (điều 15) và tự-do tôn-giáo (điều 17). Ngoài ra, tinh-thần chống Cộng có tính-cách tôn-giáo được ghi trong lời mở đầu xác-nhận lòng tin-tưởng của nhà Lập-Hiến nơi đảng Tối-cao. Mặc dầu lời mở đầu bản văn Hiến-pháp có thể không có hiệu-lực pháp-lý (49), người ta cũng phải nhìn nhận rằng các nhà Lập-Hiến 1956 đã được hướng-dẫn bởi ý-thức tôn-giáo trong việc thảo Hiến. Chính dân-biểu Nguyễn-văn-Cần đã đề-nghị thêm một đoạn chốt như sau vào điều 17 : "Quốc-gia tuyên-xưng lòng tin-tưởng vào Đảng Tối-cao". Sự can-thiệp này cho thấy tâm-trạng của thiểu số các dân-biểu theo đó Quốc-gia tuyên-bố tự-do tôn-giáo lại nhất thiết ủng-hộ tôn-giáo. Từ chỗ muốn rằng quốc-gia là hiện-thân của sự khuyến-khích tôn

(48) Dụ số 10 ngày 6.8.1950 ấn-định quy-chế hiệp-hội kể cả hiệp-hội thường-lần hội tôn-giáo theo chế-độ xin phép trước. Dụ này không áp-dụng cho các hội truyền-giáo ngoại-quốc là Công-giáo và Tin-linh và các Bang Hoa-kiều. Các Bang này đã được giải-tán do Sắc-lệnh số 133/NV ngày 10.6.1962.

(49) Bông, Nguyễn-văn : sách đã dẫn, trang 70-72, Sài-gòn 1969.

đến chỗ bắt công-dân lựa chọn giữa những tín-ngưỡng chỉ cách nhau có một bước mà thôi ! Người ta không thể chấp nhận một quan-niệm như vậy về tự-do tôn-giáo, vì quốc-gia một khi nhìn-nhận quyền tự-do ấy đã tự định-nghĩa là một quốc-gia trung-lập thế-tục và chấp nhận rằng lãnh-vực của mình phải đứng ở ngưỡng của tự-do tư-tướng. Tôn trọng tinh-thần thế-tục, các dân-biểu đã không chấp-thuận đề-nghị của dân-biểu Nguyễn-văn-Cẩn. Thái-độ này ít ra cũng phù-hợp với điều 15 và 17 Hiến-pháp. Một Hiến-pháp được cá-thể-hóa không những bởi những khoản đã được quy-định, mà còn bởi cả những điều khoản bị các tác-giả từ chối quy-định.

Tham chiếu thành-phần chánh-trị của Quốc-hội Lập-Hiến, việc cơ-quan này biểu-quyết một hiến-pháp thế-tục cần được giải-thích. Bên trong xã-hội pháp-lý tượng-trưng bởi Tổng-Thống và Quốc-hội thời đó không có một cản-trở kỹ-thuật nào cho việc chấp-thuận một bản văn chánh-thức thuận lợi cho thuyết tôn-sùng Giáo-Hội. Như vậy sự ngăn-cản phát xuất từ bên ngoài. Thật vậy, các nhà lãnh-đạo có tín-ngưỡng Công-giáo ý-thức được sự cách-biệt giữa lãnh-vực thực-tại và lãnh-vực pháp-lý, cũng như sự cần-thiết mở rộng căn-bản nhân-dân của lãnh-vực pháp-lý vì đa số nhân-dân không phải là Công-giáo. Vì tầm quan-trọng của số lượng công-dân không công-giáo, quốc-gia phải có tính-chất thế-tục mới phù-hợp với lãnh-vực thực tại. Đó là mối quan-tâm lớn lao của giới hữu quyền hồi ấy. Do đó, dân-biểu Trương-Thiệu (thuộc Phong Trào Cách-Mạng Quốc-gia) đề-nghị bỏ chữ "Đấng Tối Cao" vì e rằng danh xưng ấy chỉ có lợi cho sự tuyên-truyền của Cộng-sản nhằm phân-hóa hàng-ngũ quốc-gia (50).

Sự phân-tích trên đây cho phép kết-luận rằng giới hữu trách Đệ-Nhất Cộng-Hòa đã đồng ý xây-dựng một quốc-gia thế-tục trong đó chính-quyền giữ thái-độ trung-lập đối với mọi tín-ngưỡng. Tuy nhiên, mục-tiêu quan yếu của chế-độ là chống Cộng mà khí-giới hữu hiệu, theo họ, là tôn-giáo.

(50) Thiết, Phạm-văn : Des accords de Genève à la République du Việt-Nam, trang 59 và kế-tiếp, Luận án Tiến-sĩ Luật-khoa Đại-học Montpellier, năm 1959.

Do đó, các nhà Lập-hiến đã tuyên xưng lòng tin-tưởng nơi Đấng Tối-cao ngay trong đoạn mở đầu bản văn Hiến-pháp. Sự sắp xếp này có hai điều lợi : một mặt, lập-trường chống Cộng của Quốc-hội được xác-nhận một cách rõ-ràng và long-trọng. Mặt khác, vì lời mở đầu có thể không có hiệu-lực pháp-lý, nên sự tuyên xưng không gây trở ngại cho tự-do tư-tưởng. Hơn nữa, sự sắp xếp ấy còn dung-hòa được cả Phật-Giáo lẫn Công-Giáo vì hai tôn-giáo này theo đuổi hai quan-niệm khác nhau về giáo-lý. Trong khi Công-Giáo quan-niệm tôn-giáo là những quy-tắc, giáo-điều đưa con người gần Đấng Tạo-hóa hay Đấng Tối-cao và, do đó, tôn-giáo phải đặt trong tâm vào Đức-tin, thì Phật-Giáo, nhất là Thiên-phái tại Đông-phương, không chú-trọng nơi phần tha lực, mà chỉ quan-tâm tới phần tự-lực. Mục-dịch của tôn-giáo theo nhà Phật là đưa con người đến đạo quả Giải-thoát và Giác-ngộ. Để đạt mục-dịch này, mỗi Phật-tử phải tự vận-dụng năng-lực cá-nhân của mình, chứ không thể nương-tựa vào kẻ khác. Do đó, Phật-Giáo không công-nhận một Đấng Chúa-tể vạn vật, tự hữu và toàn năng.

Tóm lại, sự sắp đặt trên đây của Hiến-pháp Đệ Nhất Cộng-Hòa đã thể-hiện tinh-thần đoàn-kết quốc-gia, bình-dẳng tôn-giáo và, do đó, đã không gặp phản ứng nào của mọi tôn-giáo. Nhưng xét cho cùng, việc đặt hình-ảnh Đấng Thượng-đế trong lời mở đầu bản Hiến-pháp cũng vẫn phảng phất màu sắc Công-giáo.

2. Trên bình-diện Lập-pháp. - Khi Phật-tử nêu vấn-đề kỳ-thị tôn-giáo, người ta tự hỏi những nguyên-tắc hiến-định nêu trên có được các đạo-luật tôn-trọng không ? Và nếu luật-lệ ban-hành trước khi Hiến-pháp ra đời có điều-khoản bất hợp-hiến, nhà cầm-quyền có sửa-đổi nó không ?

Trong nền pháp-chế đương thời, không có đạo-luật nào ban-hành sau khi Hiến-pháp ra đời lại vi-phạm nguyên-tắc tự-do tôn-giáo. Duy chỉ có một văn-kiến lập-pháp duy-nhất là Dự số 10 ngày 6.8.1950 (ban-hành trước ngày có Hiến pháp) đã không phù-hợp với các nguyên-tắc căn-bản hiến-định về tự-do tôn-giáo vì :

- Nó vi-phạm nguyên-tắc bình-dẳng giữa các tôn-giáo khi đặt đạo Công-giáo và Tin-lành ra ngoài phạm-vi áp-dụng.

Nhà cầm quyền Đệ-Nhất Cộng-Hòa chỉ hữu lý khi nói rằng một chế-độ đặc-biệt sẽ được đặt sau cho những hội của ngoại-quốc có tính-cách tôn-giáo hay không, với mục-đích giới hạn hoạt-động của ngoại-kiến, dành đễ-dãi cho những hội của bần dân và bảo-tồn độc-lập cho xứ-sở (51). Đó cũng là giải-pháp mà Đạo-luật 1901 của Pháp đã áp-dụng khi quy-định những điều kiện khắt-khe hơn đối với những hội ngoại-quốc trên đất Pháp. Nhà Lập-pháp nước này đã quy-định trong cùng một văn-kiện các hiệp-hội thường, hiệp-hội ngoại-quốc và các hội tôn-giáo (52). Tiếc rằng lời nói trên đã không được thực-hiện trong suốt chín năm trời của chế-độ Đệ Nhất Cộng-Hòa. Tình-trạng pháp-lý này đã nhìn nhận sự ưu đãi các tôn-giáo mới du-nhập từ Tây-phương hơn các tôn-giáo cổ-truyền, vì ngoại trừ Công-giáo và Tin-lành, các tôn-giáo khác đều bị xem như hiệp-hội thường. Theo Dự số 10 các Giáo-hội ngoài Thiên-Chúa-Giáo đều phải xin phép trước mới được hoạt-động, bị chính-quyền kiểm-soát gắt-gao và giải-tán bất cứ lúc nào vì lẽ trị an.

- Ngoài ra, Dự số 10 đã không đếm xỉa gì đến các sự-kiện tôn-giáo mà các quốc-gia thế-tục văn-minh đều phải quan-tâm. Chính mối quan-tâm ấy thể-hiện sự tôn-trọng tự-do tôn-giáo vì nhà cầm-quyền không những có bổn-phận phải tôn-trọng tự-do tôn-giáo, mà còn có nghĩa-vụ bảo-vệ tự-do đó chống lại mọi cản-trở pháp-lý hay thực-tế (53). Ngay cả Pháp-quốc, là nước đã từng chống Giáo-hội một cách mãnh-liệt, cũng phân-biệt rõ-rệt hội tôn-giáo với hiệp-hội thường vì tính-cách đặc-biệt vị tha và lợi ích tinh-thần mà nó mang lại cho xã-hội dân-sự.

Người ta tự hỏi tại sao có sự kỳ-thị tôn-giáo trên bình-diện lập-pháp và sự kỳ-thị ấy vẫn tồn tại dưới chế-độ Đệ Nhất Cộng-Hòa ? Câu trả lời chỉ có thể tìm thấy bằng cách phân-tích lịch-sử và chánh-trị.

(51) Xem lập-trường của chánh-phủ về vụ Phật-Giáo ghi trong phúc-trình của Phái-đoàn điều-tra Liên-Hiệp Quốc.

(52) Burdeau, Georges : Les libertés publiques, trang 118 và kế tiếp, Paris, 1966.

(53) Burdeau, Georges : sách đã dẫn, trang 315.

3. Giải-thích sự kỳ-thị tôn-giáo trên bình-diện Lập-pháp -

a) Sự kỳ-thị tôn-giáo do Dự số 10 ngày 6.8.50 gây ra có thể được giải-thích bằng những lý-do lịch-sử và chánh-trị.

Về phương-diện lịch-sử : Quy-chế pháp-lý của các tôn-giáo chỉ được đặt ra từ khi định-chế pháp-nhân của nền luật-pháp Tây-phương du nhập nước ta. Trước đó, dưới thời tự-chủ, các tôn-giáo cổ-truyền đều thuộc những định-chế chánh-trị và hành-chính của quốc-gia. Thật vậy, Quốc-vương An-Nam có quyền-hành cả về chánh-trị lẫn tôn-giáo. Ông cho phép hành-dạo và truyền đạo, kiểm-soát giáo-lý, hàng giáo-phẩm và giáo-sản (54). Tuy nhiên, tự-do tôn-giáo vẫn luôn luôn được tôn-trọng và các tôn-giáo đều được nâng-dỡ. Tôn-giáo chẳng cần có tư-cách pháp-nhân mà vẫn thụ-dãc tài-sản một cách dễ-dàng, vì Đình, Chùa được coi là công-sở của làng và do hoa-lợi công-diền, công-thổ tạo nên hay do tư-nhân hiến cúng (55). Tài-sản hiến cúng chưa chiền đều do làng làm sở-hữu-chủ và không được thay đổi dụng-dịch.

Nhưng sau khi đặt nền cai-trị tại Việt-Nam, người Pháp đã đặt ra những luật-lệ về hiệp-hội khá khắt khe và bó-buộc các đoàn-thể muốn làm hành-vi dân-sự phải có tư-cách pháp-nhân do Nhà nước ban cấp. Các đoàn-thể tôn-giáo cũng không thoát khỏi quy-tắc này. Nhưng luật-lệ lại biểu-lộ sự kỳ-thị giữa tôn-giáo cổ truyền và tôn-giáo Tây-phương.

Thật vậy, trong khi Công-giáo và Tin-lành được hưởng một chế-độ pháp-lý ưu đãi do các Sắc-lệnh ngày 16.1.1939 và ngày 16.12.1939 quy-định, thì các tôn-giáo cổ-truyền tại Bắc-kỳ và Trung-kỳ đều phải theo quy-chế hiệp-hội thường do dân-luật Bắc-kỳ (các điều 289-309) và dân-luật Trung-kỳ (các điều 292-296 và các điều 299-300) chi-phối.

(54) Thông, Vũ-quốc : Pháp-chế sử Việt-Nam, trang 60-61, từ sách Đại-học Saigon, 1966.

(55) Anh, Đào-duy : Việt-Nam Văn-Hóa sử cương, trang 207 và kế tiếp, Bốn Phương, 1951.

Còn tại Nam-kỳ, tình-trạng pháp-lý của các chùa chiền lại phức-tạp hơn và thiếu rõ rệt, vì sắc-lệnh ngày 21.2.1933 áp-dụng tại các lãnh-thổ của Pháp chỉ quy-định chế-độ hiệp-hội thế-tục (điều 31) và, do đó, các cơ-sở phụng tự cổ truyền đều phải dựa vào phong tục, tập quán, án lệ, hoặc phỏng theo chế-độ áp-dụng tại Bắc-kỳ và Trung-kỳ (56).

Dưới thời Bảo Đại, Dự số 10 ngày 6.8.1950, thống nhất các thế-lệ về hiệp-hội trên toàn quốc, đã căn-cứ phần lớn vào sắc-lệnh ngày 21.2.1933. Nhưng văn-kiên lập-pháp mới này chỉ áp-dụng cho các hiệp-hội thường và các tôn-giáo cổ truyền, chứ không áp-dụng cho các giáo-hội Công-giáo, Tin-Lành và Lý-sự Hội Hoa-kiều.

Về phương-diện chánh-trị : Dưới thời Pháp thuộc sở dĩ các giáo-hội Tây-phương được ưu đãi hơn giáo-hội cổ truyền vì mối liên-hệ giữa các nhà truyền giáo mới và chánh quyền thực-dân khá sâu đậm. Giáo-hội Công-giáo đã công-tác với các đế-quốc Tây-phương trong cuộc chinh-phục những nước Á-Châu và Phi-Châu từ những năm 1880 trở đi để có phương-tiện truyền-bá Phúc-Âm một cách rộng rãi hơn. Đền bù lại, các đế-quốc đã dành cho những hội truyền giáo có công với họ nhiều quyền-lợi đặc biệt. Thái-độ của người Pháp tại Việt-Nam cũng không đi ra ngoài chính sách chung đó. Chính Gambotta đã tuyên-bố :

"Chủ-nghĩa chống giáo-hội không tạo thành một món hàng xuất cảng. Trái lại, người ta phải ghi nhận từ năm 1880 trong nhiều trường hợp vì quyền-lợi quốc-gia những chính-khách tự-do đã tiết chế thái-độ đối nghịch, và có khi còn trở lại hòa dịu, tôn kính đối với Tòa Thánh La-Mã (57)."

Rồi, suốt thời Bảo-Đại, Thiên-chúa Giáo vẫn được tiếp tục ưu đãi vì ảnh-hưởng chánh-trị của tôn-giáo này hãy còn mạnh. Năm 1945 hàng Giáo-phẩm Công-giáo Việt-Nam cũng

(56) Hâu, Vũ-văn : Luật-học đại-cơng, trang 369-374, Saigon, 1971.

(57) Latreille, André et Siegfried, André : Les forces religieuses dans la vie politique, pages 71 và kế tiếp, Armand Colin, Paris, 1951.

đã góp phần vào việc giành độc-lập cho xứ-sở bằng cách vận động Tòa Thánh La-Mã can-thiệp với người Pháp trao trả độc lập hoàn-toàn cho Việt-Nam, và cộng-tác với phong-trào Việt-Minh trong những ngày đầu tiên.

Nhưng một khi nhận ra được thực chất Cộng-Sản trong phong trào ấy, hàng Giáo-phẩm Việt-Nam liền thay đổi thái-độ và đi tìm một giải-pháp quốc-gia. Thái-độ chống Cộng này đã được Vatican ủng-hộ triệt-đề vì Tòa Thánh đã công-nhận chánh-phủ Bảo-Đại ngay từ khi mới thành-lập. Song chánh phủ này chỉ có tánh-cách bù nhìn vì hoàn-toàn lệ thuộc người Pháp. Chánh-phủ Pháp lại muốn núp sau chiêu-bài chống Cộng - mà phần-tử trung-kiên là khối Công-giáo dân - để thực-hiện mộng tái-lập nền đô-hộ tại nước ta. Có lẽ vì vậy họ phải ưu đãi các hội truyền-giáo Tây-phương để tạo hậu thuẫn chánh-trị rộng lớn, và chính trong hoàn-cảnh ấy Dự số 10 đã ra đời.

Hơn nữa, ngay tại nước Pháp, lịch sử tương-quan giữa quốc-gia và giáo-hội Công-Giáo La-Mã cũng là một chuỗi dài những tranh chấp gay go và thỏa hiệp tam bộ (58). Việc ấn-định quy-chế pháp-lý cho Giáo-Hội này rất khó-khăn và tế nhị vì ảnh-hưởng hỗ tương giữa Thần-quyền và Thế-quyền khá mạnh mẽ. Có lẽ kinh-nghiệm này cũng là một trong những lý-do khiến trong suốt thời-gian 1950-1954 nhà cầm quyền tại nước ta đã không dă động gì tới việc ấn-định quy-chế các hội truyền giáo Công-Giáo và Tin-Lành như điều 44 Dự số 10 đã dự-liệu.

b) Dưới thời Đệ Nhất Cộng-Hòa Dự số 10 vẫn còn nguyên vẹn. Như vậy tự-do tôn-giáo do Hiến-pháp 26.10.56 công-nhận đã bị Dự này vi-phạm vì nó tạo ra sự bất bình đẳng giữa Công-Giáo và Tin-Lành với các tôn-giáo khác. Tuy điều 44 Dự vừa kể đã dự-liệu rằng một chế-độ đặc-biệt sẽ được ấn-định sau cho các hội truyền-giáo ngoại-quốc và các Hoa-kiều Lý-sự hội, nhưng trong suốt thời Bảo-Đại cũng như thời Đệ Nhất Cộng-Hòa quy-chế đặc biệt ấy cũng vẫn chưa được ban-hành.

(58) Trotabas, J.P. : La notion de laïcité dans le droit de l'Eglise Catholique et de l'Etat républicain, Paris, 1961 ; cũng xem : Burdeau, Georges : sách đã dẫn trang 316 và kế tiếp.

Thiết tưởng những lý-do mà chánh-quyền Đệ Nhất Cộng-Hòa đã viện-dẫn để biện-minh cho việc không sửa-đổi Dự số 10 đều thiếu chánh-dáng (59).

Trước hết, không phải đợi đến khi công-dân đứng lên đòi hỏi, chánh-phủ mới sửa-đổi những luật-lệ bất hợp-hiến hay bất công, vì nhiệm-vụ của chánh-phủ là tôn-trọng, bảo-vệ Hiến-pháp và, theo Giáo-sư Hauriou, gồm có việc giải quyết những vấn-đề đặc-biệt liên-quan tới sự thống-nhất chánh-trị và chăm nom những quyền-lợi chính yếu của quốc-gia (60).

Hơn nữa, việc không áp-dụng chặt chẽ Dự số 10 đối với các tôn-giáo cũng không thể là lý-do để duy-trì một đạo-luật vi-phạm tự-do tôn-giáo, vì thái-độ thực-tế của chính-quyền không đủ đảm-bảo cho sự an-toàn pháp-lý, và nguyên-tắc TRONG PHÁP phải được triệt để tôn-trọng trong chế-độ dân-chủ.

Sự kỳ-thị trên bình-diện lập-pháp đã được thể-hiện ra sao trong thực-tế ?

4. Sự kỳ-thị tôn-giáo trong thực-tế - Tình-trạng pháp-lý đặc-biệt trên đây không tiêu-biểu trong thực-tế một chánh-sách công-khai kỳ-thị tôn-giáo, vì qua những bằng cứ cụ-thể mà các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo đã đưa ra để tố-cáo chánh-quyền ngược đãi Phật-giáo đồ, ta chỉ thấy những trường hợp kỳ-thị Phật-Giáo xảy ra ở một số địa-phương thuộc Trung Phần, như là tại các tỉnh Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Bình-Định, Phú-Yên (61). Người ta không tìm thấy được một trường-hợp kỳ-thị tôn-giáo nào tại Nam-Phần, ngoại trừ một vụ bán làm vào chùa và bắt Sư trong một cuộc hành-quần tại Trà-Vinh

(59) Violation des droits de l'homme au Sud-Vietnam, Rapport de la Mission d'enquête des Nations Unies au Sud-Vietnam, page 59.

(60) Hauriou : Droit administratif, 12e éd., trích dẫn bởi A. de Laubadère: Traité él. de Dr. Ad., page 195, 3e éd., 1967.

(61) Tuệ Giác : sách đã dẫn, trang 119-124 ; cũng xem : Violation des droits de l'homme au Sud-Vietnam, pages 86-191.

năm 1961 mà một vài ký-giả ngoại quốc cho là một hiện-tượng kỳ-thị Phật-Giáo. Thực ra, trường-hợp đặc thù duy-nhất này chỉ là một trong nhiều tai-họa chiến-tranh.

Ngoài ra, ngay tại Trung-Phần, những vụ ngược đãi Phật-Giáo đờ cũng chỉ xuất-hiện vào những năm 1960, tức là kể từ 4 năm sau ngày thành-lập nền Đệ Nhất Cộng-Hòa và cũng là những năm đầu tiên của cuộc chiến-tranh phá hoại.

Tình-trạng kỳ-thị Phật-Giáo có tính-cách cực-bộ như vậy đã phát-sinh vì những nguyên-nhân nào ? Phân-tách vấn-đề trên cả hai bình-diện là quốc-gia và địa-phương ta thấy tình-trạng này đã do hoàn-cảnh chánh-trị và địa-dư gây nên.

a) Hoàn-cảnh chánh-trị. Quá-trình hoạt-động và triết-lý chánh-trị của cựu Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm có thể được coi là nguyên-nhân chính của việc kỳ-thị Phật-Giáo.

Kết quá-trình chánh-trị của vị Tổng-Thống Đệ-Nhất Cộng-Hòa, ta thấy ông là một người quốc-gia bảo-thủ và tích-cực chống Cộng. Tinh-thần chống Cộng ấy bắt nguồn từ tín-ngưỡng Ki-Tô của ông. Trong việc chống Cộng, ông tin-tưởng vào Công-Giáo hơn là Phật-Giáo, mặc dầu Giáo-dân chỉ chiếm 10% dân-số. Thái-độ ấy có nhiều lý-do.

Trước hết, tại miền Nam sau 8 năm kháng Pháp, các đảng-phái quốc-gia - mà phần lớn đặt địa-bản hoạt-động tại Bắc-Phần - đã tỏ ra suy-yếu ; các giáo-phái lại muốn duy-trì lực-lượng của họ ; Phật-Giáo vì không được tổ-chức chặt-chẽ nên dễ bị Cộng-Sản xâm-nhập. Chỉ còn Công-Giáo, nhất là thành-phần di-cư, được coi là lực-lượng duy-nhất có tổ-chức chặt-chẽ, kỷ-luật nghiêm-khắc, lập-trường chống Cộng vững-vàng và lòng chung-thủy cao độ đối với Tổng-Thống.

Thứ đến, căn-bản triết-lý chánh-trị của chế-độ cũng bắt nguồn từ những tư-tưởng Xã-Hội Thiên-Chúa Giáo. Hơn nữa, những tư-tưởng này chỉ được dung-hợp với Nho-Giáo mà thôi. Do đó tư-tưởng Phật-Giáo bị mặc-nhiên gạt-bỏ

khỏi hệ-thống. Chính Ông Ngô-dình-Nhu, một lý-thuyết gia của chế-độ, đã nhận-xét về đạo Phật như sau :

"... Hình như cũng khó mà suy-diễn ra những nguyên-tắc xã-hội từ một lý-thuyết vô thần chỉ bằng vào hiện-tượng hư vô, một triết thuyết gạt bỏ phần thiện ; -liêng của đời sống con người và coi muôn sự ở đời kể cả linh-hồn cũng là ảo ảnh, có chăng chỉ có hư vô... (62)."

Nhận xét này chẳng những không thuyết-phục được chư Tăng ưu-tú của Tổng Hội Phật-Giáo, mà còn làm chư Tăng bất mãn thêm khi Trung-Tâm Huấn-luyện chủ-nghĩa Nhân-vị được thành-lập bởi Tổng Giám-Độc Ngô-dình-Thục, bảo huynh của Tổng-Thống ; giảng-viên hầu hết đều là tu-sĩ Công-Giáo; công-chức phải lần-lượt đến đó học-tập (63).

Vì tin-tưởng tuyệt-đối vào khả-năng chống Cộng của Công-Giáo dân và bị ảnh-hưởng bởi những người thân tín, nên Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm đã mặc-nhiên dành cho tôn-giáo của ông nhiều thiện cảm.

Được ưu đãi suốt 80 năm Pháp thuộc và 9 năm Đệ-Nhất Cộng-Hòa, Giáo-hội Công-Giáo Việt-Nam đã trở thành một định-chế trụ-phủ với những lợi-tức về điền-địa, thương-mại và thế-lực chánh-trị. Thêm vào đó, việc thiết-lập Viện Đại-học Đà-lạt dưới sự bảo-trợ của Đức Tổng Giám-Độc Ngô-dình-Thục càng phát-triển vị-thế vững mạnh của Giáo-Hội trong tầng-lớp thị dân khá giả. Ưu thế ấy đã giúp Công-Giáo dễ-dàng gia-tăng mau lẹ số lượng tín-đồ (64).

Hoàn-cảnh chánh-trị trên đây đã khiến Phật-Giáo,

(62) Nhu, Ngô-dình : Vài nhận-xét về nguyên-tắc xã-hội do triết-lý truyền-thống Á-Đông, tạp-chí Quê-Hương, số 2, tháng 8/1959, tr. 11 và kế tiếp.

(63) Nhất-Hạnh, Thích : sách đã dẫn II, trang 79-81.

(64) Sự gia-tăng mau lẹ số lượng tín-đồ Công-Giáo dưới thời Đệ Nhất Cộng-Hòa được ghi-nhận trên tạp-chí Informations Catholiques internationales, Paris, 15.3.1963, trích dẫn bởi Thích Nhất-Hạnh trong sách đã dẫn, trang 97.

một tín-ngưỡng của đa số nhân-dân, bị lép vế vì không được thực-sự nâng-dỡ. Nhưng tại sao hiện-tượng kỳ-thị Phật-Giáo chỉ xuất-hiện tại một số tỉnh miền Trung ? Thiết tưởng sự kiện đặc thù này do hoàn-cảnh đặc-biệt của địa-phương gây nên.

b) Hoàn-cảnh địa-dư. Các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú đều nằm trong vòng ảnh-hưởng của nhiều lực-lượng chánh-trị đối nghịch.

Trước hết, nơi đây vốn là Liên Khu 5 của Việt-Minh ; họ đã liên-tục hoạt-động từ thời Cách-Mạng giành Độc-lập, qua 8 năm kháng-chiến tới sau ngày ký Hiệp-định Genève 1954.

Thứ đến, các đảng-phái quốc-gia như Quốc-Dân Đảng và Đại-Việt cũng dùng vùng này làm căn-cứ-địa chống Cộng-Sản và độc-tài Ngô-dình-Diệm. Cả Cộng-Sản lẫn các phe phái quốc-gia đều tìm cách kết-nạp cán-bộ, bành-trướng cơ-sở bằng cách xâm nhập vào mọi tổ-chức nghề-nghiệp và tôn-giáo.

Về phần tôn-giáo, Công-Giáo và Phật-Giáo lại tích cực tranh giành ảnh-hưởng ở nơi đây hơn bất cứ nơi nào khác. Nhưng Công-Giáo đã chiếm được ưu thế vì nhiều lẽ. Một mặt, cán-bộ Cộng-Sản nằm vùng muốn dễ hoạt-động hay quần-chúng có mạo cảm là dân của Cộng-Sản muốn yên ổn làm ăn đã "tìm về với Chúa" trong các buổi lễ rửa tội tập thể. Mặt khác, vùng này thuộc ảnh-hưởng chánh-trị của Ông Ngô-dình-Cẩn, cố-vấn chỉ-đạo các đoàn-thể tại Trung-Phần ; và Ông Ngô-dình-Thục, Tổng Giám-Mục giáo-khu Huế. Để làm hài lòng hai yếu nhân này, chánh quyền địa-phương đã khuyến-khích việc theo đạo Công-Giáo và ngược đãi Phật-giáo đồ nào có thái-độ chống-đối rồi "chụp mũ" họ là Cộng-Sản.

Tuy nhiên, có những yếu-tố hóa-giải sức mạnh Công-Giáo để đưa lại cho Phật-Giáo một số tín-đồ trung-kiên và, do đó, va-chạm giữa hai lực-lượng tôn-giáo đã xảy ra. Trước hết, một số dân địa-phương vốn bất mãn ít nhiều với Cộng-Sản, nhưng lại bị chánh-quyền "chụp mũ" là thân Cộng. Vì vậy họ đã chống đối tiêu cực bằng cách chối bỏ Cộng-Sản và đồng thời lựa chọn một tôn-giáo ở vào thế yếu là Phật-Giáo.

Hơn nữa, Trung-nguyên Trung-Phần lại là địa-bàn hoạt-động mạnh nhất của Phật-Giáo Đại Thừa. Nơi đây quy-tụ nhiều Tăng-sĩ có khả-năng chánh-trị nhưt, đồng-đạo tín-đồ mộ đạo nhưt, có những tổ-chức Phật-tử quy-cử nhưt, và có tinh-thần "Đạo-Pháp và Dân-Tộc" cao nhưt. Phật-tử thuần-thành dĩ nhiên đã bất mãn vì sự ngược đãi của một số cán-bộ vô ý-thức trong chánh quyền. Niềm bất mãn gia-tăng mạnh mẽ khi bị các phần-tử đối-lập với chế-độ cố tình khai-thác. Được hướng-dẫn bởi chư Tăng lỗi-lạc cả về tôn-giáo lẫn chánh-trị, mối ác-cảm ấy đã biến thành sức mạnh đối-kháng và ý-chí "Hoàng Dương Đạo-Pháp" để đương đầu với đà bành-trướng của Công-Giáo. Vì nhiệt tình với Đạo-Pháp nhưng lại bị khó-khăn trong việc hành đạo và truyền đạo, nên Phật-tử chỉ chờ cơ-hội để phá bỏ mọi cản-trở tự-do tôn-giáo.

Như vậy tất cả các lực-lượng chánh-trị và tôn-giáo trong vùng đã nỗ lực tranh-giành ảnh-hưởng. Trong cuộc tương tranh ấy, chánh-quyền địa-phương với đầy đủ phương-tiện trong tay đã làm lợi cho việc bành-trướng tôn-giáo của một thiểu số có quyền thế. Hành-vi xu-nịnh ấy đã bị các lực lượng đối nghịch triệt-để khai-thác và biến thành yếu-tố chính của hồ-sơ "vi-phạm Nhân-quyền tại Nam Việt-Nam", mặc dầu chánh-phủ không có một chánh-sách công-khai kỳ-thị tôn-giáo. Mặc dầu không tiêu-biểu cho một chánh-sách bách-hại Phật-Giáo, những vụ ngược đãi Phật-tử tại 4 tỉnh miền Trung đã có một tầm quan-trọng đặc-biệt, vì chúng chính là một trong những nguyên-nhân quan-trọng của cuộc tranh-đấu.

Tuy nhiên, nguyên-nhân gần nhất là cuộc xung-đột giữa chánh-quyền và Phật-tử về thể-lệ treo cờ nhân lễ Phật-Đản 2507.

PHẦN ĐOẠN II - XUNG-ĐỘT VỀ THỂ-LỆ TREO CỜ

Trước lễ Phật-Đản đúng hai ngày, ngày 6.5.1963, một chỉ-thị của Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm được cấp tốc chuyển bằng công-điện số 9195 tới các tỉnh trên toàn quốc. Điện-văn này buộc các cơ-sở phụng-tự thuộc mọi tôn-giáo và các tư-gia chỉ được treo cờ quốc-gia mà thôi, nhưng ở phía trong những nơi ấy việc treo cờ hay ảnh tôn-giáo được tùy nghi.

Chỉ-thị trên đây có điểm khác với thể-lệ hiện-hành do nghị-định số 189-BNV/FA/P5 ngày 12.5.1958 và thông-tư số 5036-B/BNV/KS ngày 1.9.1962 của Bộ Nội-Vụ ấn-định. Theo Thông-tư này trong những ngày lễ tôn-giáo, giáo-kỳ thuộc loại quốc-tế chỉ được treo đơn độc bên trong trụ-sở hành lễ, nhưng ở cổng ra vào phải treo quốc-kỳ. Nếu muốn treo thêm giáo-kỳ ở cổng ra vào, thì giáo-kỳ phải nhỏ bằng 2/3 kích thước của quốc-kỳ. Còn tại các tư gia, nếu được phép của nhà chức-trách địa-phương, giáo-kỳ thuộc loại quốc-tế cũng được phép treo cùng với quốc-kỳ, nhưng kích thước phải nhỏ bằng 2/3 kích thước của quốc-kỳ.

So với thể-lệ vừa kể, chỉ-thị quả đã hạn-chế khắt khe hơn việc treo giáo-kỳ. Vì vậy chỉ-thị ấy đã là nguyên-nhân trực-tiếp và tức thời của cuộc xung-đột giữa chánh-quyền và Phật-tử. Muốn nhận-định một cách khách-quan mức-độ trầm trọng của biến-cố lịch-sử này, ta cần phân-tách hợp-pháp-tính, thích-nghi-tính và hậu-quả của công-điện số 9195.

A - HỢP-PHÁP-TÍNH VÀ THÍCH-NGHI-TÍNH
CỦA CÔNG-ĐIỆN SỐ 9195 NGÀY 6.5.1963

Về vấn-đề này, hai phe đối nghịch đã có những quan-điểm hoàn-toàn trái ngược. Vậy đâu là sự thực ?

1. Quan-điểm của chánh-quyền - Chánh-quyền khẳng-định không ra lệnh triệt hạ cờ Phật-Giáo và không kỳ-thị Phật-Giáo vì :

- Thể-lệ treo cờ được áp-dụng chung đồng đều cho mọi tôn-giáo.

- Quốc-kỳ là biểu-tượng của dân-tộc và quốc-gia nên phải được treo ở địa-vị cao hơn giáo-kỳ để xác-nhận chủ-quyền quốc-gia.

- Từ năm 1962 Bộ Nội-vụ đã ban-hành thể-thức treo cờ theo tinh-thần ấy, và công-điện số 9195 chỉ nhắc lại thể-thức cũ.

- Hơn nữa, trước khi ban-hành chỉ-thị, Phủ Tổng-

Thống đã đi tham-khảo ý-kiến và được sự đồng ý của Tổng Hội Phật-Giáo Việt-Nam, Giáo-Hội Tăng-già toàn quốc, và đại-diện Tòa Thánh Vatican tại Việt-Nam.

- Ngoài ra, sau lễ Phật-Đản sẽ có lễ Thăng-Thiên của Công-Giáo và, như vậy, chỉ-thị mới sẽ được áp-dụng cho cả Công-Giáo lẫn Phật-Giáo.

2. Quan-điểm của Phật-Giáo - Trái lại, Phật-Tử tại Huế đã cực-lực lên án công-diện số 9195 là một hành-vi nhằm triệt hạ Phật-giáo-kỳ, vì :

- Công-diện số 9195 được ban-hành tại Huế sát ngày lễ Phật-Đản sau khi cờ Phật-Giáo đã được treo la liệt khắp nơi và mọi người đã chuẩn-bị xong việc hành lễ.

- Trước lễ Phật-Đản một tuần lễ, nhân dịp mừng lễ Ngân-Khánh của Tổng Giám-Mục Ngô-dĩnh-Thục và gần nhất là ngày 5.3.1963 nhân lễ mừng một linh-mục tại Đà-Nẵng, cờ Tòa Thánh Vatican đều đã được treo rất nhiều trong một vài thành phố. Những sự-kiện này tương phản với công-diện trên và xảy ra quá sát ngày lễ Phật-Đản khiến Phật-tử xúc-dộng.

- Hòa-Thượng Hội-chủ Tổng Hội Phật-Giáo đã từ-chối lời yêu-cầu của Ông Ngô-dĩnh-Cẩn xin đánh điện mừng Tổng Giám-Mục Ngô-dĩnh-Thục nhân dịp lễ Ngân-Khánh. Do đó lệnh cấm treo cờ Phật-Giáo đến Huế một ngày trước đại lễ Phật-Đản bị Phật-tử coi là một sự khiêu-khích và trả thù.

- Công-diện này còn bất hợp-pháp vì đã ban-hành một cách vi luật.

Ta nhận-xét thế nào về hai quan-điểm trái ngược trên đây ?

3. Nhận xét - Một nhận-xét vô tư đòi hỏi sự phân tách mọi khía cạnh pháp-lý và chánh-trị của công-diện số 9195.

a) Về phương-diện pháp-lý, ta xét hợp-pháp tính và thích-nghĩ tính của công-diện nêu trên.

- Hợp-pháp tính - Về phương-diện hình thức, công-diện này bất hợp-pháp vì cấp trên đã xâm lấn quyền

hành cấp dưới và vi-phạm nguyên-tắc "hình-thức song đôi của các văn-kiện". Thật vậy, khi dùng một thông-tư dưới hình-thức công-diện để sửa-đổi một nghị-định của Bộ-Trưởng Nội-vụ, Tổng-Thống đã xâm-phạm vào quyền lập-quy của nhà chức-trách cấp dưới (65). Rõ ràng là công-diện đã sửa-đổi chứ không phải chỉ nhắc lại nghị-định cũ.

Về nội-dung, công-diện không bao hàm ý-nghĩa kỳ-thị Phật-Giáo hay triệt-hạ Phật-giáo kỳ vì nó ấn-định thể-lệ chung cho mọi tôn-giáo. Tuy nhiên, việc hạn-chế treo giáo-kỳ đã có hậu-quả hạn-chế tự-do tôn-giáo. Hạn-chế ấy còn khắt khe hơn luật "phân lập giáo-hội và quốc-gia" của Pháp-quốc, vì điều 28 luật này chỉ cấm treo giáo-kỳ trên công-thụ hay nơi công-cộng ngoài cơ-sở phụng-tự, nghĩa-địa hay địa-điểm triển-lãm (66).

- Thích-nghi-tính - Công-diện quả thực không thích-nghi vì việc treo cờ không gây nên một tình-trạng khẩn-cấp nào khiến nhà cầm quyền phải dùng công-diện hoá-tốc. Nhất là khi công-diện được đánh đi một cách vội-vàng sát ngày lễ Phật-Đản, Phật-tử càng dễ nghi-ngờ chánh-quyền có ẩn ý.

b) Về phương-diện chánh-trị - Hành-động của Tổng-Thống có thể được biện-minh bởi những lý-do sau đây :

- Sự phô-trương quá lạm giáo-kỳ Vatican đã khiến ông đi tới quyết-định hạn-chế việc treo mọi loại giáo-kỳ. Giới thân cận ông tiết-lộ rằng ông rất phẫn-nộ khi thấy trong dịp lễ Ngân-Khánh của Đức Tổng Giám-Mục Ngô-dình-Thục tại Đà-Lạt trước ngày lễ Phật-Đản, toàn cờ Vatican và khẩu-hiệu ca tụng Đức Tổng Giám-Mục treo la liệt trong thành-phố ; tuyệt nhiên không có một lá cờ quốc-gia hay một khẩu-hiệu nào nói đến quốc-gia dân-tộc. Cảnh tượng chướng mắt này là động-cơ trực-tiếp thúc đẩy ông đi tới quyết-định hạn-chế việc treo quá lạm giáo-kỳ. Khi lấy quyết-định này

(65) Laubadère, André de : sách đã dẫn, trang 246.

(66) Burdeau, Georges : sách đã dẫn, trang 338.

ông cũng biết sắp đến lễ Phật-Đản và, do đó, ông đã cho người đi dẫn-xếp với các lãnh-tụ tôn-giáo. Làm như vậy ông tin rằng sẽ không bị Phật-tử phản-đối, và còn có lợi là mấy ngày sau lễ Phật-Đản, Công-Giáo đương-nhiên phải theo thể-lệ treo cờ mới trong dịp lễ Thăng-Thiên. Do đó ông sẽ không phải mệt công đối phó với một lực-lượng có uy-thế mà ông vẫn hằng tin-cậy.

- Ngoài ra, người ta còn cho rằng Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm có quan-niệm tôn-sùng Quốc-Gia hơn Giáo-Hội. Nếu chỉ nhìn qua lòng sùng đạo của ông, người ta khó có thể gán cho ông quan-niệm này. Tuy nhiên, nhiều nhà quan-sát chánh-trị thường nhận định rằng dù là một giáo-dân nhiệt-thành, vị cựu quan-lại triều-dình Huế vẫn chịu ảnh-hưởng mạnh mẽ của tư-tưởng Nho-Giáo (67). Thật vậy, ông tự coi có sứ-mạng "thay trời trị dân" và ông muốn có nhiều uy-quyền rộng lớn, kể cả quyền khống-chế Giáo-Hội. Có lẽ vì vậy mà người ta nghi ngờ ông muốn thiết-lập một Giáo-Hội Công-Giáo Quốc-Gia và muốn các kiến-trúc Công-Giáo phải mang màu sắc dân-tộc (68). Phải chăng vì Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm không muốn để quốc-gia bị tôn-giáo khống-chế, nên, theo lời tiết-lộ của Ông Ngô-dình-Nhu, chánh-quyền Đệ-Nhất Cộng-Hòa đã loại trừ âm-mưu của những người Công-Giáo muốn hưởng một vài đặc quyền trong quốc-gia (69) ?

- Xét tiến-trình củng-cố chế-độ Đệ-Nhất Cộng-Hòa, người ta có thể suy luận rằng thể-lệ treo cờ là một trong những biện-pháp nhằm mục-tiêu củng-cố uy-quyền và chủ-quyền quốc-gia cùng sự thống-nhất dân-tộc. Thật vậy, tình-trạng bi-đát của miền Nam năm 1954 khiến các biện-pháp sau đây trở nên tối cần cho việc thực-hiện các mục-tiêu vừa kể : đòi người Pháp trao-trả chủ-quyền, giải-tán các lực-lượng giáo-phái võ-trang, lập một quân-đội quốc-gia duy-nhứt và một nền hành-chánh tập quyền, Việt-hóa

(67) Warner, Denis : The last Confucian, tr. 65-68, The Mac Millan Co., New-York, 1963.

(68) Phong-văn một vị cựu Đại-biểu Chánh-phủ tại Trung-nguyên Trung-Phần, năm 1968.

(69) Violation des droits de l'homme au Sud Vietnam, rapport de l'ONU, page 46.

địa-danh các tỉnh Cao-nguyên và thực-hiện mau lẹ chánh-sách đồng-hóa các sắc-tộc thiểu số, Việt-hóa các tên họ có âm-thanh ngoại quốc, khuyến-khích việc hồi nhập Việt-tịch, cấm chuyển-nhượng và chuyển-dịch các tài-sản của ngoại nhân ra khỏi Việt-Nam, v... v...

Trong bối-cảnh đó, thể-lê đầu tiên về việc treo cờ được ban-hành bởi nghị-định số 78-BNV/NA/KS ngày 6.9.1957 của Bộ Nội-Vụ. Theo văn-kiến này, muốn sử-dụng đảng-kỳ, đoàn-kỳ, hiệu-kỳ hoặc phù-hiệu, các đoàn-thể hợp pháp liên-hệ phải trình trước mẫu cờ hoặc mẫu phù-hiệu tại Bộ Nội-Vụ để xin chấp-thuận. Việc sử-dụng phải có phép trước và bị hạn-chế vào một số trường-hợp nhất-định. Hơn nữa, những loại cờ này trong mọi trường-hợp đều không được treo đơn độc, mà phải treo cùng với quốc-kỳ, và kích thước nhỏ bằng 2/3 kích thước quốc-kỳ. Để đặc-biệt tôn vinh quốc-kỳ, nghị-định trên còn bó buộc khi làm lễ thượng kỳ chỉ có thể kéo quốc-kỳ mà thôi. Chính trong tinh-thần tôn-trọng địa-vị tối cao của quốc-kỳ mà nghị-định số 189-BNV/NA/P5 ngày 12.5.1958 đã quy-định việc treo giáo-kỳ như vừa trình-bày trong đoạn trên.

Căn-cứ vào bối cảnh chánh-trị của thời-gian ban-hành các văn-kiến cũng như nội-dung mỗi văn-kiến nêu trên, người ta có thể suy-đoán rằng những biện-pháp lập-quy ấy nhằm kiểm-soát hoạt-động công-động của mọi đoàn-thể chánh-trị, tôn-giáo và nghề-nghiệp ngõ hầu xây-dựng và củng-cố ý-thức đoàn-kết quốc-gia.

Thực ra, việc gây ý-thức đoàn-kết quốc-gia qua các biểu-tượng dân-tộc là một nhu-cầu kiến-quốc của những nước mới độc-lập. Nhưng nỗ-lực này của chế-độ Đệ-Nhứt Cộng-Hòa đi kèm với các biện-pháp độc-tài đã gặp phải phản-ứng chống đối, chế-độ càng ngày càng kiểm-soát chặt-chẽ hoạt-động của mọi đoàn-thể. Có lẽ e ngại rằng hiện-tượng giáo-phái trước kia sẽ có cơ-hội tái diễn với những thành-phần mới, nên chánh-quyền đã phải tiến thêm một bước nữa trong việc đề-cao biểu-tượng quốc-gia trên mọi biểu-tượng của các đoàn-thể trung-gian bằng cách hạn-chế việc treo giáo-kỳ.

Tuy nhiên, sự hạn-chế mới mẻ ấy đã bị Phật-cử coi là một hành-vi công-khai kỳ-thị Phật-Giáo vì :

- Thấy cờ Vatican được treo quá nhiều trong dịp lễ Ngân-Khánh của Đức Tổng Giám-Mục Ngô-dĩnh-Thục, phản-ứng tự-nhiên của Phật-tử miền Trung là càng phải treo nhiều cờ Phật-Giáo hơn trong dịp lễ Phật-Đản. Nhưng vì phản-ứng tự-nhiên này bị ngăn-chặn tức thời bằng một công-diện hỏa tốc, nên Phật-tử tin rằng nhà cầm quyền đã cố ý tấn-công họ, tước-đoạt của họ một cơ-hội thiêng-liêng để biểu-lộ niềm tin và làm lu mờ ngày đại lễ của họ.

- Có lẽ Phật-tử cũng tiên-đoán rằng cờ Vatican sẽ vẫn được treo nhiều trong dịp lễ Thăng-Phiên, sau ngày Phật-Đản vì họ có thể tin rằng chánh quyền không dám dung chạm tới Công-Giáo, một lực-lượng trung-kiên của chế-độ.

- Vì cho rằng mình bị kỳ-thị, nên Phật-tử Huế đã phản-ứng dữ dội chống lại chỉ-thị trên. Như vậy công-diện số 9195 đã gây ra những hậu-quả gì ?

B - HẬU-QUẢ CỦA CÔNG-ĐIỆN SỐ 9195

Công-diện số 9195 tới Huế sau khi cờ Phật-Giáo đã được treo lên khắp nơi trong thành-phố. Trước sự dã-rời và theo lời yêu-cầu của đại-diện Phật-Giáo, chánh-quyền địa-phương chấp-thuận ngưng áp-dụng công-diện. Nhưng quyết-định đã được ban-hành quá trễ vì cờ Phật-Giáo đã bị nhân-viên công-lực hạ xuống rồi. Sự thế này gây ra những hậu-quả vô cùng nghiêm-trọng :

- Phật-tử Huế là tập-thể đầu tiên trên toàn quốc đứng lên phản-đối kịch-liệt việc hạ cờ Phật-Giáo. Họ đã tổ-chức tức thời một cuộc biểu-tình khá lớn ngày 8.5.1963 để công-khai phản-đối "lệnh cấm treo cờ và chánh-sách kỳ-thị tôn-giáo của chánh-quyền" (70). Đây là lần đầu tiên trong lịch-sử nền Đệ Nhứt Cộng-Hòa một đoàn-thể tôn-giáo dám công-khai chống lại chánh-quyền, và lại chống ngay tại

(70) Quốc-Tuê : sách đã dẫn, trang 42 và kế tiếp.

quê hương của Tổng Thống, nơi gia-đình ông thực sự cai trị. Do đó biến-cố này được coi như một ngọn roi quất thẳng vào trái tim của chế độ.

- Biến cố thứ nhì càng làm xúc-động mạnh mẽ hơn lương tâm của tất cả mọi người, Phật-tử cũng như không Phật-tử, ở trong nước cũng như ở ngoài nước. Đó là tai nạn đẫm máu tại đài phát-thanh Huế đêm 8-5-1963 mà ta đã mô tả trong phần dẫn nhập Luận án này (71). Tám Phật-tử bị thiệt mạng trong tai nạn trên đã được Phật-giáo phong Thánh Tử Đạo đầu tiên tại Việt-Nam để gây nguồn cảm-hứng cho cuộc đấu tranh (72).

- Những biến cố tại Huế đã gây phản ứng dây chuyền trong cộng đồng Phật-Giáo toàn quốc, nhất là tại các đô-thị và đưa tới cuộc đấu-tranh rộng lớn không những giữa chánh quyền với Phật-giáo, mà còn với cả các đoàn-thể khác. Hậu-quả cuối cùng của cuộc tranh-đấu là sự sụp đổ nền Đệ Nhứt Cộng-Hòa.

Nếu đối với chánh quyền, quốc kỳ là biểu-tượng của quốc-gia thì đối với Phật-Giáo, giáo kỳ tượng-trưng cho một lực lượng tinh-thần vĩ đại đang trên đường phục hưng. Thật vậy, cờ Phật-Giáo mới được Hội Liên-Hữu Phật-Giáo thế-giới đặt ra từ năm 1950 (73). Trước đó, trong các ngày lễ, chùa chiền chỉ treo phướn mà thôi. Nhưng giáo kỳ mới mẻ này đối với Phật-tử ngày nay lại có một ý nghĩa quan-trọng đặc biệt, vì nó biểu lộ ý-chí tiến tới một nền Phật-giáo thông-nhứt phát xuất từ phong-trào phục-hưng Phật-giáo tại Á-Châu. Phong trào này có ảnh-hưởng quan-trọng đối với Phật-giáo Việt-Nam.

(71) Xem trang 5 luận án này.

(72) Quốc-Tuệ : sách đã dẫn, trang 44.

(73) Ngu-Ý, Nguyễn : Hai giờ với Ông Mai-thọ-Truyền, tạp-chí "Bách-Khoa" số 177 (15.5.1964), trang 82 và kế tiếp.

ĐOẠN II - ẢNH-HƯỞNG CỦA PHONG-TRÀO PHỤC-HƯNG PHẬT-GIÁO TẠI Á-CHÂU ĐỐI VỚI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Phong-trào phục-hưng Phật-Giáo phát khởi tại các quốc-gia Á-Châu từ những thập niên đầu tiên của thế kỷ XX đã đánh dấu sự thức tỉnh và sức quật khởi của các Phật-tử trước sức tấn-công của nền văn-minh Tây-phương. Phong-trào đã gây cho Phật-tử tiến bộ tại các nước Phật-Giáo, trong đó có Việt-Nam, niềm tin-tưởng mãnh-liệt vào khả-năng quý giá của Đạo Phật và một ý thức rõ rệt về vai trò chánh-trị của Phật-Giáo.

PHÂN ĐOẠN I - KHẢ-NANG CỦA PHẬT-GIÁO PHỤC-HƯNG

Công cuộc phục-hưng Phật-Giáo khám phá ra được những khả-năng quý giá của Đạo Phật đã bị chôn vùi hàng bao thế-kỷ. Theo các nhà Phật-học tân tiến, những khả-năng ấy biểu lộ trong mọi lãnh vực tư-tưởng, tổ-chức và hoạt-dộng, và có thể làm nền tảng tinh-thần vững chắc cho một xã-hội dân-chủ, tự-do, công bằng và no ấm.

A - LÃNH VỰC TƯ-TƯỞNG

Các nhà tân Phật-học suy diễn từ triết-lý Phật-Giáo ra những nguyên-tắc xã-hội và chánh-trị hoàn toàn thích ứng với thế-giới hiện-dại.

Trước hết, quan-niệm về cõi Niết-Bàn của Đức Phật được họ giải-thích theo chiều hướng tích-cực. Nhiều học-giả, nhất là các học-giả Tây-phương, cho rằng đặc tính của Phật giáo cổ-truyền là một quan-niệm vô vi về cõi Niết Bàn, một thái-độ tiêu cực đối với cuộc sống mà Phật tử coi là phù-du ; và chỉ Phật-giáo hiện đại mới có một quan-niệm tích-cực về cõi Niết-Bàn. Xét cho cùng, sự nhận-định này tỏ ra thiếu sót, vì cả hai quan-niệm tiêu cực và tích cực hay xuất thế và nhập thế đều hiện diện song hành trong triết-lý Phật-giáo. Bằng chứng hùng hồn nhất là Phật-giáo Việt-Nam đời Lý, Trần (từ thế-kỷ XI đến thế-kỷ XV) đã biểu lộ quan-niệm nhập-thế qua sự-nghiệp xây-dựng và phát-triển

quốc-gia của các vị minh quân thắm nhuần lý-tưởng Phật-giáo và qua sự đóng góp tích-cực của các danh Tăng vào quốc sự. Trong khi đó khía cạnh xuất thế của Đạo Phật cũng vẫn thể-hiện trong nếp sống của cả Tăng-bi lẫn quốc Vương, vì vua Trần-nhân-Tôn sau khi bình-định xong xứ sở đã nhường ngôi cho con rồi lên núi tu học ; một số danh Tăng, mặc dầu với tư-cách quốc sư đã đóng vai trò chánh-trị vô cùng quan-trọng, vẫn không màng danh lợi và sẵn sàng rút lui về chốn Thiên môn khi nhận thấy mình đã chu toàn bổn-phận đối với quốc-gia hay chánh quyền không cần đến mình nữa. Làm như vậy chư Tăng đã biểu-lộ được đặc tính vô-nhiệm của đạo Phật.

Nhìn lại lịch-sử Phật-giáo, ta chỉ thấy Đạo Phật trở nên yếm thế, tiêu-cực trong những giai-đoạn suy-vi. Nhưng dầu sao, trong bất cứ thời đại nào lời nguyện truyền thống sau đây của Tăng, tính-đồ Phật-giáo đã chứa đựng cả hai khía cạnh tích cực và tiêu-cực :

"Thê đoạn nhất thiết ác,
Thê tu nhất thiết thiện,
Thê độ nhất thiết chứng sinh."

(Thê bỏ những việc ác,
Nguyện làm những việc lành,
Thê giúp tất cả những loài hữu tình.)

Ngoài ra, chính Phật-giáo Đại-Thừa cũng đã giải thích rằng nhập Niết-Bàn không phải là giải thoát khỏi tam thân ô trọc nơi dương-thế này để bước sang quăng đời vô sắc giới khác. Trái lại, nhập Niết-Bàn có thể thực-hiện ngay trong cõi đời này : Các vị Phật vẫn phát thê trở lại trần-gian để cứu vớt chúng sinh và quyết tâm không chịu trở lại Niết-Bàn nếu ở địa ngục còn một chúng sinh đau khổ (74).

(74) Hồng, Nghiêm-Xuân : Xây-dựng nhân-sinh-quan, trang 30 và kế tiếp, Quan-Điểm, in lần thứ nhất, 1966.

Sở dĩ nhiều học giả đã nhìn Phật-giáo một cách phiến diện vì trong thời kỳ cực thịnh của chủ-nghĩa Thực-Dân ở Nam và Đông-Nam-Á Phật-Giáo bị suy vi đến cùng cực và người ta chỉ nhìn thấy những hình-thức thoái hóa, mà tín dị đoan chứa đựng trong một nội-dung tiêu cực và căn cỗi.

Chỉ từ khi xuất hiện phong-trào phục-hưng, khía cạnh tích cực của Đạo Phật mới được triết đề khai-thác và nhiều khi lấn át hẳn khía cạnh tiêu cực, vì chỉ có quan-niệm nhập thế mới đủ biện minh cho sự dấn thân của Tăng-sĩ vào các hoạt-động chính trị và xã-hội.

Khác hẳn với chủ-trương tiêu cực, Phật-Giáo hiện đại có khuynh-hướng nỗ-lực đi tìm ý-nghĩa tích cực của cuộc đời và sự-nghiệp trong khi vẫn coi nhẹ những giá-trị vật-chất của thế giới hiện hữu. Phật-tử ngày nay tin-tưởng rằng họ có nghĩa-vụ và khả-năng "hoạt động tập-thể để cải thiện đời sống con người và tìm kiếm, với tư-cách cá-nhân và cộng-đồng, con đường giải thoát ; con đường ấy chỉ có thể thực-hiện bằng công-tác vị-tha do trí tuệ và thức giác hướng-dẫn (75)".

Hơn nữa, các nhà tân Phật-học còn khám phá được sự trùng-hợp giữa đạo-đức và chánh-trị với quan-niệm về cõi Niết-Bàn, mục tiêu của giải-thoát. Theo Phật-giáo Tiểu Thừa, chính mỗi cá-nhân phải tự giải-thoát bằng cách cố chuyển tâm tu-niệm. Do đó, nhiệm vụ của quốc-gia Phật-Giáo là giúp nhân-dân được no ấm để khỏi bận tâm về sinh kế ngõ hầu có đủ thì giờ tu-niệm (76). Qua nhiệm-vụ ấy, ta thấy giáo-lý nhà Phật đã hàm chứa một lý-tưởng "quốc-gia an-lạc". Giáo-sư Vũ-văn-Mẫu đã trình bày đại-cương lý-tưởng ấy như sau :

(75) Diễn-văn của U Chan Htoon, Chủ-tịch Hội Liên-Hữu Phật-Giáo Thế-Giới, đọc tại Đại-Hội Phật-Giáo kỳ VI, 11-1961 : "To work together for the betterment of human life and to seek, individually and collectively, the way of salvation which can be realized only through selfless service guided by wisdom and insight.", trích dẫn bởi Kitagawa, Joseph M. trong bài "Buddhism and Asian politics", Asian Survey, July 1962, Vol. II, n. 5, p. 7.

(76) Kitagawa, Joseph M. : Bài đã dẫn, trang 2 và kế tiếp.

"Chính vì mục-dịch cao siêu giúp chúng-sinh diệt khổ để tự giải thoát, đạo Phật còn chú-trọng đến sự cải-thiện đời sống hiện tại về phương-diện chánh-trị, kinh-tế, lấy tình thương và công bằng xã-hội làm căn-bản, nên nhiều chánh-trị gia đã coi các nguyên-lý Phật-giáo như nguồn gốc của những cuộc cải-cách đượm màu sắc xã-hội, san phẳng các sự bất công và bất bình-dẳng hiện-hữu (77)."

Những nguyên-lý ấy khiến người ta cho rằng Đức Phật đã đứng lên thực-hiện cuộc cách-mạng xã-hội và tôn-giáo Cách-mạng ở chỗ giáo-lý của ngài chống lại Ấn-Độ-Giáo từng điếm một. Phản-đối thuyết Phiếm-thần, Ngài chống mọi tham-vọng giải-thích bấu-thế sự vật : "Những cái gì huyền-bí hãy để mãi trong vòng huyền bí".

Phản đối tính cách khắc nghiệt của thuyết luân-hồi, Ngài dạy rằng con người có thể thoát vòng luân-hồi bằng cách diệt "Nghiệp" để nhận Niết-Bàn.

Phản-đối chế-độ đẳng cấp, Ngài tuyên-bố nguyên-tắc bình-dẳng giữa mọi người (78), và mỗi cá nhân sẽ được phán-đoán theo các hành-vi công-nghiệp của mình (79).

Người ta còn cho rằng cuộc cách-mạng do Ngài chủ trương theo đường-lối ôn-hòa vì Ngài đã để lại cho nhân-loại một sứ-diệp Hòa-Bình và Bất bạo-động.

Xét cho cùng, tất cả những sự giải thích theo quan điểm hiện-dại-hóa trên đây vẫn chưa diễn tả được đầy đủ thực chất đạo Phật vì đạo Phật có một nội-dung phong-phú hơn tất cả các học-thuyết chánh-trị hiện đại :

(77) Mậu, Vũ-văn : Tinh-thần Phật-Giáo và khoa-học Xã-hội, tạp-chí Tư-Tướng, bộ mới, số 3, ngày 1.8.1969, trang 105, Đại-Học Vạn-Hạnh.

(78) Nhu, Ngô-dĩnh : Bài đã dẫn, trang 15 ; cũng xem : Giác-Đức, Thích : Buddhism and politics in South East Asia, trang 15 và kế tiếp, Claremont University, 1969.

(79) Smith, Roger : Norodom Sihanouk of Cambodia, Asian Survey, June 1967, trang 359.

"Đạo Phật không phải đã đem màu sắc của chủ-nghĩa xã-hội hay của một lý-thuyết chính-trị nào khác. Ngược lại, chính các cuộc cải-cách quan-trọng đã được thực-hiện từ cuối thế-kỷ thứ 19 để sửa-đổi lại những sự quá bất-công trong xã-hội, một phần nào đã đem cái tinh-thần nhân-ái, từ-bi, hỉ-xả mà ta nhận thấy ở Đạo Phật từ 25 thế-kỷ trước (80)."

Vì vậy người ta đã tìm thấy trong Đạo Phật đủ mọi tư-tưởng Dân-chủ, Tự-do, Nhân-bản, khoa-học v.v... (81) Đức Phật đã được tôn-vinh là một nhà đại tư-tưởng, đại cách-mạng, đại giáo-dục, và đại sứ-giả hòa-bình v.v... Thiết-tượng sự tôn-vinh này cũng là một cách đề cao giá-trị Đạo Phật trên trường quốc-tế (82).

Dĩ-nhiên, muốn tiến-bộ, phong-trào Phật-Giáo phục-hưng phải cải-cách cả phương-thức tổ-chức và lề-lối hoạt-động.

B - LÃNH-VỰC TỔ-CHỨC VÀ HOẠT-ĐỘNG

Phật-tử ngày nay đang nỗ lực phát-huy sáng-kiến, kiện-toàn tổ-chức, và hăng-hái hoạt-động trong khắp mọi lãnh-vực sinh-hoạt cả trên hai bình-diện quốc-gia và quốc-tế.

1. Trên bình-diện quốc-gia - Phật-tử phát-huy mạnh mẽ uy-thế của tôn-giáo mình bằng những hoạt-động tích-cực để làm nổi bật khía cạnh Nhập-thế của Đạo Phật.

Tại Nhật-bản, Phật-tử đã thiết-lập được những tổ-chức chánh-trị, xã-hội, và văn-hóa có uy-tín ở cả trong lẫn ngoài nước.

(80) Mẫu, Vũ-vấn : bài đã dẫn, trang 106.

(81) Schecter, Jerrold : The new face of Buddha, trang 22, Conward Mc Cann, New-York, 1967.

(82) Benz, Ernst : Buddhism or Communism : Which holds the future of Asia, Doubleday Co., Inc., New-York, 1965.

Sáng-Giá Hội (Sokagakkai : The value-creation Society) là một lực-lượng chánh-trị khá vĩ-dại với 15 triệu đoàn-viên người Nhật và 250.000 đoàn-viên hải-ngoại trong đó có 170.000 người Hoa-kỳ (83). Vào năm 1967, hội chiếm được 1.000 ghế trong Quốc-Hội và các cơ-quan dân-cử địa-phương (84). Hội đã đề ra những nhiệm-vụ chánh-trị sau đây nhằm tạo một thiên-dàng trên trái đất :

a) Nhiệm-vụ hòa-hợp. Nhờ quyền-lực chỉ-đạo của đức-tin, Hội Sokagakkai sẽ có thể thực-hiện được một cuộc tổng-hợp giữa chủ-nghĩa Tư-bản và chủ-nghĩa Xã-hội thành một "Tân Xã-hội chủ-nghĩa", một cuộc tổng-hợp triết-lý giữa Duy-Tâm và Duy-Vật thành một nền văn-minh thứ ba, một cuộc tổng-hợp nhiều quốc-gia và chủ-quyền trong một cộng-đồng quốc-tế thành một "Chủ-nghĩa Thế-Giới Duy-nhứt" (One-Worldism), và một cuộc tổng-hợp chánh-trị giữa nền Dân-chủ Tự-do Tây-phương và nền Dân-chủ Nhân-dân của Cộng-Sản thành một nền "Dân-chủ Phật-Giáo" (85).

b) Giúp thực-hiện một nền tự-do và bình-đẳng thực-sự. Với một lập-trường được căn-cứ vào ý-tưởng về sự hợp-nhất tối hậu của toàn thể đời sống, và, do đó, tất cả mọi hình-thái của đời sống, Hội Sokagakkai tuyên-bố chỉ có niềm tin-tưởng vào tư-tưởng Phật-Giáo Nichiren Shoshu mới gây được lòng tôn-trọng sự sống, tôn-trọng cá-nhân cần-thiết cho niềm thông-cảm dễ-dàng của nhân-loại, và tôn-trọng sự phục-hồi nền chánh-trị Từ-bi mà những nhà cầm-quyền đã chấp-nhận (86).

(83) Lee, Jccin : "Komeito : Sokagakkai-ism in japanese politics", Asian Survey, June 1970, Vol. X, N. 6, P. 514.

(84) White, James W. : Mass movement and democracy : Sokagakkai in japanese politics, The political science review, Sept. 1967, Vol. LXI, n. 3, p. 744.

(85) Takase, Hirai : Komeito, Tokyo, Gakashu Kenkyusha, 1964, p. 174, trích dẫn bởi James W. White trong bài đã Dẫn, trang 745.

(86) Ideda, Daisaku : Seiji to Shukyo (Tokyo : Hoshein, 1965) trang 235-246, trích dẫn bởi J. W. White trong bài đã dẫn, trang 745.

c) Hoạt-dộng cho việc nhân-bản-hóa hệ-thống chính-trị, phục-vụ nỗi khổ đau và quan-điểm của nhân-dân và đòi hỏi nhà cầm quyền dân cử hay công cử cũng phải làm như vậy.

d) Dầu là một lực-lượng chính-trị thiểu số, Hội Sokagakkai cũng chủ-trương thanh-khiết-hóa thế-giới chính-trị.

Để hoàn-tất bốn nhiệm-vụ chủ-yếu nêu trên, năm 1964 Hội Sokagakkai đã lập đảng "Chánh-quyền trong-sạch (Komeito : Clean government Party). Tân chánh-đảng này tuyên-bố tính-cách ưu thế của mình trên nhiều địa hạt : đó là một chánh-đảng duy-nhất có một ý-thức-hệ khả dĩ thực hiện được một nền dân-chủ, thịnh-vượng và hạnh-phúc thực-sự. Nó là một đảng duy-nhất thực-sự của toàn dân, là một tiêu thế-giới của xã-hội Nhật-bản. Nó là một đảng duy-nhất có sự lương-hào ý-thức-hệ và khả-năng đối kháng mọi sự hư hỏng của quyền hành. Sau hết, khác hẳn với những đảng đa số khác bị những phần-tử ngoại-bang kiểm-soát, chỉ có đảng Komeito là một chánh-đảng do chính người Nhật kiểm-soát(87).

Đảng Komeito đã thành-công rực-rỡ trong tất cả mọi cuộc tranh-cử. Tại Hội-đồng Nghị-Viên (House of Councilors) Đảng đã chiếm được 11 ghế trong số 13 người ra tranh cử hồi tháng 7 năm 1965. Đến tháng sau, tất cả 23 ứng-cử-viên của Đảng đều đắc-cử vào Hội-đồng Thành-phố Tokyo. Với chiến-thuật tranh-cử khôn-ngoa, Đảng đã giúp ứng-cử viên đắc cử với số phiếu cần-thiết tối thiểu để đem được nhiều đảng-viên vào Thượng Nghị-viện. Đảng chỉ cần 556.408 phiếu cho một ứng-cử viên đắc cử, trong khi đảng cầm quyền Dân-Chủ Tự-Do cần tới 732.644 phiếu, Đảng Xã-hội Nhật-bản 727.479 phiếu và Đảng Cộng-Sản Nhật-bản 826.181 phiếu để

(87) Ikeda, Daisaku : sách đã dẫn, tr. 259, trích dẫn bởi James W. White trong bài đã dẫn, tr. 746.

Về Sokagakkai, ngoài các tài-liệu đã dẫn, còn có :

- Moss Felix : Religion and Politics in Japan : The case of the Sokagakkai, Asian Survey, March 1963, vol. III, n. 3.

- Scalapino, Robert, A and Masumi, Junosuke : Parties and Politics in contemporary Japan, tr. 92-93, University of California Press, 1964.

chiếm một ghế. Trong những cuộc bầu-cử năm 1967, thành quả của Đảng Komeito cũng không kém phần vẻ-vang : trong số 32 ứng-cử viên 25 người đã đắc cử vào Hạ Nghị-viện, trong số 94 ứng-cử viên 84 người đắc-cử vào các Hội-đồng đô-thị, Nghị-viện. Trong cuộc bầu-cử Hội-đồng năm 1968, 13 trong số 14 ứng-cử viên đã đắc-cử, nâng tổng số ghế trong Hội-đồng từ 23 lên 24. Trong kỳ bầu-cử này Đảng Komeito đã chiếm được 6.240.000 phiếu so với 5.097.000 phiếu năm 1965, trong khi đó tổng số phiếu của đảng Xã-hội Nhật-bản đã giảm từ 8.729.000 phiếu xuống 8.070.000 phiếu. Trong cuộc bầu-cử Hội-đồng thành-phố Tokyo năm 1969, toàn thể 25 ứng-cử viên của Komeito đã đắc-cử trọn vẹn một cách quá oanh-liệt và đưa đảng lên hàng thứ nhì sau đảng Dân-chủ Tự-do. Trong cuộc bầu-cử Hạ Nghị-viện năm 1969, Đảng Komeito đã nâng tổng số Dân-biểu của mình từ 25 lên 47 người. Với tỷ-lệ thành công 62%, Đảng Komeito trong cuộc bầu cử này một lần nữa lại về hạng nhì sau đảng Dân-chủ Tự-do (88%) (88).

Vì là một tổ-chức phụ-thuộc của Hội Sokagakkai, Đảng Komeito qua những thành quả vẻ vang nêu trên đã tạo cho Hội một uy-tín chánh-trị vô cùng lớn lao. Những yếu-tố sau đây đã giúp Hội Sokagakkai phát-triển mau chóng :

a) Hội đã thỏa-mãn được tinh-thần hậu chiến của dân nhật. Hội đã đặt các tôn-giáo có giáo-điều cứng nhắc và xuất thế trước một chương-ngại-vật và phê-bình những khuyết-điểm của các tôn-giáo ấy.

b) Hội đã tạo một khung-cảnh có hiệu-lực biến-đổi tình-trạng trống rỗng của xã-hội và cá-nhân vì thiếu những quy chuẩn và giá-trị thành một tình-trạng đồng nhất "hướng nội" có cơ cấu (a structured "in group" identity). Hội đã phát-triển một tiểu thế-giới của những nghĩa-vụ có ý-nghĩa trong đó các đoàn-viên thủ-đắc một quy-chế mới. Gia-nhập hội Sokagakkai, cá-nhân đơn độc nhỏ bé thuộc thành phần thấp kém trong xã-hội Nhật - những người bệnh tật, nghèo khổ, những người mất gốc và những người rơi trí - tìm thấy được một vai-trò mới giúp họ xử-dụng một cách hữu

ích thì-giờ nhàn rỗi và nghị-lực. Cơ-cấu của Hội có mục-dịch đưa cá-nhân dần thân vào những hoạt-động của từng nhóm nhỏ. Nhờ một tổ-chức rất chặt chẽ, cá-nhân luôn luôn được nhận diện là một đoàn-viên của một nhóm ; và những người yếu kém sống lẻ loi trong xã-hội có thể cảm thấy một mối liên-hệ đầm ấm, đáng tin cậy và không còn thấy mình bị hất hủi, vô quyền và vô nhân-cách. Con người tìm được vai-trò quan-trọng và giá-trị của mình trong một xã-hội đại-chúng bằng cách chứng-tỏ những hoạt-động sáng tạo và hữu hiệu của mình trong cộng-đồng qua Hội Sokagakkai. Như vậy Hội đã thành-công trong việc đào-tạo những người nhiệt-thành có kỷ-luật đoàn-thể nghiêm-minh (89).

Sau Hội Sokaigakkai còn hai tổ-chức xã-hội của Phật-Giáo Nhật cũng không kém phần quan-trọng. Đó là Hội Reiyô-kai và Hội Risshô-kôseikai.

Hội Reiyô-kai được thành-lập năm 1925, nhằm mục-dịch hoàn-toàn vị-tha bá-ái, vì nó đặt trọng tâm vào việc hoạt-động xã-hội và theo những nguyên-tắc chính yếu sau đây : "thành-kính tuân theo Phật-pháp, thờ cúng tổ-tiên, hướng-dẫn công-luận một cách thông-minh và giác-ngộ thế-giới này". Lý-tưởng ấy khá hấp-dẫn đối với dân Nhật và, do đó, vào năm 1960 Hội đã quy-tụ được 3 triệu đoàn-viên hoạt-động.

Hội Risshô-kôseikai trong vòng 20 năm kể từ ngày thành-lập đã có được 2.500.000 đoàn-viên, trung-bình mỗi tháng gia-tăng khoảng 10.000 đoàn-viên hoạt-động. Hội nhằm mục-dịch tạo một xã-hội công-bằng và huynh-đệ, tích-cực xây dựng nhà thương, trường học, phòng đọc sách, xuất bản báo chí v.v... Khác với Hội Reiyô-kai, Hội Risshô-kôseikai chú-trọng vào việc thực-hiện một nhân cách toàn diện và cố-gắng đạt tới Phật-tính như các vị Bồ Tát, hơn là thờ cúng tổ-tiên.

Ngoài ra, Phật-Giáo Nhật-Bản còn thiết-lập được một số trường đại học. Các trung-tâm giáo-dục Phật-Giáo này đã gây được uy-tín đáng kể trong giới trí-thức quốc nội

(89) Lee, Jooin : Bài đã dẫn, trang 514-516.

cũng như quốc-tế và, theo giáo-sư Ernst Benz, là một đảm-bảo quan-trọng cho sự liên-tục và hiện hữu của Phật-Giáo trong một thế-giới biến đổi ngày nay. Như vậy, vẫn theo tác-giả này, một tôn-giáo mới xuất-phát từ hình-thức cổ-kính nhứt của đạo Phật đang khơi lại nguồn đức-lý xã-hội Phật-Giáo đã từng bị những giáo-phái cổ truyền làm phai mờ hàng bao thế-kỷ vừa qua (90).

Theo William K. Bunce, Phật-Giáo Nhật-Bản hiện nay hình như có khuynh-hướng mở rộng sự hợp-tác với các Phật-tử thuộc những quốc-gia khác nhằm mục-dịch thiết-lập nền thống-nhứt Phật-Giáo thế-giới và tìm kiếm hòa-bình cho nhân-loại (91).

Tại Ấn-Độ, sau tấm gương sáng ngời của Thánh Cam-Địa, Bác-sĩ Ambedkar đã hiến trọn đời mình cho công-cuộc khôi-phục nhân-quyền của tiện-dân Mahars. Từ năm 1919 đến năm 1956 ông đã chủ-tọa những buổi lễ quy-y tập-thể của 600.000 người Mahars thuộc Ấn-Độ Giáo. Các khu-vực theo đạo Phật tập-thể cũng chính là nơi mà chánh-đảng của Bác-sĩ Ambedkar có ảnh-hưởng mạnh-mẽ. Như vậy Phật-Giáo đã biến cải một thành-phần hạ-lưu nhứt trong xã-hội Ấn thành một lực-lượng chánh-trị đáng kể đối-lập với Đảng Quốc-Đại (92).

Ngoài ra, ta còn phải kể Phật-tử Vinoba, người đã nổi tiếng vì chủ-trương phong-trào hiến-điền (bhoudan) và lập làng mới (gramdan) (93).

Tại các quốc-gia Phật-Giáo khác như Miến-Điện, Tích-Lan, Thái-Lan, v.v... Phật-tử cũng không ngớt hoạt-động trong nhiều lãnh-vực khác nhau và đều nhằm một mục-dịch chung là uy-tín chánh-trị. Khác hẳn với thái-độ tiêu cực cổ-truyền, Tăng-sĩ Thái-Lan và Kampuchea ngày nay đã

(90) Benz, Ernst : Sách đã dẫn I.

(91) Bunce, William K. : Religion in Japan, tr. VII, Tr. 44-92, Charles E. Tuttle Co. , Tokyo, 1967.

(92) Smith, Donald Eugene, Editor : Sách đã dẫn I, tr. 191 và kế tiếp.

(93) Nhất-Hạnh, Thích : Đạo Phật hiện-dại-hóa, tr. 172-175, Lá Bối, Saigon, 1968.

tham-gia tích-cực vào công-tác phát-triển cộng-đồng để cải-tiến xã-hội (94).

2. Trên bình-diện quốc-tế - Các lãnh-tự Phật-Giáo thuộc nhiều quốc-gia đang cộng-tác với nhau để thực-hiện hoài-bảo xây-dựng một nền Phật-Giáo thế-giới thống-nhất. Muốn thế, người ta phải khắc-phục những sự đối-lập cổ-truyền giữa các môn-phái và tạo tinh-thần hợp-tác quốc-tế. Tinh-thần này đã từng thể-hiện qua Đại Hội-Đồng Phật-Giáo Thế-Giới (hay lễ Kiết Tập Tam-Tạng lần thứ sáu) tại Rangoon từ năm 1954 đến năm 1956, công-trình ấn-hành cuốn Bách-Khoa Toàn-Thư Phật-Giáo nhờ sự hợp-tác của các nhà Phật-học quốc-tế để đánh dấu đại lễ Phật-Dan thứ 2500 tại Tích-Lan, và đặc-biệt là qua việc thành-lập Hội Liên-Hữu Phật-Giáo Thế-Giới năm 1950. Đây là lần đầu tiên trong lịch-sử Phật-Giáo các Phật-tử thể-hiện tinh-thần hợp-nhất quốc-tế. Các Đại Hội Phật-Giáo của tổ-chức quốc-tế mới mẻ này được khai-điển tại nhiều nước : Tích-Lan (1950), Nhật-bản (1952), Miến-Điện (1954), Népal (1957), Thái-Lan (1958), Cao-Mên (1961) v.v... Hoạt-động của Phật-Giáo không đóng khung trong Á-Châu cổ-truyền nữa : "Giờ đây cờ Phật-Giáo tung bay với tư-cách là hiệu-kỳ của Phật-Giáo Thế-Giới (95)".

Trong những năm gần đây, nhiều tổ-chức Phật-Giáo quốc-tế đã được thành-lập và hoạt-động tại không những Á-Châu mà còn cả Âu-Châu, Úc-Châu và Mỹ-Châu nữa. Đó là Giáo-Hội Tăng-Già Thế-Giới, Hội Phật-Giáo Thế-Giới Phụng-sự Xã-Hội, Liên-Hiệp Phật-Giáo Thế-Giới.

Phong-trào Phục-hưng đang mang lại cho Phật-Giáo một địa-vị khá-quan trọng trong sinh-hoạt chánh-trị.

PHẦN ĐOẠN II - VAI-TRÒ CỦA PHẬT-GIÁO TRONG SANH-HOẠT CHÁNH-TRỊ

Phật-Giáo hiện-đại đang đóng một vai-trò quan-trọng trong sanh-hoạt chánh-trị tại Á-Châu vì nhiều lý-do.

(94) Schecter, Jerrold : Sách đã dẫn, tr. 275-276.

(95) Kitagawa, Joseph M. : bài đã dẫn, tr. 6 - II.

Trước hết, một yếu-tố khá quan-trọng trong phong-trào giải-phóng dân-tộc tại Á-Châu là sự liên-hệ mật-thiết giữa Phật-Giáo và Quốc-gia chủ-nghĩa. Vì công-cuộc cướp nước và việc truyền giáo của Tây-phương đã có hậu-quả đánh đổ uy-tín cổ-truyền của Đạo Phật, nên một số Phật-tử và những người có cảm-tình với Phật-Giáo đã đứng lên bảo-vệ cùng một lúc dân-tộc, tôn-giáo và nền văn-hóa của họ. Dưới mắt người dân bị trị tại các xứ Phật-Giáo, Đạo Phật được coi là tôn-giáo dân-tộc và cùng chịu cùng một số-phận hăm-hiu với dân-tộc. Một số Tăng-sĩ tại nhiều nơi đã tham-gia vào sự-nghiệp chống ngoại xâm giành Độc-lập cho Tổ-quốc. Vì vậy sau khi thoát ách đô-hộ của ngoại bang, tại những nơi vừa kể, các lãnh-tụ chánh-trị và đa số nhân-dân thường tỏ thiện-cảm với Phật-Giáo và ác-cảm với các tôn-giáo Tây-Phương (96).

Thứ đến, vì phong-trào phục-hưng Phật-Giáo phát-xuất từ ý-chí tự-vệ và quật-khởi chống làn sóng xâm-lãng Tây-Phương, nên một trong những hiện-tượng chánh-trị quan-trọng nhất tại Á-Châu là giới lãnh-đạo Phật-Giáo đã có một ý-thức nổi bật về sứ-mạng vừa có tính-cách tôn-giáo vừa có

(96) Những lời nói sau đây của một người Ấn-Độ và một người Phi-Châu biểu lộ ác-cảm của họ đối với sự truyền đạo Thiên-Chúa tại Á-Phi cũng như đối với cách thu-dắt tài-san của các nhà truyền đạo.

- Một tín-đồ Thiên-Chúa Giáo Ấn-Độ nhận xét :

"Khi những nhà truyền giáo đến Ấn-Độ, họ có quyển Thánh-Kinh trong tay, và người Ấn-Độ giữ ruộng đất trong tay. Bây giờ ta có quyển Thánh-Kinh trong tay và những nhà truyền giáo nắm giữ chắc nịch ruộng đất" (When the missionaries came to India they had the Bible in their hands and the Indians hold the land. Now we have the Bible in our hands and they have a strong hold on the land.)

- Một người Phi-Châu nhận xét :

"Người giảng-đạo Thiên-Chúa đến và nói : "hãy nhìn lên", và khi chúng ta nhìn xuống lại thì ruộng đất của chúng ta đã biến mất" (The Christian preacher comes and says "Look up" and when we look down again the land is gone) (D.C. Vijayavardhana : The revolt in the temple, p. 499, Colombo Sinha publication, 1953, Hoàng-xuân-Hào trích dẫn trong bài "Luật Người Cây có Ruộng và chánh-sách cải-cách điền-địa", đăng trong Tạp-san Quốc-Phòng số 11, tháng 5/1971, trang 146-147).

tính-cách chánh-trị của mình. Chư Tăng coi Đạo-Pháp và Dân-Tộc là hai thực-thể bất khả-phân, và Phật-tử có nhiệm-vụ bảo-vệ cùng một lúc cả Đạo-Pháp lẫn Dân-Tộc. Tin-tưởng vào khả-năng xây-dựng xã-hội và cải-tiến dân-sinh của Đạo Phật, Tăng-sĩ cũng như Cư-sĩ ưu-tú nhất-quyết khước từ cả Tư-bản lẫn Công-sản mà họ cho là những chủ-thuyết ngoại lai không thích hợp với truyền-thống Đông-Phương và đã gây khổ đau cho các dân-tộc bị trị (97).

Nếu trong thế-kỷ trước Phật-Giáo đã bị các đế-quốc tước đoạt mất uy-quyền tinh-thần khả kính, thì ngày nay với phong-trào phục-hưng Đạo-Pháp và quyền Dân-Tộc tự-quyết, Phật-Giáo trở thành một lực-lượng chánh-trị rộng lớn được cả hai Khối Đông Tây đối-nghịch ve vãn hòng lôi kéo về phe mình. Không muốn ngã hẳn theo bên nào, Phật-Giáo nuôi hoài-bão đóng vai-trò quyết-dịnh trong việc tái tạo hòa-bình tại Á-Châu.

Ngoài ra, nhằm xác-nhận địa-vị quan-yếu của mình trên trường quốc-tế, các tân quốc-gia sau khi thu-hồi chủ-quyền đều muốn trở về nguồn bằng cách cố-gắng khôi-phục lại những giá-trị cổ-truyền mà Phật-Giáo là yếu-tố chính. Vì vậy, tại những nước mà đa số nhân-dân là Phật-tử, Phật-Giáo được các chánh-quyền dùng làm yếu-tố đoàn-kết quốc-gia, được tôn lên hàng Quốc-Giáo (tại Ai-Lao, Thái-Lan, Kampuchea, và Miến-Điện dưới thời Thủ-Tướng UNU), hoặc được đặc-biệt ưu-đãi (tại Tích-Lan và Việt-Nam sau chánh biến 1963).

Nhiều chánh-khách Á-Châu như UNU tại Miến-Điện, Sihanouk tại Cao-Miên, Bandaranaike tại Tích-Lan, Bhumibol Adulydej tại Thái-Lan và vua Savang Vattana tại Lào-quốc đã cố-gắng ứng-dụng những lời dạy của Đức Phật vào việc trị quốc an dân (98). Đặc-biệt tại Ấn-Độ, mặc dầu Phật-Giáo không phải là quốc-giáo, biểu-tượng Phật-Giáo đã được chọn

(97) Benz, Ernst : sách đã dẫn I, tr. 3 và kế tiếp.

(98) Mehden, Fred Von Der : Religion and Nationalism in South East Asia, tr. 26 và kế tiếp, The University of Wisconsin Press, 1968 ;
Cũng xem : Benz, Ernst : sách đã dẫn I ; Schecter, Jerrold : The new face of Buddha, p. XV-XVI, Conward-Mc Cann, Inc., New-York, 1967.

làm Quốc-huy để tiêu-biểu cho các giá-trị truyền-thống của Dân-tộc. Thật vậy, Quốc-huy bánh xe pháp-luân và bốn con sư-tử quay nhìn về bốn phía chính là biểu-hiệu mà vua A-Dục (Asoka) đã cho khắc trên cột đá dựng ở Sarnath thành Banai-La (Bénarès) để ghi dấu nơi Đức Phật thuyết-pháp lần đầu tiên sau khi thành Đạo.

Sau hết, Phật-Giáo ngày nay dù muốn hay không cũng phải can-thiệp vào các vấn-đề chánh-trị quốc-tế. Ngay trong những năm 1930 Phật-tử Trung-Hoa đã cố-gắng hòa-giải xung-đột Hoa-Nhật bằng cách kêu gọi Phật-tử Nhật-Bản gây áp-lực với chánh-phủ Phù-Tang.

Cuộc chiếm đóng của Nhật tại Miến-Điện đã đưa tới sự tiếp-xúc giữa Phật-Giáo Bắc-Tông và Phật-Giám Nam-Tông. Năm 1930 Tăng-Già Atain tuyên-bố rằng Phật-tử Miến-Nhật hợp-tác trong cuộc chiến-tranh tôn-giáo chống Đế-quốc Anh. Tăng sĩ Miến đã lưu ý Phật-tử Nhật-Bản về những chương-trình chánh-trị và xã-hội. Nhưng sự hợp-tác đã thất bại vì thái độ bất thân thiện của lực-lượng chiếm đóng.

Ngày nay, sự liên-hệ giữa Phật-giáo thế-giới và chánh-trị quốc-tế trong cuộc tranh-chấp Đông-Tây làm đau lòng Phật-tử vì nó phương-hại tới sự đoàn-kết nội bộ Phật-Giáo. Thật vậy, cộng-đồng Phật-Giáo bị phân-chia không những theo các giới-tuyến đạo-đức, phụng-tự, hay hệ-phái, mà còn theo cả giới-tuyến chánh-trị nữa. Hai giải-pháp gây sôi nổi tại Hội-nghị lần thứ sáu của Hội Phật-Giáo thế-giới đã biện-minh cho nhận xét này. Giải-pháp thứ nhất liên-hệ tới quyết-nghị cấm-chỉ thí-nghiệm nguyên-tử. Đại-biểu Phật-Giáo Trung-Cộng, Liên-Xô, Bắc-Việt, và Mông-Cổ nhấn mạnh vào việc tài-bình toàn-diện là điều-kiện tiên-quyết của việc cấm-chỉ những vụ nổ nguyên-tử. Sau nhiều giờ thảo-luận, Hội-nghị chấp-thuận với đa-số dự-án quyết-nghị không đòi hỏi tài-bình toàn-diện. Qua các cuộc thảo-luận, người ta thấy các đại-biểu đã biểu-quyết không nhiều thì ít theo chánh-sách của Quốc-gia mà họ đại-diện.

Giải-pháp thứ hai được đặt ra tại Hội-nghị là Giáo-Hội Phật-Giáo nào - một thuộc Trung-Cộng, một thuộc Trung-Hoa Dân-quốc - được đại-diện nước Trung-Hoa. Mỗi bên

đều muốn loại trừ đối-thủ để giữ độc quyền chính-thống. Hội-nghị đã quyết-định để cả hai phái-đoàn Quốc-Cộng đều có chân trong Hội Phật-Giáo Thế-Giới.

Sau đó báo-chí Trung-Cộng đã ám-chỉ sự giật dây của Hoa-Kỳ trong hội-nghị để thực-hiện mục-tiêu đế-quốc và kéo dài vô hạn việc chiếm đóng Đài-Loan. Đồng thời Trung-Cộng còn tìm cách ve-vãn Phật-Giáo Á-Châu để tìm kiếm hậu-thuần trong cuộc chiến-tranh lạnh (99).

Cảnh-tượng huy-hoàng đầy hứa-hẹn của phong-trào phục-hưng Đạo-Pháp cùng vai-trò quan-trọng của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia và quốc-tế đã ảnh-hưởng sâu rộng tới tư-tưởng và hành-dộng của các nhà lãnh-dạo Phật-Giáo Việt-Nam. Ý-thức được sự chênh-lệch giữa địa-vị yếu kém của mình với uy-tín lớn lao của người đồng đạo tại nước ngoài, chư Tăng ưu-tú tại nước ta quyết tâm đi tìm một quy-chế khả-quan hơn. Nói cách khác, phong-trào phục-hưng Phật-Giáo tại Á-Châu đã là một trong những động-lực thúc-dẩy Phật-Giáo Việt-Nam đứng lên tranh-đấu.

Tuy nhiên, những hoàn-cảnh tôn-giáo và chánh-trị vừa nêu trên chỉ mới là thời-cơ thuận-lợi cho sự nổi dậy của Phật-Giáo. Yếu-tố nội-tại gây dựng uy-tín xã-hội trường-cửu của Phật-Giáo Việt-Nam phải là những giá-trị tinh-thần của chính cộng-đồng tôn-giáo này. Thật vậy, mặc dầu có thời cơ thuận-lợi, nhưng nếu giá-trị nội-tại của đoàn-thể không đủ sức hấp-dẫn lòng ngưỡng-mộ của công-chúng, sự vĩ-nê của chánh-quyền và nhất là lòng chung-thủy của đoàn-viên, thì đoàn-thể vẫn không tạo được thực-lực.



(99) Kitagawa, Joseph M. : bài đã dẫn.

CHƯƠNG 11

GIÁ-TRỊ TINH-THẦN CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Khi khảo-sát những giá-trị được xác-nhận hay bảo vệ của đoàn-thể áp-lực, các nhà chánh-trị-học nhận-định rằng giá-trị tinh-thần thường được kính trọng hơn và dễ gây uy-tín, vì quyền-lợi vật-chất thường có tính-cách vị-kỷ và có thể gây ra những xung đột giữa các lực-lượng kinh-tế (100). Đối với Phật-Giáo Việt-Nam, quyền-lợi được bảo-vệ là những giá-trị tinh-thần khả kính. Phật-Giáo vẫn tự hào là một tôn-giáo dân-tộc có liên-hệ mật-thiết với vận-mệnh quốc-gia (101). Hơn nữa, trong chiều hướng phục-hưng hiện-đại, giới Tăng-sĩ lãnh-đạo tin-tưởng rằng Phật-Giáo Việt-Nam có đủ năng-lực tiến-bộ để thực-hiện sứ-mạng phục-vụ con người và xã-hội (102).

TIẾT I

NHỮNG GIÁ-TRỊ CỔ-TRUYỀN

Hiện diện tại nước ta từ 18 thế-kỷ nay, Phật-Giáo đã có nhiều công-trạng với quốc-gia và tạo được ảnh-hưởng rộng lớn trong dân-gian (103). Phật-Giáo đã hòa-hợp với dân-tộc-tính Việt-Nam và khoan-dung đối với các tôn-giáo khác để gây một nếp sống Việt-Nam phong-phú và độc-đáo. Như vậy

(100) Meynaud, Jean : sách đã dẫn I, tr. 182 ; sách đã dẫn II, tr. 166.

(101) Thạc-Dức, Trần : Phật-Giáo Việt-Nam và hướng đi nhân-bản đích thực, Lá Bối, Sài Gòn, 1967.

(102) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn I.

(103) Thiên-Ân, Thích : Phật-Giáo Việt-Nam xưa và nay, Đông-Phương, Sài Gòn 1965.

những giá-trị cổ-truyền của Phật-Giáo Việt-Nam được biểu-lộ qua ba khía-cạnh :

- 1 - Vai-trò Phật-Giáo trong giòng lịch-sử Việt-Nam.
- 2 - Dân-tộc-tính của Phật-Giáo Việt-Nam.
- 3 - Tinh-thần khoan-dung của Phật-Giáo Việt-Nam.

ĐOẠN I - VAI-TRÒ PHẬT-GIÁO TRONG GIÒNG LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

Muốn hiểu Phật-Giáo Việt-Nam ngày nay, ta phải ngược giòng lịch-sử để nhìn thấy phần đóng-góp của Phật-Giáo vào việc xây-dựng và phát-triển quốc-gia, vì như Leibnitz đã nói : "Hiện tại chứa đầy quá-khứ và nặng chiểu tương lai."

A - THỜI-KỲ PHẬT-GIÁO DU-NHẬP VIỆT-NAM

Đạo Phật du-nhập nước ta từ thế-kỷ thứ II của Tây-lịch, vào lúc Trung-Hoa tái chiếm nước Việt với ý-định kiểm-soát hải-thương Đông-Nam-Á và Ấn-Độ. Vì Việt-Nam trở thành giao-điểm của hai nền văn-minh Hoa-Ấn, nên Đạo-Phật đã từ phương Bắc và phương Tây vào truyền-bá trong dân-gian và đem lại cho nước nhà những bậc trí-thức đầu tiên. Vì cần đọc kinh-sách nên các Thiên-sư đã nỗ-lực học tập và được coi là những người hay chữ nhất trong nước thời ấy (104).

B - THỜI-KỲ PHẬT-GIÁO CỨU THỊNH

Sau khi quốc-gia được độc-lập và thống-nhất, nhờ sức học uyên-bác, danh Tăng Việt-Nam đã hỗ-trợ đắc-lực cho việc xây-dựng nền-tảng quốc-gia để có đủ vốn-liếng tinh-thần đối-kháng với đe dọa thường-trực của Đế-quốc khổng-lồ Trung-Hoa ở sát nách (105). Tăng-sĩ Ngô-Châu-Lưu đã giúp vua Đinh-Bộ-Lĩnh và các vị vua kế tiếp trong việc lập quốc nên được phong chức Khuông-Việt Thiên-sư (vị sư giúp-đỡ sửa-sang việc nước).

(104) Bain, Chester A. : sách đã dẫn, tr. 53 và kế tiếp.

(105) Nhất-Hạnh, Thích : sách đã dẫn II, tr. 28.

Phật-Giáo đã cực thịnh trong suốt 215 năm liên tiếp dưới tám đời vua nhà Lý (1010-1225). Vua Lý-thái-Tổ, vốn là con nuôi của Sư Khánh-Vân và đệ-tử của Sư Vạn-Hạnh, đã được Tăng-sĩ giúp đỡ đặc-lực trong việc xây dựng một quốc-gia vững mạnh khiến ngoại bang phải vì nể (106). Tăng sĩ đã hết lòng truyền đạo, giáo-dục quần-chúng, đào tạo nhân tài và góp phần đặc lực vào việc xây-dựng ý-thức-hệ quốc-gia. Vì vậy Đạo Phật đã được nhân-dân ngưỡng mộ và chánh quyền ưu đãi. Vua Lê-dại-Hành đã sai Sứ sang Tàu thỉnh kinh về truyền-bá. Các vị vua còn xây chùa, đúc chuông, tạc tượng, cấp đất cho nhà Chùa, miễn thuế, miễn quân-dịch, ban phẩm tước cho Tăng-chúng, và thi-hành một chánh-sách thân dân theo đúng tinh-thần từ-bi của đạo Phật (107).

Sự-nghiệp vinh-quang 215 năm của Phật-giáo đời Lý được tiếp-tục phát-huy tới tột đỉnh trong suốt 175 năm đời Trần, mặc dầu vào thời-kỳ này Nho-giáo đã có địa-vị quan-trọng. Đặc-biệt là vua Trần-nhân-Tôn đã để lại một tấm gương sáng của sự tổng-hợp hai quan-niệm Xuất-thế và Nhậ.-thế : Sau khi bình-định xứ-sở, Ngài đã nhường ngôi cho con rồi lên núi chuyên tâm tu học Phật-Pháp.

THỜI-KỲ PHẬT-GIÁO SUY-VI

Thời cực thịnh của Phật-Giáo Việt-Nam đã chấm dứt cùng với sự cáo chung của triều Trần vào đầu thế kỷ XV. Năm 1428 đánh dấu thời-kỳ suy-vi của Đạo Phật Việt-Nam với lệnh khảo hạch sư sãi của vua Lê-thái-Tổ ; vị Sư nào không trả lời trôi chảy trong kỳ khảo-hạch sẽ phải hoàn tục. Trong hai năm liên (1466 và 1467), vua Lê-thánh-Tông ra lệnh theo dõi hành tung Tăng-Sĩ và ra lệnh cấm cất thêm chùa.

(106) Thiện-Ân, Thích : Sách đã dẫn ; cũng xem : Hãn, Hoàng-Xuân : Sách đã dẫn ; Truyen, Mai-Thọ : sách đã dẫn.

(107) Thiện-Ân, Thích : Sách đã dẫn, tr. 76 và kế tiếp ; cũng xem : Mậu, Vũ-văn : Dân-Luật khái-luận, tr. 171-200, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, 1958 ; Siêu, Lê-văn : Văn-Học Việt-Nam đời Lý, Hương-Dương, 1965.

Từ đó Phật-giáo mất địa-vị lãnh-đạo tinh-thần của quốc-gia để rồi bị suy yếu dưới thời Trịnh-Nguyễn và thoái-hóa dưới triều Nguyễn. Nhất là dưới thời Pháp thuộc, Phật-giáo bị khinh bạc, chèn ép và hoàn toàn bị lu mờ trước sức tấn-công của làn sóng văn-minh Tây-phương. Phản ứng lại sức xâm-lãng của Đế-quốc, một số Tăng-sĩ đã dấn thân vào công-cuộc đấu-tranh giành Độc-Lập cho Tổ-Quốc và quyết noi gương phục-hưng Đạo-pháp của các nước Á-Châu (108).

D - THỜI-KỲ PHẬT-GIÁO PHỤC-HƯNG

Lịch-sử phục-hưng Phật-Giáo Việt-Nam mà ta sẽ xét trong Tiết sau đã có liên-hệ mật-thiết với phong-trào giải-phóng dân-tộc. Nhưng sự đóng góp của đạo Phật vào công cuộc giải-phóng Dân-Tộc quả thật rất khiêm tốn. Mặc dầu trong một số trường-hợp cảnh Chùa đã được dùng làm nơi nương náu của các nhà cách-mạng và một số Tăng-sĩ đã gia-nhập phong-trào cách-mạng, Phật-giáo cũng không tạo được một uy-quyền thần-bí nào khả dĩ liên-kết được các lực-lượng yêu nước để chống ngoại-xâm (109).

Tới năm 1963 Phật Giáo mới đứng lên chống đối mãnh-liệt chánh quyền và đưa tới sự sụp đổ nền Đệ Nhứt Cộng-Hòa. Từ đó đến nay chư Tăng lãnh đạo các phong-trào tranh-đấu nhất quyết gắn bó chặt chẽ Đạo Phật với Dân-Tộc vì Phật-Giáo mang nặng dân-tộc-tính.

ĐOẠN II - DÂN-TỘC-TÍNH CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Các nhà Phật-học nước ta đều quả-quyết rằng :
"Phật-giáo Việt-Nam là một nền Phật-giáo dân-tộc" (110)

(108) Nhất-Hạnh, Thích : sách đã dẫn II, tr. 64-70.

(109) Violation des droits de l'homme au Sud Vietnam, p. 103, O.N.U.

(110) Thạch-Đức, Trần : sách đã dẫn, tr. 17-20.

Tăng-Sĩ Trần-thạc-Đức khẳng-định : "Phật-Giáo đã hòa-hợp trong cá-tính dân-tộc, đã cùng dân-tộc ta xây-dựng một nền văn-hóa quốc-gia độc-lập" (111).

Dân-tộc-tính của Phật-Giáo Việt-Nam biểu-lộ trên cả hai bình diện tôn-giáo và xã-hội.

A - TRÊN BÌNH-DIÊN TÔN-GIÁO

Lịch-sử đã chứng-tỏ Phật-tử Việt-Nam có khuynh-hướng thiết-lập một nền Phật-Giáo quốc-gia. Khuynh-hướng ấy cũng là đặc tính chung của đạo Phật tại các nơi khác.

1. Tính-cách quốc-gia của Phật-Giáo Việt-Nam - Từ thế-kỷ thứ II đến thế-kỷ thứ VI, trong dân gian Việt-Nam đã truyền bá hai phái Phật-Giáo : Phái A-Hàm (Agama) và phái Thiền (Dhyana). Dần dần phái Thiền trở nên quan-trọng, và sau này có nhiều phái Thiền được lập ở Việt-Nam (112). Sự-kiện lịch-sử này cho thấy rằng Phật-tử Việt-Nam muốn đi đến việc thiết-lập một nền Phật-Giáo quốc-gia. Thật vậy, ngoài những phái Thiền do Trung-Hoa truyền xuống Phật-Giáo Việt-Nam còn có một Thiền phái riêng biệt. Đó là phái Trúc-Lâm Yên-Tử do vua Trần-nhân-Tôn, sau khi xuất gia, thành lập ở núi Yên-Tử thuộc Tỉnh Quảng-Lên vào thế-kỷ XIII.

Ngoài những giáo-lý ngoại-quốc truyền vào, danh Tăng Việt-Nam còn cố-gắng xây-dựng những giáo-lý-hệ đặc-biệt của mình. Đó là thuyết "Tam Bản" của Ngô-Ấn Thiền-Sư, thuyết "Tam Pháp Nhất" của Cửu-Chỉ Thiền-Sư.

Ngoài những kinh điển của ngoại quốc đem vào, danh Tăng Việt-Nam còn có công sáng-tác và phiên-dịch những tác-phẩm triết-học, tôn-giáo, văn-chương và nghệ thuật để tạo một nền văn-hóa Phật-giáo dân-tộc suốt 900

(111) Thạc-Đức, Trần : sách đã dẫn, tr. 17-20

(112) Nhất-Hạnh, Thích : sách đã dẫn II, tr. 8 và kế tiếp

năm tự-chủ (113).

2. Dân-tộc-tính hay địa-phương-tính là đặc-tính chung của đạo Phật - Đặc-tính này là hậu-quả sự thiếu thống-nhất của đạo Phật cũng như của các tôn-giáo lớn khác trên thế-giới. Sự thiếu thống-nhất của Phật-Giáo đã phát-xuất từ quá-trình truyền giáo và tính cách tự-do của giáo-lý.

a) Quá-trình truyền-bá Phật-giáo. Phật giáo bành-trướng mạnh tại Á-Châu giữa thế-kỷ thứ I và thế-kỷ thứ X. Mặc dầu vào thời kỳ đó đã mất đất đứng ở Ấn-Độ, Phật-Giáo vẫn có ảnh-hưởng lớn lao đối với các dân-tộc từ Tích-Lan thuộc Cực Tây tới Nhật-Bản thuộc Cực Đông, từ Trung Á ở phía Bắc tới Java ở phía Nam.

Công-cuộc bành-trướng Phật-Giáo ra ngoài Ấn-Độ đã trùng-hợp với sự phát-triển những chia rẽ nội bộ trong cộng đồng Phật-Giáo về việc hành đạo và giáo lý. Trong sự trùng hợp này vấn-đề được đặt ra là các nhà truyền giáo có thể đem sự phong-phú và tính cách toàn diện của Chánh Pháp (Dharma) tới những dân-tộc có quá-trình ngôn-ngữ và văn-hóa khác Ấn-Độ không? Câu trả lời thật có tính cách tiêu cực, vì như học giả Oswald Spengler đã nhận xét :

"Mặc dầu người Ấn-Độ và người Trung-Hoa đều cảm thấy mình là Phật tử, nhưng về phương-diện tinh-thần họ đều riêng rẽ. Tuy cùng những danh-từ, những lễ-nghi và biểu-tượng, nhưng hai tâm-hồn vẫn khác nhau, mỗi bên đi một con đường riêng (114)."

Quả thực Phật-Giáo Trung-Hoa và Phật-Giáo Ấn-Độ đã khác nhau, và ngay trong một nước như Trung-Hoa chẳng hạn, các tông-phái Phật-Giáo cũng không đồng ý với nhau về ý-nghĩa chữ Chánh-Pháp. Ấy là chưa kể tới những dị biệt về

(113) Thạch-Đức, Trần : sách đã dẫn, tr. 37 và kế tiếp

(114) Spengler, Oswald : The decline of the West, Vol. II (New-York : A. Knof, 1930) p. 57, trích dẫn bởi J.M. Kitagawa trong bài đã dẫn tr. 2.

thờ phượng và giáo-lý giữa truyền-thống Đại-Thừa và truyền thống Tiểu-Thừa.

b) Nguyên-nhân chia rẽ. Sở dĩ Phật-Giáo thiếu thống nhất vì không thiết lập được một hệ-thống vững chắc về chính-thống giáo-lý. Hơn nữa, trong nhiều thế-kỷ Phật-Giáo bị đóng khung trong Á-Châu, nơi mà khuôn khổ văn-hóa "tiếp cận" được chấp-nhận. Chẳng hạn như hai nền văn-minh lớn và tự lập Ấn-Độ và Trung-Hoa, với truyền-thống văn-hóa và lịch-sử lâu đời, không bao giờ phát-triển một sự tương xâm hay hợp tác liên-tục. Học-giả William S. Hass đã nói :

"Như vậy, khác với các dân-tộc Tây-phương, các dân-tộc Đông-Phương mặc dầu thuộc cùng một loại văn-minh lớn, đã phát triển riêng rẽ" (115).

Ngoài ra, đặc-điểm nổi bật của Phật-Giáo là tính cách thích-nghi với những điều-kiện lịch-sử, xã-hội và địa dư của mỗi dân-tộc. Đặc điểm này được nhận thấy trong khắp mọi nơi mà Đạo Phật du-nhập và đưa tới kết-quả là từ thế-kỷ thứ X đến thế-kỷ thứ XIX Phật-Giáo đã phát-triển và hoạt-dộng như một tôn-giáo dân-tộc hay địa-phương ; mỗi sự biểu-lộ được giới-hạn vào trong một khu-vực văn-hóa hay Quốc-gia riêng-biệt. Vì vậy đã phát-triển liên-tiếp nhiều nền Phật-Giáo đặc-thù của từng dân-tộc, như : Phật-Giáo Trung-Hoa, Phật-Giáo Miến-Điện, Phật-Giáo Tích-Lan, Phật-Giáo Thái-Lan, Phật-Giáo Việt-Nam, v.v...

c) Hậu quả của sự chia rẽ. Hiện tượng "địa-phương-hóa" Phật-giáo tại các xứ ngoài Ấn-Độ đã đưa tới sự liên-hệ giữa Phật-giáo với sanh-hoạt chánh-trị quốc-gia. Học-giả Charles Eliot đã viết :

"Nét nổi bật nhất của Phật-Giáo Nhứt-Bản là sự liên-hệ giữa Đạo-Pháp và Dân-Tộc trên cả hai bình-diện chánh-trị và xã-hội (116)."

(115) Hass, W.S. : The destiny of the mind, East and West (London : Faber, 1956), p. 37, trích dẫn bởi J.M. Kitagawa, bài đã dẫn, tr. 3.

(116) Eliot, Charles : Japanese Buddhism, tr. 179, trích dẫn bởi J.M. Kitagawa trong bài đã dẫn, tr. 3.

Thực ra mối liên-hệ ấy hiện-hữu trong tất cả mọi quốc-gia mà Phật-tử chiếm đa-số. Đặc-biệt tại Việt-Nam trong những cuộc vận-dộng chánh-trị gần đây các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo hầu như đã đồng-hóa Đạo-Pháp với Dân-Tộc.

Dân-tộc-tính của Phật-Giáo Việt-Nam biểu-lộ không những trên bình-diện tôn-giáo, mà còn cả trên bình diện xã-hội.

B - TRÊN BÌNH-DIỆN XÃ-HỘI

Phật-Giáo đã thích-nghi với những điều-kiện nhân văn, kinh-tế và xã-hội của nước ta.

Trước hết, Phật-Giáo rất thích-hợp với một xã-hội nông-nghiệp như Việt-Nam. Đó là một xã-hội tĩnh với một nền kinh-tế tự túc ; cuộc sống dân quê đóng khung chặt chẽ trong phạm-vi xã thôn mã, trung-tâm sinh-hoạt là Đình và Chùa, hai nơi để dân-chúng hội hè tế-tự và bàn việc công. Trong xã-hội cổ truyền, mỗi Làng cũng như mỗi ngôi Chùa đều là những đơn-vị tự-trị ; và Phật-Giáo rất thích hợp với mọi khía cạnh của cuộc sinh-hoạt nông thôn. Từ tâm lý đến tín ngưỡng và kinh tế, cuộc sống tôn giáo đã hòa điệu tuyệt hảo với cuộc sống xã-hội.

Ngoài ra, với triết-lý Từ-bi và giải-thoát, Phật Giáo đã đưa lại cho quần-chúng liều thuốc an thần trong những lúc đấu-tranh gian khổ chống ngoại xâm và khắc-phục thiên-nhiên để sanh tồn (117).

Sau hết, Phật-Giáo rất thích-hợp với tinh-thần dân-tộc Việt-Nam, vì những đức-tính hiếu-hòa, bao-dung, bất vụ lợi, trọng đạo-đức và tinh-thần hơn vật-chất, cùng khả năng thích-nghi đều là những đặc-tính chung của Phật-Giáo và dân-tộc (118). Những phương châm xử thế "một sự

(117) Khôi, Lê-thành : Le Vietnam, tr. 111, Paris, 1955.

(118) Thanh-Từ, Thích : Phật-Giáo trong mạch sống dân-tộc, Lá Bối, 1965.

nhìn là chín sự lành" hay "đĩ hòa vi quý", "tùy cơ ứng biến" rất thông-dung trong xã-hội Việt-Nam và hoàn-toàn phù-hợp với đức tử, bi, hỉ, xả của nhà Phật.

ĐOẠN III - TINH-THẦN KHOAN-DUNG CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Với tinh-thần khoan-dung, Phật-Giáo cũng như dân-tộc sẵn-sàng dung-nạp mọi tín-ngưỡng dị-biệt. Xét cho cùng, tinh-thần ấy cũng chỉ là một đặc-tính chung của đạo Phật.

A - PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM KHOAN-DUNG ĐỐI VỚI MỌI TÔN-GIÁO KHÁC

Suốt trong giòng lịch-sử, Phật-Giáo Việt-Nam đã chung sống hòa-bình với tất cả mọi tôn-giáo cũ cũng như mới.

1. Trước hết, ta xét mối giao-hảo giữa Nho-gia và Phật-tử. Chữ Nho được truyền sang Việt-Nam từ những thế kỷ đầu của Tây-lịch, nhưng mãi đến thế-kỷ XI Nho-Giáo mới có chân đứng. Chính các Thiền Sư là giới trí-thức tinh-thông Hán-học đầu tiên trong xứ, đã không ngần-ngại góp phần vào việc đặt cơ-sở cho Nho-gia vào giữa thời-kỳ cực thịnh của Đạo Phật (119). Nhưng về sau chính Nho-gia lại muốn độc chiếm chánh-trường và loại trừ ảnh-hưởng của Phật tử. Trước tham-vọng ấy, Tăng-sĩ đành lui về phạm-vi sanh hoạt thuần-túy tâm-linh.

Ngay cả trong thời-kỳ Phật-Giáo cực thịnh, người ta cũng đã thấy sự phân công và hợp-tác giữa Nho-Giáo và Phật-Giáo : Đạo Phật chăm lo đời sống tâm-linh, Đạo Nho đảm đương việc trị quốc. Công-thức hành động này được gọi là "Phật-Thành phân-công hợp-tác" và đã được Vua Trần-thái Tông trình bày rõ-ràng trong bài Tựa cuốn Thiền-Tông Chỉ-Nam như sau :

(119) Nhất-Hạnh, Thích - sách đã dẫn II, tr. 30 và kế tiếp.

"Phật-tính không biết có Nam và có Bắc ; dù là ngu-si hay thông-minh ai cũng phải chia sẽ khả-năng giác-ngộ. Đạo Phật là phương-tiện để dẫn-dắt người mê-muội, là tấm kính soi rõ vấn-đề sinh tử. Còn Đạo Tiên Thánh (tức Đạo Không) có trách-nhiệm nặng-nề là giữ gìn cho cán cân hậu-thế, khuôn-phép cho tương-lai. Lục Tổ có nói : "Tiên Thánh và Đại Sư không khác gì nhau." Thế mới biết giáo-hóa của Đức Phật lại cần nhờ có Tiên Thánh mới có thể truyền về sau" (120).

2. Phật-Giáo và Lão-Giáo - Lão giáo du nhập nước ta cùng với Nho-Giáo, nhưng không có môn phái và hệ thống như ở Trung-Hoa. Tại nước ta tinh-ba của Triết học Lão Tử chỉ được thấy rõ nơi tác phong của giới trí thức Phật giáo và Nho-giáo. Ta không thấy những "Đạo-sĩ" phản ảnh thực sự nếp suy tư sâu sắc của Lão giáo, mà chỉ thấy những "Đạo sĩ" ít thâm hiểu tư tưởng Lão-Tử và chỉ biết thực hành phương thuật phù chú, phép tấu. Những thứ này có ảnh hưởng đáng kể trong dân quê lẫn lộn với mê tín, dị đoan. Sự nhận thức nông cạn về bản chất của Đạo Lão khiến đạo Phật trong lớp người thiếu uyên thâm mang ít nhiều ảnh hưởng và tính chất phù chú ma thuật (121).

"Với tính cách vô vi, thần bí, Đạo Lão và biến trạng của đạo này rất dễ dung hòa với khách Thiên Môn. Trong sách Thiên Uyển Tập Anh Ngữ Lục có chép nhiều chuyện huyền-linh cho ta thấy từ đời Lý về sau pháp thuật của đạo Lão được pha lẫn vào cửa Phật khá nhiều" (122).

Sự hòa-đồng giữa Phật, Không, Lão đã kết hợp ba tôn-giáo thành "Tam Giáo Đồng Quy". Mỗi hòa-điều này phát khởi từ đời Trần (123) để góp phần vào việc tạo một nền văn-minh Việt-Nam độc-đáo và vô cùng sáng lạn.

(120) Nhất-Hạnh, Thích : sách đã dẫn II, tr. 32 và kế tiếp.

(121) Nhất-Hạnh, Thích : sách đã dẫn II, tr. 39 và kế tiếp.

(122) Hậu, Nguyễn-văn : Việt-Nam Tam-giáo sử cương, tr. 78 và kế tiếp, Saigon, 1957.

(123) Sách Khóa-Hư của Trần-Thái-Tôn luận luôn dẫn ba lời nói của Khổng-Tử, Lão-Tử và Đức Phật Thích-ca để đối chiếu. Xem Đào-duy-Anh, sách đã dẫn, tr. 235.

3. Phật-Giáo và tín-ngưỡng bình-dân - Đạo Phật rất thích-hợp với tín ngưỡng bình-dân. Căn-bản của tín-ngưỡng này là linh-hồn-thuyết và tục thờ cúng tổ-tiên. Tục-lệ này ăn sâu trong nếp sống bình-dân và tạo được mối đoàn-kết chặt-chẽ giữa các thành-phần trong gia-đình cũng như ngoài xã-hội. Sức mạnh của tín-ngưỡng này phát xuất từ tâm tình hiếu-thảo, lòng trung-nghĩa và niềm tin-tưởng vào sự che-chở của Trời Phật (124). Vì căn-bản tinh-thần này rất phù-hợp với Tam Giáo, nên tín-ngưỡng bình-dân đã đương-nhiên hòa-hợp với Tam Giáo để tạo thành một nền văn-hóa đặc biệt Việt-Nam, trong đó Phật-Giáo được coi là một thành-tố quan-trọng.

4. Phật-Giáo và Công-Giáo - Đạo Công-Giáo du-nhập Việt-Nam từ thế-kỷ XVI và được truyền-bá mạnh-mẽ từ thế-kỷ XVII. Người có công đầu tiên gieo ánh sáng Phúc-Âm tại nước ta là tu-sĩ Alexandre de Rhodes. Ngài đã phát-minh ra chữ Quốc-Ngữ và lập Hội Truyền Giáo ngoại quốc đầu tiên tại Việt-Nam.

Nếu công cuộc truyền giáo của người Tây-phương dưới triều Nguyễn đã gặp nhiều khó khăn và một số giáo dân đã bị bách hại, thì sự bài-xích Đạo Công-Giáo không do Phật-Giáo chủ-trương và cũng không phải bị thúc đẩy bởi động-cơ thuần-túy tôn-giáo (125). Đó chỉ là phản-ứng tất-nhiên của Hoàng-Đế Việt-Nam và các Nho-thần trước sự xâm-lãng của Tây-phương. Sự hợp-tác giữa Giáo-sĩ và Đế-Quốc trong hai công tác truyền giáo và cướp nước nếu đã khiến một số Phật-tử uất-hận và lăn mình vào sự-nghiệp giải-phóng dân-tộc, thì đó cũng chỉ là bản-năng tự-vệ của lớp người bị tước đoạt mất uy-tín xã-hội cổ-truyền, chứ không phải là hành-vi chống Đạo Công-Giáo. Bằng-chứng là hai cộng-đồng Công-giáo và Phật-giáo vẫn luôn luôn sống êm đẹp

(124) Anh, Đào-duy : sách đã dẫn, tr. 111 và kế tiếp.

(125) Buttinger, Joseph : The smaller Dragon, tr. 198 và kế tiếp, Frederick A. Praeger, Publishers, New-York, 1966.

với nhau suốt từ thời Công-Giáo có đất đứng tại Việt-Nam tới nay. Trong cuộc chống xâm-lãng, tuy rằng Chùa chiến đã là nơi ẩn náu của nhiều chiến sĩ quốc-gia, nhưng Phật-tử chống một Đế-Quốc, chứ không phải chống một tôn-giáo. Các lực-lượng yêu nước khác cũng núp dưới danh-nghĩa tôn-giáo để cứu quốc : Đó là Hòa-Hảo và Cao-Đài.

5. Phật-Giáo với Cao-Đài và Hòa-Hảo - Sinh ra trong hoàn-cảnh mất nước và nhằm mục-tiêu cứu nước, Cao-Đài và Hòa-Hảo đều có mẫu-số chung là Phật-Giáo, vì hai tôn-giáo mới này đều thờ phượng Đức Phật. Do đó người ta thường coi Cao-Đài và Hòa-Hảo là biến-thể của Đạo Phật.

Xét cho cùng, tinh-thần khoan-dung của Đạo Phật đối với mọi tôn-giáo tại Việt-Nam cũng chỉ là đặc-tính chung của đạo Phật tại khắp mọi nơi trên thế giới.

B - TINH-THẦN KHOAN-DUNG LÀ ĐẶC-TÍNH CHUNG CỦA ĐẠO PHẬT

Ngay từ căn-bản triết-lý, Đạo Phật khước-từ ý-tượng mặc-khải. Phật-giáo không tuyên-bố "bằng bất cứ hình thức mặc-khải linh-thiên nào tiêu-biểu cho chân-lý toàn diện của buổi khai-nguyên và ngày tận cùng tuyệt đối trong cuộc hành-trình tinh-thần của con người." (126)

Trong tất cả các tôn-giáo lớn hiện-hữu, Đức Phật là vị giáo chủ duy nhất không chủ-trương là hiện thân của Thượng-Đế hay được Thượng-Đế Ủy-nhiệm. Chính Ngài cũng đi tìm và khám phá bản-thể của vũ-trụ như mọi người khác. Ngài dạy không nên tin bất cứ điều gì dựa vào truyền thống hay quyền-hành, kể cả uy-quyền của giáo-chủ. Mọi người đều có quyền nghi ngờ ngay cả lời dạy của chính Đức Thế-Tôn, và chỉ nên tin vào chân-lý Phật-Đà sau khi đã suy nghĩ chín chắn và thực-nghiệm kỹ càng (127).

(126) Smith, Donald E. : sách đã dẫn, tr. 11.

(127) Mầu, Vũ-văn : Bài báo đã dẫn, tr. 107-108.

Đường lối thực-nghiệm ấy để khám phá chân-lý giúp Phật-tử có thái-độ khoan-dung đối với mọi người đi tìm chân-lý bằng những đường lối khác (128).

Tuy Đạo Phật rất phóng-khoảng, nhưng cũng có một số Phật-tử trở nên cuồng tín vì cho rằng giáo lý của Đức Phật là chân lý độc nhất. Thái độ này rất ít khi xảy ra và, do đó, không cho phép người ta phủ-nhận một sự thực hiển nhiên là Đạo Phật thường bao-dung đối với mọi đức tin khác và được truyền-bá bằng đường lối thuyết-phục hơn là cưỡng-bách (129). Khi xâm nhập vào một khu-vực mới, Đạo Phật tự coi có tính-cách bổ-xung hơn là đối-thủ của những tôn-giáo và nền văn-hóa sẵn có. Vì vậy Phật-Giáo đã hòa-hợp với mọi tín-ngưỡng địa-phương và làm phong-phú nền văn hóa của các dân-tộc (130).

Chính nhờ tinh-thần khoan-dung và thích-nghi-tính mà Đạo Phật vẫn tồn tại qua bao cuộc đổi thay và tự tạo thêm cho mình những giá-trị phục-hưng bên cạnh những giá-trị cổ-truyền để tiếp-tục giữ địa-vị quan-trọng trong thế-giới ngày nay.

TIẾT II

NHỮNG GIÁ-TRỊ PHỤC-HƯNG CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Những giá-trị phục-hưng là những giá-trị tân thời của Phật-Giáo Việt-Nam hiện-dại và bao hàm những thành quả mà phong-trào phục-hưng đã thu đạt được để khôi phục uy-tín cho cộng đồng tôn-giáo cổ-truyền. Ta cần khảo sát những thành quả ấy qua diễn-trình của phong-trào để nhận-định ảnh-hưởng chánh-trị của nó.

(128) và (129) Smith, Donald E. : sách đã dẫn, tr. 12.

(130) Kitagawa, Joseph M. : sách đã dẫn, tr. 3.

ĐOẠN I - DIỄN-TRÌNH PHỤC-HƯNG CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Dưới ảnh-hưởng của phong-trào phục-hưng Phật-Giáo ở Á-Châu, Phật-Giáo Việt-Nam thực sự bắt tay vào công cuộc phục-hưng từ những năm 1930 (131). Vì các thời điểm của phong-trào phục-hưng trùng hợp với những biến-cố chính trị, nên ta thấy có sự tương-quan giữa Phật-Giáo và quốc-gia qua những giai-đoạn sau đây :

- Giai-đoạn I : Từ năm 1930 tới năm 1946
- Giai-đoạn II : Từ năm 1948 tới năm 1964
- Giai-đoạn III : Từ năm 1963 tới nay.

A - GIAI-ĐOẠN I : TỪ NĂM 1930 TỚI NĂM 1946

Năm 1930 và năm 1946 đánh dấu hai biến-cố quan-trọng trong lịch-sử quốc-gia và lịch-sử Phật-Giáo.

Về phía quốc-gia, năm 1930 phong-trào giải-phóng dân-tộc được phát-động mạnh mẽ ; năm 1946 chiến-tranh Việt Pháp bùng nổ, mở màn cuộc tranh-chấp ý-thức-hệ tại Việt-Nam.

Về phía Phật-Giáo, năm 1930 mở đầu phong-trào phục-hưng và đánh dấu sự thức-tỉnh của Phật-tử nước ta trước những biến chuyển chính-trị quốc-nội và quốc-tế ; năm 1946 chấm dứt giai đoạn đầu tiên của phong-trào này.

Thoạt tiên phong-trào phục-hưng do hai Tăng-sĩ Khánh-Hòa và Thiện Chiếu khởi xướng bằng việc xuất-ban tạp chí Pháp-Âm tại chùa Tứ-Sắc, Mỹ-Tho. Tiếp theo là việc mở Phật-Học Thư-Xã và thành-lập Hội Nam-Kỳ Nghiên-Cứu Phật-Học vào năm 1931.

(131) Theo Thượng-Tọa Thiện-Ân và cư-sĩ Mai-thọ-Truyền, Phong-trào Phục-Hưng Phật-Giáo ở nước ta bắt đầu từ những năm 1920 (Xem Thích-Thiện-Ân : sách đã dẫn, tr. 60 ; Mai-thọ-Truyền : Phật-Giáo Việt-Nam, Hội Phật-Học Nam-Việt xuất-ban, 1956). Những Phong-trào chỉ thực-sự hoạt-động từ năm 1931 (Xem : Thích Nhất-Hạnh : sách đã dẫn, tr. 69 và kế tiếp).

Sau đó, các Hội Lương-Xuyên Phật-Học, An-Nam Phật-Học (1932) và Hội Việt-Nam Phật-Giáo (1934) lần lượt ra đời. Mỗi Hội đều có nội-quy, điều-lệ, giấy-phép và tạp chí truyền-bá giáo-lý. Ở Nam có tờ Từ-Bi-Âm (1932), ở Trung có tờ Viên-Âm (1933), ở Bắc có tờ Đuốc Tuệ (1934). Rồi tiếp đến có các tạp-chí Tiếng Chuông Sớm, Bát-Nhã-Âm, Tam-Bảo, Pháp-Âm Phật-Học.

Dần dần các hội nghiên-cứu Phật-Học đã tương-đối thành-công trong việc đem nguồn sinh-lực mới vào phong-trào mới. Phật-tử tại nhiều nơi đã nỗ-lực cải-tổ tôn-giáo, bài trừ mê tín dị đoan, nâng cao uy-tín tinh-thần của Phật-Giáo.

Tuy-nhiên phong-trào chỉ thực sự có căn-bản vững vàng khi những Phật-Học-Viện được thành-lập khắp ba miền. Những phật-học-viện nổi danh tại Huế như Tây-Thiên, Báo-Quốc đã đào tạo được một lớp danh Tăng có ý-thức chánh-trị cao độ, như các Thượng-Tọa Trí-Quang, Thiện-Minh, Đôn-Hậu, Huyền-Quang, v.v...

Ý tưởng về một nền Phật-Giáo quốc-gia được khai triển đầy đủ khi cuốn Việt-Nam Phật-Điển Tùng-San được Hội Phật-Học Việt-Nam ấn-hành với sự cộng-tác của Trường Viễn-Đông Bắc-Cổ, và khi Thượng-Tọa Mật-Thế đã hoàn-thành cuốn Phật-Giáo-Sử Việt-Nam đầu tiên bằng quốc-ngữ vào năm 1942.

Trước đó, năm 1940, một đơn-vị đầu tiên của phong-trào Thanh-niên Phật-tử ra đời được gọi là Thanh-niên Phật-Học Đức-Dục. Các đoàn viên của tổ-chức mới này đã được giáo-dục về giáo-lý nhà Phật và được giao-phó việc trông coi tờ tạp-chí Viên-Âm cùng việc thành-lập Gia-Đình Phật-Hóa-Phổ. Tổ-chức này về sau được đổi thành "Gia-Đình Phật-Tử", một đoàn-thể thanh-niên Phật-tử quốc-gia đầu tiên thuộc lớp trí-thức Tây-học.

Tất cả những nỗ-lực nêu trên đã góp phần vào việc tạo dựng ý-thức về vai-trò Phật-Giáo trong xã-hội tương-lai Việt-Nam. Nhiều bậc thức-giá đã thảo-luận về việc Đạo Phật dẫn thân vào xã-hội mới và gọi nó là "Nhân Gian Phật-Giáo".

Phong-trào phục-hưng Phật-Giáo lớn mạnh cùng với sự lớn mạnh của phong-trào giải-phóng dân-tộc. Vào năm 1945, sau khi cách mạng giải-phóng dân-tộc thành-công, Việt-Minh nắm được chánh quyền và một số Phật-tử đã gia nhập phong-trào Phật-Giáo cứu-quốc. Song hành với phong trào này có Công-Giáo cứu-quốc, Nhi-đồng, Thanh-niên, Phụ-nữ cứu-quốc, v.v... Vì lầm cái vỏ Quốc-Gia của Cộng-Sản, nên tất cả các đoàn-thể vừa kể đều bị Cộng-Sản điều-khiển. Trong khi đó một số Phật-tử trẻ trung khác đã xuất-bản tờ báo Giải-Thoát với mục-dịch nghiên-cứu Phật-học và áp-dụng nó vào đời sống mới. Tài liệu này phản-ảnh hoài-bào cách mạng, tâm-trạng hoài-nghĩ và thất-vọng trước cảnh tương tranh của các đảng phái Quốc-Cộng. Giới Phật-tử trí-thức bắt đầu có ý-thức về địa-vị của Phật-Giáo trong hoàn-cảnh chánh-trị mới.

Nhưng tiếng súng ngày 19-12-1946, mở màn cuộc chiến-tranh Việt-Pháp, làm cho công cuộc phục-hưng Phật-Giáo bị gián đoạn từ năm 1946 đến năm 1948.

B - GIAI-ĐOẠN II : TỪ NĂM 1948 ĐẾN NĂM 1963

Chiến-tranh Việt-Pháp đưa tới giải-pháp Quốc-Cộng. Trong vùng Quốc-Gia cuộc chấn-hưng Phật-Giáo lại tiếp-tục từ năm 1948. Bắt đầu giai-đoạn này, tạp-chí Giác-Ngộ được xuất-bản tại Huế để phát-huy ý-thức dân-tộc và nhân-bản của Phật-Giáo Việt-Nam. Đặc-biệt quan-trọng là Hội-Nghị Phật-Giáo toàn Quốc được tổ-chức tại Huế năm 1951. Hội-Nghị này quyết-định thành-lập Tổng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam, bước đầu tiên của cuộc thống-nhất Phật-Giáo.

Tổng Hội dùng cơ-quan ngôn-luận chánh-thức là tạp-chí Phật-Giáo Việt-Nam để phổ-biến đường lối Dân-Tộc và Đạo-Pháp. Đồng thời việc đào-tạo Tăng tài, giáo-dục quần-chúng cũng được thực hiện có kế-hoạch từ những năm 1950. Một số Tăng-sĩ đã được gửi đi du học tại Nhật-Bản, Trung-Hoa, Ấn-Độ, Tích-Lan... Một giảng-sư-đoàn toàn quốc đã được thiết lập để đáp-ứng nhu-cầu học hỏi của Phật-tử.

Tổng Hội đã thực-hiện được nhiều thành-tích hữu ích trong các lãnh-vực văn-hóa, giáo-dục, y-tế, xã-hội, và tạo được một thực-lực đáng kể để xử-dụng hữu-hiệu vào cuộc tranh-đấu năm 1963.

C - GIAI-ĐOẠN III : TỪ NĂM 1963 TỚI NAY

Cuộc tranh-đấu năm 1963 đánh dấu sự chuyển mình của Phật-Giáo nước ta sang giai-đoạn thứ ba và mở đầu một kỷ-nguyên mới mà Phật-tử vô cùng hãnh-diện, vì nó có tác-dụng tôn vinh một tôn-giáo cổ-truyền đã bị suy-vi suốt 500 năm qua lên địa-vị có uy-tín trên chánh-trường. Kỷ-nguyên ấy chính là thời-kỳ hoạt-dộng chánh-trị mạnh nhất của Phật Giáo.

Sau ngày 1-11-1963 tuy đã trở thành một lực lượng chánh-trị khá mạnh, nhưng Phật-Giáo lại thiếu những điều-kiện cần-thiết để đảm-nhận vai-trò lãnh-đạo : không có chánh-khách thế-tục đủ khả-năng và tín-nhiệm, thiếu hụt trầm trọng cán-bộ, phương-tiện tài-chánh và cơ-sở hoạt-dộng.

Trước những nhược điểm này, những Phật-tử có ý-thức đều nhận chân được rằng cần phải đẩy mạnh những nỗ-lực phục-hưng Đạo-Pháp. Nhưng yếu-tố chánh-trị đã làm cho phong-trào phục-hưng từ sau năm 1963 bị phân ly thành hai khuynh-hướng :

- Một khuynh-hướng thuần-túy tôn-giáo được đại-diện bởi các Tăng-sĩ cao niên hay bảo-thủ và các cư-sĩ trí thức muốn phân-biệt tôn-giáo với chánh-trị. Khuynh-hướng này chủ-trương phát-triển Phật-Giáo chủ-yếu trên các lãnh-vực thuần-túy tôn-giáo, văn-hóa, giáo-dục, xã-hội, y-tế.

- Một khuynh-hướng chánh-trị được đại-diện bởi đa số tăng-sĩ đã từng lãnh đạo các cuộc tranh đấu từ năm 1963 trở đi. Khuynh-hướng này muốn phát-huy uy-thế của Phật-Giáo bằng đường lối chánh-trị.

Dù theo đuổi hai khuynh-hướng khác nhau, mọi Phật-tử đều ước-vọng một tương-lai huy-hoàng cho Đạo-Pháp và Dân-Tộc. Họ nỗ-lực hoạt-động trên mọi lãnh-vực sinh-hoạt để xác-nhận địa-vị quan-trọng của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia.

Trong lãnh vực văn-hóa, các nhà xuất-bản Lá Bối, Vạn-Hạnh, đã được những Tăng-sĩ trẻ tuổi thiết-lập. Lần đầu tiên tại nước ta một viện Đại-Học Phật-Giáo được tổ-chức theo kiểu Tây-phương đã ra đời. Nguyệt-san Giữ thờm Quê Mẹ, Liên-Hoa, Từ-Quang, Từ-Tướng, các tuần san Hải Triều-Âm, Thiện-Mỹ, Đuốc-Tuệ, Đại Từ-Bi, v.v... đều diễn tả tiếng nói Phật-Giáo thời-đại.

Trong lãnh-vực xã-hội, một trường Thanh-Niên Phụng-Sự Xã-Hội đã được thành-lập để đào tạo một thế-hệ trẻ có thể sống hòa bình vào nông-thôn và, với kiến-thức phát-triển cộng-đồng, có thể hướng-dẫn hay công-tác với các tầng lớp nông-dân nghèo hầu thực-hiện sự cải tiến xã-hội. Những thí-điểm làng tự-nguyện đã được lập từ năm 1964 trong chương-trình thanh-niên phụng-sự xã-hội. Các ký-nhi viện, cô-nhi-viện, bệnh-xá, phòng phát thuốc, và các chương trình cứu-trợ nạn nhân chiến cuộc hay thiên tai càng ngày càng gia tăng.

Ngoài ra, do sáng-kiến của Phật-Giáo Việt-Nam và một số quốc-gia khác, Hội Phật-Giáo Thế-Giới Phụng-Sự Xã-Hội đã ra đời. Hội quy-tụ Tăng, tín-dồ thuộc nhiều quốc-gia và lãnh-thổ khắp Á, Âu, Mỹ, và nhằm mục-dịch thực-hiện tinh-thần Từ-Bi của Đạo Phật để cứu giúp và cải tiến xã-hội, hoạch-định và thi-hành mọi công-tác có tính-cách từ-thiện, tăng-cường tình liên đới và nghĩa huynh-đệ giữa các Phật-tử trên thế-giới (132).

Các nhà lãnh-đạo tiến-bộ của Phật-Giáo Việt-Nam thao-thức muốn khai-thác tiềm-lực Đạo Phật để xây-dựng lại

(132) Xem bản Hiến-Chương của Hội Phật-Giáo Thế-Giới P.S.X.H.

quốc-gia và quyết tâm mang đạo Phật vào cuộc đời. Xuất phát từ lập-trường tôn-giáo, một số Tăng-sĩ đã đi quá sâu vào lãnh-vực chánh-trị và hầu như xóa nhòa biên-cương Giáo-Chánh.

Hiện nay tiếng nói của Phật-Giáo Việt-Nam đã vang lừng ở nhiều diễn đàn văn-hóa, chánh-trị trong nước cũng như ngoài nước. Thế-giới đã lắng nghe lập-trường của chư Tăng nước ta về các vấn-đề hòa-bình, tự-do và dân-chủ.

Như vậy trên quãng đường phục-hưng dài hơn 40 năm Phật-Giáo Việt-Nam đã được cải-tổ về mọi mặt và đang chứng tỏ có khả năng tiến-bộ trong thế-giới hiện-dại. Những thành-quả phục-hưng ấy đã có ảnh-hưởng gì về phương diện chánh-trị ?

ĐOẠN II - NHẬN XÉT VỀ ẢNH-HƯỞNG CHÁNH-TRỊ CỦA PHONG-TRÀO PHỤC-HƯNG PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Phong-trào phục-hưng Phật-Giáo tại nước ta đã gây được những ảnh-hưởng chánh-trị khác nhau tùy theo mỗi giai-đoạn :

A - TRONG THỜI-KỲ ĐẦU PHONG-TRÀO KHÔNG CÓ ẢNH-HƯỞNG CHÁNH-TRỊ ĐÁNG KỂ

Không ai có thể phủ-nhận được tầm quan-trọng đặc biệt về phương-diện tôn-giáo và sự liên-hệ của công cuộc phục-hưng Phật-Giáo nước ta với sự thức tỉnh của Á-Châu và cuộc giành Độc-Lập của dân ta. Tăng, tín-đồ Phật-Giáo đã nỗ-lực cải-tiến, phát-triển tổ-chức của mình để góp phần vào việc xác-nhận giá-trị và địa-vị của Việt-Nam trên trường quốc-tế. Hơn nữa chùa chiền đã từng được dùng làm nơi ẩn náu của các chiến-sĩ cách-mạng và một số Tăng-sĩ đã lao mình vào cuộc kháng Pháp.

Tuy nhiên vì công cuộc cứu quốc cần tới những biện-pháp bạo-động sắt máu trong khi đạo Phật chủ-trương bất bạo, và vì số Tăng-sĩ có ý-thức cách-mạng lại ít ỏi, nên Phật-Giáo đã không giữ được vai-trò chủ-động trong

công cuộc giải-phóng dân-tộc.

**B - PHONG-TRÀO ĐÃ BI CÁC LỰC-LƯỢNG CHÍNH-TRỊ - CÁ ĐẾ
QUỐC THỰC-DÂN LẦN CỘNG-SẢN - LÔI KÉO ĐỂ LỢI DỤNG**

Thật vậy, vì cuộc phục hưng phát-triển mạnh cùng với cuộc tranh-đấu giành Độc-Lập, nên người Pháp nhận-thức được ý-nghĩa chánh-trị của hoạt-động tôn-giáo, rồi tìm cách xâm nhập vào các tổ-chức mới của Phật-Giáo và chinh-phục cảm-tình của Phật-tử để vừa rảnh tay dập tắt mọi mầm chông đối Đế-Quốc vừa lái được phong-trào phục-hưng đi theo đường hướng mà Đế-Quốc mong muốn.

Còn về phía Cộng-Sản, họ đã khéo phối hợp các lực-lượng yêu nước bằng cách đặt ra nhiều đoàn-thể mang danh-nghĩa cứu quốc, trong đó có Phật-Giáo cứu quốc hoạt-động khá mạnh ở Bắc và Trung. Trong khi đó tại miền Nam cũng có phong-trào tôn-giáo cùng xu-hướng yêu nước nhưng hoạt-động trong những hoàn-cảnh khác : Cao-Đại và Hòa-Hảo. Sau những ngày hợp-tác với Việt-Minh để chống Pháp, hai giáo phái này đã không cùng lập-trường với họ và tích-cực chống lại chủ-nghĩa Cộng-Sản.

Hiện nay Mặt Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam cũng tích cực khai-thác tiềm-năng tôn-giáo để phục-vụ mục-tiêu chánh-trị. Nhưng Phật-Giáo đã tỏ ra có cảnh-giác hơn xưa bằng cách tuyên-bố đứng giữa để hòa giải các lực lượng đối nghịch. Người ta tự hỏi liệu Phật-Giáo có thoát khỏi sự lôi kéo của các lực-lượng chánh-trị không ?

**C - TRÊN DIỄN-TRÌNH PHỤC-HƯNG, PHONG-TRÀO PHẬT-GIÁO
CÀNG NGÀY CÀNG MANG NANG TÍNH CHẤT CHÍNH-TRỊ**

Để chứng tỏ mình có đủ năng-lực tự tạo một uy-thể chánh-trị riêng-biệt và được mọi lực-lượng khác vì nể, phong trào đã đề ra hẳn một đường lối riêng biệt không Tư-Bản không Cộng-Sản. Có lẽ thái-độ này bắt nguồn từ những thành-công chánh-trị năm 1963, vì sau ngày cáo chung của chế-độ Đệ-Nhứt Cộng-Hòa các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo đã bày tỏ ước vọng chánh-trị và niềm tin vào tiềm lực lớn lao

của Đạo Phật để xây-dựng quốc-gia và giải-phóng con người (133). Thượng-Tọa Nhất-Hạnh đã viết :

"Tại Đông-Nam-Á, trong sức mạnh tinh-thần quốc-gia, Đạo Phật là một yếu-tố trọng đại, và khai-thác được tiềm lực của nó để bảo-vệ và xây-dựng các quốc-gia Đông-Nam-Á là một việc không thể không để ý đến (134)."

Tác-giả cho rằng tại nước ta Đạo Phật có thể hoàn thành nhiệm-vụ cách-mạng xã-hội bằng tình thương và chí-nguyện (135).

Nhìn sự can-thiệp của Phật-Giáo vào chánh-trường trong những năm gần đây, ta thấy nếu trước năm 1963 ảnh-hưởng chánh-trị của phong-trào phục-hưng hãy còn yếu ớt, thì từ cuộc tranh-dấu năm 1963 trở đi ảnh-hưởng ấy đã có một tầm quan-trọng đặc-biệt đối với đời sống quốc-gia.

KẾT-LUẬN THIÊN I

Những giá-trị phục-hưng và cổ-truyền vừa phân-tách trên đây là giáo-sản tinh-thần đã tạo nên uy-tín lớn lao cho Phật-Giáo Việt-Nam. Tuy nhiên, giáo-sản quý báu ấy chỉ có thể xử-dụng một cách hữu hiệu nếu tôn-giáo có tổ-chức, chỉ-đạo, chương-trình và kế-hoạch hoạt-dộng quy-mô. Giới lãnh-đạo Phật-Giáo tuy đã sớm ý-thức được điều này, nhưng mãi đến năm 1964 Phật-Giáo nước ta mới thiết-lập được một tổ-chức hợp-nhứt mệnh danh là Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất. Cơ-cấu nội bộ của tổ-chức mới này là một thành-tố quan-trọng của thế-lực Phật-Giáo.



(133) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn III, tr. 9 và kế tiếp.

(134) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn II, tr. 125.

(135) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn III, trang 151 và kế tiếp.

Thiên 11

CƠ-CẤU NỘI BỘ CỦA GIÁO-HỘI PHẬT-GIAO VIỆT-NAM THÔNG-NHẤT

Vì có sứ-mạng cao cả, tổ-chức quy-mô, lãnh-đạo lỗi-lạc và quần-chúng đông đảo, nên Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thông-Nhất phải là một sức mạnh đáng kể trong đời sống quốc-gia. Đây là lần đầu tiên trên thế-giới có một tổ-chức kết-hợp được Nam Tông và Bắc Tông. Phật-tử Việt-Nam rất hãnh-diện vì đã thống-nhất được hai tông phái, một việc mà suốt 2507 năm chưa một cộng-đồng Phật-Giáo nào làm nổi.

Mặc dầu đã bị phân-hóa ít lâu sau ngày thành-lập, Giáo-Hội vẫn là một tổ-chức lớn nhất và thế-lực nhất của Phật-Giáo Việt-Nam. Phân-tách cơ-cấu nội bộ của Giáo-Hội, ta phải kể tới những điểm chính được ấn-định trong cả ba bản Hiến-Chương 1964, 1966 và 1967 :

1 - Sứ-mạng của Giáo-Hội : đó là chất keo sơn gắn bó các đoàn-viên với tập-thể, đồng thời còn là máy đo uy-tín của Giáo-Hội đối với bên ngoài.

2 - Tổ-chức và điều-hành của Giáo-Hội : hình-thức tổ-chức tôn-giáo thành Giáo-Hội được coi là phương-tiện thiết-yếu để thực-hiện sứ-mạng của tôn-giáo.

3 - Vấn-đề nhân-sự và tài-nguyên vật-chất : vấn-đề then chốt vẫn là con người, vì sứ-mạng có cao cả, tổ-chức có khoa-học nhưng nếu không có người thực-hiện với những tài-nguyên khả dụng, thì tất cả chỉ còn là không tưởng.

Ba điểm trên đây là đối-tượng khảo-cứu của ba Chương.

CHƯƠNG I

SỨ-MẠNG CỦA GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT

Sứ-mạng của đoàn-thể là một thành-tố thể-lực, vì nó bao hàm việc thực-hiện mục-tiêu chung mà việc ấn-định chính là lý-do thành-lập đoàn-thể để phân-biệt với các tập-thể khác (136). Hai Giáo-sư James W. Prothro và Marian D. Irish cũng nhìn nhận rằng học-thuyết hay các mục-tiêu chánh sách của một đoàn-thể áp-lực có ảnh-hưởng trực-tiếp tới sức mạnh của nó. Nếu các mục-tiêu ấy phù-hợp với những khuôn-khố giá-trị hiện-hữu của quốc-gia, đoàn-thể sẽ dễ-dàng xâm nhập vào những trung-tâm quyết-định, và những áp-lực ngược chiều của các đoàn-viên sẽ ở mức tối thiểu (137).

Việc tìm hiểu sứ-mạng đích thực của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất (G.H.P.G.V.N.T.N.) thật khá tế-nhị, vì ngoài sứ-mạng tôn-giáo được long-trọng công-bố trong các bản Hiến-Chương (138), một sứ-mạng chánh-trị đã biểu-lộ trong các hoạt-động của chư Tăng và lại có ảnh-hưởng rất quan-trọng tới đời sống quốc-gia. Giải-thích hai sứ-mạng này càng khó-khăn hơn khi sứ-mạng tôn-giáo chỉ được quy-định một cách rất đại-cương trong văn-kiến tổ-chức Giáo-Hội và, do đó, có thể được giải-thích một cách rất linh-động. Hơn nữa, có những hoạt-động mang nhãn-hiệu tôn-giáo nhưng thực chất lại có tánh-cách chánh-trị. Nỗi khó khăn càng gia-tăng khi hai phe đối-ngịch trong nội bộ Giáo-Hội đều muốn giữ độc quyền chính thống.

(136) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn I, tr. 108.

(137) Prothro, James W. and Irish, Marian D. : The politics of American Democracy, 3rd edit., Prentice Hall, 1963.

(138) Hiến-Chương G.H.P.G.V.N.T.N. đã được sửa-đổi hai lần và do các Sắc-Luật sau đây phê-chuẩn : S.L. 158-SL/CT ngày 14.5.1964; S.L. 05/66 ngày 26.2.1966 ; S.L. 23/67 ngày 18.7.1967.

Vì vậy, để bảo-đảm tính-cách vô tư của Luận án, sự phân-tách sứ-mạng tôn-giáo (Tiết I) và sứ-mạng chánh-trị (Tiết II) được căn-cứ vào các văn-kiện chính-thức, các lời tuyên-bố của những nhà lãnh-đạo Phật-Giáo và những sự-kiện thực-tế.

TIẾT I

SỨ-MẠNG TÔN-GIÁO

Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. có hai sứ-mạng là :

- Tranh-đấu cho tự-do tôn-giáo,
- Thực-hiện lý-tương của tôn-giáo.

Sứ-mạng đầu tiên được coi là có tính-cách cấp-bách vì phải được thực-hiện cấp thời mỗi khi có sự vi-phạm tự-do tôn-giáo. Sứ-mạng thứ hai có tính-cách trường-cửu vì liên-tục trong thời-gian và không bị giới-hạn trong không-gian.

ĐOẠN I - SỨ-MẠNG CẤP-BÁCH

Tất cả các cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo từ 1963 đến nay không nhiều thì ít đều mang danh nghĩa bảo-vệ tự-do tôn-giáo chống lại mọi kỳ-thị, áp-bức và triệt hạ. Dư-luận thắc-mắc tự hỏi sự thực có đúng như vậy không ? Nếu cuộc tranh-đấu năm 1963 chống chế-độ độc-tại được biện-minh bởi những ngược đãi với Phật-tử, thì thực ra trong những cuộc tranh-đấu từ năm 1964 trở đi người ta không thấy rõ những chứng-cứ cụ-thể về việc đàn-áp Phật-Giáo. Điều đó dễ hiểu vì các chánh quyền hậu cách-mạng 1963 tự bản-chất yếu kém nên phải dựa vào hậu-thuần tôn-giáo, nhất là Phật-Giáo. Do đó người ta phải tự hỏi chánh-quyền còn đủ mạnh hay lợi ích gì để đàn áp chính hậu-thuần cần-thiết của mình ? Vì không ai có thể phủ-nhận tính-cách chính-dáng của cuộc tranh-đấu năm 1963, nên trong Đoạn này ta chỉ phân tách sứ-mạng tranh-đấu ấy.

A - LẬP-TRƯỜNG TRANH-ĐẤU NĂM 1963

Đứng trên lập-trường thuần-túy tôn-giáo, năm 1963

Phật-Giáo-đồ đã yêu-cầu chánh quyền Đệ Nhất Cộng-Hòa thỏa-mãn năm nguyện-vọng chánh-đáng của họ :

1. Yêu-cầu chánh-phủ thu-hồi vĩnh-viễn công-diện triết-hạ giáo-kỳ (139). Về nguyện-vọng này, Phật-Giáo tuyên bố thừa-nhận và tôn-trọng quốc-kỳ, phản-đối sự hạn-chế của Bộ Nội-Vụ về việc treo cờ và lệnh của Phủ Tổng-Thống triết hạ cờ Phật-Giáo.

2. Phật-Giáo phải được hưởng một chế-độ đặc-biệt như các Hội Truyền-giáo Thiên-Chúa.

3. Yêu-cầu chánh-phủ chấm dứt tình-trạng bất bố, khủng-bố tín-đồ Phật-Giáo.

4. Tăng, ni, Phật-tử phải được tự-do truyền đạo và hành đạo.

5. Yêu-cầu chánh-phủ bồi-thường xứng-đáng cho gia đình các nạn-nhân trong vụ nổ tại đài phát-thanh Huế và trừng-phạt nghiêm-khắc những người có trách-nhiệm.

B - NHẬN-XÉT VỀ LẬP-TRƯỜNG TRANH-ĐẤU NAM 1963

Việc vận-động cho 5 nguyện-vọng của Phật-Giáo-đồ giúp ta có những nhận-xét sau đây về lập-trường tranh-đấu năm 1963 :

1. Phật-Giáo đã khôn-khéo đề-cao mục-tiêu thuần-túy tôn-giáo của cuộc tranh-đấu và phủ-nhận mọi liên-hệ chánh-trị, dùng đường lối bất bạo-động và tinh-thần khoan-dung làm phương-tiện tranh-đấu. Chiến-thuật này khiến chánh quyền không có lý-do chánh đáng để đàn-áp cuộc nổi dậy.

2. Mỗi hiểm nguy nhỡn tiền cho Đạo-Pháp đã là động-cơ thúc-đẩy mọi chi-phái Phật-Giáo lần đầu tiên trong lịch-sử biểu-lộ tình đoàn-kết chặt-chẽ và ý-chí thống nhất.

(139) Xem trang 55 và kế tiếp của Luận án này.

Tinh-thần mới này đã tạo được sức mạnh đấu-tranh và mở đường cho việc hợp-nhút Giáo-Hội.

3. Về phương-diện đối ngoại, Phật-Giáo năm 1963 đã chiếm được thiện cảm của hầu hết mọi tầng lớp xã-hội. Trước hết, vì Phật-tử tranh-đấu tiêu-biểu cho lớp người yếu kém bị coi thường, nên họ đã làm cho cả thế-giới phải xúc-động. Họ được coi như là phát-ngôn nhân của các lực-lượng chống-đối chế-độ đã bị đè nén từ lâu nhưng chưa có cơ-hội vùng lên.

Hơn nữa, Phật-tử tranh-đấu còn tuyên-bố không coi các tôn-giáo khác, kể cả Công-Giáo, là kẻ thù và họ chỉ biết tranh-đấu cho bình-đẳng tôn-giáo và công-bằng xã-hội (140). Thái-độ ấy giúp họ thêm bạn bớt thù và tăng-cường hậu-thuần.

4. Phật-giáo có thể được coi là thành-trì cuối cùng của nền văn-minh cổ-truyền chống lại mọi ảnh-hưởng ngoại lai. Với tư-cách ấy, Phật-tử trình-bày cho chánh-quyền và công-chúng biết công-trạng của Phật-Giáo đối với dân-tộc. Đồng thời họ cũng liên-kết lý-tưởng tranh-đấu cho tự-do, bình-đẳng với lý-tưởng chung của nhân-dân và quyền-lợi của quốc-gia (141).

5. Từ khởi điểm liên-kết Đạo-Pháp với Dân-tộc, cuộc tranh-đấu tôn-giáo chuyển dịch dần dần sang địa-hạt chánh-trị để liên-hiệp mọi thành-phần xã-hội không phân-biệt tín-ngưỡng hay chánh-kiến thành một mặt-trận duy-nhút đấu-tranh dưới cờ Phật-Giáo chống độc-tài.

Cuộc tranh-đấu 1963 đã đưa Phật-Giáo lên địa-vị cao vút trên chánh-trường và tạo cho Phật-Giáo một cơ-hội tốt để thực-hiện nền thống-nhất cùng những lý-tưởng mới phát-sinh trong thời phục-hưng Đạo-Pháp. Công-cuộc thực-hiện này chính là sứ-mạng trường-cửu của Phật-Giáo Việt-Nam.

(140) Tuệ-Giác : Sách đã dẫn, tr. 126 và kế tiếp.

(141) Tuệ-Giác : Sách đã dẫn, tr. 135 và kế tiếp.

ĐOẠN II - SỨ-MẠNG TRƯỜNG-CỬU

Mặc dầu hiện nay Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhứt đã bị phân-hóa thành hai phe Ấn-Quang và Quốc-Tự, nhưng cả hai bên vẫn phải nhìn nhận rằng hai sứ-mạng sau đây đã được quy-định trong cả ba bản Hiến-Chương là những sứ-mạng trường-cửu của cộng-đồng Phật-Giáo Việt-Nam :

- Thực-hiện một nền Phật-Giáo thống-nhứt.
- Phục-vụ Đạo-Pháp, Dân-Tộc và Nhân-loại bằng cách hoằng dương Chánh-pháp.

Ta sẽ trình-bày và nhận-xét về hai sứ-mạng này.

A - TRÌNH-BÀY HAI SỨ-MẠNG TRƯỜNG-CỬU CỦA GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHỨT

Nếu hiện nay Ấn-Quang và Quốc-Tự đều theo đuổi hai sứ-mạng vừa kể, thì hai bên đã không hoàn-toàn đồng ý với nhau về ý-nghĩa của hai sứ-mạng ấy. Căn-cứ vào Hiến-Chương 1966 của Ấn-Quang và Hiến-Chương 1967 của Quốc-Tự, ta thử xét những điểm tương đồng và dị biệt của hai bên.

1. Sứ-mạng thực-hiện một nền Phật-Giáo thống-nhứt

a) Những điểm tương-đồng giữa hai phe. Cả hai bản Hiến-Chương của hai phe đều xác-nhận rằng việc thống-nhứt Phật-Giáo là nguyện-vọng thực-sự đã hoàn-bảo từ lâu và đều coi đó là sứ-mạng trọng-đại.

Cả hai phe đều muốn thực-hiện nền thống-nhứt theo chủ-trương "điều-hợp". Nhưng tới đây thì hai phe đã không đồng ý với nhau về ý-nghĩa của chữ "điều-hợp". Mỗi bên đã theo đuổi hai quan-niệm khác nhau về vấn-đề thống-nhứt Phật-Giáo.

b) Những điểm dị-biệt về quan-niệm thống-nhứt

- Ấn-Quang chủ-trương hòa tan các giáo-phái, Hội-đoàn vào trong một Giáo-Hội thống-nhứt. Như vậy một khi đã gia-nhập Giáo-Hội, các tập-thể biệt-lập sẽ mất hẳn tánh-

cách tự-trị để chịu sự chỉ-huy duy-nhứt của một quyền-lực trung-ương. Đây là một quan-niệm thống-nhứt chặt-chẽ theo hình-thức tập quyền triệt-để kiểu Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã.

- Trái lại, Quốc-Tự chủ-trương tôn-trọng và duy trì quyền tự-trị rộng-rãi của các Giáo-phái, Hội-đoàn gia-nhập nên thống-nhứt. Đây là một quan-niệm điều-hợp trên-cần bản phân quyền tự-trị.

2. Sứ-mạng phục-vụ Đạo-Pháp, Dân-tộc, và nhân-loại bằng cách hoằng dương Chánh-Pháp.

a) Điểm tương-đồng duy-nhứt là hai phe cùng tuyên-xưng mục-đích phục-vụ dân-tộc và nhân-loại bằng cách hoằng dương Chánh-Pháp.

b) Những điểm dị biệt :

1/ Trước hết, Hiến-Chương Ấn-Quang chỉ đề-cập đến việc phục-vụ dân-tộc và nhân-loại mà thôi. Hiến-Chương Quốc-Tự xác-định không những phục-vụ dân-tộc và nhân-loại, mà còn phục-vụ Phật-Pháp.

2/ Hiến-Chương Ấn-Quang chỉ nói tổng-quát việc phục-vụ nêu trên bằng cách hoằng dương Chánh-Pháp. Hiến-Chương Quốc-Tự quy-định ngoài cách hoằng dương Chánh-Pháp còn cách thực-hiện công-tác văn-hóa, giáo-dục và từ-thiện xã-hội.

3/ Mỗi bên đều công-bố một khía cạnh khác nhau của giáo-lý Đức Phật. Hiến-Chương Ấn-Quang nêu lý-tưởng hòa-bình. Còn Hiến-Chương Quốc-Tự đề-cao mục-đích "giác-ngộ, giải-thoát".

4/ Hiến-Chương Ấn-Quang minh-thị xác-nhận "G.H.P.G.V.N.T.N. không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên-vị cá-biệt mà đặt sự tồn-tại đó trong sự tồn-tại của nhân-loại và dân-tộc".

Hiến-Chương Quốc-Tự hoàn-toàn im lặng về điểm này.

Ta nhận xét một cách khách quan ra sao về những dị đồng quan-điểm của hai phe liên-hệ ?

**B - NHẬN XÉT VỀ HAI SỰ MẠNG TRƯỜNG CỨU
CỦA G.H.P.G.V.N.T.N.**

1. Nhận-xét về sự-mạng thống-nhứt Phật-Giáo.

Sự mạng này có hai phương-diện : Thống-nhứt các Hội-Đoàn và thống-nhứt hai Giáo-Phái vốn có những truyền-thống dị biệt là Nam tông và Bắc tông.

a) Thống-nhứt các Hội-Đoàn Phật-Giáo - Về phương-diện này, người ta chỉ chú-trọng tới các Hội-Đoàn với tư-cách là các đoàn-thể biệt-lập và không để ý đến Tông phái của mỗi tập thể. Nếu các Phật-tử có thể đồng ý với nhau rằng sức mạnh của đoàn-thể tùy thuộc vào sự đoàn kết và thống-nhứt nội bộ, thì họ lại không đồng ý với nhau về ý-nghĩa của danh-từ "thống-nhứt". Do đó ta cần tìm hiểu ý nghĩa đích-thực của danh-từ này theo hai bản Hiến-chương 1964, 1966, và nguyên-nhân bất đồng về quan-niệm thống-nhứt.

1/ Đi tìm ý-nghĩa đích-thực của danh-từ "thống-nhứt" theo hai bản Hiến-Chương 1964, 1966. Phe Ấn-Quang quan-niệm rằng thống-nhứt có nghĩa là hội-nhập. Nhưng phe Quốc-Tự, Hội Phật-Học Nam-Việt, và Tông Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam lại cho rằng thống-nhứt có nghĩa là phối trí và liên-minh.

Cách giải-thích nào phù-hợp với hai bản Hiến-Chương vừa kể ?

Thiết-tưởng nếu phân-tích cả văn-từ lẫn tinh-thần của hai bản Hiến-Chương, ta thấy lối giải-thích thứ hai đúng hơn lối giải-thích thứ nhất. Thật vậy, ngay Tuyên ngôn mở đầu của cả hai bản Hiến-Chương đều minh-định : "Quan-niệm thống-nhứt Phật-Giáo được thể-hiện theo chủ-trương Điều-Hợp", và chủ-trương ấy đã được cả hai văn-kiện vừa kể giải-thích là "kết-hợp" và "tôn trọng tập-quần của các Tông phái" :

"Giáo-ly, giới luật và nếp sống của các Tông phái cũng như của hai giới Tăng-sĩ và Cư-sĩ chẳng những được tôn-trọng mà còn phải nỗ-lực phát-triển trong sự kết-hợp."

Vị Hội-Trưởng Hội Phật-Học Nam-Việt còn giải-thích rằng điều-hợp nghĩa là "hợp các đoàn-thể lại để điều hòa (coordonner) ý-chí và hành-dộng, dùng để rời rạc như xưa nữa (142)."

Thiết-tưởng nếp sống của các Tông phái mà cả hai bản Hiến-Chương đều muốn tôn-trọng có một khía cạnh nổi bật nhất là tính cách tự-trị của mỗi tập-thể. Đặc-tính này là một tập-quán lâu đời của Phật-Giáo và không thích-hợp với quan-niệm thống-nhất chặt-chẽ. Hơn nữa, nếu phe Ấn-Quang biện-luận cho chủ-trương tập quyền của mình bằng cách dẫn-chứng điều khoản quy-dịnh "thành phần G.H.P.G.V. N.T.N. gồm hết thầy các Tăng-sĩ và Cư-sĩ thuộc Bắc tông và Nam tông chấp thuận bản Hiến-Chương này", thì lối lập luận ấy cũng không hợp lý ở chỗ những người ký vào Hiến-Chương hành-dộng với tư-cách đại-diện cho từng tập-đoàn liên-hệ, chứ không phải với tư-cách cá-nhân.

Ngoài ra, nếu Ấn-Quang cho rằng "sau khi có Hiến Chương đầu tiên thì II tập-đoàn Phật-Giáo tạo nên G.H.P.G.V.N.T.N. bị xóa bỏ (143)", thì sự giải-thích ấy hoàn-toàn trái ngược ý-chí của đa số tập-đoàn vừa kể vì nhiều đoàn-thể đã minh-thị biểu-lộ ý-chí duy-trì tư-cách pháp-nhân riêng biệt của mình trong khi gia-nhập nền thống-nhất. Bằng chứng rõ rệt là ngay khi thảo-luận về việc thành-lập Giáo-Hội, Hội Phật-Học Nam-Việt đã phản-đối quan-niệm tập quyền (144). Rồi sau ngày thành-lập Giáo-Hội, ba tập-đoàn

(142) Ngu-Ý, Nguyễn : Hai giờ nói chuyện với Ông Mai-Thọ-Truyền : Phật-Giáo Việt-Nam và Phật-Giáo thế-giới, Tạp-chí Bách-Khoa, số 177, ngày 5.11.1964, trang 82 và kế-tiếp.

(143) Ý-kiến của Thượng-Toạ Thiện-Minh trình-bày trong buổi nói chuyện về Hiến-Chương Phật-Giáo ngày 5.11.1967 tại Trung-Tâm Quảng-Đức, Saigon.

(144) "Đạo-Phật bao-hàm một tinh-thần khoan-dung và tự-do. Mà nói đến Tự-do thì không thể có tổ-chức chặt-chẽ được." Xem tạp-chí Từ-Quang, số 138-149, tr. 44, Hội Phật-Học Nam-Việt, Saigon.

trong đó có Hội Phật-Học Nam-Việt đã rút khỏi Giáo-Hội vì sợ rằng tánh-cách tự-trị của họ sẽ bị xâm-phạm. Sau hết, 5 trong 8 tập-đoàn còn lại đã sửa đổi Hiến-Chương 1966 theo chủ-trương phân quyền tự-trị, mặc dầu tư-cách đại-diện của những người ký vào bản Hiến-Chương mới (1967) đã bị các tập đoàn còn lại dị-nghị khá gắt gao.

Trong cuộc phỏng-vấn dành cho chúng tôi ngày 7-1-1971 Thượng-tọa Tâm-Châu cho biết chủ-trương phân-quyền tự-trị mới phù-hợp với truyền-thống Phật-Giáo và khả dĩ kết hợp được mọi tập-đoàn, giáo-phái vào trong một tổ-chức duy-nhất. Theo ngài, chưa có một nơi nào trên thế-giới thiết lập được một Giáo-hội tập quyền chặt-chẽ. Tổng Giáo-hội Phật-Giáo Nhứt-Bản gồm 12 tông phái cũng được tổ chức tương tự như Hiến-Chương 1967 của Phật-Giáo Việt-Nam. Phật-Giáo Tích-Lan hiện có 6 tông phái với 6 vị Tăng Thống riêng biệt. Ngay tại những nơi mà đạo Phật được tôn làm quốc-giáo, Giáo-hội cũng không được tổ-chức chặt-chẽ : Phật-Giáo Ai-Lao có 3 phái, Phật-Giáo Thái-Lan và Kampuchea đều có 2 phái.

Chống đối chủ-trương phân quyền tự-trị, phe Ấn-Quang nhất-quyết trung-thành với chủ-trương thống-nhất chặt-chẽ và tập quyền, và duy-trì Hiến-Chương 1966 vì, theo Đại-Đức Giác-Đức, Hiến-Chương 1967 có 4 khuyết điểm căn-bản có thể đưa tới sự tan rã nền thống-nhất Phật-Giáo và sự bất lực của Giáo-Hội :

- Nó đưa các Hội Đoàn Phật-Giáo trở lại quy-chế Hiệp Hội của Dự số 10 trong khi Phật-Giáo đã phải tranh-đấu để thoát khỏi Dự này.

- Nó không có tôn-giáo-tính và, do đó, có hại cho Phật-Giáo vì nó phủ-nhận quyền của 60 vị Trưởng Lão trong Viện Tăng-Thống.

- Nó hoàn toàn đặt trên sự tổ-hợp lỏng lẻo của các Hội-Đoàn và, do đó, G.H.P.G.V.N.T.N. có thể tan rã nhanh chóng.

- Vẫn theo Đại-Đức Giác-Đức, theo Hiến-Chương 1967 Giáo-Hội sẽ bất lực và không thực-hiện được một công-trình gì hết vì không đủ quyền-lực đối với các tập-thể đoàn-viên và phải thường xuyên đi tìm thỏa-hiệp.

Sau khi phân-tách hai quan-niệm đối nghịch để tìm ý-nghĩa đích thực của danh-từ "thống nhất", ta thấy mỗi bất đồng giữa hai quan-niệm ấy đã là một trong những nguyên-nhân phân-hóa nội-bộ Phật-Giáo.

2/ Nguyên-nhân bất đồng về quan-niệm thống-nhất - Ta có thể tìm thấy 4 nguyên nhân bất đồng về việc thống-nhất Phật-Giáo. Đó là những nguyên-nhân pháp-lý, xã-hội, tâm-lý và chánh-trị.

- Nguyên-nhân pháp-lý - Như ta sẽ biết khi xét tổ-chức và điều hành Giáo-Hội, sự quy-định quá tổng-quát, mơ hồ và hầu như mâu-thuẫn của cả hai bản Hiến-Chương đã là một trong những nguyên nhân phát-sinh hai quan-niệm trái ngược.

- Nguyên-nhân xã-hội - Tính-cách tự-trị của chùa chiền, nhất là các chùa chiền tại miền Nam, đi đôi với truyền thống xã thôn tự-trị đã là những đặc tính có-truyền của Phật-Giáo và Dân-Tộc. Tinh thần tự-do của Đạo Phật lại càng làm cho tập-quán tự-trị ấy thêm bền vững. Thật vậy, từ ngàn xưa mỗi ngôi chùa là một cộng đồng biệt-lập không lệ-thuộc vào giáo quyền siêu-việt nào. Phật-Giáo nước ta chưa hề biết tới một Giáo-Hội kiểu Công-Giáo La-Mã.

- Nguyên-nhân tâm-lý - Bất cứ một cải-cách nào có tính cách đột ngột cũng thường gặp sức kháng-cự của các lực-lượng bảo-thủ. Lực-lượng này trong trường-hợp Phật-Giáo Việt-Nam lại là thành-phần có quyền quyết-định. Thật vậy, những người điều khiển các Giáo Phái, Hội đoàn không muốn tài-sản của mình do công lao gây dựng bao đời nay bỗng dưng bị dâng hiến cho một quyền-hành trung-ương mới mẻ mà lần đầu tiên mình phải cúi đầu tuân phục.

Không muốn lệ thuộc hoàn-toàn Giáo-Hội vì e rằng tổ-chức mới này sẽ bị lũng đoạn bởi thiểu số cấp tiến

và có tham-vọng chánh-trị, các nhà lãnh-đạo bảo-thủ dĩ-nhiên phải chủ-trương giải-pháp phân quyền tự-trị.

- Nguyên-nhân chánh-trị - Trong khi đa số các tập đoàn chưa chịu từ bỏ tập-quần tự-trị lâu đời, thì một thiểu số Tăng-sĩ có ý-thức chánh-trị, khả-năng lãnh-đạo và hoài-bảo cách-mạng muốn thực hiện một cuộc phục-hưng Phật-Giáo vĩ-dại bằng cách cấp tốc thiết-lập một Giáo-Hội tập quyền có đủ thế-lực tác động mạnh mẽ vào đời sống quốc gia theo chủ-dịch của họ.

Dư luận đã bàn tán rất nhiều về thời-gian kỷ-lục mà Phật-Giáo Việt-Nam dùng để tạo dựng được nền thống-nhất sơ khởi so với lịch-sử trên 2500 năm của Phật-Giáo mà chưa ai làm nổi. Các nhà quan-sát chánh-trị cho rằng động-lực chánh-trị đã thúc đẩy Tăng-sĩ thực-hiện quá mau nên thông nhất Phật-Giáo. So với tiến-trình quá lâu dài của việc hợp nhất bên Thiên-Chúa-Giáo, có người cho rằng việc làm của Phật-Giáo Việt-Nam bị thúc bách bởi nhu-cầu "đoàn-kết để bảo vệ" (145). Vì vậy G.H.P.G.V.N.T.N. đã từng bị ví là "người không lò chân đất sét" (146).

Do đó, yếu tố chánh-trị phải là một nguyên-nhân quan-trọng của sự bất đồng về quan-niệm thống-nhất. Trước hết là sự bất đồng quan-điểm về chiến-thuật chánh-trị giữa hai lãnh-tự nòng cốt là Thượng-Tọa Tâm-Châu và Thượng-Tọa Trí-Quang mà ta sẽ phân-tách khi đề cập tới nhân-sự của Giáo-Hội.

Thứ đến là sự bất đồng quan-điểm giữa Tăng-sĩ chánh-trị và giới Cư-sĩ phi chánh-trị do ông Mai-Thọ-Truyền đại diện.

Sau hết là những âm-mưu chánh-trị của các lực-lượng ngoài Phật-Giáo. Giới Tăng-sĩ chánh-trị tin rằng có một âm mưu rộng lớn nhằm triệt hạ Phật-Giáo vì sức mạnh

(145) Trung, Nguyễn-văn : Nhận-định IV, tr. 190, Nam-Sơn, Sài-gòn, 1966

(146) Nhật-báo Sống, 12.10.1967.

do việc thống-nhứt Phật-Giáo tạo ra sẽ là mối đe dọa cho quyền-lợi của nhiều phe phái quốc-nội và quốc-tế.

Vì sự tạo lập nên thống-nhứt Phật-Giáo bị thúc đẩy một phần lớn bởi nhu cầu chánh-trị, nên người ta cho rằng mỗi chữ, mỗi câu trong bản Hiến-Chương đầu tiên đều tiêu-biểu cho mỗi ý-kiến, mỗi chủ-trương trái nghịch. Trước nhu-cầu cấp bách tạo sức mạnh để tự-vệ, các lãnh tụ Phật-Giáo tuy bất đồng ý-kiến cũng đã cố gắng đi tới thỏa hiệp để khai-sanh cho bằng được tổ-chức Phật-Giáo thống-nhứt đầu tiên. Trong hoàn cảnh ấy, nhiều điều-khoản của Hiến-Chương đầu tiên có lẽ đã được cố ý soạn-thảo một cách mơ hồ hay mâu thuẫn ; chẳng hạn như : sau khi đã tuyên-bố "dưới viện Tăng Thống là Viện Hóa Đạo", bản Hiến-Chương 1964 lại để Viện Hóa Đạo điều-khiển hết thảy các ngành hoạt-động của G.H.P.G.V.N.T.N. Điều mơ hồ nữa là danh từ "thống-nhứt" đã được ghép với danh từ "điều hợp" một cách miễn cưỡng.

Vì Phật-Giáo bị chia rẽ bởi yếu-tố chánh-trị, nên Cư-sĩ Mai-Thọ-Truyền cho rằng việc thống-nhứt Phật-Giáo rất dễ và cũng rất khó. Dễ nếu vấn-đề được đặt trên căn-bản hoàn-toàn tôn-giáo ; nghĩa là theo một tinh-thần vị Đạo Pháp. Khó khăn nếu việc thống-nhứt bị ảnh-hưởng chánh-trị chi-phối (147).

Không những thống-nhứt các Hội-Đoàn, Phật-Giáo còn thống-nhứt Nam Tông và Bắc Tông.

b) Thống-nhứt Nam Tông và Bắc Tông. Thực ra dù giữa Nam Tông và Bắc Tông hay giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa trong suốt lịch-sử Phật-Giáo chưa hề có sự chống đối mãnh-liệt và chia rẽ sâu xa, hai bên vẫn có những khác biệt về kinh điển, bộ phái và lễ lối nhận-thức (148).

(147) Chính-Luận, 28.12.1968.

(148) Thanh-Tuyền, Thích : Nam Tông và Bắc Tông, tạp-chí Bách-Khoa số 177, ngày 15.5.1964, tr. 19 và kế tiếp.
Cũng xem : Căn, Nguyễn-duy : Phật-Học Tinh-Hoa, tr. 85 và kế tiếp, Khai-Trí, 1965.

Tuy-nhiên, về phương-diện chánh-trị, Tăng-sĩ Tiểu Thừa tại các nước như Tích-Lan, Miến-Điện lại gặp gỡ Tăng-sĩ Đại-Thừa tại Việt-Nam ở nhiều điểm. Giới thanh-niên Tăng ở cả ba nơi đều có nhiều phần-tử cấp-tiến, thích hoạt-động chánh-trị, và đã từng gây nhiều biến cố quan-trọng trong đời sống quốc-gia.

Tại Việt-Nam Phật-Giáo Nam Tông chiếm thiểu số và phát-triển rất chậm chạp mặc dầu đã được du nhập từ những thế-kỷ đầu tiên của Tây-Lịch. Mãi về sau này Nam Tông mới tạo được cơ-sở tại miền Nam Việt-Nam, nhất là ở vùng có đồng-bào Việt gốc Miên. Sự giao-dịch văn-hóa và kinh-tế giữa Cao-Miến và Việt-Nam khiến Nam Tông bành trướng mạnh mẽ tại miền Tây Nam phần. Trái lại, tại Trung phần hầu hết Phật-tử đều thuộc Bắc Tông và được tổ-chức khá quy củ.

Nói chung, Tăng-sĩ và Cư-sĩ Đại-Thừa cấp tiến hơn Tiểu-Thừa. Về mặt chánh-trị, tại nước ta Đại-Thừa thường hiếu động hơn Tiểu-Thừa và giữ vai trò lãnh-đạo trong các cuộc tranh-đấu.

Tuy nhiên, về mặt tôn-giáo, Tiểu-Thừa thường cho là mình trung-thành với giáo-lý nguyên thủy của đức Phật, trong khi Đại Thừa đã giải-thích kinh điển một cách khá phóng khoáng. Hơn nữa, sinh-hoạt của Tăng-sĩ Đại Thừa cũng tự-do hơn Tiểu Thừa đến nỗi nhiều Tăng-sĩ Nhật-Bản đã được quyền lập gia-đình. Tính cách tự-do ấy có hậu quả phát-sinh ra nhiều hệ phái biệt lập.

Nếu trên thế-giới trở ngại lớn cho việc thống-nhất Phật-Giáo là sự đối nghịch cổ truyền giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa, thì tại Việt-Nam vào năm 1963 hai tông phái ấy đã kết hợp được với nhau trong một Giáo-Hội thống-nhất. Ngay cả trong tình trạng phân hóa hiện nay, trong mỗi phe đối nghịch đều có sự hợp-tác của Nam Tông và Bắc Tông. Có lẽ sự kết hợp này đã đạt được kết quả khá quan hơn sự kết hợp của chính các tập đoàn Bắc Tông với nhau và, do đó, đã làm cho Tăng nước ta rất hãnh-diện. Bằng cố là Thượng-Tọa Nhất-Hạnh đã viết :

"Phật-Giáo Nam Tông ở Việt-Nam, tuy thiếu số, đã làm được một việc mà thế-giới chưa nơi nào thực-hiện được. Đó là hợp tác với Phật-Giáo Bắc Tông trong một Giáo-Hội Nam-Bắc Tông thống-nhất. Sự-kiện lịch-sử này đánh dấu một kỷ-nguyên mới của đạo Phật Việt-Nam. Kinh nghiệm về sự thống-nhất ở Việt-Nam có thể là con đường đưa tới viễn-tượng một Giáo-Hội Thế-Giới Thống-Nhất trong tương-lai (149)."

Như vậy Phật-Giáo Việt-Nam đã thành-công phần nào trong sứ-mạng thống-nhất hai Tông phái chính. Do đó một phần dư-luận đã nghi ngờ rằng sự chia rẽ không phát xuất từ dị biệt Tông phái, mà từ dị biệt địa-phương và lập-trường chánh-trị.

Ngoài sứ-mạng thống-nhất, Phật-Giáo Việt-Nam còn có sứ-mạng trường-cứu thứ hai là : phục vụ đạo Pháp, Dân-tộc và Nhân-loại.

2. Nhận-xét về sứ-mạng phục-vụ Đạo Pháp, Dân-tộc và nhân loại.

Quan-niệm khác biệt về sứ-mạng này của Ấn-Quang và Quốc-Tự đã làm nổi bật hai lập-trường đối nghịch nhau.

Nếu Hiến-Chương Quốc-Tự đặt việc phục-vụ Phật-Pháp lên trên hết các mục-tiêu khác trong khi Hiến-Chương Ấn-Quang im lặng, có lẽ Quốc-Tự muốn nhấn mạnh đến vai trò chủ yếu tôn-giáo của Giáo-Hội. Sự nhấn mạnh này còn được chứng minh bằng việc Quốc-Tự giới-hạn phương-sách phục-vụ vào việc hoàng dương chánh Pháp, thực-hiện các công-tác văn-hóa, xã-hội và từ-thiện, trong khi Ấn-Quang không đề-cập tới những điểm này.

Hai lập-trường đối nghịch còn thể-hiện trong việc mỗi phe chọn đề cao một khía cạnh khác nhau của

(149) Nhất Hạnh, Thích : sách đã dẫn II, trang 66.

Cũng xem : Thiện-Ân, Thích : sách đã dẫn, trang 69.

giáo-lý nhà Phật. Mục-dịch "giác-ngộ và giải-thoát" của Hiến-Chương Quốc-Tự làm nổi bật được giá-trị xuất-thế độc-đáo của Đạo Phật, vì sự giải thoát không coi giá-trị trần-gian là cứu cánh tối hậu ; và sự giác-ngộ nói lên niềm khao-khát đi tìm chân-lý bằng đường lối thực-nghiệm và tự-do ở ngay trần-gian này (150).

Trái lại, "lý-tưởng hòa-bình" được ghi trong Hiến-Chương Ấn-Quang có lẽ không tiêu-biểu được cho giáo-lý độc-đáo của Đức Phật vì các Tôn-giáo lớn khác cũng cố-võ cho hòa-bình và tình nhân-loại. Nhưng trong cơn khủng-hoảng hiện tại của Việt-Nam và thế-giới, lý-tưởng ấy đáp-ứng được nguyện-vọng của quần-chúng và được mọi lực-lượng chánh-trị và tôn-giáo khai-thác triệt-để vì những mục-tiêu khác nhau.

Sau hết, việc Hiến-Chương Ấn-Quang đặt sự tồn-tại của Giáo-Hội trong sự tồn-tại của nhân-loại và dân-tộc cũng có thể khiến người ta suy-đoán ý-định đặt một liên-hệ giữa Phật-Giáo và Dân-tộc. Bằng-chứng là tất cả các vị lãnh-đạo Ấn-Quang đều khẳng-định lý-tưởng "Đạo-Pháp và Dân-tộc".

Những khác biệt vừa kể giữa hai phe Phật-Giáo được thể-hiện rõ trong thực-tế, vì từ khi sự mâu-thuẫn được công-khai-hóa với bản Hiến-Chương 1967, Ấn-Quang vẫn tiếp-tục sứ-mạng đấu-tranh để bảo-vệ "Đạo-Pháp và Dân-tộc". Trong sứ-mạng này hai yếu-tố chánh-trị và tôn-giáo đã hòa-hợp khá chặt-chẽ. Nhưng nếu phân-tách kỹ, ta có thể tìm thấy một sứ-mạng chánh-trị trong sứ-mạng tôn-giáo.

TIẾT II

SỨ-MẠNG CHÁNH-TRỊ

Vì trong khi Quốc-Tự dần dần từ-giả chánh-trường, Ấn-Quang vẫn cố dán thân vào những vấn-đề chánh-trị, nên dư-luận đã đặt cho Ấn-Quang danh xưng "Phe Phật-Giáo tranh-

(150) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn I, tr. 1 và kế tiếp.

đầu". Phe này đã lồng hoạt-dộng chánh-trị vào trong khuôn khổ sinh-hoạt tôn-giáo bằng cách khai-triển và tổng hợp ý-niệm Đạo-Pháp với các ý-niên Dân-tộc và Hòa-bình. Do đó những ý-niệm này đã được chuyển vị một cách mặc nhiên rất tinh-vi từ bình-diện tôn-giáo sang bình-diện chánh-trị để trở thành sứ-mạng tôn-giáo chánh-trị "Bảo-vệ Đạo-Pháp và Dân-tộc", và "kiến-tạo hòa-bình". Sứ-mạng tôn-giáo được dung-hợp với sứ-mạng chánh-trị để biến tình-cảm tôn-giáo thành sức mạnh chánh-trị.

ĐOẠN I - BẢO-VỆ ĐẠO-PHÁP VÀ DÂN-TỘC

Về phương-diện chánh-trị, người ta có thể coi sứ-mạng "Bảo-vệ Đạo-Pháp và Dân-tộc" là mục-tiêu chiến-lược vì sứ-mạng này đã trở thành lập-trường chánh-trị căn-bản và nguyên động-lực thúc đẩy mọi hành-dộng đấu-tranh. Nếu phân-tích tất cả các khía cạnh lịch-sử, chánh-trị và triết-học của sứ-mạng vừa kể, ta sẽ thấy rằng nó nhằm vận-dộng ý-thức Dân-tộc để xây-dựng một Quốc-Gia Việt-Nam độc-lập và tự-cường trên căn-bản ý-thức-hệ Phật-Giáo.

A - VỀ PHƯƠNG-DIỆN LỊCH-SỬ

Phật-Giáo hiện-dại nỗ-lực đề cao ý-thức Dân-tộc trong mối liên-hệ giữa Đạo-Pháp và Dân-tộc. Từ năm 1963, hai ý-niệm này luôn luôn đi đôi với nhau như bóng với hình và trở thành khẩu-hiệu tung-niệm thường xuyên của phe tranh-đấu. Thực ra, trước đó, vào năm 1952, Tổng Hội Phật-Giáo Việt-Nam đã trình-bày mối liên-hệ ấy một cách rất rõ-rệt như sau :

"Trong tâm-hồn dân Việt-Nam thật đã có sẵn mầm-mống tinh-thần Phật-Giáo. Đạo Phật với dân-tộc Việt-Nam theo nhau như bóng với hình... Phật-Giáo Việt-Nam vĩnh-viễn phải là một yếu-tố bất ly trong cuộc sống toàn diện... (151).

(151) Tạp-chí Phật-Giáo Việt-Nam, số ra mắt ngày 15.8 Bình-Thân, bài xã-thuyết "Phật-Giáo Việt-Nam".

Như vậy, cuộc tranh-đấu 1963 chỉ long-trọng xác-nhận một sự-kiện lịch-sử. Sau đó, để nêu cao ý-thức Dân-tộc của Phật-Giáo, giới Tăng-sĩ cho rằng ý-thức về một nền Phật-Giáo Dân-tộc "không phải bắt đầu trong những năm 40, mà từ những ngày xa xưa của phái Thiền Trúc-Lâm Yên-Tử. Ý-thức ấy được đúc kết do những chịu đựng đau khổ dưới thời Pháp thuộc và dưới chế-độ Ngô-đình-Diệm (152)".

Mối liên-hệ mật thiết giữa Phật-Giáo và Quốc-gia khiến chư Tăng cho rằng Đạo-Pháp là Dân-tộc và Dân-tộc là Đạo-Pháp. Thượng-Toạ Nhất-Hạnh đã viết :

"Cuộc lay-đổ chính-quyền Ngô-đình-Diệm 1963 đã động-viên không những được ý-thức bảo-vệ Phật-Giáo, mà cả ý-thức bảo-vệ Quốc-gia nữa. Nơi những người Phật-tử, hai ý-thức ấy hòa-hợp với nhau không tách rời ra được. Chính rất nhiều phần-tử không Phật-Giáo cũng đã tham-dự cuộc vận-động này, không phải vì để giúp đỡ Phật-Giáo, mà vì thấy cuộc vận-động của Phật-Giáo phù-hợp với nguyện-vọng dân-tộc (153)."

Từ chỗ khẳng-định rằng cuộc vận-động của Phật-Giáo phù-hợp với nguyện-vọng Dân-tộc, và Đạo-Pháp với Dân-tộc là một, người ta dễ dàng đi tới kết-luận rằng tranh-đấu cho Phật-Giáo là tranh-đấu cho Dân-tộc. Kết-đề này có mục-đích chuyển hoán cuộc tranh-đấu tôn-giáo thành cuộc tranh-đấu chánh-trị.

B - VỀ PHƯƠNG-DIỆN CHÁNH-TRỊ :

Việc vận-động ý-thức Dân-tộc lẫn với ý-thức Phật-Giáo được biểu-lộ trong kỹ-thuật nhắc đi nhắc lại chủ-đề "Đạo-Pháp và Dân-tộc" để hai ý-niệm đồng thời thấm nhuần tâm não Phật-tử, và khi đó tín-đồ khó có thể khách-quan phân-biệt riêng rẽ được hai ý-niệm nữa. Cơ-quan ngôn-luận

(152) Xem Phụ-trưng; bản Phụ-dính Tuyên-ngôn của Phật-Giáo Trung-Phần, ngày 25.5.1963 (Quốc-Tuê : sách đã dẫn, tr. 62). Cũng xem : Nhất-Hạnh, Thích : sách đã dẫn II, tr. 79.

(153) Nhất-Hạnh, Thích : sách đã dẫn II, tr. 79.

bán chính-thức của phong-trào Phật-Giáo tranh-đấu đã viết:

"Phật-tử đã yêu nước vì yêu Đạo hay yêu Đạo vì yêu nước. Vì vậy tinh-thần yêu nước của người Phật-tử đã bị đồng-hóa với tinh-thần yêu Đạo (hay ngược lại cũng thế) (154)"

Nhờ chủ-đề "Đạo-pháp và Dân-tộc" người ta mới có thể hiểu được tại sao từ năm 1963 Phật-Giáo vẫn tiếp-tục tranh đấu liên miên. Theo giới lãnh đạo phong trào, sở dĩ Phật-Giáo phải tranh đấu vì chánh sách của nhà cầm quyền sai lầm (155) : Sai lầm này là sai lầm đối với Dân-tộc vì Phật-Giáo với Dân-tộc là một. Các lãnh-tụ tranh-đấu của Phật-Giáo đã công khai tuyên bố hành-động vì quyền-lợi Dân-tộc và có hoài bão cách-mạng (156). Vì tin rằng Đạo-Pháp gắn liền với Dân-tộc và mất Đạo là mất nước, nên Phật-tử sẵn sàng "chấp nhận mọi khổ đau để góp phần cứu lấy Dân-tộc, cùng sống chết oai hùng như những bậc vĩ nhân" (157).

Sở dĩ ta dám nói rằng sứ-mạng "bảo-vệ Đạo-Pháp và Dân-Tộc" nhằm xây-dựng một Quốc-gia Việt-Nam Độc-lập và tự cường, vì cả lời nói lẫn hành-động của các nhà lãnh-đạo phong-trào đều chứng tỏ như vậy. Thượng-tọa Thiện-Minh trong cuộc tranh-đấu năm 1967 đã phân tích khá tỉ-mỉ điều mà Ngài cho là âm-mưu nô-lệ-hóa dân-tộc Việt-Nam. Rồi Ngài cho rằng người Mỹ và những người thân Mỹ đã dòn Phật-Giáo Việt-Nam vào chân tường khiến "Phật-Giáo Việt-Nam phải dặt mình vào thế tự-vệ thường-trực vừa để bảo vệ ý-thức và ước vọng cách-mạng, vừa để bảo toàn thực lực, một thực lực trẻ trung được khai sinh trong phong-trào chống chế-độ Ngô-đình Diệm" (158).

(154) Chánh Đạo, 21.5.1969, Mục Lập-trường "Bản sắc dân-tộc-tính tiềm tàng trong giáo-lý nhà Phật".

(155) Trí-Quang, Thích : Phật-Giáo đối với chính-phủ, Tâm Ảnh Lục, tập 4, tr. 73, trích dẫn bởi Tam-Điểm trong bài "Kết-luận của cuộc vận-động Phật-Giáo", Đất Nước, số 4, tr. 132.

(156) Chánh Đạo, 2.12.1967.

(157) Chánh Đạo, 30.11.1967.

(158) Chánh Đạo, 2.12.1967.

Ý-chí bảo-vệ Độc-Lập Quốc-Gia cũng được biểu-lộ khi các nhà lãnh-đạo phong-trào tranh-đấu cho rằng có âm mưu triệt hạ Phật-Giáo, "và làm như vậy kẻ âm mưu không đếm xỉa gì đến nền văn-minh xứ sở, vì Phật-Giáo tượng-trưng cho gia phong của Dân-tộc và, do đó, triệt hạ Phật-Giáo tức là tìm cách đập đổ gia phong để cho Dân-tộc ta mất tất cả (159)."

Chủ-trương gắn liền tôn giáo với Dân-tộc khiến lẫn ranh phân lập Giáo-Hội với nhà Nước bị xóa nhòa. Ta có thể tìm thấy hậu-quả này ngay trong những lời tuyên-bố của các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo. Trong thông-điệp đầu năm Mậu Thân, Đức Tăng Thống Thích Tịnh-Khiết đã tuyên bố :

"Người Phật-tử là người công-dân nước Việt, vì lòng yêu nước và yêu đạo, vì danh-dự và vì sự tồn vong của Giáo-Hội, vì cuộc sống ấm no của toàn dân, vì muốn duy-trì truyền-thống tín-ngưỡng của Dân-tộc, bảo-vệ sự tự-do đích thực của con người, trong sứ-mạng chặn đứng các âm mưu đen tối, những tham vọng độc tài, hòng thiết lập một Quốc-gia dân-chủ tiến-bộ, không thể chấp nhận được những sự phá sản của những phần-tử phản đạo, phản Dân-Tộc, những con người phản quyền-lợi tối thượng của đồng-bào (160)."

Từ chủ-trương kiên trì này, người ta thấy chủ-đề "Đạo Pháp và Dân-tộc" biến thành một chủ-thuyết chánh-trị được màu sắc tôn-giáo.

C - VỀ PHƯƠNG-DIỆN TRIẾT-HỌC :

Người ta có thể coi chủ-đề "Đạo Pháp và Dân-tộc" là sự tổng-hợp giữa Phật-Giáo và Quốc-Gia chủ-nghĩa thành một chủ-thuyết chánh-trị làm căn-bản cho mọi hoạt-động đấu tranh. Trên bình-diện chiến-lược chánh-trị đây là một triết thuyết khá tinh vi và sắc bén để đối chọi với triết thuyết của Hồ-Chí-Minh và Ngô-Đình-Diệm. Hai lãnh tụ

(159) Chánh Đạo, 20.8.1967.

(160) Thông-Điệp đầu năm Mậu-Thân của Đức Tăng-Thống Thích Tịnh-Khiết, Nhà xuất-ban Sen Vàng, Sài Gòn, 1968.

đổi nghịch này cũng dùng Quốc-Gia chủ-nghĩa để dung-hợp một đảng với Cộng-Sản chủ-nghĩa, và một đảng với Nhân-vị chủ-nghĩa, ngõ hầu động viên lòng yêu nước của nhân dân Việt-Nam vào sự-nghiệp giải-phóng dân-tộc và con người Việt-Nam.

Chúng kiến những thất-bại của cả Cộng-Sản lẫn Nhân-vị, các nhà lãnh-đạo phong-trào Phật-Giáo tranh-đấu tin-tưởng rằng sự tổng-hợp giữa Phật-Giáo với Quốc-Gia chủ-nghĩa phong-phú hơn, và thích-hợp với Dân-tộc hơn. Nhiều Tăng-sĩ và Phật-Tử thuần thành tin rằng Phật-Giáo đã bắt rễ sâu trong lòng Dân-tộc và không thể thua Nhân-vị và Cộng-Sản được, vì cả hai chủ-nghĩa sau này đều có tính-cách ngoại lai và không thích hợp với dân-tộc-tính Việt-Nam, trong khi đạo Phật đã gắn liền với vận-mệnh đất nước này gần 2000 năm nay.

Sở dĩ "Đạo-Pháp và Dân-tộc" có thể được coi là một chủ-thuyết của phong-trào Phật-Giáo tranh-đấu vì chính các nhà lãnh-đạo phong-trào từng chính-thức tuyên bố rằng đó là con đường đã được chọn lựa và quyết tâm theo đuổi. Con đường này "khác hẳn con đường do Cộng-Sản và Thực-Dân đã vạch sẵn - con đường mà Phật-Giáo biết rằng rất nguy hiểm cho tiền-đồ Đạo-Pháp và Dân-Tộc" (161).

Phân-tích kỹ, ta thấy chủ-thuyết "Đạo-Pháp và Dân-tộc" đã được xây-dựng trên những suy-tư triết-học và kinh-nghiệm lịch sử. Thật vậy, riêng Quốc-Gia chủ-nghĩa tự bản-chất vốn là một thứ tôn-giáo (162) ; rồi đến đạo Phật lại dĩ nhiên là một tôn-giáo cổ-truyền có liên-hệ với lịch sử Việt-Nam. Như vậy hai thứ tôn-giáo - một tôn giáo chánh trị và một Giáo-hội - kết-hợp lại thì tình-cảm "Đạo-Pháp và Dân-tộc" phải bội phần mạnh mẽ để biến thành mãnh-lực vật thể. Mãnh-lực ấy lại được tăng cường khi mục-tiêu của

(161) Thông-Điệp đầu năm Mậu-Phân của Đức Tăng-Thống Thích Tịnh-Khiết. Cũng xem : Khanh, Phạm-thị : The 1963 Buddhist crisis, p.199-200, Luận án M.A. in Political Science, Đại-học Cantebury, 1970.

(162) Hayes, J.H. : Nationalism, a religion, p. 20-21, The Mac Millan Co. 1960. Cũng xem : Snyder, Louis L. : The meaning of Nationalism, p. 22-24, Rutgers University Press, 1954.

chủ-thuyết được phong-trào tranh-đấu coi là ước-vọng của nhân-dân mà chưa một chủ-thuyết chánh-trị nào thực-hiện được. Mục-tiêu cao quý ấy là : "Giải-phóng con người Việt-Nam và Dân-tộc Việt-Nam thoát khỏi mọi thế-lực vô minh" (163).

Các nhà lãnh-đạo phong-trào tranh-đấu rất tin-tưởng vào tính-cách khả hành và lẽ tất thắng của lý-tưởng "Đạo-Pháp và Dân-tộc". Bằng-cớ thứ nhất là nhật-báo Chánh-Đạo, cơ-quan ngôn-luận chánh-thức của Giáo-Hội Ấn-Quang, đã hoàn-toàn đồng ý với tờ Observer là những ý-thức-hệ được áp-dụng tại Việt-Nam trong thời-gian gần đây chỉ là bốn cũ sao lại của Tây-phương mà người Việt-Nam không ưa thích, nên phong-trào Quốc-gia mới có cơ-hội nổi dậy mạnh mẽ, và chỉ có chủ-nghĩa Phật-Giáo là đi sát với ý-thức hệ Dân-tộc của người Việt-Nam nhất. Lý-do, vẫn theo tờ Observer, chỉ vì những người lãnh-đạo Phật-Giáo đều xuất thân từ trong đám quần chúng Việt-Nam thuần-túy và sống liền với đại-chúng Việt-Nam, nhất là tại các miền que-hương của các phong-trào Cách-mạng, nên tư-tưởng của họ đã phản-ảnh trung-thực ý-thức-hệ của đại-chúng Việt-Nam. Vẫn theo tờ Observer, chỉ có chủ-nghĩa Phật-Giáo mới có thể cung-cấp cho quần-chúng một ý-thức-hệ Dân-tộc thay thế cho chủ-nghĩa Cộng-sản tại đây (164).

Bằng-cớ thứ hai là trong Đại Hội Phật-Giáo kỳ III toàn quốc của Ấn-Quang, Thượng Tọa Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo đã long-trọng xác-nhận niềm tin sắt đá vào lý-tưởng "Đạo-Pháp và Dân-tộc" như sau :

"Ai muốn hiểu động-cơ hành-dộng của Phật-Giáo, thì tôi xin dứt-khoát trả lời : Dân-tộc và Đạo-Pháp !...

"... Còn ngày mai chúng tôi sẽ đi về đâu ? Chúng tôi xin quả-quyết Dân-tộc và Đạo-Pháp vẫn là ánh-sáng dẫn-dắt chúng tôi và chúng tôi vẫn tiếp-tục đi vào chông gai

(163) Thông-Điệp đầu năm Kỷ-Dậu của Đức Tăng-Thống Thích Tịnh-Khiết.

(164) "Chủ-nghĩa Phật-Giáo trên diễn-đàn quốc-tế", Chánh-Đạo, tháng 8 năm 1968.

như đi vào nơi gió mát trăng thanh để đạt lý-tưởng của mình."

Bằng cố thứ ba là trong thông-diệp đầu năm Kỷ-Dậu Đức Tăng Thống Thích Tịnh-Khiết đã tuyên-bố :

"Chúng ta đã hy-sinh phục-vụ Đạo-Pháp, chúng ta sẽ nhất tâm cố gắng nhiều hơn nữa để phục-vụ Dân-tộc trong ánh sáng của Đạo-Pháp...

"... Tất cả những gì thực-hiện cho dân chúng Việt-Nam phải xuất phát từ nhu-cầu thực tại của con người Việt-Nam, không chấp nhận các chủ-thuyết lai căng, các chế độ phi nhân và các phương pháp giúp cho thế lực vật-chất lấn lướt những giá-trị tinh-thần của con người cũng như truyền-thống đích thực Việt-Nam (165)."

Khước từ cả Tư-Bản lẫn Cộng-Sản, các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo tranh-đấu đề cao lý-tưởng "Đạo-Pháp và Dân-tộc" như một đường lối thứ ba. Để thực-hiện đường lối ấy, Phật-Giáo cần đóng vai-trò một lực-lượng thứ ba với nhiệm vụ cấp bách là kiến tạo hòa-bình Dân-tộc.

ĐOẠN II - ĐÓNG VAI-TRÒ LỰC-LƯỢNG THỨ BA ĐỂ KIẾN TẠO HÒA-BÌNH DÂN-TỘC.

Có lẽ vì vận-động ý-thức Dân-tộc là một công-trình lâu dài có tính cách chiến-lược, nên mỗi giai-đoạn Phật-Giáo phải nhằm một số mục-tiêu chiến-thuật để đạt cứu cánh tối hậu. Quan sát hoạt-động của các phong-trào tranh đấu trong những năm gần đây, ta có thể khám phá ra mục-tiêu chiến-thuật của Phật-Giáo là đóng vai trò một lực-lượng thứ ba để cấp tốc kiến-tạo hòa-bình cho dân-tộc Việt Nam. Thật vậy, trong nhiều thông-diệp, Đức Tăng Thống đã long trọng công bố Phật-Giáo tự nhận lãnh sứ-mạng Hòa-Bình và kiên quyết hóa giải các tranh chấp giữa các lực-lượng chánh-trị đối nghịch.

(165) Báo Chánh-Đạo, số đặc-biệt Tân Niên Kỷ-Dậu.

A - SỨ-MẠNG HÒA-BÌNH

Ngay từ năm 1956 trong Đại-Hội Phật-Giáo Thế-Giới lần thứ tư tại Népal, Phái-doàn Phật-Giáo Việt-Nam đã lên tiếng kêu gọi hòa-bình cho nhân-loại (166).

Tuy-nhiên chỉ từ khi chiến cuộc Việt-Nam trở nên khốc liệt Phật-Giáo nước ta mới đặt vấn-đề tranh-thủ hòa-bình thành mục-tiêu quan-trọng. Trong thông-điệp đầu năm 1965 Thượng-Tọa Tâm-Châu đã kêu gọi hòa-bình. Tiếp theo, ngày 12-12-1965 Đức Tăng Thống Thích Tịnh-Khiết chính thức công-bố thông-điệp hòa-bình (167). Cùng năm này phong-trào "tranh-đấu bảo-vệ hòa-bình và hạnh-phúc dân-tộc" do Thượng Tọa Quảng-Liên chủ-trương đã bị giải tán vì nghi ngờ thân Cộng, và vị Tăng-sĩ này đã phải lưu vong sang Thái-Lan. Sau đó Viện Hóa-Đạo tuyên-bố vào ngày 11-3-1965 rằng phong trào không liên quan gì đến Giáo-Hội cả (168).

Đặc biệt từ năm 1966 Phật-Giáo đã liên-tục mở nhiều chiến-dịch vận-động hòa-bình cả ở trong lẫn ở ngoài nước. Các thông-điệp quan-trọng của chư Tăng lãnh-đạo Giáo Hội đều đề cập tới hòa-bình một cách cấp thiết. Trong thông điệp Phật-Đán 2513, Giáo-Hội long-trọng tuyên-bố nhận lãnh sứ-mạng hòa-bình cho Dân-tộc và kêu gọi "toàn thể Phật-tử nhất tâm thành ý gạt bỏ mọi hiểm-tị chia rẽ để trở thành sức mạnh gây tin tưởng trong đồng bào và hòa-thành sứ-mạng cao cả trên".

Chương-trình vận-động hòa-bình trong những năm 1970, 1971 lại càng có tính cách đại quy mô hơn bao giờ hết.

Xét về mặt chánh-trị, việc tranh-thủ hòa-bình của Ấn-Quang được coi là một chiến-thuật khôn ngoan, và giải pháp hòa-bình đưa ra gần đây đã có một tầm quan-trọng đáng kể.

(166) "Phật-Giáo với nền hòa-bình nhân-loại", Tạp-chí Phật-Giáo Việt-Nam, số 4, ngày 15.11 Bình-Thân.

(167) Nhất-Hạnh, Thích : Hoa Sen trong biển lửa, tr. 211 và kế tiếp.

(168) Thêm, Đoan : Việc từng ngày, năm 1965.

1. Việc vận-dộng hòa-bình được coi là một chiến-thuật chánh-trị - Dĩ nhiên việc một Giáo-Hội tự đứng ra nhận lãnh sứ-mạng vận-dộng hòa-bình cho Dân-tộc là một hành-vi cao cả và hợp với lý-tưởng tôn-giáo. Nhưng về phương diện chánh-trị người ta có thể coi cuộc vận-dộng như một chiến-thuật chánh-trị vì Ấn-Quang không đơn thuần phát-biểu lương-tâm tôn-giáo, mà đã đề ra và cổ võ cho một giải pháp chánh-trị. Chiến-thuật ấy có vẻ khôn ngoan vì hòa-bình vốn là khát-vọng mãnh-liệt của nhân loại và dân-tộc Việt-Nam. Do đó nếu thành tựu được sứ-mạng trên tức là Ấn-Quang đã thỏa-mãn được nguyện vọng nhân-dân. Khi ấy Giáo-Hội sẽ được quần-chúng mến-phục, tin cậy và hỗ-trợ trong những hoạt-dộng khác. Như vậy uy-tín của Giáo-Hội sẽ có cơ-hội lên cao.

Giải-pháp hòa-bình của Ấn-Quang được xây-dựng trên một quan-niệm coi cuộc chiến này chỉ là hậu quả của cuộc tranh-cấp giữa các chủ-nghĩa và quyền-lợi quốc-tế đối nghịch. Ấn-Quang lên án Hoa-Kỳ đã dùng bom đạn giết hại thường dân vô tội cả hai miền Nam Bắc và gây những hậu quả khốc hại cho toàn thể dân-tộc Việt-Nam. Theo Thượng Tọa Trí-Quang, người Mỹ không thực tế khi dựa vào sức mạnh quân sự để đối phó với chiến tranh du kích. Ký giả A. Roberts cho biết năm 1966 nhà lãnh đạo Phật-Giáo này đã tuyên bố :

"Hầu hết du-kích-quân theo Việt-Cộng không phải do thiện cảm đối với Cộng-San..., mà vì một tinh thần Quốc Gia mãnh-liệt nó từ khước trước hết Thực-dân Pháp rồi đến chế-độ độc-tài của cố Tổng-Thống Công-Giáo Ngô-Đình-Diệm và sau hết là những quân-nhân lấn lướt kẻ vị ông cùng người Mỹ (169)."

Ấn-Quang cho rằng sự hiện diện của quân-đội Mỹ gây tai hại về cả tinh-thần lẫn vật-chất cho xã-hội Việt-Nam và chẳng giúp gì người Việt giải-quyết những vấn-đề của mình. Vì vậy càng có đông người Mỹ tại đây, tình cảm

(169) Roberts, A. : The Buddhist, the War and the Vietcong, The World Today, May 1966, p. 219.

chống Mỹ càng lên cao. Ngay trước ngày mở cuộc hòa-dàm tại Ba-Lê, Ấn-Quang đã tiên đoán không bên nào có thể thắng bằng quân-sự được và giải-pháp duy-nhất là thương-thuyết. Nhưng, vẫn theo Ấn-Quang, trở lực lớn lao cho việc thương thuyết là Hoa-Kỳ đã leo thang chiến-tranh, duy-trì các căn cứ quân-sự trên lãnh-thổ Việt-Nam và ủng-hộ một chánh-quyền không đại-diện cho đa số nhân-dân và không có tinh-thần hòa-giải dân-tộc.

Dựa vào quan-niệm nêu trên, tại Đại-Hội Tôn-Giáo và Hòa-Bình Thế-Giới họp ở Kyoto từ 16 đến 22-10-1970 Ấn-Quang đã đưa ra đề-nghị sáu điểm để chấm dứt chiến-tranh tại Việt-Nam.

2. Phân-tích đề-nghị sáu điểm

a) Nội-dung đề-nghị sáu điểm gồm có :

* Các phe lâm chiến phải bắt đầu xuống thang chiến-tranh ngay lập tức để đạt đến một cuộc ngưng bắn toàn diện vào lúc 18 giờ chiều 30 Tết Tân-Hợi (tức 26 tháng Giêng 1971).

Cả hai phe lâm chiến phải công-bố quyết-định ngưng chiến đó trước ngày nói trên. (Tuồng nên ghi nhận rằng trong tuyên cáo tám điểm nhân ngày cầu nguyện Hòa-Bình 4-1-1971 Ấn-Quang còn kêu gọi kéo dài cuộc ngưng chiến trong dịp Tết Tân-Hợi).

* Liên-Hiệp-Quốc sẽ chỉ-định một nhóm các Quốc-Gia trung-lập để họp thành Ủy-Hội kiểm-soát ngưng bắn tại Việt-Nam gồm cả đại-diện Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa và của chánh quyền Cách-Mạng lâm-thời miền Nam Việt-Nam.

* Chánh-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa phải phóng-thích các tù nhân chánh-trị, sinh-viên, trí-thức, tu-sĩ và tất cả những người đã bị giam giữ vì tranh-đấu cho hòa-bình và chủ-quyền dân-tộc.

* Chánh-phủ Hoa-kỳ phải chấm dứt tình-trạng thối nát, độc tài và bất lực ở miền Nam Việt-Nam bằng cách

để cho người Việt tự-do chọn một chánh-quyền đại-diện đa số dân-chúng, có bản-chất hòa-giải dân-tộc, không liên-kết và có đầy đủ khả-năng để :

- Thương-thuyết với chánh-phủ Hoa-kỳ về thời-biểu triệt-thoái mau chóng toàn-thể quân-lực Hoa-kỳ ở Việt-Nam và về những liên-hệ ngoại-giao, văn-hóa, và kinh-tế giữa Hoa-kỳ và Việt-Nam.

- Thương-thuyết với chánh-phủ Cách-mạng Lâm-thời miền Nam Việt-Nam về những thể-thức tổ-chức tổng-tuyển-cử để bầu lên một chánh-phủ đại-diện cho mọi khuynh-hướng chánh-trị ở Nam Việt-Nam, một cuộc bầu cử hoàn-toàn tự-do dưới sự giám-sát quốc-tế, trong đó mọi người Việt-Nam thuộc bất-cứ khuynh-hướng chánh-trị nào đều có thể tham-dự.

* Các chánh-phủ Hoa-kỳ, Sô-Viết, Cộng-Hòa Nhân-Dân Trung-Hoa và các quốc-gia liên-hệ khác cộng-tác với nhau để chấm-dứt khổ-đau của người Việt bằng cách ủng-hộ đề-nghị này do chính người Việt đề ra.

* Các phe lâm chiến tại Việt-Nam, nhân-dân ưa chuộng hòa-bình trên thế-giới, các Giáo-Hội tôn-giáo và các nhà nhân-bản cấp thời hành-động để thúc đẩy các quốc-gia có trách-nhiệm về chiến-tranh Việt-Nam chấm dứt cuộc chiến-tranh tại Việt-Nam, Kampuchea và Lào.

b) Nhận-xét về đề-nghị sáu điểm

Phân-tách sáu điểm nêu trên, ta có thể đưa ra những nhận xét sau đây :

* Đề-nghị của Ấn-Quang là một giải-pháp chánh-trị đương-nhiên có hậu-quả loại trừ những nhà lãnh-đạo chánh-quyền hiện tại và hủy-bỏ Hiến-Pháp 1.4.1967 của Việt-Nam Cộng-Hòa.

Thật vậy, điểm (4) của đề-nghị bao-hàm hai ý-nghĩa khá rõ-rệt. Thứ nhất, điểm này có ý cho rằng chánh-quyền hiện tại của Việt-Nam Cộng-Hòa không hội đủ những đức-tính cần-thiết để đại-diện cho đa số nhân-dân.

Thứ hai, do đó, chánh-quyền ấy cần phải được thay thế. Việc thay thế này trái ngược với Hiến-Pháp 1.4.1967. Thật vậy, khác hẳn với sự quy-định của Hiến-Pháp, thể-thức thành-lập chánh-phủ do Ấn-Quang đề-nghị gồm hai giai-đoạn : (1) Nhân-dân tự-do chọn một chánh-quyền có nhiệm-vụ thương-thuyết với Mỹ về việc rút quân và với Việt-Cộng về việc tổng tuyển-cử : (2) Qua cuộc tổng tuyển-cử ấy một chánh-phủ đại-diện cho mọi khuynh-hướng chánh-trị tại Nam Việt-Nam được bầu lên.

Với thể-thức trên, trước hết phải có một chánh-phủ lâm-thời, và sau đó là một chánh-phủ do dân bầu trong đó có sự tham-dự của cả hai khuynh-hướng Quốc-Gia và Cộng-Sản. Việc thành-lập chánh-quyền như vậy sẽ xóa bỏ hẳn chế-độ Đệ Nhị Cộng-Hòa vì không tuân theo những thể-thức chuyển quyền hiến-định (170) và đưa tới sự chấp nhận khuynh-hướng Cộng-sản trong sinh-hoạt chánh-trị tại miền Nam, điều mà Hiến-pháp 1967 cấm đoán.

* Đề-nghị của Ấn-Quang như vậy có thể làm cho tình-hình thêm phức-tạp vì :

- Đối với các nhà lãnh-đạo hiện tại của Việt-Nam Cộng-Hòa đề-nghị ấy tỏ ra thiếu vô tư và công bằng vì nó nhằm lật đổ riêng họ để tạo chỗ đứng cho đối-phương của họ. Do đó, chắc chắn họ sẽ chống đối đến cùng việc loại-trừ họ. Họ có thể hỏi tại sao Ấn-Quang chỉ lên án chánh-quyền Việt-Nam Cộng-Hòa, mà lại không hề đả-động gì tới giới lãnh-đạo phe Cộng-Sản hai miền Nam Bắc, trong khi chính phe này từng bị khuynh-hướng chống Cộng cho là nguồn gốc chiến-tranh ? Tại sao trong khi đòi hỏi Việt-Nam Cộng-Hòa phóng thích các can-phạm chánh-trị, Ấn-Quang lại không đồng thời đòi cả phe Cộng-Sản phải trả tự-do cho những người Quốc-Gia đã bị họ bắt giữ ?

- Khối người chống Cộng tích-cực tại miền Nam chắc hẳn cũng không đồng ý thiết-lập một chánh-quyền không

(170) Xem Hiến-Pháp 1.4.1967.

liên-kết, vì theo họ đó là con đường dẫn tới Cộng-Sản. Họ có thể chống đối chánh-quyền hiện tại, nhưng họ vẫn chủ-trương phải bảo-vệ chế-độ Đệ Nhị Cộng-Hòa, vì họ phân-biệt rõ định-chế chánh-trị mà họ lựa chọn có tính-cách lâu dài với những nhân-vật cầm quyền có tính-cách giai-đoạn.

- Đối với phe Cộng-Sản, đề-nghị lật đổ chánh-quyền hiện tại cùng chế-độ Đệ Nhị Cộng-Hòa càng làm cho họ có thêm lý-do vững chắc để tin rằng họ có chính nghĩa và, do đó, họ sẽ chiến thắng tới hậu phe Quốc-Gia. Như vậy đề-nghị nêu trên sẽ là một khích-lệ đối với cuộc chiến-tranh khuyh đảo của Cộng-Sản.

Thực-tế cũng chứng-tỏ rằng cho tới giữa năm 1971 đề-nghị của Ấn-Quang chẳng gây được một ảnh-hưởng nào đối với cả hai phe lâm chiến. Hơn nữa, từ đầu năm 1971 chiến-tranh còn lan rộng sang tận Kampuchea và Lào với những cuộc hành quân vượt biên của quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa.

* Đề-nghị của Ấn-Quang có những điểm phù-hợp với lập-trường hoặc của Hoa-kỳ hoặc của phe Cộng-Sản.

- Khi nêu lên việc thương-thuyết với Hoa-kỳ về những liên-hệ ngoại-giao, văn-hóa, kinh-tế giữa nước này với một chánh-quyền do Ấn-Quang đề-nghị thành-lập tại Nam Việt-Nam, Ấn-Quang có thể cho thấy chủ-trương không muốn đoạn-giao với Hoa-kỳ.

Ngoài ra, cả Hoa-kỳ lẫn Ấn-Quang đều đã bày-tỏ ý-định kéo dài cuộc hưu chiến trong dịp Lễ Giáng-Sinh 1970 hoặc Tết Tân-Hợi.

Sau hết, qua đề-nghị Hòa-bình năm điểm ngày 7.10.1970 của Tổng-Thống Nixon và đề-nghị sáu điểm của Ấn-Quang, cả hai đều tỏ ý mong-muốn chấm dứt chiến-tranh và mọi việc ngoại nhập người và vũ-khí vào Nam Việt-Nam, đều chủ-trương giải-quyết toàn bộ chiến cuộc Việt, Miên, Lào.

- Khi đề-nghị thiết-lập một chánh-phủ lâm-thời để thương-thuyết với chánh-phủ lâm-thời Cộng-Hòa miền Nam, Ấn-Quang cho thấy không những sự bất tín-nhiệm những

người cầm quyền hiện tại của Việt-Nam Cộng-Hòa, mà còn cả chủ-trương xếp hai chánh-phủ cùng là lâm thời trên cùng một vị-trí bình-dẳng.

Hơn nữa, đề-nghị của Ấn-Quang còn phù-hợp với đòi hỏi của phe Cộng-Sản ít ra ở những điểm căn-bản sau đây :

- Loại trừ những nhà lãnh-đạo đương thời của Việt-Nam Cộng-Hòa.

- Lập một chánh-phủ không liên-kết, khác hẳn sự quy-định của Hiến-Pháp Đệ-Nhi Cộng-Hòa.

* Đề-nghị của Ấn-Quang đã gặp phải những phản ứng trái nghịch nhau.

- Phản ứng thuận lợi : Nói chung, những người đòi Hòa-Bình tức khắc, các nhóm phản chiến hay khuynh tả cả ở trong lẫn ở ngoài nước đều tỏ ra có thiện cảm với đề nghị của Ấn-Quang. Trong xu-hướng này đặc-biệt phải kể tới Đại-Hội Kyoto. Quyết-nghị 10 điểm về Việt-Nam của Hội-Nghị đã minh-thị kêu gọi "Hoa-Kỳ rút lui sự hỗ-trợ cho chánh-quyền Việt-Nam Cộng-Hòa mà bản-chất là quân-nhân để cho dân chúng Việt-Nam dễ dàng bầu lên một chánh quyền dân-sự thực sự đại-diện".

Như vậy Hội-nghị đã theo đề-nghị của Ấn-Quang để kêu gọi lật đổ chánh-quyền Việt-Nam Cộng-Hòa. Chính vì thế mà Hội-nghị đã bị coi là thiếu vô tư. Sự thiên lệch ấy phát xuất từ lập trường phản chiến, và giúp phái-đoàn Ấn-Quang nổi bật hẳn trong Hội-nghị. Thật ra sự thành công của phái đoàn Ấn-Quang có nhiều nguyên do :

- Trước hết, lập-trường của phái đoàn tương đồng với lập trường của Đại-Hội.

- Thứ hai, phái đoàn được coi là đại diện cho nạn nhân đau khổ của chiến cuộc tàn khốc và, do đó, dễ gây được sự thương xót của các Đại-biểu.

- Thứ ba, Hội-nghị Kyoto được khai diễn trong bầu không-khí phản chiến sôi sục tại Nhật : Ngày Đại-Hội cũng là "ngày phản chiến" được tổ-chức trên 785 thành thị Nhật với sự tham dự của hàng trăm ngàn sinh-viên và công-nhân nhằm mục-đích đòi chấm dứt chiến-tranh và đả phá hiệp ước an-ninh Mỹ-Nhật.

- Thứ tư, vì hầu hết các đại-biểu tham-dự Hội Nghị đều có hoặc khuynh-hướng phản-chiến hoặc Cộng-Sản (trong đó có 10 Đại-biểu Nga-Sô), nên họ tán đồng lập-trường chống chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa.

Sự nổi bật vừa kể làm gia tăng uy-tín của Ấn Quang vì hai lý-do. Trước hết, đây là lần đầu tiên Ấn Quang tham dự một hội-nghị Quốc-tế lớn quy tụ 210 đại-biểu của trên 10 tôn-giáo lớn thuộc 39 quốc-gia của ba khối Cộng-Sản, Tự-Do và Trung-Lập.

Hơn nữa, Đại-Hội đã chấp-nhận những nét chính yếu trong đề-nghị của Ấn Quang và chọn ngày Phật thành Đạo làm ngày cầu nguyện cho hòa-bình Việt-Nam và Đông-Dương theo lời yêu-cầu của Ấn Quang.

Tuy nhiên bên cạnh những phản-ứng thuận lợi trên đây người ta cũng thấy một số biến-cố hay phản bất lợi.

- Biến-cố hay phản-ứng bất-lợi : Trên bình-diện quốc-tế, có ba biến-cố đáng kể có hiệu-lực giảm thiểu tầm quan-trọng của đại-hội Kyoto cũng như cuộc vận-động hòa-bình của Ấn Quang.

Biến-cố thứ nhất là cuộc vận-động hòa-bình của Tổng-Thống Nixon xảy ra hai tuần lễ trước ngày Đại-Hội Kyoto khai mạc. Hồi đầu tháng 10 năm 1970 Tổng-Thống Hoa-Kỳ đã công du Âu-Châu để thảo-luận với các lãnh-tu thế-giới về việc mưu tìm hòa-bình. Rồi ngay khi trở về nước, ngày 7-10-1970, ông liền long-trọng công-bố kế-hoạch hòa-bình năm điểm và nhấn mạnh rằng nó đã được tất cả các quốc gia tán-thành trừ Bắc-Việt. Đến tháng 7 năm 1971 cả Hoa-thịnh-Đốn lẫn Bắc-Kinh đều công-bố chuyển công du của

Kissinger, phụ tá về an-ninh quốc-gia của Tổng-Thống Hoa-Kỳ, qua Trung-Cộng và cuộc thăm viếng Hoa-Lục của Tổng-Thống Nixon được dự định vào trước tháng 5/1972. Giới quan-sát chánh-trị cho rằng sự tiến tới việc bình-thường-hóa liên-lạc ngoại-giao giữa hai đại-cường quốc có thể làm cho triển-vọng hòa-bình tại Á-Châu thêm sáng sủa hơn. Giới này cũng cho rằng năm 1970 Tổng-Thống Nixon đã cố ý đi trước Hội-nghị Kyoto một bước về việc vận-động hòa-bình, tranh-đoạt trước các sáng-kiến về hòa-bình mà phe phản chiến hay đối-phương có thể đưa ra sau này.

Như vậy mọi nỗ-lực hòa-bình của Tổng-Thống Mỹ đã làm cho đề-nghị của Đại-Hội Kyoto càng về sau này càng ít được chú ý.

Biến-cố thứ hai là đại-hội Phật-Giáo chỉ-dạo thế-giới khai diễn tại Hán-Thành từ ngày 10 tới 16-10-1970. Đại-Hội này được coi như khuynh-hướng chống Cộng, đối diện với khuynh-hướng phản chiến của Đại-Hội Kyoto. Thật vậy, Đại-Hội Hán-thành không có một đại-biểu nào thuộc các nước Cộng-Sản hay trung-lập, mà chỉ quy tụ trên 100 đại-biểu Phật-Giáo thuộc các nước chống Cộng tại Á, Âu, và Mỹ-Châu. Phái-đoàn Việt-Nam đại-diện cho khuynh-hướng Quốc-Tự và do Thượng-Toạ Tâm-Châu hướng-dẫn. Đại-hội không đưa ra một quyết-nghị nào có tính-cách chánh-trị về Việt-Nam, mà chỉ thảo-luận về các vấn-đề tôn-giáo và cầu nguyện hòa-bình cho Việt-Nam.

Như vậy đại-hội Kyoto do nhiều tôn-giáo đứng ra tổ-chức và đã đi sâu vào các vấn-đề chánh-trị thuộc lãnh vực thế quyền, trong khi đại-hội Hán-Thành do một tôn-giáo duy-nhất là Phật-Giáo tổ-chức và chỉ đề cập tới những vấn-đề Phật-sự. Sắc thái tương-phản này của hai đại-hội được tổ-chức trong khoảng thời-gian kế tiếp nhau có thể làm cho các nhà lãnh đạo Phật-Giáo Á-Châu giữ thái-độ dè dặt đối với Đại-Hội Kyoto vì họ không muốn để tôn-giáo bị chánh-trị chia rẽ và chi-phối.

Biến-cố thứ ba là cuộc vận-động hòa-bình đại quy mô cho toàn thế thế-giới do Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã phát-động. Cuộc vận-động này đã được công luận quốc tế chú ý

đặc biệt vì chuyến du hành chín ngày (từ 26-11 đến 4-12-1970) của Đức Giáo Hoàng Phao-Lô Đệ Lục qua Á và Úc-Châu.

Khác hẳn các lãnh-tụ Ấn-Quang, Vị Giáo Chủ Công-Giáo không đưa ra một giải-pháp chánh-trị nào, mà chỉ phát biểu những nguyên-tắc tổng-quát về hòa-bình của một hệ-thống giá-trị tinh-thần mà ngài đại-diện. Muốn đứng trên mọi tranh chấp để hòa giải các mâu thuẫn trên thế giới, Ngài cố giữ thái-độ vô tư đối với tất cả mọi phe phái. Không muốn bị ràng buộc vào chánh sách chống Cộng của các lãnh-tụ Công-Giáo Á-Châu, không muốn bị lôi cuốn vào cuộc tranh chấp ý-thức-hệ, trên đường công du Ngài không ghé qua Việt-Nam Cộng-Hòa và Đài-Loan, không lên án đích danh Cộng-Sản hay Tư-Bản. Việc dừng chân của Ngài tại Hương-Cảng được các quan-sát-viên chánh-trị cho là một dấu hiệu tiến tới việc thiết lập các liên-lạc với Trung-Cộng như Ngài đã làm đối với các nước Cộng-Sản Đông Âu. Khi qua không phận Việt-Nam Ngài gửi điện văn về hòa-bình cho các nhà lãnh-đạo của cả hai miền Nam Bắc. Tại Tích-Lan, quê-hương của Phật-Giáo nguyên-thủy và cũng là chặng chót trong chuyến công du vận-động hòa-bình của Ngài, Ngài tuyên bố :

"Lời nói chót của tôi là hòa-bình."

Công-luận có thể phê phán rằng cuộc vận-động hòa-bình của Đức Giáo Hoàng La Mã có ảnh-hưởng rộng lớn hơn các cuộc vận động của Giáo-Hội Ấn-Quang và của Đại-Hội Kyoto, vì Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã đã có thái-độ mềm dẻo, tương đối vô tư và một uy tín tinh-thần lớn lao đối với các lực-lượng chánh-trị quốc-tế.

Trên bình-diện quốc nội, những biến-cố sau đây chứng tỏ đề-nghị của Ấn-Quang đã gặp sự chống đối của các phe phái chánh trị tại Việt-Nam.

Thứ nhất, sau Hội-nghị Kyoto và sau bài diễn văn của Tổng-Thống Nixon, Chủ-tịch Thượng Nghị-viện Việt-Nam Cộng-Hòa đã tuyên-bố trong phiên họp khoáng đại lưỡng-viện Quốc-Hội ngày 31-10-1970 để nghe Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu đọc thông-điệp :

"Đối với vận mệnh quốc-gia, một giải-pháp hòa-bình không thể do những người bàng quan dự tính hay đề-nghị, mà phải do chính những đại-diện dân cử hợp pháp quyết-định như đã ghi trong Hiến-Pháp".

Dư luận hỏi đó đã thắc mắc tự hỏi phải chăng đây là một lối trả lời gián-tiếp đề-nghị của Ấn-Quang và Đại-Hội Kyoto ?

Thứ hai, nhân ngày Hòa-Bình Thế-Giới lần thứ tư do Công-Giáo Việt-Nam tổ-chức trong khuôn khổ sáng kiến của Tòa Thánh La-Mã (ngày 1-1-1971), Đức Tổng Giám-Mục Nguyễn-văn-Bình đã bày tỏ một chủ-trương khác hẳn Ấn-Quang. Ngài không quan-niệm được rằng mỗi người, mỗi phe phái có một giải-pháp hòa-bình riêng biệt, trong khi Ấn-Quang có một giải-pháp hòa-bình riêng khác hẳn lập-trường của chính quyền Việt-Nam Cộng-Hòa. Theo Ngài "nói đến hòa-bình, nhưt là nói đến hòa-bình lúc này tại Việt-Nam, mỗi người đều có sẵn những chủ trương hoặc những giải-pháp riêng biệt, đến nơi có thể nói có bao nhiêu người là có bấy nhiêu giải-pháp hòa bình. Vì có quá nhiều giải-pháp khác biệt, nhiều khi còn bất hòa và trái nghịch hẳn nhau, khiến cho Hòa-Bình mỗi ngày thêm xa, trái lại chỉ thấy gia tăng chia rẽ, hận thù và đấu tranh. Sự kiện đó chứng minh những giải-pháp riêng rẽ và cá biệt của từng nhóm người, từng cộng-đồng quốc gia đi nữa, đều thiếu sót và bất lực".

Tuy-nhiên, Ấn-Quang lại cho rằng giải-pháp của mình là đầy đủ, hữu hiệu và đáng được ủng hộ. Trong khi Ấn-Quang tự coi là đại diện chính thống của lương tâm Phật Giáo Việt-Nam để phát biểu nguyện vọng hòa bình mà họ cho là của đa số nhân dân, thì Đức Tổng Giám Mục Sài Gòn cho rằng một giải pháp thỏa đáng phải là giải pháp "dựa vào nền đạo thuyết của mọi thứ đạo thuyết, đó là đạo thuyết Ky-Tô nhập thế và cứu thế". Dựa vào đạo thuyết đó, Ngài đưa ra lời kêu gọi năm điểm phản ánh lương tâm tôn giáo và không chứa đựng một giải pháp chánh-trị như kiểu đề nghị của Ấn-Quang.

Thứ ba, Giáo-sư Nguyễn-Ngọc-Huy, Tổng thư ký phong-trào Quốc-Gia Cấp-Tiến và đồng thời cũng là nhân viên

của phái-doàn hòa đàm tại Ba-Lê, khi bàn về tuyên ngôn tám điểm của Ấn-Quang đã cho rằng: "nói lên nguyện vọng Hòa-bình là điều chính đáng". Nhưng ông cũng bày tỏ sự lo ngại khi cho rằng bất cứ một cá nhân hay một tổ chức nào cũng đưa ra những biện pháp hòa bình thì "chỉ càng thêm rối nát và chúng tỏ sự phân hóa mà thôi", và như vậy sẽ khiến phía Cộng-San càng nuôi thêm hy vọng chiến thắng tại miền Nam (171).

Trước những phản ứng trái ngược nêu trên, người ta tự hỏi liệu Ấn-Quang có đủ khả năng để tự tạo cho mình một thế đứng giữa, một lực lượng thứ ba nhằm hóa giải chiến tranh hiện tại như họ hằng mong muốn không ?

B - LẬP LỰC-LƯỢNG THỨ BA ĐỂ HÓA-GIẢI MỌI XUNG-ĐỘT

Ấn-Quang quan-niệm rằng muốn chu toàn sứ mạng tái tạo hòa-bình do chính họ đề ra, họ phải giữ một thái-độ "không thiên tả không thiên hữu" để hóa giải cuộc chiến tranh tàn khốc này. Nói một cách khác, họ muốn đóng vai trò một lực lượng thứ ba trong cuộc tranh chấp giữa quốc gia và Cộng-San tại Việt-Nam. Ý định này biểu-lộ rõ rệt trong nhiều dịp. Đầu năm Kỷ-Dậu, Đức Tăng thống Thích Tinh-khiết đã minh định lập-trường trung-lập trong cuộc tranh chấp hiện tại ở Việt-Nam như sau :

"Người Phật tử chân chính là những người Việt-Nam thiết tha với vận mệnh xứ sở nhất định không đứng vào bất cứ phe nhóm nào hiện đang là công cụ của các thế lực vô minh quốc nội và quốc tế. Chỉ có chúng ta, những người Việt đang sống trên đe dưới búa, đang bị tước đoạt quyền sống và bị phá hoại mới có đủ tư cách để tự biện minh trong mọi quyết định vận mệnh chung cho một thể chế quốc gia dân tộc do chính chúng ta tự quyết mà thôi... Chúng ta không được quyền trao vận mệnh dân-tộc cho những người phi dân-tộc, nguy dân-tộc".

Trong thông-diệp Phật Đản 2513, Đức Tăng Thống cho biết rằng bằng đường lối trung-lập Phật-Giáo có thể trở thành sức mạnh hóa giải những tranh chấp :

"Tin tưởng vào sức thăng hóa của dân tộc, và sự tự cứu của đồng bào, Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất nguyện sẽ cùng đồng bào cố gắng tạo thành một sức mạnh hóa giải cho toàn diện những xung đột trong hiện tại và tương lai".

Nhiều tuyên-ngôn khác nữa cũng như nhiều hoạt-động của các lãnh tụ Phật-Giáo Ấn-Quang đều cho thấy rằng sức mạnh hóa giải này không nằm trong hàng ngũ phe bên này hay phe bên kia. Để hóa giải mọi mâu thuẫn, Phật-Giáo Ấn-Quang phải tạo được tiếng nói hữu hiệu đối với các lực-lượng thù nghịch ngõ hầu tạo một thế quân bình lâu dài.

Các lãnh tụ Ấn-Quang căn cứ vào tinh thần khoan dung, khả năng đãi lọc và tổng hợp của Đạo-Phật, để tạo một lực lượng thứ ba, vì tất cả những đặc tính đó có thể tạo môi trường hòa hợp cho những ý thức hệ cực đoan. Ý-tưởng vừa kể đã được trình bày trong thông điệp Phật-Đản 2513 và thông điệp ngày 23-5-1969 gửi Đại-Hội Quốc-tế Phật tử Việt-Nam hải ngoại. Trong thông-diệp thứ hai, Đức Tăng Thống nhấn mạnh :

"Theo truyền thống của Việt-Nam cũng là của Giáo-Hội có từ xưa, Phật-giáo Việt-Nam trước cũng như nay, bao giờ cũng là sức mạnh hóa giải mọi xung đột đã có tại Việt-Nam để chuyển từ thế đối kháng sang thế kiến tạo một nước Việt-Nam bền vững, tiến bộ toàn diện" (172).

Dự tính lập lực-lượng thứ ba càng nhìn thấy rõ rệt trong lập-trường "Trung Đạo" do Thượng tọa Viện trưởng Viện Hóa Đạo Ấn-Quang trình bày trước Đại-Hội Thanh-Niên Phật-tử toàn quốc đêm 7-7-1969. Sau khi bác bỏ cả hai chế-độ Tư-Bản và Cộng-Sản, Thượng-Tọa kết-luận :

(172) Thông-Điệp gửi Đại Hội Quốc-tế Phật-tử Việt-Nam tại hải ngoại.

"Chúng ta không thể thiên tả hay thiên hữu. Chúng ta quyết theo con đường Trung-Đạo Quốc-Gia Dân-Tộc. Chỉ có con đường đó mới có thể bảo-vệ được tự-do tín-ngưỡng, bảo-vệ Đạo-Pháp."

Vẫn theo ngài, con đường Trung-Đạo đó là "lập-trường mà các bậc tiền bối đã đi, đó là lập-trường bảo-vệ Dân-tộc và Đạo-pháp".

Người ta tự hỏi Trung-Đạo là gì ? Nó có dính dáng gì tới các ý-thức-hệ cận đại không ? - Đó là con đường ở giữa hai cực-đoan Tư-bản và Cộng-sản. Trong buổi lễ bế mạc Đại Hội Hoảng-Pháp tại chùa Ấn-Quang ngày 9.5.1969, chính Thượng Tọa Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo cho rằng nguyên-nhân cuộc phân-hóa của nhân-loại ngày nay "chỉ vì chủ-trương cực đoan dằng-co tranh-chấp nhau trong một tư-thế một mắt một còn. Từ cực-đoan duy-linh đến cực-đoan duy-vật, không một chủ-trương nào thực-sự gần với Trung-Đạo. Hóa cho nên thế quân-bình xã-hội bị nghiêng ngửa, đổ vỡ, cơ hồ như vô-phương cứu chữa. Dưới con mắt Trung-Đạo của Phật-Giáo, hoàn-cảnh khách quan của xã-hội nhân-loại hiện tại rõ ràng bày ra hai chiều hướng nghịch biến đang xung-đột nhau dữ-dội, chắc không chiều-hướng nào tiêu-diệt nổi chiều-hướng nào".

Dựa trên nhận-định ấy, ngài kết-luận rằng Trung Đạo - mà người ta hiểu là đường-lối thứ ba hay Trung-lập - được coi như một tổng đề lịch-sử dung hợp hai cực đoan càng chóng thành tựu.

Lối suy-luận từ mối mâu-thuẫn không tiêu-diệt nổi nhau giữa Tư-bản và Cộng-sản đến một "tổng đề lịch-sử" làm ta liên-tưởng tới ý-thức-hệ Mác-Xít, tới luật mâu-thuẫn, định-luật căn-bản của duy-vật biện-chứng và duy-vật lịch-sử. Người ta thắc mắc tự hỏi mâu-thuẫn giữa duy-linh và duy-vật do chức-quyền Ấn-Quang luận-giải có phải là mâu-thuẫn giữa quyết thế và hủy thế theo Karl Marx để sinh ra một hủy thế của hủy thế mà Thượng Tọa Thiện-Hoa gọi là "Tổng đề Trung-Đạo" không ? Người ta thấy cách luận-giải của Thượng Tọa gần với duy-vật sử-quan của Karl khi ngài nói rằng :

"Xung đột càng cao thì 'Tổng Đề Trung Đạo' dung hợp hai cực đoan càng chóng thành tựu. Căn bệnh đau khổ không chấp nhận cho một bên nào đủ gan lì kéo dài bất tận. Đến một mức nào đó, cơn bệnh hết còn chịu nổi, tất sẽ đồng loạt đứng dậy đòi lại quyền sống mà chấm dứt đau khổ".

Phải chăng sự vùng dậy này cũng như sự vùng dậy của vô sản khi xung đột giữa tư bản và nó đã lên cao cực độ? Trong khi Karl Marx dùng biện chứng duy vật để giải thích lịch sử với các tên "Duy vật sử quan", thì Thượng-Tọa cũng gọi tổng đề Trung Đạo là "Tổng đề lịch sử", Ngài nói :

"Tru trên tinh thần Trung Đạo, Phật-Giáo ít quan tâm đến các xu hướng xung đột mà chỉ chú trọng đến cái Tổng đề lịch sử ngày mai và đến cái căn bệnh cần phải diệt trừ không phân biệt oan thân".

Thượng-tọa Thiên-Hoa cũng như Karl Marx đều tin tưởng rằng "Tổng đề lịch sử" hay "hủy thế của hủy thế" tất nhiên phải thành tựu ; dù người ta có quan tâm hay không, lịch sử cũng phải diễn ra như vậy.

Kết cho cùng, nếu tư tưởng của vị lãnh đạo Viện Hóa Đạo Ấn-Quang có trùng hợp với triết-lý Duy vật, đó cũng không phải là điều lạ, vì trên thế giới ngày triết lý Phật-Giáo đã được chính các nhà Phật-học cũng như một số Tăng-sĩ cho rằng có nhiều điểm tương đồng với triết-lý Karl Marx. Một trong những nhân vật nổi tiếng đã chứng minh sự tương đồng này là Vijayavardhana thuộc Phật-Giáo Tích-Lan (173). Điều duy nhất làm ta thắc mắc là có lẽ sự chú trọng vào Tổng đề lịch sử ngày mai của Thượng-tọa Thiên-Hoa không phù hợp với triết-lý Phật-giáo vì Đức Phật Thích-Ca có vẻ coi nhẹ giềng lịch sử. Thái độ này bắt nguồn từ một nhận thức rằng cuộc đời vốn vô thường, ảo hóa và khổ đau ; kiếp sống nhân loại chỉ luân chuyển trong vòng luân hồi. Vì vậy điều quan trọng theo Đức Phật là thoát khỏi vòng lịch sử, khỏi kiếp luân hồi (174).

(173) Benz, Ernst : Sách đã dẫn, trang 78 và kế tiếp.

(174) Smith, Donald : Sách đã dẫn, trang 10-11.

Hơn nữa, về phương-diện tôn-giáo, theo Thượng Tọa Thích Minh-Châu, Trung-Đạo của Phật-Giáo chỉ là một thái-độ sống, chứ không phải là một chủ-thuyết (175). Vẫn theo Ngài nếu coi Trung-Đạo (Madhyamā pratipad) như một chủ-thuyết làm căn-bản cho chánh-sách trung-lập là không phù-hợp với lời dạy của Đức Phật.

Ngoài ra, về phương-diện chánh-trị, "trung-lập" hay "không liên-kết" thực ra chỉ là một dữ-kiện của nền chánh-trị quốc-tế. Một số quốc-gia yếu kém về quân-sự lẫn kinh-tế, không muốn liên-lụy trong cuộc tranh-chấp giữa hai khổng lồ, giữa hai siêu cường quốc, nên cố giữ cho chánh-sách ngoại-giao của mình một đường-hướng uyển-chuyển và hợp lý. Đó là một chánh-sách ngoại-giao của một chánh-phủ nhất-định, đối với một số vấn-đề nhất-định. Các quốc-gia được gọi là không liên-kết ấy vẫn nằm trong khối tự-do, hiểu một cách trung-thực và đặc-biệt là trong địa-hạt chánh-trị nội bộ, các quốc-gia ấy là những quốc-gia tự-do dân-chủ.

"Hiểu rõ như vậy, đặt vấn-đề không liên-kết hay trung-lập chỉ giải-quyết một khía-cạnh của vấn-đề liên-quan đến chánh-sách ngoại-giao hay đi xa hơn, đến qui-chế quốc-tế của một quốc-gia. Còn nội-bộ chánh-trị của miền Nam, đó mới là then chốt ! Đặt vấn-đề không liên-kết hay trung-lập trong chánh-trị nội bộ là một điều vô nghĩa" (176).

Song song với các lời tuyên-bố long-trọng, các nhà lãnh-đạo Ấn-Quang còn tích-cực hoạt-động cho việc tạo-lập một lực-lượng thứ ba. Trong cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo tại miền Trung năm 1966, các ký-giả ngoại quốc có tương-thuật rằng chương-trình cách-mạng của Thượng Tọa Thích Trí-Quang có nói đến việc đình chiến để lập chánh-phủ trung-lập, lập một miền đệm ở Trung-Phần, liên-lạc với các quốc-gia trung-lập và Cộng-sản (177).

(175) Phỏng-vấn Thượng Tọa Minh-Châu ngày 12.11.1969. Cũng xem Minh-Châu, Thích : Nhận-xét tổng quát về sự liên-hệ Tiểu-thừa và Đại-thừa, Tư-tướng số 4 và 5, bộ cũ, trang 269.

(176) Bông, Nguyễn-văn : Lãnh-đạo III, Nhật-báo Cấp-Tiến, ngày 11.11.69.

(177) Tài, Tạ-văn : Giảng-vấn "Chánh-trị-học tại các quốc-gia đang phát-triển". Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chanh, 1967-68.

Vào tháng 3 năm 1969, với đề-tài "vai-trò đứng giữa" ký-giả Tuyen N. Markreiter đã tường-thuật những nỗ lực của Thượng Tọa Thiện-Minh nhằm tạo một lực-lượng thứ ba của Phật-Giáo để giải-quyết vấn-đề chiến-tranh, tái-lập hòa-bình cho Việt-Nam. Ký-giả này cho biết rằng Thượng Tọa đã đi nhiều nơi trong nước để giải-thích cho Tăng Ni và Phật-tử về "vai-trò đứng giữa" mà Ngài tiên-đoán cho họ trong những tháng sắp tới. Ngài đã nói với hàng trăm sinh-viên và Phật-tử ở Trung-Tâm Quảng-Đức :

"Phật-tử không được đứng vào phe nào cả, bởi vì phe chánh-phủ thì thối nát, phóng dăng và bất công, phe Cộng-sản thì chủ-trương giai-cấp đấu-tranh, Giáo-Hội không chấp-nhận được cả hai phe (178)".

Rồi đến các cuộc lễ cầu-nguyện hòa-bình và nhất là cuộc rước kim thân Phật Tổ từ Gò-Vấp về chùa Ấn-Quang được tổ-chức vĩ-dại với chủ-đề "Hòa-bình" sau một thời-gian ngưng hoạt-động đều là những hoạt-động biểu-dương lực-lượng riêng của Phật-Giáo Ấn-Quang theo đường-lối thứ ba đã được vị Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo xác-nhận trong bài diễn-văn đọc vào ngày lễ Phật-đản 2513. Sau khi kêu gọi Phật-giáo-dồ : "Tất cả hãy giữ vững lập-trường dân-tộc, không chấp-nhận giai-cấp đấu-tranh khe-khắt, đảng trị, giáo trị, không chấp-nhận bất công thối nát, độc tài, gian ác, không chấp-nhận vong bản, vong ngoại, và nô-lệ cường-quyền", Thượng Tọa Thích Thiện-Hoa kết-luận : "Công việc cấp-thiết trước mắt đặt ra cho chúng ta là : củng-cố cơ-sở, giáo-dục quần-chúng, và trong-sạch tổ-chức. Chúng ta phải tự tạo cho mình một sức mạnh qua các tiêu-chuẩn trên, và chỉ có sức mạnh ấy mới đủ sức cứu nước, giữ đạo".

Thể-hiện ý-định ấy, tất cả các Đại Hội : Đại Hội Phật-Giáo toàn quốc, Đại Hội Hoàng-pháp, Đại Hội Thanh-niên Phật-tử, Đại-Hội Cư-sĩ Phật-tử, v... v... cùng tất cả những nỗ lực khác đều nhằm củng-cố và phát-triển hàng ngũ để tạo sức mạnh hóa-giải hay lực-lượng thứ ba. Tại hải ngoại, nhóm Thượng Tọa Nhất-Hạnh ráo riết vận-động cho

(178) "The middle role", Tạp-chí Far Eastern economic Review, Hongkong, tháng 3 năm 1969.

giải-pháp trung-lập và lực-lượng thứ ba (179).

Sau khi Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa tuyên-bố ngày 11.7.1969 đề-nghị chương-trình hòa-bình 6 điểm, liên-tiếp trong hai ngày 16 và 17.7.1969, nhật-báo Chánh-Đạo đã đề-cao "sức mạnh hóa-giải" của Phật-Giáo đối với hai phe lâm chiến : "Sở dĩ Phật-Giáo tạo được cho mình vai-trò hóa-giải ấy, không những vì Phật-Giáo là một tổ-chức quần-chúng đông-đào nhất, mà còn là vì cái tư-thế mà Phật-Giáo đã duy-trì được qua suốt cuộc chiến-tranh này, khiến cho ngày nay người Việt-Nam bên kia chiến tuyến phải nể mặt, mà cả đến những ngoại nhân chủ-xướng chiến-tranh cũng không dám coi thường.

"Do đó, chỉ có Phật-Giáo mới có đủ điều-kiện hoàn-thành sứ-mạng khó-khăn ấy trước giai-đoạn này của lịch-sử".

Cuối cùng nhật-báo này cho biết :

"Phật-Giáo đã sẵn-sàng để đón nhận trách-nhiệm trước lịch-sử."

Như vậy, giữa lúc chánh-quyền và mọi đoàn-thể chánh-trị khác chưa kịp chuẩn-bị, thì Phật-Giáo đã "hàng-ngũ sẵn-sàng" để buộc nền hòa-bình "phải đi theo chiều-hướng phù-hợp với quyền-lợi dân-tộc". Nền hòa-bình tương-lai lại rất có lợi cho Phật-Giáo vì, theo Thượng Tọa Thiệu-Hoa :

"Khi hòa-bình đã vãn-hồi, cái gì phi đạo-pháp, phi dân-tộc sẽ cuốn gói theo ngoại bang. Lúc ấy chỉ còn Phật-Giáo và Dân-Tộc. Dân-Tộc sẽ được hưởng thái-bình, Phật-Giáo sẽ hết tai-nạn và sẽ được vinh-quang" (180).

Nếu những lời tuyên-bố trên đây có giá-trị chiến-thuật nhằm gây tin-tưởng cho Phật-tử và thúc-đẩy họ hành

(179) "A discussion with Thích Nhất-Hạnh : The third solution : A neutral coalition" đăng trong "Vietnam : Matters for the Agenda", published by the Center of the Study of Democratic Institutions, June 1968, pp.6-11

(180) Đạo-tứ của Thượng Tọa Thiệu-Hoa đọc trong buổi lễ khai mạc Đại Hội Thanh-niên Phật-tử toàn quốc ngày 7.7.1969, Chánh-Đạo ngày 8.7.69.

động hăng say theo kế hoạch hòa bình của Giáo-Hội, người ta có thể tự hỏi sự lên án cả Cộng-Sản lẫn Tư-Ban để tôn vinh một chủ thuyết duy nhất là "Đạo pháp và Dân tộc" có phù hợp với tinh thần tự do và khoan dung của chính đạo Phật không? Nếu cứ như lời tuyên bố trên đây, khi chiến-tranh chấm dứt chỉ còn Phật-Giáo và dân tộc mà thôi, thử hỏi đời sống của các tôn giáo khác không phải là Phật-Giáo sẽ ra sao? Nếu lời tuyên bố ấy có thể gây ngộ nhận về ý định nào đó muốn biến Phật-Giáo thành quốc giáo, thì các lực-lượng chánh-trị và tôn-giáo khác sẽ phản ứng ra sao?

X

X X

Trên đây ta vừa phân tích sứ mạng tôn giáo và sự chuyển vị tinh vi từ sứ mạng này sang sứ mạng chánh trị khiến lẫn ranh giới-chánh hầu như tan biến đi mất do sự tổng-hợp phong phú giữa đạo-pháp và dân-tộc. Ở đây ta không bàn về sự đồng hóa giữa hai thực-thể này có phù hợp với tính cách thế tục của quốc-gia hay không (181). Ta chỉ nhận xét về phương diện chánh-trị: quần chúng Việt-Nam và công luận quốc tế còn chú ý đến Ấn-Quang là vì hoạt động chánh-trị của Giáo-Hội. Trong thực tế sứ mạng chánh-trị đã lấn át cả sứ mạng tôn giáo, nhưng động cơ tôn giáo vẫn cần để thúc đẩy tín đồ tạo thế lực cho Giáo-hội.

Trên bình diện thuần túy chánh-trị, ta phải khâm phục tài-ba chánh-trị khá lỗi lạc của tập đoàn lãnh đạo Ấn Quang: chủ Tạng có chủ-thuyết, có đường lối, chiến lược và chiến-thuật tinh-vi. Trong thực tế, việc thực-hiện sứ-mạng chánh-trị của Giáo-Hội cũng đã gặt được ít nhiều kết-quả. Cuộc vận-động ý-thức dân-tộc đã gây được ảnh-hưởng thuận lợi trong thiểu số trí-thức. Nhà văn Tam-Điểm trên tuần-báo Đất Nước đã nhìn nhận cuộc vận-động và tán-dương nó:

"... Thành ra sự trở về ý-thức dân-tộc là một công-phu dài hạn. Nên chỉ khi Phật-Giáo tranh-đấu theo

(181) Vấn-đề này được bàn đến trong Phần III Luận Án, trang 492-502

những tư-tưởng Phật-Giáo, những yêu-sách dân-tộc, những người dân mất gốc ở đô-thị cũng mất một thời-gian mới nhận ra rằng đó là cuộc vận-động phục-sinh ý-thức dân-tộc, khơi ra những tình-tự dân-tộc sâu đậm. Còn gì sâu và động tới bản ngã mỗi người, bằng đặt chất văn-hóa nuôi sống với khả-năng thấm nhuần siêu lý khi khói lửa và bom đạn càng tàn-phá và thế-lực ngoại bang càng thô bạo (182)."

Cuộc vận-động ý-thức dân-tộc của Phật-Giáo đã ảnh-hưởng tới thái-độ của một số trí-thức Công-Giáo. Những ý-tưởng "Việt-hóa đạo Công-Giáo", "Chánh-sách có mặt của Công-Giáo ở Việt-Nam" chỉ xuất-hiện kể từ khi Phật-Giáo đề cao dân-tộc-tính của Đạo Phật. Hiện nay một thiểu số tu-sĩ cũng như trí-thức thế-tục Công-Giáo Việt-Nam cấp-tiến đã chỉ-trích bộ mặt lai căng và phú quý của Giáo-Hội ; họ chủ trương phải truyền cho Công-Giáo Việt-Nam một hình-thức và nhất là một nội-dung dân-tộc (183). Gần đây tư-tưởng cấp-tiến này đã trở thành một phong-trào trí-thức và được sự hoan-ngheh của các nhà Phật-học tiến-bộ (184).

Về mục-tiêu chiến-thuật, ta thấy nếu có nhiều người cho rằng nền hòa-bình do các lãnh-tự Phật-Giáo Ấn-quang tích-cực đòi hỏi thiếu tính-cách vô tư và công bằng, thì nó cũng đã được một số nhân-vật và đoàn-thể trong và ngoài nước tán đồng. Tuy nhiên, song song với Phật-Giáo, Công-Giáo Việt-Nam và Tòa Thánh La-Mã cũng đang tích-cực vận-động hòa-bình trên một quy-mô rộng lớn hơn và theo quan điểm phù-hợp với đường-lối hòa-bình do chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa chủ-trương. Trước các phong-trào công cũng như tư

(182) Tam Điểm : Kết-luận của cuộc vận-động Phật-Giáo, tạp-chí Đất Nước số 5, tháng 6 và 7 năm 1968, trang 132.

(183) Cẩn, Trương-bá : Tại sao đạo Công-Giáo chưa Việt-hóa được với người Việt-Nam, Tạp-chí Đất Nước số 1, 1969, trang 15.
Trung, Nguyễn-văn : Chánh-sách có mặt của đạo Công-Giáo ở Việt-Nam, nhân-dịnh I, trang 117-129, Nam-Son, Sài-gòn, 1966.

(184) Nhất-Hạnh, Thích : Hoa Sen trong biển lửa (Sách đã dẫn II), trang 206-207.

thuộc mọi phe nhằm vận-dộng hòa-bình, viễn-ảnh hòa-bình không còn xa xôi nữa. Nhưng nền hòa-bình có phù-hợp với nguyện-vọng của các lãnh-tự Phật-Giáo tranh-đấu hay không lại là một chuyện khác, và chính sự phù-hợp này sẽ là cái may do thế-lực của Phật-Giáo.

Điều khó hiểu đối với công-luận là chư Tăng lãnh-đạo phong-trào tranh đấu lúc thì nhìn-nhận có hoạt-động chánh-trị (185), lúc thì phủ-nhận, trong khi sự thực là họ đã hoạt-động chánh-trị. Quan-niệm "tôn-giáo tại các nước chậm tiến cần hoạt-động chánh-trị" hiện vẫn được Ấn-Quang theo đuổi, trong khi Quốc-Tự cũng như các tập-đoàn, giáo-phái Phật-Giáo khác có khuynh-hướng đem đạo Phật vào cuộc đời qua đường lối văn-hóa, giáo-dục và xã-hội.

Dù Ấn-Quang hay Quốc-Tự, Phật-Giáo ngày nay đã dùng tổ-chức Giáo-Hội làm phương-tiện thực-hiện sứ-mạng. Sứ-mạng của tôn-giáo ngày nay lại không phải là công việc cá-nhân, mà phải là sứ-mạng chung do cả một tập-thể góp sức đảm nhiệm. Do đó việc tổ-chức và điều-hành cộng-đồng tôn-giáo cần được đặt ra.



(185) Trong cuốn Bạch Thư của Phật-Giáo phổ-biến ngày 10.6.1966, các vị lãnh-đạo có xác nhận : "Chánh-trị là gồm những hoạt-động của đời sống con người, Chánh-trị và tôn-giáo chỉ tách rời khi nền kinh-tế, giáo-dục của quốc-gia ấy đã tiến-bộ. Với các nước nhược-tiểu, tách rời tôn-giáo ra khỏi chánh-trị là một sai lầm."

CHƯƠNG 11

TỔ-CHỨC VÀ ĐIỀU-HÀNH GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT

Nếu Giáo-Hội được coi là một phương-tiện để thực-hiện sứ-mạng của tôn-giáo, thì vấn-đề được đặt ra cho Phật-Giáo Việt-Nam là tổ-chức và điều-hành G.H.P.G.V.N.T.N. hiện nay có đủ hữu hiệu để thực-hiện các sứ-mạng đã phân-tích ở Chương trên hay không ? Muốn trả lời câu hỏi này, ta cần phải :

- 1 - Trình-bày tổ-chức và điều-hành G.H.P.G.V.N.T.N.
- 2 - Nhận xét về tổ-chức và điều-hành G.H.P.G.V.N.T.N.

TIẾT I

TỔ-CHỨC VÀ ĐIỀU-HÀNH CỦA G.H.P.G.V.N.T.N.

Phật-Giáo Việt-Nam chỉ mới thiết-lập được một Giáo-Hội thống-nhất từ sau ngày cáo chung chế-độ Đế Nhất Cộng-Hòa. Tuy nhiên, việc thống-nhất Phật-Giáo lại là kết-tinh của nhiều nỗ-lực phát-khởi từ phong-trào phục-hưng. Vì vậy, muốn hiểu nguồn gốc của Giáo-Hội hiện nay, ta phải xét tình-trạng tổ-chức Phật-Giáo trước ngày Giáo-Hội ra đời.

ĐOẠN I - TÌNH-TRẠNG TỔ-CHỨC CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM TRƯỚC NGÀY THÀNH-LẬP G.H.P.G.V.N.T.N.

A - TRƯỚC NGÀY PHẬT-GIÁO TRANH-ĐẤU

Dưới thời Pháp thuộc và thời Đế-Nhất Cộng-Hòa, Phật-Giáo hoạt-động riêng rẽ thành nhiều tập-đoàn biệt-lập dưới một chế-độ pháp-lý khắt-khe ; các Tu-hội được coi như hội thường, bất kể đến tính-cách thiêng liêng và vị tha của tôn-giáo. Trong hoàn-cảnh khó-khăn ấy, cộng thêm với những

trở-ngại do chiến-tranh gây nên, nỗ lực của cộng-đồng Phật-Giáo bị phân-tán và, do đó, tôn-giáo này không có một địa-vị xứng-đáng trong đời sống quốc-gia, mặc dầu chiếm đa số quần chúng.

Ý-thức được nhu-cầu kết-hợp để xác-nhận địa-vị của mình trong xã-hội, sáu tập-đoàn Phật-Giáo uy-tín nhất khắp ba miền (Bắc, Trung, Nam) đã tổ-chức Đại Hội Phật-Giáo vào năm 1951 để thành-lập Tổng Hội Phật-Giáo Việt-Nam. Các tập-đoàn ấy gồm 3 Hội Tăng Già và ba Hội Cư-sĩ : các Hội Tăng Già Nam-Việt, Trung-Việt và Bắc-Việt, Hội Phật-học Nam-Việt, các Hội Phật-Giáo Trung-Việt và Bắc-Việt.

Lần đầu tiên trong lịch-sử Phật-Giáo Việt-Nam, người ta thấy một tổ-chức khá quy-cử, có tuyên-ngôn, điều-lệ, nội quy, báo-chí, các cơ-sở giáo-dục, văn-hóa và xã-hội, có đường lối, tổ-chức và kế-hoạch hoạt-động. Tổng Hội nhằm mục-đích : thống-nhất các Hội Cư-sĩ, cải-tổ Giáo-Hội, quy-định nghi-lễ, phổ-biến giáo-lý trong quần-chúng, đào-tạo một lớp thanh-niên Phật-tử, phê-chuẩn việc Phật-Giáo Việt-Nam gia-nhập Hội Phật-Giáo Thế-giới do Thượng Tọa Tố-Liên ký tên trong Hội-nghị quốc-tế lần thứ nhất tại Colombo năm 1950. Trong Hội-nghị này sự can-thiệp của cố Thượng Tọa Tố-Liên cho ta thấy Phật-Giáo Việt-Nam rất quan-tâm bảo-vệ nền độc-lập quốc-gia. Thật vậy, Ngài đã tranh-đấu cho Việt-Nam có một đại-diện riêng mà không bị ràng-buộc với cái gọi là Liên-Bang Đông-Dương :

"Quốc-gia Việt-Nam đã độc-lập rồi thì Phật-Giáo Việt-Nam phải được cử riêng một đại-biểu... vì rằng dân-tộc Việt-Nam theo Phật-Giáo không bao giờ chịu nước Việt-Nam thân-yêu của mình vào lại cái Liên-Bang Đông-Dương cả" (186).

Tổng Hội đã đặt nền-móng đầu tiên cho công-cuộc thống-nhất Phật-Giáo, mặc dầu còn nhiều tập-đoàn khác chưa gia-nhập Tổng Hội và các tập-đoàn trong Tổng Hội cũng vẫn còn giữ tư-cách pháp-nhân riêng. Thành quả mà Tổng Hội thu-hoạch được tính tới năm 1962 thật khá vĩ-đại so với lẽ-lối

(186) Hoài, Cao-Xuân : Phật-Giáo Việt-Nam, thực chất và tổ-chức, trang 50-51, tạp-chí Quần-Chúng số 12 ngày 5.6.1969.

hoạt động riêng rẽ và cổ truyền trước đây. Tổng-Hội đã gây dựng được một lực lượng gồm trên 3.000 tỉ khưu và 600 tỉ-khưu ni, khoảng 1.000.000 đoàn viên thế tục. Hội có chi-nhánh từ thành-thị đến thôn quê hẻo lánh, một tập đoàn lãnh đạo gồm cả tăng sĩ lẫn cư sĩ ưu tú có uy tín trong xã hội, và đặc biệt là một đoàn thanh niên Phật-tử toàn quốc với 70.000 đoàn viên do 3.000 huynh trưởng điều khiển. Với lực lượng ấy, Tổng-Hội đã hoạt động trong các lãnh vực tôn giáo, văn hóa, xã-hội, làm cho uy tín Phật-giáo càng ngày càng khả quan, và đặc biệt đã trở thành tập-đoàn chỉ đạo trong cuộc tranh đấu năm 1963.

B - TÌNH TRẠNG TỔ-CHỨC TỪ CUỘC TRANH ĐẤU 1963
TỚI KHI THÀNH LẬP GIÁO HỘI PHẬT GIÁO
VIỆT-NAM THỐNG NHẤT

Vụ cờ Phật-giáo năm 1963 đã khiến các tập đoàn Phật-giáo đoàn kết chặt chẽ với nhau để đối phó với "hiểm họa chung". Họ thành lập được một mặt-trận đấu-tranh thống nhất, mệnh danh là Ủy-Ban Liên-phái bảo vệ Phật-giáo do Tổng-Hội Phật-giáo Việt-Nam lãnh đạo. Ngoài thành phần chủ lực là sáu tập đoàn của Tổng-Hội, còn có sự tham gia tích cực của năm tập đoàn khác là : Giáo-hội Tăng già nguyên-thủy, Hội Phật-giáo nguyên-thủy, Giáo-hội Tăng-già Theravada (Việt gốc Miên), Giáo-hội Phật-tử Theravada (Việt gốc Miên), Giáo-hội Thiên tịnh Đạo trắng. Còn các tập-đoàn khác tuy không chánh thức tham gia Ủy-ban liên-phái, nhưng đã hết lòng hưởng ứng cuộc tranh đấu. Đó là Hội Quan-Âm Phổ-tế, Hội Phật-giáo người Việt gốc Hoa, Giáo-hội Tăng già khát sĩ, Hội Linh-Sơn Phật-học, Giáo-hội Lục Hòa Tăng, Hội Tịnh Độ Tông, Hội Phật-tử hải ngoại v.v... (187).

Ủy ban Liên-phái bảo vệ Phật-giáo là tiền thân của Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-Nhất.

(187) Thiện Ân : Sách đã dẫn, trang 78-79.

ĐOẠN II - TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH G.H.P.G.V.N.T.N.

Giáo hội P.G.V.N.T.N. là hậu thân của Ủy Ban Liên phái bảo vệ Phật-giáo vì sau khi chế độ Đế Nhứt Cộng-Hòa sụp đổ, Ủy ban đã mở Đại-hội để thành-lập nền thống-nhất thực sự của Phật-giáo mà thành phần vẫn chỉ có mười một tập đoàn đã từng đồng-lao cộng-khố trong những ngày tranh đấu. Sau khi Giáo-hội ra đời, triệu chúng chia rẽ xuất hiện : Hội Phật-học Nam Việt không gia nhập ; sau đó Giáo Hội Thiên Tịnh đạo trảng rút lui khỏi G.H.P.G.V.N.T.N. để ra thành lập một Giáo-hội riêng lấy tên là Tổng Giáo Hội Phật Giáo Việt-Nam (do Luật số 1/64 ngày 8-12-1964 phê chuẩn) ; rồi Giáo-hội Phật-giáo Tăng già Nguyên thủy quyết định tách rời khỏi G.H.P.G.V.N.T.N. để hoạt động như một hiệp hội riêng từ 1-1-1967.

Hiến chương đầu tiên của Giáo-hội được tu chính lần thứ nhứt vào năm 1965. Sự tu chính này cũng không tạo được đoàn kết, và hiến chương thứ hai bị tu chính tiếp theo vào năm 1967, đánh dấu việc chánh thức hóa tình trạng chia rẽ nội bộ Phật-Giáo. Ta sẽ trình bày trong hai phần đoạn :

1. Tổ-chức và điều-hành G.H.P.G.V.N.T.N. theo Hiến-chương đầu tiên.
2. Những cải cách về sau.

PHẦN ĐOẠN I - TỔ-CHỨC VÀ ĐIỀU-HÀNH G.H.P.G.V.N.T.N.
THEO HIẾN-CHƯƠNG ĐẦU TIÊN NGÀY 4-1-1964

Tổ-chức và điều-hành Giáo-hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-nhất được quy định bởi bản Hiến-chương đầu tiên do mười một tập đoàn Phật-giáo biểu quyết tại chùa Xá-Lợi ngày 4-1-1964 trong một đại-hội toàn quốc huy hoàng nhứt của Phật-giáo Việt-Nam cận đại. Do sắc luật số 158 SL/CT ngày 14-5-1964, chánh quyền đã công nhận Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-Nhất cùng với bản hiến-chương kể trên. Bản văn lập pháp này đã giải thoát Giáo-hội khỏi sự số 10 khắt khe, ban trọn vẹn tư cách pháp nhân cho Giáo-hội. Từ ngày đó, Giáo-hội đã không chịu bất cứ một sự kiểm soát nào về

tải chánh hay an ninh của chánh quyền. Có thể nói rằng sự tự do này rộng rãi hơn bất cứ sự tự do nào trong các quốc-gia tiến bộ đối với tôn giáo và ưu đãi hơn bất cứ một tôn-giáo nào tại Việt-Nam.

Tổ chức Giáo-hội P.G.V.N.T.N. được ấn định như sau : Tổ-chức thống nhất của hai Tông phái tại Việt-Nam lấy đanh hiệu là Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất, viết tắt là "G.H.P.G.V.N.T.N." huy hiệu là pháp luân 12 căn, giáo kỳ là cờ Phật-Giáo thế giới. G.H.P.G.V.N.T.N. là một trong những "trung-tâm-điểm-địa-phương" của Hội Phật-Giáo Thế-Giới. Cơ cấu tổ-chức của G.H.P.G.V.N.T.N. được ấn định như sau :

A - TẠI TRUNG-ƯƠNG : có hai viện : Viện Tăng Thống và dưới viện này là Viện Hóa Đạo.

1. Viện Tăng Thống - Viện Tăng Thống gồm có 8 cao Tăng, nhưng chỉ 4 vị có chức vụ mà thôi (188). Ngoài ra nhiệm vụ của Đức Tăng Thống lại được phân biệt hẳn với nhiệm vụ của Viện Tăng thống.

Đức Tăng Thống : giữ ngôi vị lãnh đạo tối cao của Giáo-Hội, nhưng không có thực quyền vì quyền hạn của Ngài gồm các việc :

- Trực tiếp lãnh đạo viện Tăng Thống.
- Phê chuẩn và ban hành hiến chương G.H.P.G. . V.N.T.N. do Viện Tăng thống đệ trình.
- Tấn phong Viện Hóa Đạo.
- Triệu tập Đại-Hội bất thường G.H.P.G.V.N. T.N. tại trung-ương.

Đức Phó Tăng Thống phụ tá Đức Tăng Thống. Ngoài ra còn một văn-phòng giúp việc Đức Tăng thống gồm có một chánh Thư ký và một Phó thư ký được đề cử ra trong 4 vị Thượng tọa.

(188) Viện Tăng-Thống gồm có tối thiểu 4 vị Trưởng Lão từ 60 tuổi trở lên và 4 vị Thượng Tọa từ 40 tuổi trở lên do hai Tông-phái cung-thỉnh.

Đức Tăng Thống và Đức Phó Tăng Thống do Viện Tăng Thống suy tôn trong hàng trưởng lão của Viện. Đức Phó Tăng Thống không cùng một tông phái với Đức Tăng Thống. Nhiệm kỳ của Đức Tăng Thống là 4 năm. Đức Tăng Thống của nhiệm kỳ kế tiếp thuộc Tông phái khác.

Viện Tăng Thống : có 5 nhiệm vụ chính : Trình Đức Tăng Thống phê chuẩn và ban hành hiến chương G.H.P.G. V.N.T.N., chuyên trách về sinh hoạt giới luật cho tăng ni, phê chuẩn và ban hành những quy chế Tăng Ni Việt-Nam, trình Đức Tăng Thống tấn phong Viện Hóa Đạo, và là Hội đồng cố vấn về Đạo-Pháp cho Viện Hóa-Đạo.

2. Viện Hóa Đạo - Hiến-chương ấn-định dưới Viện Tăng Thống là Viện Hóa Đạo. Tuy nhiên thực quyền lại nằm hết trong tay Viện Hóa Đạo vì nó lãnh đạo và điều hành hết thảy các ngành hoạt động của G.H.P.G.V.N.T.N. (điều 14 Hiến-chương). Thành phần của nó gồm có một Viện trưởng, ba Phó Viện trưởng (không luận Cư sĩ, Tăng sĩ hay Tông phái), 6 tổng vụ trưởng điều khiển 23 ủy-viên của 23 Vụ thuộc sáu ngành hoạt động : Tăng Ni, Hồng Pháp, pháp sự, tài chánh và kiến thiết, cư sĩ, thanh niên.

B - TẠI ĐỊA-FƯƠNG : Tại địa phương có các cấp trực thuộc Giáo-hội Trung-ương : cấp Miền, Tỉnh, Quận, Phường hay Xã, và nếu cần có thể tổ-chức cấp Ấp hay Khóm.

1. Cấp Miền - Lãnh thổ Việt-Nam Cộng-Hòa được chia thành sáu Miền và một Miền không có ranh giới quy tụ Phật tử Bắc phần di cư. Mỗi miền có một đại-diện Giáo-hội giữ nhiệm vụ đôn đốc và kiểm tra Phật-sự tại các Tỉnh liên hệ. Bảy Miền ấy đều mang tên các bậc danh Tăng :

- Vạn Hạnh (Bắc Trung nguyên Trung phần)
- Liễu Quán (Nam Trung nguyên Trung phần)
- Khuông Việt (Cao nguyên Trung phần)
- Khánh Hòa (Miền Đông Nam Phần)
- Huệ Quang (Miền Tây Nam phần)
- Vĩnh Nghiêm (Phật tử miền Bắc di cư)
- Quảng Đức (Thủ đô Saigon, trực thuộc Viện Hóa Đạo).

2. Tại các cấp Tỉnh, Quận, Xã hay Phường - Đều có Ban Đại-diện Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-Nhất, mà thành phần bao gồm cả Tăng sĩ lẫn cư sĩ. Mỗi tỉnh có một Tỉnh Giáo-Hội trực thuộc Viện Hóa Đạo và được điều khiển bởi một Ban Đại Diện do Viện này bổ nhiệm. Tại các Thôn Ấp nếu có nhiều chùa thì các Tăng-sĩ và Cư sĩ có thể thành lập một đơn vị qua sự nhận xét của Tỉnh Giáo-Hội. Trong mọi trường-hợp, đơn vị căn bản của G.H.P.G.V.N.T.N. là Xã (tại nông thôn) và Phường (tại đô-thị).

C - ĐẠI HỘI G.H.P.G.V.N.T.N. TOÀN QUỐC : Đại Hội Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. toàn quốc là một cơ quan quyết nghị của Giáo-hội, có sinh hoạt định kỳ và bất thường. Có hai loại Đại-hội định kỳ do Viện trưởng Viện Hóa Đạo triệu tập :

- Đại-Hội khoáng-đại hai năm một lần để bầu Viện Hóa Đạo. Thành phần Đại-hội gồm có 5 đại biểu của mỗi Tỉnh Giáo-hội. Những chức vị trong Viện Hóa Đạo được đề nghị ra trong hoặc ngoài số đại biểu tham dự Đại-Hội khoáng-đại và phải được Đại Hội này bầu cử.

- Đại hội thu hẹp mỗi năm một kỳ để kiểm điểm Phật sự. Thành phần gồm có các chức vị trong Viện Hóa Đạo, các đại diện Miền, các Chánh và Phó đại diện Tỉnh.

Các Đại-hội bất thường do Đức Tăng thống triệu tập. Hiến chương không nói tới mục đích của các Đại-hội này.

Tại các địa-phương, Hiến-chương không quy định Đại-hội cho cấp Miền. Chỉ có các cấp Tỉnh, Xã hay Phường mới có những loại Đại-hội tương tự như Đại-hội toàn quốc (định kỳ và bất thường). Các chức vị trong ban Đại Diện các cấp này cũng bầu theo thể thức áp dụng cho việc bầu cử Viện Hóa Đạo.

Tổ chức trên đây của Giáo-hội đã được cải cách hai lần vào những năm 1965 và 1967.

PHẦN ĐOẠN II - NHỮNG CẢI CÁCH VỀ SAU

Hiến-chương 04-1-1964 đã được tu chính hai lần : lần thứ nhất vào ngày 14-2-1965, lần thứ hai vào ngày 14-3-1967.

MỤC 1 - Cuộc cải-tổ lần thứ nhất : Hiến-Chương 14.2.1965

Hiến-chương ngày 14.2.1965 do chín tập-đoàn Phật-Giáo biểu-quyết chấp-thuận thay thế Hiến-Chương đầu tiên và đã được chánh-quyền công-nhận bằng sắc-luật số 005/66 ngày 26.2.1966. Tân Hiến-Chương nhằm tăng-cường quyền-hành của Viện Tăng Thống và đẩy mạnh chánh-sách trung-ương tập quyền bằng cách cải-tổ cơ-cấu Giáo-Hội từ Trung-ương tới địa-phương :

I - Tổ-chức trung-ương : Văn gồm có hai Viện

A - Viện Tăng Thống : Viện Tăng Thống được cải-tổ sâu rộng. Theo tổ-chức mới, Viện này gồm có Đức Tăng Thống, Hội-đồng Giáo-Hội Trung-ương và Văn-phòng Thư-ký.

1. Đức Tăng-Thống : Ngoài các quyền-hành do Hiến-Chương 1964 quy-định, Đức Tăng-Thống còn được giao phó thêm quyền ấn-định nhiệm-vụ và quyền-hạn của Hội-đồng Giáo-Hội Trung-ương và của Văn-phòng Thư-ký, quyền chuẩn-y việc điền-khuyết các chức-vị trong ban chỉ-đạo Viện Hóa-Đạo.

2. Hội-Đồng Giáo-Hội Trung-ương : Hội-Đồng Giáo-Hội Trung-ương là một cơ-quan hoàn-toàn mới, gồm các vị Trưởng Lão và Thượng Tọa từ 60 vị trở lên theo nguyên-tắc đồng đều nhân số giữa các Trưởng Lão và Thượng-Tọa cho hai tông-phái Bắc-Tông và Nam-Tông. Với thành-phần này, Viện Tăng-Thống được mở rộng. Ngoài ra, Hội-Đồng còn có ba đặc điểm :

- Nhiệm-kỳ của Hội-Đồng có tính-cách vô thời-hạn.

- Hội-Đồng do Viện Hóa-Đạo đề-cử và do Đức Tăng-Thống duyệt-y và thỉnh-cầu.

- Sau này, Hội-Đồng có toàn quyền quyết-định tăng số hội-viên.

Nhiệm-vụ và quyền-hạn Hội-Đồng được ấn-định như sau :

- Suy-tôn Đức Tăng-Thống và Đức Phó Tăng-Thống trong hàng Trưởng Lão ;

- Chỉ-định ban Giám Luật trong hàng Trưởng Lão và Thượng Tọa của Hội-Đồng ;

- Đề-cử ban Giám-Sát cho Đại Hội Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. bầu-cử. Ban này có 5 vị.

- Đề-cử ban Chỉ-đạo Viện Hóa-Đạo (danh-sách gồm nhiều vị trong hàng Thượng Tọa và ngoài Hội-Đồng nếu là cư-sĩ) cho Đại-Hội G.H.P.G.V.N.T.N. bầu-cử.

3. Văn-phòng Thư-ký : gồm có một Chánh Thư-ký và một Phó Thư-ký do Đức Tăng-Thống trách cử trong hàng Thượng Tọa của Hội-Đồng Giáo-Hội Trung-ương.

4. Viện Tăng-Thống : So với Viện Tăng-Thống cũ, Viện Tăng-Thống mới có những dị biệt sau đây :

* Trước đây, Viện Tăng-Thống chỉ có nhiệm-vụ trình Đức Tăng-Thống phê-chuẩn bản Hiến-Chương Giáo-Hội, nay nó có quyền duyệt-xét bản dự-thảo Hiến-Chương Giáo-Hội trước khi đệ-trình Ngài.

* Viện Tăng-Thống mới không giữ nhiệm-vụ cố-vấn Đạo-Pháp cho Viện Hóa-Đạo nữa.

B - Viện Hóa-Đạo : Sự giảm bớt quyền-hành của Viện Hóa-Đạo biểu-lộ qua những quy-định sau :

- Viện Hóa-Đạo mới chỉ có nhiệm-vụ điều-hành các ngành hoạt-động của Giáo-Hội chứ không lãnh-đạo và điều-hành hết thay các ngành hoạt-động nữa.

- Hai cơ-quan quan-trọng nhất của Viện này là Ban Chỉ-đạo và Ban Giám-sát tuy do Đại-Hội G.H.P.G.V.N.T.N. bầu cử, nhưng chỉ được bầu trong số các nhân-vật do

Hội-Đồng Giáo-Hội Trung-Ương đã đề-cử mà thôi.

- Quyền-hành của Viện được san-sẻ rộng ra cho nhiều Tổng Vụ hơn trước. Sự tăng-cường từ 6 lên 7 Tổng Vụ biểu lộ mối quan-tâm của Giáo-Hội đối với các vấn-đề thanh-niên, văn-hóa và xã-hội. So với Ban Chỉ-đạo cũ, Ban Chỉ-đạo mới có những điểm dị biệt sau :

* Hiến-Chương mới giảm bớt một Phó Viện-Trưởng, thiết-lập thêm hai chức-vụ mới là Tổng Thư-ký và Tổng Thủ-Quỹ văn-phòng Viện Hóa-Đạo.

* Hiến-Chương mới dành quyền ấn-định nhiệm-vụ và quyền-hành các chức-vụ trong Ban Chỉ-đạo và quyền chuẩn-y việc diền khuyết các chức-vụ này cho Đức Tăng-Thống.

II - Tổ-chức địa-phương

Tổ-chức địa-phương chỉ chịu ba điểm cải-tổ ít quan-trọng :

- Từ 7 Miền tăng lên 8 Miền : Miền Tây Nam-phần được tách đôi thành 2 Miền : Miền Khánh-Anh gồm các tỉnh Tiên-Giang, và miền Huệ-Quang gồm các tỉnh Hậu-Giang.

- Tăng-cường Ban Đại-Diện cấp Tỉnh, Thị-Xã và Quận tại Thủ-đô từ 9 lên 13 người.

~~Ban Đại-diện Tỉnh có thể mời một Ban cố-vấn kiểm-soát.~~

III - Đại-Hội Giáo-Hội P.G.V.N.T.N.

Về điểm này, Hiến-chương mới quy-định phức-tạp hơn Hiến-Chương cũ, mặc dầu trên nguyên-tắc vẫn có hai loại Đại Hội là Đại Hội định kỳ và Đại Hội bất thường.

A - Đại Hội định-kỳ : Đại Hội G.H.P.G.V.N.T.N. gồm có hai Đại Hội của hai cơ-quan : Đại Hội-đồng Giáo-Hội Trung-ương và Đại Hội Đại-Biểu G.H.P.G.V.N.T.N. Có thể nói rằng một bên là Đại Hội Giáo-quyền và một bên là Đại Hội đại-chúng-quyền, vì đại hội trước chỉ gồm có Tăng-sĩ, còn

Đại hội sau gồm cả Tăng-sĩ lẫn Cư-sĩ đại-diện các cấp-bộ địa-phương. Cả hai Đại Hội đều được tổ-chức hai năm một lần.

Đại Hội-đồng Giáo-Hội Trung-ương do Đức Tăng-Thống triệu-tập trước và cận ngày Đại Hội Đại-Biểu Giáo-Hội P.G.V.N.T.N.

Đại Hội Đại-Biểu Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. do Viện Hóa-Đạo triệu-tập để :

- Bầu-cử Ban Chỉ-đạo Viện Hóa-Đạo và Ban Giám-Sát trong số ứng-tuyển viên do Hội-Đồng Giáo-Hội Trung-ương đề-cử ;
- Kiểm-điểm Phật-sự đã qua ;
- Biểu-quyết ngân-sách và hoạch-định chương-trình mới.

Thành-phần Đại Hội Đại-Biểu G.H.P.G.V.N.T.N. được nói rộng hơn trước. Ngoài đại-diện Tỉnh còn có đại-diện Quận và Miền trong đó Miền Vĩnh-Nghiêm được Hiến-Chương dành cho 10 đại-biểu.

Như vậy, thay vì Đại Hội G.H.P.G.V.N.T.N. khoáng đại và Đại Hội G.H.P.G.V.N.T.N. thu hẹp như Hiến-Chương cũ quy-định, Hiến-Chương mới chỉ quy-định một Đại Hội Đại-Biểu G.H.P.G.V.N.T.N. mà thôi. Điều này cho hiểu rằng chính Ban Chỉ-đạo Viện Hóa-Đạo và Ban Giám-Sát sẽ làm mọi việc của Đại Hội thu hẹp trước đây. Do đó, khuynh hướng tập quyền trở nên mạnh-mẽ ; sự mạnh-mẽ này càng gia-tăng hơn khi quyền đề-cử của Hội-Đồng Giáo-Hội Trung-ương đã hạn-chế quá mức đại-chúng-quyền của các đại-diện các cấp-bộ địa-phương, và khi Đại Hội Đại-Biểu chỉ có thể triệu-tập sau Đại Hội-Đồng Giáo-Hội Trung-ương.

B - Đại Hội bất thường : Tại Trung-ương có hai loại Đại Hội bất thường :

- Đại Hội bất thường khoảng đại do Đức Tăng-Thống triệu-tập khi có vấn-đề liên-quan đến sự tồn vong của Phật-Pháp. Thành-phần Đại Hội này có Hội-Đồng Giáo-Hội Trung-ương và Văn-phòng Thư-ký của Viện Tăng-Thống.

- Đại Hội-dòng bất thường của Trung-ương do Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo triệu-tập. Hiến-Chương mới không nói đến thành-phần và mục-dịch của Đại Hội này.

Tại địa-phương, nếu Hiến-Chương cũ cho phép Ban Đại-diện Tỉnh triệu-tập Đại Hội bất thường với sự ủng-thuận của Viện Hóa-Đạo, ngày nay Hiến-Chương mới lại dành quyền triệu-tập cho Viện Hóa-Đạo.

Còn Đại Hội bất thường ở cấp Xã hay Phường do Giáo-Hội Tỉnh hay Quận tại Thủ-đô triệu-tập. Sự quy-định mới này lại thêm một bằng-chứng khác nữa của khuynh-hướng tập quyền quá độ.

Khuynh-hướng này đã bị thay thế vào năm 1967 bởi khuynh-hướng tự-trị rộng-rãi của bản Hiến-Chương thứ ba.

MỤC II - Cuộc cải-tổ lần thứ hai :

Hiến-Chương 14.3.1967

Cuộc cải-tổ lần thứ hai được thực-hiện bằng tân Hiến-Chương do 5 trong số 8 tập-đoàn của Giáo-Hội biểu-quyết ngày 14.3.1967. Văn-kiến này đã được chánh-quyền chuẩn-y bởi sắc-luật số 23/67 ngày 18.7.1967 hủy-bỏ sắc-luật 005/66 kể trên. Trong chương bản về sứ-mạng thống-nhất Phật-Giáo của Giáo-Hội, ta đã trình-bày quan-niệm tập quyền của Ấn-Quang và quan-niệm phân-quyền của Quốc-Tự. Nếu Hiến-Chương thứ hai tiêu-biểu cho quan-niệm Ấn-Quang, thì Hiến-Chương thứ ba này đã phản ảnh trung-thành quan-niệm phân quyền của Quốc-Tự. Vì vậy Ấn-Quang đã mở một chiến-dịch chống-đối dữ-dội Hiến-Chương 1967 (189) và Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. đã chánh-thức chia rẽ thành hai phe đối nghịch.

Với Hiến-Chương 1967, tổ-chức của Giáo-Hội từ Trung-ương tới Địa-phương đều tuân theo nguyên-tắc "kết-hợp có hệ-thống" ; các Giáo-phái, Hội-đoàn trong Giáo-Hội

được tôn-trọng chủ-quyền nội bộ và bình-dẳng trong mọi Phật-sự. Do đó thành-phần của Giáo-Hội theo Hiến-Chương này là các pháp-nhân tức là các tập-đoàn, chứ không phải là các thể-nhân, tức là các Tăng Ni và Phật-tử.

I - Tổ-chức Trung-ương

So với hai Hiến-Chương cũ, Hiến-Chương 1967 đặt thêm cho Giáo-Hội một tương-quan quốc-tế mới : không những là một trung-tâm điểm địa-phương của Hội Phật-Giáo Thế-Giới, Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. còn là một thành-phần của Giáo-Hội Tăng Già Thế-Giới. Cơ-cấu trung-ương được cải-tổ theo chiều-hướng bành-trướng quyền-hành quá lớn của Viện Hóa-Đạo :

A - Viện Tăng-Thống được cải-tổ thành Hội-Đồng Viện Tăng-Thống và Đức Tăng-Thống.

1. Hội-Đồng Viện Tăng-Thống : là một cơ-quan có nhiệm-vụ rất hạn-chế về Đạo-Pháp mà thôi và đóng vai cố-vấn Đạo-Pháp cho Viện Hóa-Đạo. Thành-phần Hội-Đồng gồm ba Trưởng Lão và ba Thượng Tọa đại-diện cho mỗi Giáo-phái Tăng Già trong Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. Nhiệm-kỳ Hội-đồng là 4 năm.

2. Đức Tăng-Thống : Không còn là một ngôi vị lãnh-đạo tối cao thực-sự nữa, Đức Tăng-Thống chỉ là một Ủy-viên chấp-hành của Viện Tăng-Thống, vì mọi Phật-sự thuộc Viện này đều do Hội-đồng Viện quyết-định. Ngài không được toàn quyền bổ-nhiệm cả đến nhân-viên văn-phòng của Ngài, không được ấn-định chương-trình hoạt-động của Viện mặc dầu Hiến-Chương ghi rõ Ngài lãnh-đạo Viện. Ngài cũng không còn được quyền tán-phong Viện Hóa-Đạo và chuẩn-y một số hành-vi của Viện này. Hình như quyền-hạn của Ngài chỉ có tính-cách nghi-lễ vì nó vốn-vẹn gồm có việc chủ-tọa Hội-Đồng Viện Tăng-Thống, chuyên-trách về sinh-hoạt giới-luật tăng ni, ban-hành các quyết-nghị của Hội-Đồng Viện Tăng-Thống, và chỉ chứng-minh lễ tỳ chức -chứ không phải tán phong - của Viện Hóa-Đạo mà thôi. Ngoài ra, trong Đại Hội hỗn hợp giữa hai Hội-Đồng Viện Hóa-Đạo và Viện Tăng-Thống mở rộng, Ngài không có quyền đương-nhiên chủ-tọa.

B - Viện Hóa-Đạo

Hơn cả hai Hiến-Chương cũ, Hiến-Chương mới đã biến Viện Hóa-Đạo thành một trung-tâm quyền lực cực mạnh của Giáo-Hội vì :

- Viện Hóa-Đạo thay mặt Giáo-Hội P.G.V.N. T.N. lãnh-đạo và điều-hành tất cả mọi Phật-sự đối nội và đối ngoại.

Thành-phần của Viện được tăng-cường khá đông-đảo với sự tham-dự tích-cực của giới cư-sĩ. Nếu chức-vụ Viện-Trưởng vẫn do Tăng-sĩ đảm-nhiệm, thì quyền-hạn của vị này lại được ấn-định rộng lớn hơn trước : trông coi mọi việc của Giáo-Hội và thay mặt Giáo-Hội trước pháp-luật. Hiến-Chương mới cũng biểu-lộ khuynh-hướng phân công giữa Tăng-sĩ và Cư-sĩ khi tăng số Phó Viện-Trưởng từ 3 lên 4 vị trong đó 2 vị là Cư-sĩ, số Tổng Vụ Trưởng từ 7 lên 11 vị trong đó từ 3 tới 4 vị là Cư-sĩ ; 5 ghế trong số 6 chức-vụ hành-chánh cũng do các Cư-sĩ nắm giữ. Các vị Viện-Trưởng, Phó Viện-Trưởng, Tổng Vụ Trưởng và 6 vị đảm-nhiệm côngviệc Thư-ký, Thủ-quỹ họp thành Hội-Đồng lãnh-đạo Viện Hóa-Đạo.

- Cũng như tại Viện Tăng-Thống, đại-biểu đồng đều của mỗi Giáo-phái, Hội-đoàn được đề-cử đảm-trách các chức-vụ trong Viện Hóa-Đạo.

C - Tổng Hội-Đồng

Tổng Hội-Đồng là cơ-quan đại-diện các Giáo-phái, Hội-đoàn trong Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. Cơ-quan này bầu lên Viện Hóa-Đạo trong số các đại-biểu đồng đều của mỗi Giáo-phái, Hội-đoàn. Như vậy cơ-quan này đương-nhiên thay thế Đại Hội G.H.P.G.V.N.T.N. trước kia. Do đó, thủ-tục thiết-lập và điều-hành Viện Hóa-Đạo được giản-dị-hóa, nhiều vị không còn lệ thuộc Viện Tăng-Thống nữa và chỉ chịu trách-nhiệm trước Tổng Hội-Đồng mà thôi.

II - Tổ-chức địa-phương

- Tại cấp Miền : Tổng số 8 Miền được giữnguyên. Duy chỉ có Miền Vĩnh-Nghiêm, vì không có ranh-giới nhất-định

do sự tập-hợp của các Phật-tử Miền Bắc di-cư, nên được lập một ban Đại-diện Miền để điều-hành Phật-sự. Các Miền khác chỉ có 1 vị đại-diện Miền do Viện Hóa-Đạo bổ-nhậm để đôn-đốc và kiểm-tra Phật-sự tại các Tỉnh liên-hệ.

- Tại cấp Tỉnh, Thị-xã và Quận tại Thủ-đô : Ban đại-diện được tăng-cường thêm một Phó Thư-ký.

- Ban đại-diện cấp Xã hay Phường bị giảm mất một Phó Thư-ký. Điểm cải-cách quan-trọng để thể-hiện nguyên-tắc phân quyền và bình-dẳng giữa các tập-đoàn là các chức-vụ trong ban Đại-diện Tỉnh, Thị-xã, Quận, Phường, Thôn ấp, Khóm đều do đại-biểu đồng đều của mỗi Giáo-phái, Hội-đoàn liên-hệ được đề-cử ra đảm trách. Các nhân-viên này còn có thể được tái cử, một điều mà Hiến-Chương cũ không quy-định.

III - Hội-hop

Thay vì quy-định Đại Hội G.H.P.G.V.N.T.N. như hai Hiến-Chương trước, Hiến-Chương mới dùng danh xưng "Hội hop" để chỉ các Đại Hội. Có các cuộc hop thường kỳ, hop bất thường và hop thường niên tại Trung-ương cũng như tại địa-phương. Điểm mới lạ là Hiến-Chương 1967 đã quy-định rất tỉ-mỉ về vấn-đề này có lẽ để tránh những mâu-thuân có thể phát-sinh.

A - Hội-hop tại Trung-ương - Tại Viện Tăng-Thống cũng như Viện Hóa-Đạo đều có rất nhiều cuộc hội-hop.

1. Viện Tăng-Thống : Có ba loại hội-hop riêng :

- Ba tháng hop một lần Hội-Đồng Viện Tăng-Thống và nếu cần sẽ hop bất thường.

- Một năm hop Đại Hội một lần và nếu cần sẽ hop bất thường. Thành-phần tham-dự gồm có 10 Đại-biểu của mỗi Giáo-phái Tăng Già.

- Bốn năm hop Đại Hội một lần để suy-tôn Đức Tăng-Thống và Phó Tăng-Thống. Thành-phần tham-dự y hệt như Đại Hội thường niên. Hiến-chương quy-định rằng mọi cuộc

họp kể trên đều do Đức Tăng-Thống triệu-tập, và trong các Đại Hội của Viện Tăng-Thống, Hội-Đồng lãnh-đạo Viện Hóa-Đạo được mời tham-dự nhưng không có quyền biểu-quyết.

2. Viện Hóa-Đạo : cũng có ba loại hội-họp riêng và đều do Viện-Trưởng chủ-tọa :

- Hội-đồng lãnh-đạo Viện Hóa-Đạo mỗi tháng họp hai lần, và nếu cần sẽ họp bất thường.

- Hội-đồng Viện Hóa-Đạo mở rộng mỗi tháng một lần. Thành-phần tham-dự gồm có Hội-Đồng lãnh-đạo Viện Hóa-Đạo và các Vụ-Trưởng, Trưởng Phòng, Trưởng Ban thuộc Văn-phòng Viện Hóa-Đạo.

- Mỗi năm có một Đại-Hội Hành-chánh, và nếu cần sẽ có Đại Hội bất thường. Thành-phần tham-dự gồm có Đại Hội-Đồng Viện Hóa-Đạo mở rộng, Chánh Phó Đại-diện Miền và 5 Đại-biểu của mỗi Tỉnh, Thị-xã và Quận Đô-thành. Đại Hội do Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo triệu-tập nhằm mục-đích tường-trình và kiểm-điểm Phật-sự đã qua, đề-nghị và giải-quyết các vấn-đề cần-thiết, tru-định những công-tác mới. Viện Tăng-Thống được cung thỉnh chứng-minh Đại Hội, nhưng không có quyền biểu-quyết.

3. Đại Hội hôn-họp : Mỗi năm có Đại-Hội hôn-họp giữa Hội-Đồng Viện Tăng-Thống và Hội-Đồng Viện Hóa-Đạo mở rộng để kiểm-điểm Phật-sự và tru-hoạch chương-trình mới, trước khi có Đại Hội Hành-chánh thường-niên. Chủ-tọa hôn-họp do Đại-Hội bầu ra.

4. Đại Hội Tổng Hội-đồng Giáo-Hội : Mỗi hai năm có Đại Hội Tổng Hội-Đồng Giáo-Hội để kiểm-điểm và quyết-định mọi Phật-sự, bầu-cử Ban lãnh-đạo Viện Hóa-Đạo. Thành-phần chánh-thức của Đại Hội gồm có 5 Đại-biểu của mỗi Giáo-phái, Hội-đoàn trong G.H.P.G.V.N.T.N., Hội-đồng Viện Tăng-Thống, Hội-Đồng Viện Hóa-Đạo mở rộng.

Chánh và Phó Đại-diện Miền, 2 Đại-biểu của Giáo-Hội Tỉnh, Thị-xã và Quận Đô-thành được tham-dự

Đại Hội và đóng góp sáng-kiến xây-dựng, nhưng không có quyền biểu-quyết.

Tổng Hội-Đồng Giáo-Hội có thể được triệu-tập bất thường nếu có việc tối quan-trọng đối với sự tồn-vong của Đạo-Pháp.

Tổng Hội-Đồng thường hay bất thường đều do Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo triệu-tập. Chủ-tọa Đại Hội do chính Đại Hội bầu-cử.

B - Hội-họp tại Địa-phương - Khác với hai Hiến-Chương cũ, Hiến-Chương mới quy-định rất tỉ-mỉ việc hội-họp tại địa-phương và dành cho địa-phương nhiều quyền-hạn trong việc này.

Từ cấp Tỉnh Giáo-Hội trở xuống đều có các cuộc hội-họp thường và bất thường, tùy theo sự quyết-định của Ban Đại-diện liên-hệ. Cứ hai năm có Đại Hội bầu lại Ban Đại-diện. Hàng năm đều có Đại Hội một lần. Chánh Đại-diện triệu-tập Đại Hội, nhưng chủ-tọa Đại Hội do chính Đại Hội bầu ra.

Còn Hội-đồng thường hay bất thường của Ban Đại-diện do chánh đại-diện chủ-tọa. Hiến-Chương cũng quy-định tỉ-mỉ những nguyên-tắc sinh-hoạt dân-chủ cho các cuộc hội-họp địa-phương, tức số của buổi họp, quyền biểu-quyết, sự thông thuộc của cấp dưới đối với cấp trên.

IV - Tư-cách pháp-nhân và tài-sản

Nếu sắc-luật 005/66 hủy-bỏ sắc-luật 158-SL/CT đã không hề nhắc lại tư-cách pháp-nhân và quyền thủ-đặc tài-sản do sắc-luật trước quy-định, thì chính các điều-khoản của bản Hiến-Chương mới đã quy-định vấn-đề ấy. Điểm quan-trọng hơn nữa là Hiến-Chương mới dành cho các Giáo-phái, Hội-đoàn trong G.H.P.G.V.N.T.N. được hưởng đủ tư-cách pháp-nhân riêng biệt và quyền thủ-đặc tài-sản.

V - Sửa-đổi Hiến-Chương

Tất cả ba bản Hiến-Chương đều dành cho Viện Hóa-Đạo sáng quyền đề-nghị tu-chỉnh Hiến-Chương. Tuy nhiên,

điểm đi biệt căn-bản là nếu trước đây theo Hiến-Chương 1965 dự-án tu-chỉnh phải được Đại Hội G.H.P.G.V.N.T.N. cứu xét và biểu-quyết, và còn phải được Hội Đồng Giáo-Hội Trung-ương duyệt xét trước khi trình Đức Tăng-Thống phê-chuẩn, thì, với Hiến-Chương 1967, mọi dự-án tu-chỉnh chỉ phải đệ-trình một cơ-quan duy-nhất là Tổng Hội-Đồng Giáo-Hội duyệt xét và biểu-quyết.

Điểm khác biệt nữa là nếu trước đây Đại Hội G.H.P.G.V.N.T.N. biểu-quyết với đa số 2/3 tổng số đại-biểu hiện-diện chấp-thuận thì với Hiến-Chương mới, Tổng Hội-Đồng Giáo-Hội biểu-quyết với đa-số 2/3 tổng số đại-biểu chánh-thức của các Giáo-phái, Hội-đoàn tham-dự Tổng Hội-Đồng chấp thuận.

Sau khi đã phân-tích tổ-chức và điều-hành của G.H.P.G.V.N.T.N. qua mọi giai-đoạn cải-tổ, ta cần phải đưa ra những nhận-xét vô tư để xem với tổ-chức hiện hữu, Phật-Giáo Thống-Nhất có đủ hữu hiệu để thực-hiện sứ-mạng của mình được không ?

TIẾT II

NHẬN-XÉT VỀ TỔ-CHỨC VÀ ĐIỀU-HÀNH CỦA G.H.P.G.V.N.T.N.

Phần trình-bày trên đây là những dữ-kiện căn-bản để thẩm-định xem tổ-chức và điều-hành G.H.P.G.V.N.T.N. hiện hữu có đủ hữu hiệu để thực-hiện sứ-mạng cao cả của mình không ? Vấn-đề tổ-chức thật khá quan-trọng đến nỗi có nhà chánh-trị học Hoa-kỳ đã nói rằng "Tổ-chức nghĩa là sức mạnh (190)". Tổ-chức được các nhà chánh-trị học coi là đặc-tính thứ hai, sau uy-tín xã-hội, ảnh-hưởng tới quyền-lực của một đoàn-thể (191). Tập-thể chỉ tạo được sức-mạnh khi các đoàn-viên có ý-thức hợp-tác và ý-chí gắn-bó chặt chẽ với tập-thể. Ý-thức và ý-chí này sẽ dễ có cơ-hội phát-sinh nếu tập-thể được tổ-chức một cách hữu hiệu. Thử hỏi Phật-Giáo

(190) Irish, Marian D. and Prothro, James W. : Sách đã dẫn, trang 245 và kế tiếp.

(191) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn I, trang 182-183, 313-314; Sách đã dẫn II, trang 111.

đã có một tổ-chức hữu hiệu chưa ? Căn-cứ vào những dữ-kiện vừa phân-tích trong Tiết I trên đây cũng như những quan-niệm khác biệt về sứ-mạng đã phân-tích trong Chương I, ta có thể nhận xét một cách vô tư rằng tổ-chức hiện hữu của Phật-Giáo, cả Ấn-Quang lẫn Quốc-Tư, chưa đủ hữu hiệu để thực-hiện sứ mạng của mình, tức là Giáo-Hội chưa tìm ra được một tổ-chức hợp lý, hợp tình và hợp cảnh. Hợp lý nghĩa là phù-hợp với chân-tinh-thần của Phật-Giáo và với các nguyên-tắc tổ-chức khoa-học. Hợp tình nghĩa là dung-hòa được mọi dị biệt trong cộng-đồng Phật-Giáo để tạo sự đoàn-kết thực-sự. Hợp cảnh là phù-hợp với trình-độ tiến-hóa của cộng-đồng Phật-Giáo Việt-Nam, với hoàn-cảnh chánh-trị, kinh-tế và xã-hội của đất nước. Sự thiếu hữu hiệu ấy thể hiện trong cả Hiến-Chương thứ nhất lẫn Hiến-Chương thứ hai và thứ ba mà ta sẽ nhận-xét trong hai đoạn sau đây.

ĐOẠN I - NHẬN-XÉT VỀ HIẾN-CHƯƠNG THỨ NHẤT

Hiến-Chương này chứa đựng nhiều điểm hoặc mơ hồ, hoặc mâu-thuẫn, hoặc không phù-hợp với tinh-thần truyền-thống của Phật-Giáo.

A - NHỮNG SỰ QUY-ĐỊNH MƠ-HỒ VÀ MẪU-THUẦN CỦA BẢN HIẾN-CHƯƠNG ĐẦU TIÊN LÀ MỘT NHƯỢC ĐIỂM QUAN-TRỌNG CỦA TỔ-CHỨC GIÁO-HỘI

I - Sự mơ-hồ nguy-hiểm là cách quy-định khá mập mờ quan-niệm thống-nhất Phật-Giáo, vì nó đưa tới hai lối giải-thích hoàn-toàn trái ngược và, do đó gây ra tranh-chấp trầm trọng giữa chủ-trương phân quyền và chủ-trương tập quyền (192).

II - Ngoài ra, những mâu-thuẫn sau đây của bản Hiến-Chương đã khiến thế quân-bình quyền-lực giữa Viện Tăng-Thống và Viện Hóa-Đạo bị gãy đổ :

(192) Xem từ trang 77 đến trang 79 Luận-án này.

1. Trước hết là mâu-thuần trong việc quy-định quyền-hành của Đức Tăng-Thống. Đúng lý ra, với tư-cách lãnh đạo tối cao toàn-thể Giáo-Hội, Ngài phải có đầy đủ quyền-hành đối với cả Viện Hóa-Đạo lẫn Viện Tăng-Thống. Nhưng Hiến Chương lại chỉ dành cho vị lãnh-đạo tối cao này quyền lãnh-đạo một Viện Tăng-Thống mà thôi. Ngay cả những quyền-hành đối với Viện sau này cũng chỉ có tính-cách nghi-lễ, vì hai quyền quan-trọng nhất - là phê-chuẩn, ban-hành Hiến-Chương và tấn-phong Viện Hóa-Đạo - hầu như đã trở thành hai nhiệm-vụ bó buộc vì Ngài không hề được quyền phủ-quyết về các vấn-đề này.

2. Mâu-thuần thứ hai nằm trong tương-quang giữa hai Viện. Nếu đúng như điều 7 Hiến-Chương quy-định, Viện Tăng-Thống ở trên Viện Hóa-đạo, nên nó có quyền quyết-định về mọi công việc của Viện Hóa-Đạo. Nhưng không phải vậy ! Nó chỉ có nhiệm-vụ cố-vấn, tức là cho ý-kiến (với tính-cách nhiệm ý), và lại cố-vấn về đạo-pháp mà thôi !

Nếu nói rằng Hiến-Chương đã giao-phó các vấn-đề Đạo-Pháp cho Viện Tăng-Thống và các vấn-đề thế tục cho Viện Hóa-Đạo, thì lối lý-luận này cũng không đứng vững được, vì chính Hiến-Chương đã dành cho Viện sau này toàn quyền quản-trị mọi Phật-sự thuộc cả hai lãnh-vực Đạo và Đời. Một mặt dành ngôi vị lãnh-đạo tối cao Giáo-Hội cho Đức Tăng-Thống, mặt khác lại dành cho Viện Hóa-Đạo "lãnh-đạo và điều-hành hết thảy các ngành của G.H.P.G.V.N.T.H.", Hiến-Chương đã tự mâu-thuần bằng cách tạo cho một đoàn-thể hai cơ-quan lãnh-đạo để rời, rút cục, mọi quyền-hành đều về tay Viện Hóa-Đạo.

3. Mâu-thuần thứ ba là mâu-thuần giữa lý-thuyết và thực-tế. Trong thực-tế, tình-trạng Giáo-Hội của Hiến-Chương đầu tiên lại khác với sự quy-định trong Hiến-Chương. Thật vậy, mặc dầu trên giấy tờ không có quyền-hành, vị Chánh Thư-ký Viện Tăng-Thống - Thượng Tọa Trí-Quang - là nhà lãnh-đạo chánh-trị nổi danh và có nhiều đồng-chí nắm giữ hầu hết các nhiệm-vụ theo chốt tại Viện Hóa-Đạo. Do đó vị Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo là Thượng Tọa Tâm-Châu, tuy trên giấy tờ có rất nhiều quyền-hành, nhưng trong thực-tế Ngài đã bị cố-lập và yếu hần đi. Rồi chẳng bao lâu mâu-

thuần vì quyền-hành đã nổi lên giữa hai nhà lãnh-đạo quan-trọng này.

B - GIỮA HAI VIỆN KHÔNG CÓ SỰ KIỂM-SOÁT HỒ-TƯỜNG VÀ ĐIỀU-HÒA CÔNG-TÁC

Với nhiệm-vụ cố-vấn về Đạo-Pháp, Viện Tăng-Thống không có quyền kiểm-soát đối với Viện Hóa-Đạo. Trong khi giao cho Đức Tăng-Thống quyền triệu-tập Đại Hội Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. bất thường, Hiến-Chương không hề quy-định thành-phần Đại Hội. Giả-sử rằng thành-phần ấy gồm cả nhân-viên của hai Viện, thì Viện Tăng-Thống, với nhân-số quá ít so với Viện Hóa-Đạo, sẽ không thể có tiếng nói quyết-định được.

Viện Hóa-Đạo không hề chịu sự tấn-phong của Viện Tăng-Thống và cũng không phải chịu trách-nhiệm trước Viện này. Viện Hóa-Đạo được hành-sử những quyền-hành quá rộng lớn có thể khuyh loát Viện Tăng-Thống trong đó Đức Tăng-Thống giữ ngôi vị lãnh-đạo tối cao nhưng vô quyền. Không có một "chiếc thắng" nào hãm bớt quyền-hành quá mạnh của Viện Hóa-Đạo và cũng không có cơ-quan nào giải-quyết mỗi bất đồng giữa hai Viện. Vì vậy thế quân-bình đã bị gãy đổ ; và nếu mâu-thuần xảy ra giữa các nhà lãnh-đạo lưỡng Viện, thì cuộc khủng-hoảng sẽ trầm trọng và kéo dài khi họ không xử sự với nhau trên tinh-thần tử,bi, bác ái.

C - TỔ-CHỨC CỦA GIÁO-HỘI ĐÃ BIỂU-LỘ KHUYNH-HƯỚNG TẬP QUYỀN QUÁ ĐỘ VÀ THỐNG-NHẤT CHẶT-CHẼ

Tập quyền ở chỗ Hiến-Chương không phân quyền cho các phân-hạt Giáo-Hội. Sự-kiện này đưa tới mâu-thuần là cơ-quan thượng cấp lại chịu trách nhiệm trước thuộc cấp do mình bổ-nhiệm, điều-động và kiểm-soát. Thật vậy, Viện Hóa-Đạo chỉ chịu trách-nhiệm trước Đại Hội khoáng đại gồm những đại-biểu Tỉnh Giáo-Hội chịu quyền chỉ-huy của Viện.

Thống-nhất chặt chẽ ở chỗ Hiến-Chương có khuyh-hướng xóa bỏ thực thể riêng biệt của các Giáo-phái, Hội-đoàn gia-nhập Giáo-Hội khi quy-định rằng thành-phần Giáo-Hội gồm những Tăng-sĩ và Cư-sĩ chấp-thuận bản Hiến-Chương. Thật ra,

các Tăng-sĩ và Cư-sĩ ký vào Hiến-Chương không phải với tư-cách cá-nhân mà với tư-cách đại-biểu của các tập-đoàn.

Sự mâu-thuẫn này đưa tới sự mâu-thuẫn thứ hai : nếu đã định rằng các ngôi chùa được xây dựng bởi cá-nhân hay Hội-đoàn được coi là tự viện của Giáo-Hội, tức là Giáo-Hội phải có quyền sở-hữu. Nhưng tại sao Giáo-Hội lại chỉ có nhiệm-vụ giám-hộ và bảo-vệ với sự nhìn-nhận quyền tư hữu của các tự viện đó. Thực ra, không có quyền sở-hữu nào được hiểu qua chữ "của" lại không phải là quyền sở-hữu.

Mâu-thuẫn thứ hai này đưa tới mâu-thuẫn thứ ba : lấy quyền gì mà Giáo-Hội tuyên-bố các ngôi Quốc-tự và các ngôi chùa làng cũng được coi là tự viện của Giáo-Hội trong khi những bất động sản này, trên phương-diện pháp-lý, lại thuộc Công-sản Quốc-gia và được sung dụng cho Giáo Hội mà thôi.

D - TẤT CẢ NHỮNG ĐIỂM MÂU-THUẦN VÀ MƠ-HỒ NÊU TRÊN
CÓ THỂ ĐƯỢC GIẢI-THÍCH BẰNG NHU-CẦU TẠO-DỤNG
SỨC MẠNH CHO GIÁO-HỘI

Thật vậy, sở dĩ Viện Hóa-Đạo lấn át quyền-hành Viện Tăng-Thống, có lẽ vì người ta muốn tạo một "quyền hành-pháp mạnh". Vì ưu thế của một Viện được coi là phương sách tạo sức mạnh cho Giáo-Hội, nên Đức Tăng-Thống chỉ đóng vai "trị-vì nhưng không cai-trị" và chỉ tượng-trung cho giá trị tinh-thần tối cao. Nhưng hiểu như vậy người ta lại vấp phải mâu-thuẫn là khi giá-trị ấy được suy-tôn vào một người rồi thì tại sao nó chỉ tồn tại có 4 năm để rồi chuyển cho một người khác ? Có lẽ vì Hiến-Chương đặt trọng tâm vào sự thống-nhất Phật-Giáo nên đã ấn-định việc luân-phiên ngôi-vị Tăng-Thống trong hàng Trưởng Lão thuộc hai tông-phái. Chính việc thống-nhất cũng như việc tập quyền đều nhằm tạo-dụng sức mạnh, vì tập thể chỉ mạnh-mẽ khi được chỉ-huy bởi một quyền-hành duy-nhất.

Vấn nhằm mục-đích tạo sức mạnh, Giáo-Hội còn đi xa hơn nữa là muốn tập-trung tất cả mọi cơ sở phụng-tự dù thuộc tư-nhân, hội-đoàn, làng xã hay quốc-gia vào trong tay Giáo-hội. Nhưng có lẽ vì thấy sự đi quá mau này sẽ gặp

phải phản ứng bất thuận lợi, nên sự mâu-thuẫn về vấn-đề này - các tự viện vừa được coi là của Giáo-hội vừa không phải là của Giáo-Hội - đã biểu-lộ sự xung-đột giữa một mãnh-lực tâm-lý muốn tiến lẹ với một thực tại cố-truyền muốn giữ nguyên trạng. Thật vậy, nếu không quy-định mâu-thuẫn như thế thì một mặt tính-cách thống nhất của Giáo-Hội sẽ bị suy-yếu, mặt khác Giáo-Hội sẽ gặp phải sự chống đối của các cá-nhân và tập-đoàn không muốn tài-sản của họ được gây dựng từ bao lâu bỗng chốc bị dâng hiến cho một quyền-lực bên ngoài cộng-đồng biệt lập cố truyền.

Có lẽ việc tạo dựng sức mạnh bằng một cơ-cấu tổ-chức chặt chẽ này không phù-hợp với tinh-thần tự-do và khoan-dung của Đạo Phật. Tuy nhiên, trong thực-tế các điều-kiện tâm-lý, chánh-trị và xã-hội đã phát sinh ra nhu-cầu "sức mạnh" mà các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo Việt-Nam muốn thỏa-mãn. Thật vậy, sau năm trăm năm yên ngủ trong vũng lầy cố-truyền chậm tiến và bị khinh miệt, Phật-Giáo Việt-Nam đã quyết tâm vùng dậy xô đổ một chế-độ để chiếm một địa-vị khả kính trong đời sống quốc-gia. Trong thực tại chánh-trị ngày nay, địa vị ấy phải được tạo nên bằng một sức mạnh. Nhưng tiếc rằng tổ-chức của Giáo-Hội theo Hiến-Chương đầu tiên đã chứa đựng những mâu-thuẫn nội tại nên không đủ mạnh để thực-hiện sứ-mạng (193). Chính vì vậy mà Hiến-Chương này đã được sửa-đổi.

ĐOẠN II - NHẬN XÉT VỀ HAI HIẾN-CHƯƠNG SAU

Cả hai Hiến-Chương sau cùng không đem lại cho Giáo-Hội một hình-thức tổ-chức hữu hiệu vì :

A - Hiến-Chương thứ hai (năm 1965) tuy đã thiết-lập được nguyên-tắc quân-bình quyền-lực và hỗ-tương ảnh-hưởng

(193) "Bản Hiến-Chương chỉ là một văn-kiên có tính-cách nhất thời để xoa dịu những tông-phái, địa-phương và phân quyền giữa những vị lãnh-đạo của thời tranh-đấu vừa qua, chứ thực sự chưa mang một nền móng cho cơ-cấu tổ-chức và điều-hành lâu dài". Đức-Nhuận, Thích : Căn tổ-chức Phật-Giáo Việt-Nam như thế nào để đáp ứng với đại cuộc, Tạp chí Vạn-Hạnh, số 19 (12/1966), trang 8.

giữa Viện Tăng-Thống và Viện Hóa-Đạo, nhưng đã đẩy mạnh hơn khuynh-hướng tập quyền quá độ. Khuynh-hướng này đã đưa tới sự chia rẽ sâu xa trong Giáo-Hội, vì sự hiện-diện của khuynh-hướng đối nghịch chủ-trương sự phân quyền rộng rãi cho các Giáo-Phái, Hội-đoàn.

Xét cho cùng, Hiến-Chương này cũng nhằm tạo-dựng sức mạnh cho Giáo-Hội, nhưng mục-tiêu ấy rõ-ràng đã không đạt được, vì những cuộc tranh-giành quyền-lực và bất đồng chánh-kiến giữa các nhà lãnh-đạo quan-trọng thực sự của Giáo-Hội đã làm cho sự quân-bình quyền-lực bị đổ vỡ trong thực tế. Sự phân-hóa nội bộ Giáo-Hội đã tới mức trầm trọng nhất khi Hiến-Chương thứ ba ra đời, chính-thức-hóa sự tranh chấp giữa hai phe Ấn-Quang và Quốc-Tự.

B - Hiến-Chương thứ ba (năm 1967) bị Ấn-Quang tẩy chay vì nó là sản-phẩm của Quốc-Tự và đi ngược lại chủ-trương tập quyền. Hiến-Chương này cũng tỏ ra chẳng có gì là hữu hiệu, vì trên lý-thuyết tuy nó phản ảnh được tinh-thần tự-do của đạo Phật và truyền-thống tự-trị của các tập-đoàn Phật-Giáo khi ấn-định một hình-thức liên-minh giữa các tập-đoàn có chủ-quyền nội bộ, nhưng nó đã tái lập tình-trạng bất quân-bình quyền-lực khi biến Viện Hóa-Đạo thành một cơ-quan cực mạnh. Hơn nữa, phe Quốc-Tự cổ võ cho Hiến-Chương này dù vẫn có ý-định tạo-dựng sức mạnh cho Giáo-Hội, nhưng đã không thu-hút được hậu-thuần của đa số quần-chúng Phật-tử, đặc biệt là giới Phật-tử thuần thành sẵn sàng xả thân vì "Đạo-Pháp và Dân-Tộc". Ngoài ra, sở dĩ Ấn-Quang đã nắm được ưu thế chính vì họ có một tập-đoàn cán-bộ giỏi giang, có kỹ-thuật lãnh-đạo và đấu tranh sắc bén cùng một lập-trường kiên-trì. Vì vậy dầu rằng đã có lần Quốc-Tự biểu-lộ ý-định hòa-giải để đoàn-kết nội bộ, Ấn-Quang vẫn bác khước mọi đề-nghị bằng cách cho rằng Phật-Giáo không chia rẽ, chỉ có một thiếu số "giáo-gian" làm tay sai cho chánh-quyền để ngụy tạo Hiến-Chương Phật-Giáo; mục-tiêu tranh-đấu của họ là chánh-quyền đã tạo ra "giáo-gian" để lũng đoạn Giáo-Hội. Nhiều người nhận xét rằng yếu-tố quyết-định sự phân-hóa Phật-Giáo không phải là cơ-cấu tổ-chức nội bộ, mà chính là mối mâu-thuẫn giữa các nhà lãnh-đạo về đường-lối chánh-trị. Nhận xét này chỉ là sự xác nhận một chân-lý theo đó điều quan-hệ nhất của bất cứ tập-thể nào không phải là hình-thức

tổ-chức, mà chính là con người và những phương-tiện khả dụng. Chân-lý ấy phù-hợp hoàn-toàn với mối quan-tâm căn-bản của Đức Phật, vì trọng tâm triết-lý và tôn-giáo của Ngài là con người, với tất cả những thói hư tật xấu nhưng có tự-do và Phật-tính, mà Ngài muốn chỉ dạy cho cách giác-ngộ và giải-thoát để tới Nát-bàn cực-lạc. Ngài không hề chủ-trương thiết-lập một Giáo-Hội theo kiểu Thiên-Chúa Giáo hay theo bất cứ hình-thức nào khác. Ngài chỉ muốn thành-lập một đoàn Tăng Già để cứu nhân độ thế. Nói cách khác, điều quan-trọng nhất của mọi đoàn-thể vẫn là vấn-đề nhân-sự và những tài-nguyên vật-chất mà ta sẽ xét trong Chương III và cũng là Chương chót của Phần I Luận án.



CHƯƠNG III

VẤN-ĐỀ NHÂN-SỰ VÀ TÀI-NGUYÊN VẬT-CHẤT CỦA GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT

Nhân-sự bao gồm các Tăng, Ni và Phật-tử thuộc Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. Tài-nguyên vật-chất là các phương-tiện tài-chánh, các cơ-sở phụng-tự, văn-hóa, giáo-dục và xã-hội. Đây là hai vấn-đề quan-trọng nhất của bất cứ một tổ-chức nào, vì đoàn-thể chỉ hiện hữu nếu có đoàn-viên, và tồn-tại được nếu có các tài-nguyên vật-chất dùng làm phương-tiện hoạt-động. Vì tài-nguyên vật-chất của Giáo-Hội Phật-Giáo V.N.T.N. quá nghèo nàn nên ta khảo-sát trong cùng một Chương với vấn-đề nhân sự :

Tiết I	Tăng-sĩ Phật-Giáo
Tiết II	Phật-tử thế-tục
Tiết III	Các tài-nguyên vật-chất của G.H.P.G.V.N.T.N.

TIẾT I

TĂNG-SĨ PHẬT-GIÁO

Tăng-sĩ Phật-Giáo gồm có Tăng, Ni đã chính thức thụ tỉ-khuu-giới. Để tiện việc nghiên-cứu, ta xếp vào hàng Tăng-sĩ cả học-tăng và học-ni, tức là những người còn trong thời-kỳ tu học và chưa được bần Tăng-sự. Giới Tăng-sĩ đã đóng vai-trò cột-trụ trong mọi cuộc tranh-đấu từ 1963 tới nay. Vì vậy, uy-tín của họ nếu có hồi lên cao thì về sau nó đã xuống thấp vì các cuộc tranh-đấu từ 1966 trở đi đã không được quần-chúng hưởng-ứng như trước. Thực ra, chỉ có thành-phần Tăng-sĩ trẻ trung và cấp-tiến mới thực sự đóng vai-trò lãnh-đạo đấu tranh.

Nhiều yếu-tố đã kết-hợp để gia-tăng tiềm lực chánh-trị của Tăng-sĩ. Trước hết, chư Tăng là một trong

ba ngôi "Tam Bảo" (Phật, Pháp, Tăng) mà mọi Phật-tử đều có nhiệm-vụ thờ kính. Uy-tín tôn-giáo ấy phát sinh uy-tín, chánh-trị và ảnh-hưởng mạnh mẽ tới thái-độ chánh-trị của tín-đồ.

Thứ đến, có những động lực mãnh-liệt thúc đẩy chư Tăng tại Việt-Nam cũng như tại các nước Á-Châu khác bị ngoại thuộc tích-cực hoạt-động chánh-trị. Ở nước ta cũng như bên Miến-Điện và Tích-Lan, giới Tăng Già đều là lớp tinh-hoa cổ truyền bị di thất trong khắp mọi lãnh-vực xã-hội vì ảnh-hưởng Tây-phương. Vì vậy, chỉ có sự thay-đổi chánh-trị sâu xa mà họ phải tích-cực góp sức mới có cơ-hội khôi-phục uy-tín của họ được (194).

Những yếu-tố kể trên kết hợp với hoàn-cảnh chánh-trị và tôn-giáo mà ta đã phân-tích trong Thiên I làm cho chánh-trị có một sức hấp-dẫn đặc biệt đối với chư Tăng hiếu động. Tuy nhiên, bên cạnh những Tăng-sĩ hoạt-động chánh-trị cũng có những Tăng-sĩ chuyên tâm hơn vào công-tác thuần-túy tôn-giáo và văn-hóa. Còn giới Tăng Ni thừa-hành thường bị ảnh-hưởng bởi sự chia rẽ của các nhà lãnh-đạo và đã trở thành thành-phần chủ lực trong mọi cuộc tranh-đấu với chánh quyền. Vì vậy trong Tiết này ta sẽ xét ba đoạn :

- I - Các Tăng-sĩ lãnh-đạo quan-trọng về phương-diện chánh-trị.
- II - Các Tăng-sĩ lãnh-đạo quan-trọng về phương-diện tôn-giáo và văn-hóa.
- III - Giới Tăng-sĩ thừa-hành.

ĐOẠN I - CÁC TĂNG-SĨ LÃNH-ĐẠO QUAN-TRỌNG VỀ PHƯƠNG-DIỆN CHÁNH-TRỊ

Trước hết, ta kiểm-điểm các nhân-vật quan-trọng nhất về phương-diện chánh-trị. Sau đó, ta xét sự tương-tranh quyền-lực giữa họ diễn-tiến ra sao ?

(194) Smith, Donald E. : Sách đã dẫn, trang 490 và kế tiếp.

PHÂN ĐOẠN I - KIỂM-ĐIỂM CÁC NHÂN-VẬT QUAN-TRỌNG

Trước khi kiểm-điểm các nhân-vật thên chót có ảnh-hưởng chánh-trị quan-trọng nhất, tương cần nêu lên một vài nhận-xét đại-cương :

- Thứ nhứt, chư Tăng hiểu động thuộc cả Ấn-Quang lẫn Quốc-Tự đều hoài bão khôi phục uy-tín cho Phật-Giáo. Sự chia rẽ nằm trong sự đối nghịch về đường-lối dẫn tới vinh-quang.

- Thứ hai, họ đều là những người trưởng thành vào đúng lúc phong-trào giải-phóng dân-tộc và phong-trào chấn-hưng Phật-Giáo được phát động mạnh mẽ tại các quốc-gia bị trị Á-Châu, trước sức phát-triển vĩ đại của Nhật-Bản. Các phong-trào này đã gây cho họ ý-thức rõ-rệt về niềm tuinhục vong quốc, giá-trị của nền độc lập và sự liên-hệ giữa Phật-Giáo với Dân-Tộc. Được hấp-thụ văn-hóa và lễ-lối suy-tưởng Tây-phương, họ dùng phương-tiện trí-thức Tây-phương chống lại chính Tây-phương ngõ hầu khôi-phục giá-trị cổ truyền Đông-phương.

- Thứ ba, nhiều Tăng-sĩ tranh-dấu đã được huấn-luyện trong các Phật-học Viện nổi danh ở Huế. Nơi đó là một trung-tâm văn-hóa cổ-kính, một thành-trị tự-chủ cuối cùng của vương-quốc An-Nam chống lại làn sóng xâm-lãng Tây phương ; đồng thời, và quan trọng nhất, nó còn là một trung tâm Phật-Giáo Việt-Nam với rất nhiều chùa-chiền rải rác khắp nơi trong bầu không-khí mộ đạo đặc biệt của đại đa số dân chúng là Phật-tử thuần thành. Chính khung-cảnh địa-dư và lịch-sử ấy đã cấu-tạo cho chư Tăng lòng yêu nước cùng với lòng yêu đạo.

Để ý đến quá trình trưởng thành này, ta sẽ không ngạc nhiên trước tinh-thần quốc-gia đôi khi quá-khích và lòng mộ đạo đôi khi cuồng tín. Do đó, không nhiều thì ít, hoặc trực-tiếp hoặc gián-tiếp, họ đã tham-gia các phong-trào giải-phóng dân-tộc hay kháng chiến, và hầu hết các phong-trào đấu-tranh của Phật-Giáo đều phát xuất tại cố đô Huế.

- Nhận xét sau cùng là trong số các Tăng-sĩ chánh-trị chỉ có chư Tăng như Trí-Quang, Thiện-Minh, Tâm-Châu, Tâm-Giác, Thiện-Hoa và Huyền-Minh là theo chốt nhất.

Mục I - Thượng-Tọa Thích Trí-Quang

A - Tiểu sử

Thượng Tọa Thích Trí-Quang khai trước viên dự-thẩm Tòa-án Cách-Mạng ngày 23.4.1964 tục danh là Phạm-Trí-Quang. Sinh năm 1922 tại Quảng-Bình, xuất gia từ thuở nhỏ, ngài tu học tại các chùa danh tiếng ở Trung-Phần. Năm 1945 ngài tốt-nghiệp bằng cao đẳng Phật-Giáo và sau khi rời chùa Báo-Quốc ngài đến tu tại chùa Phổ-Minh. Năm 1946 ngài là giảng-sư Phật-Học Đường Trung-Việt tại Huế. Cuối năm ấy, vì chiến cuộc bùng nổ, ngài di-tản về làng Trung-Nghĩa thuộc tỉnh Quảng-Bình. Năm 1947 ngài trở về trụ trì tại chùa Phổ-Minh.

Năm 1948, hoạt-động cho hội Phật-học Huế, ngài đi giảng-đạo tại các tỉnh miền Trung. Năm 1952 ngài là chủ bút tạp-chí Viên-Âm, cơ-quan Hoàng-Pháp của hội Phật-học Trung-Việt. Trong năm này, ngài được cử đi dự đại Hội Phật-Giáo thế-giới tại Nhật-Bản từ 25.9 đến 30.12.1952. Năm 1958 ngài được cử giữ chức Hội-Trưởng hội Phật-Giáo Trung-Phần, và đến năm 1963 ngài được tái cử chức-vụ đó (195).

(195) Xin yết-kiến Thượng Tọa Trí-Quang nhiều lần tại Chùa Ấn-Quang, chúng tôi chỉ được gặp ngài một lần duy-nhất vào cuối năm 1969. Lần này, phải năn-nỉ mãi, chúng tôi mới được ngài tiếp trong vòng 40 phút. Chúng tôi có nhờ ngài xem đoạn viết về ngài với hy-vọng phan-anh được sự thật trong luận-án này.

Ngài hỏi chúng tôi : "Anh lấy tài-liệu ở đâu ?"

Chúng tôi trả lời : "Tôi tìm ở bất cứ nơi nào có thể tìm được, ở trong nước cũng như ở ngoại quốc, ở các cơ-quan tư cũng như công và ở các cá-nhân có liên-hệ đến đề-tài khảo cứu."

Ngài bảo : "Sai hết ! chẳng ai viết đúng về tôi cả. Ngay đến cuốn đại từ điển Larousse thế-ky XX, viết về tôi còn sai bét. Anh cứ coi tôi là một nguồn tài-liệu của anh thôi. Lúc này dân-tộc đang đau khổ, viết về Phật-Giáo anh nên thận trọng, không e rằng có phan ứng."

Hồi tháng 5/1963, ngài lãnh-đạo cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo. Năm 1964, ngài giữ chức Đại-diện Phật-Giáo Trung-Phần và Chánh Thơ-ký Viện Tăng-Thống.

Năm 1966, cuộc tranh-đấu tại miền Trung do ngài lãnh-đạo bị thất bại, ngài tuyệt-thực 100 ngày tại Bệnh Viện Duy-Tân Sài Gòn.

Năm 1967, ngài biểu-tình ngồi trước Dinh Độc-Lập trong 13 ngày liền cùng với chư Tăng Pháp-Tri, Pháp Lan, Quảng-Long và Hộ-Giác để phản đối sắc-luật 23/67 về Hiến-Chương Phật-Giáo. Cuộc tranh-đấu này cũng thất bại.

Sau đó, ngài chống kết-quả bầu-cử Tổng-Thống và Thượng Nghị-Viện.

Cuối năm 1967, ngài xác nhận với chánh-quyền rằng ngài là người lãnh-đạo và chịu trách-nhiệm về "phong-trào vận-động tự-do dân-chủ" năm 1966. Tuy nhiên, Tòa-Án Quân-sự

(195 tiếp theo) Chúng tôi thưa : "Tôi viết Luận-Án tức là làm một công việc hoán-toán có tính-cách khoa-học, vô tư và khách quan. Vì vậy công việc nghiên-cứu của chúng tôi không thể bị chi-phối bởi một thiên kiến, một hậu ý, một phe-phái chính-trị hay bất cứ một áp-lực chánh-trị nào."

Ngài nói thêm : "Dù anh viết cho một giới ít người đọc hay anh để trong bốn bức tường, anh cũng phải thận trọng, nếu chẳng may tài-liệu có giá-trị và đáng để ý."

Chúng tôi đã xin ngài cho hẹn một lần tiếp-kiến nữa để nhờ ngài sửa-chữa cho những chỗ sai lầm. Nhưng nhiều lần sau, chúng tôi đều không được gặp ngài. Vì vậy, viết về ngài chúng tôi chỉ biết căn-cứ vào những tài-liệu có sẵn và những ý-kiến do ngài phát-biểu trong cuộc tiếp-kiến nêu trên. Nếu có điều sai lầm thì đó là hoán-toán ngoài ý muốn của người nghiên-cứu. Riêng tiểu-sử của ngài được viết căn-cứ phần lớn vào thiên điều-tra "Bí Mật Chùa Ấn-Quang" của Nguyễn-Thế-Phong đăng trên nhật báo Tiếng Việt ngày 20.3.1969 và các ngày kế tiếp.

Văn biết rằng viết về Phật-Giáo, nhất là về những nhân-vật Phật-Giáo thời đại, qua là điều vô cùng tế nhị, và gặp được chư Tăng lại là việc khá nan giải, nhưng sự lương-thiện trí-thức cần có của người nghiên-cứu và vai-trò cực kỳ quan-trọng của Tăng-sĩ lãnh-đạo phong-trào Phật-Giáo không cho phép cho chúng tôi lan-trón sự khó khăn.

Mặt-Trận ngày 18.12.1967 đã không mời ngài ra làm nhân-chứng.

Năm 1968, sau biến-cố Mậu Thân, ngài đã được chánh-quyền đưa đi giữ an-ninh một thời-gian rồi trả tự-do.

Ngài đã họp báo ngày 16.3.1969 về vụ Thượng Tọa Thiện-Minh.

Ký giả Nguyễn-Thế-Phong còn cho biết trong những năm gần đây ngài họp cùng một số trí-thức lập lực-lượng Phật-tử Việt-Nam. Sau đó ngài giải-tán phòng liên-lạc Giáo-Hội Phật-Giáo và lực-lượng vừa kể.

Như vậy, từ năm 1963 Thượng-Tọa Trí-Quang là một Tăng-Sĩ nổi bật trên chánh-trường Việt-Nam và được công-luận trong và ngoài nước bình-luận khá nhiều. Một vài tờ báo Hoa-kỳ gọi ngài là "con người làm rung chuyển Mỹ-Quốc". Ngài là một nhà trí-thức, đạo đức, khôn ngoan về chánh-trị (196). Đặc biệt là ngài rất ít xuất-hiện trước đám đông, không hay thuyết-pháp và không nhận đệ-tử đến xin quy y (197).

Tất cả những điều vừa kể tạo nên một huyền thoại Trí-Quang. Thật vậy, người ta nêu rất nhiều giả-thuyết về ngài : Thượng Tọa Trí-Quang thân Cộng ? Quốc-gia cực đoan ? trung-lập ? chống Cộng ? Vậy con người thực của Ngài ra sao ?

B - Lập-trường chánh-trị

1. Các giả-thuyết - Có 4 giả-thuyết vừa kể về lập-trường chánh-trị của Ngài.

a) Giả-thuyết thân Cộng - Một phần số dư-luận, và nhất là các nhân-vật chánh-quyền như Ông Ngô-đình-Nhu, Chuẩn Tướng Phan-xuân-Nhuận đã gán cho Ngài nhãn-hiệu

(196) Thiện, Tôn-Thất : Riding the Buddhist wave, The Times of India, New Delhi, May 8.1966.

(197) Phỏng-vấn một sinh-viên thân-cận Thượng Tọa Trí-Quang.

Cộng-Sản hay thân Cộng (198). Giả-thuyết ấy dựa vào những sự-kiện sau đây do các nhà phân-tích chánh-trị ngoại quốc nêu ra :

- Sự liên-hệ gia-đình của Ngài với những người Cộng-Sản : Thầy dạy Phật-Pháp của Ngài, Sư Trí-Độ, là lãnh-tụ Phật-tử Cộng-Sản miền Bắc. Hai người anh em của Ngài hoạt-động cho chế-độ Cộng-Sản : Thích Diệu-Minh là một nhân-viên của Chủ-tịch-đoàn Cộng-Sản Quảng-Bình năm 1947 và hiện giữ chức-vụ cao cấp tại Hà-Nội : Phạm-Đại-phục-vụ trong một đơn-vị quân-đội Bắc-Việt ; người em thứ ba của Ngài là Phạm-Chánh chỉ-huy một đơn-vị du-kích cho tới khi tử trận vào năm 1947 (199). Nhà Sư em Ngài đã bí mật vào thăm Ngài tại miền Nam hồi tháng 5 năm 1964, kèm theo một cán-bộ chánh-trị của Mặt-trận Giải-phóng Dân-tộc Miền Nam (200).

- Ngài đã có thời-kỳ hoạt-động trong phong-trào Việt-Minh và đã ly-khai vào những năm 1950 (201). Thượng Toạ Huyền-Minh cho hay có lẽ Ngài đã hoạt-động cho phong-trào này vào năm 1946 sau khi ở Bắc về Trung.

- Có tài hoạt-động chánh-trị, Ngài đã áp-dụng phương-pháp và chiến-lược đấu tranh của Cộng-Sản và đã thành công vào năm 1963 (202).

- Thái-độ chánh-trị của Ngài có vẻ mập mờ khó hiểu. Nữ ký-giả Marguerite Higgins nhận-xét rằng Ngài rất thờ ơ với công-cuộc chống Cộng (203). Ngài lại thường xuyên chống đối mọi chánh quyền từ năm 1963 tới nay mà Ngài lên án là "vô liêm-sĩ" (204). Ngài chống chiến tranh, lập-trường của Ngài khác hẳn lập-trường chánh-phủ (205). Cuộc

(198) Ông Ngô-đình-Nhu : Xem "Press interviews with President Ngô-đình-Diệm and political counselor Ngô-đình-Nhu" Việt-Nam Press, trang 66; Chuẩn Tướng Phan-xuân-Nhuận : Xem Thêm, Đoàn : Việc từng ngày năm 1966, trang 109.

(199) Bouscaren, Anthony T. : Sách đã dẫn, trang 103.

(200) Shaplen, Robert : Sách đã dẫn, trang 248.

(201) Shaplen, Robert : Sách đã dẫn, trang 247.

(202) Bouscaren, Anthony T. : Sách đã dẫn, trang 101.

(203) Bouscaren, Anthony T. : Sách đã dẫn, trang 102.

(204) và (205) Nghị về cách-mạng, chiến-tranh và hòa-bình, tài-liệu phỏng vấn do nhóm Thái-Độ xuất-ban năm 1967, trang 101-102.

đấu tranh tại miền Trung năm 1966 do Ngài điều khiển có tính cách bài ngoại rõ rệt. Ngài đã tuyên bố : "... Giặc quả tình đang làm như bản, đang đánh lạc hướng một cách cố chánh sách một vấn đề căn bản, một ước vọng tối thượng. Đó là một nguy cơ thêm vào bao nhiêu nguy cơ mà giặc tạo ra cho dân ta và nước ta", rồi Ngài đi đến kết luận là tất cả mọi người đều "mong có một sự thay đổi" (206).

Giả thuyết này không đứng vững vì trong tình trạng đất nước bị chia cắt, rất nhiều gia đình có người ở cả hai bên chiến tuyến. Hơn nữa người ta cũng không có bằng cứ nào chứng tỏ rằng Ngài liên hệ với Cộng-Sản. Ngoài ra, khi xem tới giả thuyết này Ngài tỏ vẻ bất bình và hỏi tôi : "Có phải anh lấy tài liệu của Công An không ? Sai hết !" Lời nói này cho thấy Ngài đã phủ nhận giả thuyết thứ nhất. Còn giả thuyết thứ hai ?

b) Giả thuyết quốc gia cực đoan - Trái với giả-thuyết trên, có một luồng dư luận cho rằng Ngài là một chiến-sĩ quốc-gia cực đoan vì :

- Chính phong trào Phật-giáo do Ngài lãnh đạo đã trình-bày rõ rệt một đường lối thứ ba mệnh danh là "Dân-tộc và Đạo-Pháp", không chấp nhận cả vô thần lẫn hữu thần, hay cả Cộng-Sản lẫn Tư-Bản (207).

- Trong cuộc phỏng vấn dành cho Nhật-báo Saigon Daily News ngày 11.4.1966, Ngài phủ nhận việc chống Mỹ, thân Cộng hay tìm cách chấm dứt viện trợ Mỹ và đuổi Mỹ ra khỏi Việt-Nam. Ngài chỉ chống đối mọi âm mưu xâm phạm chủ quyền Việt-Nam và ngăn cản việc thành lập một Quốc-Hội Lập-Hiến. Ngài nói :

"Cuộc chiến đấu chống Cộng đã cần và còn cần viện trợ của các đồng minh. Nhưng giá trị của viện trợ sẽ giảm xuống thành số không nếu Việt-Nam không có một Quốc

(206) Nghĩ về Cách-mạnh, chiến-tranh và hòa-bình, tài-liệu phỏng-vấn do Nhóm Thái-Độ xuất-bản năm 1967, trang 101-102.

(207) Thiện, Tôn-thất : Bài đã dẫn.

Hội để xây dựng chủ quyền quốc gia, dành được sự ủng hộ của nhân dân và dựa vào một căn bản vững vàng" (208).

Theo giáo-sư Tôn-thất-Thiện, cũng vào thời gian vừa kể Thượng-tọa Trí-Quang đã biểu lộ niềm hối tiếc của mình về việc hạ bệ và thảm sát Tổng-thống Ngô-dình-Diệm. Ngài tôn kính và ngưỡng mộ vị cố Tổng-thống vì ông là "một người quốc gia đã bảo vệ hữu hiệu chủ quyền Việt-Nam"(209).

- Khi Hiến-pháp Đệ II Cộng-Hòa sắp được ban hành, Ngài có nói : "Hiến-pháp 1956 chẳng cần phải hủy bỏ chỉ nên sửa lại." Câu nói này được dư-luận hiểu rằng có thể ngụ ý là "căn bản của nền Đệ I Cộng-Hòa không nên bị hủy bỏ" (210).

Về giả thuyết này, Ngài gật đầu có vẻ đắc ý. Tuy nhiên, Ngài cái chính hai điểm : 1) Ngài không bao giờ hối tiếc việc Tổng-thống Ngô-dình-Diệm bị hạ sát, Ngài cũng không công nhận ông Diệm là một người quốc gia yêu nước biết bảo vệ chủ quyền ; 2) Ngài không đồng ý với Hiến-pháp Đệ I Cộng-Hòa. Tuy-nhiên, theo Ngài một Hiến-pháp dù có bị sửa đổi hoàn toàn tất cả mọi điều khoản cũng chỉ nên gọi là sửa đổi chứ không dùng chữ "bãi bỏ". Ngài đồng ý giết Tổng-thống, lật đổ Quốc-hội, và sửa đổi Hiến-pháp theo nghĩa vừa nói.

c) Giả-thuyết "chống Cộng" - Vì cho rằng Thượng-tọa Trí-Quang là một người quốc-gia cực đoan, nên người ta căn cứ vào một vài sự kiện để biện minh rằng Ngài có tinh-thần chống Cộng. Bằng cứ là sau khi ly khai phong trào Việt-Minh vào những năm 1950, Ngài có biểu lộ quan-điểm chống Cộng và chống Trung-lập có cảnh-giác hơn (211).

- Ngài đã có lần bày tỏ niềm tin tưởng vào sự chiến thắng của Phật-giáo trước sức tấn công của

(208) và (209) Thiện, Tôn-thất : Bài đã dẫn.

(210) Nhật-báo Chính-Luận, 7.9.1968.

(211) Shaplen, Robert : Sách đã dẫn, trang 247.

các chủ nghĩa ngoại lai trong đó có Mác-xít mới bám rễ ở Việt-Nam trong mấy chục năm nay so với lịch sử gần 2000 năm của Phật-giáo.

Ngài cũng từng biểu-lộ lập-trường chống Cộng trong lúc đấu tranh với chánh-quyền năm 1967. Ngài tuyên bố :

"Từ Hiệp-định Genève 1954 đến nay không có một chánh phủ nào có hiệu năng để chống Cộng. Vì vậy tôi mới chống Chánh-phủ trưởng-kỳ."

Đáp một câu hỏi của báo chí về dư luận nghi ngờ Ngài là Cộng-Sản, Trung-lập, Ngài nói :

"Tôi không cần cải chánh, nếu cải chánh là ấu-trĩ, tôi chỉ xin anh biết năm 1953, mẹ tôi bị đấu tố chết ở Quảng-Bình, nên tôi mới đi tu đến ngày nay" (212).

d) Giả thuyết trung-lập - Cũng vì phong-trào Phật-giáo tranh đấu cho "Đạo-pháp và Dân-tộc" do Ngài lãnh đạo chủ trương một đường lối thứ ba, nên dư-luận đề nghi ngờ Ngài có khuynh-hướng trung-lập. Theo ký giả Jean Lacouture, khuynh-hướng này biểu lộ từ năm 1958 khi Ngài viết trong tạp chí Phật-Giáo Việt-Nam rằng không một người nào, không một quốc gia nào có thể động viên được Phật-giáo vào cuộc chiến tranh nóng hay chiến tranh lạnh, và chính trong những quốc gia trung lập Phật-giáo mới có chỗ đứng (213).

Trong cuộc tranh đấu 1963, Ngài tuyên bố với nữ ký giả Marguerite Higgins tại chùa Xá-Lợi rằng giải pháp đăc sách nhất cho Việt-Nam là chủ nghĩa Trung-lập. Ngài nhấn mạnh :

(212) Nhật-báo Tia Sáng, 30.9.1967.

(213) Lacouture, Jean : Le Vietnam entre deux paix, trang 89. Seuil, Paris 1965.

"Chúng tôi không thể dàn xếp với miền Bắc cho tới khi chúng tôi loại trừ được hai ông Diệm, Nhu" (214).

Robert Shaplen cho rằng việc Ngài chống cả Tướng Nguyễn Khánh lẫn sự ủng hộ của Mỹ cho nhân vật này hồi đầu năm 1964 khiến dư-luận quốc tế nghi ngờ Ngài có thể thích nghi với phe Trung-lập (215).

Gần đây ý-dịnh thành-lập một lực-lượng thứ ba của Ấn-Quang để tranh thủ hòa-bình càng tăng thêm mối nghi ngờ kể trên. Hơn nữa, vào năm 1966, ký giả ngoại quốc cũng tường thuật một chương trình cách mạng của Ngài trong đó có điểm Trung-lập. Trong cuộc phỏng vấn dành cho chúng tôi ngày 24.11.1969 Thượng-tọa Huyền-Minh cho rằng Thượng-tọa Trí-Quang không theo Cộng-Sản, nhưng chủ-trương một nước Việt-Nam trung-lập theo chế độ Quân-chủ lập-hiến. Thượng-tọa Trí-Quang, vẫn theo Thượng-tọa Huyền-Minh, đã từng nói rằng đất nước này dù muốn hay không cũng phải có vua mới cai trị được ; Ngài muốn biến 17 tỉnh miền Trung thành vùng đệm do Cựu Hoàng Bảo Đại cai-trị. Khi đó Phật-giáo có thể trở thành quốc giáo. Vẫn theo Thượng-tọa Huyền-Minh, Ngài chỉ áp dụng chiến thuật Cộng-Sản trong việc khai thác lòng yêu nước của Phật-tử để thực hiện mưu đồ chánh-trị.

Nhận xét về các lực-lượng chánh trị tại Việt-Nam, giáo-sư Trần-hoài-Trần cũng cho rằng giấc mơ của Phật-giáo là giấc mơ một Nam Việt-Nam Trung-lập, độc-lập và Phật-giáo trong một Đông Nam Á trung-lập và Phật giáo (216). Vì vậy người ta cho rằng Ngài có tư tưởng chống Công-giáo. Trước các giả thuyết phức tạp này ta có thể phỏng đoán thế nào về lập trường của Thượng-tọa Trí-Quang ?

2. Phỏng đoán lập-trường chánh-trị của Thượng-tọa Trí-Quang - Vì tất cả những giả thuyết trên đều không có bằng chứng rõ rệt nên người ta không thể quyết đoán

(215) Shaplen, Robert : Sách đã dẫn, trang 248.

(216) Trần, Trần-Hoài : Les Forces politiques au Sud Vietnam depuis les accords de Genève 1954, trang 210, tác-giả xuất bản 1967.

giả thuyết nào đúng. Tối nay đối với quần chúng Ngài vẫn còn là người khó hiểu, và có lẽ Ngài cũng muốn như vậy khi nói với chúng tôi: "Phòng vấn tôi, đừng ghi chép gì cả, anh nên coi tôi như một tài liệu". Tuy nhiên căn cứ vào cuộc đối thoại, vào các bài thuyết pháp và khảo luận đã in thành 4 cuốn Tâm ảnh lục, và vào các hoạt động thực tế, chúng tôi thấy hai giả thuyết (b) và (d) có phần đúng hơn hai giả thuyết (a) và (c).

Trước hết Ngài đã tỏ ra đồng ý với giả thuyết cho Ngài là quốc gia cực đoan và có đường lối riêng. Trong thực tế, đường lối ấy thể hiện qua các cuộc tranh đấu: "Đạo-pháp và Dân-tộc" được coi là kim chỉ nam hành động của Ấn-Quang.

Thứ đến, chính Ngài nói với chúng tôi rằng trung lập không có nghĩa là xấu xa và có rất nhiều hình-thức trung-lập. Phải chăng ngài muốn hàm ý rằng trung-lập là điều hay nếu tìm được hình-thức trung-lập vừa bảo vệ được chủ quyền, nghĩa là không lệ-thuộc một khối nào mà lại được các khối giúp đỡ?

Nếu thực Ngài nghĩ như vậy thì đó là một điều lý tưởng nhất mà mọi người mong muốn. Tuy-nhiên, trong thực tại chánh-trị của thế giới ngày nay, điều lý tưởng ấy thật có tính cách không tưởng, vì một nước nhược tiểu lại ở vào địa vị quan yếu như Việt-Nam làm thế nào thoát khỏi vùng ảnh hưởng của các đại cường quốc được?

Về điểm chống Công-giáo, ta chỉ thấy rõ rệt hai điểm: Trước hết, trên bình diện tư-tưởng, là một tăng sĩ theo chánh Pháp, Ngài hoàn toàn đối nghịch với thuyết Thần quyền của Công-giáo. Ngài đã từng tuyên bố: "Người là chúa tể của xã-hội loài người, xã-hội loài người không thể có chúa trời thứ hai" (217).

Giảng giải rõ ràng hơn, Ngài đặt vấn đề: "Thượng đế có hay không? Phiếm thần thực hay giả?".

(217) Tâm Ảnh Lục, Tập I, trang 186.

Rồi Ngài trả lời ở thể phủ định như sau :

"Cái đó không phải của Phật-học, nên đứng về phía Phật-học, ta không cần đá động đến. Nhưng đã là tín đồ Phật-giáo mà thừa nhận Thượng-đế dù là thừa nhận theo quan niệm phiếm-thần-luận, tin rằng thượng đế không phải là một đấng nhưng là một thể phổ-biến, sinh-hóa và chi phối vạn vật, thì cũng như chủ trương "linh-hồn bất-diệt", bản thể thuần túy, chỉ là cái ngã chấp của thặng luận này, chứ nào phải chính Pháp ?".

Trung thành với chánh Pháp, Ngài tiếp tục phủ nhận Thượng-đế : "Ở đây cũng nên nói cho rõ ráo, những người thừa nhận Thượng-Đế theo quan-niệm phiếm thần như vậy, nếu đúng nghĩa là cái họ hiểu là cái thể phổ biến thanh tịnh tuyệt đối in như Chân như (và họ cũng thường phụ họa như vậy để chống chế), thì sao không gọi hẳn là Chân như cho danh đúng thực, mà cứ gọi là Thượng-Đế để núp dưới danh từ và quan niệm ấy, cất dậy một ông trời mà thâm tâm họ tín ngưỡng ? Hay họ bảo miễn cái thực hiểu cho đúng thì thôi, chứ cần chi danh từ, nếu thế sao họ cứ khư khư giữ cái tên Thượng-đế ?

"Cho nên, một người học Phật là phải hiểu rằng ở Phật học tiêu trừ hết thảy, không còn dung chứa một cái gì hết" (218).

Tuy nhiên, quan-niệm chánh Pháp trên đây lại không phải là quan-niệm của người bình dân Việt-Nam vì những dân-tộc tiếp nhận đạo Phật đã thích ứng giáo lý nhà Phật với thân thoại trong nước và sửa đổi lại cho phù hợp với họ. Nếu chánh Pháp không nhận có Thượng-Đế, thì dần dần đức Phật đã trở thành một vị thần linh siêu việt, được người ta cầu kinh và dâng lễ ... Cõi nát bàn đã trở thành một thiên đường huyền diệu đầy hoa sen, tại đó những linh hồn cao khiết đạt tới cực lạc mà vẫn tồn tại. Như vậy, theo ông Ngô-dình-Nhu "Đạo Phật đã tiến hóa, về phương diện triết lý, từ thuyết vô thần trở thành một thuyết hữu

thần thiên về cảm giác và từ quan niệm bằng vào hiện tượng hư vô thành một quan niệm hữu thể (219)". Có lẽ vì vậy mà Tổng-Giáo-Hội Phật-giáo đã cùng với Cao-dài Hòa-hảo và Công-giáo làm áp-lực yêu cầu Quốc-hội lập-hiến 1967 phải xác nhận hiến-pháp đệ II Cộng-Hòa đặt trên căn bản hữu-thần (220).

Chống lý-thuyết Thần-quyền trên bình diện tư-tưởng, Thượng-tọa Trí-quang chống những người mà Ngài gọi là "đư đảng của Ngô-dình-Diệm" vì theo Ngài, "bọn này" có dã tâm trả thù Phật-giáo. Quần-chúng lại hiểu rằng đư đảng đó là Cần-Lao, và Cần-Lao được đồng hóa với Công-giáo. Ngài cho rằng vụ tranh Lươg Giáo hồi tháng 8.1964 là do "đư đảng" vừa kẻ giả tạo "chiến tranh tôn giáo" và tình trạng vô chánh phủ để "trả thù dân chúng và tín-ngưỡng Phật-giáo của dân chúng (221)." Ngài tuyên bố rằng cuộc vận động mới của Phật-giáo năm 1964 nhằm chấm dứt sự có mặt trong chánh quyền của những người kẻ trên mà Ngài gọi là "phần tử bất hảo", "đao phủ thủ đối với tín ngưỡng Phật-giáo của dân-chúng".

Qua tư-tưởng này, người ta có thể phỏng đoán rằng Ngài chỉ chống những người của chế-độ Đệ I Cộng-Hòa mà Ngài cho là có âm mưu tiêu diệt Phật-giáo. Như vậy, đó chỉ là phản ứng tự vệ của một lãnh tụ muốn bảo vệ triệt để tôn giáo của mình? Sự bảo vệ ấy có cần không? Và có âm-mưu tiêu-diệt Phật-giáo không? Xét cho cùng, có lẽ không có âm-mưu nào tiêu diệt Phật-giáo vì từ 1964 tới nay không một chánh quyền nào có chánh sách tiêu diệt Phật-giáo. Ngay dưới thời đệ I Cộng-Hòa cũng chỉ có những trường hợp kỳ thị Phật-giáo-đồ do những cán-bộ vô-ý-thức của chánh-quyền ở các tỉnh miền Trung gây ra. Chính cư sĩ Mai-thọ-Truyền, một lãnh tụ thế tục Phật-giáo có công lớn trong cuộc tranh đấu năm 1963, cũng nhận định trong cuộc phỏng vấn dành cho chúng tôi ngày 21.5.1969 như sau :

(219) Nhu, Ngô-dình : Bài đã dẫn, Quê-Hương số 2 (8/1959) trang 16.

(220) Biên-bản Quốc-Hội Lập-Hiến, Công-Báo V.N.C.H. số 9-QH, 19.2.1968, trang 570-615.

(221) Tâm Ảnh Lục, Tập 4, trang 99-108.

"Ông Diệm không ác như người ta tưởng. Có chuyện Phật-giáo xảy ra, ông ấy cũng khổ. Ông ấy là người lợi dụng. Và nếu không cho lợi dụng, ông ấy bỏ xó hè, chứ ông ấy không đến nỗi ngược đãi (persécuter). Bọn thừa hành ở cấp dưới ngó xem lãnh tụ quay về hướng nào thì chiều lòng bề trên để trục lợi. Vì vậy ở ngoài Trung bọn dưới làm hăng và bọn Việt Cộng đã khai thác. Phật giáo bị ông Diệm bỏ rơi nên ở dưới nó dập. Ông Diệm là nạn nhân của bọn tay chân nhiệt thành và vụ lợi."

Sau năm 1963, nói rằng có âm mưu tiêu-diệt Phật giáo lại càng vô lý vì chẳng có chánh-quyền nào đủ mạnh để đàn áp tôn-giáo. Và lại mọi chánh quyền trước Đệ Nhị Cộng-Hóa đều phải dựa vào tôn giáo để sống còn.

Hơn nữa, kinh-nghiệm mới cũng như cũ đều cho thấy khi bị đàn áp đức Tin càng sáng ngời ánh đạo, và chánh quyền đệ I Cộng-hòa đã bị tiêu ma vì những trường hợp kỳ thị Phật-giáo. Như vậy, thử hỏi chánh quyền còn có lý-do và sức lực đâu mà đàn áp Phật-giáo ?

Có thể vô lý khi cho rằng Công-giáo có âm mưu trả thù Phật-giáo. Thật vậy, trước hết người Công-giáo với tư-cách cá-nhân nếu trước đây đã khùng bố Phật-giáo-dồ, thì sau khi cuộc đảo chánh thành công họ lại càng phải "đãi công chuộc tội" vì họ là bọn cơ hội chủ nghĩa, gió chiều nào che chiều ấy.

Hơn nữa năm 1964, vì uy tín đang lên tột đỉnh và được hưởng mọi ưu đãi, nên Phật-giáo đứng ra cũng chẳng sợ ai đàn áp, nếu có.

Và lại, Giáo-hội Công-giáo đã có quá nhiều kinh-nghiệm cay đắng nhứt về tương tranh tôn giáo, và những mưu toan độc tôn và độc tài của Giáo-hội này dưới thời Trung-cổ đã bị các lực lượng thế tục đập tan. Do đó, họ không dại gì diễn lại tằm thám kịch Trung-Cổ để chuốc lấy thất-bại và đầy giống lịch sử lui lại hàng mấy thế kỷ.

Ngoài ra, Giáo-hội Công-giáo La-Mã luôn luôn tỏ ra thích ứng với mọi hoàn cảnh. Ngay đối với Cộng-Sản từ

chỗ thù ghét họ còn đi tới chấp thuận đối thoại, tại sao họ lại đi chống một tôn giáo tự bản chất của nó không có gì nguy hiểm cho họ là Phật-giáo ?

Từ sau năm 1963 nếu có âm-mưu tiêu diệt Phật-giáo tại sao 34 Hội Phật-giáo khác ngoài Giáo-hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-nhất và các Phật-tử độc lập có ý-thức lại không hưởng ứng cuộc vận động của một phe Phật-giáo tranh đấu duy nhất. Không những không hưởng ứng, nhiều đoàn thể đồng đạo càng ngày càng xa lánh những hoạt động chánh-trị của phe tranh đấu.

Như vậy, cho rằng có "âm-mưu tiêu-diệt Phật-giáo" có lẽ chỉ là một chiến-thuật chánh-trị.

Tuy-nhiên, nếu Thượng-tọa Trí-Quang thực lòng tin tưởng rằng có âm-mưu đó và Ngài muốn lãnh đạo tín đồ để cứu đạo và cứu nước, thì người ta thấy nơi Ngài quả thật lòng yêu nước và lòng yêu đạo thật mãnh liệt ; và hai tình cảm này trộn lẫn vào nhau đến nỗi Đạo-pháp không còn phân biệt được với Dân-tộc nữa. Tình cảm mãnh-liệt ấy khiến bản năng tự vệ của Ngài càng quá bền nhạy. Đối với Ngài, bảo vệ Phật-giáo cũng là bảo vệ dân-tộc.

Đặt Ngài vào khung cảnh "Địa linh nhân kiệt" của tỉnh Quảng-Bình, nơi sanh trưởng ; khung cảnh tu học ở Huế, nơi thành trì cuối cùng nền tự chủ của vương quốc An-Nam ; trong khung cảnh Phật-giáo phục-hưng cùng với phong-trào Giải-phóng quốc gia, người ta sẽ hiểu được một cách dễ dàng những tình cảm kể trên của một Tăng sĩ thông minh, có đạo đức và ý-thức chánh-trị cao độ, đã từng chứng kiến cảnh suy đồi của quốc-gia và Đạo-pháp.

Phân tách như vậy, Thượng Tọa Trí-Quang không còn là một huyền thoại đối với chúng ta nữa. Về phương diện hành động, Ngài là một người giàu suy tưởng và thích vận dụng trí thông minh để điều khiển đồ đệ dưới tay hơn là trực tiếp dẫn thân vào cuộc thử thách. ^{một cách} Vì thế trong các cuộc tranh đấu, Ngài không kiểm soát được toàn diện phong trào và, do đó, nhiều phần tử đã len lỏi vào hoặc để lợi dụng hoặc để phá hoại. Thêm vào đó, ngay trong nội bộ

Phật-giáo Ngài cũng có những đối thủ nguy hiểm.

Sau hết, phương thức hành động cứng rắn của Ngài vì quá tin tưởng vào sách lược, tài trí của mình và sứ-mạng của Phật-giáo khiến nhiều lực-lượng ở trong cũng như ngoài nước từng ủng hộ Ngài năm 1963 đã thay đổi thái độ.

Tất cả những điều kể trên đã làm cho Ngài bị liên tiếp thất bại trong những năm 1966, 1967. Vì vậy từ năm 1968 trở đi Ngài tỏ ra thực-tế hơn, biết thích-ứng những điều-kiện chủ-quan với hoàn-cảnh khách-quan một cách hữu-hiệu hơn. Thật vậy, Ngài chuyển từ thế-đấu-tranh bất hợp-pháp sang đấu-tranh hợp-pháp, chấp nhận thỏa-hiệp và rút lui vào hậu-trường để cho chư Tăng khác như Thiện-Minh Thiện-Hoa hoạt-động nổi.

MỤC II - Thượng-Tọa Thiện-Minh (222)

Thượng-tọa Thiện-Minh, tục danh là Đỗ xuân Hàng, sanh năm 1920 tại làng Bích-Kê, Triệu-phong, Quảng-Trị. Ngài đi tu năm 12 tuổi và theo học từ bậc tiểu-học tới Cao Đẳng Phật-Giáo ở các chùa Trúc-Lâm và Báo Quốc (Huế). Theo báo Tiếng Nói Dân-Tộc, Ngài còn từng học ở Phật-học Viện Huyền-Cơ (Huế) và Nha-Trang. Theo học đồng khóa với Ngài tại Nha Trang còn có chư tăng Trí Không, Trí Tịnh, Trí-Quang, Trí Thủ, Trí Minh và Hành Trụ. Trong thời gian này tên của Ngài không phải là Thiện Minh mà là Trí Nghiễm. Sở dĩ Ngài chọn pháp danh Thiện Minh là để thích hợp với những hoạt động của một tổ chức (hình như là Phật-Xã-Đảng) do Ngài chủ-trương (223).

(222) Lần đầu tiên, cách đây gần ba năm, chúng tôi có nhờ một đệ-tử thân-cận Thượng Tọa Thiện-Minh đưa đến yết-kien Ngài để xin phong-van. Thượng Tọa đang bận đánh cờ, để chúng tôi chờ độ nửa tiếng. Sau đó, Thượng Tọa bao chúng tôi về đi và hẹn ngày khác. Đùng hẹn chúng tôi đến gặp Ngài, nhưng Ngài đã đi khỏi. Chúng tôi kiên-nghịn đợi hai tiếng đồng hồ, cũng van không thấy Ngài trở về. Lần thứ ba, ngày 27.12.1969, chúng tôi lại đến yết-kien Ngài và có nói sự khó-khăn nhưng lần trước. Ngài lại hẹn tiếp chúng tôi đùng 17 giờ ngày 29.12.1969. Đùng ngày đó, chúng tôi đã đến trước giờ hẹn, nhưng Ngài lại đi vắng nữa, chúng tôi van đợi hai tiếng đồng hồ và lại không được gặp. Vì vậy, viết về Ngài, chúng tôi đành phải căn-cứ vào các tài-liệu báo chí và các cuộc phong-van các nhân-vật Phật-Giáo khác.

(223) Nhật-báo Tiếng Nói Dân-Tộc, 9.3.69 ; nhật-báo Tiếng Việt, 19.3.69.

Theo Nhật báo Tiếng Việt Ngài đã bị người Pháp bắt và quản thúc tại Quảng-Trị năm 1946. Năm 1947, Ngài về chùa Từ Đàm. Năm 1948, Ngài trụ trì chùa Linh-Son, Đà Lạt. Từ năm 1951 đến năm 1959 Ngài hoạt động Phật sự tại Khánh-Hòa và làm Hội-trưởng Tỉnh hội Phật-giáo tại đây. Thượng-Tọa Huyền-Minh cho biết người ta đồn rằng vào thời gian này Ngài có lên núi vào mỗi chiều để hoạt động chánh-trị trong vòng một năm (224). Năm 1959, Ngài trở về chùa Từ-Đàm, sau đó lại ra Nha-Trang, và giữ chức Phó Hội-trưởng Phật-giáo Trung-phần kiêm ủy-viên Thanh-niên.

Năm 1963, Ngài là nhân viên đặc lực của Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật-giáo. Theo Thượng-Tọa Huyền-Minh, trong giai đoạn gay go nhứt của cuộc tranh đấu 1963, Ngài đã tỏ ý đình đầu hàng chánh quyền khi điện đàm với Phó Tổng thống Nguyễn-ngọc-Thơ. Thượng Tọa Đức-Nghiệp đã dập tắt ngay ý định ấy và toan hành hung ngài. Từ ngày đó cho tới khi bị cầm tù vào năm 1969, Ngài tích cực hoạt động chống chánh phủ, bài Mỹ, tranh thủ hòa-bình, lập lực-lượng thanh-niên Phật-tử Việt-Nam (225) và đã bị mưu sát một lần vào năm 1966. Thượng-tọa Huyền-Minh cho rằng cuộc mưu sát này không phải Việt-Cộng, mà do chuyện nội bộ dính dáng đến chánh-trị và tài-chánh.

Cơ-quan an-ninh đã cảnh cáo Ngài 4.2.1969, vì cho rằng trong bài thuyết pháp ngày 24.1.1969 Ngài đã dùng những lời lẽ mạ lỵ và vu khống chánh-phủ, gây tình-trạng chia rẽ và phủ nhận các cơ cấu dân-chủ, sách động quần-chúng lật đổ chánh-phủ, quốc-hội và tạo tình trạng hỗn-loạn (226). Sau đó, ngày 5.2.1969, Tổng-thống Việt-Nam Cộng-Hòa chỉ thị cho các Tỉnh-trưởng vùng 4 chiến-thuật phải có thái-độ quyết-liệt đối với các nhà tu hành thuyết giảng chánh-trị và sách động quần-chúng (227). Tiếp theo, ngày 25.2.1969 nhà chức trách công bố việc bắt giữ Thượng-Tọa Thiện-Minh vì khám phá thấy nhiều tài-liệu Cộng-Sản,

(224) Phong-văn Thượng Tọa Huyền-Minh ngày 24.11.1969.

(225) Nhật-báo Công-Luận 13.1.1969.

(226) Nhật-báo Chính-Luận 6.2.1969.

(227) Nhật-báo Chính-Luận 7.2.1969.

võ-khí đạn được, thanh niên bắt phục-tòng và đào-binh tại cư xá Quang Đức do Ngài làm quản đốc (228). Mặc dầu có sự can thiệp của các đoàn thể Phật-Giáo và các chánh-khách thân Ấn-Quang, ngày 14 và 15.3.1969, Tòa-án quân-sự lưu-động mặt trận vùng III chiến thuật tuyên xử Ngài 10 năm khổ-sai và 5 năm cấm cố vì các tội chứa chấp phản nghịch, oa trữ võ-khó và tài-liệu bất hợp pháp, tán trợ đào binh và bắt phục tòng (229). Trong lúc Tòa-án xét xử, thì đài phát-thanh Hà-Nội và đài Mặt-trận Giải-phóng Miền-Nam cùng phát đi một bản tuyên bố của Thượng-tọa Thích-Đôn-Hậu, tự xưng nguyên chánh đại diện G.H.P.G.V.N.T.N. miền Vạn Hạnh và hiện là Phó chủ-tịch ban Chấp-hành Trung-ương Liên-minh Dân-tộc Dân-chủ và Hòa-bình, phản kháng việc bắt giam Thượng Tọa Thiện-Minh và kêu gọi Phật-tử nổi lên lật đổ chánh-quyền Việt-Nam Cộng-Hòa, lập một nội các hòa-bình để nói chuyện với Mặt trận Giải-phóng (230).

Nhưng rồi chánh-quyền và Ấn-Quang đã tìm cách giải quyết êm đẹp vụ Thiện-Minh để tạo điều-kiện hòa giải. Về phía Ấn-Quang, triệu chứng hòa giải đầu tiên được biểu lộ qua việc Thượng-Tọa Trí-Thủ tuyên bố từ chức chủ tịch Ủy-ban vận động huy bỏ bản án Thiện-Minh và từ nay Hội-đồng Viện Hóa Đạo trực tiếp lãnh mọi trách nhiệm liên-hệ đến Thượng-Tọa Thiện-Minh.

Thái-độ này ngụ ý từ bỏ áp-lực chánh-trị đối với chánh-quyền và, do đó, mở lối hòa giải dễ dàng cho nhà chức trách. Sau đó, Thượng-Tọa Thiện-Minh đã được ân xá ngày 30.11.1969.

Sau khi được trả tự-do, Ngài lại tiếp tục đả kích chánh-quyền nhưng với giọng nhẹ nhàng hơn trước. Ngài cho rằng Ngài hoàn toàn vô-tội, và việc cầm tù Ngài là một sự bất công, vụ án của Ngài là một sự sắp đặt nhưng vụng về. Vẫn theo Ngài, tình trạng giam cầm mà Ngài đã phải chịu

(228) Nhật-báo Chánh-Đạo 26.2.1969 ; nhật-báo Chính-Luận 26.2.1969

(229) Nhật-báo Công-Luận 17.3.1969.

(230) Nhật-báo Chính-Luận 16.3.1969.

đựng chỉ là một trong muôn vàn kết quả của một công nghiệp đang đề nặng lên Dân-tộc. Ngài còn tiết-lộ rằng vị Phụ-tá Tổng-thống có giải-thích rằng việc bắt Ngài là do vị Thủ-tướng đương thời chứ không phải Tổng-thống chủ trương. Do đó, Ngài chỉ trích chánh-phủ có nhiều mâu thuẫn nội bộ. Ấn-tù của Ngài đối với một số Phật-tử thuần thành phe Ấn-Quang có thể được coi như một thành tích vị đạo pháp và dân-tộc.

Hiện nay Ngài giữ chức vụ Phó Viện-trưởng Viện Hóa Đạo Ấn-Quang kiêm Tổng Ủy-viên Thanh-niên. Khác hẳn Thượng-Tọa Trí-Quang, Thượng-Tọa Thiện-Minh hay xuất hiện trước công-chúng để thuyết giảng chánh-trị và tuyên bố với báo chí, thường để lộ mặc cảm tự tôn về vai trò lãnh tụ của mình.

Ngoài ra, vì Ngài có một lối sống khá đầy đủ tiện nghi vật-chất và bị nhiều tai tiếng về đời sống tu sĩ nên Ngài đã không chiếm được cảm tình và lòng ngưỡng mộ của đa số trí-thức và quần-chúng bình dân như Thượng-Tọa Trí-Quang.

Ngài đã tự tạo cho mình nhiều người thù nghịch. Thái-độ thù-nghịch ấy đôi khi được công-khai-hóa trên mặt báo, đặc biệt là báo Sống, và cụ-thể-hóa bằng cuộc mưu sát Ngài. Do đó, thất bại nhiều hơn thành công, kết quả đấu-tranh cách biệt quá xa lời tuyên bố, uy tín của Ngài đã sa sút quá nhiều. Sự sa sút ấy biểu lộ rõ rệt trong thái-độ thờ ơ của quần-chúng, nhất là quần chúng miền Trung, trước bản án khá nặng đối với Ngài. Ông Mai-thọ-Truyền, một vị cư sĩ Phật-giáo uy tín nhất miền Nam hiện nay đã nhận xét rằng : "Ông Trí-Quang được lòng nhiều người hơn vì không nghĩ tới lợi, còn ông Thiện-Minh lợi dụng Phật-giáo để xây lâu đài của mình. Ông muốn nắm thanh-niên để có lực lượng riêng, tuy rằng người ta muốn giao cho người khác (231)".

Nhận xét này cũng được Thượng-Tọa Huyền-Minh đồng ý khi được chúng tôi phỏng vấn vào ngày 24.11.1969.

(231) Phỏng-vấn Thượng Tọa Thích Huyền-Minh ngày 24.11.1969.

Thượng-Tọa này cho rằng Thượng-Tọa Thiện-Minh dễ hoà hoãn hơn Thượng-Tọa Trí-Quang (232).

Với uy-tín đã sút giảm, với lập-trường chánh-trị không rõ rệt, với tham-vọng quyền-hành, cùng với sự hiện-diện của nhiều đối thủ trong nội bộ, có lẽ Thượng-Tọa Thiện-Minh sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp tục thực-hiện những chương-trình chánh-trị của mình. Trong thời-gian ảnh-hưởng của Ngài bị phai mờ, thì một nhân vật khác xuất-hiện nổi hơn. Đó là Thượng-Tọa Thiện-Hoa.

MỤC III - Thượng-Tọa Thiện-Hoa

Thượng-Tọa Thiện-Hoa sanh trưởng tại miền Tây Nam Phần vào cuối đệ Nhứt thế chiến. Sau một thời gian tu học tại quê nhà, vào năm 1939 Ngài ra Huế thụ huấn tại các Phật-học-viện Tây-Thiên và Báo-Quốc dưới sự hướng dẫn của đại Sư Trí-Độ. Vào năm 1945, Ngài cùng với các bạn đồng môn Trí-Quang, Trí-Tịnh, đảm nhiệm việc dời trường sơ từ Huế vào Nam. Trong thời kỳ kháng Pháp tại đây, Ngài đã cộng-tác chặt chẽ với lực-lượng yêu nước, tích cực giúp đỡ chiến-sĩ và đồng bào về các vấn đề y-tế, thực-phẩm. Vào những năm 1950, Ngài tích-cực hoạt-động Phật-sự và đã giữ chức vụ Giám-đốc Phật-học-đường Nam Việt (233).

Trong thời kỳ tranh đấu 1963, Ngài là nhân viên của Ủy-ban Liên-phái bảo-vệ Phật-giáo. Sau năm 1963, Ngài trở về Phật-học-đường Nam Việt tiếp tục Phật-sự thuần túy. Năm 1968, Ngài lại ra hoạt động với chức vụ Viện-Trưởng Viện Hóa Đạo Ấn-Quang. Trong nhiệm vụ lãnh đạo này, Ngài tích cực hoạt-động cho chủ thuyết "Đạo-pháp và Dân-tộc", gặt gao chỉ trích chánh-quyền trong vụ Hiến-Chương Phật-giáo, và đặc-biệt là đã chánh-thức tuyên-bố đường-lối "Trung đạo" và lập-trường hòa-bình của Phật-giáo Ấn-Quang.

(232) Phong-vấn Ông Mai-Thọ-Truyền ngày 21.5.1969.

(233) Phong, Nguyễn-thế : Bí mật Chùa Ấn-Quang, nhật-báo Tiếng Việt ngày 11.3.1969 và những ngày kế tiếp.

Với những hoạt-động ấy, công-luận quốc-nội và quốc-tế biết đến Ngài nhiều hơn và Ngài đã gây được thiện cảm trong nhiều giới tôn-giáo và chánh-trị Phật-giáo. Tuy nhiên dư-luận cho rằng Ngài không phải là người nắm thực-quyền của Giáo-hội Ấn-Quang.

Tất cả tăng-sĩ vừa kiểm-điểm trên đây hợp thành một tập đoàn lãnh đạo chánh-trị của khối Phật-giáo Ấn-Quang. Họ đều thuộc Phật-giáo Bắc-Tông và đều là học-trò của đại-sư Trí-Độ, người hiện nay đang ở trong guồng máy lãnh đạo của Bắc-Việt. Cả ba người đều có chung một lập-trường "Dân-tộc và Đạo-pháp", đều cố võ cho thái-độ không liên kết.

Tuy nhiên, trong nội bộ của họ, Thượng-Tọa Thiện-Hoa chỉ là một nhân vật tượng trưng để dành cảm tình của Phật-tử miền Nam và để làm dễ dàng việc đặt trụ sở của khối này tại chùa Ấn-Quang vì ngôi chùa ấy là tài sản của giáo-hội Tăng-Già Nam-phần do các Thượng-Tọa Thiện-Hoa và Thiện-Hòa lãnh đạo.

Mặc dầu hiện nay dư-luận nhận xét rằng Thượng-Tọa Thiện-Hoa đang có khuynh-hướng giành-lấy quyền-hành thực sự, quyền-hành ấy vẫn còn nằm trong tay các Thượng-Tọa gốc Trung-phần, nhất là hai Thượng-Tọa Trí-Quang và Thiện-Minh.

Dư-luận bàn-tán nhiều tới sự tương tranh quyền hành giữa hai nhà sư sau này. Người ta có nhiều lý-do để cho rằng nhận-xét của các ký-giả ngoại quốc và giáo-sư Tôn-Thất-Thiện theo đó hai nhân-vật vừa kể rất tâm đầu ý hợp (234) là sai lầm.

Trước hết, những tài liệu Việt-Nam viết về Thượng-Tọa Trí-Quang đều bị ngài xác nhận là sai lầm trong cuộc phỏng vấn dành cho chúng tôi hồi cuối năm 1969. Ngài nói rằng, Ngài chưa hề biết ông Tôn-Thất-Thiện ; ông ấy biết gì về Ngài mà viết. Còn về ký giả ngoại quốc, Ngài

(234) Thiện, Tôn-Thất : Bài báo đã dẫn.

bảo họ lại càng không hiểu gì về Ngài, và, vẫn theo Ngài, có phải ai cũng dễ gặp Ngài đâu.

Bằng chứng thứ hai vững nhất tố cáo sự sai lầm trên là chính những nhân vật Phật-giáo quan trọng đã từng công tác với các Thượng-Tọa Trí-Quang và Thiện-Minh đều xác-nhận với chúng tôi rằng hai vị Tăng-sĩ ấy ít khi hòa hợp với nhau. Ông Mai-thọ-Truyền nhận xét nguyên văn như sau :

"Ông Trí-Quang và ông Thiện-Minh không bao giờ thuận thảo với nhau. Trong các buổi họp họ thường bất đồng ý kiến với nhau, và thường có một người đập bàn đứng dậy bỏ đi ra trước."

Thượng-Tọa Huyền-Minh cho rằng vì mỗi ông đều muốn nắm quyền lãnh đạo nên sinh ra xung khắc, và ông Thiện-Minh còn muốn dành lấy cả viện Đại-Học Vạn-Hạnh nữa.

Thượng-Tọa Tâm-Châu, trong cuộc tiếp xúc với chúng tôi, cũng không phủ nhận những điều nhận xét trên.

Bằng chứng thứ ba là trong Đại-hội Cư-sĩ Phật-Giáo năm 1969 báo chí Saigon cũng đã đề cập đến sự bất-dồng giữa hai người về việc lập chánh đảng Phật-Giáo.

Bằng chứng thứ tư là hồi Thượng-Tọa Thiện-Minh bị bắt, Thượng-Tọa Trí-Quang chỉ bênh vực một cách tiêu-cực. Trả lời cuộc phỏng vấn của ký giả tuần báo Tinh-Hoa, Thượng-Tọa Trí-Quang nhận định :

"Đạo là Đạo, chánh-trị là chánh-trị, hai môi-trường đó không thể đồng hóa con người mang áo cà-sa và con người chánh-khách. Tôi nghĩ Thượng-Tọa Thiện-Minh là nhà sư, còn ông Đỗ-xuân-Hàng, tục danh của Thượng-Tọa Thiện-Minh, là nhà chánh-trị. Chính-phủ có lý-do của chính-phủ trong việc đó. Tôi không nghĩ gì hơn."(235)

Hồi đó một luồng dư-luận trong chính-giới Saigon còn đồn đại rằng Thượng-Tọa Thiện-Minh đã bị bắt vì có sự bất-đồng quan-điểm về chiến thuật giữa ông và Thượng-Tọa Trí-Quang. Mặc dầu tin đồn này thiếu xác-thực, không nhiều thì ít nó cũng tố cáo một sự chia rẽ nào đó giữa hai nhân vật quan-trọng.

Nhưng sự bất đồng trong nội bộ Ấn-Quang cho tới nay vẫn được dàn xếp một cách ôn-thỏa. Thượng-Tọa Huyền-Minh đã nhận xét rằng chư Tăng miền Trung lúc bình-thường có thể chia rẽ, nhưng khi gặp sự họ biết đoàn kết với nhau (236). Do đó tập-đoàn này vẫn còn là một khối thuần nhất và vẫn là linh-hồn của phe Phật-Giáo tranh-đấu đối nghịch với phe Phật-Giáo ôn-hòa Quốc-Tự do Thượng-Tọa Tâm-Châu lãnh đạo.

MỤC IV - Thượng-Tọa Thích-Tâm-Châu

Khi Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất bị chính-thức phân hóa thành hai phe, tập-đoàn lãnh đạo phe Quốc-Tự gồm các Thượng-Tọa chính là : Tâm Châu, Tâm-Giác và Huyền-Minh. Cả ba vị đều là bạn đồng môn tại Phật-Học-Viện Sứ-Quán Hà-Nội, đều là học-trò của các danh Tăng Tố-Liên, Trí-Hải, Mật-Thế, Tuệ-Chiếu. Cả ba vị đều sinh trưởng tại Bắc-phần, đều di cư vào Nam sau hiệp định Genève 1954, đều là những nhân vật lãnh đạo Giáo-hội Tăng-già Bắc-Việt và phong trào Phật-giáo tranh đấu năm 1963. Họ đều có chung một lập trường chính-trị rõ rệt là : Chống Độc-tài, chống Cộng-San và thân hữu với chính-quyền quốc-gia. Sau một thời gian tích cực đấu tranh chính-trị, từ năm 1966, họ trở nên chuyên chú vào các vấn đề thuần-túy tôn-giáo, văn-hóa và xã-hội.

Kể từ giữa năm 1970, nội-bộ phe Quốc-Tự bắt đầu bị phân-hóa với sự cải-tổ thành-phần lãnh đạo. Kết quả là dần dần các Thượng-Tọa Huyền-Minh và Tâm-Châu đã mất quyền kiểm soát ngôi Quốc-Tự, và không một Tăng-sĩ nào đủ uy-tín để kết hợp Tăng, Ni Phật-tử phe này thành một khối duy-nhất.

(236) Phỏng-vấn tại Việt-Nam Quốc-Tự ngày 24.11.1969.

Tuy-nhiên, cho tới nay Thượng-Tọa Tâm-Châu vẫn được coi là người đại-diện cho chủ-trương phân quyền trong quan-niệm Thống-nhất Phật-giáo. Ngài sinh năm 1922 tại Ninh-Bình, Bắc-Việt. Xuất gia đầu Phật từ năm 11 tuổi, Ngài đã tu học tại các Phật-Học-Viện Bắc phần từ tiểu học đến cao đẳng Phật-Giáo. Từ năm 1946 đến năm 1948, Ngài là chủ tịch phong trào Phật-Giáo chống Cộng tại Hà-Nam-Ninh (gồm 3 tỉnh : Hà-nam, Nam-dịnh và Ninh-bình). Phong-trào này về sau kết-hợp với lực-lượng công-giáo chống Cộng của Đức Tổng-Giám Mục Lê-hữu-Tử và Linh Mục Hoàng-Quỳnh thành phong-trào Liên-tôn Chống Cộng. Liên-minh chính-trị tôn-giáo này hoạt-động khá mạnh tại các vùng Phát-Diệm, Ninh-Bình, Bùi-Chu, và gây được tinh-thần Quốc-gia trong toàn khối Công-giáo-dân và đa số quần-chúng Phật-giáo-đồ.

Di cư vào Nam năm 1954, Thượng-Tọa Tâm-Châu tiếp tục lãnh-đạo Phật-tử Bắc phần, giữ chức vụ Phó Hội-Chủ Tổng-hội Phật-giáo Việt-Nam. Năm 1963, Ngài đảm nhiệm chức vụ chủ-tịch ủy-ban Liên-phái bảo vệ Phật-giáo để lãnh-đạo công cuộc đấu tranh của toàn thể Phật-giáo đồ. Năm 1964, Ngài được bầu làm chức Viện-Trưởng Viện Hóa Đạo của giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-Nhất, một chức vụ đầu tiên của một tổ chức Phật-giáo hợp nhất đầu tiên tại Việt-Nam. Nhưng Ngài cho biết vì tất cả những chức vụ then chốt trong cơ-cấu lãnh-đạo mới này đều do những Tăng-sĩ chịu sự chỉ phối của Thượng-Tọa Trí-Quang nắm giữ và không tuân phục Ngài, nên Ngài không có thực quyền.

Tình-trạng nhân sự này khiến Ngài rất khó điều-hành Phật-sự và, do đó, Ngài đã 7 lần xin từ chức Viện-Trưởng, nhưng đều bị từ chối. Rồi cuối cùng vào năm 1967, Ngài đã rời khỏi chức vụ này khi giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam thống-nhất bị chính-thức chia rẽ thành hai phe rõ rệt đối nghịch nhau là : Ấn-Quang và Quốc-Tự.

Hiện nay, tuy uy tín của Thượng-Tọa Tâm-Châu đã bị sút giảm, Ngài vẫn còn là một nhân-vật quan-trọng của Phật-giáo Việt-Nam và Phật-giáo thế-giới.

Trên bình diện quốc-nội, Ngài vẫn tiếp-tục là linh hồn của Phật-giáo Quốc-Tự và được chánh quyền vị nể.

Trên bình-diện quốc-tế, Ngài đảm nhiệm cùng một lúc nhiều chức-vụ lãnh-đạo của Phật-giáo thế-giới : Chủ-tịch Hội Phật-Giáo Thế-Giới Phụng-Sự Xã-hội, Phó Tăng-Thống Giáo-Hội Tăng-Già Thế-giới, Chủ-tịch Hội Hàn-Việt Phật-Giáo tương trợ, và Chủ-tịch Phật-giáo Liên-Hiệp Thế-Giới.

Nếu trên bình-diện quốc-nội cả Thượng-Tọa Tâm-Châu lẫn Thượng-Tọa Trí-Quang đều bị mất một phần uy-tín, thì trên bình-diện quốc-tế Thượng-Tọa Tâm-Châu còn có ảnh-hưởng đối với Phật-giáo thế-giới hơn Thượng-Tọa Trí-Quang. Bằng chứng là trong Đại-hội Phật-giáo thế-giới họp tại Tích-Lan ngày 9-5-1966, mặc dầu phe Ấn-Quang yêu cầu Đại-hội trục xuất Thượng-Tọa Tâm-Châu khỏi chức vụ phó Tăng Thống Giáo-Hội Tăng Già Thế-Giới, tổ-chức này không những vẫn tiếp tục tín nhiệm Ngài, mà còn tỏ ý lo ngại về những hoạt-động chính-trị quá khích của một số Tăng-sĩ Việt-Nam (237). Bằng chứng nữa là gần đây Ngài đã tổ-chức được Đại-hội Tăng Già Thế-giới và Đại-hội Phật-giáo Thế-giới phụng-sự xã-hội tại thủ-đô Việt-Nam Cộng-Hòa. Cả hai Đại-hội này qui tụ đông đảo những lãnh-tụ uy-tín của Phật-giáo thuộc nhiều quốc-gia Á-Châu, Mỹ-Châu và Úc-Châu. Bằng chứng nữa là cuối năm 1970, Ngài đã được bầu làm Chủ-tịch Phật-giáo Liên-hiệp Thế-giới.

Xét về mặt hoạt-động, nếu mọi phong-trào chánh-trị đều có bàn tay sắt bọc nhung, thì trong trường-hợp Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhứt trước ngày bị chính thức phân hóa, tấm găng nhung ấy chính là Thượng-Tọa Tâm-Châu (238). Ngài là một nhà ngoại giao hòa nhã, hòa giải những người đối lập nhau, dự hội nghị và hành động như một người trung gian. Ngài đại diện cho một đường lối mềm dẻo mỗi khi cần. Nhưng đôi khi hình như Ngài đã hành động như vậy vì bản tính của Ngài hơn là vì những lý-do chiến thuật. Quan niệm chánh-trị của Ngài đã biến chuyển cùng với sự thay đổi của nội bộ giáo-hội. Trong những ngày trước biến cố miền Trung năm 1966, Ngài thường tích-cực điều-khiển

(237) Thêm, Đoàn : Việc từng ngày năm 1966, trang 85.

(238) Thiện, Tôn-Thất : Bài báo đã dẫn.

các phong-trào đấu-tranh và từng tuyên bố rằng giáo-hội Phật-giáo phải có những hoạt-động chánh-trị. Nhưng từ khi biến cố miền Trung đi vào giai đoạn quyết liệt, Ngài bắt đầu có thái-độ mềm dẻo nhiều và muốn hạn-chế hoạt-động chánh-trị của Giáo-hội để chuyển sang những trọng-tâm công tác văn-hóa, xã-hội. Thái-độ ôn-hòa này đã thực sự đào một hố sâu ngăn cách giữa Ngài và phe Ấn-Quang. Ngài cho rằng một trong lý do khó hàn gắn sự tan vỡ ấy chính là lòng tự cao và tự ái quá lớn của các Thượng-Tọa thuộc phe Ấn-Quang. Vào tháng 3.1970 nhân đề cập đến vấn đề thống-nhứt Phật-giáo trong một cuộc họp báo, Thượng-Tọa Tâm-Châu đã nói rằng giáo-hội cả hai bên (Quốc-Tự và Ấn-Quang) tưởng cũng nên dành chỗ lãnh đạo lần lần cho lớp trẻ có học thức và chưa có tỳ vết gì, còn những lớp trước nên đóng vai cố vấn. Theo Ngài, đó có thể là một trong những duyên-cớ đưa đến thống-nhứt Phật-giáo. Tiếp-theo lời tuyên bố này, ngày 3.6.1970 Viện Hóa Đạo Việt-Nam Quốc-Tự loan báo sự thay đổi quan-trọng trong hàng ngũ lãnh đạo theo chiều hướng trẻ-trung-hóa Giáo-hội. Thật vậy, những nhân vật trẻ sau đây đã được bầu vào các chức vụ quan-trọng :

- Thượng-Tọa Thích Thánh-Long giữ chức vụ Tổng thư ký Viện Hóa Đạo thay thế Thượng-Tọa Huyền-Minh từ chức ngày 25.5.1970 vì bệnh duyên.

- Thượng-Tọa Thích Thanh-Kiểm thay thế Thượng-Tọa Thích Thánh-Long trong chức vụ Tổng-vụ-Trưởng Tổng-vụ văn-hóa.

- Thượng-Tọa Thích Bình-Minh thay thế Thượng-Tọa Thích Tịnh-Chơn trong chức vụ Tổng-vụ-trưởng Tổng-vụ Phật học.

- Đạo-hữu Khánh-Vân thay thế Thượng-Tọa Thích Thanh-Kiểm trong chức-vụ phụ-tá Tổng thư-ký Viện Hóa Đạo.

Mặc dầu có sự thay đổi trên, Thượng-Tọa Tâm-Giác vẫn là một nhân-vật quan-trọng của Phật-Giáo Bắc phần di-cư.

MUC V - Thượng-Toạ Thích Tâm-Giác

Thượng-Toạ Tâm-Giác tục danh là Trần-văn-Mỹ, sanh năm 1917 tại Nam-Dịnh, Bắc phần. Ngài xuất gia tu học từ năm 13 tuổi dưới sự chỉ giáo của Đại sư Trí-Hải, một trong những danh tăng thành-lập phong-trào chấn-hưng Phật-Giáo.

Năm 1954, Ngài du học Nhật-bản, đã đậu bằng Tiến sĩ Văn-học và chiếm đệ tứ đẳng Huyền đai Nhu-đạo.

Về nước năm 1962, Ngài có đề nghị thành lập ngành Tuyên-Úy Phật-Giáo, nhưng bị chánh quyền đương thời từ chối.

Trong cuộc tranh đấu năm 1963, Ngài là Phó Chủ-tịch Ủy-ban Liên-phái bảo-vệ Phật-giáo, và đã bị giam cầm cho tới chính biến 1.11.1963.

Ngài là giám đốc đầu tiên của Nha Tuyên-Úy Phật-Giáo từ tháng 5 năm 1964, và giám-đốc Viện Huấn-luyện Nhu-đạo Quang-Trung (239). Trong 4 năm (từ 1964 đến 1968), Ngài đã đào luyện được 108.327 võ sĩ Nhu-đạo (240). Năm 1968, Ngài dự Hội-nghị Phật-giáo tại Tân-Gia-Ba (241) và hướng dẫn phái đoàn Tuyên-Úy các tôn giáo đi quan-sát Mỹ-quốc.

Chức vụ quan-trọng nhất của Ngài là chánh đại-diện miền Vĩnh-Nghiêm vì Ngài trực tiếp điều khiển khối Phật-giáo-đồ miền Bắc di-cư. Khối này hiện nay, theo Ngài, có tới hàng mấy trăm ngàn người đã quy y. Tất cả các nhiệm vụ vừa kể tạo cho Ngài một ảnh hưởng chánh-trị tương đối vững vàng cả trong Giáo-hội Quốc-tự lẫn ngoài quân đội.

(239) The Buddhist chaplain Branch of the Republic of V.N. armed forces. Published by the Buddhist chaplain Directorate 1968.

(240) Viện Nhu Đạo Quang-Trung kỷ yếu, Sài Gòn, 1969.

(241) Oriental culture, Published by the Buddhist chaplain, Directorate R.U.N.A.F. 1969, Saigon.

Trên bình-diện quốc-tế nhờ những liên lạc thân hữu của Ngài, gần đây Phật-tử Nhật-bản đã tặng miền Vĩnh-Nghiêm một đại-hồng-chung "Hòa-Bình". Đoàn người rước Đại-hồng-chung kéo dài hai cây số. Có lẽ với cuộc rước này Ngài muốn biểu dương ảnh-hưởng chánh-trị với phe Ấn-Quang vì vào thời gian ấy Giáo-hội Ấn-Quang đã tổ-chức một cuộc rước Kim-thân Phật-Tổ khá vĩ đại từ Gò-Vấp về chùa Ấn-Quang.

Ngoài khả-năng văn-hóa và võ-ngệ, Thượng-Toạ Tâm-Giác còn là nhà hùng biện. Trong cuộc phỏng vấn dành cho chúng tôi ngày 31.12.1969, Ngài xác nhận chủ trương chống Cộng, đoàn kết tôn-giáo, phản đối việc đem chánh-trị vào tôn-giáo. Ngài chủ-trương phát-triển tôn-giáo bằng các phương-tiện văn hóa, giáo-dục và cứu-tế xã-hội. Ngài nhận-định rằng chẳng có âm-mưu nào tiêu-diệt Phật-giáo và cũng chẳng có sức mạnh nào tiêu-diệt nổi Phật-giáo. Ngài nhất quyết thể-hiện tinh-thần khoan-dung tôn-giáo trong ngành tuyên-úy và loại mọi phần-tử chánh-trị ra khỏi ngành. Ngài đã cho giải ngũ 50 tuyên úy Phật-giáo vì họ hoạt-động chánh-trị.

Được hỏi về tình-trạng phân hóa Giáo-hội, Ngài cho biết Đạo pháp không chia rẽ, chỉ có thời thế chia rẽ Giáo-hội và sự chia rẽ cũng không tồn tại mãi được. Ngài cho rằng người nói "không thiên hữu không thiên tả" chưa chắc đã hành động đúng như vậy. Được hỏi về số tiền chánh phủ Nguyễn-cao-Kỳ trợ giúp miền Vĩnh-Nghiêm, Ngài nói rằng không phải một miền Vĩnh-Nghiêm mà các nơi khác cũng được trợ cấp, Miền Vĩnh-Nghiêm : 10 triệu ; Ấn-Quang : trên 4 triệu ; Théravada : 4 triệu ; Đồng-Tiến (Công-giáo) : 8 triệu.

Được hỏi về sự mâu-thuân giữa chánh pháp vô thần và tín ngưỡng Phật-giáo cổ-truyền dân-tộc hữu thần, Ngài nói sự giáo dục tín-đồ theo chánh-pháp của quan-niệm hiện-đại-hóa Phật-giáo phải áp-dụng linh động tùy theo trình-độ khác nhau để đúng với "khế cơ" và "khế lý" của đạo Phật.

MỤC VI - Thượng-Tọa Thích Huyền-Minh

Mặc dầu kể từ ngày 30-5-1970, không còn giữ chức vụ tổng thư-ký viện Hóa-Đạo nữa, Thượng-Tọa Huyền-Minh vẫn tiếp tục giữ vai trò quan-trọng trong Giáo-Hội Tăng-Già Bắc Việt tại miền Nam.

Sinh năm 1917 tại Hà-Nội, Ngài tu học tại chùa Quán-Sứ từ tiểu-học đến cao-đẳng Phật-Giáo. Năm 1946 Ngài làm Giám-đốc Phật-học-viện Quán-Sứ. Khi cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, Ngài di chuyển cơ sở giáo dục này về Ninh-Bình. Khi Phật-học-viện giải-tán, Ngài giữ chức chủ-tịch Hành-Chánh Kháng-Chiến tỉnh Ninh-Bình trong 3 tháng rồi từ chức. Ít lâu sau đó Ngài được Việt-Minh mời giữ chức Ủy-viên Kinh-tế liên khu III từ năm 1947 tới năm 1950. Trong khi hoạt-động, Ngài bị thương và được đưa về Sầm Sơn. Khi Pháp đánh chiếm Sầm Sơn, Ngài được họ đưa về Hà-Nội. Tại đây Ngài đã viết một tài liệu nói lên tất cả mảnh khoe lửa bíp của Cộng-San mà Ngài đã có dịp chứng kiến.

Khi hiệp-định Genève 1954 chia đôi đất nước, Ngài tuyên bố với tất cả chư Tăng ở chùa Quán-Sứ rằng nếu Cộng-San về đây mọi tôn-giáo đều không sống nổi được. Vì vậy Ngài khuyến cáo mọi người nên di cư vào Nam. Nhưng Thượng-Tọa Tố-Liên lại quá tin rằng mình là một nhân vật Phật-Giáo quốc-tế nên chắc Cộng-San sẽ không dám đụng đến. Do đó Thượng-Tọa đã ở lại Hà-Nội để về sau, bị chế độ Hà-Nội đẩy Ngài ra khỏi chùa Quán-Sứ, Ngài phải xuống ở trại tế sinh (Trại cô-nhi).

Di cư vào Nam từ năm 1954, Thượng-Tọa Huyền-Minh tiếp tục hoạt-động cho Giáo-Hội Tăng Già Bắc Việt tại miền Nam. Ngài cho biết trong cuộc tranh đấu năm 1963, Ngài và Thượng-Tọa Trí-Quang phân công như sau : Thượng-Tọa Trí-Quang giữ việc liên lạc với Hoa-Kỳ qua một người thông ngôn là Đại-đức Nhật-Thiện. Nhà sư này hồi đó đang là Trưởng Ty Công-An ở Tuy-Hòa và đã trốn vào Saigon để hoạt động cho Phật-giáo. Nhờ sự liên lạc này, Thượng-Tọa Trí-Quang đã dễ dàng trốn vào Tòa Đại-sứ Mỹ. Còn Thượng-Tọa Huyền-Minh giữ việc liên lạc với các đoàn thể trong nước (gồm có 21 tổ bí mật, mỗi tổ có từ 200 tới 300 cán bộ

hoạt-động) và các quân-nhân quan-trọng như Tướng Mai-hữu-Xuân, đại tá Đỗ-Mậu. Ngài đã họp với các nhân vật này và luật-sư Lê-ngọc-Chấn tại rừng cao-su Biên-Hòa để bàn việc tổ-chức đảo-chánh. Được sự đồng ý của Hoa-Kỳ, công việc tổ-chức đảo-chánh đang tiến hành thì trước khi đảo-chánh 12 ngày Ngài bị Công-An gài bẫy bắt giam tại hầm giam P 42 ở Sở Thú cho tới ngày 2.11.1963.

Trong cuộc phỏng vấn dành cho chúng tôi, Ngài cho biết chủ trương rõ rệt là việc chánh-trị nên để cho những cư-sĩ có uy-tín và khả-năng, Tăng-sĩ chỉ nên lo công việc tôn-giáo, văn-hóa và xã-hội mà thôi. Vì vậy mà tại Giáo-hội Quốc-Tự trong thời Ngài làm Tổng thư-ký, Ngài không chú trọng đến việc tổ-chức các Hội-Đoàn Phật-tử. Mặc dầu trước khi giáo-hội bị phân ly chính Ngài đã đứng ra tổ chức được 48 Hội-đoàn Phật-tử, khi làm tổng thư-ký Viện Hóa Đạo, Ngài để các Đoàn này cho bên Ấn-Quang lãnh đạo và không muốn đưa về Quốc-Tự vì Ngài biết có một số cán bộ Cộng-Sản nằm vùng trong đó. Ngài cũng cho biết rằng một số Tăng trong tổng đoàn thanh-niên Tăng-Ni hiện ở bên Ấn-Quang cũng ngỏ ý xin về Quốc-Tự. Nguyên vọng của Ngài cũng như chư tăng Tâm-Châu, Tâm-Giác là muốn hàn gắn lại Giáo-hội. Nhưng thiên chí của chư tăng Quốc-Tự, vẫn theo Ngài, đã không được chư tăng Ấn-Quang đáp ứng.

Nếu trước đây ba nhân-vật nêu trên là thành-phần lãnh-đạo quan-trọng của Quốc-Tự, thì kể từ tháng 6-1970 họ không còn giữ được địa-vị ấy nữa. Thượng-Tọa Huyền-Minh đã rời khỏi chức vụ Tổng Thư-ký Viện Hóa Đạo ; Thượng-Tọa Tâm-Châu hiện nay không còn nhiều quyền-hành đối với những người quản-trị ngôi Quốc-Tự và Ngài chỉ còn thực sự điều-khiển Hội Phật-giáo thế-giới phụng-sự xã-hội tại Việt-Nam và chùa Từ-Quang ; Thượng-Tọa Tâm-Giác trông coi chùa Vĩnh Nghiêm, một cơ-sở phụng-tự tân tạo lớn nhất Việt-Nam Cộng Hòa. Những người kiểm soát ngôi Quốc-Tự hiện nay là Hòa-Thượng Minh-Thành và Thượng-Tọa Đức-Nghiệp. Như vậy trong khi tập đoàn lãnh đạo Ấn-Quang vẫn còn giữ được tinh cách tương đối thuần nhất, thì tập đoàn lãnh đạo Quốc-Tự đã bị phân hóa. Tình trạng chia rẽ ấy khiến Quốc-Tự đã sút kém Ấn-Quang trên mọi lãnh vực, nhất là ảnh-hưởng chánh-trị.

Mặc dầu trong mỗi phe đều có sự phân-hóa, sự phân-hóa nghiêm-trọng nhất vẫn là mối bất đồng giữa các nhà lãnh-đạo chính-yếu thuộc hai phe.

PHÂN ĐOẠN - MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC TĂNG SĨ LÃNH ĐẠO
QUAN-TRỌNG VỀ PHƯƠNG-DIỆN CHÁNH-TRỊ

Như đã nói trong đoạn nhận xét về tổ-chức của Giáo-Hội, nguyên-nhân phân-hóa Phật-giáo có tính cách chánh-trị hơn là tôn-giáo, vì mối bất đồng giữa các nhà lãnh đạo không phát sinh từ những quan điểm giải-thích giáo-lý đức Phật, mà từ những lập-trường chánh-trị khác biệt và tương tranh ảnh-hưởng. Vì tương quán giữa các Tăng sĩ lãnh đạo có tầm quan-trọng đặc biệt như vậy, nên trong phân đoạn này trước hết ta cần trình bày nhận xét chung về mối tương quan ấy ; sau đó ta sẽ phân tích nguyên nhân và hậu quả của mâu thuẫn giữa các nhân-vật lãnh đạo cốt cán.

MỤC I - Nhận-xét về mối tương-quan giữa
các Tăng-sĩ lãnh-đạo

1. Đúng như nhận xét của cư-sĩ Mai-thọ-Truyền, vì Phật-giáo hiện thiếu một bậc lãnh đạo siêu việt mà uy quyền phải được mọi người chấp nhận, nên bất hòa giữa chư Tăng lãnh đạo quan-trọng đã là một nguyên-nhân chính của nạn phân-hóa (242). Sau khi đấu tranh thắng lợi vào cuối năm 1963, các nhà lãnh-đạo của phong-trào đã tỏ ra không còn đồng tâm nhất-trí như những giờ phút hiểm nguy nữa. Vì cùng sắn sắn một lứa tuổi, cùng một trình độ tu học, cùng có công trong cuộc tranh đấu và mỗi vị đều có một số đàn em tông phục, một số đệ tử thuần thành, một niềm tin vào lập-trường và uy-tín riêng của mình cùng ý định phát-huy uy-tín ấy, nên mỗi Tăng-sĩ lãnh đạo quan-trọng về phương diện chánh-trị đều muốn các đồng nghiệp phải theo đường lối do mình hoạch định, và không ai chịu tuân phục ai. Vì không có một uy-quyền tối thượng nào khả dĩ dàn xếp được

(242) Xuân-Mai : Nhân ngày Phật-dản, Cấp-Tiến phỏng-vấn Ông Mai-Thọ-Truyền Hội-Trưởng Hội Phật-Học Nam-Việt. Cấp-Tiến (nhật-báo) 30.5.1969.

những bất đồng, nên những người tương tranh ảnh hưởng đã không chịu tương nhượng và quyết theo đường lối viêng mà họ cho là đúng nhất, lợi ích nhất cho "Đạo-Pháp và Dân-Tộc".

Thêm vào đó, theo sự nhận xét của họ, lại có âm mưu của ngoại bang muốn chia rẽ Phật-giáo (243).

Ngoài ra, dĩ-nhiên trong cuộc tương tranh chánh-trị, Phật-giáo còn bị các lực-lượng đối nghịch khác phá rối hay lợi dụng dưới nhiều hình thức. Nhìn rộng hơn, ta thấy sự phân-hóa trong hàng ngũ lãnh-đạo Phật-giáo chẳng qua cũng chỉ là một hiện-tượng có tính cách phổ quát trong các xã-hội chậm tiến. Điển hình nhất là sự chia rẽ giữa các nhân vật trong giới lãnh-đạo chánh-trị tại các tân quốc gia, mặc dầu trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập họ đã đoàn kết chặt chẽ để tiêu diệt kẻ thù chung.

2. Ba yếu tố nổi bật nhất có tác dụng kết hợp các Tăng-sĩ thành từng khuynh-hướng khác nhau là : tình đồng hương, tình đồng song, và lập trường chánh-trị. Khối Ấn-Quang quy-tụ hầu hết các nhà sư gốc Trung-phần và một thiểu số các nhà sư gốc Bắc và Nam phần nhưng đã từng tu học tại các Phật-học-viện Huế (244). Khối Quốc-Tự bao gồm hầu hết tu-sĩ miền Bắc di-cư. Mỗi khối đại-diện cho một khuynh-hướng chánh-trị di biệt : Ấn-Quang cứng rắn, và Quốc-Tự hòa-hoãn. Tăng-sĩ gốc miền Nam không giữ vai trò chủ chốt nào trong cả hai khối có lẽ vì họ không tha thiết với chánh-trị. Trong các cuộc tranh đấu, người quan sát có thể nhận thấy chiến-đấu-tính của Phật-tử miền Trung mạnh mẽ hơn hết. Theo cuốn "Vài lá Thư 1966" do Viện Hóa Đạo Quốc-Tự công bố vào năm 1967, chính các tăng-sĩ Trung phần quá khích đã hợp lực lại để hạ bệ Thượng-Tọa Tâm-Châu.

(243) Thượng Tọa Huyền-Quang, Tổng Thư-ký Viện Hóa-Đạo Giáo-Hội Ấn-Quang có trả lời viết cuộc phỏng vấn của chúng tôi về việc phân-hóa nội bộ Giáo-Hội như sau : "Đúng ra thì không nói là phân-hóa nội bộ mà nên coi đó là một hiện-tượng chỉ phối bởi âm-mưu ngoại-bang mà thôi". Thượng Tọa Huyền-Minh, Tổng Thư-ký Viện Hóa-Đạo Giáo-Hội Quốc-Tự cũng trả lời chúng tôi : "Có một âm-mưu chánh-trị nào đó chia rẽ Phật-Giáo" (Phỏng-vấn ngày 24.11.1969).

(244) Thượng Tọa Thiên-Hòa (người miền Nam) và Thượng Tọa Đức-Nhuận (người miền Bắc) đã có thời-gian tu học tại Huế.

3. Qua các cuộc phỏng vấn, chúng tôi được biết nội bộ mỗi khối đều có hiện tượng tranh quyền hành. Nhưng, hiện tượng này không quan-trọng lắm vì nó có thể được tạm dàn xếp để tập trung lực lượng đối phó với đe dọa từ bên ngoài. Điều quan trọng nhất có ảnh-hưởng trực tiếp tới uy tín của phong trào Phật-giáo là mối mâu thuẫn giữa Thượng-Tọa Trí-Quang và Thượng-Tọa Tâm-Châu, vì sự bất đồng ý kiến giữa hai nhà lãnh đạo quan-trọng nhất của phong trào đã đưa tới sự phân hóa công khai thành hai khối : Ấn-Quang và Quốc-Tự. Vì tầm quan-trọng vượt bậc của cả hai người, nên trong hai mục sau ta sẽ phân-tích nguyên-nhân và hậu quả của mối mâu thuẫn.

MỤC II - Nguyên-nhân mâu-thuẫn giữa hai Thượng-Tọa Trí-Quang và Tâm-Châu

Người quan sát thời cuộc có thể nêu ra hai nguyên nhân của sự mâu thuẫn giữa hai nhà lãnh-đạo phong-trào Phật-Giáo : đó là nguyên-nhân chánh-trị và nguyên-nhân tâm-lý.

1. Lập-trường chánh-trị. - Dư-luận thường cho rằng Thượng-Tọa Tâm-Châu chủ-trương triệt để chống Cộng theo quan-điểm của một số tín đồ miền Vĩnh-Nghiêm, và tin tưởng vào đường lối thân hữu với chánh-quyền. Đường lối này thể hiện qua các lời tuyên bố chống Cộng của Thượng-Tọa vào đầu xuân Bính Ngọ trên đài phát thanh hay vào các dịp tiếp xúc với báo giới (245). Thượng-Tọa Huyền-Minh thuộc khối Quốc-Tự cho chúng tôi biết rằng với kinh-nghiệm chung sống 4 năm (1947-1950) với Cộng-Sản, Ngài quả quyết tôn giáo không thể tồn tại dưới chế độ Cộng-Sản được. Vì vậy Ngài chủ-trương phải chống Cộng để bảo vệ tôn-giáo và tự do (246).

Trái lại, Thượng-Tọa Trí-Quang tỏ ra không hài lòng với tất cả các chánh-phủ quốc-gia Việt-Nam từ trước đến nay, và không tin tưởng vào biện pháp thân hữu để

(245) Phong, Ngô-Hùng : Phật-Giáo đi về đâu ? Nhật-báo Sống 19.5.1967.

(246) Phỏng-vấn tại Việt-Nam Quốc-Tự ngày 24.11.1969.

giải quyết vấn đề Việt-Nam. Dư-luận cho rằng Ngài nghĩ đến một giải-pháp thứ ba "Dân-tộc và Đạo-pháp". Đường lối này đã được giới lãnh-đạo Ấn-Quang minh giải trong nhiều dịp (247).

2. Nguyên-nhân tâm-lý - Tranh-chấp về quyền lãnh đạo và tự-ái cá-nhân có thể coi là nguyên-nhân tâm-lý của mỗi mâu-thuẫn. Không ai có thể phủ-nhận được công lao to tát của cả hai Thượng-Tọa Trí-Quang và Tâm-Châu trong cuộc tranh đấu 1963. Dư-luận cho rằng với công lao ấy mỗi vị đều muốn thực sự lãnh đạo Phật-Giáo. Bằng cứ là căn cứ theo hiến-chương thứ nhất, Viện-trưởng Viện Hóa Đạo thời 1964 là Thượng-Tọa Tâm-Châu, đúng lý ra Ngài phải là người "lãnh-đạo và điều-hành hết thảy các ngành hoạt-động của G.H.P.G.V.N.T.H." (248). Nhưng thực tế lại không đúng như vậy, vì chức tể thân-tín của Thượng-Tọa Trí-Quang đã nắm giữ hầu hết các chức vụ quan-trọng trong Viện Hóa Đạo và hành-động theo sự điều khiển của Ngài. Một ký giả Việt-Nam đã nhận xét rằng : "Tuy mang danh là Viện-trưởng Viện Hóa Đạo, nhưng Thượng-Tọa Tâm-Châu không làm được gì hết vì ông không thể chỉ huy, ra lệnh gì cho ai hết cả, vì các Tổng Ủy-viên có gì phải lệ thuộc Viện-trưởng Viện Hóa Đạo. Ngay văn-phòng Tổng Thư-ký Viện Hóa Đạo cũng không thuộc Viện-trưởng, vì vị Thượng-tọa phụ-trách là Huyền-Quang lại không thuận hạo với Thượng-Tọa Viện-Trưởng" (249).

Như vậy, Thượng-Tọa Tâm-Châu chỉ có quyền-lực pháp-lý còn Thượng-Tọa Trí-Quang mới là người nắm giữ quyền lực thực tế. Hai quyền-lực này đã đụng chạm nhau, vì mỗi người đều muốn điều khiển Phật-Giáo theo đường lối của mình. Đường lối cứng rắn đã bị thất bại trong các cuộc tranh đấu năm 1966 và 1967. Thất bại này chắc chắn đã làm tổn-thương lòng tự ái của Thượng-Tọa Trí-Quang và làm mối

(247) Đường lối này đã được phân-tích trong đoạn nói về sứ-mạng chánh-trị của G.H.P.G.V.N.T.H. (Xem trang 114-140 Luận án này). Cung xem Phong, Ngô-hung : Bài đã dẫn, nhật-báo Song, 19.6.1967.

(248) Điều 14 Hiến-Chương thứ nhất, năm 1964 : "Lãnh-đạo và điều-hành hết thảy các ngành hoạt-động của G.H.P.G.V.N.T.H. là Viện Hóa Đạo". Mà Thượng-Tọa Tâm-Châu, là người lãnh-đạo Viện Hóa-Đạo, vậy Ngài phải hành-sự quyền-hạn của cơ-quan này.

(249) Trần Tự : Về Hiến-Chương cũ và mới của Giáo-Hội : Người không lò chân đất sét, Nhật-báo Song ngày 7.10.1967.

bất đồng giữa Ngài với Thượng-Tọa Tâm-Châu càng sâu xa hơn, vì vào năm 1966 chính Thượng-Tọa Tâm-Châu đã tuyên bố không thể vì tự ái cá-nhân và quê hương sinh-trưởng mà gạt bỏ thỉnh nguyện đã đạt được (250). Rồi Ngài kêu gọi Phật tử đem bàn thờ vào nhà và ngưng chống đối. Lập trường hòa hoãn này lại phù hợp với đường lối giải quyết của chánh quyền và phá vỡ kế hoạch của Thượng-Tọa Trí-Quang.

Theo sự tường thuật của báo-chí thủ-dô Saigon, mâu thuẫn giữa hai nhà lãnh đạo đã phát hiện từ tháng 5 năm 1964, tức là bốn tháng sau ngày thành lập Giáo-hội P.G.V.N.T.N. Diễn tiến của mối mâu thuẫn đã chứng tỏ sự xác thực của hai nguyên nhân vừa kể :

- Vào thượng tuần tháng 5 năm 1964, Thượng-Tọa Trí-Quang có trình bày trên báo Hải-triều-Âm về các vụ Phật-tử vừa bị những người của chế độ cũ giết hại tại Trung phần, và cho rằng 5 nguyện vọng của Phật-giáo đã đưa ra từ thời Ngô-đình-Diệm chưa hề được thỏa mãn trong chế độ hiện tại.

- Thượng-Tọa Đức-Nghiệp đã phản đối việc làm của Thượng-Tọa Trí-Quang vì Ngài cho rằng việc tuyên bố sự kiện trên thuộc Viện Hóa Đạo.

- Tiếp theo, ngày 14.5.1964 báo chí Saigon có nhận được một văn thư của Thượng-Tọa Tâm-Châu trong đó Ngài chỉ trích cả Thượng-Tọa Trí-Quang lẫn thượng-tọa Đức-Nghiệp đã xen vào nhiệm vụ của người khác, thao túng Viện Hóa Đạo và làm đổ vỡ cơ-sở thống-nhất đang cần hàn gắn và xây dựng. Văn thư còn phê bình Thượng-Tọa Trí-Quang đã đi quá quyền hạn của mình và xui nhân viên Văn-phòng Viện Hóa Đạo và báo Hải-triều-Âm làm những việc ngoài chủ trương của Viện Hóa Đạo. Sau hết, văn-thư tố cáo phương lược có chủ trương lũng đoạn hướng Phật-tử vào những vụ tranh đấu có thể xảy ra trong ngày Phật Đản (251).

(250) Thỉnh-nguyện "tổ-chức bầu-cử Quốc-Hội Lập-Hiến" đã được chánh-quyền thỏa-mãn.

(251) Nhật-báo Tự-Do, 17 và 18.5.1964 ; Hành-Động, 16.5.1964.

Mặc dầu sau đó Thượng-Tọa Thiện-Minh đã tuyên bố với báo-chí rằng văn-thư trên không phải của Thượng-Tọa Tâm-Châu, những sự kiện sau đây do báo chí ghi nhận chứng tỏ rõ rệt có sự xung đột trong hàng ngũ lãnh đạo Phật giáo:

- 11 giờ đêm 15.5.1964, hai Viện Tăng-Thống và Hóa Đạo đã họp khẩn cấp bất-thường dưới quyền chủ tọa của Đức Tăng-Thống Tinh-Khiết.

Thượng-Tọa Tâm-Châu đang nghỉ dưỡng bệnh tại Vũng Tàu đã phải về Saigon dự phiên họp này. Sau phiên họp đó, hai Thượng-Tọa Tâm-Châu và Trí-Quang đã công bố một thông bạch chung xác nhận không có sự rạn nứt giữa các nhà lãnh đạo Phật-giáo.

Sự kiện họp đêm để ra một thông cáo chung như vậy thay vì đánh tan hoài nghi lại càng làm dư-luận tin là mỗi mâu thuẫn có thật.

- Hơn nữa, ngay trước đó, ngày 12.5.1964, Thượng-Tọa Tâm-Châu đã minh định trong một thông bạch rằng loạt bài của Thượng-Tọa Trí-Quang đăng trên Hải-triều-Âm không nhằm công-kích chánh quyền. Nhưng thực ra, nếu đọc kỹ, người ta thấy những bài báo đó, tuy chứa đựng một số đòi hỏi hợp lý liên quan đến quy-chế chung cho các tôn-giáo, vẫn có một nội-dung chống đối chánh-quyền rõ rệt (252). Như vậy phải chăng sự kiện này tố cáo sự khác biệt đường lối giữa hai vị lãnh đạo : Thượng-Tọa Trí-Quang muốn cứng rắn, Thượng-Tọa Tâm-Châu muốn ôn-hòa. Sự khác biệt này càng về sau càng nhận thấy hiển nhiên hơn.

- Thông bạch nêu trên còn thanh minh rằng : "Phật giáo luôn luôn duy-nhứt và thuần-túy trên phương diện tín ngưỡng và lập trường" (253). Thông bạch này công bố trước thông cáo chung nêu trên chứng tỏ rằng sự hoài nghi của công-luận khá mạnh và Phật-giáo cần phải cố gắng đánh tan sự hoài nghi đó.

(252) Trí-Quang : Tâm Ảnh Lục, tập 4, trang 52-85. Tân Định 2508.

(253) Tin-Điện, 15.5.1964.

- Mặc dầu bị phủ-nhận, lời tố-cáo trong văn-thư của Thượng-Tọa Tâm-Châu ngày 14.5.1964 về viên ảnh tranh-dấu có thể xảy ra vào dịp lễ Phật Đản lại phù-hợp với lời kêu gọi của Thượng-Tọa Trí-Quang gửi Phật tử Huế nhân dịp đại lễ này. Ngài đã nói như sau trong bài "Thư về Huế" đăng trong tuần-báo Lập-Trường số 10 ngày 23.5.1964 :

"Chúng ta cũng tưởng sau đó (sau cuộc tranh đấu 1963) thì đời sống êm đềm đạo vị mà chúng ta khao khát, chúng ta đã có thể có được. Ai ngờ sự vận động để cải-thiện chánh-sách đã không đơn giản như chúng ta tưởng. Đạo chánh quá dễ nhưng cách-mạng quá khó. Hóa nên đời sống hiện tại chúng ta và của tín-nguỡng chúng ta gần như vẫn ác mộng giống quá khứ và chưa chùng mà tiếp tục cả đến tương-lai. Do đó mà Phật Đản 2508 vẫn gọi lại Phật Đản 2507, với một số vấn-đề liên hệ hoàn toàn đến "ý-thức Phật tử" và nếu phải chọn lựa một lúc nào đó để nhận định và nói lên ý thức ấy, thì cái lúc ấy chính là Phật Đản năm nay đây" (254).

- Theo lời tường-thuật của Robert Shaplen, vào năm 1965, tiếp theo vụ tự tử của một nữ Phật tử và một nhà sư nhằm phản kháng hành vi khủng bố của Việt-Cộng, Viện Hóa Đạo trong một cuộc mít-tinh tại Sài Gòn đã biểu-quyết một tuyên-ngôn lên án hành-vi khủng bố của Việt-Cộng. Là sáng kiến của Thượng-Tọa Tâm-Châu, quyết nghị này đã bị Thượng-Tọa Trí-Quang phản đối. Robert Shaplen cho rằng đây là lần đầu tiên hai nhà lãnh đạo Phật-giáo công khai bất đồng ý-kiến về chiến thuật (255).

- Sự bất đồng này thật hiển nhiên không chối cãi được khi Thượng-Tọa Tâm-Châu rút quyết chống đối đường lối quá khích và bạo động trong giai đoạn sau cùng của cuộc tranh đấu 1966. Trong cuộc phỏng vấn dành cho chúng tôi ngày 7.1.1971, Ngài xác nhận rằng Ngài không thể chấp nhận được việc đem bàn thờ Phật bày ra đường phố, và Ngài

(254) Trí-Quang : Tâm Ảnh Lục, Tập 4, trang 44-47.

(255) Shaplen, Robert : Sách đã dẫn, trang 319-320.

chủ-trương Quốc-Gia phải mạnh để chống Cộng. Vì vậy Ngài phản đối mọi đường-lối quá khích và có hại cho công cuộc chống Cộng.

MỤC III - Hậu-quả của mỗi mâu-thuẫn giữa hai Thượng-Tọa Trí-Quang và Tâm-Châu

Mỗi mâu-thuẫn giữa hai Thượng-Tọa Tâm-Châu và Trí-Quang đã gây nhiều hậu quả nghiêm trọng cho G.H.P.G. V.T.N. :

1. Về phương-diện đối nội - Sự rạn nứt nền thống nhất Phật-giáo đã chính thức trở thành tan vỡ vào năm 1967. Bằng chứng là hiện nay tổ chức thống nhất khởi thủy năm 1964 bị phân hóa thành năm tổ-chức biệt lập : Giáo-hội Ấn Quang, Giáo-hội Quốc-Tự, Tổng giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam, Hội Phật-học Nam Việt, Giáo-hội Phật-giáo Tăng Già Nguyên Thủy. Nếu so sánh với Tổng-Hội Phật-giáo trước năm 1964, người ta chỉ thấy Giáo-hội hiện nay có ý nghĩa thống-nhất ở một điểm duy-nhất là sự hợp tác giữa Nam Tông và Bắc Tông trong một tổ chức, đầu tổ chức ấy là Ấn-Quang hay Quốc-Tự. Ngoài điểm này nền thống-nhất Phật-giáo hầu như mất hết ý nghĩa, và Giáo-hội hiện tại dù là Ấn-Quang hay Quốc-Tự lại không đầy đủ thành phần như Tổng-Hội Phật-Giáo thành lập năm 1951.

Hơn nữa, sự hợp tác giữa Nam-Tông và Bắc-Tông cũng không có đầy đủ ý nghĩa hợp nhất về phương-diện thuần túy tôn-giáo, vì mỗi bên đều giữ nguyên vẹn nghi lễ riêng, cách tu-luyện riêng, nếp sinh-hoạt riêng. Nói đúng ra sự hợp tác chỉ thể hiện rõ rệt nhất trên bình diện thế tục và do đó, năng tính cách chánh-trị : đoàn kết để tạo sức mạnh ngõ hầu "cứu nước, giữ đạo" (Nói theo ngôn ngữ của người trong cuộc).

Sự phân-hóa khiến lực-lượng Phật-Giáo bị phân tán và trở nên suy yếu. Vì mỗi một số tín đồ thường theo riêng một Tăng-sĩ trong khi giữa các Tăng-sĩ lại chia rẽ, nên giữa các tín đồ cũng bị ảnh-hưởng bởi sự chia rẽ ấy. Một số người đồng đạo nhưng bất đồng chánh kiến đã công khai mặt sát nhau và phá hoại uy tín của nhau. Điều này làm cho Phật tử vô-tư đầu lòng và xa lánh cả hai bên để giữ vai trò trung-lập và chỉ hướng về Phật và Pháp mà bỏ

chư Tăng. Sự chia rẽ giữa Ấn-Quang và Quốc-Tự càng trầm-trọng hơn khi hai bên đã dùng bạo lực để tranh giành ngôi Việt-Nam Quốc-Tự vào tháng 5 năm 1970.

2. Về phương-diện đối ngoại - Sự suy yếu nội bộ khiến các lực lượng bên ngoài càng dễ tác động ảnh hưởng của họ lên Giáo-Hội. Do đó Phật-Giáo tranh đấu đã từ vai-trò chủ động trở thành bị động và bị liên tiếp thất bại. Bằng cớ là từ cuối năm 1966 tới 1970 Giáo-Hội đã không làm chủ được tình-thế và tuyệt-nhiên không tạo được một chiến thắng nào.

Nhưng phe tranh đấu không phải là đạo Phật và sự thất bại chánh-trị không có nghĩa là đạo Phật suy vi vì tôn-giáo có cứu cánh cao cả hơn chánh-trị và trong mọi trường hợp được các Tăng sĩ lãnh đạo quan-trọng về phương-diện tôn-giáo và văn-hóa lưu tâm đặc-biệt.

ĐOẠN II - NHỮNG TĂNG-SĨ LÃNH-ĐẠO QUAN-TRỌNG VỀ PHƯƠNG-DIỆN TÔN-GIÁO THUẦN-TÚY VÀ VĂN-HÓA

Bên cạnh các Tăng-sĩ chánh-trị có rất đông các Tăng-sĩ chuyên tâm vào công việc thuần-túy tôn-giáo và văn-hóa.

MỤC I - Các Tăng-sĩ lãnh-đạo quan-trọng về phương-diện tôn-giáo

A - Hòa Thượng Thích Tịnh-Khiết

Cao Tăng quan-trọng nhất về phương-diện thuần-túy tôn-giáo là Hòa-Thượng Thích Tịnh-Khiết.

Ngài là bậc chân tu cao niên nhất trong Giáo-Hội (91 tuổi). Không thông thạo quốc ngữ, không biết chánh-trị, Ngài đại diện cho thế hệ già nua cuối cùng của Phật-Giáo cổ-truyền. Hoạt-dộng tôn giáo của Ngài đã đóng góp nhiều vào việc phát triển Phật-Giáo. Thượng-Tọa Huyện-Minh cho biết ngày trước Ngài là thầy dạy Phật-pháp của bà Từ Cung,

và Ngài đã xin Hoàng-đế Bảo-Đại lập ra Giáo-hội Thiên-Lữ (256). Nhưng Thượng-Tọa Huyền-Quang lại cho rằng giáo-hội này do Thực-dân lập ra để lũng đoạn Phật-Giáo (257). Dưới thời Bảo-Đại, Ngài rất có uy tín với chánh quyền nhờ những liên lạc với hoàng phái tại Huế.

Là Hội-chủ Tổng-hội Phật-giáo Việt-Nam, năm 1956 Ngài cầm đầu phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam đi dự hội-nghị Liên-hữu Phật-tử thế-giới tại Népal (258).

Năm 1964, Ngài là vị Tăng-Thống đầu tiên của Giáo-hội P.G.V.N.T.N., và hiện nay Ngài tiếp tục giữ chức vị ấy của Giáo-hội Ấn-Quang.

Về hệ-phái của Ngài, trong khi các Thượng-Tọa Trí-Quang và Huyền-Quang xác nhận Ngài không thuộc phái Cổ-Sơn-Môn (259), thì Thượng-Tọa Huyền-Minh lại cho rằng Ngài thuộc phái đó. Giáo-sư Tôn-thất-Thiện cũng cho rằng vì Ngài xuất thân từ Cổ-Sơn-Môn nên sự hiện diện của Ngài ở trong một phong trào Phật-giáo mà tính chất trội yếu không phải miền Nam làm nhẹ bớt sự chống đối phong trào (260). Từ Tổng-Hội đến Giáo-Hội Thống-Nhất, Ngài vẫn được suy tôn như một biểu tượng của sự hợp nhất và của giáo-quyền siêu việt. Tuy-nhiên, Ngài chỉ trị vì mà không cai trị Giáo-hội. Từ năm 1967 vì Giáo-hội bị phân-hóa nên quyền lãnh đạo tượng trưng của Ngài cũng bị chia sẻ bởi hệ thống Giáo quyền Quốc-Tự.

B - Hòa-Thượng Lâm Em, Thượng-Tọa Thiện-Tường và Hòa-Thượng Minh-Thành

Giáo-quyền mới do sắc-luật 23/67 nhìn nhận được thiết lập từ ngày 14.8.1967 tại Việt-Nam Quốc-Tự với Hòa Thượng Lâm Em là Tăng-Thống và Thượng-Tọa Thiện-Tường là

(256) Phỏng vấn Thượng Tọa Huyền-Minh ngày 24.11.1969.

(257) Phỏng vấn Thượng Tọa Huyền-Quang ngày 24.11.1969.

(258) Ngu-Ý, Nguyễn : Hai giờ với Ông Mai-thọ-Truyền. Bách-Khoa số 177, ngày 15.5.1964, trang 96.

(259) Trí-Quang, Thích : Tân Ảnh Lục, Tập 4, trang 71.

(260) Thiện, Tôn-thất : Bài đã dẫn.

Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo. Hai vị đều không phải là các Tăng sĩ chánh-trị và cũng ít được dư-luận biết tới. Hòa Thượng Lâm-Em là người Việt gốc Miên thuộc giáo phái Nam Tông. Theo Đại Đức Pháp-Siêu, Ngài bị chi phối bởi cư sĩ Sơn-Thái-Nguyên. Còn Thượng-Toạ Thiện-Tường sanh quán tại Nam phần và thuộc Bắc Tông. Ngài đã từ chức Viện-Trưởng ngày 19.12.1969 với lý-do là Ngài muốn hàn gắn sự phân hóa giáo hội ; nhưng đã hơn ba năm qua Ngài không thực hiện được ý muốn đó, và nay vì tuổi già sức yếu nên Ngài xin rút lui về chùa để lo tu niệm. Thượng-Toạ Huyền-Quang cho rằng Ngài vô quyền nên chẳng làm gì được, và người giữ chức Quyền Viện Trưởng thay Ngài là Pháp-sư Siêu-Trần cũng chỉ là một Tăng-sĩ Việt gốc Hoa mà thôi (261). Nhưng văn-phòng Viện Hóa Đạo Quốc-Tự cho biết Ngài có quốc-tịch Việt-Nam, lãnh đạo giáo phái Hoa Tông và trước đây đã là Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo (262). Sự từ chức của Thượng Toạ Thiện Tường làm Giáo-hội Quốc-Tự bối rối phần nào. Sự bối rối đó có chiều gia tăng khi Hòa-Thượng Lâm Em tiếp tục cuộc đấu tranh của sư sãi Việt gốc Miên đòi chánh quyền nhìn nhận tư cách sắc tộc thiểu số của đồng bào Ngài tại Việt-Nam.

Kể từ 31.1.1970, Hòa-Thượng Minh-Thành đã chính thức nhậm chức Viện Trưởng Viện Hóa Đạo. Sinh năm 1900 trong một gia đình Nho giáo tại Cai Lậy, Định Tường, Ngài là bậc chân tu chuyên lo việc đạo pháp cùng các công tác xã hội và giáo dục.

Ngoài các cao Tăng quan-trọng về phương diện tôn giáo, còn có những Tăng-sĩ quan trọng về phương diện văn-hóa.

MỤC II - Các Tăng-sĩ lãnh-đạo quan-trọng về phương-diện văn-hóa

Phật-giáo Việt-Nam hiện đại đã đào tạo ở cả trong nước lẫn ngoài nước một tầng lớp Tăng-sĩ trí-thức ưu tú không kém bất cứ tôn giáo nào. Tuy nhiên về phương-

(261) Nhật-báo Chánh Đạo, ngày 25.12.1969.

(262) Phỏng vấn quan diện-thoại Văn-phòng Viện Hóa-Đạo Quốc-Tự ngày 29.12.1969.

diện số lượng, lớp người này hãy còn quá ít ỏi để thỏa-mãn nhu cầu Phật học của quảng đại quần chúng theo chiều hướng hiện-dại-hóa đạo Phật. Mặc dầu là thiếu số và không có quyền quyết định trong Giáo-Hội, giới Tăng-sĩ trí-thức vẫn là linh hồn của phong trào phục hưng Phật-giáo vì tư tưởng của họ đặt căn bản cho mọi hoạt-động và đem lại cho Phật-Giáo ngày nay một nội dung phong phú, một thực chất sống động (263). Do đó tư-tưởng hiện-dại-hóa Phật-Giáo của họ sẽ là vốn liếng quý giá để gây dựng uy tín thực sự và lâu dài cho đạo Phật. Phật-giáo Trung Hoa cực thịnh được cũng nhờ ở tài trước tác, dịch thuật của các bậc Đại sư Huyền-Trang và Thái Hư (264). Sự nghiệp vĩ đại mà Phật-giáo đã để cho dân-tộc Việt-Nam cũng là sự nghiệp văn-hóa. Hai bằng chứng ấy cốt dùng để nói lên tầm quan-trọng của Tăng-sĩ trí thức đối với tiền đề Phật-Giáo. Hiện nay các tăng-sĩ hoạt động trong khắp các lãnh vực văn-hóa : Giáo-sư đại học, học giả, thi sĩ, văn nhân, ký giả, trước-tác-gia và dịch giả. Họ đã được huấn luyện tại các đại-học-đường thuộc nhiều quốc gia có những nền văn-hóa riêng biệt : Tích Lan, Ấn-Độ, Úc, Hoa-Kỳ, Pháp, Đức, Trung-Hoa Dân-Quốc, v.v... Người đại diện cho hàng ngũ trí thức ấy hiện nay là Thượng-Toạ Thích Minh Châu, tiến sĩ triết-học đại-học-đường Bihar, Viên-trưởng Viện Đại-học Vạn-Hạnh. Sinh trưởng trong một gia đình Khổng-giáo, Ngài đi tu từ năm 1948, du học ngoại quốc (Tích-Lan và Ấn-Độ) từ năm 1952 đến năm 1964. Từ năm 1964, trở về nước, Ngài chuyên tâm vào việc xây dựng Viện Đại Học Vạn-Hạnh, dịch thuật và trước tác. Hoạt-động của Ngài hoàn toàn có tính cách văn-hóa, đứng ngoài mọi tranh chấp chánh-trị (265). Trong thành phần tu-sĩ trí-thức trẻ, người ta còn phải kể đến các Thượng-Toạ Đức-Nhuận, Mãn-Giác, Nhất-Hạnh và Đại Đức Giác-Đức v.v...

(263) Về tầm quan-trọng của tư-tưởng, xem : Meynaud, Jean và Lancelot, Alain : Les attitudes politiques, pp. 99-100. Collection "Que sais-je ?" P.U.F. Paris, 1964.

(264) Minh-Châu, Thích : Hsuan Tsung: the pilgrim and scholar, bản dịch Việt-văn của Trí-Hải. Đại Học Vạn-Hạnh 1966.

(265) Phỏng vấn Thượng Toạ Thích Minh-Châu ngày 12.6.1969.

Tất cả những Tăng-sĩ lãnh-đạo về chánh-trị, tôn-giáo và văn-hóa họp thành một thành phần ưu tú nhất của Giáo-hội để dẫn dắt một tập-đoàn Tăng-sĩ thừa hành khá phức tạp.

ĐOẠN III - GIỚI TĂNG-SĨ THỪA-HÀNH

Trở-ngại lớn cho người khảo cứu là hiện nay không một ai có thể biết rõ con số Tăng-sĩ, Phật-tử, chùa chiền trên toàn quốc là bao nhiêu. Người ta cũng không thể biết mỗi phe thuộc Giáo-hội P.G.V.N.T.N. bị phân hóa quản trị được bao nhiêu Tăng-Ni và chùa chiền. Chúng tôi đã nhiều lần dò hỏi chư Tăng Ấn-Quang nhưng đều không được cung cấp cho các con số. Còn tài liệu do Quốc-Tự cung cấp cũng không làm cho chúng tôi tin-tưởng là chính xác được, vì con số tu sĩ 122.000 sư, ni Bắc Tông và 6.700 sư Nam Tông có vẻ hơi lớn và không sát thực tế lắm.

Theo nhật-báo Tin-Sáng số ra ngày 19-5-1970, Tăng tịch và Ni tịch của Ấn-Quang ghi 100.000 tu sĩ, nhưng theo sự điều tra của ký giả Kenneth W. Morgan thì Việt-Nam chỉ có 25.000 Tăng và 4.000 Ni (266).

Thực ra với truyền thống tự do của Đạo Phật và với tính cách dễ dãi của việc xuất gia, không một Giáo-Hội Phật-giáo nào tại Việt-Nam có thể nắm vững được con số chính xác. Người ta chỉ biết chắc rằng tập-đoàn Tăng Ni này là lực-lượng nòng cốt của Giáo-hội trong mọi cuộc tranh đấu, vì họ trực tiếp lãnh-đạo quản chúng ở mọi cấp bậc, và họ lại dễ dàng được huy động để làm hậu thuẫn cho những đòi hỏi của đoàn thể. Bằng chứng là trong mọi cuộc tranh-đấu người ta đều nhận thấy thành phần Tăng-Ni khá đông đảo, có kỷ-luật và tinh-thần hy sinh. Một phần của tập thể này đã được đoàn ngũ hóa thành Tổng-đoàn thanh-niên Tăng Ni với số đoàn viên 20.000 người. Đoàn được coi là cốt cán trong hàng tăng ni của khối Ấn-Quang do Đại-Đức Thiện-Nghị điều khiển với sự trợ lực của các đại-đức Pháp-Siêu và Thông-Bửu. Trong quá khứ, Đoàn đã từng có mặt trong các cuộc

(266) Morgan, Kenneth W : The Buddhists : The problem and promise, Asia No. 4, a journal published by the Asia Society, New-York, 1964.

biểu tình, đưa người tự thiêu và viết huyết thư. Theo ký-giả Nguyễn-thế-Phong của nhật-báo Tiếng-Việt, nhân-vật nổi bật nhất trong Đoàn có lẽ là Đại Đức Pháp-Siêu, tác-giả nhiều sách về Phật-Giáo, có những nhận định thời cuộc và chủ-trương cứng rắn trong phong trào tranh-đấu (267). Trong cuộc phỏng-vấn dành cho chúng tôi ngày 29.12.1969, Đại Đức Pháp-Siêu tuyên-bố vì yêu nước mà đi tu để có phương-tiện hoạt-động.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm chánh-trị ấy, khối Tăng Ni thừa-hành cũng có những khuyết điểm :

- Trước hết, bản-chất tự-do của Đạo Phật, sự thấu-nhận dễ-dãi những người xuất gia đầu Phật, sự thiếu sót điều-kiện, chương-trình và kế-hoạch huấn-luyện đã là những yếu-tố làm sút giảm phẩm-chất, tức là trình-độ văn-hóa, đạo-hạnh và tu-chứng của một số Tăng Ni.

- Hơn nữa, vì cửa Phật rộng mở cho mọi người muốn tìm đường giải-thoát, nên khuynh-hướng chánh-trị của người xuất gia cũng không phải là mối quan tâm trong việc lựa chọn và, do đó, người ta có thể nghi ngờ sự xâm-nhập của một thiểu số cán-bộ chánh-trị thuộc các phe thù nghịch trong hàng ngũ Tăng Ni thừa-hành. Báo chí đã từng tường thuật có những nhà sư giả đột nhập vào các cuộc tranh-đấu.

- Ngoài ra, trong suốt thời Pháp thuộc và thời Đệ Nhất Cộng-Hòa, vì các chánh quyền không nâng-dỡ tích-cực Phật-Giáo, phong-trào hiện-đại-hóa Phật-Giáo lại chưa được cổ võ sâu rộng để đem lại nguồn sinh-lực mới và lý-tưởng cấp-tiến cho người tu hành, nên đời sống Tăng-sĩ cũng không có gì hấp dẫn đối với đa số thanh-niên trí-thức và cấp-tiến. Phẩm chất và số lượng tu-sĩ không được tăng tiến trong khi nhu-cầu tín-ngưỡng của quần-chúng càng ngày càng gia-tăng. Nghịch cảnh ấy là điều-kiện thuận lợi cho mọi mưu toan lũng-đoạn sự thuần nhất của tập-thể Tăng-sĩ.

- Sau hết, tinh-thần tự-do của đạo Phật, khôn-khó biệt lập, nếp sống tự-trị của các chùa chiền và tăng-phái khiến Tăng Ni không có cơ-hội thuận tiện để thông-đạt rộng rãi cho nhau về hướng tiến của phong-trào chấn-hưng Phật-Giáo. Vì vậy đa số tăng ni chưa nhận thức được sự cần-thiết

(267) Nhật-báo Tiếng Việt ngày 1.4.1969.

thay đổi lề lối sinh hoạt cũ, một điều-kiện tiên quyết để tiến bộ và tạo uy tín trong thế giới hiện đại. Họ đã đứng trước tình trạng hạn giải : vừa muốn bảo vệ các giá trị cổ truyền lại vừa muốn phát triển như các tôn giáo mới.

Rút cục, trước năm 1963 vì thiếu lãnh đạo, thiếu tổ chức, thiếu phương tiện, và thiếu thông đạt, nên Tăng sĩ thừa hành chưa thể đảm đương nhiệm vụ lãnh đạo quần-chúng theo tinh-thần Phật-Giáo hiện-đại.

Sau ngày 1.11.1963, trong khi đa số quần-chúng đổ xô về đạo Phật hoặc vì lý-tưởng hoặc vì xu thời, cán-bộ Tăng Ni lại không có đủ số lượng và khả năng để lãnh đạo khối tín đồ lớn lao ấy, vì họ chưa được chuẩn bị để gánh vác nhiệm vụ mới. Lợi dụng tình trạng lúng túng vì bị tràn ngập này, nhiều kẻ đã ngang nhiên lũng đoạn nội bộ Phật-giáo để thực hiện mưu đồ chánh-trị hay quyền lợi riêng tư.

Thêm vào đó, trước sức lớn mạnh đang lên của Phật-giáo, một số Tăng Ni thừa hành dễ bị lôi cuốn vào những phong trào chánh trị quá khích hoặc vì lý do tự vệ hoặc vì lý-do phát huy thực lực.

Tất cả những điều đó khiến uy-tín Tăng-sĩ bị giảm sút. Sự giảm sút ấy có chiều gia tăng khi một thiếu số tăng-sĩ ở mọi cấp đã có một lối sống vật chất quá đầy đủ tiện nghi và có những nhu cầu còn phức tạp có lẽ hơn cả nhu cầu của một người thế tục trung bình.

Tuy-nhiên, những biến cố từ 1963 tới nay cũng có điều lợi là giúp cho hàng ngũ Tăng Ni thừa hành ý-thức được địa vị quan-trọng và sứ-mạng cao đẹp của họ. Sự từ-bỏ lề lối suy tư và hoạt động cổ truyền là điều kiện cần để tiến bộ. Nếu được lãnh đạo quy mô, được huấn-luyện chu đáo và có kế hoạch thuần túy tôn giáo, văn-hóa và cứu tế xã-hội, họ sẽ có khả năng hướng dẫn quần chúng Phật-tử từ vũng lầy mê tín và thủ cựu lên đường canh-tân-hóa xứ sở. Họ sẽ là động cơ thúc đẩy sự tiến bộ trong giới nông dân và thợ-thuyền, vì những người này tin theo cán-bộ tôn-giáo hơn là cán-bộ chánh-trị và hành-chánh. Nếu trước đây ba thế-kỷ đạo Gia-đó đến Việt-Nam để xoa dịu những khổ đau của lớp cùng đinh,

nạn nhân của nội chiến và thiên tai (268), thì trong những năm gần đây hoàn-cảnh đã xoay chiều : đạo Phật gần gũi với lớp người trước kia là đối tượng chinh phục dễ dàng của giáo-sĩ Tây phương. Chính các Tăng Ni thừa hành có thể nói lên ước vọng của Phật tử bình dân và chỉ cho họ con đường thực hiện ước vọng ấy. Giới Phật tử giữ vai trò gì trong Giáo-Hội ? Đó là Đối-tượng của tiết II.

TIẾT II PHẬT-TỬ THẾ-TỤC

Phật-tử thế tục gồm tất cả thiện nam tín nữ có đức tin Phật pháp một cách nhiệt thành hay nguội lạnh. Họ được gọi chung là tín-đồ. Theo định nghĩa của Hiến-Chương G.H.P.G.V.N.T.N. 1964 : "Mọi người không phân biệt giai-cấp, tuổi tác, nghề nghiệp, chủng tộc, đã thọ quy giới hoặc có đức tin Phật-giáo và sống theo đức tin ấy, thì được gọi là tín đồ trong G.H.P.G.V.N.T.N."

Hiện nay người ta không thể biết chính xác có bao nhiêu Phật-giáo-đồ. Theo con số của Quốc-Tự cung cấp, trên toàn quốc hiện có 9 triệu tín đồ Phật-giáo trong đó 2.500.000 người thuộc Nam Tông và 6.500.000 người thuộc Bắc Tông. Nếu cứ tạm coi như con số này đúng thì với một dân số 17 triệu người Phật-giáo chiếm một tỷ-lệ gần 50%. Số còn lại gồm có 1.427.096 Công-giáo dân (269), trên hai triệu tín đồ Hòa-Hảo, trên 2 triệu tín đồ Cao-Đài và trên 1 triệu người theo Phật-giáo Bửu-Sơn Kỳ-Hương, Tin-Lành, Không-Giáo, Ba Hai, Hồi-Giáo, phiếm-thân-giáo hay không có tôn giáo nào nhất định. Đa số Phật-tử sống ở thôn quê. Theo kết quả thống kê của Viện thống-kê quốc-gia, riêng tại thủ-đô Saigon, số Công-giáo dân chiếm đa số hơn số Phật-giáo đồ (270). Phật tử Nam Tông chiếm đa số tại miền

(268) Anh, Nguyễn-thế : Kinh-Tế và Xã-Hội Việt-Nam dưới các vua Triều Nguyễn, trang 169-174, Trình-bay, 1968.

(269) Dân-số VNCH theo con số chính-thực là 17 triệu. Trong số 2.260.000 Công-Giáo dân trên toàn quốc kể cả miền Bắc, thì miền Nam có 1.427.096 người (Xem Đoàn-Thêm : Việc tình ngày 1965, trang 195).

(270) Xem Niên-giám Thống-kê 1967 của Viện Quốc-gia Thống-kê, Saigon.

Tây Nam phần, Phật-tử Bắc Tông chiếm hầu hết tổng số Phật-giáo ở Trung phần.

Khác hẳn Công-giáo, vì quan niệm sự bình đẳng tuyệt đối giữa mọi chúng sinh và không đề ra một lý-thuyết thần quyền nào, nên Phật-giáo không loại tín đồ ra khỏi hàng ngũ lãnh đạo Giáo Hội. Vì vậy Phật-giáo-đồ có thể có mặt ở khắp các cơ cấu của Giáo Hội. Với khả năng ấy, họ giữ được những vai trò gì trong cộng đồng Phật-giáo ? Trả lời câu hỏi này, ta cần xét vai-trò của Cư-sĩ, vai-trò của Phật-tử thường và tổ-chức Tuyên-Úy Phật-giáo trong Quân-Đội.

ĐOẠN I - VAI-TRÒ CỦA CƯ-SĨ

Cư-Sĩ là gì ? Theo ông Mai-thọ-Truyền, Cư-sĩ là những người đứng giữa Tăng-sĩ và Phật-tử thường bởi vì họ năng lui tới chùa gần với Phật và gần với Tăng, còn Phật-tử thường có khi một năm chỉ đi chùa một vài lần. Vì vậy, người ta gọi nam cư-sĩ là cận-sự-nam (upasak) và nữ cư sĩ là cận-sự-nữ (upasaka) (271). Vai-trò của họ trước và sau biến cố 1963 ra sao ? Vai-trò của họ hiện nay được quan-niệm như thế nào ?

A - VAI-TRÒ CƯ-SĨ PHẬT-GIÁO TRƯỚC BIẾN-CỐ PHẬT-GIÁO 1963

Trong thời-kỳ đầu của phong trào phục hưng Phật-Giáo tại nước ta vì số Tăng-sĩ tân tiến rất hiếm, nên chính các Cư-sĩ là những nhà trí thức đã có công lớn trong việc thành lập các Hội Phật-Học để thích ứng đạo Phật vào xã-hội mới, dùng kỹ thuật Tây phương để truyền bá Phật-Giáo. Trên bình diện quốc gia cũng như trên bình diện địa-phương, họ là những thân-hào, nhân-sĩ có uy-tín xã-hội hơn cả Tăng-sĩ và đã dùng uy-tín ấy để giữ cho đạo Phật khỏi tuột hẳn xuống dốc suy đồi. Những tên tuổi như Lê-dĩnh-Thâm, Mai-thọ-Truyền v.v... đã được ghi vào lịch-sử chấn-hưng Phật-giáo.

(271) Phong vấn cư-sĩ Mai-thọ-Truyền ngày 21.5.1969.

B - VAI-TRÒ CƯ-SĨ PHẬT-GIÁO TỪ BIẾN-CỐ 1963

Vai-trò của họ kém phần quan-trọng từ vụ tranh-dấu 1963. Mặc dầu đóng góp nhiều công lao cho chánh-nghĩa Phật-Giáo, họ vẫn bị lu mờ trước Tăng-sĩ vì dư-luận trong và ngoài nước thường chỉ chú-ý tới các Thượng-Toạ Trí-Quang, Tâm-Châu, Thiện-Minh, Đức-Nghiệp v.v... và những vụ tự-thiếu do chính Tăng Ni đảm nhiệm.

Sau ngày 1.11.1963, với sự thành hình của G.H. P.G.V.N.T.N., quyền lãnh đạo Phật-Giáo đã thực sự tập trung trong tay một thiểu số Tăng-sĩ. Sự kiện này càng làm lu mờ hơn vai trò tích cực của giới Cư-sĩ. Cả Cư-sĩ lẫn Tăng-sĩ đã có thái độ ra sao trước thực trạng này ?

C - QUAN-NIỆM HIỆN NAY VỀ VAI-TRÒ CƯ-SĨ TRONG G.H.P.G.V.N.T.N.

Nói chung cả Cư-sĩ lẫn Tăng-sĩ cấp tiến đều quan niệm rằng Cư-sĩ phải có vai-trò quan-trọng trong Giáo-Hội. Bằng cố đầu tiên là Cư-sĩ Mai-thọ-Truyền đã phản đối chánh sách tập-quyền của Giáo-Hội ngay khi thành lập bằng cách rút khỏi nền thống nhất. Sự khước từ của ông là một mất mát lớn cho Tân Giáo-Hội vì ông là một cư-sĩ uy-tín nhất miền Nam về mọi phương-diện đạo đức, khả năng và thành tích hoạt-động và đã đóng góp lớn lao vào sự-nghiệp phục-hưng Phật-Giáo. Từ năm 1950 tên tuổi ông gắn liền với phong-trào phục-hưng Phật-giáo tại Nam Phần. Xuất thân từ một công chức cao cấp, ngoài chức vụ chủ-tịch Hội Phật-Học Nam Việt, ông đã từng là Phó chủ-tịch Hội Phật-Giáo Thế Giới, Phó Hội Chủ Tổng Hội Phật-Giáo Việt-Nam, Ông và Thượng-Toạ Tâm-Châu là hai người được Tổng-Hội Ủy-nhiệm đứng ra đôn đốc phong trào tranh đấu năm 1963. Trong cuộc vận động lịch sử này ông đã đốc toàn thể nhân lực, vật lực và tài lực của Hội Phật-Học Nam-Việt cho chánh-nghĩa Phật-Giáo và ông đã bị giam cầm cùng với các Tăng Ni.

Khi uy-tín Phật-Giáo lên cao nhất sau 1963, ông là người duy-nhất dám can đảm đứng lên phản đối chánh sách tập quyền và sự can thiệp trực tiếp của tôn giáo vào

chánh-trị (272). Mặc dầu bị một thiếu số Tăng-sĩ chánh-trị xuyên tạc, ông vẫn được các tập đoàn Phật-Giáo và các tôn-giáo bạn kính nể (273).

Bằng có thứ hai là trong dịp Tết Tân-Mùi, và ngày 2.8.1968 trước khi Đại Hội Phật-giáo Ấn-Quang khai mạc Cư-sĩ Chân-Như Đặng-Sĩ-Khả cũng đã chỉ trích sự độc quyền lãnh đạo của giới Tăng-sĩ và cho rằng Giáo Hội là một tổ chức quần chúng phức tạp trong đó Phật-tử thế tục phải được chia sẻ quyền lãnh đạo (274).

Bằng chứng thứ ba là trong một bài tham luận "Thế Nhân Dân của Phật-Giáo" đăng trên nhật-báo Công chúng ngày 8.4.1969, tác giả Cuồng Sinh đã phê bình vai-trò độc quyền thống trị như sau :

"Thứ nhất, phải công nhận cả hai bản Hiến-Chương của Phật-Giáo đều tỏ rõ tham vọng củng cố vai trò lãnh đạo của thành phần Tăng Lữ. Trên nguyên tắc một tập đoàn tôn-giáo dưới sự điều khiển của chư Tăng quả rất hợp lý. Nhưng kinh-nghiệm những năm vừa qua, ai cũng thấy Tăng Lữ trở nên thành phần thống trị.

"Hầu hết các chức vụ từ Viện Hóa Đạo đến cấp Miền, cấp Tỉnh, Quận, Xã đều do các Tăng Ni nắm giữ. Những vị này trừ một số nhỏ, một số đông đã không có kinh-nghiệm tối-thiểu về việc quản-trị, nên đã xảy ra lắm mâu thuẫn nội tại. Rõ ràng năm năm qua, Viện Hóa Đạo chưa tổ chức được một khóa tu nghiệp hay huấn luyện về lãnh đạo và quản trị. Trong khi đó các Tu-sĩ có tâm huyết vì "trung ngôn nghịch nhĩ" dần dần bị loại trừ ra khỏi tổ chức. Một số khác, vì tiêu cực đã tự động rút lui về vỏ ốc chật hẹp của mình. Cấp lãnh đạo đã phân hóa, khe cửa hở, các ngọn gió độc tha hồ lùa vào phá nát tất cả".

(272) Foisie, Jack : Politics and pagodas : Thọ-Truyềnknocks out the violence, The Sunday Mail, June 19. 1966. Cũng xem : Ngu Ý, Nguyễn : Hai giờ với Ông Chánh trị Mai-thọ-Truyền, Bách-Khoa số 177 (15.5. 1964), trang 82 và kế tiếp.

(273) Cuộc phỏng vấn Ông Mai-thọ-Truyền ngày 21.5.1969.

(274) Chân-Như Đặng sĩ khả : "Năm mới quan-niệm mới : đi tìm chánh đạo trong van-đề giáo-quyền và Đại-chúng quyền", Nhật-báo Chánh Đạo số tất niên Tân Mùi "Đại-chúng quyền", nhật-bao Saigon Mới, 2.8.1968.

Không những giới Cư-sĩ mà cả giới Tăng-sĩ cấp-tiến cũng nhìn nhận rằng sự tham dự quá yếu ớt của Phật-tử thế-tục vào cơ-chế quyết-định của Giáo-Hội đã là một trong những nguyên-nhân chính của khủng hoảng nội bộ Phật-Giáo. Thượng-Tọa Đức-Nhuận cho rằng "không bao giờ chấp nhận được một hình thức giáo quyền độc tôn và không thể tổ-chức giáo quyền như một sự nhân danh quyền-lực thiêng-liêng để bắt buộc Phật-tử trong một tổ-chức nhằm khống chế tư-tướng". Ngài quan niệm rằng tổ chức đạo Phật phải có hai phần :

- Phần lãnh đạo và điều hành giáo quyền.
- Phần quyết duyệt đường lối của tổ-chức : thuộc đại chúng quyền (275).

Cũng với một nhãn quan cấp tiến, Thượng-Tọa Nhất-Hạnh cho rằng cần phải có sự hiện diện của Cư-sĩ trí-thức trong Giáo-Hội, đồng thời Ngài còn nhận xét rằng Giáo-Hội chưa tìm cho họ chỗ đứng thích ứng (276).

Tăng-sĩ khác, Thượng-Tọa Minh-Châu có lẽ cũng thấy rằng sự bao biện quá lớn của Tăng-sĩ trong nhiều lãnh vực chỉ đem lại điều bất lợi cho Giáo-Hội khi Ngài nhận-định :

"Vì những phạm vi hoạt-động của Giáo-Hội bành-trướng mau chóng, Phật-giáo chẳng bao lâu bắt buộc phải ý thức rõ rệt rằng Giáo-Hội đã gặp phải những sự thiếu thốn kinh-nghiệm, những chuyên viên cự phách, những cán bộ nòng cốt, Nguy hại hơn nữa là một vài phân tử sau một đêm bỗng thức dậy tự cho mình là anh hùng vô địch, xem mình là những thánh tướng trong mọi lãnh vực, kể cả những lãnh vực mà họ hoàn toàn không có một chút kinh nghiệm nào" (277).

(275) Đức-Nhuận, Thích : Diệp-thư đầu Xuân, nguyệt-san Vạn-Hạnh, số đặc-biệt về Phật thành đạo và Xuân Đinh Mùi.

(276) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn III, trang 19-31.

(277) Minh-Châu, Thích : Viện Đại-Học Vạn-Hạnh : Một trung-tâm giáo-duc ở Sài-gòn. Tư-Tướng bộ cũ số 4 và 5, trang 7.

Thật ra xét lịch sử Âu-Châu ta thấy sự đối nghịch giữa Tăng lữ và thế tục vì sự chuyên quyền của Tăng lữ đã được kết thúc bằng sự phân công rõ rệt : lãnh vực tôn-giáo của tu-sĩ, lãnh vực văn-hóa xã-hội là lãnh vực hôn hợp, lãnh vực chánh-trị và kinh-tài thuộc quyền người thế tục. Để giảm thiểu hay phá tan mọi mâu-thuân giữa Tăng-sĩ và Cư-sĩ đồng thời tạo thế quân-bình và phân công hợp-ly trong Giáo-Hội Phật-Giáo, thiết tưởng, nhìn kinh-nghiệm xử người, Phật-giáo Việt-Nam nên đưa ra một phương thức cộng-tác giữa hai giới. Sự tham-dự của Cư-sĩ vào cơ chế quyết-định của Giáo-Hội có lợi là giúp Tăng-sĩ khỏi bị tràn ngập và lúng túng trước những vấn đề thế tục, đồng thời còn giúp họ tìm ra phương-thức hòa-giải những lúng túng giữa chư Tăng. Tuy-nhiên viễn ảnh ấy chỉ tốt đẹp khi Cư-sĩ không dùng Giáo-Hội làm bậc thang danh vọng.

ĐOẠN II - PHẬT TỬ THƯỜNG

Phật-tử thường là khối quần-chúng hoặc nhiệt-thành hoặc nguội lạnh, không chăm lo Phật sự bằng Cư-sĩ.

Về phương diện xã-hội-học, khối người đông đảo này chính là nền tảng xã-hội của Phật-Giáo và chiếm đa số nhân dân Việt-Nam. Nền tảng ấy cũng là một trong những thành tố thể-lực của đoàn thể (278). Nhưng thành tố này chỉ là sức mạnh thực-sự khi các đoàn viên biết đoàn kết. Sự đoàn kết lại phụ thuộc một phần vào sự phân phối địa dư : các đoàn viên phân tán rải rác có thể khó thống nhất hơn là trong trường hợp họ được tiếp xúc thường xuyên với nhau. Dĩ nhiên các đoàn viên chỉ đoàn-kết xung-quanh Giáo-Hội khi Giáo-Hội đáp ứng được nguyện-vọng và niềm tin của họ.

Ngoài ra, sức mạnh của một đoàn thể trong thời-đại này còn tùy thuộc vào tổ chức và kỷ-luật.

(278) Irish and Prothro : Sách đã dẫn, trang 247 và kế tiếp.

Như vậy muốn biết Phật-tử thường đảm nhận được vai trò gì trong việc tạo thực lực cho Giáo-Hội, ta cần xét hai điểm : 1) Trình độ hội nhập Giáo-Hội của Phật-tử thường ;

2) Việc tổ chức quần-chúng Phật-tử thường.

PHẦN ĐOẠN I - TRÌNH-ĐỘ HỘI-NHẬP GIÁO-HỘI CỦA PHẬT-TỬ THƯỜNG

Tình cảm tôn-giáo ảnh-hưởng tới thái-độ chánh-trị của Công dân, vì trước khi là công dân của một quốc-gia con người đã là tín đồ của tôn-giáo (279). Khi quốc-gia và tôn-giáo phân lập rõ rệt, con người trở thành đối tượng tranh-thủ của cả hai bên. Trong trường hợp Phật-Giáo, Phật-tử thường đã hội nhập Giáo-Hội tới mức nào ? Trả lời câu hỏi này, ta phải xét ba yếu tố : 1) Lòng chung thủy của Phật-tử thường đối với Giáo-Hội ; 2) Bảo-đoan của lòng chung thủy ấy ; 3) Lễ lối sinh-hoạt tôn giáo của Phật-tử thường.

A - LÒNG CHUNG THỦY

Giáo-Hội đã chiếm được đến mức nào lòng chung thủy của những tín đồ thuộc các thành phần nào ? - Nhìn chung, các Phật-tử thuần thành thường chung thủy với Giáo-Hội hơn Phật-tử ngoại lạnh. Loại sau này phần đông là thị dân và trí-thức bị Tây-phương-hóa. Đa số Phật-tử thuần-thành thường thuộc giới yếu kém về văn-hóa, kinh-tế, xã-hội và thường ở khu vực lao-động hay canh nông.

Xét theo căn-bản tuổi tác và nam nữ tính, những Phật-tử thuần thành thường là những người hoặc rất già hoặc rất trẻ trong đó phái nữ chiếm đa số.

Về sau này phong trào hiện-đại-hóa Phật-giáo dần dần thu hút được một số đáng kể học sinh, sinh-viên, thanh niên có lý-tưởng.

(279) Meynaud, Jean et Lancelot, Alain : Sách đã dẫn, tr. 17 và kế tiếp.

Vì tin Phật, Pháp, Tăng một cách mãnh liệt, nên hầu hết Phật-tử thuần thành dễ được sử dụng vào các cuộc tranh đấu. Lòng chung thủy của họ thường được xây dựng trên tông phái hay địa-phương : Mỗi vị sư tại mỗi địa-phương đều có một số đệ tử trung thành. Tăng-sĩ ảnh-hưởng mạnh đến thái độ chánh-trị của tín-đồ : Theo gương người lãnh đạo, Phật-tử Nam phần thường lạnh lùng đối với chánh-trị ; Phật-tử miền Trung và miền Bắc đều hiếu động ; nhưng Phật-tử miền Trung nhiệt thành hơn miền Bắc. Vì vậy mà Phật-tử hai miền sau này có trình-độ hội nhập Giáo-Hội cao hơn Phật-tử miền Nam. Như vậy hiện nay Phật-tử thường không phải là một khối thuần nhất về cả lập-trường tư-tưởng lẫn lãnh đạo. Lòng chung thủy của họ cần phải có bảo-đoan mới bền vững được.

B - BẢO-ĐOAN CỦA LÒNG CHUNG-THỦY

Dĩ-nhiên, bảo-đoan lòng chung thủy của tín-đồ đối với Giáo-Hội thường là Đức Tin. Trên lý-thuyết, đức tin của Phật-giáo không phải là đức tin mù quáng vì tín-đồ có quyền nghi ngờ tất cả và chỉ tin sau khi đã chứng-nghiệm. Thái độ này thường có vẻ cao siêu và chỉ tìm thấy nơi thiếu số trí-thức. Còn đối với giới Phật-tử không có trình-độ học vấn cao, bảo-đoan của lòng chung thủy có thể gồm hai loại là : quyền-lợi tinh-thần và quyền-lợi vật-chất. Về loại thứ nhất, nhiều Phật-tử vẫn tin rằng đi chùa lễ Phật, ăn chay và nghe lời Thầy sẽ được Trời Phật phù hộ. Lối tin tưởng này là hình-thức thoái hóa của đạo Phật cổ-truyền mà Tăng-sĩ cấp tiến không dám nhất đán phá bỏ. Nhưng nếu cứ duy trì nó, đạo Phật sẽ không hiện-đại-hóa được. Vấn đề đặt ra là phải dần dần thay đổi lối sống đạo để vừa duy trì được lòng chung thủy vừa thực hiện được cuộc chấn hưng Đạo Pháp.

Còn về loại thứ hai, một số Phật-tử tuân phục Giáo-Hội để mưu cầu lợi lộc cá-nhân. Như vậy, họ sẽ dễ dàng rời bỏ Giáo-Hội khi không còn trục lợi được nữa.

Xét như vậy, những bảo-đoan của lòng chung thủy đối với cả ba loại Phật-tử - từ trí thức tới hai hạng bình dân - đều có tính cách vững vàng tương đối mà thôi. Sự tương đối ấy có thể trở nên mong manh đối với Giáo-Hội vì

những thất bại chánh-trị của Tăng-sĩ. Thật vậy một số Phật-tử hiện nay không còn đặt nhiều tin tưởng ở Tăng-sĩ nữa và cũng không năng đi lễ chùa, nghe thuyết pháp như những năm 1963, 1964, 1965, 1966 nữa. Họ chỉ còn tin ở Phật và Pháp mà thôi.

Ngoài lòng chung thủy, lẽ lối sanh hoạt tôn giáo cũng là một yếu tố hội nhập Giáo-Hội của Phật-tử.

C - LỀ LỐI SANH-HOẠT TÔN-GIÁO CỦA PHẬT-TỬ THƯỜNG

Thực ra, cho tới nay ý-niệm Giáo-Hội theo nghĩa Công-Giáo La Mã còn xa lạ đối với Phật-tử vì từ ngàn xưa việc tu-niệm vẫn có tính cách cá-nhân và mỗi ngôi chùa là một đơn vị biệt lập. Truyền-thống ấy đã ăn sâu vào tâm-hồn Phật-tử và hiện nay họ vẫn ưu tiên trung thành với các đơn vị biệt-lập liên-hệ hơn là với Giáo-Hội Trung-Uơng.

Sau khi xét ba thành tố hội nhập, ta thấy rằng về phương diện thuần túy tôn giáo trình-độ hội-nhập của Phật-tử thường đối với một Giáo-Hội Trung-Uơng hãy còn thấp kém. Giáo-Hội chỉ có thể vượt được trở lực này nếu có đủ cán-bộ giảng giải cho tín-đồ nhu-cầu kết hợp trong thế giới ngày nay để hoạt-động hữu-hiệu.

Ý-thức điều đó, Giáo-Hội đã sớm thực hiện việc tổ chức quần chúng thành đội ngũ có tổ-chức, kỷ-luật và đặt kế hoạch hoạt-động chung ngõ hầu tạo thực lực cho đoàn thể.

PHÂN ĐOẠN II - VIỆC TỔ-CHỨC QUẦN-CHỨNG PHẬT TỬ THƯỜNG

Trong phân đoạn này ta nêu những nhận xét đại-cương và trình bày tổ-chức quần-chúng của phe Ấn-Quang vì hiện nay chỉ có những hội đoàn của Giáo-Hội này tích-cực hoạt động nhất.

A - NHẬN-XÉT ĐẠI-CƯƠNG

1. Trước hết cần nhận định rằng phong-trào chấn-hưng Phật-Giáo là một phong trào quần chúng và G.H. P.G.V.N.T.N. dưới mắt Phật-tử cũng là tổ-chức quần-chúng vì nó không có tính cách thần quyền và không được coi là độc quyền của Tăng-sĩ.

Ý-thức được sức mạnh ghê gớm của quần chúng có tổ-chức (280), các nhà lãnh đạo Phật-Giáo ngay từ thời kỳ đầu của công cuộc chấn-hưng Đạo Pháp đã đoàn-ngũ-hóa Phật tử.

2. Hiện nay trong tình trạng phân hóa, trên toàn lãnh thổ Việt-Nam Cộng-Hòa có tất cả 36 Hội Phật-Giáo. Trừ ba Hội Tăng-Giá, 33 Hội còn lại đều là những tổ-chức quần chúng. Trong số đó chỉ có Giáo-Hội Ấn-Quang có được những tổ-chức quần-chúng quy mô nhất và rất giống những hội-đoàn thuộc phong-trào Công-giáo tiến hành, tức là những đoàn thể không có mục tiêu chánh-trị và chỉ nhằm thực hiện các công tác văn-hóa, xã-hội để hoằng dương Đạo Pháp. Tuy-nhiên trong thực tế những đoàn-thể ấy đã được dùng vào các cuộc đấu tranh chánh-trị. Quyết-nghị của Đại Hội Phật-Giáo Ấn-Quang kỳ III năm 1968 đã xác nhận : "Vai trò của quần chúng trong mọi lãnh vực sinh-hoạt quốc-gia cần được tôn-trọng và đề cao để làm nòng cốt cho một chánh sách dân-chủ nội-trị và tự chủ ngoại giao".

B - TỔ-CHỨC QUẦN CHÚNG CỦA GIÁO-HỘI ẤN-QUANG

Theo Hiến-Chương năm 1965, việc tổ-chức quần chúng Phật-tử được giao phó cho hai Tổng vụ là Tổng vụ Cư-sĩ và Tổng vụ Thanh-niên :

(280) Lénine coi quần-chúng là một kho chứa năng-lượng rộng lớn và ông khuyến-khích cán-bộ hãy hoạt-động ở bất cứ nơi nào có quần-chúng (Xem Selznick, Philip : The Organizational weapon, trang 254, The Free Press of Glencoe, Illinois 1960).

1. Tổng-vụ Cư-sĩ : Do một Tổng-vụ Trưởng điều-khiển và gồm có ba Vụ : Thiện tín Bắc Tông vụ, Thiện tín Nam Tông vụ, và Đặc trách Hội-đoàn Phật-tử vụ.

Về hai vụ đầu tiên người ta không kiểm soát được số thiện nam tín nữ thuộc hai Tông phái. Vì vậy vụ thứ ba trở nên quan-trọng nhất. Vụ này điều khiển 22 Hội-đoàn chuyên-nghiệp và 4 Hội-đoàn không chuyên-nghiệp ; mỗi đoàn có khoảng 100 đoàn viên và đều được thành lập từ sau ngày Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. ra đời. Các Hội-đoàn này đại diện cho nhiều thành phần xã-hội : Công-nhân, Nông-dân, Đông-Y, Giáo-chức, Công-chức, Tư-chức, Văn-nghệ sĩ, Ký-giả v.v...

Tổng-vụ Trưởng được phụ tá bởi ba Vụ-Trưởng đặc-trách Bắc-Tông-vụ; Nam-Tông-vụ ; Phật-tử chuyên-nghiệp-vụ.

2. Tổng-vụ Thanh-niên : Do một Tổng-vụ Trưởng điều khiển. Vị này có một phụ-tá trợ lực.

Tổng-vụ Thanh-niên được coi là quan-trọng nhất vì nó điều khiển một lực-lượng thế-tục trẻ trung nòng cốt nhất của Giáo-Hội, và gồm có 5 vụ :

- Gia-đình Phật-tử vụ
- Sinh-viên Phật-tử vụ
- Học-sinh Phật-tử vụ
- Thanh-niên Phật-tử thiện-chí
- Hướng-đạo Phật-tử vụ

a) Gia-đình Phật-tử : Gia-đình Phật-tử là một tổ-chức quần-chúng quy củ nhất, và lâu đời nhất của phong trào Phật-Giáo phục-hưng.

Thoạt tiên tại chùa Quán Sứ Hà-Nội có lập gia-đình Phật-Hóa-Phổ. Cùng lúc ấy, vào năm 1940, tại Huế Cư-sĩ Lê-đình-Thám lập Thanh-niên Phật-học Đức-Dục. Sau khi đi Hà-Nội về, Cư-sĩ biến cải Thanh-niên Phật-Học

Đức-Dục thành Gia-đình Phật-hóa-Phổ như ở Hà-Nội (281).

Năm 1951, Đại-Hội Huynh-trưởng Gia-đình Phật-hóa-Phổ họp tại chùa Từ-Đám với sự tham-dự của đại-diện hai miền Trung và Bắc. Đại Hội quyết-định đổi danh-hiệu Gia-đình Phật-hóa-Phổ thành Gia-đình Phật-tử. Tổ-chức mới này gồm đủ mọi thành-phần : Sinh-viên, Học-sinh, Giáo-sư, Công-chức, Lao-động, Thương-gia, Nông-gia, Thợ-thuyền, v.v... và nhằm hai mục-dịch chính :

- Đào-luyện Thanh, Thiếu, Đồng niên thành Phật-tử chân chính.

- Góp phần xây-dựng xã-hội theo tinh-thần Phật-Giáo.

Ngoài ra, Gia-đình Phật-tử còn góp phần vào việc bảo-vệ dân-tộc và hòa-bình (282). Gia-đình Phật-tử được coi là một tổ-chức giáo-dục thanh thiếu niên tiến-bộ nhất của Phật-Giáo hiện đại, có lý-thuyết, chương-trình, kế-hoạch hoạt-động, đoàn-kỳ, đoàn ca, sắc-phục và nội-san riêng (283).

Hiện nay có 1217 Gia-đình Phật-tử được thành-lập trên 41 Tỉnh, và Thị-xã, Thủ-đô và miền Vĩnh-Nghiêm, quy-tụ 7535 Huynh-trưởng và 140.114 Đoàn-sinh. Người hướng dẫn trung-ương Gia-đình Phật-tử là Ông Võ-dình-Cường, đã bị cầm tù, vì, theo chánh-quyền, có liên-lụy tới hoạt-động Cộng-Sản. Theo Thượng Tọa Huyền-Minh, Gia-đình Phật-tử có thể bị một thiếu số cán-bộ Cộng-Sản xâm nhập. Tuy nhiên, vẫn theo vị Thượng Tọa vừa kể, từ ngày Ông Võ-dình-Cường bị bắt số cán-bộ hoạt-động chánh-trị hầu như bị tan rã và hiện giờ các Gia-đình Phật-tử tại các Tỉnh Nam-Phần hoạt-động thuần-túy Phật-Giáo.

(281) Phong văn Thượng Tọa Huyền-Minh ngày 24.11.1969. Nhưng theo tài-liệu của Giáo-Hội Ấn-Quang, Gia-đình Phật-Hóa-Phổ có trước tiên ở Huế năm 1940 và ở Bắc mãi đến năm 1947 mới được thành-lập. Xem Nguyễn-khắc-Tử : Gia-trưởng, Gia-đình Phật-tử Việt-Nam, 1968.

(282) Xem bài "Lý-tưởng và sứ-mệnh của Gia-đình Phật-tử Việt-Nam" đăng trong Nội-san Sen Trắng, Xuân Kỳ-Dậu, trang 3 và kế tiếp.

(283) Tử, Nguyễn-khắc : Gia-trưởng, Ban hướng-dẫn G.Đ.P.T. trung-ương ấn-hành năm 1968. Cũng xem Nhất-Hạnh, Thích : sách đã dẫn II, tr. 73-74.

Tổ-chức Gia-đình Phật-tử bành trướng mạnh nhất tại Huế, Quảng-trị và một số tỉnh Trung Phần. Còn tại Nam Phần hoạt-động của tổ-chức này rất yếu. Bằng chứng là tỉnh Quảng-trị có 207 gia-đình, 1343 huynh-trưởng và 9272 đoàn sinh, trong khi Phước-tuy chỉ có 1 gia-đình, 9 huynh-trưởng và 98 đoàn viên.

Theo nội san Sen-trắng, tinh-thần Gia-đình Phật tử là tinh-thần của một đoàn thể thanh-niên bất khuất trước mọi cám dỗ và đàn áp của những lực-lượng ngoại-bang hay tay sai của ngoại bang, qua các cuộc thay đổi ngôi tráo trên sân khấu Việt-Nam. Tinh-thần của Gia-đình Phật-tử là tinh-thần của những người mến đạo, yêu quê-hương xứ sở và Đạo Pháp với bất cứ giá nào trong trường-hợp nào (284). Như vậy nằm trong Phật-Giáo hiện-dại, tổ-chức gia-đình Phật-tử cũng liên hệ tới chánh-trị.

b) Sinh-viên Phật-tử : Đoàn Sinh-viên Phật-tử được thành lập từ năm 1962 và đã tham dự vào hầu hết các cuộc tranh đấu của Phật-Giáo. Hiện nay đoàn có 7 chi đoàn tại các cơ-sở giáo-dục trên toàn quốc : Đại-học Saigon, Đại-học Vạn-Hạnh, Đại-học Huế, các trường Sư-phạm Quy-nhơn, Đà lạt, Vĩnh-Long và Đại-học Cần-thơ. Tổng số đoàn-viên hiện không ai biết rõ, người ta chỉ có con số đoàn viên của các phân-khoa Đại-học Saigon vào khoảng 150 người, của Viện Đại-học Vạn-Hạnh vào khoảng 100 người. Mục-dịch của đoàn sinh-viên Phật-tử là :

- Phục-vụ Đạo Pháp và Dân Tộc.
- Đoàn-kết toàn thể sinh-viên Phật-tử để phát huy đạo đức, văn-hóa, xã-hội.
- Tương-trợ đoàn-viên về vật-chất và tinh-thần.
- Liên lạc công-tác với các đoàn-thể thanh-niên, sinh-viên, học sinh trong và ngoài nước trong tinh-thần phụng-sự dân-Tộc (285).

(284) Xem bài "Lý-tưởng và sứ-mệnh của Gia-đình Phật-tử Việt-Nam" đăng trong nội-san Sen Trắng, Xuân Kỳ Dậu, trang 3 và kế tiếp.

(285) Phỏng vấn nhân-viên văn-phòng Đoàn Sinh-viên Phật-tử tại Trung-Tâm Quang-Đức ngày 28.12.1969.

C - THANH-NIÊN PHẬT-TỬ THIÊN-CHÍ-VỤ

Hiện có độ 1000 đoàn-viên. Còn số đoàn viên hướng-đạo Phật-tử người ta không được rõ là bao nhiêu (286). Cả hai Đoàn này không có hoạt-động nào nổi bật đáng kể.

Ngoài các đoàn ngũ Phật-tử dân sự vừa kể, các quân-nhân Phật-tử trong quân-lực V.N.C.H. cũng được chánh phủ và Giáo-Hội chăm lo nếp sống tín ngưỡng của họ bằng cách thiết-lập tổ-chức Tuyên-Úy Phật-Giáo.

ĐOẠN III - TỔ-CHỨC TUYÊN-ÚY PHẬT-GIÁO
TRONG QUÂN-LỰC V.N.C.H.

A - MỤC-ĐÍCH, TỔ-CHỨC VÀ ĐIỀU-HÀNH
NHA TUYÊN-ÚY PHẬT-GIÁO

Do sự can-thiệp tích-cực của Giáo-Hội P.G.V.N. T.N., Thủ-Tướng chánh-phủ đã ký sắc-lệnh số 224 QP ngày 1.7.1964 thành-lập Nha Tuyên-Úy Phật-Giáo. Theo nghị-định số 1437 QP/ND ngày 6.8.1964, mục đích, tổ-chức, và điều-hành Nha Tuyên-Úy Phật-Giáo được ấn-định như sau :

1. Mục-đích tổng-quát của Tuyên-Úy Phật-Giáo - Nha Tuyên-Úy Phật-Giáo có nhiệm vụ :

- Phụng-sự Phật-Giáo và phổ-biến giáo-lý trong quân-đội nhằm mục-đích nâng cao tinh-thần quân-nhân và gia-đình họ.

- Thi-hành mọi công-tác giáo-vụ và Phật-sự cần thiết cho quân-nhân Phật-tử và gia-đình họ tại đồn trại cũng như nơi tiền tuyến.

- Phối-hợp với các cơ-quan liên-hệ, tổ-chức nâng đỡ gia-đình quân nhân về mặt xã-hội và tinh-thần.

- Tổ-chức và điều-hành các cơ-sở thuộc ngành Tuyên-Úy Phật-Giáo.

(286) Phong văn Đại Đức Pháp-Siêu ngày 29.12.1969.

2. Tổ-chức và điều-hành

a) Tổ-chức : Nha Tuyên-Úy gồm có cơ-quan trung-ương, các cơ-quan địa-phương, và tại các quân, binh chủng.

- Tại Trung-Ương : Nha Tuyên-Úy Phật-Giáo đặt dưới quyền điều khiển của một Giám-đốc, có một phó giám đốc phụ tá. Nha này gồm có hai phòng : Phòng Hành-Chánh và Phòng Học-Vụ.

- Tại các địa-phương và các quân, binh chủng : Tại khắp các vùng chiến-thuật, khu chiến-thuật, biệt khu, các đơn vị đến cấp trung-đoàn, các binh chủng, quân chủng, các quân y viện, quân lao, trung tâm cải huấn Chí-Hòa và các quân trường đều có phòng Tuyên-Úy Phật-Giáo dưới sự điều khiển của một Trưởng phòng Tuyên-Úy. Chức vụ này do một Tăng-sĩ đảm nhận dưới sự hướng dẫn chuyên môn của Nha Tuyên-Úy và dưới sự điều động của các đơn-vị liên hệ.

b) Điều-hành : Hiện nay trên toàn quốc có 100 tu sĩ Tuyên-Úy Phật-Giáo trông coi việc điều hành các Phòng Tuyên-Úy và 75 chùa chiền và Niệm Phật đường do quân nhân Phật-tử xây cất tại các đơn vị.

Tổ-chức Tuyên-Úy biểu-lộ sự quan tâm của quốc-gia thể tục tới sự kiên tôn giáo cũng như sự hợp tác giữa chánh-quyền và Giáo-Hội trong việc săn sóc đời sống tinh thần và tín ngưỡng của quân-nhân. Vì vậy Nha Tuyên-Úy chịu lệ thuộc hai hệ thống Đạo và Đời.

Về phương-diện quốc-gia, Nha Tuyên-Úy Phật-Giáo từ khởi thủy trực thuộc Bộ Tổng-Tham-Mưu quân-lực V.N.C.H. Nhưng từ 12.5.1966, nó được đặt dưới sự điều-khiển của Tổng-Cục Chiến-Tranh Chính-Trị.

Về phương diện tôn-giáo, Tuyên-Úy Phật-Giáo là một tổ-chức tôn-giáo của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống Nhất và được đặt dưới sự điều khiển của Viện Hóa Đạo.

Theo Sự-vụ Văn-thư số 490-NTUPG/GV ngày 7.9.1964 của Đại Tướng Tổng Tư-lệnh Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, ngành Tuyên-Úy Phật-Giáo đã được phép thiết-lập tại khắp các đơn-vị, từ cấp Đại-Đội trở lên, một ban đại-diện quân-nhân Phật-tử có nhiệm-vụ :

1. Phát-triển Phật-Pháp và chăm lo Phật-sự ;
2. Hướng-dẫn quân-nhân Phật-tử, rèn luyện cho họ đức tin tốt để phụng-sự quốc-gia dân-tộc ;
3. Gây một khối đoàn kết trong tình đồng-đội bằng cách :
 - Giúp đỡ lẫn nhau,
 - An ủi lẫn nhau khi có nghịch cảnh,
 - Tổ-chức nghi-lễ và hộ niệm.

Với ba nhiệm-vụ tổng quát này, các ban Đại-diện đã đảm trách cả các vấn-đề tôn-giáo lẫn các vấn-đề thế-tục liên-hệ tới quyền-hành của quân-đội : chẳng hạn như đạo-dạt nguyện-vọng của quân-nhân Phật-tử về các việc thăng thưởng, thuyên-chuyển, kỷ-luật v.v... Với vai-trò này, các Ban Đại-diện đã biến thành những nhóm áp lực trong quân-đội để ảnh-hưởng tới nhiều quyết-định của các cấp chỉ-huy Quân-đội. Như vậy vấn-đề được đặt ra là ngành Tuyên-Úy Phật-Giáo đã có ảnh-hưởng được gì về phương-diện chánh-trị ?

B - ẢNH-HƯỞNG CHÁNH-TRỊ CỦA NGÀNH TUYÊN-ÚY PHẬT-GIÁO

Đĩ nhiên Tuyên-Úy nhằm mục-dĩch thuần túy tôn-giáo và xã-hội. Những công-tác trong phạm vi đó đã khiến quân-nhân Phật-tử gần gũi với Giáo-Hội và Đức-Tin được bồi dưỡng đã ảnh-hưởng tới thái-độ của quân-nhân trong cuộc sinh-hoạt quân-ngũ cũng như sinh-hoạt chánh-trị. Do đó, Giáo-Hội Phật-Giáo đã gây được ảnh-hưởng chánh-trị đáng kể trong quân-đội.

Ảnh-hưởng này trong cuộc tranh đấu của Phật-Giáo miền Trung năm 1966 đã được xử-dụng vào các mục-tiêu chánh-trị phương hại tới sự thuần nhứt của quân-đội và uy quyền của quốc-gia. Ban Đại-diện quân-nhân Phật-tử biến thành các Ủy-Ban hành-động chánh-trị, các Tuyên-Úy Phật-Giáo trở thành những nhà chỉ-huy cuộc nổi dậy chống chánh phủ (287). Chính vì vậy vào hồi đó các Ban Đại-diện quân-nhân Phật-tử đã bị giải-tán và một số Tuyên-Úy Phật-Giáo đã bị trừng-phạt. Thượng-Tọa Giám-Đốc Nha Tuyên-Úy cho biết hiện nay còn 1.200 Ban Đại-diện và Ông đương kim Tổng-Trưởng Quốc-Phòng đã chấp thuận trên nguyên-tắc cho tái lập Ban Đại-diện các cấp một ngày gần đây.

Thiết tưởng quyết-định đó, nếu có, sẽ không phù-hợp với quan-niệm quốc-gia thố-tục vì nhu-cầu tín-ngưỡng là việc riêng tư của mỗi quân-nhân và đã có Tuyên-Úy

(287) Phòng văn quân-nhân Phật-tử Vùng I Chiến-thuật.

phụ trách. Các quân-nhân không thể dùng tín ngưỡng để làm điểm kết hợp thành nhóm áp-lực trong quân-đội, vì nếu có nhóm áp-lực Phật-tử thì sẽ có các nhóm áp-lực thuộc các tôn-giáo khác và mỗi nhóm sẽ tìm mọi cách để ảnh-hưởng tới quyết định của thượng cấp thế nào có lợi cho tập thể riêng. Do đó sự đoàn-kết nhất trí cũng như hiệu năng công tác trong quân đội sẽ bị đe dọa.

Ta chỉ có thể quan-niệm được rằng cơ-quan tuyên úy là một cơ-quan có khả năng đoàn-ngũ-hóa quân-nhân Phật tử để hướng họ vào mục đích thuần túy tôn-giáo, xã-hội mà thôi, và không nên bằng cách này hay cách khác ảnh-hưởng tới các quyết-dịnh của đơn-vị trưởng. Ở cương-vị đó, tuyên-úy Phật-giáo đã giúp ích đặc lực cho cả Đạo Pháp lẫn quốc gia và bắc được nhịp cầu thông cảm giữa Phật-tử trong quân đội với Phật-tử ngoài quân đội. Kinh-nghiệm cho thấy sự chánh-trị-hóa ngành Tuyên-úy chỉ làm suy yếu Giáo-Hội Phật Giáo mà thôi, vì nó sẽ đưa tới sự chia rẽ trong quân đội. Nếu quân-nhân Phật-tử được hướng-dẫn trên phương diện thuần túy tôn giáo, ảnh-hưởng Phật-Giáo sẽ mạnh mẽ và lâu dài trong quân đội, một tập thể quy tụ đa số công dân trưởng thành và có khả năng hoạt động (288).

x

x x

Sau khi kiểm điểm thành-phần Phật-tử thế-tục và tổ-chức sanh hoạt của Phật-giáo trong quân-đội, ta thấy rằng địa-vị của Phật-tử trong cơ-cấu lãnh đạo Giáo-Hội hãy còn yếu kém, vai-trò tuyên-úy Phật-Giáo trước đây đã bị lạm dụng trong một số trường hợp quan-trọng. Ngoài ra, mặc dầu đã cố gắng đoàn-ngũ-hóa lực-lượng quần chúng, tổng số những đoàn viên trung kiên trong hàng Phật-tử thường cũng chẳng phải là đông đảo so với khối lượng 9 triệu tín đồ.

(288) Về Tuyên-úy Phật-Giáo, xem : 1/ The Buddhist chaplain branch, of the Republic of V.N. armed forces. Published by the Buddhist chaplain Directorate, 1968. 2/ Bản Nguyệt-san Đại Từ-Bi, cơ-quan ngôn-luận và truyền-bá giáo-lý của Nha Tuyên-úy Phật-Giáo.

Còn về thành-phần Tăng-sĩ, khối người lãnh đạo này đã chia rẽ nhau vì bất đồng chánh-kiến, tranh giành quyền lực, hay vì tình cảm địa-phương và tông phái.

Chia rẽ giữa Phật-tử, chia rẽ giữa Tăng-sĩ, chia rẽ giữa Tăng-sĩ và Cư-sĩ ! Tầm thâm kịch này của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất cũng là tầm thâm kịch của các đoàn thể tôn giáo, chánh-trị, nghề-nghiệp không phải Phật-giáo tại Việt-Nam. Đồng thời nó còn là thâm kịch chung của các nước nhược tiểu bị dằn co bởi những lực lượng bên ngoài và bị xâu xé bởi chính các thành tố bên trong cộng-đồng.

Bên cạnh những nhược điểm về nhân sự ấy, Giáo-Hội lại có một tài-nguyên vật-chất quá nghèo nàn.

TIẾT III

TÀI-NGUYÊN VẬT-CHẤT CỦA G.H.P.G.V.N.T.N.

Tài nguyên vật chất là khối tài sản thuộc quyền sở hữu hay quyền hưởng dụng của G.H.P.G.V.N.T.N. Theo ba bản hiến-chương của G.H.P.G.V.N.T.N. tài sản này gồm có :

- Động sản và bất động sản hiến cúng,
- Động sản và bất động sản tự tạo.

Về động sản ta chỉ xét các phương-tiện tài-chánh. Bất động sản gồm các cơ sở phụng tự và các cơ-sở văn-hóa, xã-hội.

ĐOẠN I - CÁC PHƯƠNG-TIỆN TÀI-CHÁNH CỦA G.H.P.G.V.N.T.N.

Đối với các đoàn-thể áp-lực nghề-nghiệp, tài-chánh là một phương tiện vận-động cần thiết (289). Là một đoàn-thể tôn-giáo, G.H.P.G.V.N.T.N. rất yếu kém về phương-diện tài-chánh. Giáo-Hội chỉ trông đợi ở sự hiến cúng của thiện nam tín nữ và sự ủng-hộ từ bên ngoài.

(289) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn II, tr. 121-124.

Mặc dầu theo nguyên tắc thế tục, quốc-gia không giúp đỡ tài chánh cho mục đích xây dựng cơ-sở tôn-giáo, trong thực-tế ta thấy các chính-quyền đã trợ cấp ngân-khoản hay phương-tiện cho Phật-giáo để xây dựng hay tu bổ chùa chiền.

Trong chín năm dưới thời Đệ I Cộng-Hòa, giới hữu quyền cho biết đã giúp Phật-Giáo một ngân khoản 9 triệu đồng (290).

Sau Đệ I Cộng-Hòa, chánh-quyền cách-mạng đã trợ cấp cho G.H.P.G.V.N.T.N. 20 triệu đồng để xây cất ngôi Việt-Nam Quốc-Tự. Theo Robert Shaplen, tướng Nguyễn-Khánh có trao cho hai Thượng-Tọa Trí-Quang và Tâm-Châu 22 triệu đồng (291).

Đó là những con số thiếu chính xác. Sự thực những đoàn-thể nào ủng-hộ tài-chánh cho Phật-giáo và số lượng tiền là bao nhiêu, không ai biết rõ. Vấn đề này về sau được Thượng-Tọa Tâm-Châu trình bày trong văn thư số 494 VT/VP ngày 14.9.1966 gửi đức Tăng Thống Thích Tịnh-Khiết để báo cáo về tình-trạng tài-chánh của Giáo-Hội nguyên văn như sau :

"... Chánh-phủ do Thiệu Tướng Kỳ đã giúp cho Giáo-Hội 10 triệu đồng xây cất nơi Viện Hóa Đạo, xây cất cho ngôi Viện Đại-Học Vạn-Hạnh tại đường Trương Minh Giảng, cấp trọn khu đất và ngôi nhà của cựu phong-trào Phụ-nữ Liên đới, giúp tiền giao Thượng-Tọa Thiện-Minh xây cất cơ sở Tổng vụ Thanh-niên đường Công-Lý và giúp thêm hơn 2 triệu đồng để Thượng Tọa (Thiện Minh) tổ chức Hội-nghị Thanh-niên Phật-tử Thế-Giới, giúp năm triệu đồng để Thượng-Tọa Pháp Trí xây ký túc xá tại an-duỡng-địa, giúp 5 triệu đồng xây cô nhi viện (1 triệu đồng để giúp vào trại cô-nhi tị-nạn Miền Trung, còn 4 triệu ở nơi bộ xã-hội khi nào xây trại cô nhi sẽ lấy), và cho vay 50 triệu

(290) Rapports de la Mission d'enquête des Nations Unies au Vietnam du Sud, page 38.

(291) Shaplen, Robert : Sách đã dẫn, trang 280.

đồng để xây chính điện Việt-Nam Quốc-Tự do Thượng-Tọa Thiên-Hòa đã giữ mấy tháng nay trong ngân hàng - vì Thượng Tọa Thiên-Hòa là trưởng ban xây cất chính điện Việt-Nam Quốc tự". (Số tiền vay này hình như về sau đã được trả lại chánh-phủ sau khi Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. bị phân-hóa thành hai phe).

Ngoài ra còn có sự đóng góp của giới quần-chúng Phật-tử mà số lượng tiền không được công bố. Mức độ hiến cúng tùy thuộc vào lòng mộ đạo và khả năng tài chánh của thiện nam tín nữ. Thông thường giới hăng hái đóng góp nhứt vẫn là các nữ Phật-tử tu tại gia và năng lui tới cửa Thiền.

Không giống các đoàn thể nghề nghiệp thường dùng phương tiện tài chánh vào việc vận động với chánh-quyền, G.H.P.V.N. dùng phương tiện này để nuôi dưỡng và phát triển đoàn thể. Đôi khi chính những nhân vật hay đoàn thể chánh-trị, nghề nghiệp lại còn ủng hộ tài chánh cho giáothội để tìm kiếm hậu thuẫn.

Trong các cuộc phỏng vấn, chúng tôi được giới lãnh đạo Phật-giáo cho biết sự thiếu thốn phương-tiện tài chánh là một trở lực lớn lao cho việc thực hiện các chương trình xã-hội, Y-tế và giáo-dục của Giáo-Hội. Chẳng hạn như Tổng Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam hiện chưa lập được một phòng phát thuốc hay một trường học nào, mặc dầu chư Tăng lãnh đạo rất quan tâm tới vấn đề này (292). Đối với G.H.P.G.V.N.T.N., một tập đoàn uy-tín nhứt trong cộng-đồng Phật-Giáo Việt-Nam, mặc dầu hiện nay đang bị phân-hóa, vấn đề tài-chánh đặt các Tăng-sĩ lãnh đạo trước hai điều nan giải : Nếu nhờ vả chánh quyền, Giáo-Hội sẽ dễ bị lệ thuộc nhà nước, và chính nhà nước cũng không thể công khai giúp đỡ được. Nếu đứng ra làm kinh tài, Giáo-Hội không thể làm các hành vi thương mại dễ dàng được vì chúng trái với sứ mạng của Tăng-sĩ Phật-Giáo, và có khi các

(292) Phỏng vấn Thượng Tọa Thích Pháp-Siêu, Phó Viện-Trưởng Viện Hoàng-Pháp, Tổng Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam, ngày 20.11.1969 tại Tam Tông Miếu, Sài Gòn.

Tăng-sĩ cũng không đủ thủ đoạn để cạnh tranh trên thương trường. Lợi tức duy-nhứt mà Giáo-hội hiện nay có thể cố gắng tìm kiếm được một phần nào ngoài sự hiến cúng của thiện nam tín nữ là tiền lời của các trường tư-thục Bồ-Đề. Tuy-nhiên các trường Bồ-Đề trên toàn quốc trong thực tế vẫn còn duy-tại sự độc lập về tài chánh đối với Giáo-Hội và hầu như không trợ cấp gì cho Giáo-Hội.

Với một triết-lý khinh rẻ đời sống vật chất và với tình trạng bị bạc đãi trong thời Pháp thuộc, Phật-Giáo đã không có một tài sản sinh lời nào như Công-Giáo, và chỉ có các bất động sản dùng làm cơ sở phụng tự.

ĐOẠN II - CÁC CƠ-SỞ PHỤNG-TỰ

Cơ-sở phụng-tự là các ngôi chùa để Tăng-sĩ và Phật-tử dùng làm nơi thực hành tín ngưỡng. Người ta có thể phân biệt ba loại chùa chiền căn cứ vào nguồn-gốc xây cất :

1. Các ngôi Quốc-Tự - Do Vua chúa xây cất : Đó là bốn ngôi chùa có kính tại Huế đã được một văn-kiến của chánh-phủ xếp vào hàng di-tích lịch-sử và bó buộc đoàn thể hương-dụng là Phật-Giáo phải bảo tồn. Các vị trụ trì chỉ là những người quản trị, có quyền trông coi, hương-dụng chùa, nhưng không được sửa đổi gì vì các chùa đó là của Nhà Nước.

2. Các ngôi chùa làng - Ở Bắc và Trung phần mỗi làng đều có một ngôi chùa xây cất trên công điền công thổ và các Thần-tử Phật-tự điền, tức là ruộng công điền công thổ được trích trí để thờ thần cúng Phật. Do đó loại chùa này thuộc khối công sản quốc-gia, chứ không phải của Giáo-Hội.

Ngoài ra ngày xưa các chùa ở Bắc và Trung còn có hậu điền, tức là ruộng của tư-nhân hiến cúng để chùa lo việc cúng giỗ họ về sau.

3. Các ngôi chùa do tư-nhân xây dựng - Đó là những ngôi chùa được xây cất bởi những Phật-tử giàu có

hay Tăng, Ni hay các Hội-đoàn Phật-Giáo.

Loại chùa này chiếm đa số tại miền Nam. Thượng-Tọa Thích Pháp-Siêu cho chúng tôi biết tại Nam phần có những ngôi chùa khởi thủy là của Làng, nhưng vì Hội-Đồng Xã bắt lực trong việc quản-trị nên tư-nhân có thể-lực trong Làng đã bắt chánh quyền giao lại cho họ. Tình trạng này, vẫn theo Thượng-Tọa, đã sinh ra những tậ doan : chùa thờ Phật đã trở thành nơi thờ Ông Bà của một giòng họ ; vị sư trụ-trì đã có vợ con, và cha truyền con nối trông coi cơ-sở phụng tự riêng ấy. Chẳng hạn như ngôi Trác-Quang-Tự ở một Quận trong tỉnh Gò-Công là ngôi chùa của họ Trác lot chữ Quang dùng để thờ Ông Bà giòng họ đó.

Theo Hiến-Chương của G.H.P.G.V.N.T.N., cả ba loại chùa vừa kể đều được coi là tự viện của G.H.P.G.V.N.T.N. Giáo-Hội có nhiệm vụ giám-hộ và bảo-vệ với sự nhĩn nhận quyền tự hữu của các tự viện đó.

Trong thực-tế hiện nay tình trạng pháp-lý của tất cả các ngôi chùa đó không có gì thay đổi so với tình-trạng trước khi G.H.P.G.V.N.T.N. ra đời : chúng vẫn tiếp-tục được quản-trị bởi các tư-nhân, hay giáo phái, Hội-đoàn và độc-lập đối với Giáo-Hội, vì không một tư-nhân hay pháp nhân nào muốn đem tài sản của mình cúng cho Giáo-Hội để bị lệ thuộc hoàn-toàn. Thượng-Tọa Thích-Huyền-Minh có cho biết chỉ một mình Thượng-Tọa Trí-Quang đã viết một tờ giấy dâng các chùa chiền thuộc Giáo-Hội Trung phần cho G.H.P.G.V.N.T.N., nhưng tờ giấy này vô giá-trị pháp-lý vì nó không chỉ danh những ngôi chùa nào và cũng không nói tới sự thỏa thuận minh thị của các sở hữu chủ (293). Như vậy, tám năm sau ngày G.H.P.G.V.N.T.N. ra đời, tình-trạng tự-trị của các chùa chiền vẫn y nguyên như hơn ngàn năm trước đây.

(293) Thượng Tọa Huyền-Minh còn cho hay Ngài được biết Giáo-Hội Tăng Già Nam-Việt muốn đòi lại chùa Ấn-Quang do Giáo-Hội Ấn-Quang dùng làm trụ-sở (cuộc phỏng vấn ngày 24.11.1969).

Hiện nay, người ta không thể có con số chính xác về tổng-số chùa-chiền trên toàn quốc vì cuộc kiểm-tra do G.H.P.G.V.N.T.N. cộng-tác với Bộ Nội-Vụ thực-hiện vào các năm 1964-1965 đã thiếu chính xác và quá lâu rồi. Từ ngày ấy đến nay số lượng chùa có thể gia-tăng ngoài sự hiểu biết của Giáo-Hội, vì các ngôi chùa của các tập-đoàn, giáo-phái hay tư-nhân, như đã nói, vẫn độc-lập đối với Giáo-Hội.

Cuộc kiểm-tra vừa kể cho biết trên toàn quốc có tất cả trên 4.000 ngôi chùa thuộc Bắc Tông và 671 ngôi chùa thuộc Nam Tông (294). Các Tăng-sĩ lãnh-đạo Phật-Giáo cho biết so với tình-trạng trước năm 1964, ngày nay số chùa chiên cũng chẳng gia-tăng được chút nào đáng kể. Thật vậy, dưới thời Đệ Nhất Cộng-Hòa, trên toàn quốc đã có 4.766 ngôi chùa, trong đó có 1.275 ngôi mới được xây cất và 1.295 ngôi được tu-bổ hay tái-thiết. Từ năm 1964 trở đi người ta chỉ thấy hai cảnh chùa có bề thế nhất đã được xây cất : ngôi Việt-Nam Quốc-Tự và ngôi Vĩnh-Nghiêm. Cả hai chùa này đều thuộc quyền quản-trị của phe Quốc-Tự.

Đất đai xây cất hai ngôi chùa và cư-xá Quảng-Đức đều là Công-sản do Nhà Nước cho thuê với giá tượng trưng.

Ngoài ra, hiện nay người ta cũng không biết được số chùa do Ấn-Quang và Quốc-Tự kiểm-soát. Dưới thời Đệ Nhất Cộng-Hòa, Tăng Già toàn-quốc đã được chánh-phủ cấp cho 100 ha đất tại Phước-Tuy để thiết-lập Đại-Tùng-Lâm Phật-Giáo. Lô đất này hiện nay không thuộc quyền sở-hữu của G.H.P.G.V.N.T.N. và vẫn chưa được Giáo-Hội Tăng-Già khai-thác vì Giáo-Hội này đã tạm ngưng hoạt-động từ khi gia-nhập Giáo-Hội Thống-Nhất (295).

Theo sự điều-tra của Viện Nghiên-cứu Stanford, Hoa-kỳ, diện-tích đất đai xây cất chùa chiên và các cơ-sở khác của Phật-Giáo trên toàn quốc chỉ chiếm có 507 ha. So sánh số chùa với số Phật-tử khá đông, quả thật cơ-sở

(294) Nguồn gốc Thống-kê : Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. Quốc-Tự.

(295) Thượng Tọa Thích Pháp-Siêu cho biết Ngài có 5 ha trong số 100 ha đất kể trên.

phụng-tự quá ít ỏi. Tuy nhiên, Thượng Tọa Huyền-Minh cho biết chư Tăng Ấn-Quang đã thiết-lập được khá nhiều Niệm-Phật Đường tại các khu lao-động. Những cơ-sở này do một số Tăng-sĩ thanh-niên phụ-trách. Một phân số dư-luận tỏ vẻ e ngại rằng nếu Giáo-Hội không kiểm-soát chặt chẽ, cán-bộ chánh-trị có thể len lỏi hoạt-động tại các nơi kể trên và gây ảnh-hưởng đáng kể trong quần chúng bình-dân (296).

Tại các đơn-vị quân-đội, các tuyên-úy Phật-Giáo cũng đã thiết-lập được 75 ngôi Chùa và Niệm-Phật Đường.

Ngoài các Tự Viện và Niệm-Phật Đường, Giáo-Hội còn có các cơ-sở giáo-dục và xã-hội.

ĐOẠN III - CÁC CƠ-SỞ GIÁO-DỤC VÀ XÃ-HỘI CỦA G.H.P.G.V.N.T.N.

Phật-Giáo chỉ mới thiết-lập được các cơ-sở giáo-dục và xã-hội có quy-mô và kế-hoạch kể từ ngày phong-trào phục-hưng phát-triển mạnh. Ý-thức được tầm quan-trọng của các hoạt-động giáo-dục và xã-hội, ngay sau khi thành-lập nền thống nhất, Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. đã bắt tay vào việc thiết-lập các cơ-sở cần-thiết cho những hoạt-động này.

A - CÁC CƠ-SỞ GIÁO-DỤC

Hiện nay một hệ-thống giáo-dục Phật-Giáo đã được thiết-lập. Nền giáo-dục này hướng về hai mục-dích : giác ngộ và giải-thoát. Theo Thượng Tọa Minh-Châu, người điều-khiển ngành giáo-dục Phật-Giáo, đạo Phật là một đạo của giáo-dục và Đức Phật là một nhà đại giáo-dục. Giáo-ly của Đức Phật là phương-pháp giáo-dục, hay đúng hơn là nền-tảng của tất cả mọi phương-pháp giáo-dục, đường hướng cho tất cả mọi đường-hướng giáo-dục chân chính. Thượng Tọa đã thu gọn nội dung của đường hướng giáo-dục Phật-Giáo trong sáu điểm để

giúp con người đạt hai mục-đích nêu trên (297). Những tiêu điểm này, theo Ngài, không phải khác biệt nhau rõ ràng, mà chỉ là sáu khía cạnh của một thực tại duy nhất. Thực tại ấy làm nền tảng cho sáu đường hướng giáo-dục, và sáu đường hướng giáo-dục đều dẫn về một đường-hướng duy nhất là đưa con người trở thành con người thực sự, con người của chân-lý ; nói rõ hơn là thể hiện linh-động của Chân, Thiện, Mỹ. Chân, Thiện và Mỹ chỉ là ba tướng trạng của một thực tại duy nhất mà đạo Phật gọi là Phật-tính (298). Mục đích và đường hướng giáo-dục nêu trên là nền tảng của tất cả những cơ-sở giáo-dục Phật-Giáo hiện nay :

1. Viện Đại Học Vạn-Hạnh : Viện Đại Học Vạn-Hạnh được thành-lập từ năm 1964 tại Sài Gòn. Mặc dầu những giá-trị-chỉ-đạo và triết-lý của Viện là Phật-Giáo, và đa số nhân-viên ban quản-trị, giáo-sư và sinh-viên là Phật-tử, Viện ngay từ buổi đầu đã mở rộng cửa đón nhận tất cả mọi người, không phân biệt tôn-giáo... Đây là một trung-tâm giáo-dục chuyên nghiên-cứu và giảng-day trí-thức và minh-triết của Đông và Tây, của quá khứ và hiện tại. Viện tìm cách truyền đạt cho sinh-viên của Viện một lối thấu hiểu và thâm định mới về văn-hóa và lịch-sử Việt-Nam, nền văn-hóa và lịch-sử trong đó Phật-Giáo là yếu-tố căn-bản. Viện còn có tham-vọng trang-bị cho sinh-viên một nền giáo-dục mới, cần-thiết để đương đầu với những vấn-đề và những thử-thách của nước Việt-Nam ngày nay.

Có điều đặc biệt là mặc dầu với tư-cách Tổng-vụ Trưởng Tổng-vụ Giáo-dục của Giáo-Hội Ấn-Quang, Thượng Tọa Minh-Châu đã nhất quyết bảo-vệ tinh-thần tự trị của Đại học,

(297) Sáu tiêu điểm : 1) Tương-quan giữa con người và hoàn-cảnh ; 2) Tương-quan giữa con người và hành-động ; 3) Tương-quan giữa con người và trí thức ; 4) Tương-quan giữa con người và đạo-đức ; 5) Tương-quan giữa con người và thời-gian ; 6) Tương-quan giữa con người và chân-lý (Xem : Minh-Châu, Thích : Đường hướng giáo-dục Phật-Giáo, Tư-Tướng, số 4, 1.9.1969, trang 6)

(298) Minh-Châu, Thích : Đường hướng giáo-dục Phật-Giáo, tạp-chí Tư-Tướng, số 4, 1.9.1969, trang 3-14.

Cũng xem : Nhật-báo Chánh-Đạo, 2.10.1969.

gạt chánh-trị ra ngoài ngưỡng cửa Đại-học Vạn-Hạnh, không để Viện lệ thuộc vào Ấn-Quang hay Quốc-Tự. Ngài đã tuyên-bố :

"Thật hết sức vất vả khổ-cực cho tôi khi phải thuyết phục cho người ta hiểu rằng Viện Đại-học không phải là một cơ-sở để truyền bá tôn-giáo, không phải là một tài sản riêng tư của Viện-trưởng, không phải là cơ-cấu để phục vụ quyền lợi cho cá nhân hay một tập-đoàn nào (299)".

Ngài khẳng định rằng với sứ mệnh đào-tạo những lãnh tụ tương lai cho Tổ-quốc, Viện không thể là vật hy-sinh cho chánh-trị đương thời và không thể trở thành một dụng-cụ trong tay những chánh-khách, không thể là chánh-trị hay tôn-giáo. Viện có sứ mạng xây dựng hòa-bình giữa các quốc-gia, hòa-đồng giữa các dân-tộc và nhân-phẩm cho con người (300).

Chính vì đứng trên một lập-trường văn-hóa thuần túy như vậy mà viện Đại-học Vạn-Hạnh đã là nơi gặp gỡ và hợp tác của các nhà trí-thức tu-sĩ và thế-tục của cả Công-Giáo lẫn Phật-Giáo, hai tôn-giáo đã từng có những rắc rối với nhau trong thời kỳ tranh đấu 1964. Trong số 108 giáo sư của Viện, có 60 Tăng-sĩ Phật-Giáo, 2 linh-mục Công-Giáo, số còn lại đều là những người thế tục thuộc các tôn giáo khác nhau. Viện hiện có các phân khoa Văn-Học, Khoa Học Xã-Hội, Phật-Học, Giáo-Dục và một Trung-tâm Ngôn-ngữ, với một tổng số sinh-viên gần 4 ngàn người.

Chính phủ trợ cấp cho viện mỗi năm vào khoảng 12 triệu đồng.

(299) và (300) Minh-Châu, Thích : Viện Đại-Học Vạn-Hạnh, một trung-tâm giáo-dục ở Saigon, Tạp-chí Tư-Tướng bộ cũ số 4 và 5, trang 5-13.

2. Các trường Trung-học và Tiểu-học Bồ-Đề : Trên toàn quốc hiện có 55 trường Trung-Học Bồ-Đề, 52 trường Tiểu-Học Bồ-Đề và 9 trường mẫu giáo Kiều-Dàm (301). Nhiều trường đã được thành-lập và hoạt-động dưới thời Đế Nhút Cộng-Hòa. Mặc dầu một quy-chế chung cho các trường Trung, Tiểu-học Bồ-Đề đã được Tổng-Vụ-Trưởng Tổng-vụ Giáo-Dục thuộc Giáo-Hội Ấn-Quang ban hành từ 1.1.1968, hiện nay các cơ-sở vẫn được hoàn toàn tự trị. Đây là lần đầu tiên hệ thống giáo-dục Phật-Giáo Việt-Nam có một quy-chế theo đó các trường tư-thục Bồ-Đề được đặt thuộc quyền điều hành của Tổng-Vụ Giáo-Dục G.H.P.G.V.N.T.N., có trọng trách đào luyện học sinh về 3 phương-diện đức-dục, trí-dục và thể-dục, song song với 3 đức tính: Bi, Trí, Dũng đứng theo chương-trình giáo-dục của chánh-phủ với tinh-thần dân-tộc và Phật-Giáo (302).

3. Các Phật-Học-Viện : Từ những năm 1930, những Phật-Học-Viện đã được thành-lập khắp Trung, Nam, Bắc để đào tạo Tăng tài. Những danh Tăng hiện nay đều xuất thân từ các cơ-sở đó. Theo Thượng-Toạ Huyền-Quang, toàn quốc hiện nay có 17 Phật-Học-Viện Tăng chúng trong đó 16 là Bắc Tông, 1 là Nam Tông, và 6 Phật-Học-Viện Ni chúng Bắc Tông (303).

Theo tài-liệu mới nhất (niên-khoá 1969-1970), của Viện Đại-học Vạn-Hạnh, chương-trình huấn-luyện tăng-sĩ Phật-giáo được chia thành 3 cấp :

- Trung đẳng I : Tương đương Trung-học
Đệ nhất cấp,
- Trung đẳng II : Tương đương Trung-học
Đệ nhị cấp,
- Cao đẳng : Tương đương Đại-học.

(301) Xuất xứ thống-kê : Văn-phòng Viện-Trưởng Viện Đại-Học Vạn-Hạnh.

(302) Quy-chế các trường Trung, Tiểu Học Bồ-Đề, Tổng-vụ Giáo-dục ấn hành lần thứ nhất, năm 1968.

(303) Phỏng vấn Thượng Toạ Huyền-Quang ngày 18.11.1969.

Song song với chương-trình Phật-học, Tăng-sinh còn có thể học chương-trình thế-học.

Nhìn vào thống-kê tổng số Tăng-sinh trên toàn quốc người ta thấy số lượng này thật quá ít ỏi so với nhu-cầu Phật-học cũng như số lượng tín-đồ của Phật-Giáo :

- Cao-đẳng Học-viện : chưa có
- Trung-đẳng II chuyên khoa : 1 Phật Học-Viện thuộc miền Quảng-Đức với 60 Tăng-sinh (Phật Học-Viện Huệ-Nghiêm)
- Trung-đẳng II phổ-thông : 2 Học-viện :
 - . Phật Học-Viện Nha-Trang thuộc miền Liễu-Quán với 106 Tăng-sinh.
 - . Phật Học-Viện Báo-Quốc thuộc miền Vạn-Hạnh với 14 Tăng-sinh.
- Trung-đẳng I : gồm 11 Phật Học-Viện sau đây :

Tên Phật Học-Viện	Địa-điểm	Số Tăng hay Ni-sinh
Phổ-Dà	Dà-Nhãng, miền Vạn-Hạnh	33 Tăng-sinh
Huệ-Quang	Gia-Định, miền Quảng-Đức	45 -
Hải-Tràng	Gia-Định, miền Quảng-Đức	32 -
Giác-Sanh	Gia-Định, miền Quảng-Đức	51 -
Liễu-Quán	Phan-Rang, miền Liễu-Quán	25 -
Nguyễn-Thiều	Bình-Định, miền Liễu-Quán	49 -
Phước-Hòa	Vĩnh-Bình, miền Huệ-Quang	16 -
Diệu-Đức	Huế, miền Vạn-Hạnh	17 -
Diệu-Quang	Nha-Trang, miền Liễu-Quán	29 Ni-sinh
Từ-Nghiêm	Sàigòn, miền Quảng-Đức	49 -
Dược-Sư	Gia-Định, miền Quảng-Đức	21 -

Tổng số Tăng-sinh và Ni-sinh của 11 P.H.V. = 367 Tăng, ni sinh

Như vậy tổng số Tăng-sinh và Ni-sinh trên toàn quốc hiện nay gồm có 547 người. Số lượng này thật quá nhỏ so với khối quần chúng Phật-tử 9 triệu người.

Mãi tới ngày 21.1.1969, Phật-Giáo Việt-Nam mới có một qui-chế chung cho các Phật Học-Viện (thuộc Ấn-Quang), theo đó, các cơ-sở giáo-dục này thuộc hệ-thống văn-hóa giáo-

dục của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, có trọng trách đào-tạo các Tăng, Ni-sinh đủ khả-năng về trí-thức và đức-hạnh, cũng như cách xử thế để sau này đảm nhiệm trọng trách truyền-bá chánh-Pháp và hóa-độ chúng sanh. Với mục-đích ấy, Phật-Học-Viện vừa là nơi tu, vừa là một trường-học có đủ trình-độ từ Sơ-đẳng, Trung-đẳng, lên tới Cử-Nhân, Cao-Học và Tiến-sĩ Phật-Giáo (304).

Vấn-đề quan-trọng đặt ra cho các Phật-Học-Viện là làm thế nào thu hút được lớp thanh-niên ưu-tú xuất gia đầu Phật để trở thành những cán-bộ đặc lực cho Giáo-Hội về phương-diện tôn-giáo thuần túy. Chính Thượng Tọa Huyền-Minh đã nói lên nỗi khó khăn ấy như sau : "Tại Phật-Học-Viện Quảng-Đức, trong số 567 thí-sinh thi nhập học lớp Trung-học chỉ chọn được có 57 người nhập học lớp Tiểu-học (305)."

Điểm khó khăn thứ hai là những nỗ lực đào-tạo Tăng tài của Phật-Giáo hiện vẫn chưa được điều hợp. Vẫn theo Thượng-Tọa Huyền-Minh, Quốc-Tự chỉ thực sự điều-khiển có một Phật-Học-Viện (Quảng-Đức). Ấn-Quang cũng thực sự điều-khiển hai Phật-Học-Viện là Huệ-Nghiêm và Nha-Trang, nhưng Phật-Học-Viện Nha-Trang hiện nay đang bị suy sụp vì chỉ còn độ ba chục học Tăng. Vẫn theo Thượng-Tọa Huyền-Minh, hai Phật-Học-Viện Ni chúng (Tỳ-Nghiêm và Dược-Sư) là tài sản của các tập-đoàn Phật-Giáo miền Nam và không muốn lệ thuộc Ấn-Quang. Còn các Phật-Học-Viện khác vẫn duy-trì tính-cách tự-trị.

Bên cạnh những khó khăn ấy, Phật-Giáo đã cố gắng theo đuổi chương-trình đào tạo Tăng tài tại hải ngoại : nhiều Tăng-sĩ đã được gởi đi du học tại các quốc-gia Á, Âu, Mỹ, Úc, v.v... và nhiều người đã thành tài trở về phục-vụ Giáo-Hội. Được hấp-thụ cả hai nền văn hóa Đông, Tây và

(304) Xem qui-chế Phật-Học Viện, do Tổng-vụ Văn-Hóa, Giáo-Dục, Giáo-Hội Ấn-Quang ấn-hành lần thứ nhất, năm 1968.

(305) Phỏng vấn ngày 24.11.1969.

biết so chiếu thực tại Việt-Nam với quốc-tế, những Tăng-sĩ này sẽ là một tích sản quý giá của Giáo-Hội trong việc đầu tư nhân sự : với khả năng-trí-thức cao rộng, họ sẽ đào tạo cho Phật-Giáo một thế-hệ thanh-niên biết ứng phó với những vấn đề khó khăn, đặc biệt là trong các lãnh vực xã-hội.

Theo tài-liệu năm 1969-1970 của Viện Đại-Học Vạn-Hạnh, Giáo-Hội (Ấn-Quang) hiện nay trợ cấp cho 18 tu-sĩ đang du học tại ngoại-quốc.

B - CÁC CƠ-SỞ XÃ-HỘI CỦA G.H.P.G.V.N.T.N.

Từ ngày thành-lập Tổng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam, giới Tăng-sĩ, mặc dầu phương tiện bị hạn chế, đã cố gắng thực hiện các công cuộc cứu tế xã-hội và y tế. Hiện nay trong tình trạng phân-hóa, hai Giáo-Hội Ấn-Quang và Quốc-Tự đều có hai hệ thống cơ-sở xã-hội song hành :

- Bên Quốc-Tự, các hoạt-động cứu tế xã-hội và y-tế được đảm nhiệm bởi chi-hội Phật-Giáo Thế-Giới Phụng-Sự xã-hội. Hiện nay chi-hội Việt-Nam đã đặt được 50 Phân Hội trên toàn quốc (306).

- Bên Ấn-Quang, hiện có 30 cô, ký nhi viện gồm gần 3.000 trẻ mồ côi và ký nhi từ sơ sanh đến 16 tuổi được các Ni Cô săn sóc, 100 cơ-sở y-tế gồm bệnh xá, nhà hộ-sinh, trạm phát thuốc v.v... Mỗi ngày có từ 5.000 đến 7.000 người được khám bệnh và phát thuốc miễn phí (307).

Ngoài hai hệ-thống này, một số tập đoàn Phật-Giáo biệt lập khác cũng tích cực hoạt-động xã-hội. Đặc-biệt là một tổ-chức mệnh danh là "Liên Đạo Phụng-Sự Xã-Hội" đã làm lễ ra mắt ngày 23.11.1969. Tổ chức này được kết hợp bởi các cơ-quan của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam

(306) Phỏng vấn Thượng Tọa Huyền-Minh ngày 24.11.1969.

(307) Diễn-văn của Thượng Tọa Quảng-Liên, Tổng-Vụ Trưởng Xã-Hội Giáo-Hội Ấn-Quang, ngày 2.11.1969.

Thống-Nhất, Cao-Đài (Tòa Thánh Tây-Ninh) và lực-lượng bảo vệ Phật-Giáo Hòa-Hảo. Đại-diện cho Phật-Giáo trong tổ-chức này là Đại-Đức Nhật-Thiện (308). Giới hữu quyền của Quốc-Tự cho hay Đại-Đức này gia nhập tổ-chức trên với tư cách riêng, chứ không phải đại-diện cho Giáo-Hội Quốc-Tự.

Ngoài ra, một trường Thanh-Niên Phụng-sự Xã-hội đã được Thượng Tọa Nhật-Hạnh thành-lập hồi 1964 và đặt cạnh Viện Đại-Học Vạn-Hạnh. Nhưng theo lời Thượng Tọa Minh-Châu, vì trường này có các mục-tiêu chánh-trị, nên đã được dọn đi khỏi Viện Đại-Học Vạn-Hạnh từ năm 1966 và hiện nay đặt tại Phú-Thọ (309).

Sau khi đã khảo-sát những cơ-sở phụng-tự, giáo-dục, xã-hội của Phật-Giáo, ta cần phải nêu lên một vài nhận xét chung.

ĐOẠN IV - NHẬN XÉT CHUNG

Nhận xét đầu tiên là trong quá khứ cũng như hiện tại, cộng-đồng Phật-Giáo Việt-Nam đã và đang thiếu thốn những phương-tiện vật chất để phát-huy tôn-giáo. Nhất là trong thời-đại tân tiến và giữa một xã-hội đau thương như Việt-Nam, các phương-tiện này lại càng trở nên rất cần-thiết, vì ngày nay tôn-giáo nào cũng tích cực dấn thân vào các công-tác văn-hóa, xã-hội để đem lại lợi ích cho con người, và việc hành đạo đã có tính-cách tập-thể nhiều hơn là cá nhân. Do đó con số 5.000 chùa chiền và một số những cơ-sở xã-hội kể trên không thể nào thỏa-mãn nhu cầu tín-ngưỡng và xã-hội của một số tín-đồ 9 triệu người.

Nếu so sánh với tài-nguyên của Giáo-Hội Công-Giáo Việt-Nam, sự nghèo nàn của Phật-Giáo lại càng quá rõ rệt : với một số tín-đồ 1.427.006 người (310), Giáo-Hội Công-Giáo đã có một sản nghiệp sanh lợi lớn lao gồm

(308) Chính-Luận, 20.11.1969.

(309) Phong văn Thượng-Tọa Minh-Châu năm 1969.

(310) Thống-kê 1965. Xem : Thêm, Đoàn : Việc từng ngày năm 1965, tr. 195.

33.726 ha ruộng đất trong đó có 5.592 ha trồng lúa, 28.147 ha trồng cao-su, trà và cà-phê, và một số bất động sản tại các đô-thị. Những cơ-sở y-tế, xã-hội, giáo-dục Công-Giáo lại càng nhiều hơn hơn Phật-Giáo : 3 bệnh-viện, 5 trại cùi, 35 viện mồ-côi, 19 nhà dưỡng lão, 1.158 trường Tiểu-học, 178 trường Trung-học và hai Viện Đại-Học. Tính theo tỷ-lệ tín-đồ hai bên, số giáo-đường cũng nhiều hơn số chùa chiền. Những sự chênh-lệch này một phần do hậu quả của chánh-sách thực-dân Pháp, một phần do thái-độ khinh rẻ giá-trị vật-chất và sự thiếu tổ-chức của Phật-Giáo cổ truyền.

Ý-thức được sự yếu kém này, phong-trào phục-hưng Phật-Giáo đã cố gắng phát-triển cơ-sở nhưng đã gặp phải nhiều khó-khăn.

Nhận xét thứ hai là tình-trạng phân-hóa hiện nay là trở lực lớn cho việc tạo-lập các cơ-sở Phật-Giáo, vì mọi nỗ lực đã không điều hợp theo một đường hướng chung. Nhiều Phật-tử cho rằng nếu không chia rẽ vì chánh-trị, Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất ngày nay đã hoàn tất xong việc xây cất ngôi Quốc-Tự và những cơ-sở cần-thiết khác.

Nhận xét thứ ba là vì thiếu căn-bản pháp-lý nên Giáo-Hội Ấn-Quang phải chịu một thiệt thòi lớn lao nhất là không được làm chủ tài-sản của mình với tư-cách là một đoàn-thể hợp pháp. Tình-trạng này là một trở ngại quan-trọng cho mọi hoạt-động tôn-giáo, văn-hóa, xã-hội của tập-thể.

Tất cả những tài-nguyên vật chất kể trên chính là những phương tiện cần thiết để cấu tạo thực lực. Nếu những phương tiện này nghèo nàn, thì tất nhiên chúng đã giới-hạn một phần sức mạnh của đoàn-thể. Vì vậy Phật-Giáo phải làm thế nào phát-triển các cơ-sở phụng-tự, văn-hóa, xã-hội để gây một ảnh-hưởng quan trọng trong quần-chúng.

KẾT-LUẬN THIÊN II

Trên đây ta vừa phân-tích cơ-cấu nội bộ của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất qua sử-mạng

(Chương I), Tổ-chức (Chương II), Yếu-tố nhân-sự và tài-nguyên vật-chất (Chương III). Ta thấy cơ-cấu ấy càng ngày càng suy yếu vì sứ-mạng chánh-trị đã lấn át sứ-mạng tôn-giáo, tổ-chức chưa hợp lý, tương tranh quyền-hành đã xảy ra và đưa Giáo-Hội đến chỗ phân-hóa trầm trọng, giáo-sản vật chất nghèo nàn chưa đủ đáp ứng nhu-cầu của quần-chúng. Như vậy hiện nay thế lực của Giáo-Hội Phật-Giáo ra sao? Vì cơ-cấu nội bộ chỉ là một trong hai thành tố chính của thế-lực, nên, ước lượng tổng kết thế lực ấy ta cần phải xét cả hai thành tố.

o^o
o) o

Kết-luận Phần 1

Sau khi phân tích uy-tín xã-hội và cơ-cấu nội bộ của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, ta phải thành thực nhận-định rằng so với các năm 1963 và 1964, thực-lực Phật-Giáo đã sút giảm khá nhiều mặc dầu cuộc bầu cử bán phần Thượng Viện 1970 có thể giúp Ấn-Quang khôi-phục được phần nào uy-tín.

- Về yếu-tố uy-tín xã-hội, hoàn-cảnh hiện nay khác hẳn các năm 1963 và 1964. Do đó, Phật-Giáo ngày nay không còn là một lối thoát duy-nhứt cho các lực-lượng đối-lập chánh-quyền. Nó cũng không còn là một đoàn-thể áp-lực cực mạnh nữa vì các định-chế dân-chủ đã được xây dựng và sinh hoạt chánh-trị đã được ổn-định. Phật-Giáo hiện nay cũng không còn cơ-hội nào thuận-tiện như năm 1963 để phát-động "cuộc tranh-đấu cho nhân-quyền" nữa. Có lẽ ý-thức đượ c thực trạng này nên Ấn-Quang đã chuyển hướng sang chiến-thuật đấu tranh chánh-trị hợp pháp từ tháng 8/1970.

- Về yếu-tố cơ-cấu nội bộ, sự phân-hóa nội bộ đã mất ý-nghĩa thống-nhất nguyên-thủy của Giáo-Hội và khiến cả hai phe đều không đủ mạnh để phát-động một chiến-dịch đấu-tranh đại quy-mô như trước nữa.

- Nhưng thực-lực của Giáo-Hội bị suy yếu không có nghĩa là đạo Phật suy-vi vì Giáo-Hội không phải là tôn-giáo. Hơn nữa, một số người có nhiệm-vụ truyền-bá Phật-Pháp đã hành-động ngược lại giáo-lý của Đức Phật. Ngoài ra, sự phát-triển của đạo Phật từ xưa tại nước ta đã không lệ-thuộc vào hình-thức tổ-chức giáo-hội. Tuy nhiên, trong thế-giới ngày nay hình-thức ấy lại cần-thiết cho nỗ-lực tập-thể của tôn-giáo.

Sự biến-đổi thực-lực của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất từ chỗ mạnh mẽ đến chỗ suy yếu rồi dần dần được phục hồi phần nào từ cuối năm 1970 có thể khiến Ấn-Quang đã thay đổi chiến-thuật đấu tranh: thay vì quyết liệt chống-đối một cách bất hợp pháp, ngày nay họ thường lựa chọn thời-cơ đấu tranh trong khuôn-khố càng hợp pháp càng tốt. Bằng cớ là sau khi đã thành công trong cuộc vận động bán phần Thượng Viện 1970, những hoạt động quý khách đã giảm bớt rõ-rệt. Chiến-thuật chánh-trị ấy được thể-hiện trong diễn-trình tham-gia chánh-trị mà ta sẽ phân-tích trong Phần II.

o)
o

Phần Thứ Hai

**SỰ THAM-GIA CHÁNH-TRỊ
CỦA PHẬT-GIÁO**

Thế-lực của Phật-Giáo, một tích-sản quý giá, đã được Giáo-Hội sử-dụng vào việc tham-gia chánh-trị, tức là can-thiệp vào các vấn-đề cộng-cộng. Tham-gia chánh-trị đối với Giáo-Hội không phải là tham-dự chánh-quyền hay cúi đầu tuân lệnh (1). Với tư-cách là một đoàn-thể áp-lực, từ năm 1963 Phật-Giáo đã đưa tín-đồ tham-dự vào sự diễn tiến của các quyết-định, chánh-trị mà vẫn đứng ngoài chánh-quyền và chánh đảng. Ngay trong phần dẫn nhập của Luận án, ta đã giới-thiệu những dị-biệt chánh-trị giữa Phật-Giáo tại Việt-Nam với các đoàn-thể áp-lực tại các nước khác. Sở dĩ Phật-Giáo đã tích-cực hoạt động chánh-trị trong thời gian từ 1963 tới 1967 vì "một chế-độ độc-tại sụp đổ, để lại một khoảng trống chánh-trị, những lực-lượng mới chưa thành hình, các đảng phái có truyền, có lẽ vì đã cạn nguồn sinh-lực, nên mặc dầu đã tham-gia nhiều chánh-quyền và có những điều-kiện thuận lợi, đã không tạo được cơ-sở trong quần chúng để khoa lập khoảng trống nói trên. Trong hoàn cảnh đó, chỉ cần những đoàn-thể tôn-giáo là có thể đóng một vai-trò quyết định trong những cuộc tranh chấp chánh-trị. Cho nên dầu muốn dầu không, các đoàn thể này đã bị lôi cuốn vào chánh trường do sự thúc đẩy của thời cuộc, do những tham vọng cá nhân, sự lợi-dụng của phe này nhóm nọ, hoặc do sự lan lộn hai quyền lợi chánh-trị và tôn-giáo chồng chập lên nhau, đặc-biệt

(1) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn, trang 157 và kế tiếp; và "Thái-độ phi chánh-trị", nhật-báo Cấp-Tiến, ngày 19, 20, 21, 22.9.1969.

là giữa Phật-Giáo và Công-Giáo. Ban đầu những đoàn thể này còn là những khối "áp-lực", dần dần chúng trở thành những lực lượng chánh-trị thực sự mà vẫn không tách rời khỏi tôn-giáo, cũng không có một tổ-chức rõ rệt : khối Phật-Tử của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, Khối Công-Giáo di cư ... (2)"

Sự can-thiệp trực-tiếp của Phật-Giáo vào chánh-trường đã liên tục xảy ra từ năm 1963 trở đi trong nhiều cuộc vận động khác nhau mà ta đã tóm lược trong phần Dân Nhập Luận Án (3). Có điều cần nhận mạnh trong Phần này là các cuộc tranh đấu trong khoảng thời-gian từ năm 1963 tới năm 1965 đã đạt được nhiều kết-quả mong muốn. Trái lại từ năm 1966 trở đi hình thức tranh đấu bất-hợp-pháp dẫm lại thất bại nặng nề, vì một mặt, chánh-quyền đã dần dần trở nên ổn định, và mặt khác Phật-Giáo bị phân hoá.

Thật vậy, cuộc vận động dân-chủ năm 1966 đã trở nên bạo động và khiến nội bộ Giáo-Hội Phật-Giáo Việt Nam Thống-Nhất bị chia rẽ thành hai phe : Ân-Quang chủ trương đấu tranh quyết liệt, Quốc-Tự chọn giải-pháp ôn hoà. Sự bất đồng ấy được chính-thức-hoá bằng bản Hiến-chương thứ ba của Giáo-Hội do Quốc-Tự chủ trương và được chánh-quyền phê chuẩn bằng sắc-luật số 23/67 ngày 18-7-1967, nhưng bị Ân-Quang phản-đối một cách quyết liệt.

Đường lối ôn-hoà đưa phe Quốc-Tự gần gũi với chánh-quyền và, do đó, từ năm 1966 trở đi danh-từ "Phật-Giáo tranh đấu" được mặc nhiên dành riêng cho phe Ân-Quang. Sau cuộc đấu tranh bạo động năm 1966, phe này đã liên tục thực hiện ba cuộc đấu tranh trong năm 1967 : đòi huy bỏ sắc-luật 23/67, phủ nhận các định-chế Đệ Nhị Cộng-Hoà, đòi huy bỏ việc xét xử vụ biến động miền Trung.

(2) Trung, Lý-chánh : Nhận-định về những cuộc tranh-đấu tại miền Nam, lục đăng trong "Ba năm xáo trộn" tr. 136, Nam-Sơn, Sài Gòn 1967.

(3) Xem trang 5-9 Luận án.

Năm 1968, Ấn-Quang tiếp tục đòi hủy bỏ Sắc-luật 23/67 đồng thời với việc vận động hoà-bình cho Việt-Nam.

Năm 1969, cuộc vận động ấy được thực hiện cùng với việc đòi hủy bỏ bản án của Thượng-Tòa Thiện-Minh.

Từ năm 1970 Ấn-Quang đã dần dần chuyển sang thế đấu tranh hợp-pháp bằng các kỹ-thuật hành động ôn-hoà.

Không mô tả những biến-cố nêu trên, phần này chỉ nhằm phân-tích các kỹ-thuật tham-gia chánh-trị của Phật-Giáo (Thiên I) và mối tương quan giữa Phật-Giáo với các lực-lượng khác (Thiên II).

o^o
o)

Thiên 1

KỸ-THUẬT THAM-GIA CHÁNH-TRỊ CỦA PHẬT-GIAO

Điều làm cho các quan-sát-viên chánh-trị ngạc nhiên nhất là những kỹ-thuật vận-động chánh-trị tân-kỹ được Tang-sĩ Phật-Giao áp-dụng từ năm 1963. Ta gọi chúng là những kỹ-thuật tham-gia chánh-trị vì chúng chính là những chiến-thuật xâm nhập các trung-tâm quyết-định, tức là lái những hành vi của công-quyền theo chiều hướng thuận lợi cho những đòi hỏi của đoàn thể áp-lực (4). Những kỹ-thuật đó có thể được phân biệt theo mức độ trầm trọng là : ôn hoà và mạnh bạo. Kỹ-thuật hành động mạnh bạo được sử-dụng khi nào kỹ-thuật ôn hoà không đạt được mục-tiêu tranh đấu. Tuy-nhiên sự phân biệt này không có tính cách cứng rắn vì người ta có thể áp-dụng cùng một lúc cả hai loại hành-động (5). Ta sẽ hệ-thống-hoá hai loại hành động này trong hai Chương :

- CHƯƠNG I : Những kỹ-thuật hành động ôn hoà.
CHƯƠNG II : Những kỹ-thuật hành động mạnh bạo.

o
o)
o

(4) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn I, trang 201 và kế tiếp.
(5) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn II, trang 126 và kế tiếp.

CHƯƠNG I

NHỮNG KỸ-THUẬT HÀNH-ĐỘNG ÔN-HÒA

Những kỹ-thuật được gọi là ôn hoà vì việc vận dụng chúng để thoả-mãn yêu-sách của đoàn thể áp-lực không có hậu quả gây xáo trộn trật-tự chung. Muốn cho lập trường của mình được chấp nhận bằng đường lối ôn hoà, các lãnh-tụ Phật-Giáo phải một mặt tiếp xúc và thương thuyết với chánh quyền (TIẾT I), mặt khác tạo công-luận thuận lợi nhằm gây áp-lực với chánh quyền bằng các kỹ-thuật thông-tin và tuyên-truyền (TIẾT II), hay can-thiệp trong các cuộc tuyên-cử (TIẾT III).

TIẾT I

TIẾP-XÚC VÀ THƯƠNG-THUYẾT

Trong tiết này ta xét Phật-Giáo liên lạc với chánh-quyền như thế nào (Đoạn I), đã thương thuyết và lý luận ra sao (Đoạn II).

ĐOẠN I - HỆ-THỐNG LIÊN-LẠC

A - TIẾP XÚC VỚI AI ?

Nhằm ảnh-hưởng tới các quyết định chánh-trị, các lãnh-tụ Phật-Giáo một mặt giữ hệ-thống liên-lạc với chánh-quyền, mặt khác sẵn sàng đương đầu với các cuộc tấn công hay lợi-dụng những cuộc liên minh để cải-tiến địa-vị của Giáo-Hội. Mọi liên-lạc này thật khá quan-trọng vì nó nhằm dàn xếp những bất ổn chánh-trị và dành ưu thế trên chánh trường cho Giáo-Hội.

Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam đã hành động không giống các đoàn thể áp lực tại các nước dân-chủ tiên tiến. Thật vậy, mặc dầu bản chất của nó là một đoàn-thể tư lợi, Phật-Giáo luôn luôn hành-động nhân danh quyền lợi dân-tộc.

Hơn nữa trong khi các đoàn thể áp lực tại các nước tiên tiến thường liên lạc nhiều với Quốc-Hội và các công-chức (6), thì Phật-Giáo Việt-Nam lại hay liên lạc với các nhà lãnh-đạo Hành-pháp.

Ngoài ra, nếu tại các nước tiên tiến, các đoàn thể áp lực thường mua chuộc cảm-tình của nhà Lập-Pháp và công-chức, thì Phật-Giáo Việt-Nam lại thường hay xung khắc với các nhân-vật Chánh-quyền, vì một đảng muốn tìm cách xâm nhập vào các trung-tâm quyền hành để bảo vệ quyền-lợi riêng tư của đoàn-thể, một đảng tin tưởng ở chánh-nghĩa "Đạo-Pháp và Dân-Tộc". Sơ dĩ Phật-Giáo coi hành-pháp là người đối thoại chánh yếu và hầu như duy nhất vì cơ-quan này dưới chế-độ Đế Nhứt Cộng-Hoà là một trung-tâm quyền lực ừ thế quá mức. Trong thời-gian chuyển tiếp đày xáo trộn chu-quyền quốc - gia được tập trung vào một cơ-quan duy nhất, nên Phật-Giáo chỉ phải thương-thuyết với cơ-quan này mà thôi. Dưới chế-độ Đế II Cộng-Hoà, Hành-Pháp tự bản chất vẫn là cơ-quan kiểm-soát mọi hoạt-động của các đoàn-thể trung-gian, duy trì an-ninh cũng trật-tự chung và tiếp tục giải-quyet những vấn-đề liên hệ đến Phật-Giáo do chế-độ tập quyền của thời-gian chuyển tiếp để lại.

Tuy-nhiên từ khi Việt-Nam Cộng-Hoà bắt tay vào việc xây-dựng dân-chủ, Phật-Giáo cũng đã thiết-lập liên-lạc với các nhà Lập-Hiến và Lập-Pháp, mặc dầu chính Phật-Giáo đã từng phủ nhận các cơ cấu này. Bản chất sự tiếp xúc giữa các đại-diện dân cử với Phật-Giáo nước ta cũng khác mỗi liên lạc giữa các dân-biểu với các Giáo-Hội tại những nước tiên tiến. Thật vậy nếu tại Tây-Phương chính

(6) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn II, trang 177 và kế tiếp.

các đoàn thể tìm cách gần gũi với các đại-diện dân cử nhiều hơn, thì, trái lại, tại Việt-Nam các vị đại-diện này thường chủ động trong việc liên lạc để tìm kiếm một hậu-thuan chánh-trị, vì họ thiếu căn-bản nhân-dân, và các chánh đảng lại yếu ớt quá.

Còn về phần liên lạc giữa Phật-Giáo với các cơ-quan Tư-Pháp cho tới nay người ta chưa ghi nhận một cuộc vận-dộng chánh thức nào. Phải chăng các nhà lãnh đạo đã quên mất một đường lối ảnh-hưởng, hay đây là bằng chứng của sự thiếu tin tưởng vào Đệ Tam Quyền mà nhiệm-vụ chánh yếu là bảo-vệ tự-do trong đó có tự-do tôn-giáo? Có lẽ thực tại chánh-trị cho thấy họ nghiêng về nghi-vấn thứ hai : Đó chính là thái độ của họ đối với bản án "biến động miền Trung" và bản án Thiên-Minh (7).

B - HÌNH THỨC VÀ TÍNH CHẤT CÁC CUỘC TIẾP-XÚC.

1. Hình-thức - Trên bình diện chánh thức, hội đàm và thư-tín là hai hình-thức tiếp xúc thông dụng. Trong cuộc vận động năm 1963 ta thấy hàng loạt những cuộc hội đàm và văn-thư trao đổi giữa Ủy-ban Liên phái và Ủy-ban Liên Bộ (8). Trong các cuộc đấu tranh sau năm 1963, các cuộc hội đàm giữa Phật-Giáo và chánh quyền lại càng quan-trọng vì vai-trò quyết-định của Phật-Giáo đối với các vụ khủng-hoang. Chính các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo đã tiết lộ có những cuộc điện đàm trực tiếp với các vị lãnh-đạo quốc-gia (9).

2. Tính chất các cuộc tiếp xúc - Tùy từng mục-tiêu thảo luận, cuộc tiếp xúc có thể bí-mật hoặc công khai, liên tục hoặc bất thường, song phương hay đơn phương. Dĩ-nhiên những cuộc tiếp xúc công khai được báo chí tường thuật. Còn những cuộc tiếp xúc bí mật ? Vì sự

(7) Nhật-báo Chính-Luận ngày 18.3.1969.

(8) Tuệ Giác : Sách đã dẫn ; Quốc-Tuệ : sách đã dẫn.

(9) Nhật-báo Dân-Chủ ngày 16.5.1964.

công khai hoá làm trở ngại cho việc dàn xếp quan-trọng, nên nhiều cuộc tiếp xúc đã được giữ kín. Chẳng hạn như vào ngày 24-8-1964 tướng Nguyễn-Khánh đã cho mời các Thượng-toạ Trí-Quang, Thiện-Minh và Tâm Châu ra Vũng-Tàu để tham-khảo ý-kiến. Vì các Vị này từ chối, tướng Khánh phải bay về Saigon. Họ đã gặp nhau vào đêm hôm đó, và các lãnh-tụ Phật-Giáo đã trao cho tướng Khánh một danh-sách tám thỉnh cầu : loại trừ mọi ảnh-hưởng của Cận-Lao, hủy bỏ Hiến-chương Vũng-Tàu 16-8-1964, bảo-đảm hoàn toàn các tự-dọ tín-ngưỡng và ngôn luận, tổ-chức các cuộc bầu-cử vào đầu tháng 11 năm 1965 (10). Trong vụ Thiện-Minh năm 1969, đại-đức Hộ-Giác cũng đã tiết lộ có những cuộc tiếp xúc thân mật giữa Thượng-toạ Thiện-Minh và báo huynh hay vị phụ-tá của Tổng-Thống (II).

Những cuộc vận-động cho nguyện vọng chung của Phật-Giáo-đò thường được diễn ra qua những cuộc tiếp xúc liên tục. Còn đôi với các biện có hạt thừng mà ảnh-hưởng rất ngăn ngại và không quan-trọng, đại-diện hai bên mới gặp nhau để giải-quyết trong chốc lát mà thôi.

Sự tiếp xúc có tính cách đơn phương trong trường-hợp những nhà lãnh-đạo Hành-Pháp hay các dân-biểu cần đến hậu-thuan của Phật-Giáo, vì khi đó các Tăng-sĩ không phải là bên có sáng kiến gặp gỡ. Loại tiếp xúc này xảy ra thường xuyên trong thời-ky bất ổn chánh-trị (1964-1967) và, do đó, tổ cáo sự vắng bóng các định chế dân chủ cùng vai trò trội yếu của Phật-Giáo.

Người ta cũng thấy những cuộc tiếp xúc song phương khi hai bên hoặc bất phân thắng bại cần gặp nhau để thoả hiệp hoặc muốn hợp tác với nhau. Đó là mối tương quan giữa Phật-Giáo với các chánh-phủ Ngô-Đình-Diệm, Nguyễn-Ngọc-Thơ và Phan-Huy-Quát.

(10) Shaplen, Robert : Sách đã dẫn, trang 24.

(11) Nhật-báo Chính-Luận ngày 16.3.1969.

Trong việc tiếp xúc, sự lựa chọn người đối thoại đặt ra vấn đề khá tế nhị cho chánh-quyền : việc nhìn nhận phe Quốc-Tự là đại-diện hợp-pháp của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất đã khiến phe Ấn-Quang bất bình và chống đối kịch liệt. Trong hoàn cảnh phân hoá nội bộ của một đoàn thể áp lực, thường thường các chánh quyền Tây-phương hay triệu tập tất cả các phe phái của một quyền lợi lại, hoặc cùng một lúc hoặc liên tiếp, và trong một vai trường-hợp, yếu-tố chánh-trị can-thiệp để loại bỏ sự tham khảo ý-kiến một tổ-chức nào đó, mặc dầu tính cách "đại diện" của nó (12). Các chánh quyền này đã ở một vị-trí dễ đối phó hơn các chánh-quyền Việt-Nam vì các quyền-lợi được bảo-vệ trong trường-hợp trên thường có tính cách nghề nghiệp hay tuân tụy tôn-giáo, còn ở Việt-Nam vấn đề Phật-Giáo mang nặng tính chất chánh-trị. Vì vậy sự lựa chọn một thái-độ khôn ngoan là việc rất khó đối với chánh-quyền.

Mục-đích chính của các cuộc tiếp xúc là thương thuyết. Muốn đạt được thắng lợi tối đa, các lãnh-tụ Phật Giáo phải áp-dụng những kỹ-thuật lý luận sắc bén có lợi cho lập trường của mình.

ĐOẠN II - THƯƠNG-THUYẾT VÀ LÝ-LUẬN.

A - NHẬN XÉT CHUNG

Thương thuyết và lý-luận là trao đổi quan điểm giữa chánh-quyền và Phật-Giáo. Tại Âu-Mỹ, công việc này chiếm phần quan trọng trong thời-khắc-biểu của các lãnh-tụ đoàn thể, dân-biểu và nhà chức-trách hành-chánh. Đối với các lãnh-tụ Phật-Giáo Việt-Nam, công việc này càng quan-trọng hơn vì nó bao hàm ý nghĩa các cuộc tranh đấu gay go và thể hiện tài ba của các nhà sư trước đây đã bị coi thường. Chỉ cần nhìn lại những cuộc đấu khẩu gay go và sôi nổi giữa Ủy-ban Liên Phái và Ủy-ban Liên Bộ

(12) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn II, trang 140.

trước cũng như sau ngày hai bên long trọng ký bản thông cáo chung 17-6-1963, và cuộc đối thoại giữa Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia và Phật-Giáo Ấn-Quang về vụ Hiến-Chương Phật-Giáo năm 1967, là người ta nhận thấy tầm quan-trọng của việc thương thuyết và tài ba của các sứ-giả Phật-Giáo (13). Các thỉnh nguyện của họ đã được trình bày rất khoa học với những bằng-cớ có phần xác thực và lý-do vững chắc.

B - KỸ-THUẬT TRÌNH-BÀY QUYỀN-LỢI

Việc trình-bày thỉnh-nguyện là một vấn-đề thông đạt chánh-trị. Về vấn-đề này Phật-Giáo cố gắng trình-bày quyền lợi của mình trong khung cảnh quyền lợi quốc-gia với hy vọng nhận được sự phúc đáp thuận lợi. Một kỹ-thuật trình-bày quyền-lợi được Phật-Giáo áp dụng một cách hữu hiệu trong cuộc vận động năm 1963 là thông đạt cho giới hữu quyền đầy đủ tài liệu liên quan đến cuộc tranh chấp, tài liệu về việc đối xử bất công với Phật-Giáo ở tại Nam, Ngãi, Bình, Phú có ghi rõ chi-tiết danh tánh địa-chỉ nạn-nhân v.v..., tài liệu trình-bày công trạng của Phật-Giáo đối với quốc-gia bằng những sự kiện lịch-sử khách quan, tài liệu kê khai những trường-hợp chánh-quyền vi phạm thông cáo chung.

Thực ra kỹ-thuật này rất thông dụng tại Âu Mỹ: Các tài liệu do đoàn thể cung cấp đem lại cho nhà hữu trách chất liệu mà họ không thể thu thập được hay đã không tìm cách tập trung lại. Đáng rằg nó diễn tả tới hậu sự việc dưới lăng kính thuận lợi cho các quyền lợi được bảo-vệ, nhưng nhiều khi sự trình bày quá khéo léo đến nỗi chánh-quyền không cảm thấy bị tài liệu của đoàn thể hướng dẫn trong việc quyết định (14).

Ngoài kỹ-thuật cung-cấp tài liệu, Phật-Giáo còn trình bày quyền lợi cần được bảo vệ bằng cách biểu

(13) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, trang 155 và kế tiếp.

(14) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn I, trang 202 và kế tiếp.

lộ những thái độ : hoặc công khai hoặc ngầm ngầm chống đối, hoặc bất mãn, thụ động, thờ ơ trước lời kêu gọi của Nhà Nước (15). Hơn nữa, ngoại trừ các vụ tranh đấu cho các cá-nhân có danh tánh rõ rệt hay cho các mục-tiêu được xác định : vụ án Thiện-Minh, vụ án biến động miền Trung hay vụ đòi bình đẳng tôn giáo năm 1963, v.v..., nhiều thỉnh cầu của Phật-Giáo sau năm 1963 có tính cách tổng quát nên rất khó đạt được kết-quả : chẳng hạn như trong việc đòi hỏi các phe lâm chiến phải ngưng bắn ngay tức khắc, Phật giáo chỉ lên án tính cách phi nhân của chiến tranh chứ không phân tích bản chất của cuộc chiến, thủ-phạm và nạn-nhân xâm lăng, cùng hậu quả của việc ngưng bắn tức khắc, v.v...

Sau cùng, lối trình bày các nguyện vọng của họ khi thì có tính cách tình cảm nhằm khơi động phản ứng thuận lợi của quần chúng : như tố cáo "có âm mưu rộng lớn nhằm tiêu diệt Phật-Giáo", "tiêu diệt Phật-Giáo là tiêu diệt dân tộc" vì "Đạo Pháp và Dân-Tộc là một", và "bảo-vệ Đạo Pháp là bảo vệ Dân-Tộc" vì "Đạo Pháp còn hoạn nạn thì đất nước còn điều linh"; khi thì có tính cách "phương-tiện" tức là nhằm hăm dọa để đối-phương chấp nhận lập-trường của mình (16).

C - HẬU-QUẢ CỦA KỸ-THUẬT TRÌNH-BÀY QUYỀN-LỢI

Kỹ-thuật trình-bày quyền-lợi của Phật-Giáo đã ảnh-hưởng tới diễn trình cấu tạo quyết định của chánh-quyền trong nhiều trường-hợp. Điển hình nhất là cách trình-bày năm nguyện vọng của Phật-Giáo đầu năm 1963 đã bắt buộc một chế-độ độc-tài phải nghiêm chỉnh cứu xét lại thái-độ đối với Phật-Giáo.

Tuy-nhiên lối trình bày tổng quát, hay biểu lộ yêu-sách bằng cách chống đối ngầm ngầm rất khó ảnh hưởng

(15) Almond, Gabriel A. and Powell, Jr., G. Bingham : Comparative politics, tr. 86 và kế tiếp. Little, Brown and Co. 1966.

(16) Xem trang 325-329 Luận án.

đến quyết định của chánh-quyền vì những quyền-lợi được bảo-vệ có vẻ mơ hồ rất khó hội nhập vào chánh-sách của Nhà Nước. Do đó mới bất mãn của đoàn-thể vẫn tồn tại.

Còn cách trình bày tình-cảm hay phương-tiện chỉ đạt được kết-quả mong muốn nếu quần-chúng có thiện cảm với đoàn thể và chánh-quyền trở nên suy yếu, vì khi đó công luận sẽ trở thành áp lực to lớn đè nặng lên quyết định của giới hữu-trách. Nhưng nếu công luận có ảnh hưởng quan-trọng tới diễn trình cấu tạo quyết định, người ta lại khó phân biệt ranh giới giữa việc vận-dụng công-luận và ý-chí tạo áp lực lên chánh-quyền. Khi làm cho người ta nhắc nhớ tới mình trên mặt báo, một đoàn thể có thể nhằm ảnh-hưởng tới chánh-quyền hơn là công chúng. Dù hữu-lý hay không, báo-chí được xem như phản ảnh dư-luận của độc-giả : người ta có khuynh-hướng suy diễn rằng một tổ-chức thường được nhắc nhớ chiếm một địa-vị nổi bật trong những mối quan tâm của họ. Vì vậy một hồ-sơ sưu tập những bài báo có thể được coi là một phương-tiện cấu tạo và hướng dẫn phán đoán của nhà chức-trách về thái-độ của công chúng. Vậy mà "ý-kiến về công luận" - nếu người ta dám mạo hiểm dùng những danh-từ nặng nề như vậy - có lẽ là điều đáng kể nhất trong những tương quan giữa đoàn thể và chánh quyền. Có những trường hợp nhà báo tự nhiên để ý tới đoàn thể. Nhưng không phải là không có những trường-hợp mà báo-chí đã phối-hợp khéo léo với đoàn thể để tạo công luận, chứ không phải thông-tin đơn thuần thôi (17).

Như vậy một mặt thông-tin liên-hệ với việc tiếp-xúc với chánh-quyền; mặt khác khi yêu-sách của đoàn thể không được thoả-mãn, thông-tin lại phải được mở rộng tới một công chúng đông đảo hơn và mang nặng tính chất tuyên-truyền để tạo thuận lợi cho việc đề xuất những yêu sách ấy.

(17) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn II, trang 176.

TIẾT II

THÔNG-TIN VÀ TUYÊN-TRUYỀN

Khác với những đoàn thể có mục-đích bảo-vệ các quyền lợi vật chất thường giữ kín những cuộc vận-động với chánh-quyền, Phật-Giáo Việt-Nam đã áp-dụng một kỹ-thuật thông-tin tinh xảo để quảng bá chủ-trương vị tha cao cả, và tìm ở quần chúng một hậu thuẫn đích đáng. Như vậy phải chăng thông-tin đã bao hàm thâm ý tuyên truyền? Người ta thường phân biệt : thông-tin thường có nghĩa là phổ biến tin tức một cách khách quan, còn tuyên truyền nhằm mục-đích hướng dẫn và điều khiển công luận (18). Thực ra đối với các đoàn thể, ngay từ định nghĩa của chúng - cố gắng gây ảnh-hưởng - sự phân biệt ấy hầu như vô nghĩa trong thực-tế vì thông-tin luôn luôn bao hàm mỗi quan tâm tuyên truyền. Nhất là đối với đoàn thể có mục-đích ý-thức-hệ như Phật-Giáo, tuyên truyền là dụng cụ hành động thiết yếu, vì cả việc truyền đạo lẫn việc quảng bá một lý tưởng "Đạo-Pháp và Dân-Tộc" đều đòi hỏi việc tạo một công luận thuận lợi để chinh phục quần chúng. Phật-Giáo đã vận-động công luận ra sao ? và đạt được kết quả gì ? Đó là đối tượng của hai Đoạn sau đây.

ĐOẠN I - KỸ-THUẬT VẬN-ĐỘNG CÔNG-LUẬN CỦA PHẬT-GIÁO

Trước khi phân tích các kỹ-thuật vận động công luận, cần tìm hiểu công luận và công chúng là gì ?

Công luận là thái độ của một công chúng liên hệ tới một công việc chung có tính cách thời-sự (19).

(18) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn I, tr. 128. Cũng xem Driencourt, Jacques : La propagande, nouvelle force politique, tr. 20, A. Colin, Paris, 1950.

(19) Fisher, Burton R., In public opinion quarterly, New-York, 1948/1950 p.p. 675-677, trích-dẫn bởi Lapiere, J.W. : Les facteurs sociologiques dans la formation de l'opinion publique, lục đăng trong "Opinion publique", tome II, trang 58, P.U.F., 1957.

Xét một cách thực tiễn, theo Jean Meynaud, công luận gồm có những tin tưởng, định kiến diễn tả bởi những cá-nhân, bằng cách này hay cách khác, quan tâm tới một tình-trạng rõ rệt. Nói một cách khác, công luận không được định-nghĩa một cách tổng gộp tương xứng với toàn thể những vấn-đề được đề cập (20). Mọi vấn-đề được thảo-luận trong đời sống chính-trị đều có công chúng riêng của nó.

Công chúng là toàn thể những đoàn viên của một đoàn thể chừng nào họ có ý thức thuộc vào đoàn thể (21). Đó là loại đoàn thể riêng biệt có thái độ tập thể đối với những tư tưởng hay giá trị, và giữa những đoàn viên thường có sự cách biệt; Những đoàn viên thuộc một công chúng nghĩ và nói "chúng tôi" khi phát biểu một công luận, có thể không quen biết nhau và không hề gặp nhau (22).

Dù công luận không hẳn là ý chí hay lương tâm của nhân dân (23) và tại một nước chậm tiến như Việt-Nam nó càng có một giá-trị nội tại rất tương đối, trong thực tại chánh-trị ngày nay các đoàn thể không thể không quan tâm tới nó được và có khi còn tạo ra huyền thoại công luận nữa. Đó là một chiến thuật nhằm tạo những phản ứng tập thể của quần chúng đủ để kích thích hay bó buộc chánh-quyền phải xử trí theo ý nguyện của đoàn thể. Phật-Giáo đã cố gắng phát-triển khuôn khổ công chúng của họ (Phân đoạn I) để tạo một công luận thuận lợi cho những cuộc tranh đấu (Phân đoạn II).

(20) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn II, trang 170.

(21) Ptoetzel, J. : L'Opinion et la presse, trích dẫn bởi Lapiere trong bài đã dẫn, trang 58.

(22) Gurvitch, G. : La vocation actuelle de la sociologie, p. 138, PUF, 1950.

(23) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn II, trang 169.

PHÂN ĐOẠN I - NHỮNG KHUÔN KHỔ CÔNG CHỨNG CỦA
PHẬT-GIÁO

Vì phong trào Phật-Giáo liên hệ tới nhiều vấn đề : tự-do tín-ngưỡng, xây-dựng dân-chủ, chủ-quyền quốc-gia, hoà-bình và hạnh-phúc, Dân-Tộc và Đạo-Pháp, v.v.... nên công chứng của Phật-Giáo cũng khá rộng lớn, bao gồm những đoàn thể cả trong lẫn ngoài nước.

A - CÔNG CHỨNG QUỐC NỘI

Công chứng quốc nội gồm có công chứng Phật-Tử và công chứng không Phật-Tử.

1. Công chứng Phật-Tử - Gồm những Phật-Tử thuần thành và Phật-Tử ngoài lãnh. Loại sau này thường thờ ơ với Giáo-Hội nhưng có thể dễ bị xúc động trước những biến cố liên hệ tới sự tồn vong của Phật-Giáo. Khi đó họ thường biểu lộ tình liên đới với người đồng đạo. Như vậy Phật-Tử thuần thành mới là loại người quan-trọng nhất của Giáo-Hội vì họ đã gia nhập đoàn thể trên căn-bản một cộng đồng thái độ (24) : loại này bao gồm cả Tăng-sĩ lẫn cư-sĩ và thiện nam tín nữ mộ đạo đến cuồng tín. Họ trực tiếp quan tâm tới Đạo-Pháp, thường dễ phản đoán chủ quan và dám biến đức-tin cùng ý chí thành hành động cụ-thể cực mạnh. Vì vậy mà giáo-sư G. Burdeau đã phân tích sự khác biệt giữa ý chí và công luận, công luận của đoàn-viên đối với đoàn thể của mình phải gọi là ý chí mới đúng, vì nó bắt rễ trong ý muốn của mỗi cá-nhân, và phát xuất từ những tình-trạng cụ-thể liên hệ trực-tiếp đến cá-nhân và, do đó, có một cường độ mạnh hơn công luận (25) : người ta xuống đường, tự thiêu để thể hiện ý chí bảo-vệ Đạo-Pháp hơn là để biểu lộ công luận. Ý chí chỉ với căn khí yêu sách được thoả-mãn, nên nó có

(24) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn II, trang 170.

(25) Burdeau, Georges : L'évolution des techniques d'expression de l'opinion dans la démocratie, trang 140 và kế tiếp, lục đăng trong l'opinion publique, tome II, P.U.F., 1957.

tính cách cố chấp hơn, bền bỉ hơn, và phấn đấu hơn công luận.

Chỉ vì tính cách bền bỉ và phấn đấu ấy của ý chí các đoàn viên nhiệt thành, nên trong suốt sáu năm nay, Phật-Giáo đã quyết tâm tranh đấu cho lý-tưởng "Đạo Pháp và Dân-Tộc" trong khi công luận không phải lúc nào cũng tán thành hành động của họ. Ý chí ấy đã tạo nên quyền lực thực tế khá mạnh của Giáo-Hội sau cuộc chính biến 1963. Nhưng quyền lực ấy đã trở nên suy yếu dần dần khi nó được diên-tả bởi những tập thể tương tranh của cùng một cộng đồng. Tình trạng này đã ảnh-hưởng tới thái độ của công chúng không Phật-Tử.

2 . Công chúng không Phật-Tử - Loại công chúng này bao gồm những người không theo đạo Phật nhưng quan tâm tới các hoạt động của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất.

Những nhà lãnh-đạo Phật-Giáo thường nỗ-lực mở rộng căn-bản nhân dân của Giáo-Hội để chứng tỏ tính cách đại-diện cho dân-tộc Việt-Nam. Tuy nhiên họ đã không làm chủ được khuôn khổ công chúng vì nếu vào năm 1963 khuôn khổ ấy khá rộng lớn thì ngày nay nó đã bị thu hẹp không ít.

Dù khuôn khổ công chúng có bị thu hẹp chằng nữa, vấn-đề Phật-Giáo Việt-Nam cũng vẫn còn được báo-chí quốc-tế theo dõi.

B - CÔNG CHỨNG QUỐC-TẾ CỦA PHẬT-GIÁO

Vấn-đề Phật-Giáo Việt-Nam trở thành đối tượng của công luận quốc-tế khi nó trở thành một mục thời-sự quốc-tế. Như vậy khuôn khổ công chúng quốc-tế tùy thuộc vào tầm quan-trọng của vấn-đề. Vì công luận quốc-tế là một ý niệm hãy còn mơ hồ nên ta phải xác định nó trước khi phân tách công chúng quốc-tế. Theo Giáo-sư Paul De La Pradelle, công luận quốc-tế là một hiện tượng tâm-lý phát khởi tự nhiên nhằm can-thiệp một cách thuận-tùy đạo

đúc vào chánh sách đối nội hay đối ngoại của ^{Quốc}chánh-phủ; nguồn gốc và sự diễn-tiến nó trên thế-giới thoát khỏi mọi sự quy-định. Văn theo Giáo-sư Paul De La Pradelle, việc tìm một định nghĩa cho công luận quốc-tế có thể và phải bắt đầu bằng một nhận ~~nhận~~ ^{nhận} kết-niên nhiên : Sự hiện hữu một cộng đồng những con người trên thế-giới, và mọi cá-nhân đều ý thức được những mối liên đới và nhân ái trong cuộc sanh hoạt quốc-tế. Có một sự liên đới giữa những cá-nhân trong không gian mà lương tâm, càng ngày càng ^{lưu}bình-thường, đưa mọi người tới chỗ xác định những van-đề của cuộc sanh hoạt cá nhân và gia đình trong trật tự thế-giới, nhưng không phải vì thế mà lòng ái quốc và lòng trung thành dân-tộc bị loại bỏ. Người ta cũng nhận thấy rằng mọi hành động đối nội hay đối ngoại của một chánh-phủ, mọi hoạt-động của một tổ-chức quốc-tế, ngay khi gây một xúc-động trên thế-giới là đã chịu sự bình phẩm của công luận quốc-tế. Không một nguyên-tắc bất can thiệp nào có thể ngăn cản được sự phê phán ngay cả hành-vi của một chánh-phủ đối với chính bản dân của họ.

Chính vì vậy mà cuộc khủng hoảng giữa ^{Phật}chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hoa năm 1963 đã trở thành đề tài sôi nổi của công luận quốc-tế. Nó đã được giáo ^{gia} giới ^{khắp} khắp năm Châu tương thuật và bình luận, các nhà trí thức, lãnh-đạo tôn-giáo và chánh-trị trên thế-giới theo dõi với mọi quan tâm đặc-biệt. Tới khi các quốc-gia ^{đã} chánh-thức bày tỏ thái-độ về vụ Phật-Giáo Việt-Nam, ta phải phân biệt công luận quốc-tế và sự công nhận công luận ấy. Vì công luận quốc-tế chỉ là tiếng nói của lương tâm nhân loại bị xúc động và được biểu lộ ngoài mọi sự quy định chánh thức, nên khi biến cố gây sự xúc động ấy được các quốc-gia và các tổ-chức quốc-tế chánh thức bày tỏ phản ứng, thì thái-độ này là việc công nhận công luận, chứ không phải chính công luận nữa (26). Như thế van-đề Phật Giáo Việt-Nam đã được cả các tư nhân lẫn các quốc-gia và

(26) Pradelle, Paul de la : Opinion publique internationale, lục đăng trong Opinion publique, tome II, trang 423, P.U.F. 1957.

tổ-chức quốc-tế bày tỏ thái độ (27).

1 . Các quốc-gia Phật-Giáo - Tất cả các quốc-gia Phật-Giáo tại Á-Châu đã bày tỏ thiện cảm đặc-biệt đối với cuộc tranh đấu năm 1963 của Phật-Giáo Việt-Nam : Mã-Lai, Singapore, Tích-Lan, Miến-Điện, Thái-Lan, Mên, Lào, Trung-Hoa Quốc-Gia, Nhật-Bản, Ấn-Độ, Népal.

2 . Các quốc-gia không Phật-Giáo - Vụ Phật-Giáo năm 1963 đã làm chấn động các quốc-gia ngoài Á-Châu kể từ khi xảy ra vụ tự thiêu của Hoà-Thượng Quảng-Đức : Hoa-Kỳ, Pháp, Anh, Thụy-Sĩ, Bỉ, Úc, Đức. Tấm hình tự thiêu của Hoà-Thượng đã được phổ biến khắp nơi trên thế-giới, từ trên bàn giấy của Tổng-Thống Hoa-Kỳ tới văn-phòng của các lãnh-tụ Trung-Cộng và chính nước Cộng-sản này đã cho in ra hàng triệu tấm hình ấy để phân phát đi khắp Á Phi với lời ghi chú : "Một Tăng-sĩ Phật-Giáo Việt Nam tự thiêu trong cuộc đấu tranh chống đế-quốc Mỹ - Diêm (28)."

Chấn động
Nhưng cũng như công chúng quốc nội, khuôn khổ công chúng quốc-tế ngày nay của Phật-Giáo đã bị thu hẹp khá nhiều vì không có những sự kiện làm xúc động lương tâm nhân loại như năm 1963 nữa, mặc dầu báo-chí quốc-tế thỉnh thoảng vẫn còn bàn đến hoạt động chánh-trị của phong-trào Phật-Giáo.

Trước những khuôn khổ công chúng rộng hẹp tùy theo thời vận chánh-trị, vận-đề quan-trọng đặt ra cho các lãnh-tụ Phật-Giáo là phải làm thế nào vận-động được công luận thuận lợi cho mình. Đó là kỹ-thuật vận-động công luận.

(27) Tuệ Giác : Sách đã dẫn, trang 177-224

(28) Brown, Malcolm W. : New face of war, Indianapolis, Bobbs - Merrill, 1965.

PHÂN ĐOẠN II - KỸ-THUẬT VẬN-ĐỘNG CÔNG-LUẬN CỦA
PHẬT-GIÁO

Kỹ-thuật vận-động công luận rất cần thiết khi con người cùng một lúc trở nên đối tượng tranh thủ của cả Nhà Nước lẫn các đoàn thể tôn-giáo, chánh-trị và nghề nghiệp. Ý-thức được nhu cầu này cùng khả năng tác động của việc tuyên-truyền lên tinh-thần mỗi người, từ cuộc tranh đấu năm 1963 Phật-Giáo đã áp-dụng một cách khéo léo kỹ-thuật hướng dân và điều khiển công luận ngõ hầu thuyết phục quan chúng tin theo chánh nghĩa "Đạo-Pháp và Dân-Tộc". Những kỹ-thuật ấy bao gồm từ những sự tiếp-xúc trực tiếp tới những phương tiện thông-tin tuyên truyền ^{lưu trữ} ~~lưu trữ~~ nhằm tác động thẳng vào các cơ năng man cảm của con người : làm cho quan chúng chịu nghe, chịu thấy và dễ xúc động, rồi biểu lộ một thái độ, một ý chí, một hành động thuận lợi. Nói một cách khác, kỹ-thuật vận động công luận của Phật-Giáo, ngoài các phương tiện văn-hóa, giáo-dục và xã-hội đã được trình bày (29), có thể gồm việc thuyết phục trực tiếp (Mục I), những phương tiện ấn loát pham, ~~các~~ biểu tượng (Mục II), những phương tiện truyền thanh và truyền hình (Mục III).

Mục I - Thuyết phục trực-tiếp

Đối với một đoàn thể mà tổ-chức nội bộ hãy còn lỏng lẻo và chỉ có những phương tiện vật chất hạn chế như Giáo-Hội Phật-Giáo, thì việc thuyết phục trực tiếp quan chúng trở nên vô cùng quan-trọng. Phật-Giáo đã tìm mọi cơ-hội để tụ tập được càng đông đảo tín-đồ trong mọi cuộc đấu tranh càng hay : các cuộc thuyết-pháp, khai kinh, các buổi lễ nghi tôn-giáo, biểu-tình tuân hành, biểu dương lực lượng v.v... Mọi hoạt-động đều bao hàm một ý-nghĩa chánh-trị và biểu lộ hình thái tuyên truyền cho một quyền lực (30). Hai công tác thuyết phục trực tiếp thông dụng

(29) Xem trang 237-243 Luận án này.

(30) Driencourt, Jacques : Sách đã dẫn, trang 124 và kế tiếp.

nhất của Phật-Giáo là "thuyết pháp" và "tuyên truyền rí tai".

A - THUYẾT PHÁP

Đúng lý ra thuyết pháp nghĩa là thuyết giảng về giáo lý, hay gọi nôm na là giảng đạo. Ngay về việc giảng đạo nếu Công-Giáo có một quan-niệm thần học về nhiệm-vụ chuyên đọc giáo huấn con chiên của tu-sĩ (31), thì Đạo Phật không dành độc quyền ấy cho Tăng-sĩ, vì Giáo-Hội Phật-Giáo được lãnh-đạo bởi cả Tăng-sĩ lẫn Cư-sĩ. Tuy nhiên từ năm 1963 tới nay việc thuyết pháp được đảm trách hoàn toàn bởi Tăng-sĩ, và nội dung các bài thuyết pháp không ít thì nhiều đều phang phát màu sắc chánh-trị. Thuyết pháp, vì là một hoạt-động truyền đạo, nên đã trở thành một phương tiện bất khả xâm phạm để xách động quần chúng. Nó đã thu hút ít ra là trong thời kỳ từ 1963 đến 1966 khá đông Phật-Tử thuần thành và bọn cơ hội chủ nghĩa. Cứ nhìn lại số lượng tín-đồ tham dự các buổi thuyết pháp trong thời-gian đó tại Viện Hoá-Đạo và nhiều nơi khác ta có thể nhận ra hiệu lực mạnh liệt của các bài giảng. Số lượng này đã sút giảm rõ rệt từ sau vụ biến động miền Trung năm 1966.

B - TUYÊN TRUYỀN RÍ TAI

Đó là những câu chuyện được loan truyền kín đáo từ người này sang người khác và lan rộng ra theo cấp số nhân. Kỹ-thuật này không cần tài-chánh, nhưng đòi hỏi sự dè tin của người nghe, và số lượng loại người này càng đông càng tốt. Kỹ thuật này đã tỏ ra rất hữu hiệu

(31) Nhiệm-vụ ấy gọi là nhiệm-vụ tông đồ của hàng Giáo-phạm. Hàng Giáo-hữu chỉ có thể thông phán trong công việc tông đồ với hai điều-kiện : có sự uỷ thác của hàng Giáo-phạm, và khi hoạt-động phải theo cách hướng-dẫn của hàng Giáo-phạm (Xem Hườn, Phan-phát : Việt-Nam Giáo-sư, trang 470, quyển II, Cửu-Thế Tùng Thư, 1962).

trong cuộc tranh đấu 1963, vì trình độ dân trí thấp kém và mọi bất mãn ngấm ngấm của Phật-Tử đối với chánh-quyền làm cho họ dễ tin những lời đồn đại. Hơn nữa trong chế độ độc-tài, vì không có những phương tiện thông-tin công khai hợp-pháp nên phương tiện này được coi là đặc dụng.

Nội dung của những tin đồn không cần hoàn toàn duy lý và đúng sự thực 100/100, nhưng phải hợp với trình độ của quần chúng. Mục-dịch của chúng là làm suy yếu chánh quyền và gây niềm tin vào lẽ tất thắng của chánh-nghĩa Phật-Giáo. Những tin đồn như cá thần, nước thiêng ở Bàu Quyển, Nha-Trang, Đa-Lạt, Biên-Hoà, Phật Bà hiện ra trên mây, Phật khóc tại đường Cô Giang, sám Trạng-Trình tiên tri Ngô-triều sụp đổ, v.v... đã một mặt làm chánh-quyền khôn đôn hoàng sợ, mặt khác khiến quần chúng tin tưởng vào các lực lượng siêu nhiên, thần thánh hiện linh. Chánh quyền càng ngăn chặn các tin đồn này thì, trái lại, quần chúng lại càng tin tưởng ở Trời, Phật (32).

Từ sau ngày 1-11-1963, Phật-Giáo đã sử-dụng được những phương tiện thông-tin hợp-pháp và tuyên truyền công khai, nên kỹ-thuật rỉ tai không còn hiệu nghiệm nữa. Người ta để ý đến các án loát phạm hơn.

Mục II - Án-loát phạm và biểu tượng

Các tài-liệu tuyên truyền thường chứa đựng biểu tượng Phật-Giáo nên trước khi trình bày các án loát phạm, ta nên có một nhận xét tổng quát về biểu tượng ấy (33). Nói chung những biểu tượng xác định một uy quyền tinh thần, một ý chí thống nhất, một tinh-thần dân-tộc của Phật-Giáo Việt-Nam : đó là cờ Phật-Giáo thế-giới tượng trưng cho ý chí thống nhất Phật-Giáo thế-giới; pháp luân 12 căn và những chữ viết tắt G.H.P.G.V.N.T.N. tượng trưng cho ý chí thống nhất của các tập đoàn Phật-

(32) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, trang 458.

(33) Lasswell, Harold : Politics : Who gets, what, when, how ? tr. 34, Meridian Books, The World publishing company, 1961.

Giáo, lối kiến trúc ngôi Quốc-Tự và các cơ sở Phật-Giáo, lễ, nhạc Phật-Giáo đều nói lên tính chất Việt-Nam thuần túy. Những biểu tượng này đều có tác dụng kêu gọi lòng yêu Đạo và yêu nước của Phật-tử. Sự tổng hợp cả hai tình yêu ấy có thể biến thành sức mạnh vật chất.

A - CÁC LOẠI ẢN LOÁT PHẨM

Vì việc thuyết phục trực tiếp quần chúng dễ bị giới hạn cả về không-gian lẫn thời-gian và khó sử-dụng được các biểu tượng, nên Phật-Giáo phải dùng đến ản-loát phẩm.

- Trước hết, Phật-Giáo đã sử-dụng hữu hiệu các bướm bướm, truyền đơn trong năm 1963, và sau 1963 họ đã dùng nhiều bích chương.

- Thứ đến, từ hồi Phật-Giáo phục-hung người ta chứng kiến cảnh phồn thịnh của nhiều tạp-chí Phật-Giáo. Loại báo-chí này thường chỉ nhằm các độc-gia có trình-độ học vấn khá cao và có dụng đích thuần túy tôn-giáo hơn là chánh-trị.

- Dụng cụ tuyên truyền hữu hiệu nhất hiện nay là nhật-báo mà Phật-Giáo chỉ mới được sử-dụng từ sau năm 1963 : Các tờ báo Đất Tổ và Chánh Đạo được coi là cơ-quan ngôn luận bán chánh thức của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống Nhất. Tờ thứ nhất bị đình bản từ 26-5-1966, tờ thứ hai bị đóng cửa từ 27-12-1969.

Từ ngày 3-1-1970, Nhật-báo Quảng-Đức thuộc khuynh-hướng Quốc-Tự và do Thượng-Tọa Đức-Nghiệp làm chủ bút kiêm chủ-nhiệm đã ra đời. Không đủ sức thu hút độc-gia, báo này đã tự ý đình bản sau khi phát-hành được 21 số.

Sau khi tờ Chánh Đạo bị đóng cửa, phe Ấn-Quang xuất-bản một tuần báo lấy tên là "Việt-Nam Tự-Tín". Nhưng tờ này cũng đã bị đình bản nốt.

Ngoài ra phe Phật-Giáo tranh đấu cũng lưu hành bất-hợp-pháp những tờ báo có dụng-dịch công kích chánh-quyền và các lực-lượng đối nghịch (34).

Hơn nữa, án-loạt phẩm của Phật-Giáo Việt-Nam còn được xuất-bán tại hải-ngoại. Đó là các tài-liệu do Tăng-sĩ Đơ-Việt-Tín phổ biến năm 1963 tại Nhật, Pháp, Mỹ, Ấn, v.v...; nguyệt-san Tin-Tương của Phật-Tử Việt-Kieu hải ngoại. Tạp-chí này thuộc khuynh-hướng Ấn-Quang và đang đóng góp vào nỗ-lực vận động chánh-trị của Thượng-Tọa Nhất-Hạnh.

Dù thuộc khuynh hướng nào, báo-chí Phật-Giáo thường giữ ba nhiệm-vụ chính :

- 1 . Trình-bày lập-trường, phổ biến chỉ-thị nội bộ ;
- 2 . Giữ vai trò liên-lạc giữa các Phật-Tử và góp phần vào việc duy-trì đoàn-kết nội bộ ;
- 3 . Cung-cấp một dụng-cụ thích-nghĩ để bày tỏ thái độ đối với chánh-sách và hành động của chánh-quyền.

- Nhìn chung, nền báo-chí Phật-Giáo Việt-Nam hãy còn yếu kém cả về lượng lẫn phẩm. Ngoại trừ những tạp chí đã phát triển theo đúng tinh-thần Phật-Giáo, các nhật-báo không phải là tiếng nói chánh thức của Giáo-Hội và chưa đủ khả-năng phát biểu nội dung nền Phật-Giáo phục hưng. So sánh với nước ngoài, Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam thật quá thiếu thốn về báo-chí. Tại nước Pháp chẳng hạn, vào năm 1960 trong số 1109 tờ báo tôn-giáo có 902 tờ là của Công-Giáo, và hàng giáo phẩm tôn-giáo này lại có cơ-quan thông-tin chánh thức (35).

(34) Trung, Nguyễn-văn : Tôn-giáo bị chánh-trị theo đuổi. Tạp-chí Đất Núi, số 2, tháng 12/1967, trang 75-135.

(35) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn I, trang 189.

Để bổ khuyết một phần nào sự thiếu sót trên, ngoài phương tiện thông-tin tuyên truyền cơ hữu của mình, Phật-Giáo còn có sự liên lạc với báo-chí bên ngoài.

B - MỐI LIÊN-LẠC CỦA PHẬT-GIÁO VỚI BÁO GIỚI
VIỆT-NAM

Báo giới bên ngoài đoàn thể thường được chia ra làm hai loại : một loại thông-tin tổng quát mọi vấn-đề của đời sống xã-hội, một loại nghiên-cứu từng lãnh-vực. Tại nước ta loại thứ hai hãy còn yếu kém, nên Phật Giáo đặt liên lạc với loại thứ nhất nhiều hơn. Các nhà lãnh-đạo Giáo-Hội đã tìm ở loại báo-chí tổng quát một phương tiện phổ biến yêu sách, quan điểm, và chiếm đoạt mối quan tâm của độc-giả. Làm như vậy họ hưởng hai điều lợi :

- Yêu sách và lập trường của họ được báo-chí trình bày một cách thuận lợi.

- Họ có phương tiện thông đạt cho công chúng và chánh-quyền một ý tưởng thuận lợi đối với việc tham định lập-trường của họ.

Điều sau này quan-trọng vì giới hữu-trách thường có một ý tưởng về sức mạnh của một phong-trào theo những điều được báo-chí tường thuật. Thật vậy, chỉ cần kể trên mặt báo con số người biểu tình, những cuộc xuống đường, tuyệt thực không thôi cũng đã là một lý-luận rồi. Nhiều khi sự im lặng của báo-chí đối với các hành động vụng về của Phật-Giáo cũng làm lợi cho họ không ít.

Các lãnh-tụ Phật-Giáo đã áp-dụng nhiều cách liên lạc với báo chí bên ngoài : gởi những thông bạch, những thành tích hoạt động của Giáo-Hội, những tuyên ngôn, tâm thư, thư ngỏ, tổ-chức họp báo, dành cho ký-giả những cuộc phong-văn, chỉ định một ủy-viên liên lạc với báo chí trong mỗi cuộc tranh đấu.

Các báo-chí tổng quát khai thác tin tức của Phật-Giáo có thể được chia ra làm hai loại :

- Loại báo-chí dân thân, dấn bệnh vực lập-trường cùng các nhân-vật Phật-Giáo : chẳng hạn như Nhật-báo Tiến đã mở một chiến dịch đòi chánh-quyền trả tự-do cho Thượng-Toạ Thiện-Minh (36).

- Loại báo-chí thương-mại : chỉ cần bán chạy hàng, nên nó không nhằm bệnh vực lập-trường Phật-Giáo, và chỉ khai-thác tin tức theo chiều hướng thời cuộc và thị hiếu độc-giá. Do đó nó chỉ có lợi cho Phật-Giáo khi uy-tín Phật-Giáo lên cao.

Nhìn vào tình trạng báo-chí hiện nay, ta thấy loại báo-chí dân thân đối với Phật-Giáo rất hiếm, còn báo-chí thương-mại cũng ít khai-thác tin tức Phật-Giáo, vì hiện nay loại tin này không thu hút được nhiều độc-giá như thời kỳ xáo trộn. Do đó các lãnh-tụ Phật-Giáo khó có thể sử-dụng báo-chí trong nước như một dụng cụ áp-lực đối với chánh-quyền được, vì một mặt ảnh-hưởng của báo-chí đối với chánh-quyền hãy còn yếu ớt; mặt khác Phật-Giáo cũng không đưa lại cho báo-chí tài-nguyên cần-thiết và sự bệnh vực hữu hiệu khi nó bị liên lụy vào những hành động của Phật-Giáo chống chánh-quyền. Vì vậy, ngoài báo-chí trong nước, Phật-Giáo đã tìm sự hỗ-trợ của báo-chí ngoại-quốc, đặc biệt là báo-chí Mỹ.

C - MỐI LIÊN-LẠC GIỮA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM VÀ BÁO-CHÍ HOA-KỲ

Hệ-thống thông-tin tuyên truyền của Hoa-Kỳ đã có một vai trò rất quan-trọng trong vụ tranh đấu của Phật-Giáo năm 1963. Nhưng từ sau năm đó báo-chí Mỹ đã dần dần có thái độ bất lợi cho lập trường Phật-Giáo và, do đó, mối liên lạc giữa hai bên đã tẻ nhạt dần dần. Vì

(36) Nhật-báo Tiến, 14.5.1969 và các ngày kế tiếp.

vậy ta chỉ phân tích vai trò của nó trong vụ Phật-Giáo năm 1963.

Trong giai đoạn đầu của cuộc tranh đấu vì các lãnh-tụ Phật-Giáo chưa tin vào sự giúp đỡ của viên chức Mỹ, nên họ đã cầu cứu tới giới ký-giả Mỹ tại Saigon, và hai bên đã chân thành hợp tác (37). Hành động của nhà báo có nhiều lý-do : Ác cảm của họ đối với các biện-pháp thu tiêu tự do báo-chí và bưng bít sự thực của chánh-phủ Việt-Nam và thái-độ gạn như đong lóa của phái bộ Mỹ tại Saigon. Ác cảm này trở thành thu nghịch khi chánh-phủ trục xuất các ký-giả Homer Bigart và François Sully của tờ Newyork Times và tờ Newsweek vào năm 1962 và liên tục làm trở ngại công việc thông-tin của họ. Thêm vào đó, còn có luồng dư-luận cho rằng thời ấy nội bộ chánh quyền Mỹ cũng chia ra hai phe : một phe ủng-hộ và một phe chủ trương lật đổ Ông Ngô-đình-Diệm, và các ký-giả đã đứng về phe thứ hai (38).

Các lãnh-tụ Phật-Giáo đã khéo léo đối xử với họ tại các ngôi chùa như những anh hùng, đã tìm mọi cách vượt ve tự ái của họ và làm hài lòng họ trong mọi trường hợp, cung cấp tin tức mau lẹ bằng những tờ truyền đơn quay roneo và hệ-thống điện thoại đặc biệt. Tin tưởng vào lòng chân thành của họ, Phật-Giáo đã cung cấp cả các kế hoạch mật cho họ mà không sợ bị bại lộ.

Trước hai cách đối xử hoàn toàn tương phản của chánh-quyền và Phật-Giáo, họ đã không cung cấp tin tức mật cho giới hữu trách Việt-Mỹ và đã đưa vụ Phật-Giáo lên hàng đầu của công luận quốc-tế. Những hình ảnh và bài vở phóng sự của Malcolm Brown và David Halberstam đã gây xúc động mạnh mẽ khắp nơi trên thế-giới khiến nhiều quốc-gia phải lên tiếng bênh vực kẻ yếu thế bị bạo quyền hiếp đáp. Vì vậy chánh-phủ Việt-Nam phải lưỡng đầu thụ địch : Phật-Giáo và ký-giả Mỹ. Nghi ngờ bọn ký-giả

(37) Mecklin, John : Sách đã dẫn, trang 163.

(38) Bouscaren, Anthony T. : Sách đã dẫn, trang 87 và kế tiếp.

âm mưu lật đổ mình, chánh-quyền đối phó với họ càng ngày càng nghiêm ngặt. Phản ứng ấy càng đẩy các ký-giả liên kết chặt chẽ hơn với Phật-Giáo để được tiếng là những chiến-sĩ góp phần vào cuộc bảo vệ nhân quyền. Dầu một số báo-chí Mỹ hồi đó bị cấm lưu hành ở Việt-Nam, tin tức của họ vẫn được thông báo cho dân chúng Việt-Nam bằng những đường lối đặc biệt trong đó đáng kể nhất là đài phát-thanh Mỹ.

Mục III - Các phương-tiện truyền-thanh và truyền hình.

Từ năm 1963 tới nay Phật-Giáo chỉ hưởng dụng hữu hiệu được phương tiện truyền thanh và truyền hình của Hoa-Kỳ một lần duy nhất vào năm 1963. Còn ở trong nước, Phật-Giáo chỉ kiểm soát được hệ-thống truyền thanh của chánh-phủ trong một thời-gian ngắn tại miền Trung vào năm 1966.

A - HỆ-THỐNG TRUYỀN HÌNH VÀ TRUYỀN THANH NGOẠI-QUỐC

Năm 1963, người ngoại-quốc đã nhìn tận mắt trên màn ảnh truyền hình Mỹ những hình ảnh đấu tranh bị hùng của Phật-Giáo, và đã xúc động mạnh. Sự xúc động này là một đòn đầu cho chế-độ Đệ Nhứt Cộng-Hòa.

Đối với người Việt-Nam ở trong nước, những tin tức do các đài tiếng nói Hoa-Kỳ, BBC Luân-Đôn, Úc-Đại-Lợi loan truyền được coi là xác thực nhất. Do đó chúng đã được sự chiều chuộng của đông đảo thính-giả Việt-Nam, vì các tin tức chỉ được chính thức phổ biến trong nước hồi đó nếu có lợi cho chánh-phủ Việt-Nam. Những phóng sự không bị kiểm duyệt của ký-giả Mỹ (39) đã được nghe thấy trong các chương trình tin tức và bình luận của các hệ-thống truyền thanh vừa kể. Cuộc nổi dậy của Phật-Giáo là

(39) Các ký-giả Mỹ tại Việt-Nam có những phương-tiện gửi tin-tức ra ngoài, thoát khỏi sự kiểm-duyệt của chánh-quyền Việt-Nam Cộng-Hòa.

một hiện tượng có tính cách đô-thị chính yếu, và thị dân Việt-Nam đã nghe các đài phát thanh ngoại-quốc. Vào mùa Thu năm 1963, đài Hoa-Kỳ đã chiếm được sự theo dõi của một số thính-giả Việt-Nam đông đảo chưa từng có; đài này đã làm được một nhiệm-vụ có thể so sánh với việc làm của đài phát thanh BBC Luân-Đôn đối với thính-giả Âu-Châu trong thế chiến thứ hai (40).

B - HỆ-THỐNG TRUYỀN THANH VÀ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC

Hệ-thống truyền thanh và truyền hình trong nước là độc quyền của Nhà Nước và chỉ được Phật-Giáo sử-dụng trong hai trường-hợp :

- Trường-hợp thứ nhất : Phổ biến các hoạt-động thuần-túy tôn-giáo và không phương hại đến chánh-quyền : chương-trình truyền thanh và truyền hình của Phật-Giáo nhận đề "tiếng chuông chùa" do phe Quốc-Tự phụ-trách. Nó chỉ được các Phật-Tử không thuộc phe Ấn-Quang hưởng ứng trong khi phe sau này lại tìm dịp để công kích : chẳng hạn như việc lên án phim Phật-Giáo "Đạo-đức và tội lỗi" là bôi nhọ đời sống Tăng-sĩ (41).

- Trường-hợp thứ hai : Chiếm đoạt bằng bạo lực phương tiện thông-tin tuyên truyền của chánh-phủ. Trong cuộc tranh đấu năm 1966, lực lượng nổi dậy của Phật-Giáo đã chiếm đài phát thanh Huế và Đà-Nẵng để làm phương tiện tuyên truyền chống chánh-phủ. Nhưng chỉ ít ngày sau các Đài này đã bị các lực lượng chánh-phủ chiếm lại. Hơn nữa tiếng nói tranh đấu qua làn sóng điện của các đài kể trên cũng chẳng gây được ảnh hưởng đáng kể nào vì đa số nhân dân không hưởng ứng. Sự kiện này chứng tỏ rằng tiếng nói của một đoàn thể tôn-giáo chỉ có thể thuyết-phục

(40) Mecklin, John : Sách đã dẫn, trang 164 và trang 203.

(41) Phim này chiếu trên đài truyền hình Việt-Nam vào đêm 24, 25.1.1969 nhân dịp lễ Thích-Ca thành đạo đã bị Tổng Đoàn Thanh-Niên Tăng và Viện Hóa-Đạo Ấn-Quang chỉ-trích nặng-nề.

quần chúng được bằng các phương-pháp bất bạo động mà thôi.

Việc áp-dụng kỹ-thuật vận-dộng công-luận để thuyết-phục quần-chúng đã đạt được kết-quả gì ?

ĐOẠN II - NỘI-DUNG CÔNG LUẬN ĐỐI VỚI PHẬT-GIÁO

Muốn biết việc vận động công luận của Phật-Giáo đã được những kết quả gì, ta cần xét hai điểm:

- I. Chiều hướng và cường độ của công luận đối với Phật-Giáo.
- II. Tương quan giữa uy-tín xã-hội của Phật-Giáo và công luận.

Mục I - Chiều hướng và cường độ của công luận.

Chiều hướng tức là sự tán thành, hay phản đối (thuận hay nghịch) của công luận đối với hoạt động chánh trị của Phật-Giáo. Cường độ tức là mức độ tán thành hay phản đối. Công luận của Phật-Giáo từ năm 1963 đến nay đã thay đổi, tùy theo hoàn cảnh, từ chỗ ủng thuận đến chỉ-trích qua hai biến cố 1963 và 1966.

A - LOẠI CÔNG CHỨNG CÓ THÁI-ĐỘ THUẬN LỢI ĐỐI VỚI PHẬT-GIÁO

1. Công chứng trong nước - Từ sau biến cố Phật-Giáo 1963, thành phần ủng-hộ Phật-Giáo đã bị giảm thiểu khá nhiều. Thật vậy, cuộc tranh đấu năm 1963 đã được sự đồng tình và nhiệt thành hưởng ứng của hầu hết mọi thành phần xã-hội :

- Trong giới trí-thức, các Khoa-Trưởng và giáo chức Đại-học Huế đã từ-chức để ủng hộ Phật-Giáo. Phan đông giới hiệu biệt tại Saigon và các đô-thị khác cũng ngầm ngầm phản đối chánh-quyền (42).

(42) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, trang 362, 412. Cũng xem Tuệ-Giác : Sách đã dẫn, trang 157.

- Trong giới thanh-niên, sinh-viên và học-sinh: Đoàn thanh-niên Liên giáo ủng-hộ Phật-Giáo được thành-lập (43), sinh-viên, học-sinh đã bãi khoá để tỏ thái-độ chống đối (44).

- Viên-chức chánh-quyền cũng dần dần mất tin tưởng vào chế-độ và có nhiều thiện cảm với cuộc tranh đấu. Ngoại-trưởng Vũ-văn-Mầu đã từ-chức, cạo đầu và đi hành hương tại Ấn-Độ (45).

- Các đoàn thể tôn-giáo và chánh-trị đối lập với chế-độ đã triệt để hoan nghênh các lãnh-tự tranh đấu và hợp-tác với Phật-Giáo (46). Ngay trong hàng ngũ Công-Giáo, ngày 12-5-1963, linh-mục Lê-Quang-Oanh đã gửi cho Hoà-Thượng Hội-Chủ Tổng Hội Phật-Giáo Việt-Nam một huyết lệ thư mang chữ ký của đại-diện của một số đoàn thể chia sẻ mối ưu tư với Phật-Giáo (47).

- Quân chúng bình dân là giới dễ xúc-động trước những vụ xích mích giữa Phật-tử với nhân-viên công lực ngoài đường phố và đã dành cho cuộc vận động nhiều thiện cảm nhất (48).

- Nhằm khai thác tình trạng rối loạn, cả Bắc-Việt lẫn Mặt Trận Giải Phóng Dân-tộc miền Nam đều tuyên bố ủng-hộ cuộc tranh đấu của Phật-Giáo (49).

(43) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, trang 438.

(44) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, trang 430.

(45) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, trang 412.

(46) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, trang 399.

(47) Tuệ-Giác : Sách đã dẫn, trang 159.

(48) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, trang 399 và kế tiếp.

(49) Pike, Douglas : The Organization and techniques of the N.L.F. of South Vietnam, trang 352, The M.I.T. Press, 1967.

2. Công chúng ngoại-quốc - Nhiều nước trên thế giới đã lên tiếng ủng-hộ cuộc tranh đấu của Phật-Giáo (50).

a) Các quốc-gia Phật-Giáo. Chánh-phủ Cao-Mên đã lên án việc đàn áp tôn-giáo, đoạn giao với chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hoa, gởi điện-văn cho Ông Tổng Thư-ký Liên Hiệp-Quốc yêu-cầu can-thiệp vào vụ Phật-Giáo Việt-Nam. Thủ-tướng Thái-Lan ngày 22-8-1963 đề-đề-nghị triệu tập hội-nghị sơ bộ các quốc-gia Phật-Giáo trước khi đưa vấn-đề Việt-Nam ra Liên-Hiệp-Quốc. Sau đó, Ông hội họp với các chức sắc Phật-Giáo Thái để tìm biện pháp ủng-hộ Phật Giáo Việt-Nam.

Tại Rangoon, Hội Phật-Giáo Miến-Điện đã kêu gọi các dân tộc Phật-Giáo Á-Đông mau đoàn kết đối phó với việc đàn áp Phật-Giáo tại Việt-Nam.

Tại Tokyo, nhà cầm quyền Nhật đã gặp đại-sứ Việt-Nam để yêu-cầu cho biết sự thực về vụ chùa Xá-Lợi.

Tại Hán-Thành, các đoàn thể Phật-Giáo Đại-Hàn đã lên án nhà cầm quyền Việt-Nam đàn áp Phật-Giáo.

Tại Trung-Hoa Dân-Quốc, bộ Ngoại-Giao tuyên bố rất lo ngại về tình hình Việt-Nam và ước mong các phe liên hệ tìm được giải pháp chấm dứt cuộc khủng-hoảng chỉ có lợi cho Cộng-San.

Tại Tân-Đề-Li, Tổng Thư-ký Đảng Quốc-Đại biểu lộ sự phẫn nộ trước "những tàn bạo mà đạo hữu Việt-Nam là nạn-nhân", nhiều hội Phật-học Ấn-Độ thiết-tha yêu-cầu Thủ-tướng Nehru can-thiệp ...

Tại Colombo, ngày 22-8-1963, Bà Thủ-tướng Tích-

(50) Nhân, Phạm-Trọng : Cuốn sổ tay của một nhân-viên ngoại-giao nhân vụ tấn-công chùa Xá-Lợi, Bách-Khoa số 169 (15.1.1964), trang 31.

Lan trao đổi ý-kiến với đại-diện các nước Ấn-Độ, Nhật-Bản Miền-Điền, Thái-Lan ..., đề-nghị những biện-pháp ngoại-giao đối phó với chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hoà nhân vụ chùa Xá-Lợi, đề-nghị triệu tập phiên họp bất thường của Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc, gây áp-lực tinh-thần khiến Việt-Nam Cộng-Hoà ngưng khủng-bố, triệu tập Hội-nghị các quốc-gia Á-Châu, Hội-nghị Phật-Giáo thế-giới. Sau đó, ngày 16-8-1963, Hội-nghị Phật-Giáo Tích-Lan yêu-cầu các đoàn thể Phật-Giáo toàn quốc treo cờ rủ để tang đạo hữu Việt-Nam bỏ mình vì tín ngưỡng.

b) Các quốc-gia không Phật-Giáo. Chánh-phủ Hoa-Kỳ đã tích cực ủng-hộ Phật-Giáo Việt-Nam (51) và đã ngưng viện-trợ thương-mại cho chánh-phủ Việt-Nam vì việc tàn công và lục soát các chùa chiền đêm 20-8-1963.

Tại Pháp và Anh, tuy các chánh-phủ không bày tỏ quan điểm chánh thức, nhưng báo chí đã phát biểu rõ rệt sự bất bình đối với chánh-quyền Saigon.

Tại Phi-Luật-Tân, báo-chí và Bộ Ngoại-Giao đe dọa cắt đứt liên lạc ngoại-giao với chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hoà.

Về phần Toà-thánh Vatican, trong thông-điệp ngày 30-8-1963, Đức Giáo-Hoàng Paul VI đã tuyên bố :

"Chúng tôi có bổn-phận nói lên nỗi ưu-tư đau đớn của chúng tôi đứng trước những diễn tiến đáng buồn đang đe nện dân-tộc Việt-Nam thân mến. Mọi lo ngại của chúng tôi mỗi ngày thêm thâm trầm bi đát ..."

Đặc-biệt là vụ Phật-Giáo Việt-Nam đã được đưa ra thảo-luận tại Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc, và Ông Tổng Thư-ky Liên-Hiệp-Quốc đã gọi Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm ngày 31-8-1963 những lời lẽ thống thiết :

(51) Xem trang 412 Luận án này.

"... Thúc dục bởi những ý tưởng nhân-đạo mà toàn thể chúng tôi đều tôn-trọng, nhân danh thành phần của đại gia-đình nhân-loại, tôi thấy có bổn-phận gởi thư này tới Ngài, cùng với lời kêu gọi thiết-tha của cá-nhân tôi".

Tất cả công luận trong và ngoài nước trên đây đã khiến chính-quyền Việt-Nam mất hết mọi hậu-thuan để rời đi đến chỗ sụp đổ, và uy-tín Phật-Giáo nổi bật hẳn trên chính trường. Công chúng của Phật-Giáo lại càng rộng lớn hơn sau ngày 1-11-1963 vì Phật-Giáo được coi là có công đầu với cách-mạng. Tuy-nhiên khuôn khổ công chúng ấy đã bị thu hẹp lại khi Phật-Giáo có những mâu-thuan với các lực-lượng khác vì những thái-độ bất lợi cho Phật-Giáo đã xuất hiện từ mùa Hè năm 1964.

B - LOẠI CÔNG CHÚNG CÓ THÁI-ĐỘ BẤT THUẬN LỢI CHO CÁC CUỘC VẬN ĐỘNG CỦA PHẬT-GIÁO

1. Ở trong nước - Sau ngày 1-11-1963, Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất đương nhiên thành một quyền lực thực-tế khá mạnh. Quyền-lực ấy va chạm phải những lực lượng xã-hội khác và đã phát sinh ra những thái-độ chống đối hay thờ ơ, tiêu cực đối với các cuộc vận động của Phật-Giáo.

- Trước hết thâm kích "cuồng tín" giữa các tín-đồ Công-Giáo và Phật-Giáo năm 1964 đã biến một số đồng bào trở thành thù địch của Giáo-Hội Phật-Giáo và một số khác đã thờ ơ đối với việc đấu tranh.

- Những cuộc tranh đấu liên miên của Phật-Giáo đã khiến chính-quyền nghi kỵ và giảm thiểu những mối liên lạc thân hữu.

- Những người ý-thức rõ rệt sự phân biệt giữa tôn-giáo và chính-trị cũng không có thiện cảm với những cuộc tranh đấu mang nặng tính-chất chính-trị.

- Các đoàn thể chính-trị do bản chất của chúng cũng không chấp nhận tôn-giáo hoạt động chính-trị vì

những lý-do vừa có tính cách lý-thuyết vừa có tính cách thực-tế. Thái-độ ấy càng rõ rệt và được sự đồng tình của công luận khi quốc-gia bước vào thời kỳ ổn định chánh-trị và quy chế chánh đảng được ban hành.

- Đặc-biệt là cuộc đấu tranh bạo động năm 1966 tại miền Trung đã bị hầu hết các đoàn thể chỉ trích, khiến uy-tín Phật-Giáo bị sa sút quá độ. Sinh-viên, Công-Giáo, Cao-Đài, Hoà-Hảo, Quốc-Dân-Đang, Đại-Việt, và nhiều lực lượng khác mong muốn có chánh phủ dân cử, nhưng lên án mọi cuộc đấu tranh bạo động gây xáo trộn cho đời sống nhân dân và có lợi cho đối-phương (52).

2. Ngoài nước - Cũng từ năm 1966, công luận quốc-tế đã mất nhiều thiện cảm với các cuộc tranh đấu chánh-trị của Phật-Giáo. Tổng Thư-ký Giáo-Hội Tăng-Già Tích-Lan, sau khi nghe Thượng-Tọa Tâm-Châu tuyên bố không đồng ý với đường lối tranh đấu gây xáo trộn, đã ngỏ ý hoan-hỉ vì Phật-Giáo Việt-Nam tránh cảnh xáo trộn trở ngại đến công cuộc của chánh-phủ (53). Ngày 31-5-1966, Ông U-Thant, Tổng Thư-ký Liên-Hiệp-Quốc, nhận xét rằng các vụ tự thiêu không có lợi cho mục-đích tranh đấu của Phật-Giáo (54). Ngày 20-6-1966, Phật-Giáo Thế-Giới bắt tay vào việc sửa nội-quy để cấm hoạt động chánh-trị (55). Có lẽ vì không ủng-hộ hoạt động chánh-trị của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam, nên các quốc-gia và tổ-chức Phật-Giáo Á-Châu chỉ chính thức nhìn nhận phe Quốc-Tự ôn hoà là đại-diện cho Phật-Giáo Việt-Nam. Trong khi đó Ấn-Quang đã đi tìm địa bàn hoạt động hải ngoại tại Tây-phương và họ chỉ gây được một vài ảnh hưởng chánh-trị trong phe phản chiến ở Hoa-Kỳ và một vài quốc-gia Âu-Châu.

Trước một công luận càng ngày càng bất lợi cho

(52) Thêm, Đoàn : Việc từng ngày, năm 1966, trang 66 và kế tiếp.

(53) Thêm, Đoàn : Việc từng ngày, năm 1966, trang 63.

(54) và (55) Thêm, Đoàn : Việc từng ngày, năm 1966. 17 66

hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo người ta nhận thấy có một tương quan chặt chẽ giữa công luận và uy-tín xã-hội.

Mục II - Tương quan giữa công luận và uy-tín xã-hội của Phật-Giáo.

Công luận bắt lợi trên đây dần dần trở thành những đám mây mờ che phủ hào quang uy-tín thời 1963 của các lãnh-tụ Phật-Giáo. Bản chất sự thất bại do họ gặp phải có tính cách chánh-trị nên nó đã có hiệu lực thay đổi cân cân lực lượng giữa Phật-Giáo và các đoàn thể khác. Một khi công luận không còn tán thành hành động của mình, thì dĩ-nhiên trong cuộc đấu tranh chánh-trị Phật-Giáo không còn duy trì được "sức mặc cả" như trước đây nữa.

Những thông-tin và tuyên truyền không phải là một hình thức duy nhất vận động công luận. Một hình thức khác của sự diễn tả công luận thường thấy trong các quốc gia dân-chủ là các cuộc tuyên-cử (56). Phật-Giáo đã vận động công luận trong lãnh vực này bằng cách can-thiệp vào các cuộc tuyên cử.

TIẾT III

CAN-THIỆP TRONG CÁC CUỘC TUYÊN-CỬ

Mặc dầu, với tư-cách là một đoàn thể áp lực, không chánh thức đưa người ra ứng cử, Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất vẫn can thiệp trong các cuộc tuyên cử dưới những hình thức khác nhau : tích cực tham dự cuộc bầu cử Hội-đồng Đô-thành, Tỉnh và Thị-xã năm 1965, tẩy chay các cuộc bầu cử Quốc-Hội Lập-Hiến năm 1966, Tổng-Thống, Thượng-Nghị-Viện và Hạ-Nghị-Viện năm 1967, bảo trợ cho một liên danh ứng cử Thượng-Nghị-Viện năm 1970.

(56) Burdeau, Georges : Bài đã dẫn, Opinion publique, Tome II, trang 152, P.U.F., 1967.

ĐOẠN I - CAN-THIỆP TRONG CUỘC BẦU-CỬ HỘI-ĐỒNG ĐÔ-THÀNH,
TỈNH VÀ THỊ-XÃ NGÀY 30-5-1965

Phật-Giáo đã thành công vẻ vang trong cuộc bầu cử Hội-đồng Tỉnh, Thị-xã tại miền Trung nhờ kế-hoạch vận động khá tinh-vi.

A - KẾ-HOẠCH VẬN-ĐỘNG TRANH CỬ VÀ KẾT-QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Cuộc tranh cử do Phật-Giáo nắm ngấm ngấm điều khiển đã diễn ra theo kế-hoạch sau :

- Ban đại-diện Giáo-Hội Tỉnh, Thị chỉ định một số ứng-cử-viên Phật-Giáo bằng số hội-viên mà mỗi đơn-vị được bầu. Những người này rất quen thuộc với Phật-Tử địa phương.

- Vì bầu theo thể thức đơn danh hợp tuyển, nên Phật-Giáo đã lập các liên danh trá hình và tích cực vận động cho ứng-cử-viên của mình trong các cuộc hội họp, thuyết pháp và nhất là trong dịp lễ Phật-Đản 2509, chỉ cách ngày đầu phiếu một thời-gian rất ngắn.

- Thanh, thiếu-niên thuộc các tổ-chức Gia-Đình Phật-Tử, Sinh-viên Phật-Tử, Thanh-niên Phật-Tử là các cán-bộ tuyên-truyền đặc lực nhất đã được tung vào quân chúng để vận động tranh cử.

- Các ứng-cử-viên Phật-Giáo đều chọn các dấu hiệu có ý nghĩa giống nhau tượng trưng cho tôn-giáo của mình : Lá sen, Hoa sen, Cù sen, Gương sen v.v... được coi là dấu hiệu chung của "liên danh Phật-Giáo" trá hình và giúp cử-tri dễ nhớ khi được các cố-động-viên tuyên-truyền rí tai.

- Tại nhiều địa điểm đầu phiếu, nhân-viên phụ-trách phòng phiếu, hoặc là cán-bộ Phật-Tử hoặc thân Phật-Giáo, đã xếp các lá phiếu của các ứng-cử-viên Phật-Giáo liên nhau và lên trên các phiếu của ứng-cử-viên khác, rồi dặn kẻ cử-tri chọn các phiếu đã được xếp sẵn ấy.

Trong một số trường-hợp, lại có sự phát dư phiếu của các ứng-cử-viên Phật-Giáo và cố ý quên không phát phiếu của các ứng-cử-viên khác.

Với cơ chế vận động liên kết ấy, các ứng-cử-viên Phật-Giáo đã đắc-cử về vang và độc chiếm 100/100 số ghế trong các Hội-đồng thành-phố Huế, Tỉnh Thừa-Thiên, Tỉnh Quảng-Trị; chiếm 12 trong 15 ghế tại Đà-Nẵng, 10 trong số 12 ghế tại Phú-Yên, 11 trong số 12 ghế tại Khánh-Hoà (57).

B - NHẬN XÉT VỀ PHƯƠNG-DIỆN CHÁNH-TRỊ

Kết-quả nêu trên cho ta thấy :

1. Trên toàn quốc, Phật-Giáo chỉ có ảnh-hưởng mạnh tại miền Trung đặc-biệt là Quảng-Trị và Huế.

2. Các lãnh-tụ Phật-Giáo đã có ảnh-hưởng quyết định đối với thái độ đầu phiếu của cử-trì. Do đó họ trở thành người hướng dẫn công luận trong cuộc đầu phiếu. Sự đồng nhất chánh-trị của Phật-tử miền Trung cho thấy các công dân tín-đồ bỏ phiếu trên căn-bản quyết-định của đoàn thể hơn là theo khuynh hướng cá-nhân.

3. Vì vai trò Tăng-sĩ quan-trọng đối với tín-đồ, nên ở nơi nào giới lãnh-đạo này không thích hoạt-động chánh-trị, các tín-đồ cũng không tha thiết tới các vấn-đề cộng cộng. Đó là trường-hợp Phật-tử Nam-phần so với Phật-tử miền Trung. Dĩ-nhiên ngoài yếu-tố tôn-giáo, còn yếu-tố kinh-tế, địa-dư và xã-hội chi phối thái-độ chánh-trị.

4. Người ta tự hỏi phải chăng kết quả bầu cử miền Trung là một triệu chứng của khuynh-hướng không chế

(57) Dương, Trần-văn : Cuộc bầu-cử Hội-đồng Đô-thành, Tỉnh, Thị-xã ngày 30.5.1965 và thể-thức đơn danh hợp tuyển, trang 88 và kế tiếp, Luận-văn tốt-nghiệp Cao-học Hành-chánh khóa I, 1965-1967, Học-Viện Quốc-Gia Hành-chánh, 1967.

chánh trường ? Nếu câu trả lời ở thể khẳng định ta sẽ có thêm dữ kiện để giải-thích thái-độ của Phật-Giáo trong các cuộc tuyển cử sau đây.

ĐOẠN II - THÁI-ĐỘ CHÁNH-TRỊ CỦA PHẬT-GIÁO TRANH ĐẤU ĐỐI VỚI CUỘC BẦU-CỬ QUỐC-HỘI LẬP-HIẾN NGÀY 11-9-1966

Diễn trình thành lập Quốc-Hội Lập-Hiến đã có ảnh-hưởng rất quan-trọng tới vai trò chánh-trị của Phật-Giáo. Chính Phật-Giáo là đoàn thể đầu tiên đòi hỏi Quốc-Hội Lập-Hiến. Rồi sau khi được thoả-mãn, lại cùng chính họ đã tẩy chay Quốc-Hội này và lao mình vào cuộc đấu tranh bạo động để chuốc lấy thảm bại. Vậy tại sao Phật-Giáo lại có hai thái độ mâu thuẫn ấy, và sự mâu thuẫn có ảnh hưởng chánh-trị nào không ? Hậu-quả ra sao ?

Mục I - Giải-thích hai thái-độ mâu-thuẫn.

Ta phải dựa vào những dữ kiện căn-bản để giải-thích.

A - CÁC DỮ KIẾN CĂN-BẢN

Hai thái-độ trái ngược đã diễn tiến như sau :

1. Phật-Giáo đòi hỏi Quốc-Hội Lập-Hiến và được thoả-mãn.

- Trong hai ngày 11 và 13-3-1966, các Tướng-lãnh và Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia biểu quyết cho tướng Nguyễn-Chánh-Thị nghỉ việc.

- Ngày 12-3-1966, Viện Hoá-Đạo ra thông-cáo số 21 nêu bốn nguyện-vọng, và ngày 13-3-1966 Viện này họp báo xác nhận bốn nguyện vọng ấy là :

- . Phục hồi chức-vụ cho các tướng lãnh có công lao;
- . Các tướng lãnh nên trở về vị-trí quân-sự;

- . Thực hiện các cơ-cấu dân-chủ : Lập chánh-phủ đoàn-kết với một quốc-hội;
- . Thực hiện cách-mạng xã-hội.

- Ngày 7-4-1966, Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia quyết định triệu tập Đại-hội Chánh-trị Toàn quốc vào ngày 12-4-1966 để hỏi ý-kiến về việc bầu quốc-hội Lập-Hiến.

- Ngày 12-4-1966, Đại-hội Chánh-trị khai diễn, trong số 170 người được mời dự không có đại-diện Phật-Giáo và Công-Giáo.

- Ngày 13-4-1966, Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương, do công-văn số 4213/HP/VP, xác nhận với Thượng-Toạ Viện-Trưởng Viện Hoá-Đạo :

"Chiều hướng dư-luận hiện nay đã được phát hiện trong hầu hết mọi giới mong mọi sớm có một Quốc-Hội Lập-Hiến", và ông đã đệ trình Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia một dự-thảo Sắc-luật thành lập Quốc-Hội ấy.

- Ngày 14-4-1966, trong phiên họp chót của Đại Hội Chánh-trị, Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia đã tuyên đọc Sắc luật bầu-cử Quốc-Hội Lập-Hiến trong hạn từ ba tới năm tháng. Đại-hội đưa ra 10 đề-nghị trong đó có điểm "yêu-cầu các giới tránh xách động (58)".

Như vậy nguyện-vọng của Phật-Giáo đã thoả-mãn.

2. Phật-Giáo tẩy chay Quốc-Hội Lập-Hiến.

Ngay sau khi được thoả-mãn, Phật-Giáo liền tẩy chay cuộc bầu cử Lập-Hiến tương lai :

- Ngày 17-5-1966, Ông Trần-Quang-Thuận, nhân-sĩ Phật-Giáo, đã rút lui khỏi Ủy-ban soạn-thảo Luật bầu-cử.

(58) Thêm, Đoàn : Việc tình ngày năm 1966.

- Ngày 3-6-1966, Thượng-Tọa Trí-Quang tuyên bố cử tuyệt cuộc bầu cử do chánh-phủ Nguyễn-Cao-Kỳ sắp tổ chức.

- Ngày 12-6-1966, Thượng-Tọa Tâm-Châu tuyên-bố bất hợp tác với Quốc-Hội ^{Việt-Nam} này.

- Gần ngày bầu cử, Viện Hoá-Đạo xác nhận tẩy chay việc bầu cử Quốc-Hội Lập-Hiến.

Hai thái-độ mâu-thuẫn này phải được giải-thích ra sao ?

B - GIẢI-THÍCH HAI THÁI-ĐỘ MÂU-THUẦN

Căn-cứ vào các ^{điều kiện} thực-~~thể~~ ta có thể quả quyết rằng sở dĩ Phật-Giáo ^{đã} có hai thái-độ trái ngược ấy là vì :

1. Phật-Giáo coi một CHÁNH-PHỦ DÂN-SỰ CHUYÊN TIẾP là ĐIỀU-KIỆN TIÊN QUYẾT của việc bầu cử Quốc-Hội Lập-Hiến. Chính vì vậy mà Phật-Giáo phải tranh đấu nhằm lật đổ hai tướng Thiệu, Kỳ trước khi tổ-chức bầu cử Quốc-Hội. Sự suy luận này được chứng-minh bởi những bằng cớ sau :

- Chính trong buổi họp báo ngày 13-3-1966, các lãnh-tụ Phật-Giáo đã đề-cập thẳng đến một CHÁNH-PHỦ ĐOÀN KẾT.

- Ngày 19-3-1966, Viện Hoá-Đạo xác nhận việc đòi hỏi chánh-phủ dân sự.

- Ngày 15-4-1966, phạm đối Đại-hội Chánh-trị toàn quốc, "Lực-lượng tranh-thù cách-mạng tại Huế" đòi Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia và chánh-phủ Nguyễn-Cao-Kỳ phải rút lui.

- Ngày 16-4-1966, mặc dầu Thượng-Tọa Tâm-Châu ra lệnh đình chỉ mọi cuộc biểu tình, các lực lượng Phật-

Giáo tranh đấu tại Huế và Đà-Nẵng vẫn biểu-tình đòi chánh-phủ Nguyễn-Cao-Kỳ và Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia phải từ-chức để lập ngay chánh-phủ dân sự.

- Ngày 20-5-1966, Thượng-Toạ Trí-Quang tuyên bố quyết liệt hơn : "Thiếu-tướng Nguyễn-Cao-Kỳ phải từ-chức ngay !"

- Ngày 30-5-1966, Thượng-Toạ Tâm-Châu ra tuyên cáo : Yêu-cầu Tăng Ni, Phật-tử ngưng biểu-tình, nhưng các tướng Thiệu, Kỳ phải trao quyền cho một chánh-phủ chuyên tiếp.

- Ngày 3-6-1966, du thuyết tại Hoa-Kỳ, Thượng-Toạ Nhất-Mạnh tuyên-bố lập-trường năm điểm của Phật-Giáo trong đó có điểm chánh-phủ Nguyễn-Cao-Kỳ phải từ-chức.

- Ngày 8-6-1966, một "Ủy-ban Bảo-vệ Phật-Giáo và Dân-Tộc" được thành lập và tuyên cáo : "các tướng Thiệu, Kỳ phải rút lui vì quyền lợi dân tộc, để một chánh-quyền dân cử lên cứu nguy xứ sở, chống Cộng và xây-dựng dân-chủ."

- Ngày 9-6-1966, các lãnh-tụ Phật-Giáo đòi Hoa-Kỳ rút lại sự ủng-hộ đã dành cho tướng Kỳ (59).

Như vậy khởi sự từ vụ đòi phục chức cho tướng Thi và các tướng khác, Phật-Giáo đi tới đòi hỏi Quốc-Hội Lập-Hiến. Nhưng khi đòi hỏi này được thoả mãn, họ lại đưa ra một yêu sách khác mạnh hơn là buộc các vị lãnh-đạo đương thời phải từ-chức để thay thế bằng một chánh-phủ dân sự chuyên tiếp. Móc nối tướng Thi vào cuộc tranh đấu có thể được coi là một chiến thuật tăng cường hàng ngũ đấu tranh vì hỏi đó Ông đang có cảm-tình với quân dân Vùng I chiến-thuật. Nhưng tại sao Phật-Giáo quyết tâm đòi hỏi một chánh-phủ dân sự chuyên tiếp ?

(59) Thêm, Đoàn : Việc từng ngày năm 1966.

2. Phật-Giáo cho rằng một chánh-phủ dân sự chuyển tiếp là một bảo-đảm hữu hiệu cho một cuộc bầu cử dân-chủ và công-bằng chống lại mọi âm mưu không chế của giới quân nhân.

Tuy-nhiên thiết tưởng đó mới chỉ là lý-do biểu kiến, còn động lực sâu xa có lẽ là v-định kiểm-soát Quốc Hội tương lai vì :

- Chánh-phủ dân sự chuyển tiếp có triển vọng là một phương-tiện để Phật-Giáo kiểm-soát Quốc-Hội tương lai. Ngay trong cuộc họp báo ngày 13-3-1966, Phật-Giáo đã coi một chánh-phủ đoàn kết là một trong bốn nguyện-vọng của họ. Dĩ-nhiên một chánh-phủ đoàn kết - tức là đoàn kết quốc-gia - phải đại-diện đông đủ mọi thành phần chánh-trị trong đó Phật-Giáo chiếm đa số nhân dân. Vì vào thời gian này Phật-Giáo vẫn còn nhiều uy-tín khả-dĩ thu hút được nhiều giới, và với một đa số nhân dân sẵn có, Phật-Giáo có thể chiếm được đa số ghế trong chánh-phủ đoàn kết. Do đó Phật-Giáo sẽ có tiếng nói mạnh nhất hầu như quyết-định trong Nội-các. Tiếng nói quyết-định bên trong chánh-quyền còn có thể được hỗ-trợ bởi cả một phong-trào đấu tranh đầy nhiệt huyết bên ngoài nhân dân: đó là "lực-lượng nhân-dân tranh-thu cách mạng" của Phật-Giáo tại miền Trung. Đây là một sức mạnh vật-chất vĩ đại nhất của Phật-Giáo vì nó là cả một lò lửa nhiệt tình và một kho tàng bạo lực bao gồm :

- Về phía dân, có Ban chấp-hành chỉ-huy bảy ngành : giáo-chức, công-tư-chức, học-sinh, tài-xe, thợ may, tiểu thương, phu khuân vác và phu xích lô đạp.

- Về phía quân-đội, có Bộ Tư-lệnh quân đoàn cách-mạng, một lực-lượng quân-sự của chánh-phủ ly-khai theo Phật-Giáo gồm đủ quân số, vũ khí hùng hậu với một lòng vì "chính-nghĩa Đạo-Pháp và Dân-Tộc".

Như vậy chỉ sự hiện diện của lực-lượng nòng cốt này cũng đủ là một áp-lực mạnh mẽ đối với chánh-phủ dân-sự mà Phật-Giáo muốn thành lập để đảm trách việc

bầu cử Quốc-Hội.

Áp lực này còn có triển vọng đề nặng lên quyết-định chánh-trị của công-dân trong cuộc bầu-cử tương-lai, vì các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo cho biết rằng sau khi đòi hỏi một Quốc-Hội Lập-Hiến được thoả-mãn, lực-lượng tranh thủ Cách-mạng tiếp tục hoạt-động với những khẩu hiệu nhằm chuẩn-bị cho việc thành-lập Quốc-Hội Lập-Hiến (60).

Một chuỗi những sự kiện ấy cho thấy ý định đưa người vào Quốc-Hội. Ý định này càng thấy rõ hơn khi, bằng thông-tư số 270 ngày 7-4-1966, Phật-Giáo khuyến-cáo các tín-đồ :

"... Đồng bào Phật-Giáo như vậy là sắp bước qua giai-đoạn mệt nhọc hơn nữa, tẻ-nhị hơn nữa, làm sao cho có nhân-sự tham-dự vào cơ-cấu Lập-Hiến tương-lai".

Khuyến-cáo này có thể được coi như lời kêu gọi chuẩn-bị đấu tranh thắng lợi trong kỳ bầu cử và có vẻ lạc quan, vì nó chỉ được công-bố sau khi cuộc điều đình giữa Phật-Giáo và chánh-quyền đã đạt được một thoả-hiệp tạm bợ ; chánh-quyền không dùng võ-lực giải-quyết vụ tranh đấu ngoài Trung, và triệu-tập Quốc-Hội trong hạn từ bốn đến sáu tháng.

- Có lẽ vì ước đoán được dụng ý chánh-trị đưa người vào không chế Quốc-Hội của Phật-Giáo, nên Sinh-viên Saigon đã tuyên bố vào ngày 15-4-1966 không muốn có sự thay đổi chánh-phủ trong thời-gian chuyển tiếp vì e ngại sự khuynh loát của những nhóm muốn khiến cuộc bầu cử thiếu tính cách vô tư. Trong khi đó, Công-Giáo lại bày tỏ nỗi lo ngại rằng tình-trạng rối loạn do cuộc tranh đấu gây nên sẽ có lợi cho Cộng-Sản; ngày 25-5-1966 Sư-giả Thích-Nhứt-Chí bị bắt tại Viện Hoá-Đạo đã khai có nhiệm-

(60) Xem bài "Công-văn số 4241 ngày 13.4.1966 cho thấy chánh-phủ có lỗi.....", nhật-báo Chánh-Đạo, 22.12.1967.

vụ xách động để sửa soạn chiến-dịch nước lũ của Việt-Cộng kéo ua về Saigon cướp chánh-quyền.

- Ý định của Phật-Giáo càng dễ bị nghi ngờ khi tướng Nguyễn-Cao-Kỳ tiết lộ vào ngày 18-5-1966 : "Mấy lãnh-tu Phật-Giáo hứa ngưng xách động nếu nhường cho Phật-tử Bộ Nội-Vụ, Bộ Quốc-phòng và Bộ Thông-tin" vì các Bộ này sẽ có ảnh hưởng quan-trọng đến cuộc bầu-cử tương-lai.

- Từ sự phỏng đoán ý định này, người ta có thể nghi ngờ rằng việc can-thiệp trong cuộc bầu-cử năm 1965 là một bước đầu tiên trên đường tiến tới chánh-quyền bằng những phương thức dân-chu.

Mục II - Hậu-quả của hai thái-độ mâu-thuân.

Qua sự phân tích các dữ kiện thực tế nêu trên, ta thấy hai thái độ mâu-thuân của Phật-Giáo đối với Quốc-Hội Lập-Hiến hoàn toàn có tánh cách chánh-trị và không dính líu tới việc bảo-vệ tôn-giáo. Hiểu như vậy, người ta sẽ không thấy chúng mâu-thuân nhau vì chẳng qua chúng chỉ tiêu biểu cho những giai-đoạn khác nhau của một chiến-thuật chính-trị. Nhưng chiến-thuật ấy trong bối cảnh năm 1966 đã tan thành mây khói. Sự thất-bại này đã có hậu-quả gì đối với uy-tín của Giáo-Hội và đời sống quốc-gia ?

A - HẬU-QUẢ ĐỐI VỚI UY-TÍN CỦA PHẬT-GIÁO

Sự thất-bại trong việc đòi hỏi một chánh-phủ dân-sự chuyên tiếp và cả trong việc tẩy chay Quốc-Hội Lập-Hiến đã làm cho uy-tín của Phật-Giáo bị sa sút quá độ. Sau khi cuộc tranh đấu miền Trung bị dẹp tan vào cuối tháng 5 năm 1966, các cơ sở đấu tranh bị tan vỡ; cán-bộ đấu tranh bị bắt bớ, tù đày hay chạy trốn; tinh-thần quân chúng Phật-tử đấu tranh bị giao động và mất tin tưởng.

Sự thất-bại đã được Giáo-Hội Ấn-Quang gián

tiếp nhìn nhận qua bản thông-cáo 3-7-1966 của Viện Hoá-Dạo :

"Cần phải có một thời-gian hoà hoãn tạo không khí thuận lợi cho một giải-pháp thích ứng và ôn hoà."

Sự rút lui chiến-thuật này để chỉnh đốn hàng ngũ còn biểu lộ qua chương-trình ba tháng cầu nguyện tại chùa Ân-Quang, vì quyết-định này có thể được coi là một trắc-nghiệm thu hút quan chúng. Nhưng của Thiên đã không thu hút được quan chúng đông đảo như xưa nữa.

Trong khi Phật-Giáo tẩy chay bầu cử thì từ 64% tới 93% cử-tri đã đi bầu Quốc-Hội vào ngày 11-9-1966 trước sự chứng kiến của 500 ký-giả quốc-tế cùng các nhân vật ngoại-giao và hai phái-đoan Quốc-Hội Nhật và Đại-Hàn. Công luận quốc nội và quốc-tế nhìn nhận đây là cuộc bầu cử có tự-do và là một thắng lợi lớn của chánh-quyền miền Nam (61). Điều này chứng tỏ rằng năm 1966 Phật-Giáo đã không nắm được quan chúng, và tiếng nói Phật-tử trong Quốc-Hội thật quá yếu ớt : Trong số 117 dân-biểu chỉ có 34 người theo đạo Phật trong khi các tôn-giáo thiểu-số lại chiếm đa số ghé : 30 Công-Giáo, 10 Hoà-Hảo và 5 Cao-Đại.

Hơn nữa phương-thức đầu phiếu tỷ lệ đã khiến phe đa số không thể không chế được cuộc bầu-cử như hồi năm 1965 và, do đó, các tôn-giáo thiểu-số đã chiếm được nhiều ghé (62).

B - HẬU-QUẢ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG QUỐC-GIA

(61) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn, trang 364.
Cũng xem : Barlett, Charles : The South Vietnamese generals, Washington Post Star, ngày 12.8.1967.

(62) White, William S. : Drive aims at bipartisan U.S. Policy, Washington Post, Aug. 16, 1967 ; cũng xem Warner, Denis : South Vietnam's political awaking, Reporter, Aug. 17, 1966.

Mặc dầu ý định của Phật-Giáo đã không thực hiện được, cuộc vận động của họ đã có điều lợi duy nhất cho quốc-gia là thúc đẩy việc xây dựng mau lẹ các thể-chế dân-chủ và, do đó, giúp cho sự văn hồi nên ổn cố chánh-trị. Nguyên vọng đòi hỏi "Quốc-Hội Lập-Hiến" của Phật-Giáo thực ra cũng là nguyên vọng chung của toàn dân. Vì vậy nếu các lãnh-tụ Phật-Giáo biết giới hạn cuộc tranh đấu vào nguyên vọng này, chắc chắn rằng uy-tín của họ phải lên cao và các lực-lượng đấu tranh vẫn được bảo toàn.

Kinh-nghiệm tranh đấu năm 1966 cho thấy rằng việc sử-dụng tôn-giáo vào mục-tiêu hoàn toàn chánh-trị bằng phương-pháp bạo động đã bị các đoàn thể chống đối và chánh quyền có cơ để đàn áp một cách công khai và chánh đáng. Vì vậy trong giai đoạn tiền tuyền cử năm 1967 Phật-Giáo đã khéo léo biệt-lập vấn-đề tôn-giáo khỏi chánh-trị.

ĐOẠN III - THÁI-ĐỘ CỦA PHẬT-GIÁO ĐỐI VỚI CÁC CUỘC BẦU-CỬ NAM 1967

Trong năm 1967, Việt-Nam Cộng-Hòa có ba cuộc bầu-cử cực kỳ quan-trọng : bầu-cử Tổng-Thống và Thượng-Nghị-Viện ngày 3-9-1967, bầu-cử Hạ-Nghị-Viện ngày 22-10-1967. Muốn rõ thái-độ của Phật-Giáo đối với các cuộc bầu cử này, trước hết ta cần xét bối cảnh chánh-trị hồi đó.

A - BỐI CẢNH CHÁNH-TRỊ

Năm 1967 đánh dấu sự thành công vẻ vang của giới quân nhân cầm quyền trên đường xây dựng dân-chủ với việc ban-hành Hiến-Pháp ngày 1-4-1967, bầu-cử Hội-đồng Xã ngày 4-6, và bầu-cử các cơ-cấu lãnh-đạo quốc-gia giữa lúc Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất bị phân hoá trầm trọng. Sự tranh chấp giữa phe tranh đấu và phe ôn hoà đã công-khai-hoá bởi tân Hiến-chương Phật-Giáo do phe ôn hoà biểu-quyết, và được chánh quyền phê chuẩn bằng Sắc luật 23/67 ngày 18-7-1967. Vì vậy phe Phật-Giáo tranh đấu đã bị kích dữ-đội và phát động một cuộc tranh đấu mới đứng vào lúc chuẩn-bị bầu-cử Tổng-Thống và Thượng

Nghị-Viện. Vấn-đề đặt ra ở đây là Phật-Giáo tranh đấu đã can-thiệp ra sao trong các cuộc bầu-cử này ? Muốn trả lời câu hỏi vừa nêu lên, ta phải xét sự can-thiệp của Phật-Giáo trước ngày bầu-cử và sau ngày bầu-cử.

B - CAN-THIỆP TIỀN TUYẾN-CỬ

Trước ngày bầu cử, Phật-Giáo tranh đấu vẫn chủ trương phải có một chánh-phủ chuyên tiếp để bảo-đảm tính cách vô tư và công bằng của cuộc bầu-cử. Chủ-trương này được vận động bằng một chiến thuật hoàn toàn khác hẳn chiến thuật năm 1966.

1. Phật-Giáo đã khôn khéo tách rời vấn-đề chánh-trị khỏi tôn-giáo - Viện Hoà-Đạo đã tuyên-bố trong một buổi họp báo rằng việc tranh đấu, huy-bỏ tân Hiến-chương gạt ra ngoài mục-đích chánh-trị vì nó cao cả hơn mục-đích này. Phật-Giáo không tuyên-bố tẩy chay bầu-cử, nhưng trong các cuộc họp báo, thuyết-pháp v.v..., các nhà lãnh-đạo Ấn-Quang đều biểu lộ nguyện vọng muốn hai tướng Thiệu, Kỳ phải từ-chức để cuộc bầu-cử được tự-do, và lên án chánh-quyền đương nhiệm âm-mưu tiêu diệt Phật-Giáo (63). Phật-Giáo cho rằng "Nếu không có chánh-phủ chuyên tiếp, thì không có bầu-cử còn hơn, bởi lẽ chưa có công bằng (64)."

2. Phật-Giáo đã khéo léo đứng ở hậu-trường chánh-trị để đặt đây các ứng-cử-viên dân-sự chống đối hai ứng-cử-viên quân-nhân đồng thời cũng là hai nhà lãnh-đạo chánh-quyền đương nhiệm. Có lẽ vì lực lượng đang bị suy yếu nên Phật-Giáo đã không giữ vai chủ động trong việc can thiệp vào cuộc bầu cử.

Sự suy đoán này còn có thể được giải-thích bởi sự liên minh của Phật-Giáo tranh đấu với các lực-lượng

(63) Nhật-báo Chánh-Luận, 16.8.1967.

(64) Bài thuyết-pháp của Đại Đức Liễu-Minh ngày 5.8.1967 tại chùa Ấn-Quang.

đổi-lập chánh-quyền để mở rộng căn-bản nhân-dân đã bị thu hẹp vì biến cố 1966. Ngày 23-8-1967, Thượng-Tòa Thiệt-Minh đã mời 8 trong số 9 liên danh dân-sự ứng-cử Tổng-Thống tới chùa dùng cơm để bàn kế-hoạch "chống bầu cử gian lận". Ngài tán đồng lập-trường phe dân-sự là phải có chánh-phủ chuyên tiếp. Sự liên minh này đều có lợi cho cả hai bên vì hai ứng-cử-viên quân-sự là mục-tiêu triệt hạ chung của họ. Do đó các ứng-cử-viên dân-sự, nhất là luật-sư Trương-dinh-Du, đã hết lòng bênh vực lập trường bảo-vệ Hiến-chương cũ của An-Quang (65).

3. Phật-Giáo đã tiến hành được cùng một lúc cả hai mặt trận để hạ một mục-tiêu duy nhất là chánh-quyền đương nhiệm. Mặt trận chánh-trị do các chánh khách dân sự đảm nhận và được sự hỗ-trợ đặc-biệt của An-Quang. Mặt trận tôn-giáo do An-Quang trực-tiếp đảm nhiệm: Họ đã lên án âm-mưu tiêu diệt Phật-Giáo và tuyên-bố chiến đấu cho đến cùng để bảo-vệ Hiến-chương cũ.

Thế là ứng-cử-viên quân-nhân ở thế lưỡng đầu thụ địch và đứng trước viễn ảnh mất mát một số lớn phiếu bầu của cử-tri Phật-tử tranh đấu.

Tuy-nhiên cả hai mặt trận đều thất bại. Các liên danh ứng-cử Nghị-sĩ có khuynh-hướng An-Quang đã bị hội-đồng tuyên-cử trung-ương xoá tên vì "hoạt-động có lợi cho Cộng-Sản và trung-lập thân Cộng." Đó là các liên danh Nguyễn-duy-Tài, Hồ-hữu-Tường ..., các liên danh dân-sự ứng-cử Tổng-Thống đều bị thất-bại. Sắc-luật 23/67 vẫn còn nguyên vẹn. Công-Giáo chiếm 2/3 số ghế Thượng-nghị-Viện (66). Kết-qua ấy làm cho họ phân uất và can-thiệp tích-cực sau ngày bầu-cử.

C - CAN-THIỆP HẬU TUYẾN-CỬ

(65) Nhật-báo Chánh-Đạo, 18.8.1967.

(66) 80% cử-tri đi bỏ phiếu, đa số trong số 22 quan-sát viên Hoa-kỳ và 93 quan-sát viên của 21 quốc-gia nhận-định rằng cuộc bầu-cử có nhiều dấu-hiệu tự-do.

Sau ngày bầu-cử, Phật-Giáo tranh đấu vẫn đòi một chánh-phủ chuyên tiếp. Chiến thuật áp-dụng trong việc can-thiệp hậu tuyên-cử là : Móc nối vụ chống tân Hiến-chương Phật-Giáo với vụ chống Kết-qua bầu-cử. Khai hoá cuộc tranh đấu này là lời tuyên bố của Thượng-Tọa Trí-Quang đêm 9-9-1967 tại chùa Ấn-Quang trước 500 tín-đồ :

"Cuộc bầu-cử vừa qua là giả hiệu (67)".

Cuộc tranh đấu liên kết này được chính thức phát động bằng bản Tuyên Cáo số 1 ngày 24-9-1967 của "Ủy ban bảo-vệ Hiến-chương Phật-Giáo". Sau khi nhận định rằng cuộc bầu cử 3-9-1967 gian lận khiến một Thượng-nghị Viện nằm gọn trong tay Cần-Lao, bản tuyên-cáo nêu ba điểm trong đó hai điểm liên hệ đến Hiến-chương lại ngắn nhất, và một điểm dài nhất là việc chống kết-qua bầu-cử:

"Giáo-Hội nhân danh Phật-Giáo, đờ nồng-nhiệt tán thành công cuộc vận-động anh-dũng của sinh-viên và mọi tầng lớp dân chúng về việc :

- Chống cuộc bầu-cử gian lận 3-9-1967;
- Đòi hỏi Quốc-Hội lưu nhiệm cương-quyết hủy bỏ kết-qua cuộc bầu cử ấy ;
- Đòi hỏi đình-chỉ bầu cử Hạ-Nghị-viện ;
- Đòi hỏi tổ-chức lại toàn diện cuộc bầu-cử bởi một chánh-phủ chuyên tiếp.

Đòi hỏi sau cùng này rất quan-trọng bởi vì nó phản ảnh một lập-trường căn-bản và bất di dịch của Ấn-Quang từ năm 1966 là các tướng Nguyễn-văn-Thiệu và Nguyễn-Cao-Kỳ phải từ-chức để lập một chánh-phủ dân-sự chuyên tiếp.

Bản tuyên-cáo trên đây có một giá-trị quyết-định, chấm dứt giai-đoạn thận-trọng không liên kết tôn-

(67) Nhật-báo Quyết-Tiến, ngày 11.9.1967.

giáo vào chánh-trị, vì tuyên-cáo, sau khi nồng-nhiệt tán-thành phong-trào chống kết-quả bầu-cử, đã kết-luận bằng lời kêu gọi toàn thể Phật-Giáo đồ nỗ-lực tham-gia công cuộc vận-động "bảo-vệ Hiến-chương và tự-do dân-chủ".

Sau khi liên kết xong hai cuộc đấu tranh với nhau, Ân-Quang long trọng hạ lệnh xuống đường từ 28-9-1967. Van biết rằng liên kết tôn-giáo vào chánh-trị là rời bỏ chiến-thuật trước đây, nhưng trong hoàn cảnh cùng quan này nếu không mau tay hành động, Ân-Quang sẽ bị lấn át trên chính-trường trước một thành phần lãnh-đạo dân-cử không hài lòng họ.

Thái-độ bức tức của Ân-Quang trước sự thành công của các liên danh Công-Giáo đã khiến Thông-tin Công-Giáo Việt-Nam ngày 24-9-1967 lên tiếng : "Không nên làm lan đạo với đời, cá-nhân với đoàn thể, không nên nêu tôn giáo để giải-thích thiên lệch những biến cố xảy ra". Lời kêu gọi này rõ ràng là lời chỉ-trích Ân-Quang một cách gián-tiếp. Trong khi đó phe Quốc-Tự lại ca ngợi kết-quả cuộc bầu-cử 3-9-67. Sự kiện ấy tố-cáo sự chia rẽ trầm-trọng giữa hai phe Phật-Giáo. Sau đó, chánh-quyền tiếp tục tổ-chức cuộc bầu-cử Hạ-Nghị-Viện vào ngày 22-10-1967. Sự chống đối của Phật-Giáo lần này quá yếu ớt vì những thất bại liên tiếp khiến thế-lực kiệt-quệ. Trái với dự đoán của một số người, ngay tại Hạ-Nghị-Viện, Phật-Giáo cũng không chiếm được đa số, mặc dầu một vai nhân-vật Phật-Giáo như Hồ-hữu-Tương từng bị bác đơn ứng-cử Thượng-Nghị-Viện đã được chấp-đơn ứng-cử Hạ-Nghị-Viện và đã đắc cử, và một thiếu số thân Ân-Quang đã được đắc-cử tại các đơn-vị miền Trung và Saigon.

Vì đứng ngoài cơ-cấu quyền-hành mà chống đối quyết-liệt không thâu đạt được thành-quả nào, nên năm 1970 Phật-Giáo Ân-Quang đã thay đổi thái-độ.

ĐOẠN IV - THÁI-ĐỘ CỦA PHẬT-GIÁO ĐỐI VỚI CÁC CUỘC BẦU-CỬ NĂM 1970

Việc tẩy chay bầu-cử trong những năm 1966 và 1967 khiến Phật-Giáo không lọt được vào các trung-tâm quyền-lực và, do đó, không thể can-thiệp hữu-hiệu vào

guồng máy chánh-trị được trong suốt bốn năm liền (1966-1970). Có lẽ nhận thức được điều bất lợi ấy trong cuộc đấu tranh, Phật-Giáo đã thay đổi hẳn chiến-thuật vào năm 1970. Họ đã không hồ hạo tẩy chay cuộc bầu-cử Hội-đồng Đô, Tỉnh, Thị ngày 28-6-1970 cũng như cuộc bầu-cử ban phân Thượng Nghị-Viện ngày 30-8-1970. Trái lại, họ còn tìm cách đưa người vào các cơ-quan dân-cử kể trên.

PHÂN ĐOẠN I - PHẬT-GIÁO VÀ CUỘC BẦU-CỬ CÁC HỘI-ĐỒNG ĐÔ-THÀNH, TỈNH VÀ THỊ-XÃ NGÀY 28-6-70.

Mặc dầu theo sự ước tính của Thượng-Tọa Huyền-Quang, có vào khoảng từ 30% đến 40%, tổng số nghị-viên là thân hữu của Ân-Quang, số nghị-viên đặc-cử có tín-ngưỡng Phật-Giáo nói chung - chứ không tính riêng khuynh hướng Ân-Quang - trong cuộc bầu-cử ngày 28-6-1970 đã giảm sút khá nhiều so với cuộc bầu-cử ngày 30-5-1965. Tại hai tỉnh Quảng-Trị và Quảng-Nam nếu năm 1965 Phật-Giáo chiếm 100% số ghế thì vào năm 1970 tỷ-lệ ấy giảm xuống còn 50% mà thôi. Tại các tỉnh khác sự sút giảm còn tệ hại hơn; nếu so sánh số nghị-viên Phật-Giáo với tổng số nghị-viên mỗi tỉnh, tỷ-lệ được ghi nhận như sau : Kontum : 1/7 ; Quảng-Đức và Phú-Bon : 1/6 ; Pleiku : 2/9 ; Tuyên-đức : 2/7 ; Gia-định : 8/27 ; Biên-Hoà : 7/13 ; Tây-Ninh : 0/11 ; An-Giang : 4/15 ; và Châu-Độc : 2/14.

~~Hiện nay số nghị-viên Phật-Giáo ở các tỉnh này giảm sút rất nhiều.~~
Tình-trạng suy giảm nêu trên có nhiều nguyên nhân : Trước hết năm 1970 Phật-Giáo không có thời cơ thuận lợi như năm 1965. Thật vậy, vào năm 1965, Phật-Giáo còn nhiều uy-tín : có một chánh-quyền (Phan-huy-Quát) thân Phật-Giáo, nội-bộ Phật-Giáo lại chưa bị chính-thức phân hoá, quần-chúng còn ngưỡng-mộ Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, cán-bộ và các cơ-sở còn nguyên-vẹn.

Trái lại từ năm 1966 trở đi thế-lực Phật-Giáo bị sút giảm nhiều : không có một chánh-quyền thân-hữu; sau những thất-bại liên tiếp một số cán-bộ và cơ-sở nong cốt bị tan rã; quần chúng chán ngán cảnh đấu tranh bạo động; nội-bộ chánh-thức phân hoá trầm trọng. Can-thiệp trong những điều-kiện bất lợi như vậy dĩ-nhiên Phật-Giáo không thể đưa nhiều người vào các Hội-đồng Đô-thành, Tỉnh và Thị-xã được.

Hơn nữa, trong một cuộc bầu-cử vào một cơ-chế Hành-chánh địa-phương, đề-tài tranh cử không thể hoàn toàn thiên về chánh-trị để xách động khối quần chúng bất mãn với chánh-quyền. Do đó, khả-năng chính-trị của Ấn-Quang đã không có đất dụng võ như trong cuộc bầu-cử vào các định-chế chánh-trị ở cấp bậc quốc-gia. Trong cuộc gặp gỡ ngày 26-12-1970, Thượng-Tọa Huyền-Quang cho chúng tôi biết sở-dĩ đã không vận-dộng tích-cực trong cuộc bầu-cử này vì các Hội-đồng Tỉnh không quan-trọng, các nghị-viên không có thực quyền và Phật-Giáo cần dồn toàn lực vào cuộc bầu-cử bán phần Thượng-Viện.

Sau hết, vì đây là lần đầu tiên tái xuất ở cấp bậc địa-phương sau bốn năm chịu nhiều thua thiệt, phe Phật-Giáo tranh đấu phải thận trọng dò dăm đường đi nước bước lên cuộc bầu-cử ở cấp bậc quốc-gia. Vì ở thế yếu, không có đủ điều-kiện để tung-hoành ở địa-phương, nên họ không dám công khai vận động mạnh mẽ như hồi 1965. Nơi cách khác, họ đã không dám công khai dốc hết vốn liếng để đánh đổi lấy một chiến thắng ở địa-phương chưa có gì đảm bảo chắc chắn.

Thái-độ thận trọng ấy được biểu lộ qua lời tuyên bố sau đây của Thượng-Tọa Huyền-Quang trong một cuộc phỏng-vấn dành cho sinh-viên Nguyễn-Hữu-Không, thuộc Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh : "Đa số cử-tri đã tỏ ra lơ lá với cuộc bầu-cử. Riêng Giáo-Hội thì không bày tỏ thái độ nào và cũng không đưa bất cứ một ứng-cử-viên nào ra tranh-cử".

PHẦN ĐOẠN II - ^{Ấn-Quang} PHẬT-GIÁC VÀ CUỘC BẦU-CỬ BÁN PHẦN
THƯỢNG NGHỊ-VIÊN NGÀY 30-8-1970

Có lẽ qua cuộc trắc-nghiệm trong kỳ bầu-cử các Hội-đồng Đô, Tỉnh, Thị, Phật-Giáo thấy lực lượng của mình chưa khôi phục được, nên đã phải dồn mọi nỗ lực vào việc vận động cho một liên danh duy nhất ứng-cử Thượng Nghị-Viện. Đó là liên danh số 11 với dấu hiệu Hoa-Sen, danh hiệu Dân-Tộc, do Giáo-sư Vũ-văn-Mầu làm thụ-uy. Điều này được ghi rõ rệt trong cuốn cẩm nang dành cho cán-bộ tổ-chức vận động và quan-sát-viên thùng phiếu : "Nhiệm-vụ của ban vận-dộng : ... 2) Khuyến-khích, cổ vũ cử-tri bỏ

cho liên danh mình ủng-hộ và chỉ MỘT MÌNH LIÊN DANH MÌNH ỦNG-HỘ MÀ THÔI".

Vì vậy một liên danh Phật-Giáo khác cũng thân Án-Quang nhưng không được họ ủng-hộ (liên danh Nguyễn-Đại-Bàng); và một liên danh chánh đảng thân hữu với Thượng-Tọa Viện-Trưởng Viện Hoá-Đạo. lúc đầu cũng được hứa hẹn ủng-hộ, nhưng đến phút chót sự hứa hẹn ấy đã bị rút lại để dành trọn lực-lượng cho liên danh Hoa Sen.

Hơn nữa, Án-Quang còn rất thận-trọng trong việc "chọn mặt gửi vàng". Họ đã lựa người thụ-uy liên danh có thành-tích đấu tranh cho Phật-Giáo, có uy-tín trong chính giới, có khả-năng chánh-trị và chuyên-môn. Liên danh gồm có hai cựu nghị-sĩ, ba giáo-sư Đại-học, hai Bác-sĩ và ba nhân-sĩ. Lập-trưởng của liên danh gồm ba điểm : Hoà-bình Dân-tộc, Độc-lập Quốc-gia và Công-bằng Xã-hội.

Sở-dĩ mọi nỗ-lực của Án-Quang được dồn hết vào việc ủng-hộ tích-cực một liên danh duy nhất vì đây là cuộc tranh đấu dân-chủ quan-trọng có tính-cách quyết-định cho sự mất còn uy-tín của họ trong lần chính-thức tái xuất đầu tiên ở cấp Quốc-gia sau bốn năm liên tiếp phủ nhận các định-chế Đệ-Nhi Cộng-Hoà.

Kết-quả cuộc bầu-cử đã làm họ mãn nguyện : liên danh Hoa Sen đắc-cử với số phiếu cao nhất : 1.149.597 phiếu so với 1.106.288 phiếu của liên danh Mặt Trời về hạng nhì, 882.274 phiếu của liên danh Bông Huệ về hạng ba và 320.365 phiếu của liên danh Cá Mực về hạng chót. Những vấn-đề được đặt ra ở đây là Phật-Giáo Án-Quang đã can-thiệp ra sao trong cuộc bầu-cử ? Những yếu-tố nào đã giúp liên danh Hoa Sen đắc cử ? và sự đắc-cử ấy có những ý nghĩa chánh-trị gì ?

a) Phương-thức can-thiệp của Phật-Giáo

Án-Quang.-Bề ngoài, Phật-Giáo Án-Quang vẫn tuyên bố không chính-thức đưa người ra tranh cử. Trong tài-liệu cầm nang II dành cho nội-bộ các Ban vận-động địa-phương của liên danh Dân-Tộc, một câu vấn đáp được soạn sẵn như sau chúng ta điều đó :

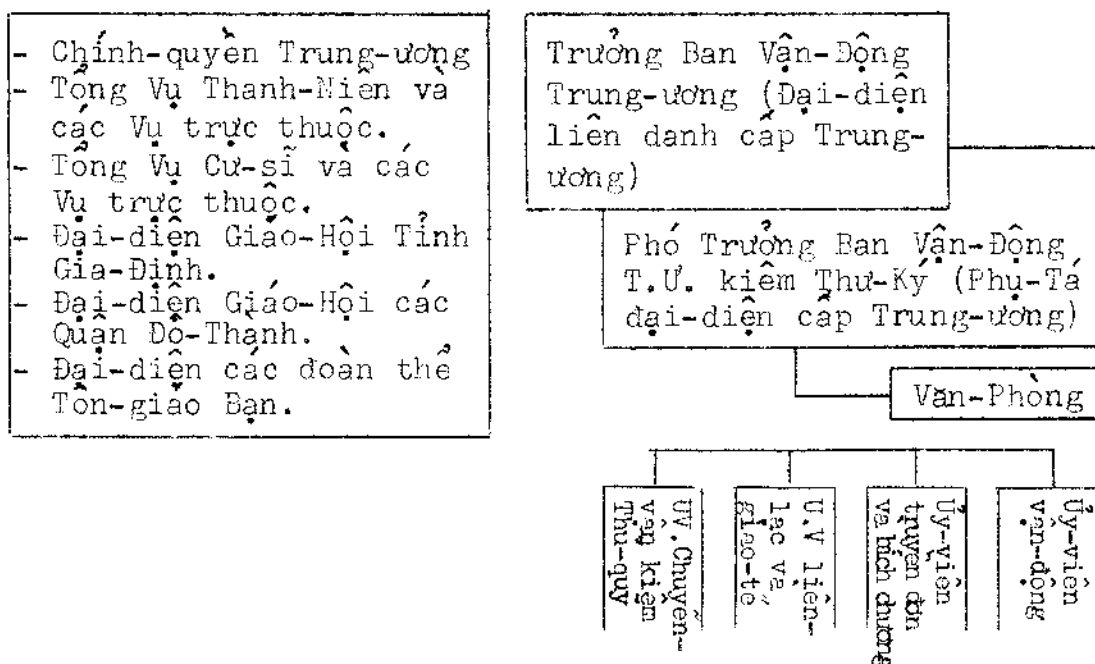
"Vấn : Tại sao Phật-Giáo chỉ có một liên danh chính thức, bao nhiêu Phật-tử có khả-năng, thành-tích khác ở đâu ?

"Đáp : Giáo-Hội không trực-tiếp và chính-thức can dự vào những hoạt-động thế trị cụ-thể của người Phật-tử. Giáo-Hội chỉ khuyến cáo, nâng đỡ những hoạt-động hành thiện hợp lý và hữu hiệu ; những hành-động " phục-vụ dân-tộc trong ánh sáng của Đạo Pháp" như Đức Tăng-Thống đã kêu gọi trong thông-điệp Xuân Kỷ Dậu.

"Trong một tập-thể rộng lớn và đông đảo như Phật-Giáo thì những người thuần thành có khả-năng, nghĩa là những cán-bộ cao cấp hẳn không thiếu. Tuy nhiên không phải tất cả đều phải làm một việc như nhau, phải đều ra ứng-cử cả".

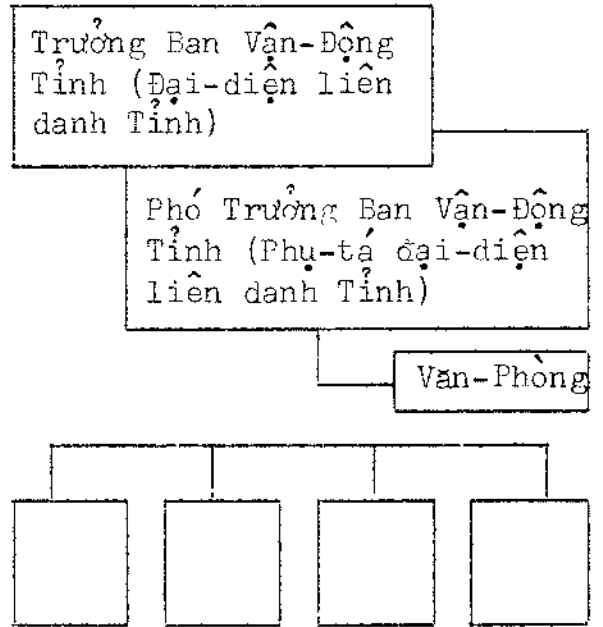
Tuy-nhiên, bên trong Ấn-Quang đã tích-cực can-thiệp vào cuộc vận-động tranh cử. Từ Trung-ương tới hạ tầng cơ sở Xã, Ấp đều có hệ-thống vận-động của Giáo-Hội song song với hệ-thống vận-động chính-thức và công khai của liên danh Dân-Tộc. Hai hệ-thống song hành ấy được mô tả trong cảm nang (1) qua ba sơ-đồ sau đây :

Sơ đồ I



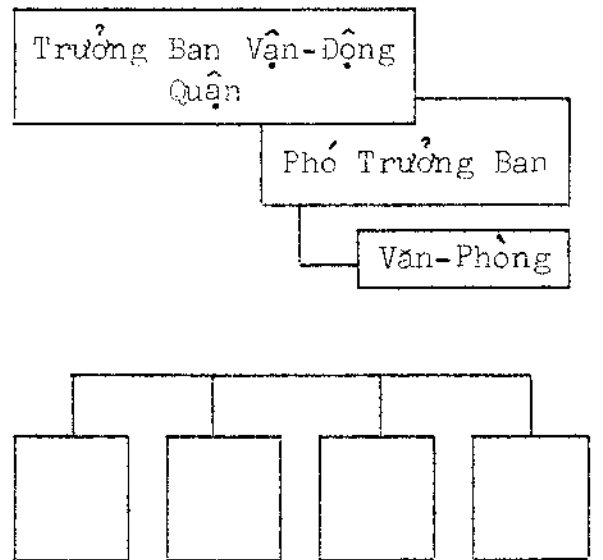
Sơ-đồ II

- Chính-quyền địa-phương
- Đại-diện Giáo-Hội Tỉnh
- Đặc-uy Thanh-niên
- Đặc-uy Cư-sĩ
- Đại-diện các Nghiệp-đoàn, đoàn thể, tôn-giáo bạn.
- Đại-diện Thanh-niên, Sinh-viên, Học-sinh, Gia-đình Phật-tử.



Sơ-đồ III

- Chính-quyền địa-phương
- Đại-diện Giáo-Hội Quận
- Đại-diện Gia-đình Phật tử, Thanh-niên, Sinh-viên, Học-sinh Phật-tử.
- Đại-diện Xã, cán-bộ tại Xã, Ấp.
- Đại-diện các đoàn-thể đang phái, tôn-giáo bạn.



Tài-liệu nêu trên còn ghi rõ những điều sau đây chứng tỏ Giáo-Hội tích-cực vận-động cho liên danh Hoa Sen :

"Muốn thành lập ban vận động trung-ương và địa phương, ứng-cử-viên hoặc đại-diện phải tiếp xúc với đại-

diện các đoàn-thể, đại-diện Giáo-Hội các cấp (nhất là chánh đại-diện, Đặc-uy cư-sĩ và Đặc-uy Thanh-niên)."

Tài-liệu viết tiếp :

"- Sự hợp-tác của ba vị này hết sức cần-thiết.

"- Tại các Quận cũng phải có những ủy-ban vận-dộng tương tự.

"- Ủy-viên của những ủy-ban này phải gồm những vị lãnh-đạo cư-sĩ, Thanh-niên, Sinh-viên, Học-sinh, Gia-đình Phật-tử, các nghiệp-đoàn chuyên-nghiệp ...

" Kinh-nghiệm cho thấy nơi đâu vị đại-diện Giáo Hội và các tập đoàn cư-sĩ, thanh-niên mà không phối-hợp chặt chẽ thì nơi đó khó mà đạt được kết-quả mong muốn".

Với cơ-cấu tổ-chức song hành và với quan-niệm như vậy về vai-trò của cán-bộ Giáo-Hội, liên danh Dân-tộc do cán-bộ Giáo-Hội hỗ-trợ đã áp-dụng hai phương-thức và ba kỹ-thuật vận-dộng rất tinh-vi.

Hai phương-thức đó là :

- Phương-thức nói như : Phát truyền đơn, dán bích-chương, sử-dụng các phương-tiện thông-tin vô tuyến truyền thanh, truyền hình và báo chí. Cẩm nang nói rõ phương-thức này dành cho ứng-cử-viên và các đoàn thể như: Thanh-niên, sinh-viên, học-sinh, Gia-đình Phật-tử, các đoàn thể chuyên-nghiệp, v.v...

- Phương-thức chìm : Đó là phương-thức vận-dộng rí tai rất có hiệu-qua do dân chúng tại địa-phương, các đạo hữu thuộc Giáo-Hội địa-phương và các nghiệp-đoàn thực hiện.

Dưới hai phương-thức này, ba kỹ-thuật sau đây đã được áp-dụng :

+ Kỹ-thuật tràn ngập : Kỹ-thuật này được áp-dụng trong ngày bắt đầu cho vận-dộng công khai và kết thúc vận động công khai. Trong hai ngày này, học-sinh, sinh-viên thanh-niên thiện-chí, gia-đình Phật-tử nhất

tê đi rải truyền đơn từng nhà và dán bích-chương tại những nơi đã ấn-định.

+ Kỹ-thuật phân lô : Chia vùng hoạt-động từng lô nhỏ, cho từng nhóm người đi vận-động kỹ từng nhà một, trong lô đó cho đến trước ngày phát động chiến thuật tràn ngập lần thứ nhì, với phương châm "không sót người nào và không sót nhà nào mà không vận động".

+ Kỹ-thuật liên tục : Kỹ-thuật do các bà con cô bác tại địa-phương nhất là giới phụ-nữ tiếp-tục rải tai tuyên truyền cho có hiệu-quả.

Một trong những câu rải tai tuyên truyền có hiệu quả nhất được nhiều người thuật lại là : "Bà con nhớ đừng vứt Hoa Sen Đức Phật xuống đất phải tội chết ! Phải nhớ bỏ vào thùng phiếu !

Người ta được biết rằng câu nói này rất ảnh-hưởng tới thái-độ đầu phiếu của các cử-tri Phật-tử nhiệt thành, thuộc nữ giới hay giới bình dân.

Kết-quả của cuộc điều-tra công luận trong quận Ba và quận Mười Saigon trước và sau ngày bầu-cử cho thấy phương-thức và kỹ-thuật này do các cán-bộ Phật-Giáo thực hiện rất có kết-quả : Tỷ-lệ thành-công của phương-pháp rải tai, tuyên truyền có tổ-chức của liên danh Hoa Sen cao nhất so với tất cả 16 liên danh. Trong số 853 người được phỏng-vấn, qua phương-pháp trên 67 người biết đến liên danh Hoa Sen, trong khi đó chỉ có 37 người biết đến liên danh đặc cử thứ nhì và 25 người biết đến liên danh đặc cử thứ ba.

Ngoài ra, vị thụ-ủy liên danh Hoa Sen nhận xét rằng bích-chương không được quan chú ý bằng các hình thức vận động khác, vì, mặc dầu có ít bích-chương nhất so với tất cả các liên danh khác, liên danh Hoa Sen vẫn chiếm được số phiếu cao nhất.

BẢNG I - PHƯƠNG-TIÊN NHỜ ĐÓ BIẾT ĐẾN CÁC LIÊN-DANH (68)

Các Liên-danh	Các Phương-tiền							
	Báo-chí (1)	Sách-chương Biểu ngữ (2)	Truyền thanh Truyền hình (3)	Riêng tại tuyền truyền cơ to chức (4)	Ảnh hưởng của người khác (5)	Định kiến (6)	Cảm tình với ca-ruban (7)	Bảng đủ thứ (8)
1. LD Nguyễn-văn-Huyền	216	150	108	37	33	34	6	11
2. LD Vũ-văn-Mẫu	152	135	85	67	32	34	16	11
3. LD Huỳnh-văn-Cao	66	59	33	25	11	12	3	4
4. LD Nguyễn-cao-Hách	45	50	52	17	9	6	15	1
5. LD Nguyễn-phước-Đại	31	43	56	14	8	4	4	0
6. LD Nguyễn-ngọc-Huy	25	22	25	9	10	5	7	8
7. LD Trương-vĩnh-Lễ	27	39	30	13	10	2	1	1
8. LD Trương-công-Cửu	19	28	25	12	3	6	0	3
9. LD Nguyễn-hữu-Tổ	18	27	30	5	4	6	0	1
10. LD Nguyễn-đại-Bảng	23	23	13	12	5	1	0	3
11. LD Nguyễn-Anh-Tuấn	14	22	28	3	4	4	0	2
12. LD Nguyễn-Gia-Hiến	23	20	11	7	7	4	1	1
13. LD Nguyễn-Tiến-Hỷ	19	12	17	7	2	2	0	0
14. LD Phan-Bá-Cầm	5	10	10	8	3	2	0	1
15. LD Nguyễn-văn-Canh	2	6	7	0	0	1	0	2
16. LD Nguyễn-văn-Lai	4	9	6	1	3	2	0	0
Tổng số	689	655	636	237	144	125	53	49

(68) Tài, Tạ-văn : Thái-độ cử-tri trong cuộc bầu-cử bán phần Thượng Nghị-Viện 1970, Nghiên-cứu Hành-Chánh, tập XIV, số 1, tháng 1, 2, 3 năm 1971, trang 97 và kế tiếp.

Ngoài kỹ-thuật vận-dộng tranh cử khoa-học và tinh-vi, An-Quang còn đặt dưới sự xử-dụng của liên danh Hoa-Sen một số cán-bộ để quan-sát thừng phiếu ngõ hầu tránh được tối đa mọi gian lận. Như vậy phải chăng Phật-Giáo An-Quang là yếu-tố độc nhất quyết-định sự thành công của liên danh Hoa Sen ?

b) Những yếu-tố quyết-định sự thành công của liên danh Hoa Sen. Dĩ-nhiên công luận phán đoán sự thắng lợi của An-Quang qua sự thành công của liên danh Hoa Sen. Tuy-nhiên ta cần phân-tích vấn-đề một cách khoa-học bằng cách phân biệt sự ủng-hộ tích-cực mà An-Quang dành cho liên danh Hoa-Sen với tác-phong đấu phiếu của cử-tri. Mỗi một cách khác, ta cần tìm hiểu cử-tri đã dồn phiếu cho Hoa Sen vì những lý-do gì ? Những lý-do đó theo thứ-tự quan-trọng chính là những yếu-tố quyết-định sự thành công của liên danh.

Theo cuộc điều-tra kể trên tuy yếu-tố tôn-giáo được nhìn nhận là yếu-tố quan-trọng bậc nhất, nhưng không phải là yếu-tố duy nhất quyết-định sự thành công. Dĩ nhiên, kết-qua cuộc điều-tra riêng hai quận Đô-thành không phản-ánh đầy đủ được tình-trạng toàn quốc. Tuy nhiên, nếu so chiếu kết-qua cuộc điều-tra với kết-qua thực sự trên toàn quốc, ta thấy cuộc điều-tra gần phản-ánh đúng sự thực :

BẢNG II - So sánh kết-qua cuộc điều-tra với kết-qua thực sự.

Kết-qua cuộc điều-tra tại 2 Quận Đô-thành	Kết-qua thực sự bầu cử trên toàn quốc	Mức sai lệch
1 - Nguyễn-văn-Huyền	1 - Vũ-văn-Mẫu	1
2 - Vũ-văn-Mẫu	2 - Huỳnh-văn-Cao	1
3 - Huỳnh-văn-Cao	3 - Nguyễn-văn-Huyền	2

Kết-qua cuộc thăm dò thái-độ của 875 cử-tri hai nơi trên cho thấy ba tiêu-chuẩn lựa chọn quan-trọng nhất là : khả-năng, đức độ của ứng-cử-viên và cảm-tình riêng vì chúng được nêu lên 856 lần hay 63,5% các trường-hợp trong khi bảy lý-do khác cộng tại chỉ chiếm 36,5% các trường-hợp mà thôi.

Liên-danh	Lý-do	Kha-nặng		Đức-đo		Cam-tinh		Lập-trường		Phùng-trung		Anh-hương		Lập-trường		trung-lập		Nam-Nữ		Lập-trường		hoa-bình		No-lite từ		
		ngs-cv-viên	ngs-nặng	ngs-cv-viên	Đức-đo	ngs-cv-viên	Đức-đo	ngs-cv-viên	Đức-đo	Lập-trường	ngs-cv-viên	Đức-đo	ngs-cv-viên	Đức-đo	Lập-trường	ngs-cv-viên	Đức-đo	ngs-cv-viên	Đức-đo	Lập-trường	ngs-cv-viên	Đức-đo	ngs-cv-viên	Đức-đo	Lập-trường	ngs-cv-viên
1.	LD Nguyễn-văn-Huyền	151	109	22	13	11	14	14	14	2	2	9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.	LD Vũ-văn-Mẫu	126	26	33	26	42	21	21	26	4	4	2	2	18	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
3.	LD Huỳnh-văn-Cao	52	8	17	6	7	6	6	6	7	8	6	6	14	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4.	LD Nguyễn-cao-Hách	33	6	29	5	8	5	5	5	8	8	9	9	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5.	LD Nguyễn-phước-Dại	31	5	7	13	6	17	16	13	6	1	4	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.	LD Nguyễn-ngọc-Huy	23	13	16	17	1	17	16	17	1	1	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
7.	LD Trương-vĩnh-Lễ	18	3	8	4	-	4	8	4	-	8	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
8.	LD Trương-công-Cửu	19	3	5	4	3	4	5	4	3	8	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
9.	LD Nguyễn-hữu-Tố	7	1	7	10	-	10	7	10	-	-	-	-	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
10.	LD Nguyễn-đại-Bàng	2	-	2	11	17	11	2	11	17	17	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11.	LD Nguyễn-Anh-Tuấn	18	-	2	2	-	2	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12.	LD Nguyễn-Gia-Hiến	8	2	9	2	4	2	9	2	4	4	-	-	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15
13.	LD Nguyễn-Tiến-Hỷ	8	2	-	7	-	7	-	7	-	-	-	-	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
14.	LD Phan-Bá-Cầm	11	1	5	2	-	2	5	2	-	-	-	-	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
15.	LD Nguyễn-văn-Can h	3	-	1	2	-	2	1	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16.	LD Nguyễn-văn-Lai	1	1	2	1	2	1	2	1	2	2	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng số cho toàn-thể các liên-danh		511	180	165	125	106	80	74	71	39	13	1	1	74	71	39	13	1	71	39	13	1	1	1	1	1
		37,5%	13,2%	12,8%	9,2%	7,7%	5,8%	5,4%	5,2%	2,8%	1%	1%	5,4%	5,2%	2,8%	1%	1%	5,2%	2,8%	1%	1%	1%	1%	1%	1%	1%

BẢNG III- LÝ-DO BẦU CÁC LIÊN-DANH

Xét riêng liên danh Hoa Sen, ta thấy nhiều yếu-tố đã kết hợp lại quyết-định sự thành công, trong đó có hai yếu-tố quan-trọng nhất là : tôn-giáo và uy-tín cá-nhân. Tuy-nhiên thật khó phân biệt giữa hai yếu-tố này yếu-tố nào quan-trọng hơn hết vì một mặt theo kết-qua cuộc điều-tra thu hẹp thì yếu-tố cá-nhân tỏ ra quan-trọng nhất, nhưng theo kết-qua thực sự trên toàn quốc thì liên danh chỉ thành công về vang nhất ở những khu vực ảnh-hưởng của Ấn-Quang. Nếu sự kiện này được phối-hợp với guồng máy tranh cử bậm sát cử-tri của Ấn-Quang, ta có thể nói rằng sự đặc-cử của liên danh một phần lớn là nhờ sự vận-động của Ấn-Quang, nhưng một phần khác không kém quan trọng chính là uy-tín cá-nhân của người đứng đầu liên danh. Như vậy hai yếu-tố đã hỗ-tương ảnh-hưởng: nhờ uy-tín cá-nhân mà giáo-sư Vũ-văn-Mau được Ấn-Quang chọn lựa và có đủ lý-do vững chắc để tuyên truyền tranh cử; và nhờ sự vận-động đặc-lực của Ấn-Quang mà đa số cử-tri biết đến và có cảm tình với liên danh. Do đó, tuy tôn-giáo quan-trọng, nhưng chính yếu-tố uy-tín cá-nhân đã hỗ-trợ đặc-lực cho yếu-tố tượng trưng tôn-giáo. Ngoài hai yếu-tố ấy, lập-trường nhân dân của liên danh cũng là lý-do để cử-tri lựa chọn. Sau hết, người ta còn bàn tán tới yếu-tố thứ tư nhưng thiếu kiểm chứng, nên yếu-tố này thiếu giá-trị khoa học : đó là yếu-tố bên ngoài.

1. Yếu-tố tôn-giáo - Yếu-tố tôn-giáo được coi là quan-trọng nhất vì những lý-do sau đây :

- Theo cuộc điều-tra dự-luận nêu trên, thành phần tôn-giáo của cử-tri đã có ảnh-hưởng quan-trọng tới tác-phong bầu phiếu. Nhìn vào số phiếu trong bảng IV ta thấy chính Phật-tử đã làm cho liên danh Hoa Sen đặc-cử vì trong 309 phiếu dành cho liên danh này, phiếu của Phật-tử đã chiếm 252 tức là 81,5% tổng số phiếu (Xem Bảng IV trang (310). Các liên danh Công-Giáo cũng ở trong trường-hợp tương tự như Phật-Giáo.

Do đó ta có thể kết-luận là trong cuộc bầu-cử này tôn-giáo đã tác-động rõ rệt như đến sự "sắp hàng chính-trị" của cử-tri, nghĩa là người tôn-giáo nào thường bỏ phiếu cho ứng-cử-viên thuộc tôn-giáo đó.

Thành-phần cứ-tri	Số cứ-tri người	TÔN-GIÁO (của 832 người)				ĐOÀN-THỂ (của 17 người)						
		Phật giáo	Công- giáo Tin- lành	Không- giáo Thờ Ông bà	Cao- đài	Hòa hao	Sinh viên phụ-nữ Phật tử	Sinh viên Công giáo	Nghiep đoan TLĐLC	V.N. Q.D.Đ.	Cấp- Tien	
		557 ng 70%	197 ng 21,3%	69 8,4%	5 0,6%	4 0,4%	4	3	7	22	1	
Tổng số phiếu		180	110	28	1	1	2	1	1	-	-	-
Cách phân-phối phiếu		336	30	16	1	1	2	1	1	1	-	-
1. LD Nguyễn-văn-Huyền	309	41	61	5	2	4	1	2	1	-	-	-
2. LD Vũ-văn-Mau	107	78	14	8	2	-	-	1	1	-	-	-
3. LD Huỳnh-văn-Cao	90	57	18	8	1	-	-	1	-	-	-	-
4. LD Nguyễn-cao-Hach	74	52	8	8	1	-	-	1	-	-	-	-
5. LD Nguyễn-Phước-Đại	68	35	23	5	1	-	-	1	-	-	-	-
6. LD Nguyễn-ngọc-Huy	57	14	36	2	1	-	-	1	-	-	-	-
7. LD Trương-vinh-Lệ	56	38	8	3	1	-	-	1	-	-	-	-
8. LD Trương-công-Chau	44	40	2	1	1	-	-	1	-	-	-	-
9. LD Nguyễn-hữu-Tộ	42	27	7	1	1	-	-	1	-	-	-	-
10. LD Nguyễn-dai-Bang	39	10	28	1	1	-	-	1	-	-	-	-
11. LD Nguyễn-Anh-Tuân	31	17	8	1	1	-	-	1	-	-	-	-
12. LD Nguyễn-giả-Hiện	23	16	2	1	2	-	-	1	-	-	-	-
13. LD Nguyễn-tiện-Hy	12	6	2	1	1	-	-	1	-	-	-	-
14. LD Phan-Ba-Cam	9	7	1	1	1	-	-	1	-	-	-	-
15. LD Nguyễn-văn-Canh	132	54	12	1	1	-	-	1	-	-	-	-
16. LD Nguyễn-văn-Lai	27	2	1	1	1	-	-	1	-	-	-	-
A - Chùa, cơ, y-kien	59	2	11	1	1	-	-	1	-	-	-	-
B - Bị mặt y-kien												
C - Không đi bỏ phiếu, bỏ phiếu trắng												

BẢNG IV - TÔN-GIÁO, ĐOÀN-THỂ VÀ CÁCH BỎ PHIẾU

- Theo cuộc điều-tra kê trên, tiêu chuẩn tôn-giáo được nêu ra 106 lần hay 7,7% các trường-hợp. Tuy-nhiên đặc-biệt đối với liên danh Hoa Sen, tính chất Phật-giáo được viện dẫn nhiều nhất so với tất cả các liên danh khác (42 lần trên tổng số 106 lần danh cho 16 liên danh). Kế đó là liên danh Ba Hồng Sen được nêu ra 17 lần. Điều này chứng tỏ rằng đa số cử-tri Phật-Giáo đã don phiếu cho các liên danh đồng đạo cùng họ. Nhận xét về tiêu chuẩn tôn-giáo ở đây phù hợp với nhận xét về thành phần tôn-giáo của cử-tri vừa nêu trên.

- Cơ-cấu tổ-chức và kế-hoạch tranh-cử của An-Quang khá tính-vi và khoa-học đã đem lại cho liên danh Hoa Sen đa số phiếu. Nhìn kết-qua bầu-cử trên toàn quốc ta thấy ảnh-hương An-Quang nổi bật hẳn ở những nơi địa bàn hoạt động của Tăng-sĩ miền Trung. Thật vậy, số phiếu của liên danh này đã chiếm hạng nhất liên tiếp tại bốn Thị-xã (Huế, Đà-Lạt, Đà-Nẵng và Cam-Ranh), và 10 tỉnh (Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Quảng-Trị, Thừa-Thiên, Bình-Định, Khánh-Hoà, Bình-Thuận, Phú-Yên, Ninh-Thuận, Phú-Bôn) Trung phần. Phư vậy liên danh Hoa Sen đã dẫn đầu tại quân khu I và quân khu II. Trái lại tại Nam-phần nó bị tụt xuống hạng Tư ở quân khu III và hạng 6 ở quân khu IV. Điều này chứng tỏ Phật-Giáo An-Quang không có ảnh-hương mạnh mẽ tại miền Nam.

- Về thành phần ứng-cử-viên, người ta có thể nói đây là liên danh mà tính chất Phật-Giáo của ứng-cử-viên có tính-cách trội yếu rõ rệt : 7 người trong số 10 người đã có liên hệ với An-Quang từ trước ngày bầu-cử, một cách hoặc trực-tiếp hoặc gián-tiếp.

Trong ba ứng-cử-viên còn lại, một người thuộc giáo-phái Hoà-Hảo, hai người kia thuộc các sắc-tộc Chăm và Thượng miền Nam. Nhưng số phiếu mà liên danh thâu đạt được ở Cao-nguyên Trung-phần và miền Tây Nam-phần, tức là nơi trú quan của hai ứng-cử-viên sau chót, lại không có gì khả-quan. Kết-qua ấy chứng tỏ rằng đa số phiếu đã do Giáo-Hội An-Quang mang lại cho liên danh Hoa Sen.

Nhưng tôn-giáo không phải là yếu-tố độc-nhất của sự thành công, sau nó ta phải kể tới uy-tín cá-nhân

của người thụ-ủy liên danh.

2. Ủy-tín cá-nhân - Nếu chỉ xét riêng kết-quả cuộc điều-tra dư-luận tại hai quận Đô-thành thì yếu-tố ủy-tín cá-nhân của các ứng-cử-viên liên danh Hoa Sen được coi là quan-trọng nhất vì những lý-do khiến cử-tri bỏ phiếu cho liên danh này được nêu ra nhiều nhất là những lý-do liên hệ đến :

- Khả-năng ứng-cử-viên : 126 lần
 - Đức độ ứng-cử-viên : 26 lần
 - Cảm tình riêng : 33 lần
- 185 lần.

Trong khi đó lý-do tượng-trưng tôn-giáo chỉ được kể có 42 lần. Nhưng nếu phân tích kỹ ta không thể tổng quát hoá cuộc điều-tra về điểm này được, vì tại Đô-thành nhiều cử-tri nhất là giới trí-thức đều biết đến uy-tín của người thụ-ủy liên danh, nhưng tại các địa-phương xa Thủ-đô quần chúng bình-dân chưa chắc đã biết đến nếu không có sự vận động của Giáo-Hội. Hơn thế các chính đảng và đoàn thể nghề-nghiệp, Giáo-Hội dưới hình-thức thuyết-pháp và các lễ tôn-giáo để tập họp cử-tri để tuyên truyền, và người dân quê thường hay tin các lãnh-tụ tôn-giáo hơn là các lãnh-tụ chính-trị.

Mới như vậy không có nghĩa rằng ủy-tín cá-nhân kém phần quan-trọng. Trái lại nó rất quan-trọng ở chỗ nó là động-lực đưa đẩy các cử-tri Phật-tử bỏ phiếu, nó là tích-sản chánh-trị quý báu của liên danh mà bộ máy vận-động tranh-cử của Giáo-Hội đã biết triệt-để khai-thác.

Một mặt ta thấy tôn-giáo ảnh-hưởng đến tác-phong đầu phiếu của cử-tri, mặt khác ta nói yếu-tố ủy-tín cá-nhân rất quan-trọng. Mới như vậy có gì mâu-thuân không ? Chính người hướng dẫn cuộc điều-tra dư-luận kể trên đã chứng minh rằng điều đó không có gì mâu-thuân vì tôn-giáo phải có sự hỗ-trợ của ủy-tín cá-nhân. Thật vậy, tôn-giáo của cử-tri, như đã nói trên, chỉ có tác-dụng "sắp hàng chánh-trị", nghĩa là hướng dẫn tổng quát cử-tri tôn-giáo nào thì bầu cho liên danh tôn-giáo đó. Nhưng khi cử-tri

chọn đích một liên danh nào trong số các liên danh cùng tôn-giáo thì uy-tín cá-nhân ứng-cử-viên bắt đầu có tác-dụng quyết-định quan-trọng (thí-dụ : bầu cho Nguyễn-văn-Huyền, chứ không bầu cho Nguyễn-già-Hiền, bầu cho Vũ-văn-Mầu chứ không bầu cho Nguyễn-đại-Bàng). Lời giải-thích này được kiểm chứng và xác nhận là đúng bởi cuộc điều-tra tại hai quận đô-thành. Nếu so sánh số phiếu Phật-tử dành cho hai liên danh Phật-giáo tại hai nơi đó, sự chênh lệch quá xa giữa số phiếu của liên danh Vũ-văn-Mầu (252 phiếu) và số phiếu của liên danh Nguyễn-đại-Bàng (40 phiếu) chứng tỏ hùng hồn rằng uy-tín cá-nhân là quan-trọng. Kể cả kết-qua trên toàn quốc cũng xác nhận điều này. Tính cách khả-tín của lời giải-thích ấy lại được củng-cố bởi chính kết-qua cuộc điều-tra kể trên cho biết rất nhiều người bầu cho cả hai liên danh Vũ-văn-Mầu và Nguyễn-văn-Huyền vì lý-do uy-tín cá-nhân.

Ngoài ra, nếu so-sánh kết-qua cuộc bầu-cử các Hội-đồng Đô, Tỉnh, Thị quá khiêm tốn với kết-qua cuộc bầu-cử Thượng-nghị-Viện rất vẻ vang đối với Giáo-Hội Ấn-Quang, người ta cũng có thể giải-thích được rằng một trong những lý-do thất-bại ở cấp địa-phương và thành công ở cấp quốc-gia chính là uy-tín cá-nhân của ứng-cử-viên.

Hơn nữa, dù kiện thực-tế cũng như nhận định của các nhà phân-tách chánh-trị đều cho thấy rằng có một phần số cử-tri bỏ phiếu cho liên danh không phải vì họ tán đồng lập-trường chánh-trị của Ấn-Quang. Thật vậy, theo sự tiết lộ của một số viên-chức địa-phương có thẩm-quyền tại một số địa-điểm đầu phiếu, cử-tri tuy thuộc khuynh-hướng Việt Nam Quốc-Tự hay các giáo-phái Phật-Giáo cổ-truyền miền Nam nhưng vẫn đôn phiếu cho liên danh Hoa Sen. Thái-độ này có thể được giải-thích bởi một trong hai lý-do : hoặc uy-tín cá-nhân của ứng-cử-viên hoặc sự bất mãn của cử-tri đối với chánh-quyền.

- Sau hết, lời giải-thích nêu trên càng đúng hơn đối với liên danh Nguyễn-văn-Huyền vì sự ủng-hộ của Giáo-Hội Công-Giáo dành cho liên danh này không được thuần nhất và tích-cực trong tình-trạng nội-bộ Công-Giáo bị phân-hóa phần nào mà lại có nhiều liên danh ra tranh cử. Do đó, công-luận và các nhà phân tích đều nhìn nhận

ràng yếu-tố quan-trọng nhất của sự đặc-cử của liên danh này là uy-tín cá-nhân của ông Trần-văn-Hương và Nguyễn-văn-Huyền đối với nhân dân miền Nam.

- Đứng trên bình diện chánh-trị học đối chiếu, lời giải-thích trên đây lại một lần nữa xác nhận rằng tại những nước chậm tiến, chánh-trị là thứ chánh-trị nhân vật, nghĩa là cá-nhân chánh-trị-gia quan-trọng hơn lập-trường của họ. Chính vì vậy mà lập-trường nhân dân của liên danh Hoa Sen chỉ được coi là yếu-tố thứ ba của sự thành công.

3. Lập-trường nhân-dân của liên danh Hoa Sen - Trước hết, danh-từ "Lập-trường nhân dân" bao gồm những yếu-tố mà các cử-tri được phong-văn đã nêu ra : "đổi-lập với chánh-quyền", hay "quyết tâm tranh đấu cho quyền-lợi của nhân dân". Theo cuộc điều-tra dư-luận nêu trên, lý-do này đã được kể ra 125 lần hay 9,2% các trường-hợp. Đặc-biệt đối với ba liên danh đổi-lập, lý-do này lại là một trong những yếu-tố quyết-định thái-độ của cử-tri vì nó đã được viện dẫn nhiều lần hơn khuynh-hướng chung : Vũ-văn-Mau (26 lần), Nguyễn-ngọc-Huy (17 lần), Nguyễn-Bài-Bàng (11 lần). Kết-quả cuộc điều-tra này cho thấy cử-tri đã tán-đồng lập-trường đổi-lập mạnh-mẽ của Hoa-Sen hơn của mọi liên danh khác. Kết-quả này phù-hợp với nhận-định vô-tư của các nhà quan-sát thời cuộc, theo họ nhiều người bất-mãn với chính-quyền vì nhiều lý-do khác nhau đã chống đổi chánh-quyền một cách tiêu-cực bằng việc don phiếu cho liên danh Hoa Sen chỉ vì liên danh này đã-kích chánh-quyền mạnh mẽ nhất. Giáo-sư Nguyễn-ngọc-Huy cũng nhận xét rằng: "thật sự thì số người không chấp nhận đường lối Phật-Giáo Ân-Quang cũng không phải ít (69)".

- Ngoài ra thái-độ chống đổi chánh-quyền, chính lập-trường đòi hỏi hoà-bình một cách cấp-thiết của Hoa Sen cũng được coi là lập-trường nhân dân vì theo kết-quả cuộc điều-tra công luận nêu trên nó đã được nhắc đến 18 lần

(69) Huy, Nguyễn-ngọc : Cuộc bầu-cử bán phần Thượng Viện 30.8.1970, nguyệt-san Cấp-Tiến số 21, tháng 9/1970, trang 13.

đối với liên danh Hoa Sen trong khi tổng số lần được nhắc đối với toàn thể tổng số 16 liên danh chỉ có 39 lần hay 2,8% các trường-hợp. Sự kiện "lập trường hoà-bình" của các liên danh ít được viện dẫn và lập trường hoà-bình của Hoa Sen lại được viện dẫn nhiều hơn cả có thể được giải thích bởi hai nguyên nhân.

Trước hết, phải chăng đồng bào cho rằng việc quyết-dinh hoà hay chiến tại Việt-Nam đã vượt khỏi tầm tay người Việt-Nam và, do đó, sự quan tâm của họ cũng như sự lựa chọn những người đại-diện của họ trong quốc-hội cũng khó có thể có tác-dụng tái lập hoà-bình ?

Thứ đến, sự kiện lập trường hoà-bình cấp-thiết của Hoa-Sen được ưa chuộng chứng tỏ khát vọng hoà-bình của nhân dân thật mãnh-liệt.

- Sau hết, lập trường nhân dân của Hoa Sen còn bao gồm cả việc liên kết các thành phần địa-phương và tôn giáo. Thật vậy, sự hiện diện trong liên danh này những nhân-vật thuộc các sắc-tộc thiểu-số Thượng và Chăm và Giáo-phái Hoà-Hào đã mở rộng căn-bản nhân-dân của liên-danh và đem lại thêm cho liên danh một số phiếu.

4. Yếu-tố bên ngoài - Ngoài ba yếu-tố quan-trọng kể trên mà kết-qua cuộc điều-tra công luận đối chiếu với kết-qua thực sự và những nhận định của các nhà phân-tích chánh-trị cho phép ta kết-luận là khá-tin, còn một yếu-tố thứ tư cũng góp phần vào sự thành công của liên danh; đó là các yếu-tố bên ngoài. Thực ra, yếu-tố này thật tế-nhi và chỉ được nhìn nhận một cách mơ hồ, thiếu kiểm chứng bởi một số nhà phân tích chánh-trị, một phần số công luận và bởi các liên danh được ít phiếu hơn liên danh Hoa Sen. Do đó nó không khỏi có tính cách chủ-quan. Sở-dĩ các khuynh-hướng vừa kể đưa ra sự nhận định ấy vì họ lý luận rằng :

- Tại một quốc-gia được dùng làm địa-điểm tranh chấp của các lực-lượng thù nghịch quốc-tế, thì sự tác-dộng của các lực-lượng ấy vào sinh-hoạt chánh-trị nội bộ quốc-gia không phải là điều không thể xảy ra được.

- Sự đặc-cử của liên danh Hoa Sen có lợi cho cả Hoa-Kỳ lẫn Mặt Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam và các lực-lượng quốc-gia đối-lập với chánh-quyền hiện hữu. Trước hết, đối với Hoa-Kỳ, Giáo-sư Nguyễn-ngọc-Huy đã phân tích rằng cuộc bầu-cử bán phần Thượng-Viện 1970 tại Việt-Nam là một sự thắng lợi của Tổng-Thống Nixon. Ông nhận xét rằng trong năm qua, phe đối-lập Hoa-Kỳ đã nhiều lần chỉ-trích chánh-sách của Tổng-Thống Nixon ủng-hộ Việt-Nam Cộng-Hoa. Theo họ chế-độ miền Nam Việt-Nam là chế-độ độc-tại, không có hậu-thuần quan chúng, không theo quy-luật dân-chủ nên không đáng được ủng-hộ. Sau cuộc bầu-cử bán phần Thượng-Viện tại Việt-Nam, Tổng-Thống Nixon có thể lấy việc thắng cử của liên danh Hoa Sen làm một luận cứ trả lời những người đối-lập với mình. Mặc dầu chống đối chánh-quyền mãnh-liệt và có nhiên là không được Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu ưa thích, liên danh này vẫn đặc cử về vàng. Sự kiện ấy chứng tỏ rằng những cuộc bầu-cử tại Nam Việt-Nam có tính cách trung thực và tự-do. Vậy, chế-độ miền Nam Việt-Nam hiện nay có tính cách dân-chủ và đáng được Tổng-Thống Nixon ủng-hộ. Hơn nữa, nó còn giúp Tổng-Thống Nixon một luận cứ quý báu để trả lời Cộng-sản và dư-luận quốc-tế. Tại bàn hội đàm Ba-Lê, Việt-Nam Cộng-sản và Hoa-Kỳ đã đề-nghị hai bên chấm dứt chiến cuộc, tham dự cuộc bầu cử tự-do để nhân dân chỉ định người nắm chánh quyền ở miền Nam Việt-Nam. Phía Cộng-sản không từ-khước nguyên-tắc bầu-cử tự-do, nhưng khăng khăng đòi Hoa-Kỳ phải lật đổ các nhà cầm quyền hiện hữu của Việt-Nam Cộng-Hoa để lập một chánh-phủ liên-hiệp có Cộng-sản tham dự, với lý-luận rằng ngày nào Tổng-Thống Thiệu còn tại chức thì không thể có bầu-cử tự-do. Theo Giáo-sư Nguyễn-ngọc-Huy, dư-luận thế-giới không chấp nhận hết lý-luận Cộng-sản, nhưng cũng cho là họ có lý phần nào vì nhiều người nghĩ rằng cuộc bầu-cử năm 1967 không may gì tự-do trung thực.

Sau cuộc bầu-cử bán phần Thượng-Viện 1970, Tổng-Thống Nixon có thể lấy việc đặc-cử của liên danh Hoa Sen để chứng-minh rằng cuộc bầu-cử do Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu tổ-chức có thể trung thực, tự-do, và nếu Cộng-sản qua có ảnh-hưởng đến nhiều cử-tri như Phật-Giáo An-Quang, họ có thể thắng cử được mà không sợ bị gian lận.

Nếu Công-sản vẫn kháng kháng từ-khước giải-pháp bầu-cử tự-do, Tổng-Thống Hoa-Kỳ có thể phân bua trước dư-luận, thế-giới là Công-sản ngoan-cố, hiếu chiến hoặc không thực sự có hậu-thuan quan chúng ở miền Nam-Việt-Nam, nên không dám chấp nhận một cuộc bầu-cử tự-do thật sự, và kháng kháng đòi vào Chánh-phủ trước khi có cuộc bầu-cử để lấy thế chánh-phủ mà bắt ép dân chúng dồn phiếu cho mình. Như vậy, Tổng-Thống Nixon có thể giành lấy chánh-nghĩa về phía của Việt-Nam Cộng-Hoa và Hoa-Kỳ, và lấy được thiện cảm của dư-luận quốc-tế (70).

Những điều trên đây làm cho chính-sách của Tổng-Thống Nixon về Việt-Nam được dân-chúng Mỹ tín-nhiệm nhiều hơn và nhờ đó đảng Cộng-Hoa có thể hưởng được nhiều lợi thế trong các cuộc bầu-cử năm 1970 và 1972 tại Mỹ.

Hơn nữa, đối với Mặt Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam, vì có một vài điểm trong lập-trường chính-trị của Ấn-Quang tương đồng với lập-trường của Mặt Trận, nên nếu Ấn-Quang có tiếng nói hợp pháp mạnh mẽ trong chế-độ hiện tại, lập-trường của Mặt Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam sẽ có cơ hội được phe quốc-gia lưu ý hơn. Thật vậy, trong sáu điểm đề-nghị Hoà-Bình của Ấn-Quang, như ta đã biết, điểm thứ tư hoàn toàn phù hợp với lập-trường của Mặt Trận muốn xoá bỏ chế-độ Đế-Nhị Cộng-Hoa.

Ngoài ra, sự đặc-cử của liên danh Hoa Sen còn chứng tỏ rằng thái-độ chống đối của các lực-lượng quốc-gia đối với chánh-quyền hiện tại là chánh đảng và có lập-trường nhân dân.

Tóm lại do tất cả những điều lợi vừa kể mà sự đặc-cử của liên danh Hoa Sen có thể mang lại cho nhiều phe phái, người ta suy đoán rằng liên danh đã được sự hỗ-trợ âm thầm của các lực-lượng bên ngoài. Trả lời cuộc phong-văn của chúng tôi ngày 7-1-1971, Thượng-Tọa Tâm-Châu cũng đồng ý với lời suy đoán đó.

(70) Huy, Nguyễn-ngọc : Bài đã dẫn, trang 13-15.

Tuy-nhiên nếu trong thời-kỳ hoạt-động tranh cử Ân-Quang và liên danh Hoa Sen có thể đứng chung một lập-trường, thì sau khi đắc-cử chưa chắc liên danh này có thể duy trì liên tục được sự đồng nhất ấy vì nhiều lý-do. Trước hết, kinh-nghiệm cho thấy sự nhứt trí giữa các nghị-sĩ trong một liên danh là điều khó khăn vì không có một kỷ-luật chánh đảng chi-phối họ.

Hơn nữa mỗi cá-nhân lại có thể có những quan-điểm dị-biệt.

Ngoài ra, chủ-trương trung-lập và liên hiệp của Ân-Quang lại mâu-thuân với Hiến-Pháp mà các nghị-sĩ có nhiệm-vụ bảo-vệ.

Sau hết, với tư-cách một Giáo-Hội, Ân-Quang cũng không dễ dàng chi-phối được các chính-khách.

Trước tình-trạng phức-tạp ấy sự đắc-cử của liên danh Hoa Sen đã có những ý-nghĩa chánh-trị gì ?

c - Ý-nghĩa chánh-trị của sự đắc-cử của liên danh Hoa Sen - Sự đắc-cử của liên-danh Hoa Sen mang nhiều ý-nghĩa chánh-trị đặc-biệt liên hệ đến nhiều phe phái :

1. Đối với nội bộ Phật-Giáo hiện đang bị phân hoá, Ân-Quang có thể dùng sự đắc-cử của liên danh Hoa Sen để chứng-minh rằng họ thuộc phe đa số và phe Việt-Nam Quốc-Tự là thiểu-số.

Thật vậy, trong khi liên danh Hoa Sen do Ân-Quang bảo-trợ chiếm được 1.149.597 phiếu hay 26,74% tổng số phiếu bầu thì liên danh Cá Nước do Việt-Nam Quốc-Tự bảo-trợ chỉ chiếm được 320.365 phiếu hay 7,45% tổng số phiếu bầu và về hạng chót. Ngay tại Đô-thành Saigon, nơi địa bàn hoạt-động của Quốc-Tự, số phiếu của Hoa Sen cũng hơn gấp trên ba lần số phiếu của Cá Nước (88.291 phiếu so với 28.345 phiếu).

Trong cuộc phỏng-vấn nêu trên, Thượng-Tọa Tâm-Châu cũng không phủ nhận vị thế thiểu số của Quốc-Tự đối

với An-Quang. Theo ngài, An-Quang đã có nhiều lợi thế hơn Quốc-Tự để qui tụ được một lực-lượng đồng đạo.

Trước hết, các Tăng-sĩ Trung-phần, giới lãnh-đạo thực sự phe An-Quang, có một địa bàn hoạt động rất thuận lợi : đó là cả một miền Trung từ Quảng-Trị đổ vào với khá nhiều cơ sở Phật-Giáo và đa số nhân dân là Phật-tử đã được tổ-chức từ năm 1934 và được phát-triển mạnh suốt từ năm 1950 trở đi. Trong khi đó Tăng-sĩ gốc Bắc-phần, những người thực sự điều-khiển phe Quốc-Tự, chỉ là kẻ tha hương hành đạo đã để lại miền Bắc tất cả cơ sở và quần chúng Phật-Giáo đồng đạo vốn được gây dựng từ ngày phục hưng Phật-Giáo.

Thứ hai, tập đoàn Tăng-sĩ Trung-phần lại có nhiều điều-kiện hơn Quốc-Tự để gia-tăng số lượng Phật-tử thuận thành : Họ có khả-năng tổ-chức, kỹ-thuật tuyên vận khéo léo và ý thức chánh-trị cao độ; số lượng Tăng-sĩ phát triển dễ dàng vì những người miền Trung nghèo và thích hoạt-động cho lý-tưởng "Đạo-Pháp và Dân-Tộc" đã gia-nhập đông đảo đoàn Tăng-Giá. Vì vậy cán-bộ Phật-Giáo miền Trung tương đối được đầy đủ để bám sát Phật-tử không những tại miền Trung, mà còn để tăng viện cho Phật-tử miền Nam trong mấy năm gần đây.

Trái lại, Tăng-sĩ gốc Bắc-Phần vì mất đất và mất đệ-tử, nên chỉ có được một số lượng Phật-tử di-cư ít ỏi trong đó những người thuận thành lại hiếm hoi. Còn về phần giới Tăng-sĩ di-cư, cho tới nay một số đã già nua cần coi, một số thích vui Thiền hơn đấu tranh chánh-trị. Thiếu số còn lại mẫn cán về chánh-trị lại thấy đường lối của Quốc-Tự không thích-hợp với thị-hiệu của họ và, do đó, họ đã sang bên hàng ngũ An-Quang.

Sau hết, vẫn theo Thượng-Toạ Tâm-Châu, Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam lại ủng-hộ phe An-Quang. Do đó, Tăng, Ni, Phật-tử ở các vùng heo lánh và bất an-ninh đâu có thiện cảm với Quốc-Tự cũng không dám công-khai tổ tình liên kết vì họ sợ bạo lực đe dọa. Tự bản tính, Tăng, Ni, Phật-tử gốc Nam-Phần vốn hiền hoà không ưa đấu tranh cực đoan và thích phóng khoáng. Do đó họ chẳng muốn theo hẳn

bên nào trong hai phe Phật-Giáo đối nghịch, mặc dầu trong thâm tâm, họ có tán đồng đường lối của Quốc-Tự chẳng nữa.

Trái lại, vì thụ-ủy liên danh Hoa Sen cho rằng nhận-định trên đây không đúng vì chính ở những vùng bất an-ninh liên danh này đã được ít phiếu nhất và liên danh Mặt Trời được nhiều phiếu nhất.

2. Về phương-diện tương quan lực-lượng giữa các tôn-giáo ta thấy hai điểm quan-trọng :

- Trước hết, hiện tượng chia khu-vực ảnh-hưởng của các tôn-giáo được biểu lộ rõ rệt. Liên danh Vũ-vân-Hầu dẫn đầu ở quân khu I và quân khu II chứng tỏ rằng ảnh hưởng của Phật-Giáo Ấn-Quang chỉ mạnh ở miền Bắc và một số tỉnh miền Nam Trung-Phan.

Liên danh Nguyễn-văn-Huyền dẫn đầu ở quân khu III chứng tỏ ảnh-hưởng Công-Giáo ở khu này nổi bật nhất. Điều đó dễ hiểu vì đa số dân Saigon là Công-Giáo, đa số giáo dân di-cư sống tập-trung tại các vùng phụ cận Saigon, Biên-Hoa và một số tỉnh miền Đông Nam Phan.

Liên danh Huỳnh-văn-Cao dẫn đầu tại quân khu IV chứng tỏ khu-vực này thuộc ảnh-hưởng của Phật-Giáo Hoà-Hảo vì Ông Lê-Phước-Sang được coi là nhân-vật chính-thức của phe đa số Hoà-Hảo.

- Thứ hai, kết-quả bầu-cử chứng tỏ rằng hai lực lượng tôn-giáo quan-trọng hiện nay là Công-Giáo và Phật-Giáo Ấn-Quang.

Thật vậy liên danh Huỳnh-văn-Cao đã liên kết với nhiều đoàn thể mà trong đó Hoà-Hảo chỉ là một ; Công-Giáo, Cao-Đài, Hoà-Hảo, người Thượng, người Việt gốc Miền. Thêm vào đó, dư-luận cho hay họ lại được chánh-quyền ủng hộ. Vì vậy số phiếu hạng nhì của họ thật dễ giải-thích.

Vì khuynh-hướng trôi yếu của liên danh Mặt Trời vẫn là Công-Giáo, nên dù phân tán lực-lượng và không mạnh bằng năm 1967, trong kỳ bầu-cử này Công-Giáo cũng đưa

được hai liên danh vào Thượng-Nghi-Viện.

Phật-Giáo Ân-Quang, mặc dầu với sự đặc-cử về vang của liên danh Hoa Sen, cũng vẫn chưa chiếm được đa số tại Thượng-Nghi-Viện.

3. Về phương-diện tương-quan giữa các lực-lượng chánh-trị, kết-qua bầu-cử cho thấy tôn-giáo vẫn đóng vai-trò quan-trọng và có quân-chúng đông hơn chánh đảng. Bằng chứng là tất cả các liên danh tranh cử với danh nghĩa chánh đảng đều thất cử.

Ngoài ra, chánh-quyền đã không đóng được vai-trò quyết-định trong cuộc bầu-cử, vì trong ba liên danh (1, 6, 16) mà dư-luận tin chắc là được chánh-quyền ủng-hộ, chỉ có liên danh số 1 đặc-cử, trong khi liên danh này với thể liên kết của nó có thể thành công không cần sự giúp đỡ của chánh-quyền.

Sau hết, sự nhập cuộc của Ân-Quang trong kỳ bầu cử này có nghĩa thú nhận một sự thất-bại chiến-thuật. Họ đã phải thay chiến-thuật đấu tranh bất hợp-pháp bằng chiến thuật đấu tranh dân-chủ hợp-pháp để duy-trì được lập-trường chiến lược. Nếu Ân-Quang chấp nhận chánh-quyền hiện hữu khi nhập cuộc, thì chánh-quyền cho tới nay vẫn tiếp-tục phủ nhận tính cách hợp-pháp của Giáo-Hội Ân-Quang.

4. Dựa vào kết-qua của cuộc bầu-cử và của riêng liên danh Hoa Sen, ta có thể nhận xét rằng mặc dầu uy-tín cá-nhân đóng vai trò quan-trọng, nhưng nếu cá-nhân ấy không có được một tổ-chức vận-động tranh-cử đại quy-mô thì cũng khó có thể thành-công được. Trong chiều hướng ấy, ta thấy nen chánh-trị đặt căn-ban trên các đoàn thể đã to ra dần dần hữu-hiệu tại Việt-Nam.

5. Đối với các lực-lượng đối-lập, sự đặc-cử của liên danh Hoa Sen có triển vọng khuyến-khích các lực-lượng này hoạt động mạnh mẽ hơn theo những quy-luật của trò chơi dân-chủ vì nó mang lại cho họ niềm hy-vọng thành công.

6. Đối với nhà cầm-quyền hiện-hữu, sự đặc-cử của liên danh Hoa Sen mang lại cho họ cả những điều lợi lẫn những điều bất lợi.

Những điều lợi là :

- Sự kiện Ấn-Quang chấp nhận khung cảnh pháp-ly của chế-độ Đệ Nhị Cộng-Hoa đưa lại cho chánh-quyền một căn-bản nhân dân rộng rãi hơn và hứa hẹn một sự bình-thường-hoá sinh-hoạt dân-chủ tại Việt-Nam.

- Sự đặc thặng của liên danh Hoa Sen chứng tỏ chánh-quyền không đàn áp đối-lập và đã tổ-chức cuộc bầu-cử tự-do và trung-thực.

Tuy-nhiên, bên cạnh những điều lợi ấy, cũng có những bất lợi cho chánh-quyền hiện-hữu :

- Sự đặc thặng về vang nhất của liên danh Hoa Sen bên cạnh sự đặc cử kèm về vang hay sự thất cử của các liên danh thân chánh-quyền ít nhất cũng tạo cho mọi người ý-nghĩa rằng đường lối hiện tại của chánh-quyền không được đa số nhân dân tán đồng. Sự kiện này khiến chánh-quyền mất mát phần nào uy-tin và, do đó, cần phải duyệt xét lại chính-sách.

- Mặc dầu ở vị-thế thiểu-số, trong Thượng-Nghi-Viện, các nghị-sĩ thuộc khuynh-hướng Ấn-Quang cũng có thể gây khó khăn cho Hành-pháp nếu uy-tin Ấn-Quang càng ngày càng lên cao, và do đó, họ có hy-vọng liên kết được một số nghị-sĩ đồng-viện và dân-biểu tại Hạ-Nghi-Viện.

Tiếp theo 25 trang: Đoạn V. - Thái độ của P.G. trong các cuộc bầu cử 1971

Nhìn lại diễn trình Phật-Giáo can-thiệp trong tất cả các cuộc tuyển-cử từ 1965 đến nay, ta thấy Phật-Giáo đã biết sử-dụng một cách hữu-hiệu khí-giới bầu-cử vào cuộc đấu-tranh chánh-trị. Nếu bầu-cử là một hình-thức diễn-tả công luận hay, nói theo Giáo-sư Burdeau, là một hình-thức biểu-lộ ý chí nhân dân, thì công luận đối với Phật-Giáo đã biến đổi qua ba thời-kỳ. Trong cuộc bầu-cử địa-phương năm 1965, sự thành công của các ứng-cử-viên Phật-Giáo chứng tỏ công luận thuận lợi cho Phật-Giáo.

Nhưng trong các cuộc bầu-cử 1966, 1967, công-luận ấy lại hoàn-toàn bất lợi, vì mặc dầu Phật-Giáo hô-hào quyết-liệt tẩy chay bầu-cử, tỷ-lệ cử-tri đầu phiếu đã khá cao hơn các cuộc bầu-cử khác. Trái lại, công-luận năm 1970 tỏ ra thuận lợi cho Phật-Giáo với sự thành-công của liên-danh Hoa Sen mặc dầu tỷ-lệ cử-tri đi bỏ phiếu rất thấp.

Trong diễn-trình can-thiệp của mình vào chánh-trường, Phật-Giáo đã không dừng lại ở ngưỡng cửa của ôn-hòa vì họ đã áp-dụng cả những kỹ-thuật hành-động mạnh.

o
o) o

CHƯƠNG 11

NHỮNG KỸ-THUẬT HÀNH-ĐỘNG MẠNH

Những kỹ-thuật hành-động ôn-hòa vừa được phân-tích trong Chương I chỉ là một phần trong toàn bộ chiến-thuật đấu tranh của các đoàn thể áp lực. Tuy nhiên, đối với Phật-Giáo phần này lại có tầm quan trọng đặc biệt, vì tự bản-chất tinh-thần của mình Giáo-Hội thường coi việc thuyết phục là một sở-trường. Chỉ trong trường-hợp không đạt được mục-tiêu yêu sách, đoàn-thể mới chuyển từ ôn-hòa sang mạnh bạo nhằm lay chuyển ý chí "ngoan cố" của chính quyền và tạo nên một luồng công-luận thuận lợi cho chánh nghĩa của mình. Xét theo lý-do, người ta chia các hành-động mạnh bạo ra làm ba loại : phòng-vệ, tấn-công, và hãm-hợp (vừa phòng-vệ vừa tấn-công) (71). Ở đây, các hành-động ấy được phân-tích theo mục độ và gồm có : việc thị-uy và dọa nạt, hành-động trực-tiếp, và việc công-khai nổi dậy chống lại quyền-lực quốc-gia. Nếu loại hành-động đầu tiên không có kết-qua, đoàn-thể sẽ áp-dụng loại thứ hai. Nhiều khi hai loại này được áp-dụng cùng một lúc để hỗ-trợ lẫn nhau. Loại hành-động thứ ba sẽ được sử-dụng nếu hai loại trên đều vô hiệu lực. Ba loại hành-động vừa kể là đối tượng phân-tích của ba Tiết.

TIẾT I

THỊ-UY VÀ HẴM-DỌA

Ta dựa trên sự phân-tích lý-thuyết để nhận-xét các hành-động thị-uy và hãm-dọa của Phật-Giáo.

ĐOẠN I - PHÂN-TÍCH LÝ-THUYẾT

Mở đầu cho những biện-pháp mạnh là việc thị-uy và hãm dọa, tức là phô-trương thế-lực làm cho đối-phương

(71) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn I, trang 196 và kế tiếp.

Sợ hãi để rồi chịu nhượng bộ trước những yêu-sách của Phật-Giáo.

Đối tượng thi-uy và hăm dọa tùy theo bản chất cuộc tranh đấu và hoàn cảnh chánh-trị. Nếu trong cuộc tranh đấu năm 1963, Phật-Giáo chỉ có một đối tượng duy nhất là các nhận-vật Hạnh-Pháp, thì trong những cuộc tranh đấu sau năm 1963, đối tượng thi-uy và hăm dọa được mở rộng. Cuộc tranh đấu năm 1964 nhằm vào chánh-quyền và "dư đảng Cán-Lao lọt lưới" - được hiểu là những người Công-Giáo thuộc chế-độ cũ. Năm 1965, chánh-quyền Việt-Nam và người Mỹ; năm 1966, chánh-quyền Việt-Nam, người Mỹ và các đoàn thể chống đối họ; Năm 1967, chánh-quyền và những Phật-tử chống đối cuộc đấu tranh.

Sự thi-uy và hăm dọa thường được biểu lộ dưới hai hình-thức :

- Những lời tuyên-bố và hiệu-triệu nhằm hoặc chứng tỏ sức mạnh của đoàn thể hoặc kêu gọi lòng căm phẫn và chiến-đấu-tính của đoàn-viên để biến tình-cảm thành một sức mạnh vật-chất có hiệu lực thôi thúc giới hữu quyền phải nhượng bộ.

- Nếu hình thức thứ nhất không có kết-quả, đoàn thể chuyển sang hình thức thứ hai là biểu dương lực lượng bằng các cuộc xuống đường, biểu-tình.

Sự phân tích lý-thuyết trên đây cần phải được chứng-minh bằng những sự kiện thực-tế.

ĐOẠN II - VIỆC ÁP-DỤNG KỸ-THUẬT THI-UY VÀ HĂM DỌA

Ngay trong cuộc tranh đấu đầu tiên năm 1963, Phật-Giáo đã sử-dụng kỹ-thuật thi-uy và hăm dọa. Sức mạnh của Phật-Giáo được biểu dương bởi đó là cả một lò lửa công phẫn trước những vụ chết chóc thảm thương được tôn vinh là "tuân đạo" và trước những biện-pháp độc-tại khắt khe. Ban tuyên ngôn tranh đấu đầu tiên có mang chữ ký của các vị lãnh-đạo Phật-Giáo uy-tín như Trí-Quang, Tịnh-Khiết, Tường-Vân, Mật-Hiền, v.v... và được công-bố trong

bầu không-khí sôi sục căm hờn là một hình-thức thị-uy mạnh mẽ đối với cả chánh-quyền địa-phương Huế lẫn chánh-phủ Trung-Uông. Sự thị-uy đối với chánh-phủ càng rõ rệt hơn khi các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo tại Saigon đoàn kết chặt chẽ với Phật-tử miền Trung và công-khai phát động cuộc đấu tranh toàn diện bằng việc công-bố bản tuyên ngôn chung của 11 tập đoàn, giáo-phái "thề nguyện đoàn kết đến cùng trong cuộc tranh thủ bất bạo và hợp-pháp để thực-hiện nguyện vọng của toàn thể Phật-Giáo đồ".

Sự thị-uy lên tới mức độ quyết-liệt với lá tâm thư đầu tiên của Thượng-Tọa Tâm-Châu, Phó Hội-chủ Tổng Hội Phật-Giáo Việt-Nam. Văn-kiến lịch-sử này nói lên ý chí liêu chết để bảo-vệ tôn-giáo :

"Giờ đây toàn thể Phật-Giáo đồ, không phân biệt xuất-gia hay tại-gia, người Việt hay ngoại-kieu, hễ ai còn nhiệt-tâm vì đạo, chúng ta hãy tự bình tĩnh, luôn luôn muốn người như một, sẵn sàng bảo-vệ Đạo, chết vì Đạo".

Những lời xạch động sau đây có hiệu lực như tiếng kèn thúc quân bất chấp hiểm nghèo :

"Các vị xuất-gia, nhất là các anh chị em thanh-niên Tăng, Ni phải in sâu hình bóng đức Phật nơi tâm chúng ta, sẵn sàng mặc áo cà sa, chấp tay hướng lên đức Phật, bước dài trên đường tử Đạo, để bảo-vệ Chánh Pháp trong trật-tự, hoà-bình và bất bạo động ...

"Toàn thể Phật-Giáo đồ ! Bình tĩnh ! Tiến !
Lịch-sử Phật-Giáo Việt-Nam sẽ ghi tên quý vị (72)."

Tiếp theo tài-liệu này là cả một rừng bướm bướm, truyền đơn được bí-mật phổ-biến; các biểu-ngữ được công-khai dựng lên; tất cả đều chứa đựng nội-dung tranh đấu một mặt một con với chánh-quyền. Trong các văn-thư

(72) Các tài-liệu trích dẫn về vụ tranh đấu 1963 được lục đăng trong cuốn Việt-Nam Phật-Giáo tranh-đấu sử của Tuệ Giác, trang 119-224.

trao đổi với chánh-quyền, Ủy-ban Liên phái hăm dọa sẽ không thể tiếp tục giữ lời cam-kết và chánh-quyền phải gánh chịu mọi hậu-quả nghiêm-trọng nếu "Thông-cáo chung" không được tôn-trọng và thực-thí đúng đắn.

Sự thị-uy và hăm dọa không những bằng lời nói mà còn bằng cả những hành động cụ-thể có tác-dụng gây xúc động mạnh mẽ : biểu-tình, tuyệt thực, tự thiêu ... Nhưng các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo vẫn còn kiêng nề một chế-độ độc-tài vốn có nhiều phương-tiện.

Trái lại, từ năm 1964 sự e dè này đã biến hẳn trong mọi cuộc tranh đấu ; Phật-Giáo công-khai đe dọa sự sống còn của các chánh-phủ, các nhân-vật lãnh-đạo. Chẳng hạn như trong bức thư ngỏ đệ ngày 7-8-1967 (về vụ Hiến-chương Phật-Giáo) gửi vị Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia, Đại-Đức Hộ-Giác đã nhắc lại gương Nguyễn-Khánh bị lật đổ, ông viết :

"Chánh-quyền gây mâu-thuẫn giữa chánh-quyền với Phật-Giáo trong lúc này chỉ có lợi cho Cộng-sản, và như vậy là tự đào hố chôn mình (73)."

Trong buổi thuyết-pháp đêm 16-9-1967, Đại-Đức Chánh-Lạc tuyên-bố :

"Phật-Giáo sẽ liều chết để bảo-vệ Hiến-chương, và trong hình-thức tranh đấu, Phật-Giáo sẽ không từ-chối bất cứ một hình thức nào, miễn hợp với tinh-thần bất bạo động, Bi, Trí, Dũng của nhà Phật, và sẽ do lệnh của Giáo-Hội.

Ông còn hạ tối hậu thư cho vị Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia :

"Nếu Trung-tướng Thiệu không tỏ thái-độ rút hay không rút sắc-luật 23/67, Giáo-Hội sẽ hạ tối-hậu-thư hện

(73) Nhật-báo Sống, ngày 8.3.1967.

hạn nhất định trong năm ngày, bảy ngày. Sau đó nếu không được trả lời, Giáo-Hội sẽ cho phép Ủy-ban bảo-vệ Hiến-chương thông-báo cho chánh-quyền biết trước là Giáo-Hội sẽ biểu-tình (74)."

Ủy-ban bảo-vệ Hiến-chương được thành-lập do quyết-định ngày 12-8-1967 của Giáo quyền An-Quang và có nhiệm vụ điều-khiển cuộc tranh đấu bảo-vệ Hiến-chương. Ủy-ban đã đưa ra những tuyến ngôn này lửa : hăm dọa chuyển cuộc tranh đấu từ ôn hoà đến quyết-liệt (tuyên cáo số 1), quyết tranh đấu bất khuất, trường kỳ (tuyên cáo số 4), cương quyết không lùi dù phải đổi với bất cứ giá nào để giữ lấy sự trong sạch, thuan nhất và pháp-lý của Giáo-Hội (tuyên cáo số 5 ngày 11-11-1967)."

Sự hăm dọa còn có tính cách bạo động qua lời tuyên bố của Đại-Đức Hộ-Giác trong bài thuyết-pháp đêm 9-9-1967 tại chùa An-Quang :

"Sẽ lập một lực-lượng cách-mạng hay một mặt trận để bảo-vệ Đạo-Pháp và quốc-gia dân-tộc ... Nếu mọi việc không được giải-quyết êm đẹp, thì sẽ tiến lên chiếm lại Việt-Nam Quốc-Tự và Viện Hoa-Đạo (75)."

Dư-luận cho rằng lời đe dọa ấy giống như một "lệnh hành quân" và cuộc hành quân tái chiếm Quốc-Tự đã thực sự diễn ra ngày 29-10-1967, nhưng bị thất-bại hoàn toàn trước sức ngăn cản của Công-lực.

Mặc dầu bị thất-bại, An-Quang vẫn tiếp-tục hăm dọa một cách rộng rãi hơn : Trong cuộc họp báo ngày 11-11-1967, Thượng-Tọa Trí-Quang tuyên-bố :

"Chúng tôi tranh đấu với chánh-quyền là tranh đấu bằng luật-pháp. Nhưng khi chánh-quyền từ-chối giải-quyết trên căn-bản pháp-lý thì sự tranh đấu sẽ lan từ

(74) Nhật-báo Chánh-Đạo, 17.9.1967.

(75) Nhật-báo Chính-Luận, 12.9.1967.

Dinh Độc-Lập sang cơ-quan Lập-Pháp, hay Toà-Án Hành-Chánh cũng không chùng (76)".

Vài ngày sau cuộc họp báo đó, Đại-Đức Hộ-Giác tiếp-tục dùng sức mạnh quân chủng để thị-uy bằng cách hỏi ý-kiến Phật-Giáo đồ và được đáp lại bởi hàng mấy trăm miệng đồng thanh hô to "bằng long" trong việc "đóng góp hậu-thuan bằng vật-lực, tài-lực cho Giáo-Hội vô điều-kiện để thực hiện một thành công vĩ-dại của lịch-sử (77)".

Một Tăng-sĩ khác là Thượng-Toạ Đôn-Hậu còn đe dọa "bỏ xứ đi tị nạn tại nước khác" vì "không có tự-do tôn-giáo". Được báo-chí hỏi về biện-pháp di-cư ra nước ngoài, Ngài trả lời :

"Phật-Giáo chúng tôi chưa từng nói mà không nói điều gì cả. Vậy thì đứng trước nỗi đau khổ cùng độ của quân chủng Phật-tử Việt-Nam bởi sự có tình đàn áp Phật-Giáo của chánh-phủ, đương-nhiên là lời tuyên-bố của tôi phải có một hậu-thuan và kế-hoạch hẳn hoi. Tuy-nhiên tôi thấy chưa đến lúc tiết lộ kế-hoạch".

Nhưng cuộc di-cư không xảy ra và người ta chỉ thấy riêng Thượng-Toạ Đôn-Hậu sau biến cố Tết Mậu-Thân đã không còn ở trong vùng quốc-gia nữa.

Vì mọi phương-thức thị-uy và dọa nạt nêu trên không lay chuyển nổi lập-trường của chánh-quyền, nên các nhà lãnh-đạo đấu tranh đã cụ-thể-hoá sự đe dọa trước hết bằng những cuộc biểu-tình : biểu-tình tuần hành, biểu-tình ngồi, biểu-tình đứng ... (78). Nhưng vì sự hăm dọa nhiều khi quá lớn và không tương xứng với thực-lực của đoàn thể nên đã khiến công luận nhìn bằng cặp mắt nghi ngờ và chánh-quyền càng thêm cứng rắn. Trong hoàn cảnh ấy, quân chủng Phật-tử càng bị mệt mỏi.

(76) Nhật-báo Chánh-Đạo, 12.11.1967.

(77) Nhật-báo Chánh-Đạo, 31.10.1967.

(78) Kỹ-thuật biểu-tình được J. Meynaud phân-tích trong sách đã dẫn II, trang 206-207.

Vì thi-uy và dọa nạt không đạt được mục-tiêu tranh đấu, nên Phật-Giáo phải tiến thêm một bước nữa : hành động trực-tiếp.

TIẾT II

HÀNH-ĐỘNG TRỰC-TIẾP

Cũng như Tiết I, Tiết II này bắt đầu bằng sự phân-tích lý-thuyết trước khi khảo-sát từng kỹ-thuật hành động trực-tiếp.

ĐOẠN I - PHÂN-TÍCH LÝ-THUYẾT

Nếu thi-uy và dọa nạt không đạt được kết-quả mong muốn, các nhà lãnh-đạo tranh đấu phải hướng dẫn Tăng, Ni và Phật-tử bãi khóa, đình công, bãi thị, tuyệt thực, can trở lưu thông, đem bàn thờ bầy ra giữa đường phố, tự thiêu và mổ bụng.

Trong thực-tế, khó ấn-định nổi ranh giới giữa biểu-tình và các hành động trực-tiếp, vì chúng đều xảy ra cùng một lúc và đều nhằm gây áp-lực mạnh mẽ đối với chánh quyền. Việc phân biệt lý-thuyết cốt danh đấu sự chuyển hướng hành động, vì biểu-tình đơn thuần mới chỉ là hành-động biểu-dương lực-lượng, trong khi những hành-động trực tiếp là những thử thách cường độ ý chí của nhà cầm quyền nhằm gây xáo trộn trong cuộc sinh-hoạt của nhân-dân và những bất trắc cho giới hữu-trách. Việc thi-uy và hăm dọa thường được phối hợp hữu-hiệu với những hành động trực-tiếp ; tập hợp đông đảo quần chúng để phô trương thành thế và hô hào các hành động tập-thể.

ĐOẠN II - BÃI KHOÁ, ĐÌNH-CÔNG, VÀ BÃI THỊ

Các Phật-tử đã được tập hợp dưới cờ đấu tranh để thực hiện các hành động mạnh. Trước hết, bãi khóa, đình công và bãi thị cũng chỉ là những hình-thức khác nhau của khái-niệm đình công. Theo nghĩa nguyên-thủy của nó, đình công là sự đồng lòng cùng nghỉ việc của một số

đồng công-nhân để, bằng phương tiện áp-lực đó, buộc chủ-nhân chấp nhận yêu-sách của mình (79). Ý-nghĩa ở đây không có tính-cách bảo-vệ nghề-nghiệp, nhưng nhằm mục tiêu chánh-trị. Do đó ta gọi việc đình công của Phật-tử để yểm trợ cho các yêu-sách chánh-trị là đình công chánh-trị vì nó đã trở thành một khí cụ chánh-trị để phản đối một quyết-định hay một chánh sách của Nhà Nước không có hậu-quả trực tiếp đến đời sống lao động. Theo luật lao-động, hành-động này không được "quyền đình công" che chở; nó trở nên phi-pháp và là một lỗi mà nghiệp-đoàn hưởng dân cuộc đình công và các công nhân tham-dự phải chịu trách-nhiệm. Có lẽ vì hậu-quả pháp-ly ấy mà trong suốt thời kỳ tranh đấu năm 1963 người ta không được chứng kiến các cuộc đình công của Phật-tử. Thật vậy, một mặt hành-động này trong một chế-độ độc-tài hợp-pháp dễ bị đàn áp; mặt khác các nghiệp-đoàn cũng như công nhân Phật-tử ngay đó cũng còn đứng ngoài vòng điều-khiển của Tổng Hội Phật-Giáo. Việc đình công chỉ xảy ra từ sau ngày 1-11-1963 và cũng không gây xáo trộn nghiêm trọng, vì số lượng đoàn-viên công-nhân Phật-tử hầy còn ít ỏi.

Vì đình công là tạm đình chỉ hoạt-động nghề-nghiệp, nên khi giới buôn bán ngưng họp chợ, học-sinh không vào lớp học là họ đã bãi thị, bãi khoa. Việc bãi thị cũng chỉ được áp-dụng sau năm 1963. Tuy-nhiên khi những xách-động-viên cưỡng bách giới tiêu thương không được mở cửa tiệm và họp chợ để hưởng ứng phong-trào đấu tranh, chẳng hạn như trong cuộc đấu tranh năm 1966, thái-độ bạo-động này đã làm Phật-Giáo mất một số hậu-thuan. Chỉ có việc bãi khoá là một hình thức hưởng ứng việc đấu tranh đã được thực hiện ngay từ thời Đệ-Nhứt Cộng-Hoa và kế tục trong những năm sau. Nhưng đến năm 1966, lại chính một số những đoàn thể sinh-viên Saigon đã đứng lên phản-đối việc đấu tranh bạo-động.

(79) Quỳnh, Nguyễn-quang : Luật Lao-động và An-ninh Xã-hội, trang 155, Saigon, 1968.

ĐOẠN III - TUYỆT THỰC

Tuyệt thực được coi là một phương thức đấu tranh trường cửu của Phật-Giáo vì nó đã được áp-dụng trong mọi cuộc tranh đấu : Tăng, Ni đã nhũn ăn để đe dọa chánh-quyền phải chịu trách-nhiệm về mạng sống của họ nếu nguyện-vọng không được thoả-mãn.

Cuộc tuyệt thực tập thể đầu tiên trong lịch-sử tranh đấu của Phật-Giáo Việt-Nam xảy ra lúc 14 giờ 30 ngày 30-5-1963 và kéo dài trong 48 giờ. Nó được thực hiện bởi một tập đoàn Tăng Ni đông đảo tại Saigon, tiếp theo một cuộc biểu tình tuần hành. Tổng Hội Phật-Giáo một mặt kêu gọi tinh-thần hy-sinh cao cả vì Đạo Pháp; mặt khác thông báo cho chánh-quyền biết sự biểu lộ quyết tâm tranh đấu đầu tiên của họ (80).

Hành-vi nhịn ăn tập thể của các nhà tu hành đã làm xúc động lương tâm một phần quan chúng, trong khi chánh-quyền đương thời vẫn giữ vững lập-trường. Dùng phương-pháp tuyệt thực để phản đối nhà cầm quyền là một hình thức đấu tranh bất bạo động. Tuy-nhiên phương-pháp này không mang lại kết-qua nào đáng kể, và càng ngày nó càng trở nên vô hiệu lực có lẽ một phần vì mục-tiêu tranh đấu không nhiều thì ít đều có tính-cách chánh-trị, một phần vì tất cả các cuộc tuyệt thực đã không gây nên một cái chết nào để tạo công luận thuận lợi và áp-lực mạnh mẽ. Bằng chứng là vụ tuyệt thực đồng đã 100 ngày liền của Thượng-Tọa Trí-Quang (từ 8-6 đến 15-9-1966) được kể là lâu dài nhất, nhưng vẫn không nguy đến tính mạng của Ngài và cũng không tạo được ảnh-hưởng đáng kể đối với công luận và chánh-quyền.

Kể từ vụ đó, chiến-thuật đấu tranh này đã hết hiệu nghiệm, vì một cuộc tuyệt thực khác và "tuyệt ngôn" cũng vẫn của Thượng-Tọa Trí-Quang trước Dinh Độc-Lập năm

(80) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, trang 76 và kế tiếp.

1967 đã hoàn toàn thất bại và cuối cùng Ngài phải trở về chùa Ân-Quang (81).

DOẠN IV - ĐEM BÀN THỜ XUỐNG ĐƯỜNG

Song song với việc tuyệt thực 100 ngày, Thượng-Tọa Trí-Quang đã hô-hào Phật-Tử đem bàn thờ Phật và tổ tiên bày ra giữa đường để chặn lối đi trong thành phố Huế. Chiến-thuật này lần đầu tiên xảy ra trên thế-giới và đã lan tràn tới một vài thành-phố khác thuộc miền Trung và thủ-đô Saigon mặc dầu nó bị Thượng-Tọa Tâm-Châu chống đối công khai.

Theo Thượng-Tọa Nhất-Hạnh, việc đem bàn thờ tổ tiên đặt ra giữa đường "biểu lộ ý chí dựa vào căn-bản văn hoá truyền-thông dân-tộc để chống lại những lực lượng (...) đang hăm dọa đất nước". Văn theo Ngài, hành-động ấy "là sự thách-thức bị thông mà hùng tráng của lực-lượng tâm linh nhân bản đối với (...) những thế-lực hiệp đáp ngoại bang (82)."

Thực ra về phương-diện chánh-trị người ta chỉ thấy việc thờ phượng vốn có tánh cách thiêng liêng đã được sử-dụng vào mục-tiêu chánh-trị. Xét cho cùng, đó cũng chỉ là một kỹ-thuật làm cản trở lưu-thông công cộng để gây xáo trộn và bất mãn trong dân chúng. Thật vậy, việc dẹp những bàn thờ bày ra giữa đường có thể bị coi là hành vi xúc phạm tới tín-ngưỡng thiêng liêng và, do đó, có thể gây hậu-quả chánh-trị nguy-hiêm cho chánh-quyền. Kỹ-thuật cản trở lưu-thông đã được Phật-Giáo áp-dụng từ năm 1963 khi ra lệnh cho Phật-tử biểu-tình phải quỳ tất cả xuống giữa công lộ để tụng kinh niệm Phật nếu bị nhân-viên công lực giải-tán (83). Nếu hành-động này hồi ấy đã gây xúc-

(81) Nhật-báo Sống, 6.10.1967. Cũng xem : Thêm, Đoàn : Việc từng ngày năm 1967, trang 226.

(82) Nhất-Hạnh, Thích : Cuộc tranh-dấu bất bạo-động ở Việt-Nam, tạp chí Đối Diện, số 2, tháng 8/1969. Trang 27.

(83) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, trang 197 và kế tiếp.

động lớn lao, thì việc đem bàn thờ xuống đường tuy có tánh cách táo bạo hơn lại không gây được ảnh-hưởng thuận lợi nào, nếu không muốn nói là bất lợi vì nhiều lẽ. Trước hết quan chúng coi đó có vẻ là một hành-động tuyệt vọng và dễ gây ác cảm cho nhiều hạng người, vì nó được thực hiện cùng với những hình-thức bạo-động khác như của cây đẽ giữa đường, đốt xe công quyền, ném đá vào nhân-viên công-lực.

Hơn nữa, chiến-thuật táo bạo ấy lại còn gây ra sự bất đồng quan điểm giữa phe quá khích và phe ôn hoà trong nội bộ Giáo-Hội và làm Phật-Giáo suy yếu. Vì vậy chánh quyền đã dọn dẹp những bàn thờ bày ra giữa đường mà không phải gánh chịu một hậu-quả đáng kể nào.

Chiến-thuật cản trở lưu-thông, chặn đường, đã được các đoàn thể áp-lực Âu-Châu áp-dụng nhiều lần. So-sánh sự thi-hành chiến-thuật này tại Pháp và tại Việt-Nam, ta có thể nhận thấy ngoài nguyên-nhân chánh-trị và tôn-giáo, sự thất bại của Phật-Giáo còn có nguyên-nhân kỹ-thuật : Việc cản trở lưu-thông đã diễn tiến quá lâu (từ đầu tháng 6 tới cuối tháng 6 năm 1966), thực hiện lẻ tẻ, rời rạc và thiếu sự ngoạn mục, sôi nổi (84).

ĐOẠN V - TỰ THIÊU

Hình như chưa có kỹ-thuật hành-động nào gây xúc động mạnh mẽ bằng việc tự thiêu. Đó là sự tự đốt cháy thân xác của mình để đạt mục-tiêu nào đó, chẳng hạn như phân đối chánh sách của nhà cầm quyền. Tự thiêu cũng có thể là một tập tục tôn-giáo hay xã-hội. Ở đây ta không phân đoán giá-trị đạo đức, nguyên động lực và tính cách tự nguyện hay không tự nguyện của hành-vi tự thiêu do giới Tăng-sĩ thực hiện. Ta chỉ trình bày các quan-niệm về tự thiêu và phân tách các kỹ-thuật chánh-trị đã được áp-dụng.

(84) Neynaud, Jean : Sách đã dẫn I, tr. 206 ; sách đã dẫn II, tr. 156.

A - CÁC QUAN-NIỆM KHÁC NHAU VỀ TỰ THIÊU

1. Những người tán dương hành-vi tự thiêu "dựa vào kinh Pháp-Hoa và kinh Phạm-Võng để phát nguyện tự thiêu cúng dường tam bảo và cầu nguyện bảo-vệ Chánh-Pháp của Đức Phật (85)". Bằng cách tự thiêu, Tăng-sĩ Việt-Nam nói lên với tất cả mãnh lực và quyết tâm của mình rằng mình có thể chịu đựng sự đau đớn vĩ-đại nhất để bảo-vệ Đạo Phật. Theo niềm tin Phật-Giáo, sự sống không giới hạn trong một khoảng thời-gian 60, 80 hay 100 năm, nó có tính cách vĩnh cửu phổ quát và không bị giới hạn vào thân xác. Do đó biểu lộ ý chí và phạn đối bằng cách tự thiêu không phải là phạm một hành-vi huy hoại, nhưng là hoàn tất một hành-vi xây-dựng, nghĩa là chịu đau đớn và chết cho sự sống của tín ngưỡng và dân-tộc. Nó cũng không phải là tự tử vì tự-tử là tự huy cuộc sống vì những lý-do hèn nhất và vị kỷ (86).

2. Trái lại, tất cả mọi chánh-quyền chỉ nhìn thấy trong việc tự thiêu một dụng ý chánh-trị và đều không đồng ý với chu-trường trên.

Ngoài ra chính các giới lãnh-đạo Phật-Giáo Việt-Nam và thế-giới cũng cho rằng tự thiêu không phù-hợp với giáo-lý nhà Phật. Lại thay, chính vào năm 1963, vị Đại-diện Trị-Sự-Trưởng Giáo-Hội Tăng-Già Việt-Nam đã trả lời đơn thỉnh-nguyện tự thiêu của Hoà-Thượng Quảng-Đức : "Trên nguyên-tắc pháp-lý (Luật Phật đã định cũng như luật thế-gian), Giáo-Hội không thể chấp nhận điều nguyện thiêu đốt của Hoà-Thượng (87)", nhưng rồi chính giới lãnh-đạo Phật-Giáo đã tổ-chức chu-đạo cuộc tự thiêu của Ngài.

Vào năm 1966, Thượng-Tọa Vipassi Thero, Chủ-tịch Phật-Giáo Tích-Lan, tuyên bố :

(85) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, tr. 100. Cũng xem : Thư, Nguyễn-văn : Dân hóa và Xã-lợi, Bách-Khoa số 177 (15.5.69), tr. 29 và kế tiếp.

(86) Mãn-Giác, Thích : The meaning of self-burning in the doctrine of Buddha, Tài-liệu phổ-biến năm 1963.

(87) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, trang 129.

"Tự thiêu hủy diệt đời sống và hoạt-động chánh-trị là trái lời Phật dạy (88)".

3. Nhận xét về ý nghĩa chánh-trị của việc tự thiêu - Thực ra việc đốt người là một hiện tượng xã-hội thông thường đã có từ lâu đời tại một số quốc-gia, nhưng với những mục-đích khác nhau : một biện-pháp hình sự, hoặc một hình thức chống đối nhà cầm quyền hà khắc, hoặc một mỹ tục.

Về phương-diện chánh-trị, bị đốt vì phạm trọng tội hay tự đốt để phản đối một chế-độ đều đưa tới một kết quả giống nhau là gây được xúc động tâm-lý sâu xa. Nhưng không phải vụ tự thiêu nào cũng làm lòng người xót xa và kính phục. Thật vậy công luận, sẽ dễ dàng xúc động thực sự nếu việc tự thiêu là hành-vi phản kháng của những kẻ có thể bị áp-bức, khủng-bố, và không còn phương-tiện nào khác hơn để canh tinh bọn cầm quyền độc-tại, độc đoán. Trái lại nếu việc tự thiêu nhằm tạo áp-lực chánh-trị hoàn toàn sẽ khó đạt được kết-qua mong muốn. Thực tại chánh-trị Việt-Nam có thể chứng minh cho nhận xét này. Tám vụ tự thiêu trong vòng ba tháng (từ 11-6 đến 29-9-1963) đã làm xúc động mạnh mẽ nhận tâm, và người hy-sinh trở thành anh hùng cứu-tinh của cả tập-thể. Trái lại năm vụ tự thiêu trong thời-gian ngắn nhất là ba ngày (từ 29-5 đến 31-5-66) - và riêng trong ngày đầu tiên đã có ba vụ tự thiêu ở ba đô-thị Saigon, Hue, Đà-Lạt - trong không khí chánh-trị rối loạn đã chẳng tạo được ảnh-hưởng chánh-trị thuận-lợi nào, vì công luận cả trong lẫn ngoài nước đã thờ ơ đối với cuộc đấu tranh chánh-trị của Phật-Giáo. Thật vậy, các nhân-vật chánh-trị và tôn-giáo trên thế-giới đều không hưởng ứng lời kêu gọi của các lãnh-tụ tranh đấu. Ngày 30-5-1966, Tổng-Thống Johnson tuyên-bố :

"Các hành-động tuyệt vọng chỉ làm mờ tối con đường dẫn tới Quốc-Hội Lập-Hiến".

Ngày 31-5-1966, Tổng Thư-ký Liên-hiệp-Quốc
U-Thant đồng thời là một Phật-tử đã nhận xét :

"Các vụ tự thiêu không lợi cho mục-đích tranh
đấu của Phật-Giáo".

Chủ-tịch Phật-Giáo Tích-Lan cũng như Chủ-tịch
Hội-đồng Phật-Giáo thế-giới là Công-chúa Pismai đều không
tán thành việc tự thiêu vì chánh-trị (89).

Bước sang năm 1967, chiến dịch tự thiêu vừa để
chống Hiến-chương mới của Phật-Giáo vừa để chống kết-qua
bầu cử Tổng-Thống và Thượng-Nghị-Viện cũng chịu chung số
phận tham bại với chiến-dịch tự thiêu năm 1966.

B - CÁC KỸ-THUẬT CHÁNH-TRỊ ĐƯỢC XỬ-DỤNG TRONG VIỆC TỰ THIÊU

Gác sang một bên những lý-do luân-lý và tôn-giáo,
về phương-diện chánh-trị, ta thấy :

1. Việc tự thiêu có tác động khích động lòng căm
hờn của Phật-tử và kết hợp họ lại thành một khối đoàn kết.
Đồng thời nó còn làm xúc động lương tâm nhân loại để tạo
nên một áp-lực mạnh mẽ đối với chánh-quyền. Thật vậy, hành
vi được gọi là "vi pháp vong thân chống bạo quyền" tạo nên
một tác-dụng tâm-lý thất lợi đầu tiên cho Nhà Nước.

Cái chết được "thánh hoá" và không ai dám tiếp
cứu :- điểm bất lợi thứ hai của nhà Nước.

Một đám tang lớn quy tụ đông đảo những con người
mang sẵn lòng căm hờn : bất lợi thứ ba.

2. Như vậy vụ tự thiêu nào cũng nhằm bôi xấu đối
phương vì nó báo động cho công luận biết sự phản uất đến
cùng cực của một đoàn thể đối với một chế-độ hà-khắc. Chỉ
cần đọc lại những bức thư tuyệt mạng là ta rõ ngay ý nghĩa

(89) Thêm, Đoàn : Việc từng ngày năm 1966.

chánh-trị đó. Những người tự thiêu đã chọn địa-điểm thu hút được công chúng để đốt thân xác và đã gửi nhiều thư tuyệt mạng tới rất nhiều cơ-quan, đoàn thể để nói lên mục đích cao cả của hành-vi hy-sinh. Những lá thư ấy có giá-trị một cáo trạng đối với chế-độ, một hy-sinh vì đại nghĩa của một tín-đồ : điếm bất lợi thứ tư cho chánh-quyền.

Vì chánh-quyền muốn giảm thiểu hậu-quả do việc tự thiêu gây ra nên thường mau lẹ đánh lấy xác chết để chôn cất. Dĩ-nhiên Phật-Giáo phản-đối, và việc tranh giành nhục-thể xảy ra : quan chung Phật-tử được huy-động đi biểu tình đòi nhục-thể để Giáo-Hội lo việc chôn cất. Chánh-quyền không trả được vì đã chọn rồi. Thế là chánh-quyền mang tội "cướp xác", đàn-áp cả xác chết, và căm thù lại càng dâng cao : điếm bất lợi thứ năm.

3. Nhục-thể của người tự thiêu trở thành một giao-sản quý giá, một thứ keo sơn gắn bó các tín-đồ còn sống và là một ánh-sáng thiêng liêng soi rọi trí nhớ và tâm-tư những người đồng đạo về hình ảnh bi hùng trác tuyệt. Thật vậy, những việc phong thánh-tử đạo, tổ-chức tang lễ lớn, lễ truy-diệu, lễ chung thất, những ngày giỗ đều là những dịp tập họp quần chúng, một thứ quần chúng sẵn có ý thức đấu tranh và nhiệt thành vì Đạo Pháp lại càng được khích động mạnh bởi cái chết cao cả, bởi những điệu văn, những bài văn-tế, những bài thuyết-pháp chấn chửa đau thương và uất hận : điếm bất lợi thứ sáu cho chánh-quyền.

Các kỹ-thuật chánh-trị được phân-tích trên đây làm nổi bật ý-nghĩa chánh-trị của việc tự thiêu. Mặc dầu hành-vi tự đốt thân thể phải có động lực tôn-giáo thúc đẩy nếu thực là tự nguyện, người ta vẫn khó giải-thích nổi hành-vi ấy bằng tư-tưởng Phật-Giáo. Thật vậy nếu nói rằng tư-tưởng Phật-Giáo Nam Tông chưa đựng niềm mong của hành-vi này để giải-thoát thân xác, thì thực-tế cho thấy hầu hết các vụ tự thiêu đều xảy ra tại địa bàn hoạt-động của Bắc Tông trong khi Tông-phái sau này theo ý tưởng "Bồ Tát là Phật tự nguyện ở trần thế để cứu vớt chúng sinh và chỉ

"Hoá" khi cái chết tự nhiên đến (90)."

Như vậy động-lực chính có lẽ là tình-cảm tôn-giáo chứ không hẳn là tư-tưởng tôn-giáo, vì nó đã được khơi động và nuôi dưỡng lớn mạnh trong bầu không-khí sôi sục đấu tranh bởi những kỹ-thuật hành-động đi từ ôn-hoà đến mạnh bạo.

Nếu những kỹ-thuật mạnh cũng không đạt được mục tiêu của cuộc tranh đấu, Phật-Giáo đã không ngần ngại công khai nói đây chống lại quyền-lực quốc-gia.

TIẾT III

CÔNG-KHAI NÓI DẬY CHỐNG LẠI QUYỀN-LỰC QUỐC-GIA

Cho tới nay người ta thấy việc Phật-Giáo công khai nói dậy chống lại quyền-lực quốc-gia chỉ xảy ra trong thời-kỳ xáo trộn. Hình thức đấu tranh này không xuất hiện dưới chế-độ Đế-Quốc Cộng-Hoa cũng như từ khi chế-độ Đế-Quốc Cộng-Hoa được củng-cố tương đối vững vàng. Phật-Giáo thường tự cho rằng mình tranh đấu để bảo-vệ cả Dân-Tộc lẫn Đạo-Pháp, vì theo họ Đạo-Pháp và Dân-Tộc là một. Vì vậy họ nhất quyết chống đối bất cứ chánh quyền nào mà họ cho là phân lại quyền-lợi của Đạo-Pháp và Dân-Tộc. Phong-trào tranh đấu đã từng công khai hô hào đã đảo chánh phủ và dùng võ-lực chống lại quốc-gia.

ĐOẠN I - CÔNG KHAI HỒ HÀO ĐẢ ĐẢO CHÁNH-PHỦ

Những lời hô hào đã đảo chánh-phủ thường thấy trong các cuộc biểu-tình bạo động và trong các bài thuyết-

(90) Tám vụ tự thiêu trong 1963 đều là người Trung-Phần đảm nhiệm. Trừ Ngài Quang-Đức có một thời-gian tu tại Nam-Phần và Cao-Mên, nơi có ảnh-hưởng Nam Tông, 7 người còn lại đều sinh-trưởng và tu học tại Trung-Phần kể cả tương binh Nguyễn-Thần (người Huế); còn 5 vụ tự thiêu năm 1966 xảy ra tại Huế, Dalat và Saigon. Trong 5 vụ năm 1967 chỉ có 2 vụ xảy ra tại đất Nam Tông mà thôi.

pháp. Các lãnh-tụ Phật-Giáo trong những hoàn cảnh ấy đã công-khai chỉ-trích nặng nề chánh-phủ và xách động quần chúng chống đối nhà cầm-quyền, bất tuân luật-lệ quốc-gia : chẳng hạn như việc phản đối sắc-luật động-viên 43/67 trong buổi thuyết-pháp tại chùa Ân-Quang đêm 30-12-1967 (91). Hàng nề hơn nữa là việc đả-kích dữ-dội sắc-luật 23/67 phê-chuẩn tân Hiến-chương Phật-Giáo. Hoàn toàn phủ nhận văn-kiến pháp-lý này, phe Ân-Quang sinh-hoạt theo sắc-luật C5/66 đã bị nhà cầm-quyền bãi bỏ. Sự bất tuân luật-pháp quốc-gia này đã được Thượng-Tòa Viện-Trưởng Viện Hoá Đạo Ân-Quang xác nhận trong lệ Phật-đơn 2513 :

"Dù không có pháp-lý của chế-độ này, nhưng Giáo-Hội vẫn tồn tại và lớn mạnh, vì có sự nhìn nhận của Phật-tử nói riêng, của quốc dân nói chung. Giáo hội coi đó là danh dự, là pháp-lý của Giáo-Hội".

Ngoài ra, Phật-Giáo còn dùng cả võ-lực chống lại quyền-lực quốc-gia.

ĐOẠN II - XỬ-DỤNG VÕ-LỰC CHỐNG LẠI QUYỀN-LỰC QUỐC-GIA

Cuộc tranh đấu bằng võ-lực của Phật-Giáo tại miền Trung năm 1966 có mục-tiêu chánh-trị và xuyết đưa tới nội chiến. Thoạt tiên, hồi tháng 3 năm 1966, phong-trào tranh đấu được thành-lập dưới hình thức "Ủy-ban tranh đấu quần dân vùng I chiến-thuật" nhằm đòi phục chức cho tướng Nguyễn-Chánh-Thị.

Đến ngày 11-5-1966 mục-tiêu này mở rộng tới việc đòi hỏi Quốc-Hội Lập-Hiến và chánh-phủ dân-sự để thay thế cơ cấu lãnh-đạo đương thời và phục chức cho các tướng lãnh có công với cách-mạng 1-11-1963.

Sau đó Ủy-ban được cải-tổ thành "Lực-lượng nhân dân tranh-thủ cách-mạng" với sự tham-dự của quần, dân,

(91) Chánh-Đạo, 2.1.1968.

chánh Phật-tử vùng I chiến-thuật. Lực-lượng xung-kích của tổ-chức này là "Quân Đoàn Cách-Mạng Trần-Hùng-Đạo" do một số sĩ-quan cấp Tá điều-khien và có đầy đủ binh-sĩ, quân trang, quân dụng. Các Tuyên-uy Phật-Giáo giữ vai trò quan trọng trong lực-lượng. Các biện-pháp đã được phe tranh đấu áp-dụng là : "Xách động quần chúng, phá rối trật-tự, họp báo chống chánh-phủ, tổ-chức áp-sát và lập cơ-sở giam giữ những người chống đối, phá hủy lương thực, dụng-cụ và đạn dược, mưu toan phá cầu, chiếm đóng công sở, trưng dụng phương tiện, đoạt và chôn vũ-khí, bài quân-đội đồng-minh và chống chiến-tranh, bố-trí kế-hoạch chống quân-đội Việt-Nam Cộng-Hoà tới tái lập an-ninh trật-tự ... pháo-kích phi-trưởng Đà-Nẵng và nổ súng vào quân-đội chánh-phủ gây cho nhiều người bị chết và bị thương (92)".

Chùa Phổ-Đà và chùa Tỉnh Hội Đà-Nẵng được dùng làm bản doanh Bộ Tư-Lệnh Quân-đoàn Cách-mạng, nơi hội họp của các lực-lượng nổi loạn dân-sự và bán quân-sự.

Cuộc nổi loạn này đã bị dẹp tan bởi một bạo-lực mạnh hơn của chánh-phủ.

ĐOẠN III - GIẢI-THÍCH SỰ THÀNH BẠI CỦA CÁC CUỘC NỔI DẬY CHỐNG LẠI QUYỀN-LỰC QUỐC-GIA

Về những cuộc nổi dậy chống lại quyền-lực quốc-gia, ta thấy Phật-Giáo đã thành-công trong việc lật đổ chánh-phủ Trần-văn-Hương năm 1965 và việc đòi hủy bỏ Hiến-chương Vũng-Tàu 1964, nhưng Phật-Giáo đã thất-bại trong cuộc đấu tranh bạo lực năm 1966. Tại sao ?

A - LÝ-DO THÀNH-CÔNG

- Trước năm 1966, uy-tín chánh-trị của Phật-Giáo còn vững mạnh đối với cả nhân dân lẫn chánh-quyền.

(92) Nhật-báo Chính-Luận, ngày 21.12.1967.

- Mục-tiêu tranh đấu của Phật-Giáo thời ấy hội nhập được với mục-tiêu của các lực-lượng khác và, do đó, Phật-Giáo có hậu-thuan đáng kể. Thật vậy, mục-tiêu tranh đấu huy bỏ Hiến-chương Vũng Tàu cũng là mục-tiêu chung của mọi đoàn thể nhân dân yêu chuộng tự-do dân-chủ. Còn việc đã đảo chánh-phủ Trần-văn-Hương năm 1965 lại là cơ hội tốt để quân-đội trở lại nắm trọn vẹn chánh-quyền. Ngoài ra, thái-độ cương trực của vị Thủ-Tướng đương thời quyết không cho tôn-giáo hoạt-động chánh-trị có thể bị coi là mối đe dọa lớn lao đối với các lãnh-tụ tranh đấu và giúp các phe chống đối họ có cơ hội tạo ảnh-hưởng quan-trọng. Thái-độ cương trực ấy đã được họ giải-thích cho Phật-tử là một mối nguy cho tiến độ Đạo-Pháp. Vì vậy các Phật-tử đã nhiệt thành dấn thân vào các cuộc biểu-tình bạo-động làm áp-lực đối với cả chánh-phủ lẫn người Hoa-Kỳ.

- Nội bộ Phật-Giáo hồi đó tuy có mối chia rẽ, nhưng vẫn giữ được sự đoàn kết tương đối trước mọi đe dọa từ bên ngoài.

B - LÝ-DO THẤT-BẠI TRONG CUỘC TRANH-ĐẤU 1966

- Khuyết điểm căn-bản là việc dùng bạo lực vì bạo-lực của Phật-Giáo đã được "đáp lễ" bằng bạo lực mạnh gấp ngàn lần của Nhà Nước. Hành-động bạo-lực quá độ và việc bắt giữ tướng Phạm-Xuân-Chiều làm con tin ở Huế đã khiến các tướng lãnh đang lực đục phải đoàn kết lại và đồng lòng dùng biện-pháp mạnh để ổn định tình thế.

- Phong-trào quá-khích đã bị nhiều đoàn thể chống đối và làm quân chúng Phật-tử miền Nam chán ngán vì cảnh phá phách và đi quá xa mục-tiêu đầu tiên.

- Sự phân hoá và bất đồng ý-kiến về chiến-thuật trong hàng ngũ lãnh-đạo đấu tranh đã làm suy yếu lực-lượng Phật-Giáo.

- Sau hết là sự xâm nhập của Cộng-Sản và sự bất hợp-tác của người Mỹ khiến phong-trào càng mau tan rã. Báo-chí hồi đó có đăng tin bắt được tài-liệu của Mặt Trận Giải-phóng miền Nam chỉ-thị cho cán-bộ xâm nhập vào

phong-trào Phật-Giáo để xách động quần-chúng theo mục đích riêng của họ.

Hơn nữa, một mặt phong-trào biểu lộ tính-cách bài ngoại rõ rệt ; mặt khác tuy Hoa-kỳ ủng hộ mục tiêu "Quốc-Hội lập-hiến" của Phật-Giáo, nhưng lại không đồng ý lật đổ chánh-phủ quân-nhân trong lúc tình-hình chánh-trị và quân-sự đều đen tối.

Ngoài ra, chương-trình cách-mạng của Thượng Tọa Trí-Quang càng làm cho họ thêm nghi ngờ. Vào cuối tháng 4 năm 1966, các ký-giả ngoại quốc đã tường thuật chương-trình cách mạng của nhà Sư này để Phật-Giáo tranh cử trong cuộc tuyển cử sắp tới. Chương-trình gồm có việc tổ-chức lại quân-đội theo hình-thức quân-đội nhân-dân, lập những Ủy-ban nhân-dân cách-mạng, tiêu diệt những bất công xã-hội (93). Thực ra, riêng những điểm này khá hấp dẫn và Hoa-kỳ khó có lý-do từ chối. Nhưng chương-trình còn dự-liệu việc đình chiến để lập chánh-phủ trung-lập tại vùng trái độn ở Trung Phần, bang-giao với các nước Á-Phi và Cộng-San. Tuy rằng Thượng Tọa Trí-Quang có nói đến sự cần thiết của viện-trợ Mỹ, nhưng thái-độ mập mờ của Ngài và sự không kiểm-soát nổi hàng ngũ đấu tranh để đối-phương dễ xâm nhập đã khiến Hoa-kỳ không ủng-hộ cuộc đấu tranh.

Nếu đem kinh-nghiệm lịch-sử tương tranh vì tôn-giáo trên thế-giới để giải-thích hiện tượng bạo động trong các cuộc đấu tranh sau năm 1963, ta thấy rằng một phần nguyên-do bạo động là việc sử dụng tình cảm tôn-giáo vào mục tiêu chánh-trị. Tuy nhiên, các nhà lãnh-đạo đấu tranh lại phủ nhận sự hiện hữu của bạo động trong mọi cuộc tranh đấu và, theo họ, mọi hành-vi tranh đấu, kể cả cuộc tranh đấu năm 1966, đều nằm trong chủ trương bất bạo động của Phật-Giáo. Vì thấy rõ ràng có sự

(93) Tại, Tạ-văn : Chánh-trị học tại các quốc-gia đang phát-triển, Giảng-văn cử-nhân luật-khoa Huế, 1966-1967.

mâu-thuân giữa hành-động và lý-thuyết, nên ta cần nêu một vài nhận xét về chủ-trương tranh đấu bất bạo động của Phật-Giáo Việt-Nam.

TIẾT IV

NHẬN-XÉT VỀ CHỦ-TRƯỞNG TRANH-ĐẤU BẤT BẠO-ĐỘNG CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Nguyên-tắc bất bạo động có tầm quan trọng đặc biệt đối với Phật-Giáo Việt-Nam vì nó đã được chính thức nhìn nhận là một phương pháp tranh đấu của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống Nhất Ấn-Quang.

Thật vậy, trong Thông-diệp đầu năm Kỷ Dậu khi lên án những hành vi trợ giúp giả trá và những cuộc giải phóng nguy tạo bạo động của cả Hoa-kỳ lẫn Cộng-Sản, Đức Tăng Thống Thích Tịnh-Khiết đã long trọng tuyên-bố :

"Trước sau, chúng tôi vẫn chủ-trương một cuộc vận động bất bạo động, nhằm mưu cầu hạnh phúc cho con người, tự cường cho dân-tộc và tiến bộ cho thế-giới. Phương-pháp vận-động bất bạo-động mới đích thực là một phương-pháp giải phóng hữu hiện : giải-phóng tự thân và giải-phóng các thế-lực vô minh ra khỏi những tham-vọng gây khổ cho chính họ và con người."

Như vậy, mục tiêu của vận-động bất bạo-động thật rộng lớn, vượt ra ngoài biên thù quốc-gia để kết-hợp cả nhân-loại bằng một cuộc giải-phóng vĩ đại. Vị lãnh-đạo tối cao của Ấn-Quang đã biểu-lộ niềm tin bất diệt vào phương-pháp này như sau :

"Trong quá khứ, chúng ta đã hơn một lần chứng tỏ sự hữu hiệu của phương-pháp bất bạo-động trong cuộc vận-động chống bạo quyền. Hiện tại và tương lai, chúng ta quyết không rời đổi phương-pháp đó trong công cuộc vận-động hòa-bình cho đất nước. Dù phải hy-sinh thì chính chúng ta nhận sự hy-sinh đó để thúc tỉnh đối-

phương chứ không nhằm tiêu diệt đối-phương (94)."

Theo lời tuyên-bố trên đây, nguyên-tắc bất bạo-động đã được nhìn nhận là kim chỉ-nam hướng-dẫn mọi hành-động của Phật-Giáo Ấn-Quang. Vì tầm quan trọng ấy, ta phải tìm hiểu nguyên-tắc bất bạo-động là gì? Hành-động của Phật-Giáo Việt-Nam có phản ảnh trung-thành nguyên-tắc này không? và thuyết bất bạo-động đối với thế-giới chánh-trị hiện đại ra sao?

ĐOẠN I - TRÌNH-BÀY THUYẾT BẤT BẠO-ĐỘNG

Trước hết cần nhận-định rằng thuyết bất bạo-động không phải là một sáng-tạo của Đức Phật Thích-Ca hay của Thánh Gandhi (95). Nó đã có từ ngàn xưa tại Ấn-Độ. Trước khi Đức Phật ra đời, xứ sở của Ngài đã có những tập tục và tư-tưởng hiếu sinh. Luật Manu coi giết người là tội nặng nhất. Giết theo tiếng sanskrit là han, hani, do đó himsâ là việc giết. Vậy ahimsâ nghĩa là vô sát. Tuy lòng tôn-kính sự sống đã phổ cập bên Ấn ngay từ trước Đức Thích-Ca, nhưng nó đã được khai-triển mạnh mẽ hơn cả trong Đạo Phật và Đạo Jaina và ảnh-hưởng ngược trở lại Ấn-Giáo (96).

A - NỘI-DUNG THUYẾT BẤT BẠO-ĐỘNG

Thừa hưởng truyền-thống hiếu sinh, Đức Phật rất kỹ sát sinh và chủ-trương một tình yêu phổ quát, một lòng thương xót vô bờ đối với mọi sinh-vật. Danh-từ "bất bạo-động" được dịch từ Phạn-ngữ Ahimsâ. Thực ra, danh-từ Hán-văn này chưa diễn-tả được đầy đủ nội-dung của nguyên ngữ vì Ahimsâ không phải chỉ là bất bạo-động, mà còn có nghĩa là không làm hại đến bất cứ

(94) Chánh-Đạo, số Tất-Niên Xuân Kỷ Dậu (1969).

(95) Radhakrishnan, S. : Eastern religions and Western thought, tr.35 và kế tiếp, 2nd edition, Oxford University Press, 1940.

(96) Quý, Hoàng-sĩ : Tìm hiểu đúng ý-nghĩa Bất Bạo-Động theo Gandhi, tạp-chí Bách-Khoa số 34 (1.9.1969), trang 32 và kế tiếp.

một sinh-vật nào - kể cả kẻ thù - từ trong ý thức cho đến ngoài lời nói và hành-động. Ahimsa không phải có tính cách tiêu cực, trái lại trong bình thức tích cực, nó buộc con người phải nắm phần chủ-động trong việc thể hiện thiện cảm của mình đối với chúng sinh. Ahimsa phải là thể hiện trọn vẹn của tình yêu tuyệt đối. Cùng với yêu thương chúng sinh - kể cả kẻ thù - còn phải tôn kính ý-kiến kẻ khác trong mọi địa-bạt, dù ý-kiến ấy nghịch lại ý-kiến mình. Tiêu-chuẩn chính xác của nguyên-lý bất bạo-động là gạt bỏ mọi ý-thức tị hiềm, đố kỵ, thù-tiêu tuyệt đối và hoàn-toàn mọi ác căn. Trong phạm-vi hoạt-động, tuy nhất-định không dùng bạo-lực, nhưng bất bạo-động không có nghĩa là lẩn trốn mọi cuộc đấu-tranh. Trái lại, người bất bạo-động phải biết chọn đúng lúc để dẫn mình vào cuộc đấu tranh với tất cả quyết tâm và lòng tự nguyện tự giác : hỉ xả phải có nghĩa là thân nhiên đưa chính thân mình ra đón mọi sự tấn công, ngược đãi. Vì bất bạo-động chủ-trương lấy tình thương vô biên xóa bỏ hận thù, nên không đánh trước cũng không đánh lại kẻ đã đánh mình. Tham-vọng của thuyết bất bạo-động là đem chính thân mình làm gương mẫu mà giác ngộ kẻ đã tự coi là thù-địch với mình để cho y tự ý tứ-bỏ mọi tư-tướng và hành-vi bạo-động. Như vậy, thuyết này đòi hỏi một tinh-thần vững mạnh và lòng can-đảm vô biên vì một người đã thấm nhuần lẽ cao-siêu huyền diệu của sự bất bạo-động tất nhiên thừa biết rằng mình rất có thể đánh lại kẻ địch, nhưng sợ dĩ không đánh lại không phải là sợ bạo-lực, mà chính là vì tinh-thần "tự giác giác tha" của Đức Phật. Như vậy, từ khởi nguyên, bất bạo-động là một nguyên-tắc tôn-giáo.

B - THUYẾT BẤT BẠO-ĐỘNG VỚI THÁNH GANDHI

Sở dĩ Mahatma Gandhi được tôn vinh là bậc Thánh, một Anh Hùng có công-lao nhất với nền Độc-lập Ấn-độ và một Vĩ-Nhân của nhân-loại vì Ông đã phong-phú-hóa thuyết Bất Bạo-Động và áp-dụng nó một cách vô cùng hữu hiệu trong cuộc tranh đấu chánh-trị trong suốt 27 năm giành độc-lập (1920-1947) cho xứ sở : Ông chủ-trương từ khước võ-lực, phổ-biến một tỉ h yêu bao-quát và mãnh

liệt, tin-tưởng ở sức mạnh tinh-thần (97). Người ta thường nhắc lại 9 tiêu-chuẩn bất bạo-động mà Ông đã giáo-dục dân Ấn trong cuộc tranh-đấu đòi tự-do sản-xuất muối :

1. Người Satyagrahi (người tranh-đấu cho sự thực) không được tức giận.
2. Phải chịu đựng sự tức giận của đối phương.
3. Chịu tấn công mà không chống cự lại. Nhưng không bao giờ vì sợ hình-phạt hay vì những lý-do tương-tự mà tuân theo bất cứ một lệnh nào ban ra bởi một người đang nóng giận.
4. Nếu một nhân-viên chánh-quyền muốn bắt giữ, thì phải vui lòng để cho bắt giữ, và cũng không được ngăn cản sự tước đoạt của cải của mình nếu nhà chức-trách muốn tịch-thâu.
5. Khi được giao-phó trách-nhiệm gìn giữ một thứ gì, phải từ chối giao nạp, dù rằng có phải chết để bảo-vệ. Không bao giờ dùng bạo-động đối phó với bạo-động.
6. Không trả thù. Vì vậy không chửi bới và nguyền rủa.
7. Không được làm những gì trái với tinh-thần bất bạo-động.
8. Không chào và cũng không chửi nhân-viên Nhà Nước, dù nhân-viên đó là Ấn hay Anh.
9. Trong lúc tranh đấu, nếu có ai chửi rủa hay hành hung nhân-viên Nhà Nước, người Satyagrahi phải can-thiệp để ngăn chặn sự chửi rủa hay sự hành-hung dù

(97) Quý, Hoàng-sĩ : Tìm hiểu đúng ý-nghĩa bất bạo-động theo Gandhi, Bách-Khoa số 303 (15.8.1969) trang 5 và kế tiếp.

có bị nguy-hiểm đến tính-mạng cũng phải làm (98).

Gandhi đã đem một nguyên-tắc đạo-đức của tôn-giáo làm phương-pháp đấu tranh chánh-trị và, với tinh-thần khoan dung truyền thống, Ông không gán cho nó một giá-trị tuyệt đối : nó chỉ là một phương-pháp đi đến sự thật. Vì vậy Ông đã đặt tên cho phong-trào của mình là "bám vào sự thật" (Satyagraha), Ông cũng "không bao giờ trình-bày một khoa-học đầy đủ về bất bạo-động", chính Ông cũng "chỉ là một kẻ đi tìm kiếm (99)"...

Ngay chính thuyết bất bạo-động của Ông cũng chỉ là một tổng hợp phong phú những tư-tưởng Thiên-Chúa Giáo, Ấn-Độ Giáo và Phật-Giáo. Thoạt tiên, Ông đã nhờ Thiên-Chúa Giáo mà khám phá thấy "bất bạo-động" và càng về sau Ông càng thấy nó chính là gia-sản tinh-thần quý giá của dân-tộc Ông (100). Như vậy, Phật-Giáo không phải là một nguồn gốc duy-nhất của tư-tưởng Gandhi.

Lý-tưởng bất bạo-động của Ông đã thu-hút được mọi tầng lớp dân-chúng Ấn dẫn thân vào cuộc cách mạng và mạnh đến nỗi đế-quốc Anh phải chùn tay không dám đàn áp, rồi phải rút lui trước sự đồng tâm nhất trí của 400.000.000 dân Ấn cùng mong giải-phóng. Không ai có thể chối cãi rằng nền độc-lập của Ấn nhờ công tranh-đấu của Gandhi và ngày nay các chánh-khách Ấn thường tự xưng là đồ-đệ của Ông. Ảnh hưởng tinh-thần của Ông mạnh mẽ đến nỗi khắp thế-giới phải khâm phục và ngưỡng mộ Ông, và cả đến Âu Mỹ ngày nay cũng áp-dụng phương-pháp bất bạo-động trong nhiều cuộc tranh đấu chánh-trị và cải-cách xã-hội.

(98) Trần-văn-Kha : Đi tìm một tư-tưởng lãnh-đạo tranh-đấu bất bạo-động, tạp-chí Quân-Chúng số 18 (5.10.1969) trang 5 và kế tiếp.

(99) Quý, Hoàng-sĩ : Bài đã dẫn, Bách-Khoa số 304 (1.9.1969) trang 34-35.

(100) Quý, Hoàng sĩ : Bài đã dẫn, Bách-Khoa số 304, trang 29 và kế tiếp.

C - TRANH-ĐẤU BẤT BẠO-ĐỘNG TẠI ÂU MỸ

Phương-pháp tranh đấu bất bạo-động đã được các đoàn-thể áp-lực Âu Mỹ áp-dụng dưới hình-thức "bất tuân dân-sự" : một trong những khía cạnh của hình-thức này là từ chối không đếm xỉa gì đến lệnh của nhà cầm-quyền bằng cách tự giới-hạn vào việc đề kháng thụ-động. Đó là phương-pháp bất bạo-động đã được áp-dụng nhiều lần tại Pháp và đặc biệt là trong vụ tranh chấp Algérie. Các đoàn-viên của tổ-chức Công-Dân Tiến-Hành Bất Bạo-Động đã quy tụ tại Champs-Elysées ở Vincennes trước Bộ Nội-Vụ để phản kháng những trại chỉ-định cư-trú. Những người biểu tình ngồi và có khi còn nằm lăn ra đất, tay vẫn dơ biểu ngữ trên đầu và lết tới xe cảnh-sát (101).

Ngay tại Hoa-kỳ, Mục-sư Luther King, Jr. đã trung-thành hoàn-toàn với phương-pháp tranh-đấu bất bạo-động cho nhân-quyền của người da đen (102).

Đành rằng nguyên-ly bất bạo-động có chứa đựng nơi tư-tưởng Thiên-Chúa Giáo với "Bài giảng trên núi" trong Tân Ước Thư :

"Nhưng ta bảo con : đừng chống lại khi người ta làm hại con. Nếu người ta tát má bên phải, con hãy đưa nốt má bên trái cho họ tát. Nếu người ta muốn đoạt chiếc áo ngực của con, hãy ngừng nốt chiếc áo dài cho họ khoác (103)."

Nhưng có lẽ kể từ khi Gandhi đã thành công nhờ nó, nhiều đoàn-thể, nhiều quốc-gia khắp năm Châu mới dùng nó làm khí-giới hiệu-nghiệm của kẻ yếu đấu-

(101) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn I, trang 207-208.

(102) Bennett, Jr., Lersna : What manner of man : A memorial biography of Martin Luther King, Jr., Pocket Books, New-York. 1968.

(103) Mathieu V. trang 39-40.

tranh với cường-quyền, bạo-lực, và bất công (104). Đó chính là một phương-pháp đấu tranh vô cùng cao cả và đòi hỏi một nghị-lực phi-thường mà Phật-Giáo Việt-Nam tuyên bố quyết tâm theo đuổi mãi mãi. Vậy Phật-Giáo Việt-Nam đã thực-hành phương-pháp bất bạo-động ra sao ?

ĐOẠN II - VIỆC THỰC-HÀNH PHƯƠNG-PHÁP TRANH-ĐẤU BẤT BẠO-ĐỘNG CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

So sánh lý-thuyết bất bạo-động vừa trình-bày trên đây với hành-động của Phật-Giáo tranh đấu, ta thấy có sai biệt nào giữa lý-thuyết và hành-động không ?

Nếu làm những cuộc so sánh như vậy trong từng vụ tranh đấu của Phật-Giáo, ta chỉ thấy một lần duy-nhất vào năm 1963 hành-động mới phù-hợp với lý-thuyết một cách tương đối. Thật vậy, sức mạnh của Phật-Giáo hồi đó là một sức mạnh tinh-thần : dám đem ý-chí và thân xác chống bạo lực và tuyệt đối tránh tất cả mọi hành-vi bạo-động (105).

Tuy nhiên, người ta có thể quả quyết rằng tất cả những cuộc tranh đấu từ năm 1964 trở đi, không ít thì nhiều, đều chứa đựng tính-cách bạo-động. Những hành-vi ném đá vào nhân-viên công-lực, đốt xe công-quyền, đâm chém nhau ngoài phố, đập phá, đốt nhà, đốt Thư-viện ngoại quốc, đương đầu bằng khí-giới với quân-lực chánh-phủ, mat sát kẻ thù dù kẻ thù có tội lỗi, chắc chắn không phải là tranh-đấu bất bạo-động (106). Người ta đã chứng minh hai biến cố đau lòng nhất suýt gây cảnh buynh đệ tương tàn trầm trọng là thảm kịch Lương-Giáo năm 1964 tại Thanh-Bồ, Đức-Lợi và ngay giữa Thủ-Đô Sài Gòn, và vụ

(104) Templin, Ralph T. : Democracy and nonviolence : The role of the individual in world crisis, trang 274-293, Porter Sargent publisher, Boston, Mass, 1965.

(105) Nhất-Hạnh, Thích : Cuộc tranh-đấu bất bạo-động, Đối-Diện số 2, trang 28-29.

(106) Hiểu bất bạo-động theo chữ Ahimsa.

biến động miền Trung năm 1966 với súng nổ, đạn bay, người chết, nhà tan, của mất. Người trong cuộc có thể nói đó là sự biểu-lộ niềm phẫn uất của quần-chúng mà những nhà lãnh-đạo phong-trào không thể kiểm-soát nổi. Nếu chấp-nhận kiểu biện-luận này, người ta đã gián-tiếp nhìn-nhận sự thất bại trong việc áp-dụng phương-pháp bất bạo-động vì quần-chúng thường hay có phản ứng bạo-động đã không được giáo-dục những tiêu-chuẩn tranh đấu mà thánh Gandhi trước đây đã truyền-bá cho dân Ấn. Hơn nữa, nếu biết bạo-động chắc sẽ xảy ra mà vẫn cứ tiến-hành cuộc tranh đấu, tức là người lãnh-đạo không còn trung-thành với nguyên-tắc bất bạo-động nữa. Thật vậy, kinh-nghiệm lịch-sử nhân-loại cho thấy rõ rằng là hệ khi tình-cảm tôn-giáo được sử-dụng vào mục-đích chính-trị thì người ta không thể nào tránh khỏi bạo-động (107), và trong những cuộc tranh đấu từ 1964 trở đi bài học lịch-sử đã tái diễn !

Như vậy, trong thực-tế bất bạo-động vẫn còn là một lý-tưởng mà Phật-Giáo Việt-Nam cần phải cố gắng, lâu dài mới dần dần thể-hiện được, vì "tư-tưởng diễn-tá hơi quá-khích hoặc hơi tự hào đã là không phá chấp, đã là bạo-động rồi. (...) Con người có khuynh-hướng sử-dụng bạo-động, tìm con đường dễ dàng (108)".

Trước những thực tại chánh-trị nghiệt ngã đã làm nguyên-tắc bất bạo-động do Phật-Giáo Việt-Nam chủ-trì bị vi-phạm nghiêm trọng, người ta tự hỏi giá-trị thực-tế của nguyên-tắc này ra sao trong thế-giới chánh-trị hiện đại ? Câu trả lời có tầm quan trọng đặc biệt đối với phong-trào tranh đấu của Phật-Giáo vì nếu trong hiện tại, phương-pháp vận-động bất bạo-động không hiệu-nghiệm trên cả bình-diện quốc-gia lẫn bình-diện quốc-tế thì nó có thực là "một phương-pháp hữu hiệu" nhằm "mưu cầu hạnh-phúc cho con người, tự cường cho dân-tộc và

(107) Xem trang 485 Luận án này.

(108) Nhất-Hạnh, Thích : Cuộc tranh-đấu bất bạo-động, Đối Diện, số 2, trang 31.

tiến bộ cho thế-giới" như Phật-Giáo Ấn-Quang tin-tưởng mãnh-liệt hay không ? Và nếu thực tại chánh-trị ngày nay chưa cho phép thể hiện được niềm tin này, thì trong một tương lai xa vời bao nhiêu lâu nữa phương-pháp ấy sẽ trở nên hữu hiệu ? Quần-chúng có đủ kiên-nhẫn đợi chờ không ?

ĐOẠN III - THUYẾT BẤT BẠO ĐỘNG TRONG THẾ-GIỚI CHÁNH-TRỊ HIỆN ĐẠI

A - THỰC TẠI CHÁNH-TRỊ

Nếu từ xưa tới nay, nguyên-tắc bất bạo động đều được toàn-thể nhân-loại văn-minh ca-tụng là một lý-tưởng cao cả cần phải thể-hiện, thì thực tại chánh-trị ngày nay chứng tỏ rằng nó cực kỳ khó thực-hiện và đang bị làn sóng bạo động tràn ngập.

- Trước hết ngay tại quê-hương của nó là Ấn-Độ, ngày nay lý-tưởng Gandhi đã hầu như bị hoàn-toàn lãng quên, quên ngay bởi những chính khách văn tự cho là đồ-dệ trung-tín của Ông. Trong các cuộc tuyên-cử, nếu tên Ông còn được nhắc nhớ, chỉ vì nó còn gây thiện cảm với cử-tri ; ngoài ra không ai đem lý-tưởng của Ông ra áp-dụng. Nếu Gandhi đã tranh-đấu bất bạo-động giành độc-lập cho xứ sở, thì, theo báo-chí trong mười năm đầu của thời-kỳ độc-lập, Ấn-Độ đã dùng quân lính và cảnh-sát để bắn người biểu tình nhiều hơn là trong mười năm sau cùng của thời Anh thuộc. Nếu trước kia Gandhi đã đề-cao tinh-thần hiếu hòa thì ngày nay không-quân Ấn đã có chiến-đấu cơ phan lực như tại Âu-Châu, lục-quân Ấn đã từng đổ xô vào lãnh-thổ Goa để thử bấp thịt và cuộc tranh chấp bằng bạo-lực hiện nay giữa Ấn-Độ và Hồi-Quốc thật vô cùng nghiêm-trọng.

Nếu lý-tưởng Gandhi là tự giới, tự kiềm, khinh rẻ đời sống vật-chất, thì dưới sự lãnh-đạo của Ông Nehru cùng đảng Quốc-Đại, Ấn-độ đã tìm một đường lối canh-tân và kỹ-nghệ-hóa xứ sở ngõ hầu đạt được địa-vị hùng-cường.

- Còn ở Việt-Nam nguyên-tắc bất bạo-động do Phật-

Giáo áp-dụng hữu hiệu vào năm 1963 lại không được chính họ tôn-trọng về sau. Hơn nữa, nếu Phật-Giáo, với phương-pháp ấy, đã có công làm lung lay tận gốc rễ chế-độ Đệ-Nhứt Cộng-Hòa, thì chính bạo-lực chánh-trị và kinh-tế của Hoa-kỳ cùng với bạo-lực quân-sự của giới quân-nhân đảo chánh mới thực sự lật-đổ chế-độ ấy. Ngoài ra, cũng chính thời-kỳ sau năm 1963 bạo-lực đã hoành-hành mạnh-mẽ nhất tại Việt-Nam Cộng-Hòa giữa Quốc-Gia với Cộng-Sản và nhất là giữa những đoàn-thể quốc-gia với nhau.

- Thật chẳng phải ngoa ngụy khi gọi thế-kỷ này là thế-kỷ của bạo-động. Tất cả mọi cuộc cách-mạng giải-phóng dân-tộc, không ít thì nhiều, đã phải dùng tới sắt máu. Nhiều nơi đã phải dùng bạo-lực để cải-cách xã-hội, phát-triển kinh-tế. Đặc biệt là tất cả những vị trùm Cộng-Sản đang thống-trị một phần nhân-loại lại rất trung thành với thuyết "Cách-mạng bạo-động".

Như vậy trong thế-giới chánh-trị hiện đại, những người cầm vận mạng quốc-gia hay nhân-loại hầu như đã lãng quên phương-pháp bất bạo động vì họ không cho rằng nó đủ hiệu-nghiệm để chiến thắng. Do đó niềm tin của Phật-Giáo tranh-đấu vào phương-pháp này quả thật không phù-hợp với thực tại nghiệt ngã hiện nay. Nhưng còn tương-lai ?

B - VIỄN ÁNH TƯƠNG-LAI

Nếu hiện tại khó khăn như vậy, thử hỏi trong tương-lai Phật-Giáo tranh-đấu có đủ phương-tiện và kiên nhẫn theo đuổi cuộc vận-động bất bạo động không ? Căn-cứ vào kinh-nghiệm lịch-sử của nhân-loại, ta có thể quả quyết trả lời rằng "bất bạo-động" chỉ là một nguyên-tắc lý-tượng không những của Phật-Giáo Việt-Nam, nhưng còn của cả toàn-thế loài người mà sự thực-hiện hữu hiệu và toàn-diện đòi hỏi một thời-gian dài vô tận qua bao nhiêu thế-hệ. Bằng chứng là mặc dầu đã được cả Đức Phật lẫn Đức Chúa Jêsus rao giảng về bất bạo-động từ trên hay dưới hai ngàn năm nay, nhân-loại hiện vẫn còn bạo-động - cả bạo-động quân-sự lẫn bạo-động chánh-trị - là phương-tiện hữu hiệu để giải-quyết tranh-chấp và bảo-vệ quyền-

lợi riêng tư. Nhưng đối với Phật-Giáo Việt-Nam, việc lựa chọn phương-pháp bất bạo-dộng phải được nhìn-nhận là thái-dộ khôn ngoan vì nó phù-hợp với bản chất của một tôn-giáo rộng lượng khoan dung, có đông đảo tín-dồ, nhưng lại nghèo nàn về vật-chất và yếu kém về tổ-chức.

KẾT-LUẬN THIÊN I

Sau khi đã phân-tách tất cả các kỹ-thuật hành-dộng của Phật-Giáo và so chiếu chúng với chủ-trương bất bạo-dộng, ta có thể nhận-định rằng chánh việc sử-dụng bạo-lực đã là một trong những nguyên-nhân thất bại. Đấu tranh bạo-dộng liên-miên trong một thời-gian quá dài đã gây xáo trộn cho đời sống nhân-dân và, do đó, những nạn nhân vô tội cùng những khách bàng quan lạnh lùng sẽ trở nên có ác cảm với phong trào ; những Phật-tử bị căng-thẳng tinh-thần trở nên mệt mỏi và dễ sinh ra chán nản.

Hơn nữa, việc lập đi lập lại nhiều lần một kỹ thuật hành-dộng bất kể tới sự thích hợp của nó với mỗi hoàn-cảnh chánh-trị riêng biệt đã khiến kỹ-thuật trở nên vô hiệu : việc tự thiêu thành công trong năm 1963 nhưng thất bại trong các năm sau.

Một khuyết điểm sau chót là lời nói cũng như hành-dộng của các nhà lãnh-đạo đấu tranh nhiều khi không thích-hợp với sự thay đổi những tương-quan lực-lượng : sự hăm dọa hay áp lực đối với chánh-quyền trong lúc đoàn thể bị suy yếu sẽ là đầu đề đàm tiếu của công-luận và khiến chánh-quyền càng dễ đàn áp.

Nói như vậy tức là nhìn nhận rằng các lực-lượng chánh-trị thường hành-dộng hỗ tương. Do đó hoạt động chánh-trị của Phật-Giáo đã phát-sinh ra những tương-quan với các lực-lượng khác.

(109) Quan-Điểm : Tìm một đường sống. Tạp-chí Quê-Hương số 36 tháng 6/1962. Trang XVIII-XX.